

Số/No: 485/CV-TCTHK-VP

Hà Nội, ngày/ day 20 tháng/ month 4 năm/year 2026

**TỔNG
CÔNG TY
HÀNG
KHÔNG
VIỆT NAM
- CTCP**

Digitally signed by TỔNG
CÔNG TY HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM - CTCP
DN:
C=VN, O=Hàng không Việt Nam,
CN=TỔNG CÔNG TY
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
- CTCP, L=Long Biên,
S=Hà Nội, C=VN
Reason: I have reviewed
this document
Location: your signing
location here
Date: 2026-04-20 18:14:42
Foxit Reader Version:
10.0.0

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ/
Regular Information Disclosure**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

To: State Securities Commission/ Ho Chi Minh Stock Exchange;

1. Tên công ty/ *Name of organization*: Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP/
Vietnam Airlines JSC

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: HVN

- Địa chỉ/ *Address*: Số 200 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội, Việt Nam/
200 Nguyen Son street, Bo De ward, Hanoi city, Vietnam

- Điện thoại/ *Tel*: 024 38 732 732 - Fax: 024 38 720 429

- Người UQ CBTT/ *Person authorized to disclose information*: Kim Thị Thu Huyền-
Người phụ trách quản trị- Thư ký Tổng công ty/ *Chief Administrator - Secretary of the company.*

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo thường niên năm 2025 của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP/
Annual reports 2025 of Vietnam Airlines JSC.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty từ ngày
20/04/2026 tại đường dẫn/ *This information was published on the company's website on*
20/04/2026, as in the link: <https://www.vietnamairlines.com/vn/vi/vietnam-airlines/investor-relations/> <https://www.vietnamairlines.com/vn/en/vietnam-airlines/investor-relations.>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the*
information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.

Nơi nhận/To:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- TGDĐ (để b/c);
- VP, TT, TCKT, KTNB;
- Lưu: VT, VP, QUANGPHM.

**TUQ.NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ-
THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY
Organization representative
Chief Administrator - Secretary of the company**



Kim Thị Thu Huyền



Báo cáo thường niên **2025**



**ĐOÀN KẾT - TỰ CƯỜNG
VƯƠN MÌNH - BỨT PHÁ**



TOP 20

HÃNG HÀNG KHÔNG
AN TOÀN NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2026

AN TOÀN LÀ SỐ 1



CHƯƠNG

01	THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC	06
----	---	----

CHƯƠNG

02	ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	
	1. Các mục tiêu chủ yếu	14
	2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	15
	3. Mục tiêu phát triển bền vững	16
	4. Các rủi ro	18

CHƯƠNG

03	GIỚI THIỆU CHUNG VỀ VIETNAM AIRLINES	
	1. Thông tin chung	22
	2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	24
	3. Quá trình hình thành và phát triển	26
	4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	28
	5. Cơ cấu cổ đông	38
	6. Các sự kiện tiêu biểu trong năm	40
	7. Các danh hiệu, phần thưởng đạt được trong năm	48

CHƯƠNG

04	TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH	
	1. Các chỉ tiêu khai thác cơ bản	52
	2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	56

CHƯƠNG

05	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
	1. Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines	60
	2. Về hoạt động của Ban Giám đốc	64
	3. Về kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	65



CHƯƠNG

06	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025	
	1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm	68
	2. Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực	68
	3. Tình hình đầu tư	130
	4. Tình hình tài chính	138
	5. Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	146
	6. Kế hoạch phát triển trong tương lai	146

CHƯƠNG

07	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
	1. Các mục tiêu phát triển bền vững	150
	2. Các chương trình thúc đẩy bình đẳng giới	156

CHƯƠNG

08	QUẢN TRỊ CÔNG TY	
	1. Cấu trúc quản trị công ty	160
	2. Thông tin và hoạt động của HĐQT	161
	3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT	165
	4. Báo cáo của Ban kiểm soát	166
	5. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích	168
	6. Hoạt động của NPTQT - Thư ký TCT	169
	7. Quan hệ nhà đầu tư	169

CHƯƠNG

09	QUẢN TRỊ RỦI RO	172
----	-----------------	-----

CHƯƠNG

10	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN	178
----	--------------------------------------	-----



Danh mục các từ viết tắt

ASK	Available Seat Kilometers (Ghế luân chuyển)
AFTK	Available Freight Tonne Kilometers (Tải cung ứng luân chuyển)
BH	Block Hour (Giờ bay)
TV HĐQT/TV BKS	Thành viên Hội đồng quản trị/ Thành viên Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐTV	Hội đồng thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
PA	CTCP Hàng không Pacific Airlines
K6	Hãng Hàng không Air Cambodia
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LCC	Low Cost Carrier (Hãng hàng không giá rẻ)
RPK	Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển)
RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển)
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
Công ty mẹ	Bao gồm Vietnam Airlines và Vasco
VNA Group	Công ty mẹ và PA
Hợp nhất	Công ty mẹ và các công ty con, liên kết
VTHK	Vận tải hàng không
TCT/VNA/Vietnam Airlines	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP



“Một dặm”
là không ngừng kết nối
Việt Nam với thế giới

Cùng Vietnam Airlines sai cánh vươn đến những chân trời mới
và lan tỏa những giá trị văn hóa Việt Nam.



vietnamairlines.com

#VạnDặmNângNiu

01

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị & Tổng giám đốc

Thông điệp của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐẶNG NGỌC HOÀ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ, Người lao động,

Năm 2025 đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong hành trình phát triển của Tổng công ty Hàng không Việt Nam. Sau giai đoạn phục hồi mạnh mẽ, Vietnam Airlines không chỉ duy trì được đà tăng trưởng, mà quan trọng hơn, đã bắt đầu định hình rõ hơn chất lượng tăng trưởng của một Hãng hàng không Quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt và môi trường kinh tế - chính trị toàn cầu tiếp tục biến động khó lường.

Khép lại năm 2025, Vietnam Airlines ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 123.858 tỷ đồng, tăng 9,1% so với năm trước, mức cao nhất kể từ khi Tổng công ty được thành lập; lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 7.607 tỷ đồng; đồng thời nộp ngân sách nhà nước 3.291 tỷ đồng. Những con số này không chỉ phản ánh hiệu quả kinh doanh tích cực, mà còn cho thấy năng lực củng cố nền tảng tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nền kinh tế.

Năm 2025 cũng là năm Vietnam Airlines mở rộng mạnh mẽ mạng bay quốc tế, với 14 đường bay mới và được khôi phục, kết nối Việt Nam với các thị trường trọng điểm tại châu Âu, Đông Bắc Á, Trung Đông và Đông Nam Á. Đây không đơn thuần là sự gia tăng về quy mô, mà phản ánh khả năng nắm bắt cơ hội thị trường, tái bố trí nguồn lực khai thác theo hướng hiệu quả hơn, đồng thời củng cố vai trò của Vietnam Airlines trong việc duy trì kết nối hàng không của Việt Nam với thế giới. Hoạt động khai thác đạt 156,3 nghìn chuyến bay, vận chuyển 25,6 triệu lượt hành khách và hơn 340 nghìn tấn hàng hóa tiếp tục là những chỉ dấu cho thấy sức phục hồi đã được chuyển hóa thành năng lực vận hành ổn định và tăng trưởng thực chất. Song hành với quá trình mở rộng quy mô hoạt động, Vietnam Airlines từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng theo định hướng tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Những giải pháp triển khai trong năm cho thấy sự chuyển biến rõ nét, từ giai đoạn phục hồi sang nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới xây dựng trải nghiệm đồng bộ và tạo dấu ấn riêng cho hành khách.

Năm 2025 cũng đánh dấu bước tiến rõ rệt của Vietnam Airlines trong việc nâng tầm vị thế trên thị trường quốc tế. Bên cạnh các kết quả tích cực về tài chính và khai thác, Hãng đã được ghi nhận qua hơn 30 giải thưởng uy tín trong và ngoài nước, trong đó có 3 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, ghi dấu hành trình phục hồi, đổi mới và hướng đến phát triển bền vững.

Mở đầu năm 2026, Vietnam Airlines tiếp tục nằm trong Top 20 hãng hàng không truyền thống an toàn nhất thế giới theo AirlineRatings, đồng thời được vinh danh ở nhóm sản phẩm dịch vụ có giá trị nổi bật. Những ghi nhận này có ý nghĩa vượt lên trên giá trị của một giải thưởng, đó là dấu hiệu cho thấy quá trình phục hồi của Vietnam Airlines đang được chuyển thành uy tín cạnh tranh và vị thế thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Giá trị lớn nhất của năm 2025 không chỉ nằm ở những con số tích cực, mà ở việc Vietnam Airlines đã đi qua một giai đoạn nhiều biến động với tâm thế vững vàng hơn, cấu trúc tài chính lành mạnh hơn, định hướng chiến lược rõ ràng và năng lực thích ứng linh hoạt hơn. Đây là cơ sở quan trọng để Tổng công ty bước vào năm 2026 với sự chủ động, thận trọng nhưng đầy quyết tâm.

Môi trường kinh doanh của ngành hàng không dự báo tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức trong năm 2026. Diễn biến phức tạp của xung đột tại Trung Đông đang tạo áp lực gia tăng lên giá nhiên liệu, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vận hành của các hãng hàng không. Trong bối cảnh đó, Vietnam Airlines chủ động xây dựng các kịch bản điều hành linh hoạt, tập trung tối ưu hóa mạng bay trên các trục nội địa và quốc tế trọng điểm, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí và nâng cao hiệu quả khai thác đội bay.

Bên cạnh việc ứng phó với các yếu tố bất định của thị trường, Vietnam Airlines tiếp tục khẳng định vai trò Hãng hàng không Quốc gia trong duy trì kết nối, thúc đẩy giao thương, phát triển du lịch và hội nhập kinh tế quốc tế. Với định hướng điều hành bám sát chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, Hãng đặt mục tiêu duy trì đà tăng trưởng hai con số trong năm 2026, qua đó góp phần vào tăng trưởng kinh tế vĩ mô và phát triển bền vững của đất nước.

Chặng đường phía trước chắc chắn còn nhiều thách thức. Nhưng với nền tảng đã được củng cố, cùng định hướng chiến lược rõ ràng và tinh thần đổi mới xuyên suốt, chắc chắn Vietnam Airlines sẽ tiếp tục phát triển bền vững, giữ vững vai trò Hãng hàng không Quốc gia và đóng góp ngày càng mạnh mẽ hơn vào kết nối kinh tế, văn hóa và vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ, Người lao động đã luôn đồng hành, chia sẻ và góp phần tạo nên những kết quả của Vietnam Airlines trong năm vừa qua.

Thông điệp của TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông LÊ HỒNG HÀ
Tổng giám đốc



Năm 2025, Tổng công ty đẩy mạnh hoàn thiện mạng bay quốc tế theo hướng chọn lọc và hiệu quả, tập trung vào các thị trường trọng điểm tại Châu Âu, Đông Bắc Á, Trung Đông và Đông Nam Á.

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ, Người lao động,

Năm 2025 là một năm bản lề trong công tác điều hành của Vietnam Airlines, khi toàn hệ thống chuyển từ trạng thái phục hồi sang vận hành ổn định với quy mô lớn hơn và yêu cầu cao hơn về hiệu quả. Trong vai trò điều hành, chúng tôi tập trung vào việc tối ưu hóa hoạt động khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng nền tảng vận hành hiện đại, đồng bộ trên toàn hệ thống.

Một trong những dấu ấn nổi bật trong năm là việc Vietnam Airlines triển khai mở rộng mạng bay quốc tế với quy mô lớn nhất trong lịch sử hoạt động. Việc đưa vào khai thác và khôi phục hàng loạt đường bay không chỉ giúp gia tăng năng lực cung ứng mà còn đòi hỏi sự tái cấu trúc toàn diện về điều hành bay, phân bổ đội tàu bay và tổ chức nguồn lực. Trọng tâm của chúng tôi không chỉ là mở rộng, mà là bảo đảm hiệu quả khai thác trên từng đường bay, từng khung giờ, qua đó nâng cao chất lượng vận hành một cách bền vững.

Song song với hoạt động khai thác, năm 2025 cũng ghi nhận những bước tiến quan trọng trong nâng cấp trải nghiệm khách hàng. Vietnam Airlines đã từng bước triển khai dịch vụ Internet trên tàu bay, mở ra khả năng kết nối liên tục cho hành khách trong suốt hành trình. Các giải pháp số hóa như làm thủ tục bằng sinh trắc học, vận hành mô hình Check-in Lounge lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam và mở rộng hệ thống Phòng khách Bông Sen đã góp phần tái định hình hành trình trải nghiệm theo hướng thuận tiện, liền mạch và cá nhân hóa hơn. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ mặt đất từ quy chuẩn phục vụ đến nhận diện như mùi hương thương hiệu “Nhã” là một phần trong nỗ lực xây dựng trải nghiệm nhất quán trên toàn bộ hành trình của khách hàng.

Ở góc độ vận hành, chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng dịch vụ. Việc từng bước số hóa quy trình, xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung và triển khai các

công cụ quản trị hiện đại không chỉ giúp tối ưu nguồn lực mà còn tạo điều kiện để nâng cao tính minh bạch và khả năng ra quyết định trong toàn hệ thống.

Phát triển bền vững tiếp tục là một trong những trọng tâm xuyên suốt trong công tác điều hành. Trong năm 2025, Vietnam Airlines đã triển khai đồng bộ các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường, từ kiểm soát suất ăn, giảm rác thải nhựa dùng một lần đến tối ưu hóa khai thác bay nhằm tiết kiệm nhiên liệu. Các chương trình này đã mang lại những kết quả cụ thể, góp phần giảm đáng kể lượng phát thải và chi phí vận hành. Đồng thời, việc từng bước triển khai nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), chuẩn bị cho cơ chế CORSIA và phát triển các sáng kiến trồng rừng, phục hồi hệ sinh thái cho thấy định hướng dài hạn của Vietnam Airlines trong việc gắn tăng trưởng với trách nhiệm môi trường.

Bên cạnh đó, các hoạt động trách nhiệm xã hội tiếp tục được duy trì và mở rộng theo hướng thiết thực và bền vững. Từ các chương trình hỗ trợ y tế, giáo dục đến các sáng kiến thúc đẩy bình đẳng giới, Vietnam Airlines không chỉ đóng vai trò là một doanh nghiệp vận tải mà còn là một cầu nối lan tỏa những giá trị nhân văn tới cộng đồng.

Bước sang năm 2026, yêu cầu đối với công tác điều hành sẽ ngày càng cao trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Trọng tâm của chúng tôi là tiếp tục nâng cao hiệu quả khai thác, tối ưu chi phí, đồng thời duy trì chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Việc linh hoạt điều chỉnh kế hoạch khai thác, ứng dụng công nghệ và củng cố năng lực vận hành sẽ là những yếu tố then chốt giúp Vietnam Airlines thích ứng với bối cảnh mới và duy trì đà tăng trưởng.

Với sự đồng lòng của toàn thể Cán bộ, Người lao động và sự tin tưởng của Quý Cổ đông, Quý Đối tác, Ban Điều hành cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực để Vietnam Airlines vận hành an toàn, hiệu quả và ngày càng tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, qua đó đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững của Tổng công ty trong giai đoạn tới.

02

Định hướng, Chiến lược phát triển

01

Các mục tiêu chủ yếu

02

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

03

Mục tiêu phát triển bền vững

04

Các rủi ro

1. Các mục tiêu chủ yếu

- ✈ Mục tiêu văn hóa an toàn (VHAT) tiệm cận mức 5.0 Generative (tiên tiến) từ năm 2025.
- ✈ Trở thành Hãng hàng không truyền thống đạt nhóm 03 về quy mô trong khu vực Đông Nam Á.
- ✈ VNA đạt nhóm 10 Hãng hàng không được ưa thích tại châu Á.
- ✈ củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa VNA đạt tiêu chuẩn Hãng hàng không truyền thống.
- ✈ VNA giữ vững vai trò tiên phong là Hãng hàng không công nghệ số tiên tiến, hiện đại trong ngành vận tải hàng không Việt Nam, đồng thời nằm trong nhóm dẫn đầu về chuyển đổi số của ngành hàng không ASEAN, có khả năng cạnh tranh với các Hãng hàng không lớn trong khu vực và thế giới.
- ✈ Trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.
- ✈ Bảo đảm thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục; từng bước cải thiện, phục hồi năng lực tài chính; đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư.



2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✈ Duy trì vị thế hàng đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần vận tải hàng không hành khách.
- ✈ Chỉ số hài lòng tổng thể - CSI (Customer Satisfaction Index) đạt trên 4 điểm. Chỉ số thiện cảm khách hàng (NPS) bình quân năm đạt trên 30 điểm.
- ✈ Lotusmiles trở thành Chương trình khách hàng thân thiết được ưa chuộng nhất tại Việt Nam và là chương trình hàng đầu tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương với quy mô trên 15 triệu hội viên.
- ✈ Tổng sản lượng vận chuyển hành khách giai đoạn 2026 - 2030 của VNA Group đạt 168 triệu lượt khách, tăng trưởng bình quân 9%/năm. Tổng sản lượng hàng hóa trên chuyến bay chở khách 2026 - 2030 đạt 2,0 triệu tấn, tăng trưởng bình quân 6,4%/năm.
- ✈ Tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ VNA giai đoạn 2026 - 2030 đạt tương ứng khoảng 640 nghìn tỷ đồng và 29 nghìn tỷ đồng.



3. Mục tiêu phát triển bền vững

- ✕ Với vai trò là Hãng hàng không quốc gia Việt Nam, Vietnam Airlines có trách nhiệm lên kế hoạch và triển khai các chương trình, mục tiêu phát triển bền vững để giảm thiểu các tác động đến môi trường và đồng thời gia tăng các mục tiêu kinh tế. Kế hoạch phát triển bền vững của Hãng có thể được triển khai thông qua các nội dung như giảm lượng khí thải carbon thông qua các chương trình hiện đại hóa tàu bay, áp dụng các công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, tối ưu hóa lộ trình bay, giảm sử dụng nước và giảm lượng rác thải nhựa,... Đồng thời, với nhu cầu ngày càng gia tăng về các lựa chọn du lịch bền vững, những doanh nghiệp gắn các mục tiêu phát triển bền vững vào các mục tiêu kinh tế sẽ thu hút được nhiều khách hàng hơn và quan trọng là nâng cao được danh tiếng của Hãng. Từ đó tăng cường sự trung thành của khách hàng và gia tăng lợi nhuận trong tương lai, góp phần gia tăng và duy trì lợi thế cạnh tranh ngành hàng không.
- ✕ Vietnam Airlines luôn nỗ lực bền bỉ, không ngừng khẳng định vị thế, uy tín của thương hiệu Vietnam Airlines trong lòng khách hàng Việt Nam và thế giới nhằm mang đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng cũng như đóng góp vào sự phát triển chung cộng đồng, xã hội. Bên cạnh sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines còn đặc biệt chú trọng góp phần cải thiện an sinh xã hội, chung tay phát triển đất nước thông qua các hoạt động cộng đồng.

- ✕ Vietnam Airlines luôn đặt việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường lên hàng đầu thông qua việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định nội bộ, đồng thời triển khai kiểm soát và đánh giá việc thực hiện trên toàn hệ thống. Song song đó, Hãng không ngừng hiện đại hóa đội tàu bay với các dòng máy bay thế hệ mới nhằm giảm phát thải, giảm tiếng ồn và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Là thành viên của IATA và liên minh SkyTeam, Vietnam Airlines cam kết đồng hành cùng các mục tiêu của ngành hàng không thế giới theo định hướng của ICAO và IATA, trong đó nghiêm túc thực hiện Cơ chế bù đắp và giảm phát thải carbon cho hàng không quốc tế (CORSIA) khi Việt Nam chính thức tham gia từ năm 2026, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero 2050).
- ✕ Vietnam Airlines luôn hướng đến đảm bảo một môi trường làm việc bền vững, công bằng và an toàn cho người lao động. Tổng công ty luôn chú trọng đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cá nhân và chuyên môn của nhân viên. Vietnam Airlines luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo đảm mức lương công bằng và các chế độ phúc lợi hợp lý.

4. Các rủi ro

Giai đoạn 2024 - 2025 đánh dấu thời kỳ hậu đại dịch với nhiều thay đổi sâu sắc trong môi trường kinh doanh và hành vi tiêu dùng, dưới tác động của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn. Trong bối cảnh đó, ngành vận tải hàng không Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro như áp lực bảo vệ môi trường, biến động kinh tế vĩ mô, nguy cơ dịch bệnh và thiên tai, các bất cập trong hệ thống pháp lý, cùng với cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt khi xu hướng bầu trời mở được mở rộng.

Về kinh tế

Với các căng thẳng địa chính trị gia tăng, theo dự báo của quỹ tiền tệ quốc tế IMF, tăng trưởng kinh tế năm 2025 - 2026 chỉ đạt 2,8 - 3%, thấp hơn nhiều mức trung bình 2000 - 2019 là 3,7%. Việc gia tăng căng thẳng thương mại sẽ có thể kìm hãm tăng trưởng kinh tế trong trung và dài hạn. Trong khi đó, World Bank dự báo tăng trưởng toàn cầu chỉ đạt 2,3% năm 2025 và chỉ phục hồi nhẹ vào năm 2026 - 2027. Các thách thức bên ngoài bao gồm xung đột địa chính trị và gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự phân mảnh kinh tế toàn cầu, rủi ro an ninh năng lượng và an ninh lương thực vẫn hiện hữu, rủi ro thị trường tài chính - tiền tệ toàn cầu, sự giảm tốc của kinh tế Trung Quốc, biến đổi khí hậu làm chậm lại tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu.

Các thách thức bên trong bao gồm tăng trưởng tín dụng thấp dù lãi suất đã giảm, giải ngân chương trình phục hồi và đầu tư công chưa thể có đột phá, doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và tổ chức tín dụng gặp nhiều thách thức, nợ xấu gia tăng; rủi ro thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản cần thời gian xử lý, lành mạnh hóa.

Về môi trường

Ngành hàng không là một trong những lĩnh vực chịu áp lực ngày càng lớn từ các rủi ro về môi trường, trong bối cảnh phát thải khí nhà kính trở thành vấn đề toàn cầu và yêu cầu giảm phát thải được siết chặt hơn. Hiện nay, hàng không đóng góp khoảng 2% tổng lượng phát thải CO₂ toàn cầu và được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng cùng với tốc độ tăng trưởng vận tải hàng không, trong khi nhiều ngành kinh tế khác đang từng bước chuyển dịch sang sử dụng năng lượng sạch và công nghệ phát thải thấp. Trước áp lực này, các Hãng hàng không buộc phải nghiên cứu và triển khai các giải pháp giảm phát thải, trong đó có việc sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững và tối ưu hóa đội tàu bay, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và đáp ứng xu hướng tiêu dùng xanh của thị trường.

Tuy nhiên, các cơ chế và chính sách môi trường ở cấp độ quốc tế hiện vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro và bất định. Điển hình là Cơ chế bù trừ và giảm phát thải carbon cho hàng không quốc tế (CORSIA) chưa đạt được sự đồng thuận đầy đủ khi một số quốc gia có quy mô phát thải và thị phần hàng không lớn chưa tham gia hoặc áp dụng hạn chế, làm suy giảm hiệu quả chung của cơ chế này và tạo ra sự thiếu nhất quán trong nghĩa vụ môi trường giữa các quốc gia. Bên cạnh đó, các rủi ro khác như dịch bệnh, thiên tai và thảm họa môi trường vẫn luôn hiện hữu, có khả năng tác động đột ngột và trực tiếp đến nhu cầu đi lại của người dân, khiến ngành hàng không thường là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng sớm và mạnh nhất khi các cú sốc toàn cầu xảy ra.

Về cạnh tranh

Đối với nhóm đường bay Châu Âu, mặc dù được đánh giá vẫn duy trì mức độ tăng trưởng tốt, tuy nhiên áp lực cạnh tranh trên nhóm đường bay này đang gia tăng mạnh khi các Hãng hàng không Trung Đông, Đông Nam Á và Trung Quốc đều đã triển khai kế hoạch tăng tải cung ứng đến Châu Âu. Khu vực Úc và Ấn Độ có mức tăng trưởng mạnh nhất, đồng nghĩa mức độ cạnh tranh gia tăng đáng kể, khi các Hãng hàng không liên tục đổ tải vào khu vực này với một loạt đường bay mới và tăng tần suất.

Đối với thị trường nội địa, áp lực cạnh tranh dự kiến sẽ gia tăng mạnh ngay từ đầu năm trong điều kiện các Hãng đều có động thái công bố thêm về kế hoạch nhận tàu cũng như phát triển mạng đường bay.

Về dịch bệnh và thiên tai

Ngành hàng không luôn tiềm ẩn rủi ro từ thiên tai và dịch bệnh do đặc thù hoạt động phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên và sự lưu thông của con người. Các hiện tượng thời tiết cực đoan, thảm họa môi trường hoặc diễn biến dịch tễ khó lường có thể xảy ra đột ngột, làm gián đoạn hoạt động khai thác, hạn chế đi lại và tác động trực tiếp đến nhu cầu vận chuyển cũng như hiệu quả kinh doanh của các Hãng hàng không.



03

Giới thiệu chung về Vietnam Airlines

01

Thông tin chung

02

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

03

Quá trình hình thành và phát triển

04

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

05

Cơ cấu cổ đông

06

Các sự kiện tiêu biểu trong năm

07

Các danh hiệu, phần thưởng đạt được trong năm

1. Thông tin chung

Tên giao dịch: **Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP**

Tên tiếng Anh: **Vietnam Airlines JSC**

Địa chỉ trụ sở chính: **200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, TP. Hà Nội.**

Điện thoại: **024 38 732 732**

Fax: **024 38 722 375**

Website: **www.vietnamairlines.com**

Email: **nhadautu@vietnamairlines.com**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 0100107518 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 30/10/2025.

Vốn điều lệ:



31.114.982.110.000 đồng.

Mã cổ phiếu: **HVN**

Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần**

Tổng số cổ phần đang lưu hành: **3.111.498.211 cổ phần**
(tính đến 31/12/2025).



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Vietnam Airlines là vận chuyển hàng không đối với hành khách, hàng hóa, hành lý, bưu gửi.

Các ngành nghề kinh doanh khác được quy định tại Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2025.

2.2. Địa bàn kinh doanh



24 CHI NHÁNH
TRONG NƯỚC



33 CHI NHÁNH &
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
TẠI NƯỚC NGOÀI



03 ĐƠN VỊ
HẠCH TOÁN
PHỤ THUỘC KHÁC

2.2.1. Danh sách các ĐVPT tại Việt Nam

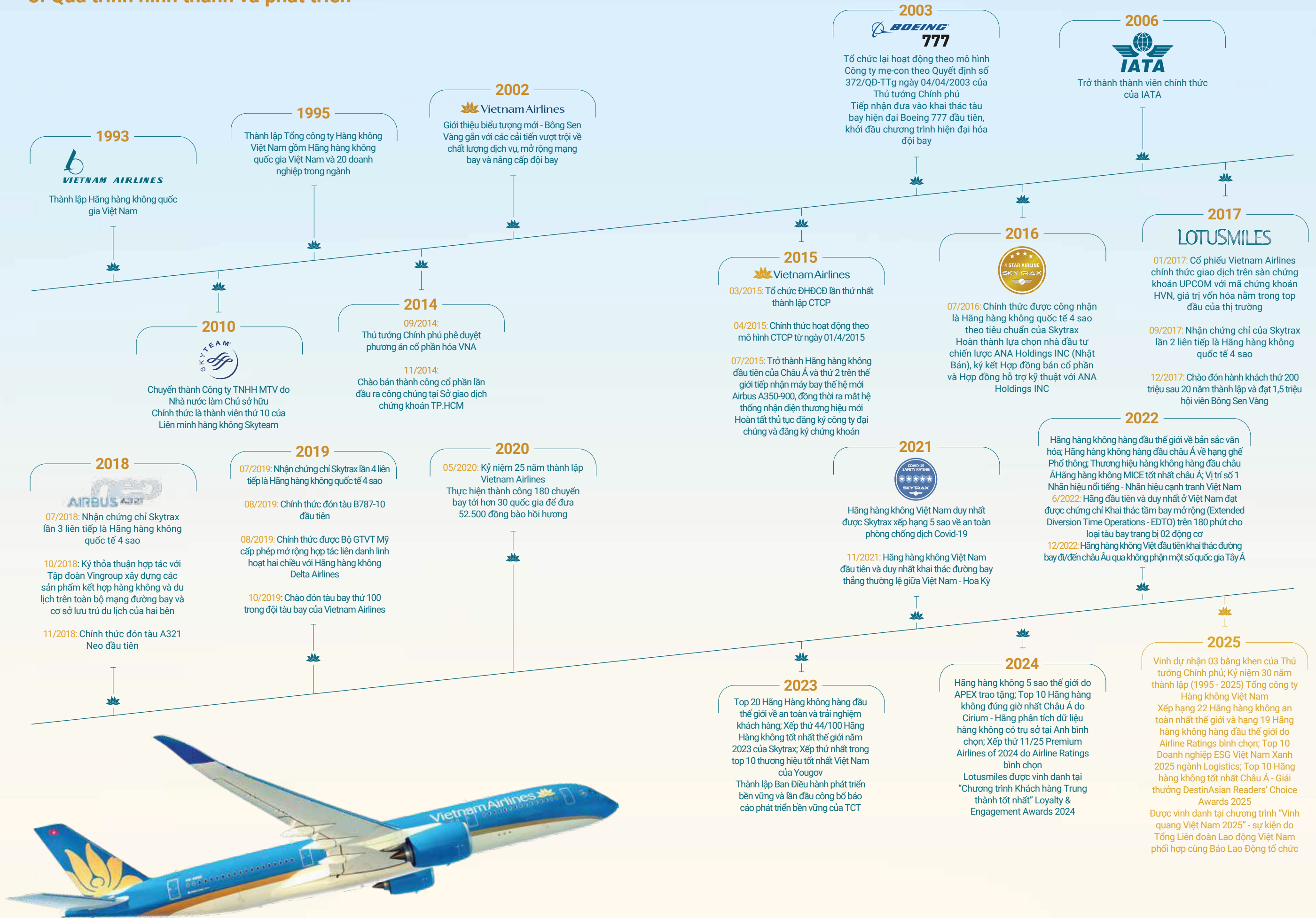
- 1 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Khu vực Việt Nam
- 2 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Tuy Hòa
- 3 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Chu Lai
- 4 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đồng Hới
- 5 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hải Phòng
- 6 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Vinh
- 7 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Điện Biên
- 8 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Buôn Ma Thuột
- 9 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nha Trang
- 10 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quy Nhơn
- 11 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đà Lạt
- 12 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Huế
- 13 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pleiku
- 14 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cần Thơ
- 15 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Phú Quốc
- 16 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Rạch Giá
- 17 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thanh Hóa
- 18 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP - Công ty Bay dịch vụ Hàng không
- 19 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP - Trung tâm Huấn luyện bay
- 20 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hà Nội
- 21 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Côn Đảo
- 22 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cà Mau
- 23 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP - Trung tâm Bóng Sen Vàng
- 24 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP - Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay
- 25 Tạp chí Heritage
- 26 Đoàn bay 919
- 27 Đoàn tiếp viên

2.2.2. Danh sách các ĐVPT tại nước ngoài

- 1 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Anh
- 2 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Campuchia
- 3 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Siem Reap
- 4 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đài Loan
- 5 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Kaohsiung
- 6 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đức
- 7 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hàn Quốc
- 8 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Busan
- 9 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hongkong
- 10 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Lào
- 11 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Luang Prabang
- 12 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Liên Bang Nga
- 13 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Malaysia
- 14 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Mỹ
- 15 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Myanmar
- 16 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nhật Bản
- 17 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Osaka
- 18 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Fukuoka
- 19 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nagoya
- 20 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pháp
- 21 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Singapore
- 22 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thái Lan
- 23 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Úc
- 24 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Melbourne
- 25 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Trung Quốc
- 26 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thượng Hải
- 27 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quảng Châu
- 28 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thành Đô
- 24 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Indonesia
- 25 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Ấn Độ
- 26 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Italia
- 27 Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Philippines
- 28 Văn phòng đại diện TCT HKVN – CTCP Khu vực châu Âu/EU



3. Quá trình hình thành và phát triển

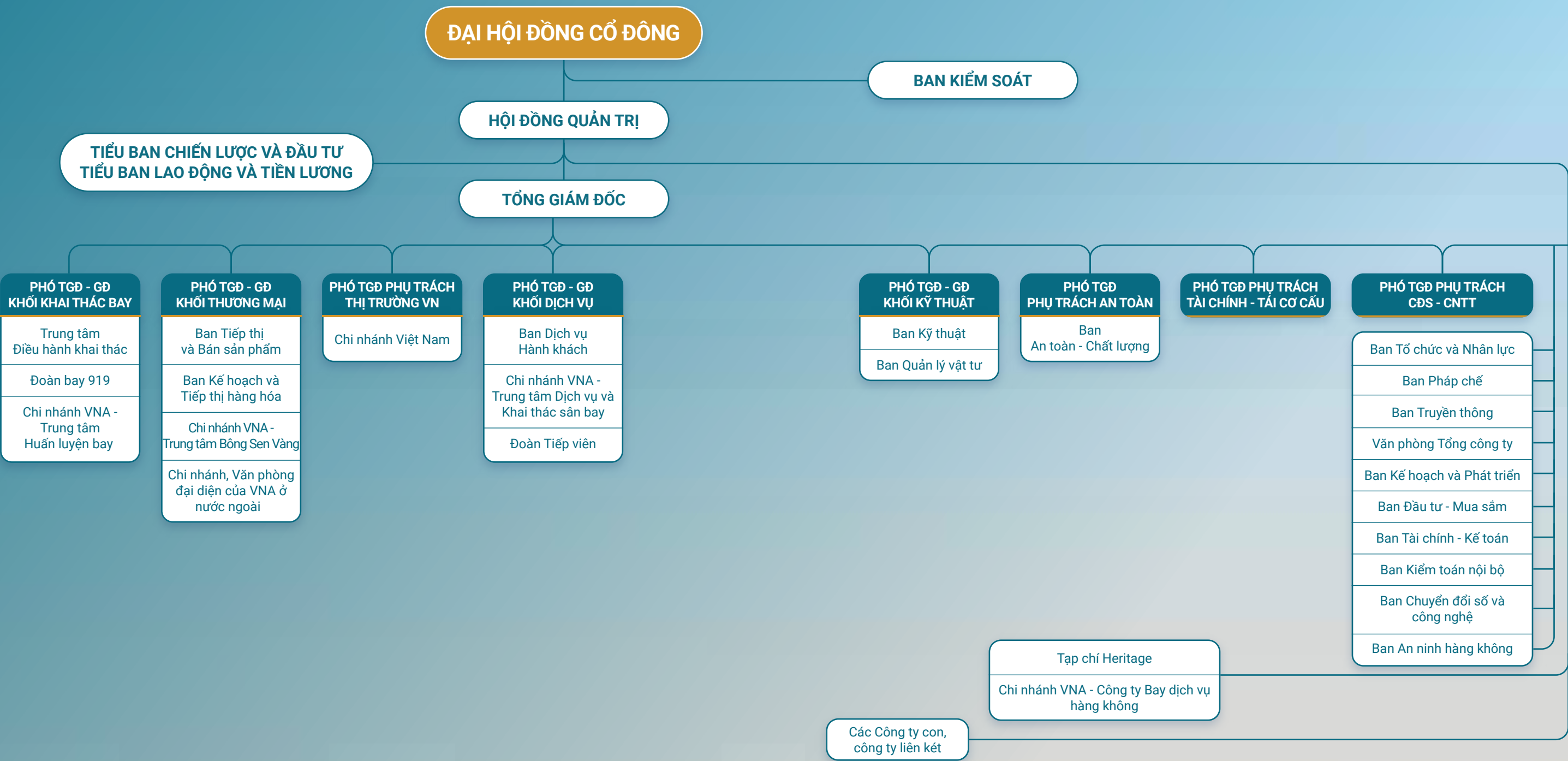


4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- ✎ Vietnam Airlines là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- ✎ Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Vietnam Airlines gồm:
 - ✎ Đại hội đồng cổ đông
 - ✎ Hội đồng quản trị
 - ✎ Ban Kiểm soát
 - ✎ Tổng giám đốc
- ✎ Sơ đồ cơ cấu tổ chức tính đến 31/12/2025

- ✎ Những thay đổi về cơ cấu tổ chức trong năm 2025:
 - ✎ Thành lập Chi nhánh Italia, thành lập lại Chi nhánh Philippines;
 - ✎ Tái cơ cấu, tinh gọn tổ chức: Giảm 03 cơ quan và 07 phòng, cụ thể: sáp nhập Ban Tiếp thị số vào Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm; Giải thể Ban Công nghệ thông tin và Trung tâm Chuyển đổi số, thành lập Ban Chuyển đổi số và công nghệ; Giải thể Ban Triển khai tái cơ cấu (Giảm 03 cơ quan và 03 phòng). Điều chỉnh tổ chức Ban ĐTMS, Ban DVHK, Ban KHPT, VPTCT (Mỗi cơ quan giảm 01 phòng);
- ✎ Thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của TCT và điều chỉnh tổ chức Ban Chuyển đổi số và công nghệ (thành lập phòng Đổi mới sáng tạo trên cơ sở phòng Quản trị chuyển đổi số).



4.2. Giới thiệu danh sách Ban lãnh đạo tính đến 31/12/2025

4.2.1. Hội đồng quản trị



Ông Đặng Ngọc Hòa

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư; Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc khóa VII, nhiệm kỳ 2023 - 2028; Ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không.

Ông Lê Hồng Hà

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật.



Ông Tạ Mạnh Hùng

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS).

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý.

Ông Lê Trường Giang

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban Lao động và Tiền lương. Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS). Ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn Đua thuyền Việt Nam khóa III nhiệm kỳ 2022 - 2027.

Năm sinh: 1967

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Đinh Việt Tùng

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Licogi. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh.

Năm sinh: 1974

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng.

Ông Trương Văn Phước

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập)

Tổ chức khác: Ủy viên Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Năm sinh: 1959

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng.



Ông Hidekazu Isonoe

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc phụ trách Chiến lược của ANA Holdings

Năm sinh: 1969

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2025

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế học.

4.2.2. Ban Giám đốc



Ông Lê Hồng Hà

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật.

Ông Nguyễn Chiến Thắng

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO). Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam (VALC).

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật hàng không.



Ông Tô Ngọc Giang

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Đoàn trưởng Đoàn bay 919. Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đào tạo Bay Việt (VFT). Phó Chủ tịch Hội hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Pháp khóa VII nhiệm kỳ 2022 - 2027. Ủy viên Ban chấp hành Hội hữu nghị Việt - Anh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Năm sinh: 1970

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Khoa học/Phi công.

Ông Nguyễn Thế Bảo

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Giám đốc Chi nhánh Việt Nam.

Năm sinh: 1973

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế chính trị.



Ông Đặng Anh Tuấn

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không (AITS).

Năm sinh: 1973

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ Quản lý Hành chính công.

Ông Đinh Văn Tuấn

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (PA).

Năm sinh: 1970

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế phát triển.



Ông Lê Đức Cảnh

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Việt Nam (NASCO).

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1997

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

4.2.3. Kế toán trưởng



Ông Trần Văn Hữu

Chức vụ: Kế toán trưởng - Trưởng ban Tài chính kế toán

Năm sinh: 1974

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.

4.2.4. Ban kiểm soát

Bà Dương Thị Việt Thắm

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1971

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.



Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Chức vụ: Phó Trưởng Ban Kế hoạch tổng hợp - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Kế hoạch tổng hợp - SCIC

Năm sinh: 1979

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Bà Lê Trúc Quỳnh

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1993

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2023

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán và Tài chính



4.2.5. Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty



Bà Kim Thị Thu Huyền

Chức vụ: Người phụ trách quản trị - Thư ký TCT kiêm Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

4.3. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư

- ✕ Ông **Đặng Ngọc Hòa**, Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
- ✕ Ông **Lê Hồng Hà**, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Thành viên
- ✕ Ông **Tạ Mạnh Hùng**, Thành viên HĐQT - Thành viên
- ✕ Ông **Lê Trường Giang**, Thành viên HĐQT - Thành viên
- ✕ Ông **Lê Đức Cảnh**, Phó Tổng giám đốc - Thành viên
- ✕ Ông **Trần Văn Hữu**, Kế toán trưởng - Trưởng ban Tài chính Kế toán - Thành viên
- ✕ Ông **Nguyễn Thanh Bình**, Trưởng ban Đầu tư mua sắm - Thành viên
- ✕ Ông **Nguyễn Văn Thành**, Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Tổng công ty - Thư ký

Tiểu ban Lao động và Tiền lương

- ✕ Ông **Lê Trường Giang**, Thành viên HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
- ✕ Ông **Nguyễn Chiến Thắng**, Phó Tổng giám đốc - Thành viên
- ✕ Ông **Vũ Đình Thủy**, Trưởng ban Tổ chức và Nhân lực - Thành viên
- ✕ Bà **Trần Thị Thùy Linh**, Phó Trưởng phòng Tiền lương - Chính sách, Ban Tổ chức và Nhân lực - Thư ký

4.4. Bảng danh sách các công ty con, công ty liên kết đến 31/12/2025

4.4.1. Công ty con

Đơn vị: triệu VND

STT	Công ty con	Tên viết tắt	Địa chỉ	Ngành nghề KD chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của VNA (%)
1	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	VAECO	Sân bay Quốc tế Nội Bài Xã Nội Bài - TP. Hà Nội	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	1.093.117	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	SKYPEC	202 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề TP. Hà Nội	Kinh doanh nhiên liệu hàng không	800.000	100,00
3	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	VACS	Sân bay Tân Sơn Nhất - P. Tân Sơn Hòa - TP. Hồ Chí Minh	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay	85.448	100,00
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	VIAGS	49 Trường Sơn - P. Tân Sơn Hòa - TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ mặt đất sân bay	250.000	100,00
5	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	PA	112 Hồng Hà - P. Tân Sơn Hòa - TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hàng không	3.522.081	98,84
6	Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCTS	Sân bay Quốc tế Nội Bài Xã Nội Bài - Hà Nội	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyển bay	261.669	55,13
7	Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	TCS	46 - 48 Hậu Giang - P. Tân Sơn Nhất - TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyển bay	93.726	55,00
8	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất	TECS	Số 6 Thăng Long - P. Tân Sơn Nhất TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không	51.430	51,00
9	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO	VINAKO	49 Trường Sơn - P. Tân Sơn Hòa TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi	8.578	65,05
10	Công ty CP Suất ăn hàng không Nội Bài	NCS	Sân bay Quốc tế Nội Bài Xã Nội Bài - TP. Hà Nội	Cung cấp suất ăn hàng không và các dịch vụ liên quan	179.491	60,17
11	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam	NASCO	Sân bay Quốc tế Nội Bài Xã Nội Bài - TP. Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	83.158	51,00
12	Công ty CP Đào tạo Bay Việt	VFT	117 Hồng Hà - P. Tân Sơn Hòa - TP. Hồ Chí Minh	Đào tạo phi công	66.000	51,52
13	Công ty CP Tin học viễn thông Hàng không	AITS	412 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề TP. Hà Nội	Dịch vụ Tin học viễn thông	58.032	52,73
14	Công ty CP Cung ứng Lao động Hàng không	ALSUCO	Số 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề TP. Hà Nội	Cung ứng dịch vụ lao động	10.000	51,00
15	Công ty CP Sabre Việt Nam	SABRE VN	Số 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề TP. Hà Nội	Thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan qua hệ thống SABRE; Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	5.200	51,69

4.4.2. Công ty liên kết

STT	Công ty liên kết	Tên viết tắt	Địa chỉ	Ngành nghề KD chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của VNA (%)
1	Công ty CP Cho thuê máy bay Việt Nam	VALC	Tầng 6, số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội	Cho thuê máy bay	63.315.837 USD	32,48
2	Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	MASCO	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng P. Hòa Cường - TP. Đà Nẵng	Dịch vụ cung cấp suất ăn trên máy bay, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	42.677 Triệu VND	36,11
3	Công ty CP Xuất nhập khẩu hàng không	AIRIMEX	414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề TP. Hà Nội	Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay	31.113 Triệu VND	41,31
4	Công ty CP Nhựa cao cấp hàng không	APLACO	Ngõ 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề TP. Hà Nội	Công nghiệp nhựa cao cấp	44.708 Triệu VND	30,41

4.4.3. Danh mục đầu tư khác

STT	Danh mục đầu tư khác	Tên viết tắt	Địa chỉ	Ngành nghề KD chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của VNA (%)
1	Hãng Hàng không Air Cambodia	K6	206A, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Basac, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không	14.000.000 USD	14,00
2	Công ty CP Bưu chính viễn thông Sài Gòn	SPT	10 Cô Giang, P. Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh	Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin	4.315 Triệu VND	0,36

5. Cơ cấu cổ đông

5.1. Thông tin cổ phần

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 VND / cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	3.111.498.211 cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	3.111.498.211 cổ phần

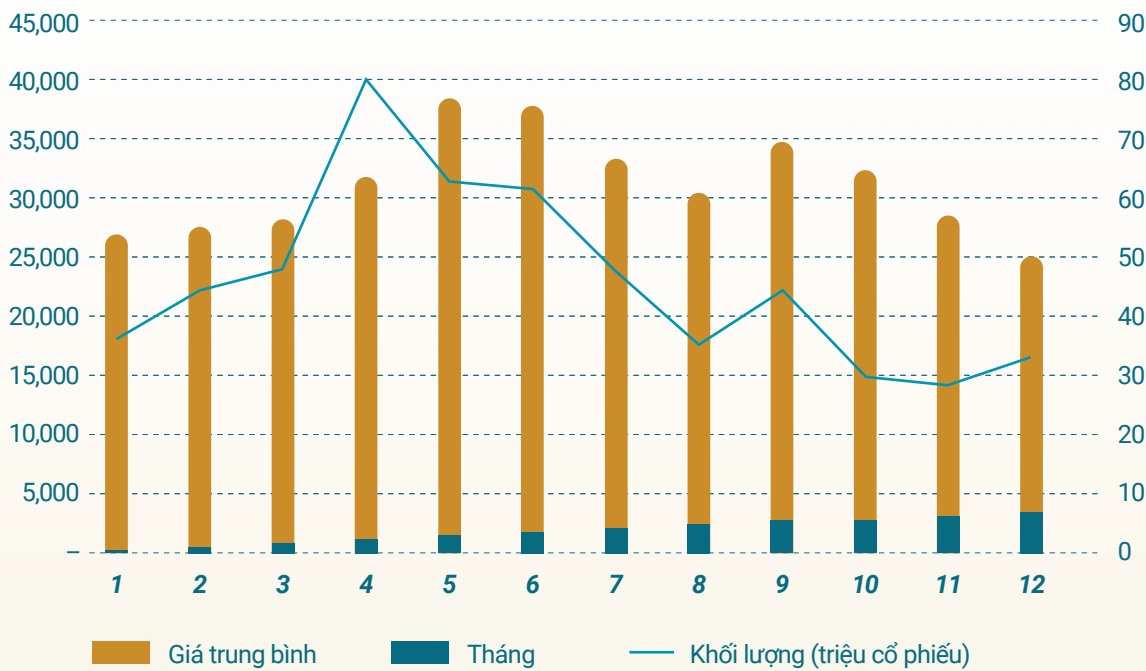
5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Trong nước	2.821.700.084	90,69	26.604
1.1	Cá nhân	93.230.143	3,00	26.558
1.2	Tổ chức	2.728.469.941	87,69	46
	Bộ Tài chính	1.222.368.291	39,29	1
	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	1.466.527.123	47,13	1
	Khác	39.574.527	1,27	44
2	Nước ngoài	289.798.127	9,31	599
2.1	Cá nhân	2.606.328	0,08	546
2.2	Tổ chức	287.191.799	9,23	53
	ANA HOLDINGS INC.	175.014.530	5,62	1
	Khác	112.177.269	3,61	52
	Tổng cộng	3.111.498.211	100,00	27.203

Danh sách cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần)

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bộ Tài chính	1.222.368.291	39,29%
2	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	1.466.527.123	47,13%
3	ANA HOLDINGS INC	175.014.530	5,62%

Biểu đồ biến động giá HVN trong năm 2025



5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng:

ĐVT: VND

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn
1	04/2015		11.198.648.400.000	
2	07/2016	1.076.689.380.000	12.275.337.780.000	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài
3	12/2018	1.907.570.690.000	14.182.908.470.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
4	09/2021	7.961.033.270.000	22.143.941.740.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
5	12/2025	8.971.040.370.000	31.114.982.110.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

6. Các sự kiện tiêu biểu trong năm

1 - Vietnam Airlines Ra mắt máy bay mang Livery Chim Lạc



18/04/2025

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập (1995 - 2025), Tổng công ty Hàng không Việt Nam và hướng tới những ngày lễ trọng đại của đất nước trong năm 2025 - Vietnam Airlines chính thức ra mắt chiếc máy bay Boeing 787-9 Dreamliner mang số hiệu VN-A868 với thiết kế đặc biệt, nổi bật hình ảnh chim Lạc - biểu tượng thiêng liêng của văn hóa Việt Nam, gắn liền với cội nguồn dân tộc và khát vọng vươn xa, trường tồn.

2 - Vietnam Airlines chính thức chuyển toàn bộ chuyến bay nội địa sang nhà ga T3 Tân Sơn Nhất

13/05/2025

Vietnam Airlines thông báo, bắt đầu từ ngày 17/5/2025, Hãng sẽ chính thức chuyển toàn bộ hoạt động khai thác các chuyến bay nội địa sang nhà ga T3, sân bay Tân Sơn Nhất. Việc chuyển toàn bộ hoạt động khai thác nội địa sang nhà ga T3 không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines mà còn góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất thành trung tâm hàng không năng động hàng đầu khu vực châu Á.



3 - Chuyến bay đồng phục tiếp viên qua các thời kỳ



20/05/2025

Vietnam Airlines tái hiện lại các bộ đồng phục tiếp viên trên một số chuyến bay đặc biệt giữa Hà Nội với TP.HCM, Đà Nẵng, Huế, Singapore, Incheon (Hàn Quốc) và Haneda (Nhật Bản), hành khách sẽ được trải nghiệm hành trình ký ức sống động với đội ngũ tiếp viên trong đồng phục qua các thời kỳ của Hãng. Hoạt động ý nghĩa này nằm trong chuỗi sự kiện kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam (1995 - 2025), tôn vinh dấu ấn lịch sử, bản sắc thương hiệu quốc gia trên bầu trời, đồng thời tái hiện lại sự thay đổi và phát triển của Hãng trong 3 thập kỷ cùng non sông cất cánh.

4 - Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

01/06/2025

Ba thập kỷ - một hành trình không ngừng cất cánh cùng non sông đất nước. Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam (1995 - 2025) là dịp để mỗi cán bộ nhân viên Vietnam Airlines cùng nhìn lại chặng đường tự hào, đong đầy cảm xúc và tiếp tục vững bước cho một tương lai bay cao, bay xa hơn nữa.



5 - Vietnam Airlines đón hành khách thứ 350 triệu sau 30 năm thành lập

09/07/2025

Vietnam Airlines tổ chức lễ đón hành khách thứ 350 triệu. Hành khách thứ 350 triệu đi trên chuyến bay VN1541 từ Hà Nội đến Huế, hạ cánh lúc 9h sáng ngày 9/7, đúng dịp kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống ngành Du lịch Việt Nam và chào mừng Năm du lịch Quốc gia 2025. Đây là một trong những hoạt động trọng điểm cho chuỗi hoạt động kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam (1995 - 2025), đồng thời khẳng định vai trò then chốt của Vietnam Airlines trong kết nối giao thương, du lịch và phát triển vùng miền.



6 - Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng công ty Hàng không Việt Nam, lần thứ VI, nhiệm kỳ 2025 - 2030

15/07/2025

Với tinh thần **Đoàn kết - Tự cường - Vươn mình - Bứt phá**, Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng công ty HKVN nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã trở thành một dấu mốc quan trọng, vừa tổng kết chặng đường 2020 - 2025, vừa xác lập tầm nhìn chiến lược cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Đảng bộ Tổng công ty quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, hiện thực hóa mục tiêu chiến lược đến năm 2030. Đây sẽ là chặng đường tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, bản lĩnh và khát vọng, xây dựng Đảng bộ thật sự trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo Tổng công ty phát triển bền vững, hội nhập sâu rộng, xứng đáng với vai trò nòng cốt trong ngành hàng không.



7 - Vietnam Airlines thực hiện chuyến bay "Cất cánh tự hào Việt Nam" kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 2/9

26/08/2025

Hòa trong không khí thiêng liêng kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Vietnam Airlines tổ chức chuỗi hoạt động đặc biệt mang tên "Cất cánh tự hào Việt Nam". Chương trình được triển khai trên nhiều chuyến bay giữa Hà Nội và TP.HCM, như một nhịp cầu nối liền non sông một dải, đưa hành khách vào hành trình giàu cảm xúc gắn liền với mốc son lịch sử hào hùng, hòa bình, độc lập, tự do của dân tộc. Với trách nhiệm của Hãng Hàng không quốc gia, Vietnam Airlines không chỉ mang đến cho hành khách những chuyến bay mà còn cả những giá trị văn hóa, tinh thần dân tộc và niềm tự hào Việt Nam.



8 - Dấu ấn Vietnam Airlines tại Triển lãm Thành tựu đất nước “80 năm hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”

26/08/2025

Vietnam Airlines tham gia Triển lãm “80 năm hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” với không gian trưng bày 1.500 m², tái hiện hành trình 30 năm phát triển gắn với lịch sử dân tộc. Lấy cảm hứng như một chuyến bay trải nghiệm, không gian gồm 5 hành trình từ khởi nguồn, dịch vụ, con người đến công nghệ và tương lai. Khách tham quan được trải nghiệm check-in, phòng chờ Bông Sen, buồng lái mô phỏng, khoang hành khách hiện đại và công nghệ thực tế ảo. Triển lãm cũng giới thiệu năng lực khai thác, phát triển bền vững và khẳng định vị thế quốc tế của hãng.



9 - Chạm thu Hà Nội

23/09/2025

“Chạm thu Hà Nội” là một phần trong chiến lược dài hạn của Vietnam Airlines nhằm đưa Hà Nội trở thành điểm đến văn hóa - du lịch hấp dẫn trong khu vực và trên bản đồ du lịch thế giới. Đồng thời, chiến dịch là kết quả của thỏa thuận hợp tác giữa Vietnam Airlines và Thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 - 2030, hướng đến phát triển kinh tế - xã hội bền vững và nâng tầm thương hiệu du lịch Thủ đô.



10 - Vietnam Airlines chính thức hoàn thiện và giới thiệu hệ sinh thái mùi hương thương hiệu "Nhã" (LotuScent)

20/11/2025

Hệ sinh thái mùi hương "Nhã" đánh dấu bước triển khai thực tế đầy đủ trên toàn bộ hành trình trải nghiệm dịch vụ của Hãng, từ Check-in lounge, phòng khách bông sen tại sân bay đến các không gian trên chuyến bay. Đây là dấu mốc quan trọng trong chiến lược nâng cấp trải nghiệm khách hàng và hoàn thiện tiêu chuẩn Hãng hàng không 5 sao mà Vietnam Airlines hướng tới vào năm 2030.



11 - Vietnam Airlines ra mắt dịch vụ Check-in Lounge tại Tân Sơn Nhất

15/10/2025

Vietnam Airlines chính thức giới thiệu đến hành khách dịch vụ Check-in Lounge tại nhà ga T3 - Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Đây là dịch vụ lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam, được thiết kế riêng cho nhóm khách hàng cao cấp gồm VIP, CIP, hội viên Triệu dặm (Million Miler - MM), hội viên Bông Sen Vàng hạng Bạch kim (Platinum) và hành khách hạng Thương gia.



12 - Vietnam Airlines tiên phong khai thác thương mại tại Sân bay Long Thành

19/12/2025

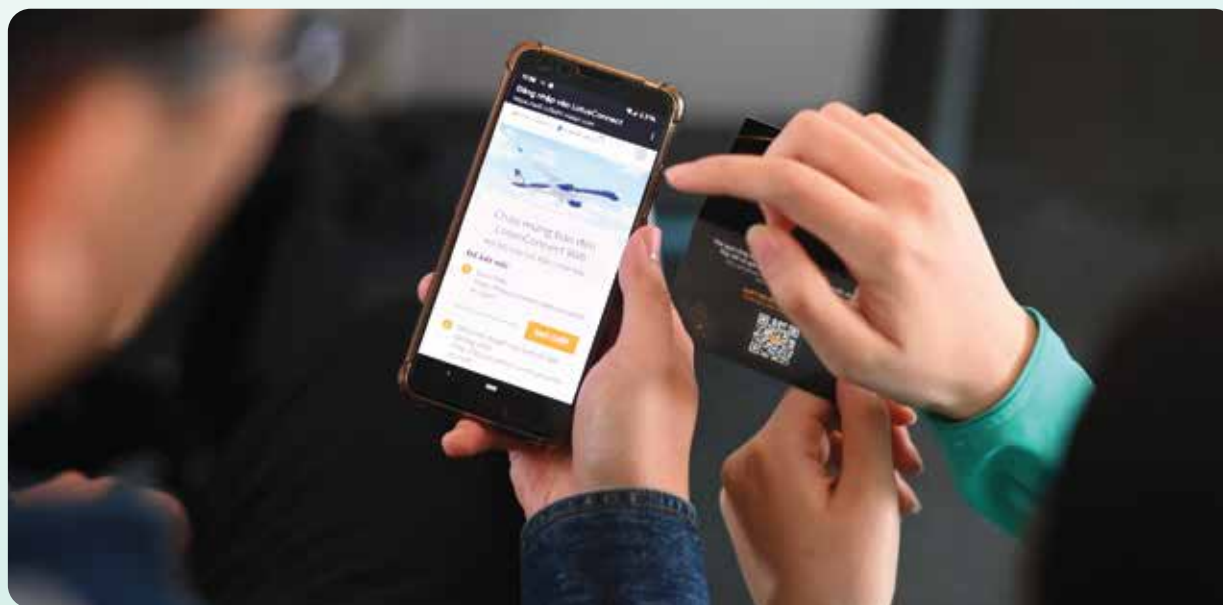


Chuyến bay chở khách đầu tiên do Vietnam Airlines khai thác đã chính thức hạ cánh tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành, đánh dấu mốc son quan trọng trong quá trình đưa sân bay cửa ngõ hiện đại nhất Việt Nam vào hoạt động. Việc tàu bay thân rộng của Vietnam Airlines một lần nữa hạ cánh an toàn tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành sau chuyến bay ngày 15/12 tiếp tục khẳng định mức độ sẵn sàng cao của sân bay cũng như năng lực phối hợp giữa các cơ quan chức năng và các đơn vị phục vụ. Đây là sự kiện quan trọng đánh dấu cho việc chính thức khai thác thương mại tại đây.

13 - Vietnam Airlines chính thức cung cấp Internet trên máy bay

25/12/2025

Sau thời gian thử nghiệm thành công, Vietnam Airlines chính thức cung cấp dịch vụ kết nối Internet trên máy bay. Việc đưa dịch vụ vào khai thác thường lệ cho phép hành khách truy cập Internet trong suốt chuyến bay với các tính năng như nhắn tin, chia sẻ hình ảnh, truy cập web và gửi thư điện tử. Dịch vụ Internet trên máy bay sẽ mang đến trải nghiệm phong phú hơn cho hành khách, đồng thời tạo nền tảng để Vietnam Airlines hiện thực hóa mục tiêu trở thành hãng hàng không quốc tế 5 sao trước năm 2030. Đây cũng là bước đi thể hiện quyết tâm của Hãng trong triển khai Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà Vietnam Airlines đã và đang tích cực thực hiện trong thời gian qua.



7. Các danh hiệu/giải thưởng nổi bật

Bằng khen của thủ tướng chính phủ



- ✕ Bằng khen của Thủ tướng chính phủ về thành tích xuất sắc đột xuất trong đổi mới năng lực quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Frequent traveler awards



- ✕ Giải thưởng Hãng hàng không có đặc quyền hội viên cao cấp tốt nhất nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương 2025
- ✕ Giải thưởng Hãng hàng không của năm khu vực Châu Á - Thái Bình Dương 2025

Airline Ratings



- ✕ Top 25 HHK an toàn nhất thế giới
- ✕ Top 25 HHK tốt nhất thế giới
- ✕ Giải thưởng Bền vững

APEX



- ✕ Hãng hàng không 5 sao xuất sắc năm 2025

Skytrax



- ✕ Top 100 Hãng hàng không hàng đầu thế giới năm 2025

World Travel Awards



- ✕ Thương hiệu hàng không hàng đầu Châu Á
- ✕ Tạp chí trên máy bay hàng đầu Châu Á

Tạp chí Campaign Asia



- ✕ Top 10 thương hiệu du lịch hàng đầu khu vực Đông Nam Á
- ✕ Top 50 thương hiệu hàng đầu Đông Nam Á
- ✕ Top 10 thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam

Loyalty Engagement Awards 2025



- ✕ Giải Bạc cho hạng mục "Chiến lược khách hàng thân thiết tốt nhất - Phần thưởng & Khuyến khích"

Vạn Xuân Awards 2025



- ✕ Giải thưởng quảng cáo sáng tạo Việt Nam hạng mục Chiến dịch tái định vị thương hiệu ấn tượng
- ✕ Giải thưởng quảng cáo sáng tạo Việt Nam - Giải nhất mục truyền hình

04

Tổng quan về kết quả kinh doanh

01

Các chỉ tiêu khai thác cơ bản

02

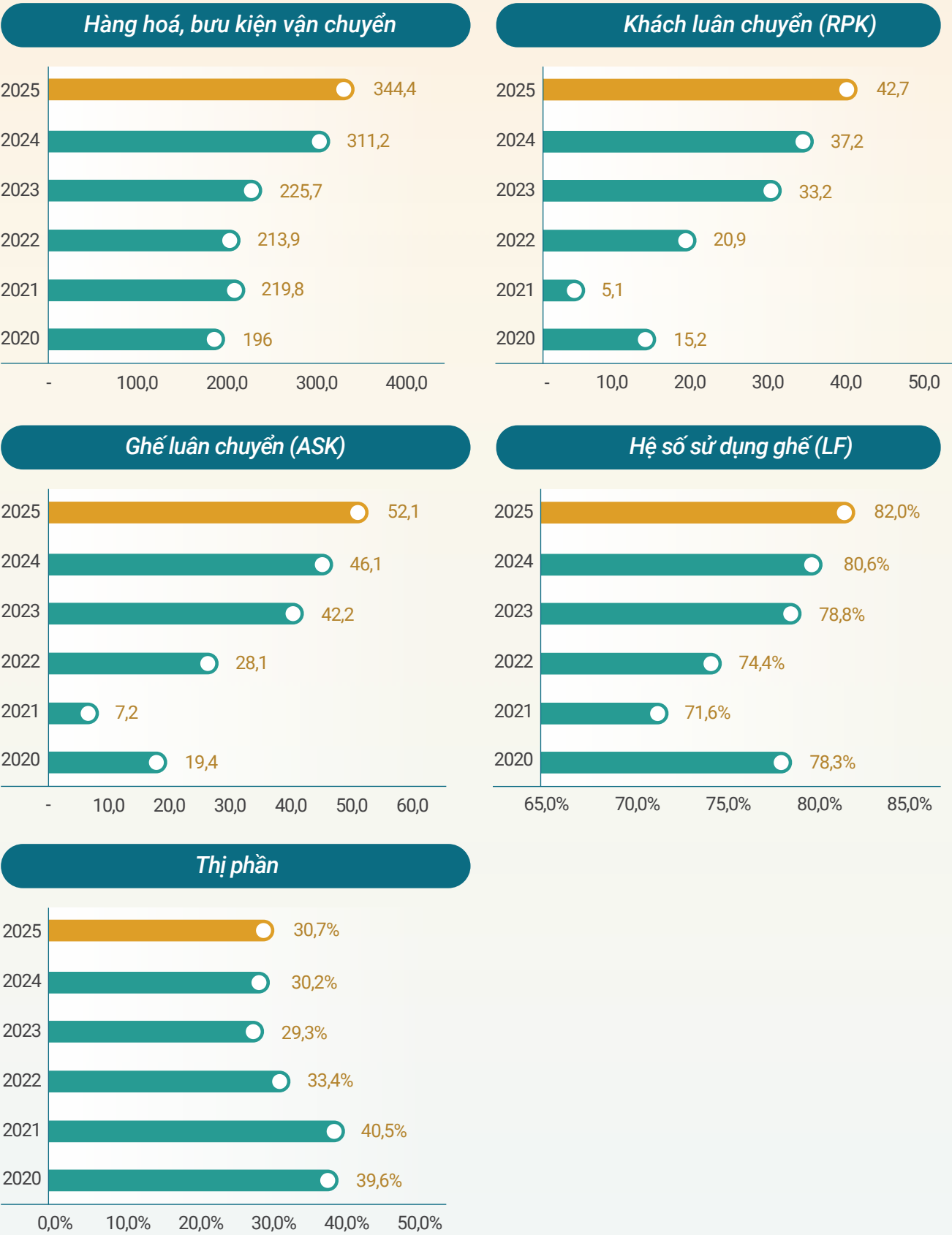
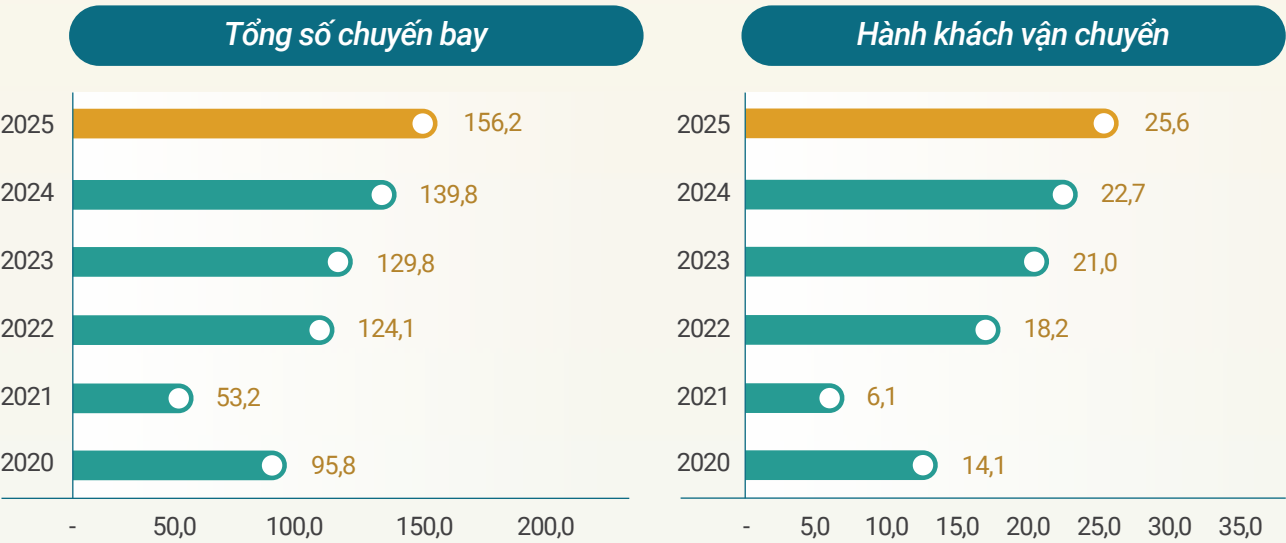
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

1. Các chỉ tiêu khai thác cơ bản

1.1. Số liệu Vietnam Airlines và Vasco

Cập nhật số liệu 2020 - 2025

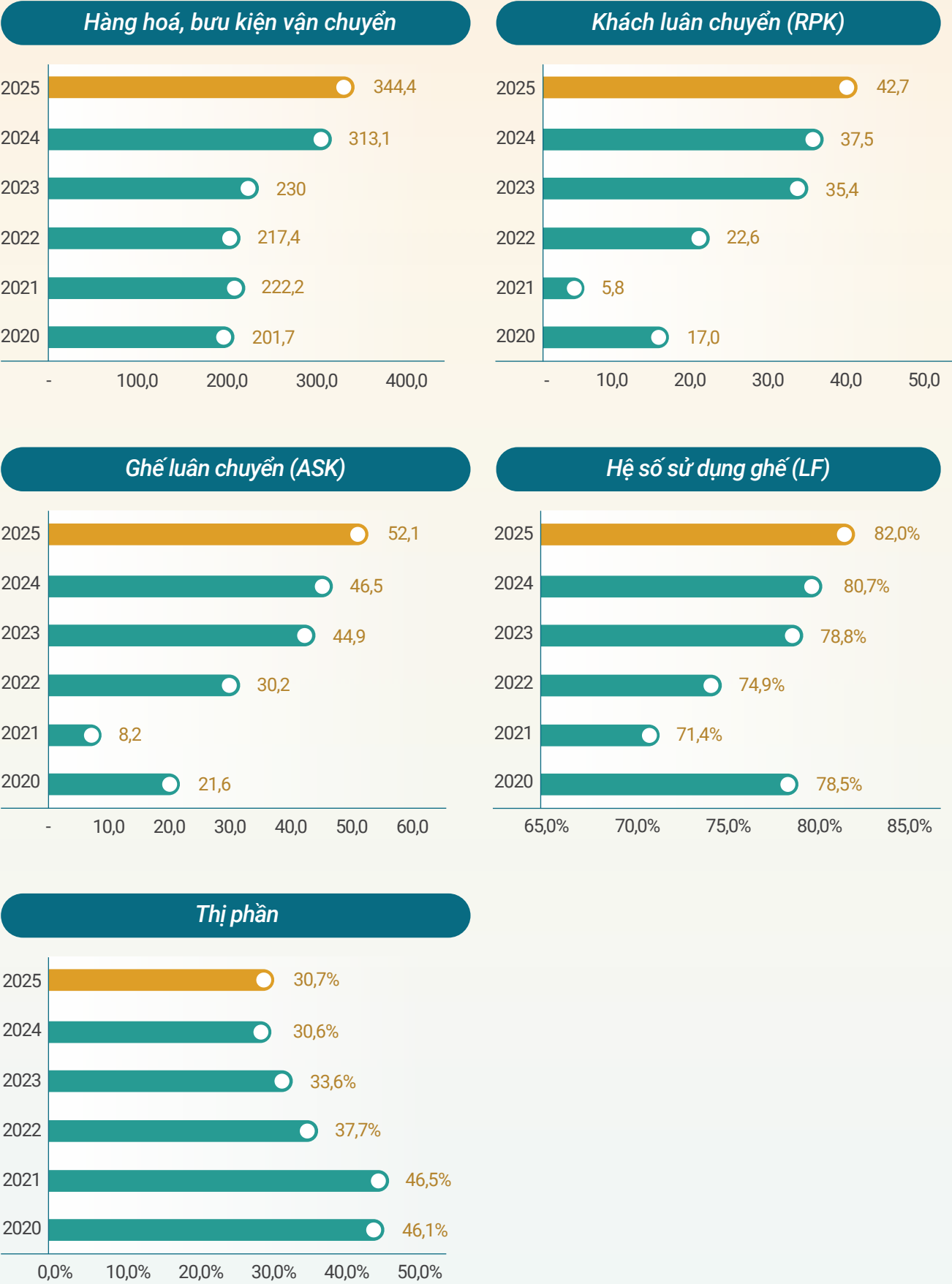
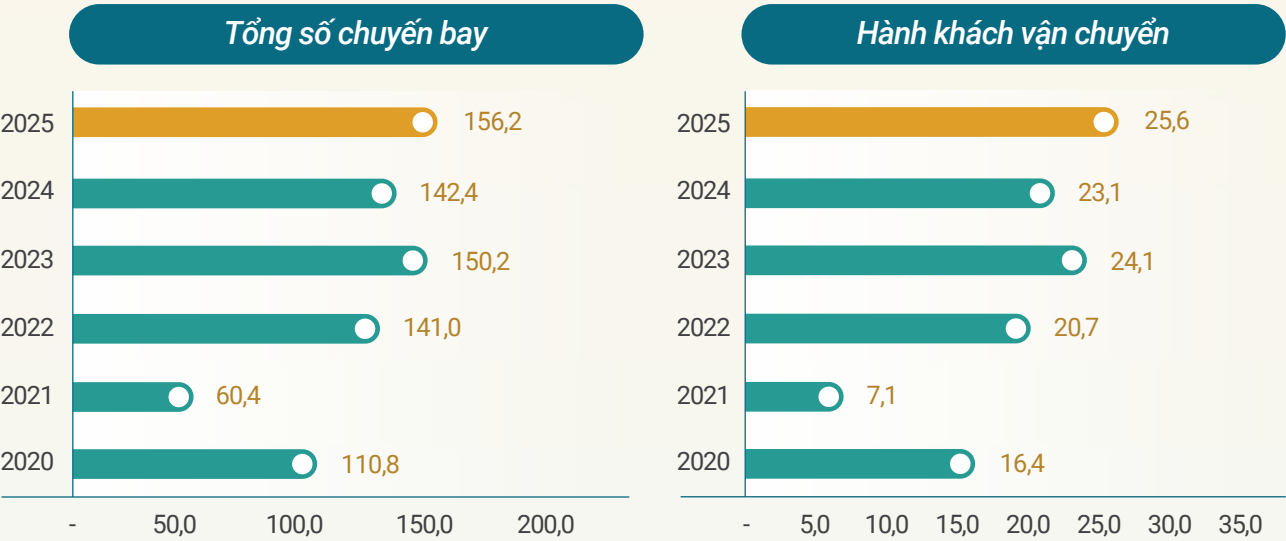
Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số chuyến bay	Nghìn chuyến	95,8	53,2	124,1	129,8	139,8	156,2
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	14,1	6,1	18,2	21,0	22,7	25,6
Hàng hoá, bưu kiện vận chuyển	Nghìn Tấn	196	219,8	213,9	225,7	311,2	344,4
Khách luân chuyển (RPK)	Tỷ khách/km	15,2	5,1	20,9	33,2	37,2	42,7
Ghế luân chuyển (ASK)	Tỷ ghế.km	19,4	7,2	28,1	42,2	46,1	52,1
Hệ số sử dụng ghế (LF)	%	78,3%	71,6%	74,4%	78,8%	80,6%	82,0%
Thị phần	%	39,6%	40,5%	33,4%	29,3%	30,2%	30,7%



1.2 Số liệu VNA Group (VNA, VASCO và PA)

Cập nhật số liệu 2020 - 2025

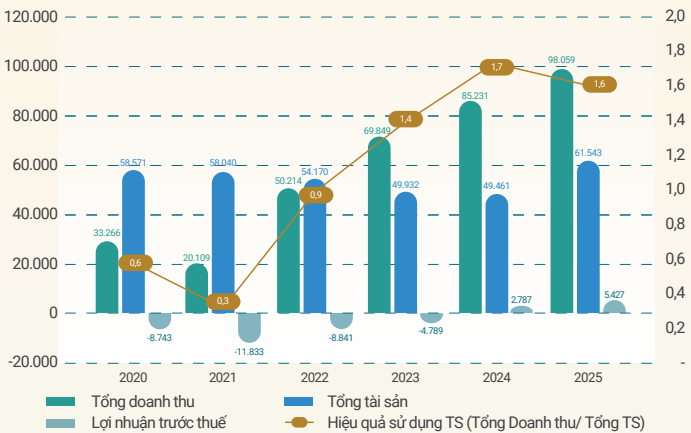
Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số chuyến bay	Nghìn chuyến	110,8	60,4	141,0	150,2	142,4	156,2
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	16,4	7,1	20,7	24,1	23,1	25,6
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn Tấn	201,7	222,2	217,4	230	313,1	344,4
Khách luân chuyển (RPK)	Tỷ khách.km	17,0	5,8	22,6	35,4	37,5	42,7
Ghế luân chuyển (ASK)	Tỷ ghế.km	21,6	8,2	30,2	44,9	46,5	52,1
Hệ số sử dụng ghế (LF)	%	78,5%	71,4%	74,9%	78,8%	80,7%	82,0%
Thị phần	%	46,1%	46,5%	37,7%	33,6%	30,6%	30,7%



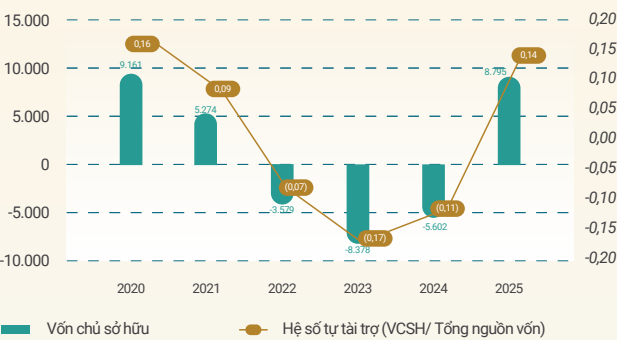
2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1. Công ty Mẹ

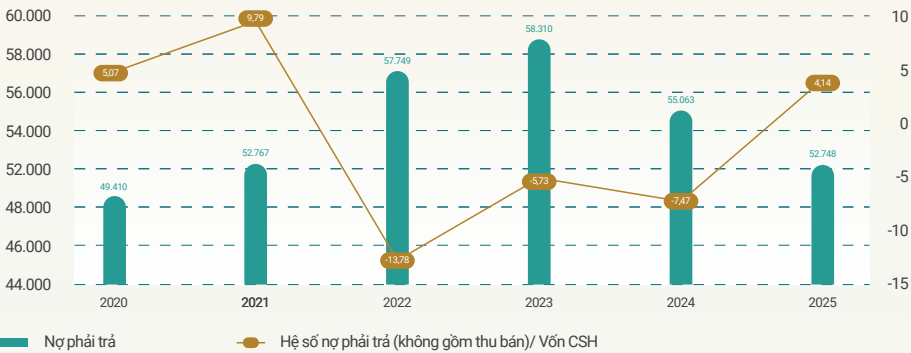
Tổng doanh thu, Tài sản,
Lợi nhuận trước thuế và Hiệu quả
sử dụng tài sản



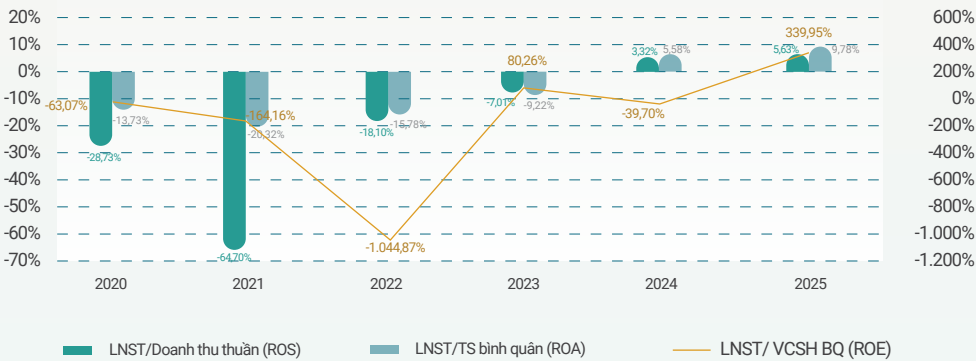
Khả năng tự chủ nguồn vốn



Nợ phải trả và Hệ số nợ

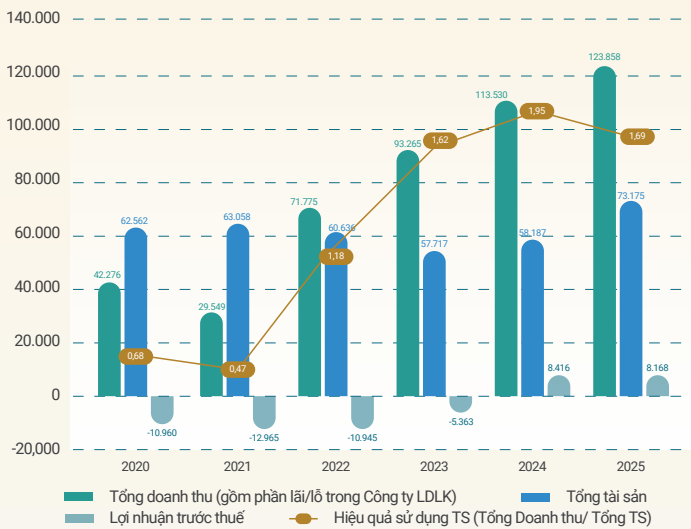


Hệ số sinh lời

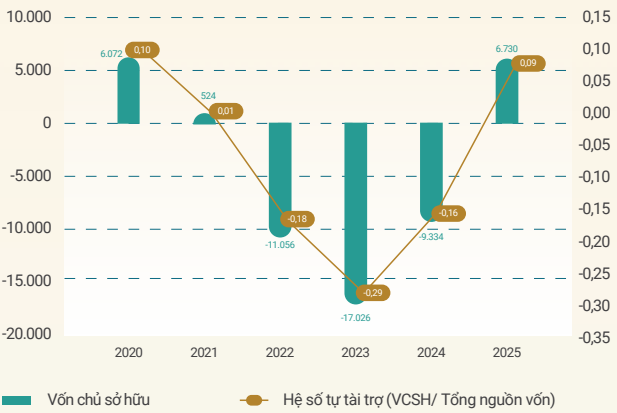


2.2. Báo cáo hợp nhất

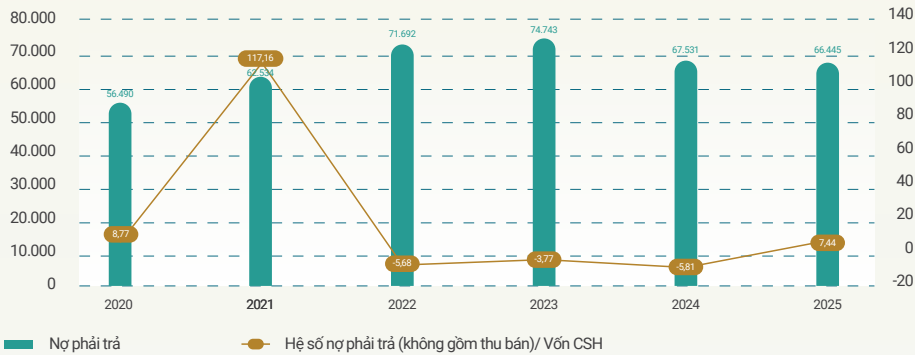
Tổng doanh thu, Tài sản,
Lợi nhuận trước thuế và Hiệu quả
sử dụng tài sản



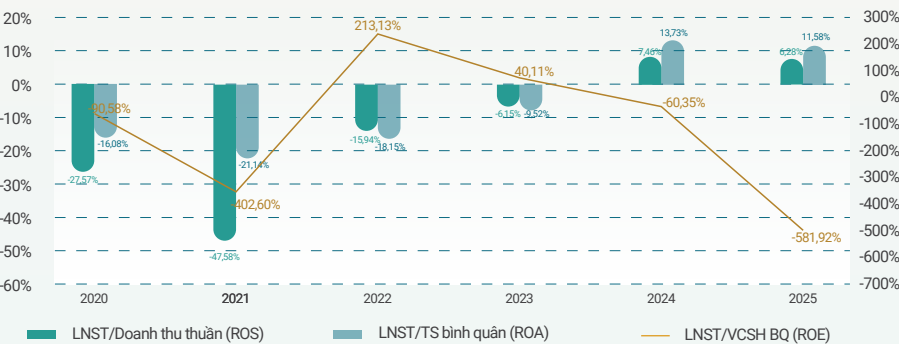
Khả năng tự chủ nguồn vốn



Nợ phải trả và Hệ số nợ



Hệ số sinh lời



05

Đánh giá của Hội đồng quản trị

01

Các mặt hoạt động của Vietnam Airlines

02

Hoạt động của Ban Giám đốc

03

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines

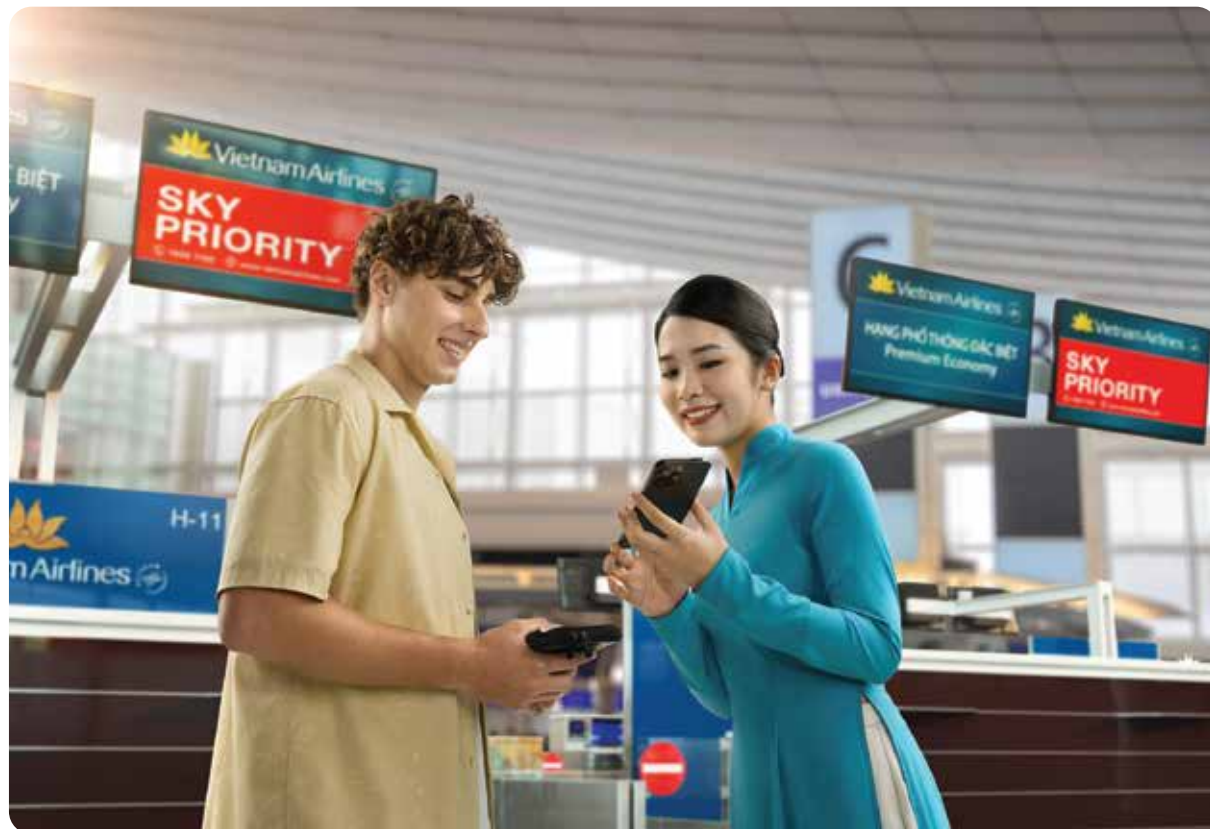
1.1. Công việc trọng tâm của Vietnam Airlines

- ✎ Tổ chức thành công 02 ĐHĐCĐ thường niên và bất thường để thông qua các nội dung theo thẩm quyền và quy định.
- ✎ Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, Ban giám đốc đã triển khai các giải pháp điều hành hoạt động SXKD phù hợp với diễn biến thị trường, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hoạt động khai thác, tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện năng lực quản trị.

✎ Thường xuyên cập nhật thị trường, rà soát sản phẩm để đưa ra các khuyến nghị, giải pháp điều hành; linh hoạt điều chỉnh sản phẩm trên cơ sở mục tiêu đảm bảo thị phần, hiệu quả, cân đối các vấn đề nguồn lực tàu bay, slot lịch sử và slot được xác nhận. Mở rộng thêm mạng bay quốc tế đến nhiều quốc gia như Ý, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc... thông qua việc khôi phục và mở mới tới nhiều đường bay. Chủ động điều hành tải cung ứng và các chính sách thương mại phù hợp với thị trường, tập trung nguồn lực củng cố thị phần trên các đường bay trọng điểm, qua đó đảm bảo thị phần VNA Group dẫn đầu trong mạng bay nội địa; Tăng cường công tác điều hành giá, chỗ, mở rộng kênh bán online; Tiếp tục nâng cao hiệu suất sử dụng tàu bay; Chủ động triển khai các công cụ quản lý, điều hành quỹ slot. Nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng trải nghiệm của khách hàng thông qua việc nâng cấp toàn diện các sản phẩm, dịch vụ mặt đất và trên không như check-in lounge, boarding theo zone, self check-in, sinh trắc học, cải tiến phòng khách Bông Sen, đổi mới toàn diện sản phẩm ẩm thực, cải thiện, đa dạng hóa nội dung giải trí, triển khai mùi hương thương hiệu. Thực hiện hiệu quả công tác điều hành khai thác và định kỳ bảo dưỡng các đội tàu bay, đảm bảo hệ số sẵn sàng khai thác đội tàu bay ở mức 95%, tương đương với nhiều Hãng hàng không lớn trên thế giới.

✎ Đồng thời, TCT tiếp tục điều hành linh hoạt chính sách sử dụng nhân lực phù hợp với quy mô sản xuất; tăng cường thực hiện tạo nguồn, đào tạo phi công Việt Nam, đảm bảo phát triển cơ cấu nguồn lực cân đối. Sử dụng nguồn lực tiếp viên thời vụ, tiếp viên nước ngoài linh hoạt, hiệu quả. TCT điều hành linh hoạt chính sách tiền lương theo kết quả SXKD.



✎ Trong năm 2025, TCT tiếp tục thực hiện việc tăng cường quản trị, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đặc biệt là đội máy bay để nâng cao hiệu quả SXKD. Hiệu suất sử dụng máy bay trung bình năm 2025 là giờ/MB/ngày đạt 11,8 giờ (tăng 12% so với cùng kỳ năm 2024 và tăng 1,2% so với kế hoạch). Kết quả các giải pháp quản trị tối ưu hóa chi phí ước tính đạt khoảng 1.200 tỷ VND.

✎ TCT nhận được hàng loạt giải thưởng danh giá như “Top 25 Hãng hàng không tốt nhất thế giới; Top 25 Hãng hàng không an toàn nhất thế giới và Hãng hàng không có hạng Phổ thông đặc biệt tốt nhất của Airline Ratings; Top 10 Hãng hàng không Châu Á tốt nhất và Top 10 Hãng hàng không có hạng ghế tốt nhất của tạp chí DestinAsia; Các giải thưởng hàng đầu Châu Á về thương hiệu, chương trình khách hàng thân thiết, tạp chí trên không do World Travel Award bình chọn” minh chứng cho nỗ lực không ngừng nghỉ, là sự công nhận xứng đáng cho sức cống hiến và khát vọng chinh phục những đỉnh cao mới của TCT.

✎ Với kết quả vận tải hàng không đạt tích cực hơn dự kiến đầu năm, TCT đã cân đối được dòng tiền đảm bảo thanh toán các khoản mục phục vụ SXKD, tăng cường dự trữ tiền cho các tình huống có thể phát sinh, đồng thời TCT cũng đã chủ động cân đối trả dần các khoản nợ để lại từ giai đoạn Covid-19. TCT hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn giai đoạn 1 theo NQ 174/QH-15 giúp bổ sung vốn điều lệ và dòng tiền 8.971 tỷ VND. Dự kiến tại thời điểm cuối năm 2025, TCT sẽ không còn nợ vay ngắn hạn và cơ bản trả hết các khoản nợ nhà cung cấp quá hạn đã được thống nhất lịch trả nợ trong năm 2025. Trạng thái tài chính cải thiện rõ rệt và công tác quản trị điều hành được nâng cao nhiều mặt sẽ góp phần tạo tiền đề vững chắc hơn để VNA tiếp tục phục hồi tài chính và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.



1.2. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

⊗ Về kết quả kinh doanh

Trên cơ sở chỉ đạo của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã giám sát và chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai đồng bộ các giải pháp SXKD ngay từ đầu năm 2025, tập trung vào mục tiêu đảm bảo hoạt động liên tục và phục hồi bền vững. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

- ⊗ **Mạng bay khôi phục hoàn toàn và không ngừng mở rộng trong năm 2025** với 72 đường bay quốc tế (tăng 14 đường bay so cùng kỳ) đến 38 điểm đến tại 21 quốc gia, và 41 đường bay nội địa (tăng 02 đường bay so cùng kỳ) đến 22 điểm đến trên toàn bộ các sân bay trong nước.
- ⊗ **Sản lượng khai thác vượt kế hoạch:** Năm 2025, VNA đã khai thác 156,2 nghìn chuyến bay, vận chuyển 25,6 triệu lượt hành khách, tăng 3,1% so KH và tăng 12,8% so CK; sản lượng hàng hóa đạt 344,4 nghìn tấn, thiếu 1% so KH và tăng 10,2% so CK. Hiệu quả khai thác được nâng cao đáng kể với giờ bay bình quân đạt 11,8 giờ mỗi ngày trên mỗi tàu bay, tăng 8% so CK và tăng 1% so KH.
- ⊗ **Chất lượng dịch vụ** tiếp tục được quan tâm đầu tư, tiếp tục hoàn thiện để hướng tới mục tiêu trở thành Hãng hàng không 5 sao. Trong bối cảnh ngành hàng không cạnh tranh ngày càng gay gắt, trải nghiệm hành khách không chỉ là yếu tố hỗ trợ mà đã trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi. Nhận thức rõ điều đó, Vietnam Airlines đã liên tục đầu tư nâng cấp đồng bộ từ dịch vụ mặt đất, dịch vụ trên không cho đến chuyển đổi số và cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng.
- ⊗ **Hiệu quả tài chính tích cực** Nhờ thị trường VTHK tiếp tục diễn biến khả quan trong năm 2025 cùng các nỗ lực trong điều hành và thực hiện quyết liệt các giải pháp tăng hiệu quả SXKD và lợi nhuận, TCT tiếp tục đạt kết quả SXKD năm 2025 tích cực:
 - ⊕ **Công ty Mẹ:** Doanh thu đạt 98.059 tỷ VND, tăng 16,1% so CK và tăng 5,1% so KH 2025 do ĐHĐCĐ thông qua; lợi nhuận trước thuế đạt 5.427 tỷ VND, tăng 94,7% so CK và tăng 30,2% so KH.
 - ⊕ **Hợp nhất:** Doanh thu hợp nhất 123.858 tỷ VND, tăng 9,8% so CK, tăng 6,1% so KH; lợi nhuận trước thuế hợp nhất 8.168 tỷ đồng, tăng 47,1% so với KH, bằng 97,1% so CK (giảm do năm 2024 có hơn 4.700 tỷ đồng thu nhập từ xóa nợ PA).

⊗ Tiền lương, thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát

Mức thù lao thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát trong năm 2025 được thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.

⊗ Tình hình tái cơ cấu theo Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021 - 2025

Đề án cơ cấu lại TCTHK giai đoạn đến hết năm 2025 đã được HĐQT phê duyệt tại NQ số 1122/NQ-HĐQT-TCTHK ngày 02/07/2025 trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ VNA tại NQ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2022 và NQ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2025. Nhìn chung, TCT đã hoàn thành các mục tiêu tổng quát của Đề án cơ cấu lại, tiếp tục khẳng định vai trò của Hãng hàng không quốc gia và lực lượng vận tải chủ lực, bảo đảm kết nối giao thông hàng không, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng.

TCT đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp nội lực trên tất cả các lĩnh vực:

- ⊗ **Cơ cấu lại tài sản để đổi mới công nghệ, tăng thanh khoản và khả năng trả nợ:** Trong giai đoạn 2021 - 2025, bên cạnh việc bán/bán và thuê lại (SLB) các tàu bay, động cơ dự phòng, TCT đã chủ động và linh hoạt điều

chỉnh kế hoạch bán/SLB tàu bay nhằm phù hợp với nhu cầu khai thác thực tế và diễn biến thị trường thuê tàu trong bối cảnh ngành hàng không phục hồi mạnh sau đại dịch Covid-19.

- ⊗ **Cơ cấu và thoái vốn tại một số danh mục đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, đồng thời hoàn thiện hệ sinh thái phù hợp với điều kiện thị trường mới:** TCT đã cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng tập trung vào ngành nghề cốt lõi là vận tải hàng không và các dịch vụ đồng bộ trong chuỗi giá trị hàng không (bảo dưỡng tàu bay, phục vụ mặt đất, suất ăn, logistics, nhiên liệu). Các khoản đầu tư ngoài ngành hoặc không còn phù hợp được từng bước thoái vốn theo lộ trình. Qua đó, TCT củng cố được năng lực lõi, nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tạo sự liên kết đồng bộ giữa các đơn vị trong hệ sinh thái VNA Group.
- ⊗ **Cơ cấu lại nguồn vốn nhằm khắc phục tình trạng âm vốn chủ sở hữu:** Thực hiện phê duyệt của ĐHĐCĐ, TCT đã triển khai và hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 với tổng số cổ phiếu đã phát hành thêm là 897.104.037 cổ phiếu (tương ứng 99,68% tổng số cổ phiếu chào bán); vốn điều lệ của TCT sau đợt phát hành tăng 8.971 tỷ đồng, đạt 31.115 tỷ đồng. Cùng với kết quả kinh doanh có lãi liên tục trong các năm 2024 - 2025, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ và hợp nhất đến 30/9/2025 đã chấm dứt tình trạng âm vốn, qua đó củng cố nền tảng tài chính và nâng cao khả năng tự chủ vốn của VNA.
- ⊗ **Sắp xếp tổ chức bộ máy để nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, quản trị theo chuẩn mực quốc tế và bảo đảm thu nhập, đời sống người lao động:** TCT đã giảm số lượng đầu mối, hợp nhất các đơn vị tương đồng, đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng nguyên tắc quản trị tiên tiến và tăng cường kiểm soát nội bộ, góp phần tối ưu nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng tính linh hoạt trong điều hành. Tổng thể, quá trình tái cơ cấu tổ chức đã mang lại chuyển biến tích cực, củng cố năng lực cạnh tranh và hiệu quả vận hành của TCT.
Nhìn chung, việc triển khai đồng bộ các giải pháp trong Đề án cơ cấu lại là cơ sở quan trọng để Tổng công ty nâng cao năng lực tài chính, tái định vị chiến lược phát triển, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phục hồi và tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo.

⊗ Dự án đầu tư đội tàu bay thân hẹp

Nằm trong chiến lược phát triển đội bay giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2040, kế hoạch đầu tư 50 máy bay thân hẹp là một trong những trụ cột quan trọng nhằm tăng cường năng lực khai thác, hiện đại hóa đội bay và mở rộng quy mô hoạt động của Tổng công ty. Khoản đầu tư này hướng tới việc mở rộng mạng bay tầm ngắn và trung bình tại các thị trường trọng điểm như Đông Nam Á, Đông Bắc Á và nội địa - nơi nhu cầu vận chuyển hành khách đang tăng trưởng nhanh, đồng thời cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Dự án không chỉ giúp VNA nâng cao hiệu quả khai thác, tiết kiệm nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính mà còn là một bước tiến quan trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, dài hạn của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam.

Đội tàu bay thân hẹp trong Dự án sẽ tập trung khai thác các đường bay nội địa và quốc tế có dung lượng trung bình, với thời gian bay dưới 5 giờ, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách ngày càng cao trong khu vực. Cấu hình đội tàu được chia theo hai nhóm tàu bay thân hẹp tương đương dòng A321 và A320 - phù hợp với hạ tầng hiện hữu và định hướng khai thác linh hoạt của Tổng công ty.

HĐQT đã ban hành NQ số 770/NQ-HĐQT và QĐ số 966/QĐ-HĐQT/TCTHK ngày 17/05/2025, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Dự án đầu tư 50 tàu bay thân hẹp, là cơ sở để TCT tiến hành các thủ tục lựa chọn nhà thầu cung cấp tàu bay và đã chọn Boeing là nhà thầu, khẩn trương đàm phán và ký kết hợp đồng mua 50 tàu bay B737-8 có lịch giao trong giai đoạn 2030 - 2032 với Boeing vào ngày 31/05/2025.

⊗ **Đánh giá thực hiện nhiệm vụ do HĐQT các năm trước giao**

⊗ **Về chủ trương bán 06 tàu ATR72 - thay thế bằng đội bay phản lực khu vực**

HĐQT 2021 đã thông qua chủ trương bán 6 tàu ATR72. Tuy nhiên, trong bối cảnh việc nâng cấp sân bay Côn Đảo (sân bay khai thác chính của đội bay ATR) chưa có kế hoạch cụ thể, và nhu cầu khai thác thay đổi nên TCT sẽ tiếp tục duy trì khai thác các tàu bay ATR đến hết năm 2026 và sẽ triển khai bán phù hợp theo tiến độ nâng cấp sân bay Côn Đảo.

⊗ **Về chủ trương bán 9 tàu A321 CEO**

TCT đã thực hiện bán 03 tàu bay trong năm 2024. Do thị trường thuê/bán tàu bay tăng giá và khan hiếm nguồn cung, việc bán 6 tàu còn lại sẽ tạm thời được đẩy lùi để đảm bảo nguồn lực khai thác trong giai đoạn tiếp theo.

2. Về hoạt động của Ban Giám đốc

- ⊗ Trong năm 2025, Ban giám đốc đã triển khai có hiệu quả các giải pháp đảm bảo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường và hiệu quả, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hoạt động khai thác.
- ⊗ Ban giám đốc đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo của HĐQT, thực hiện quản lý điều hành hoạt động SXKD sát sao, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của TCT và các cổ đông.
- ⊗ Hàng tháng, Tổng Giám đốc có báo cáo định kỳ về kết quả SXKD của TCT tại các phiên họp HĐQT. Hàng quý, Tổng giám đốc đều báo cáo HĐQT kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- ⊗ Ban giám đốc đã thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh các vấn đề vượt thẩm quyền quyết định của TGD. Ban giám đốc cũng đã tổ chức làm việc thường xuyên với các CQ, ĐV để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD và có những điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với từng thời điểm của quá trình hoạt động SXKD của TCT.
- ⊗ Tổng Giám đốc cũng đồng thời là thành viên HĐQT, vì vậy việc thông tin giữa Ban Giám đốc và HĐQT rất chặt chẽ và thường xuyên. Theo đó, công tác giám sát kết quả hoạt động kinh doanh của Ban Giám đốc cũng được diễn ra liên tục, đảm bảo việc hỗ trợ và định hướng kịp thời từ HĐQT.



3. Về kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

TCT xác định các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:

- ⊗ **Đáp ứng yêu cầu tăng trưởng 2 con số của Thủ tướng Chính phủ** tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/05/2025 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, đồng thời bảo đảm phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và định hướng tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn, hướng tới tầm nhìn đến năm 2030 của Nhà nước, Chính phủ.
- ⊗ **Cải thiện hiệu quả SXKD**, nhanh chóng khắc phục các hệ quả tài chính giai đoạn trước do đại dịch Covid-19 gây ra, xoá lỗ lũy kế trong giai đoạn 2026 - 2030.
- ⊗ **Tiếp tục tối ưu sử dụng nguồn lực**, nâng cao hiệu quả của đội tàu bay theo từng loại tàu bay, từng đầu tàu bay, đảm bảo hiệu suất sử dụng đội tàu bay, đảm bảo công tác định kỳ bảo dưỡng, nâng cao chất lượng công tác điều hành lịch bay, không bố trí lực lượng tàu dự bị, nâng hiệu suất sử dụng đội tàu.
- ⊗ **Tiếp tục triển khai tái cấu trúc** về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Đảm bảo nguồn lực phi công, tiếp viên, kỹ sư cho phương án sản lượng cao; chú trọng đào tạo cán bộ quản lý.
- ⊗ **Đảm bảo tài cung ứng** nội địa bám sát nhu cầu thị trường, ưu tiên nguồn lực để duy trì thị phần trên các đường bay trọng điểm; nghiên cứu và mở rộng mạng bay với các đường bay quốc tế mới, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại, kết nối của khách hàng.



06

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

01

Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm

02

Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực

03

Tình hình đầu tư

04

Tình hình tài chính

05

Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

06

Kết quả phát triển trong tương lai

1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm

Trong năm 2025, bối cảnh tình hình vĩ mô trên thế giới có nhiều điểm bất ổn. Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp như xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine kéo dài, xung đột giữa Israel và Iran, cuộc đụng độ vũ trang của Thái Lan - Campuchia, bạo động ở Indonesia,... các vấn đề về thuế quan của Mỹ diễn biến phức tạp và FED giảm lãi suất chậm hơn dự kiến. Bên cạnh đó, Mỹ, Châu Âu tăng cường các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chính sách visa đang ảnh hưởng mạnh đến thị trường hàng không nói chung.

Theo chiều hướng ngược lại, môi trường vĩ mô trong nước có nhiều thuận lợi như kinh tế Việt Nam vẫn giữ được tăng trưởng tương đối khả quan, nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao trên thế giới. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn là điểm đến yêu thích trên nhiều tạp chí, diễn đàn và các cuộc bình chọn về du

lich. Thị trường hàng không quốc tế đã phục hồi rõ rệt và ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng bên cạnh việc nhiều đường bay mới khai trương so với năm 2024. Thị trường nội địa cũng ghi nhận đà phát triển tích cực, đặc biệt trong giai đoạn cao điểm Tết Nguyên đán và kỳ nghỉ lễ 30/4 - 1/5, cao điểm hè với lưu lượng hành khách tập trung nhiều trên các đường bay trực như Hà Nội - Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh - Đà Nẵng và nhóm đường bay du lịch. Những tháng cuối năm, thị trường nhìn chung tăng ổn định so với cùng kỳ.

Các khó khăn về yếu tố đầu vào như giá nhiên liệu, tỷ giá ở mức cao, đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguồn lực tàu bay, khó khăn về phụ tùng vật tư vẫn chưa có dấu hiệu được cải thiện và dự báo vẫn sẽ tiếp diễn trong năm 2026 gây ra những khó khăn không nhỏ trong hoạt động kinh doanh của TCT.

2. Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực

2.1. Mạng đường bay

Trong năm 2025, TCT đã mở rộng thêm mạng bay quốc tế đến nhiều quốc gia như Đan Mạch, Ý, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đông Nam Á... Đáng chú ý, trong năm 2025, TCT đã khôi phục và mở mới tới 14 đường bay, đây là con số kỷ lục về số đường

bay mới trong một năm. Tính đến thời điểm hiện tại, TCT đã có mạng bay quốc tế gồm 72 đường bay đến 38 điểm đến trên 21 quốc gia, mạng bay nội địa có 41 đường bay đến toàn bộ 22 sân bay trong nước.

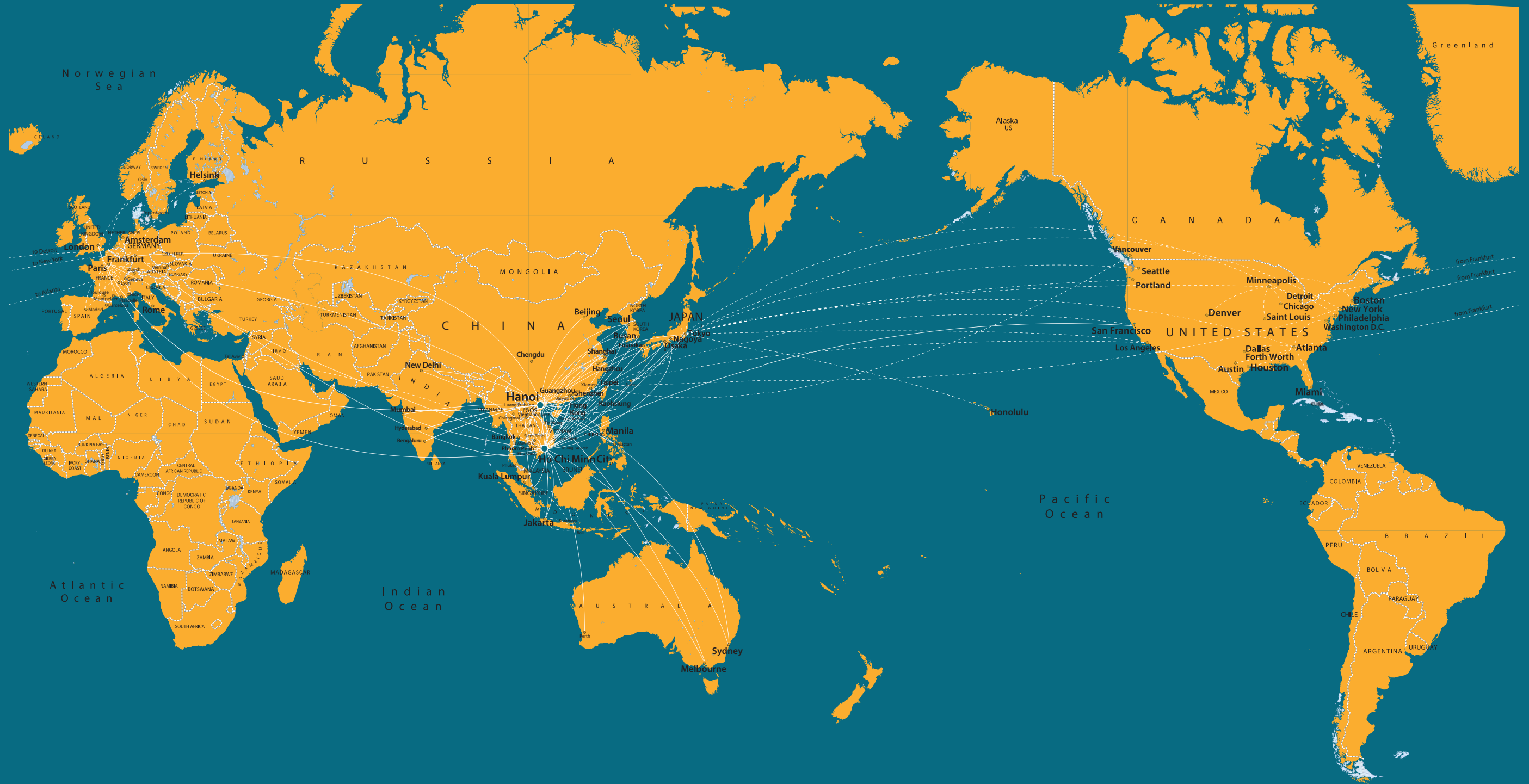
Bảng số liệu đường bay tổng hợp, nội địa, quốc tế (Trực tiếp khai thác)

Năm 2025	Điểm đến		Mạng đường bay	
	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế
Công ty mẹ	22	38	41	72
PA	10	0	13	0

(Số liệu tính tại thời điểm tháng 12/2025)



Mạng đường bay quốc tế



- Chặng bay do Vietnam Airlines khai thác.
Operated by Vietnam Airlines.
- - - - Chặng bay hợp tác liên danh với các Hãng hàng không khác.
Operated by codeshare partners.

Vietnam Airlines hợp tác liên danh với SNCF từ Paris đến 20 điểm nội địa Pháp.
Vietnam Airlines offers codeshare services on 20 domestic French routes to/from Paris operated by SNCF.

Mạng đường bay nội địa



— Chặng bay do Vietnam Airlines khai thác.
Operated by Vietnam Airlines.

- - - Chặng bay do Air Cambodia khai thác.
Operated by Air Cambodia.

Mạng đường bay Châu Á



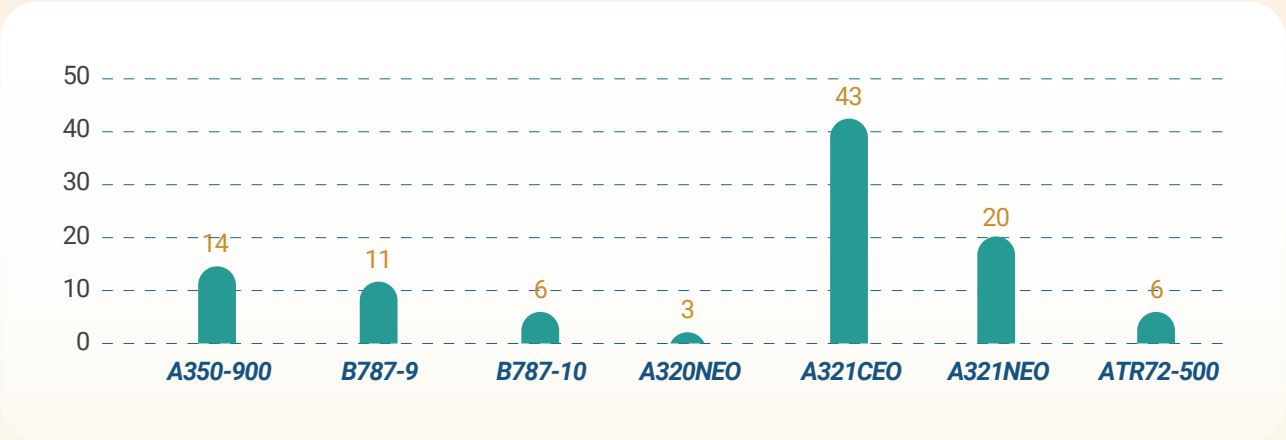
— Chặng bay do Vietnam Airlines khai thác.
Operated by Vietnam Airlines.

- - - Chặng bay liên danh với các Hãng hàng không khác.
Operated by codeshare partners.

... Vietnam Airlines hợp tác liên danh với All Nippon Airways trên một số chặng nội địa Nhật Bản.
Vietnam Airlines offers codeshare flights on some domestic Japanese routes operated by All Nippon Airways.

2.2. Đội tàu bay

2.2.1. Cơ cấu đội tàu bay tại 31/12/2025



2.2.2. Số liệu đội tàu bay tại 31/12/2025

Loại máy bay	Tính đến 31/12/2025			Ghi chú
	Thuê	Sở hữu	Tổng	
Tàu bay TurboProp	0	6	6	Tàu bay sử dụng động cơ Turbin cánh quạt, 68 ghế
ATR72-500	0	6	6	Bao gồm 01 tàu bay cho K6 thuê khô
Tàu bay thân hẹp	33	33	66	(Từ 178 - 203 ghế)
A320NEO	3	0	3	
A321CEO	10	33	43	Bao gồm 03 tàu bay cho PA thuê khô
A321NEO	20	0	20	
Tàu bay thân rộng	24	7	31	(Từ 274 - 367 ghế)
A350-900	14	0	14	
B787-9	4	7	11	
B787-10	6	0	6	
TỔNG	57	46	103	

2.2.3. Biến động tăng giảm tàu bay sử dụng trong năm 2025

Loại máy bay	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Biến động	Ghi chú
A350 - 900	14	14	0	
B787-9	11	11	0	
B787-10	6	6	0	
A320NEO	3	3	0	
A321CEO	43	43	0	Bao gồm 03 tàu bay cho PA thuê khô
A321NEO	20	20	0	
ATR72 - 500	6	6	0	Bao gồm 01 tàu bay cho K6 thuê khô
TỔNG	103	103	0	

⊗ Kế hoạch phát triển đội bay giai đoạn 2026 - 2030 (tàu trung bình năm, gồm cả chở khách và chở hàng).

VNA (VN+0V)	2026	2027	2028	2029	2030
Thân rộng	66	79	91	99	107
Thân hẹp	30	31	33	40	44
ATR/ Phản lực khu vực	6				
Tổng tàu	102	110	124	139	151

⊗ Định hướng chủng loại tàu bay: VNA Group định hướng sử dụng đội tàu bay chở khách công nghệ mới, đơn giản về chủng loại. Theo đó đội bay thân hẹp để khai thác thị trường nội địa, các đường bay quốc tế có dung lượng thấp tập trung chủ yếu mạng bay dưới 5 giờ bay và đội tàu bay thân rộng tiếp tục khai thác Mỹ, Châu Âu, Úc, Đông Bắc Á là 02 đội bay chủ lực. TCT đồng thời sẽ tiếp tục xem xét và nghiên cứu phương án đưa vào khai thác đội tàu bay phản lực khu vực trên cơ sở nhu cầu phát triển kế hoạch mạng bay, đường bay phù hợp. Bên cạnh đó, TCT dự kiến đưa đội tàu bay chở hàng chuyên dụng vào khai thác.

⊗ Nhằm đạt được các mục tiêu phát triển mạng đường bay, thị phần và đảm bảo khả năng cạnh tranh của TCT, dự kiến đến năm 2030, nhu cầu đội tàu bay chở khách thân rộng của TCT là 43; đội thân hẹp chở khách là 105 tàu. Số lượng tàu bay sẽ được liên tục rà soát, điều chỉnh linh hoạt theo tình hình phát triển thực tế của thị trường, nhóm đường bay liên quan.

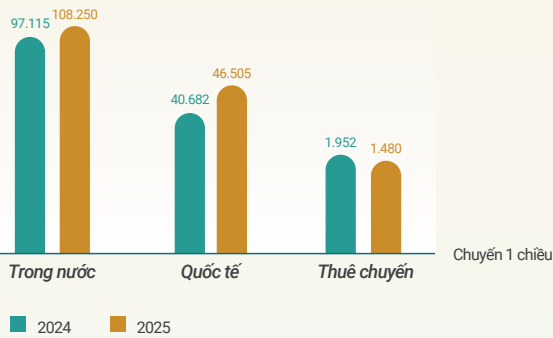
2.3. Thương mại

2.3.1. Vận chuyển hành khách

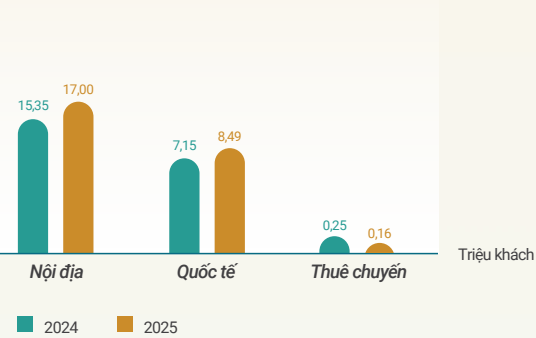
✈ Công ty mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025	2025/2024 (%)
Tổng số chuyến bay	Chuyến 1 chiều	139.749	156.235	111,8%
Trong nước		97.115	108.250	111,5%
Quốc tế		40.682	46.505	114,3%
Thuê chuyến		1.952	1.480	75,8%
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	22,75	25,64	112,7%
Nội địa		15,35	17,00	110,8%
Quốc tế		7,15	8,49	118,7%
Thuê chuyến		0,25	0,16	61,4%

Tổng số chuyến bay

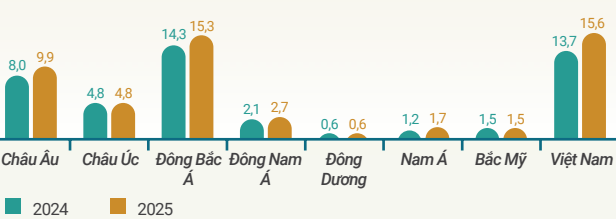


Hành khách vận chuyển

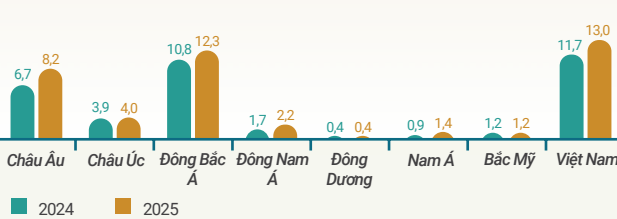


TT	Chỉ tiêu	ASK (tỷ ghế.km)			RPK (tỷ khách.km)			Hệ số sử dụng ghế/tải (%)		
		2024	2025	% chênh lệch	2024	2025	% chênh lệch	2024	2025	% chênh lệch
1	Châu Âu	8,0	9,9	124,1%	6,7	8,2	123,1%	83,7%	83,0%	(0,7)
2	Châu Úc	4,8	4,8	99,6%	3,9	4,0	102,9%	81,4%	84,1%	2,8
3	Đông Bắc Á	14,3	15,3	107,3%	10,8	12,3	113,9%	75,5%	80,1%	4,6
4	Đông Nam Á	2,1	2,7	131,7%	1,7	2,2	131,6%	82,6%	82,2%	(0,4)
5	Đông Dương	0,6	0,6	94,9%	0,4	0,4	98,4%	61,3%	63,6%	2,3
6	Nam Á	1,2	1,7	145,5%	0,9	1,4	161,7%	75,1%	83,7%	8,5
7	Bắc Mỹ	1,5	1,5	99,5%	1,2	1,2	94,3%	83,4%	79,1%	(4,3)
8	Việt Nam	13,7	15,6	113,5%	11,7	13,0	111,7%	84,8%	83,5%	(1,3)
	Tổng	46,1	52,1	112,9%	37,2	42,7	114,8%	80,6%	82,0%	1,4

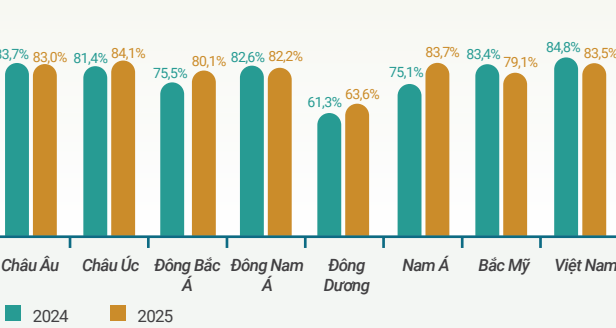
ASK (tỷ ghế.km)



RPK (tỷ khách.km)



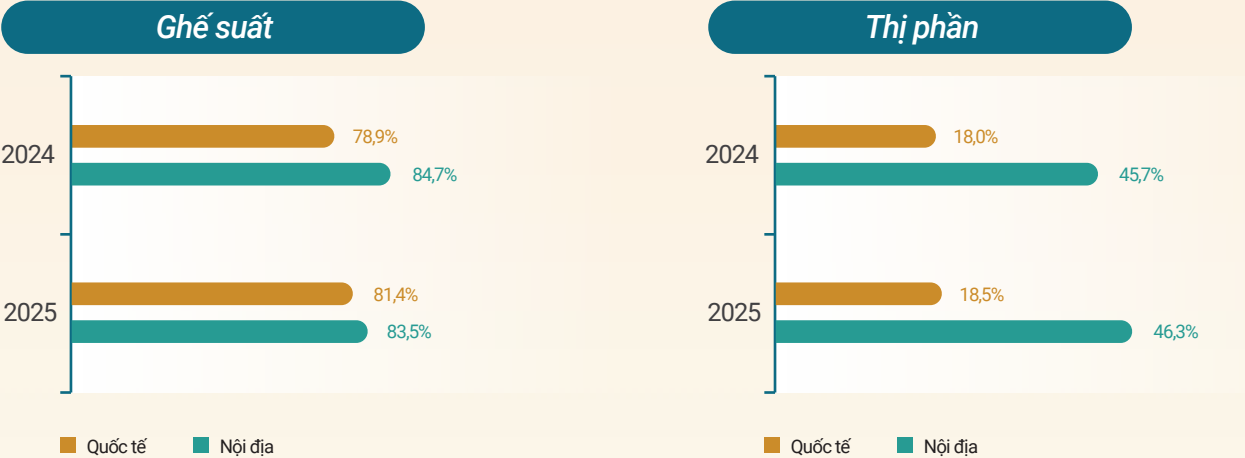
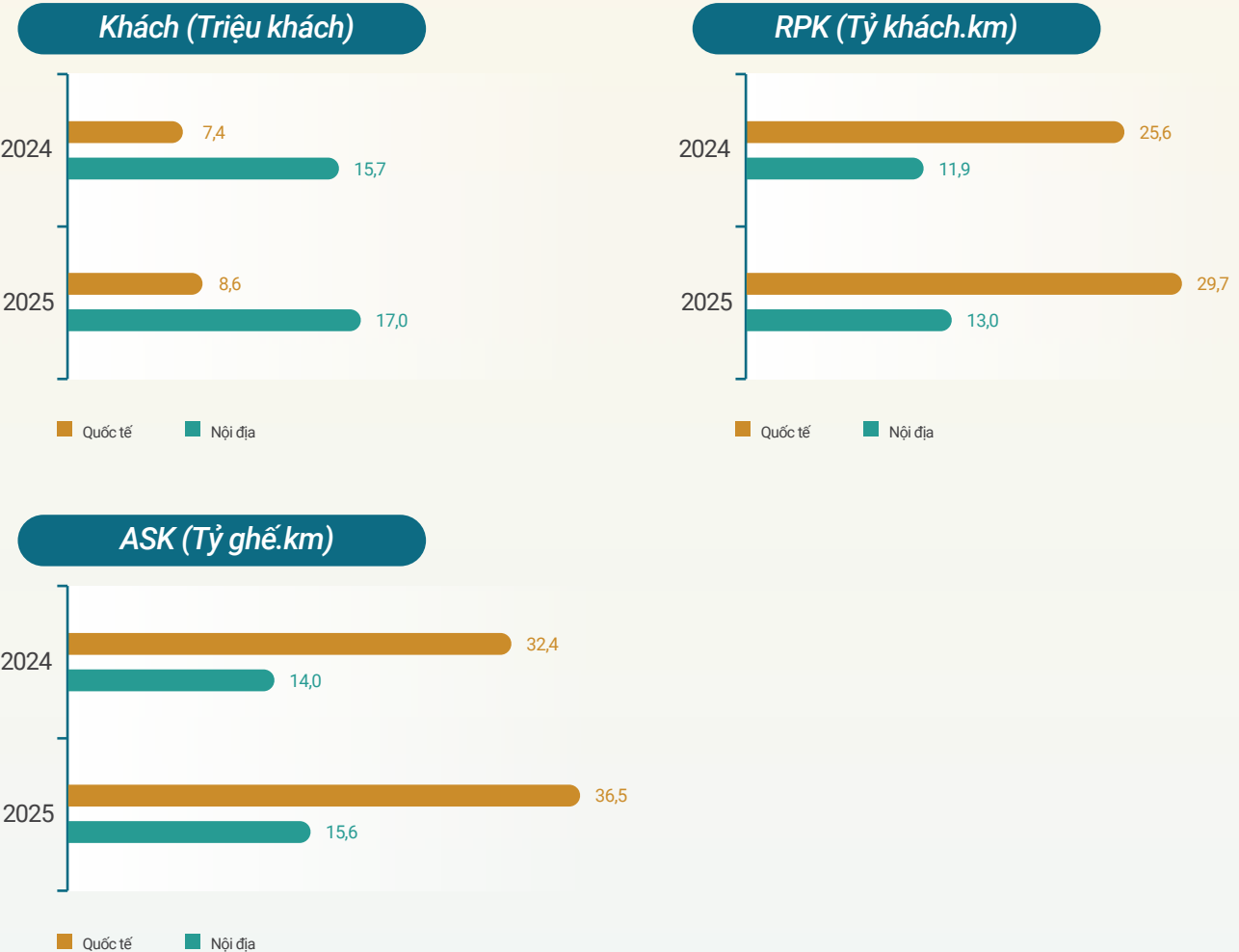
Hệ số sử dụng ghế/tải (%)



VNA Group

Chỉ số	Quốc tế			Nội địa			Tổng		
	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
Khách	7,4	8,6	116,7%	15,7	17,0	108,3%	23,1	25,6	111,0%
RPK	25,6	29,7	116,2%	11,9	13,0	109,5%	37,5	42,7	114,1%
ASK	32,4	36,5	112,6%	14,0	15,6	111,4%	46,4	52,1	112,2%
Ghế suất	78,9%	81,4%	2,5	84,7%	83,5%	(1,2)	80,7%	82,0%	1,3
Thị phần (*)	18,0%	18,5%	0,5	45,7%	46,3%	0,6	30,6%	30,7%	0,1

(ĐV tính Khách: 1.000, RPK: tỷ kh.km; ASK: tỷ ghế.km, ghế suất: %, thị phần: %)
(*): Bao gồm thuê chuyến



2.3.2. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của VNA

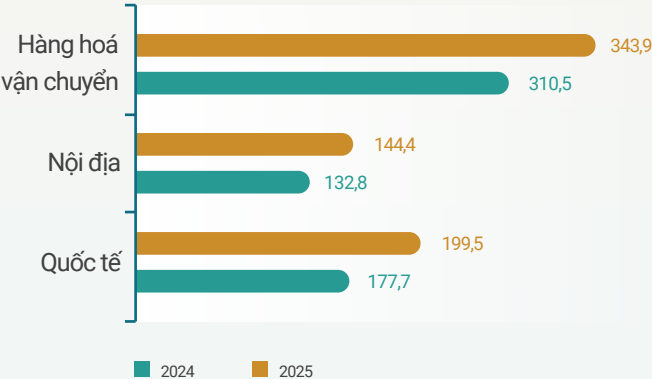
1. Cập nhật số liệu 2020 - 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2025/2024 (%)
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	195,3	219,5	213,0	224,9	310,5	343,9	111%

2. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2024 - 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025	2025/2024 (%)
Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	310,5	343,9	111%
Nội địa		132,8	144,4	109%
Quốc tế		177,7	199,5	112%

(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa Sales Force)



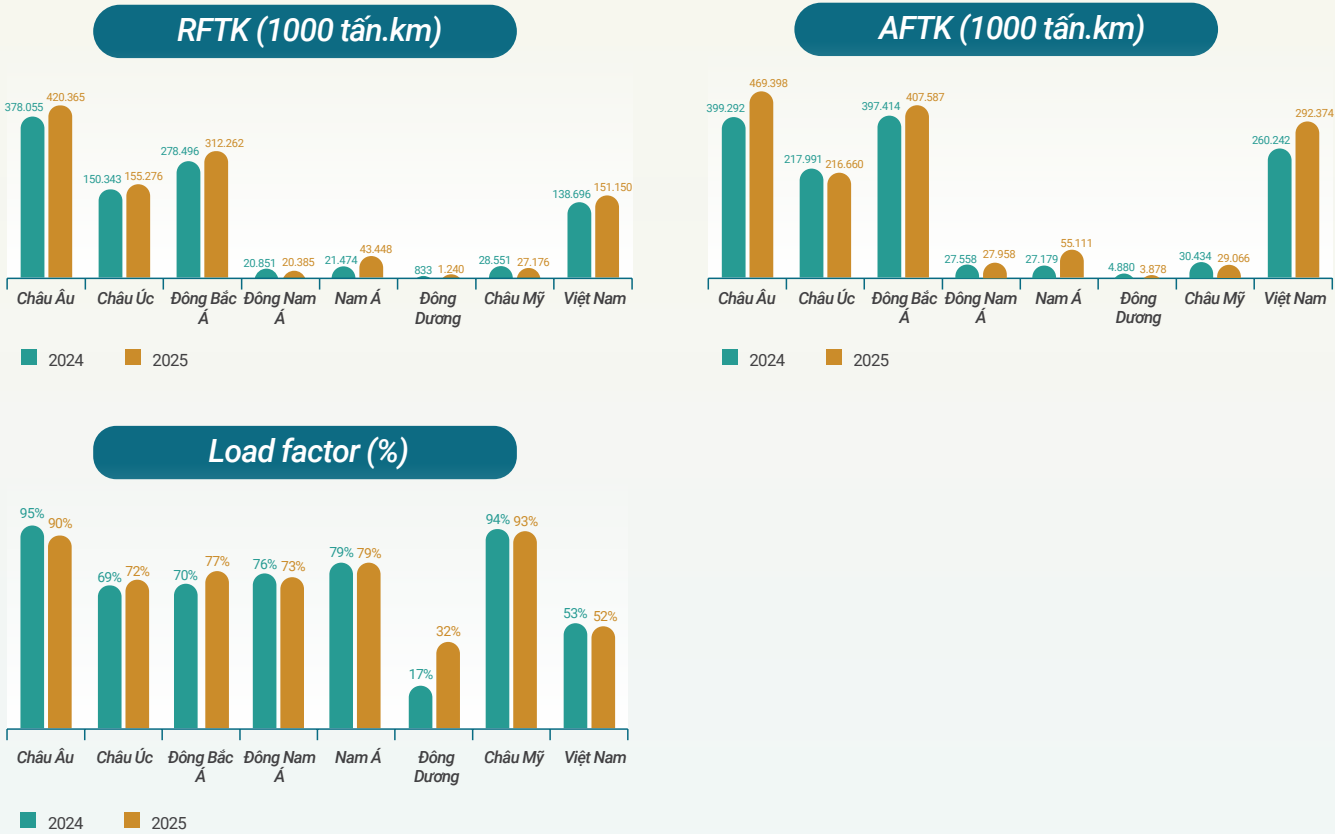
3. Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

TT	Chỉ tiêu	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
		2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
1	Châu Âu	378.055	420.365	111%	399.292	469.398	118%	95%	90%	-5%
2	Châu Úc	150.343	155.276	103%	217.991	216.660	99%	69%	72%	3%
3	Đông Bắc Á	278.496	312.262	112%	397.414	407.587	103%	70%	77%	7%
4	Đông Nam Á	20.851	20.385	98%	27.558	27.958	101%	76%	73%	-3%
5	Nam Á	21.474	43.448	202%	27.179	55.111	203%	79%	79%	0%
6	Đông Dương	833	1.240	149%	4.880	3.878	79%	17%	32%	15%
7	Châu Mỹ	28.551	27.176	95%	30.434	29.066	96%	94%	93%	-1%
8	Việt Nam	138.696	151.150	109%	260.242	292.374	112%	53%	52%	-1%
	Tổng	1.017.299	1.131.302	111%	1.364.990	1.502.032	110%	75%	75%	0%

(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa Sales Force)

Tổng thị trường hàng hóa Việt Nam năm 2025 bằng 119% so với 2024 (quốc tế bằng 123%, nội địa bằng 99%).

Với nỗ lực bán của VNA, việc khai thác hàng hóa toàn mạng bay của VNA năm 2025 đạt kết quả như sau: Sản lượng hàng hóa bưu kiện luân chuyển đạt 1.127 triệu tấn.km, bằng 111% so với 2024, trong đó quốc tế 980 triệu tấn.km, bằng 112% so với 2024, nội địa 147 triệu tấn.km bằng 106% so với 2024.



Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của VASCO

1. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2024 - 2025

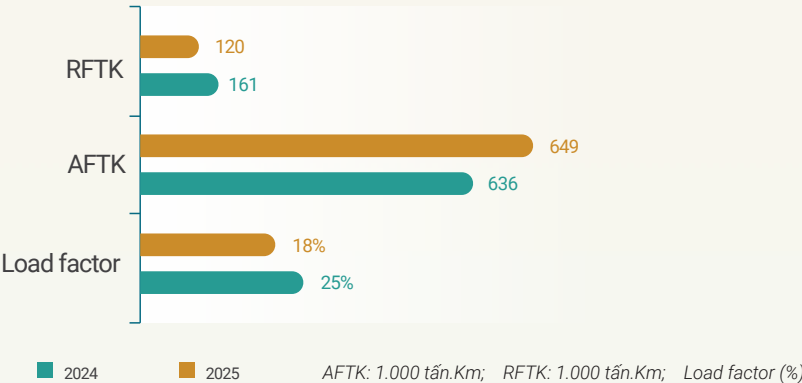
Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025	2025/2024 (%)
Nội địa	Nghìn tấn	0,704	0,521	74%

(Nguồn: VASCO cung cấp)

2. Đánh giá phân tích thị trường khai thác theo khu vực

Chỉ tiêu	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
Việt Nam	161	120	75%	636	649	102%	25%	18%	-7%
Tổng	161	120	75%	636	649	102%	25%	18%	-7%

(Nguồn: VASCO cung cấp)



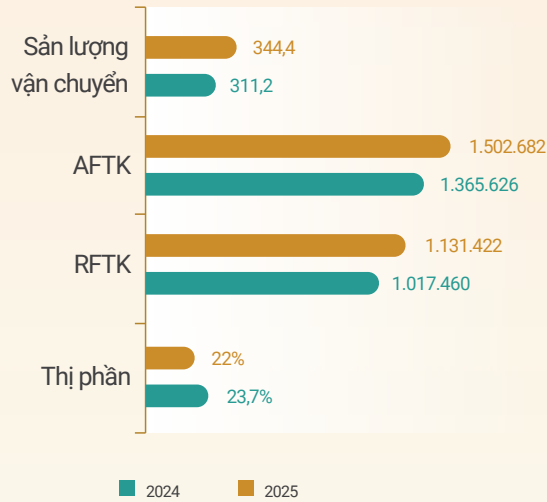
Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện VNA và VASCO

1. Cập nhật số liệu 2020 - 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2025/2024 (%)
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	196,0	219,8	213,9	225,7	311,2	344,4	111%

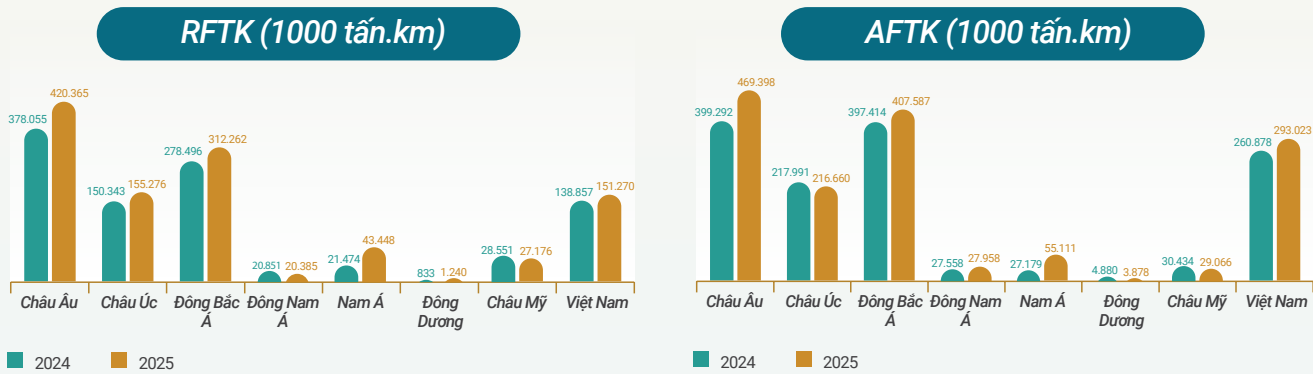
2. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

Chỉ tiêu VNA & VASCO	ĐVT	2024	2025	2025/2024 (%)
Sản lượng vận chuyển	Nghìn tấn	311,2	344,4	109%
AFTK	1000 tấn.km	1.365.626	1.502.682	110%
RFTK	1000 tấn.km	1.017.460	1.131.422	111%
Thị phần	%	23,7%	22%	-1,7%

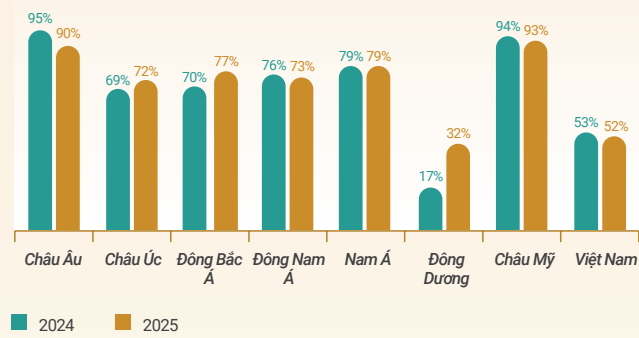


3. Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

TT	Chỉ tiêu	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
		2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
1	Châu Âu	378.055	420.365	111%	399.292	469.398	118%	95%	90%	-5%
2	Châu Úc	150.343	155.276	103%	217.991	216.660	99%	69%	72%	3%
3	Đông Bắc Á	278.496	312.262	112%	397.414	407.587	103%	70%	77%	7%
4	Đông Nam Á	20.851	20.385	98%	27.558	27.958	101%	76%	73%	-3%
5	Nam Á	21.474	43.448	202%	27.179	55.111	203%	79%	79%	0%
6	Đông Dương	833	1.240	149%	4.880	3.878	79%	17%	32%	15%
7	Châu Mỹ	28.551	27.176	95%	30.434	29.066	96%	94%	93%	-1%
8	Việt Nam	138.857	151.270	109%	260.878	293.023	112%	53%	52%	-1%
	Tổng	1.017.460	1.131.422	111%	1.365.626	1.502.682	110%	75%	75%	0%



Load factor (%)



Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của PA

1. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2024 - 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025	2025/2024 (%)
Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	1,86	3,70	199%
Nội địa		1,84	3,70	201%
Quốc tế		0,02	0	0

(Nguồn: PA cung cấp)

2. Đánh giá phân tích thị trường khai thác theo khu vực

Chỉ tiêu	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
Đông Nam Á	3	0	0%	7	0	0	43%	0	0
Việt Nam	55	3.659	6653%	83	8.287	9984%	66%	44%	-22%
Tổng	58	3.659	6309%	90	8.287	9208%	64%	44%	-20%

(Nguồn: PA cung cấp)

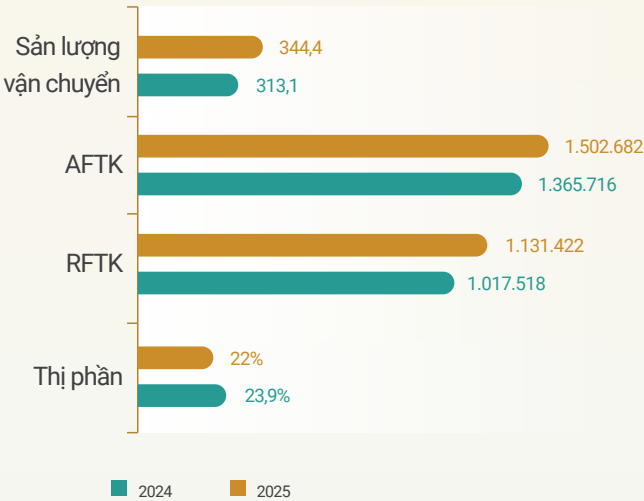
Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của VNA Group (Công ty mẹ và PA)

1. Cập nhật số liệu 2020 - 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2025/2024 (%)
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	201,7	222,2	217,4	230,0	313,1	344,4	110%

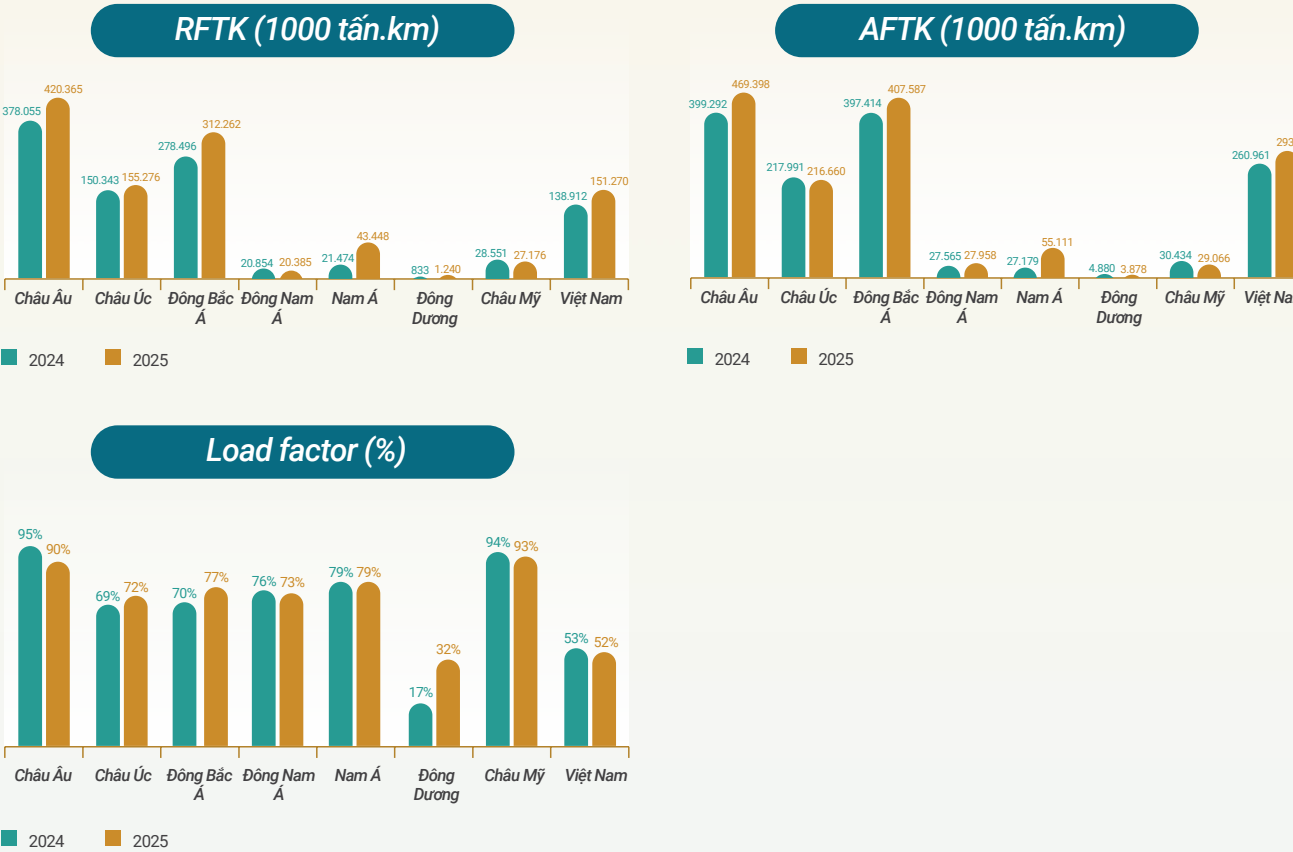
2. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

Chỉ tiêu VNA & VASCO và PA	ĐVT	2024	2025	2025/2024 (%)
Sản lượng vận chuyển	Nghìn tấn	313,1	344,4	110%
AFTK	1000 tấn.km	1.365.716	1.502.682	110%
RFTK	1000 tấn.km	1.017.518	1.131.422	111%
Thị phần	%	23,9%	22%	-1,9%



3. Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

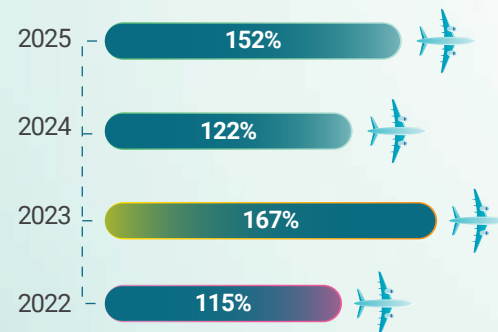
TT	Chỉ tiêu	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
		2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
1	Châu Âu	378.055	420.365	111%	399.292	469.398	118%	95%	90%	-5%
2	Châu Úc	150.343	155.276	103%	217.991	216.660	99%	69%	72%	3%
3	Đông Bắc Á	278.496	312.262	112%	397.414	407.587	103%	70%	77%	7%
4	Đông Nam Á	20.854	20.385	98%	27.565	27.958	101%	76%	73%	-3%
5	Nam Á	21.474	43.448	202%	27.179	55.111	203%	79%	79%	0%
6	Đông Dương	833	1.240	149%	4.880	3.878	79%	17%	32%	15%
7	Châu Mỹ	28.551	27.176	95%	30.434	29.066	96%	94%	93%	-1%
8	Việt Nam	138.912	151.270	109%	260.961	293.023	112%	53%	52%	-1%
	Tổng	1.017.518	1.131.422	111%	1.365.716	1.502.682	110%	75%	75%	0%



- Trong năm, Vietnam Airlines tập trung triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả bán và khai thác hàng hóa, trọng tâm là quản trị giá bán, tối ưu tải và phát huy lợi thế mạng bay. Hãng ưu tiên các nguồn hàng có giá trị cao trên các chặng quốc tế trọng điểm, đồng thời tăng cường gom hàng để tối ưu hiệu quả khai thác. Ở thị trường nội địa, Vietnam Airlines tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong vận chuyển hàng hóa đặc thù và thiết yếu, qua đó duy trì vị thế dẫn đầu thị trường.
- Bên cạnh đó, Hãng áp dụng chính sách bán và giá linh hoạt theo từng thị trường, sản phẩm và phân khúc khách hàng, kết hợp đẩy mạnh bán tải cứng trên các đường bay dài có lợi thế bay thẳng nhằm ổn định nguồn hàng và doanh thu. Hoạt động mở rộng kênh bán và hợp tác quốc tế tiếp tục được chú trọng thông qua hợp tác với các đối tác logistics toàn cầu, phát triển mạng lưới đại lý tại các thị trường mới.
- Song song đó, Vietnam Airlines tăng cường hợp tác Interline, SPA với các Hãng hàng không để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lực và phát triển bền vững hoạt động vận chuyển hàng hóa.

Chương trình khách hàng thường xuyên (Lotusmiles)

a. Doanh thu



b. Các chỉ tiêu chính

KPI	Đơn vị	2025	2024	SSCK
Số lượng HV	Triệu	7,2	6,2	114%
Tổng số dặm CT BSV	Tỉ	13,9	11,7	119%
Dặm tích lũy	Tỉ	7,1	6,8	105%

c. Hoạt động chính triển khai trong năm 2025

- Ra mắt Ứng dụng Lotusmiles với nhiều tính năng và trải nghiệm mới. Đặc biệt là tính năng gamification với nhiều trò chơi, tăng tương tác với Hội viên.
- Phát hành thẻ Lotusmiles Pay tích hợp tính năng thanh toán vào thẻ Hội viên Bông Sen Vàng.
- Tổ chức thành công “Diễn đàn hợp tác và gắn kết khách hàng thân thiết năm 2025”, là diễn đàn về Loyalty tầm cỡ quốc tế lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam tháng 09/2025.
- Tổ chức thành công cuộc họp Loyalty Advisoty Group meeting (LAG) của SkyTeam tại Hà Nội tháng 09/2025.
- Thực hiện phát triển Hội viên đa kênh với nhiều điểm chạm và tăng tỷ lệ Hội viên chất lượng cao.
- Xây dựng nhiều sản phẩm và chương trình CSR mang lại lợi ích cho cộng đồng và xã hội.
- Mở rộng hệ sinh thái đa lĩnh vực mang lại nhiều cơ hội tích dặm, trả thưởng và ưu đãi tới Hội viên.
- Mở rộng hợp tác FFP với Etihad Airways.
- Thực hiện truyền thông đa kênh và cá nhân hóa đem đến những tiện ích và trải nghiệm khác biệt cho Hội viên.

2.4. Dịch vụ

Đánh giá tổng thể về chất lượng dịch vụ và hiệu quả mang lại trong năm, các cải tiến

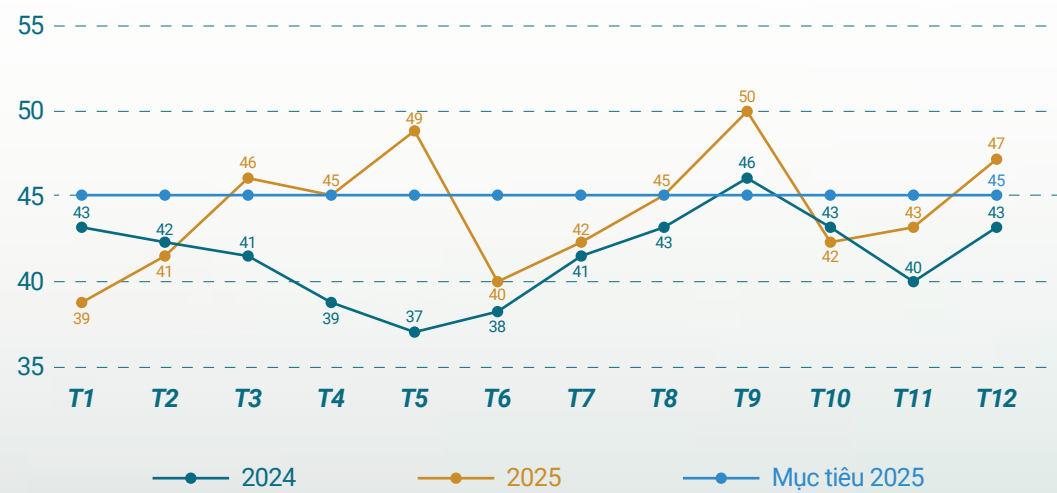
- Năm 2025, chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines tiếp tục được duy trì ổn định và ghi nhận nhiều dấu ấn đột phá. Với vai trò là Hãng hàng không quốc gia, Vietnam Airlines đã chủ động triển khai hàng loạt sản phẩm, dịch vụ mới lần đầu xuất hiện tại thị trường, từng bước tiệm cận tiêu chuẩn dịch vụ 5 sao quốc tế. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao trải nghiệm hành khách mà còn góp phần gia tăng mức độ gắn kết và lòng trung thành của khách hàng. Kết quả đạt được được khẳng định qua hàng loạt giải thưởng uy tín do các tổ chức quốc tế trao tặng.
- Trong năm 2025, Vietnam Airlines được các tổ chức đánh giá vinh danh là Hãng hàng không 5 sao về Trải nghiệm khách hàng (APEX) năm thứ ba liên tiếp; Top 25 Hãng hàng không truyền thống tốt nhất thế giới về an toàn và chất lượng dịch vụ (Airline Ratings); Giải thưởng bền vững quốc tế 2025 (Airline Ratings). Song song với các danh hiệu quốc tế, Vietnam Airlines tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ một cách toàn diện, qua đó khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành hàng không Việt Nam.
- Chỉ số hài lòng khách hàng (CSI) tiếp tục tăng trưởng và duy trì ở mức cao tại tất cả các điểm chạm, từ đội ngũ tiếp viên, nhân viên mặt đất đến các dịch vụ hỗ trợ, đều ghi nhận sự cải thiện rõ rệt, phản ánh mức độ hài lòng ngày càng gia tăng của hành khách.
- Chỉ số NPS (Net Promoter Score) - thước đo mức độ sẵn sàng giới thiệu dịch vụ của khách hàng - cũng đạt mức cao, vượt trung bình ngành, cho thấy sự tin tưởng và đánh giá tích cực của hành khách đối với thương hiệu Vietnam Airlines.
- Đặc biệt, trong năm 2025, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai Chương trình Uplifting Service bám sát lộ trình đề ra và đã đạt được nhiều kết quả tốt. Sự thay đổi rõ rệt trong tư duy chiến lược của lãnh đạo cấp cao với ưu tiên hàng đầu cho dịch vụ giúp hình thành tư duy, ý thức cải tiến, chăm sóc khách hàng của toàn bộ CBNV, đi đúngng mục tiêu và quan điểm của TCT là phát triển bền vững thông qua việc nâng tầm dịch vụ. Nhiều CBNV trong toàn TCT đã có hành động, ý tưởng cải tiến thiết thực trong công việc hàng ngày, giúp mang đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ xuất sắc.



⊗ **Các chỉ tiêu thể hiện độ hài lòng/phản hồi của khách hàng (CSI/NPS) và so sánh với bình quân ngành**

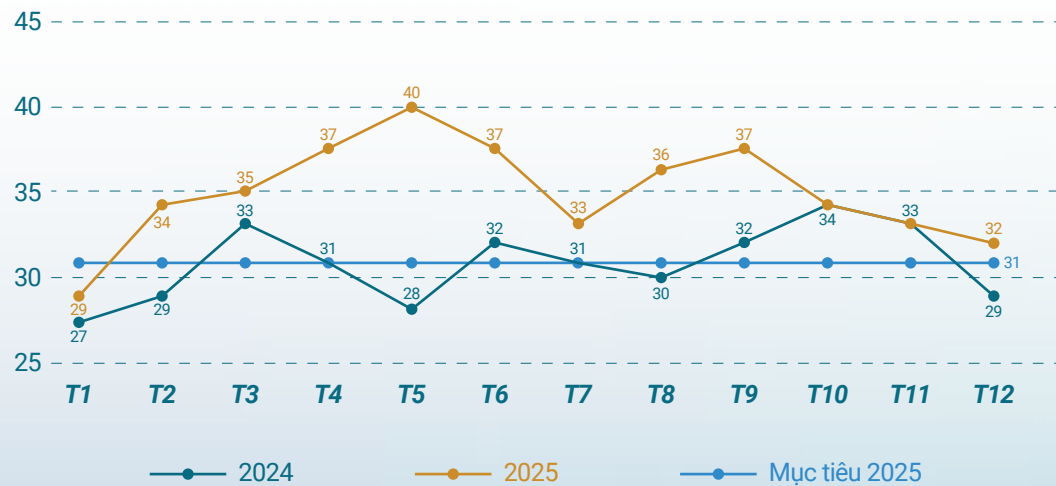
Trong năm 2025, chỉ số NPS của Vietnam Airlines - thước đo mức độ khách hàng sẵn sàng giới thiệu dịch vụ đã có sự cải thiện mạnh mẽ so với giai đoạn năm 2024 trên cả đường bay nội địa và quốc tế. Điều này phản ánh sự tin tưởng ngày càng lớn của hành khách đối với chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines.

Biểu đồ chỉ số thiện cảm khách hàng nội địa (NPS)



Nguồn: Chương trình điều tra thường xuyên Online Survey của TCT

Biểu đồ chỉ số thiện cảm khách hàng quốc tế (NPS)

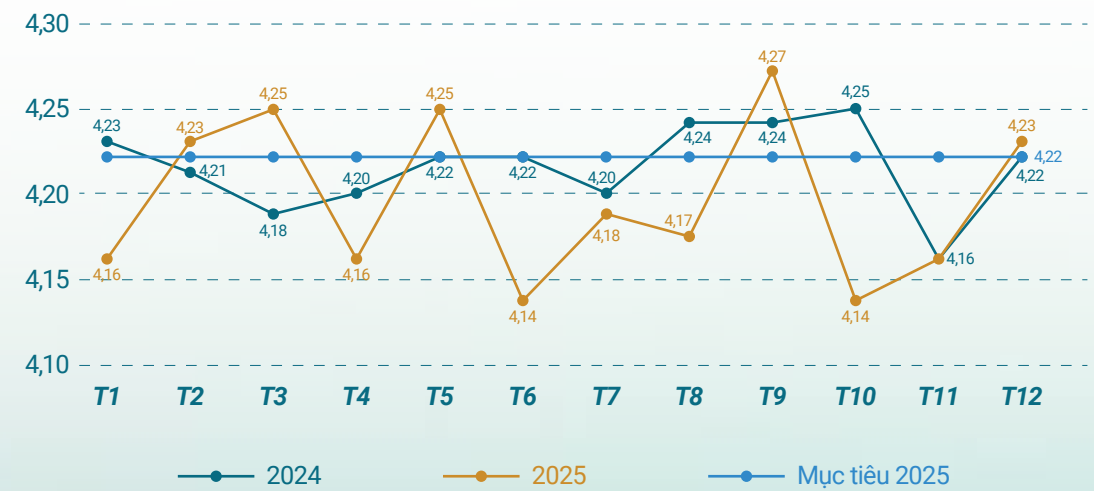


Nguồn: Chương trình điều tra thường xuyên Online Survey của TCT

Những động lực then chốt tạo nên sự bứt phá này đến từ độ tin cậy ngày càng cao đến từ phong cách phục vụ chuyên nghiệp và tận tâm của đội ngũ tiếp viên, cùng hàng loạt cải tiến nổi bật trong trải nghiệm hành khách. Không chỉ góp phần nâng cao mức độ hài lòng, các thay đổi này còn củng cố niềm tin và sự gắn bó của khách hàng với Vietnam Airlines, qua đó giúp Hãng tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong khu vực bằng chất lượng dịch vụ vượt trội và sự chăm sóc chu đáo dành cho mỗi hành khách.

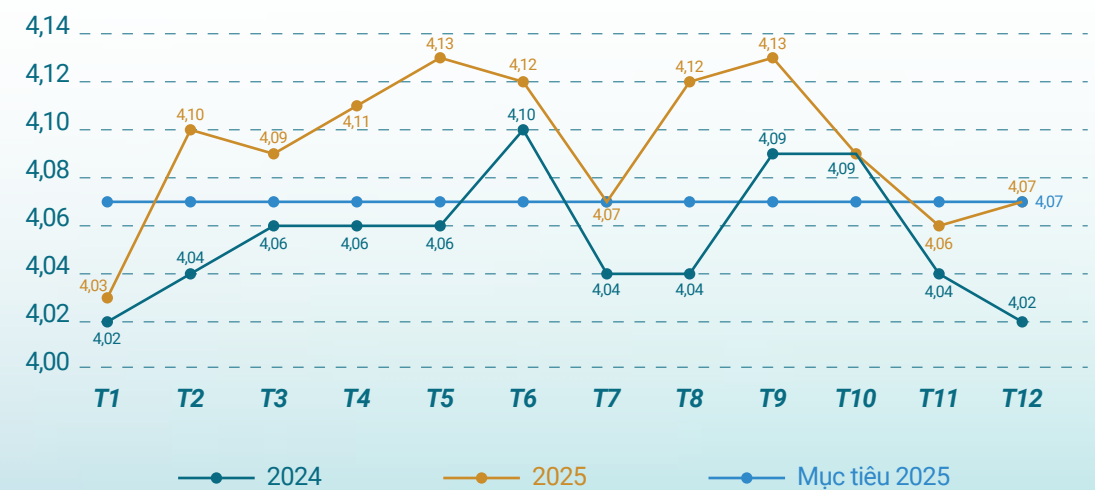
Chỉ số hài lòng khách hàng (CSI) năm 2025 duy trì ổn định trên các đường bay nội địa và ghi nhận cải thiện trên đường bay quốc tế so với năm 2024, phản ánh hiệu quả nâng cao trải nghiệm hành khách xuyên suốt từ khâu check-in, boarding, dịch vụ trên không đến xử lý các tình huống phát sinh.

Biểu đồ chỉ số hài lòng khách hàng nội địa (CSI)



Nguồn: Chương trình điều tra thường xuyên Online Survey của TCT

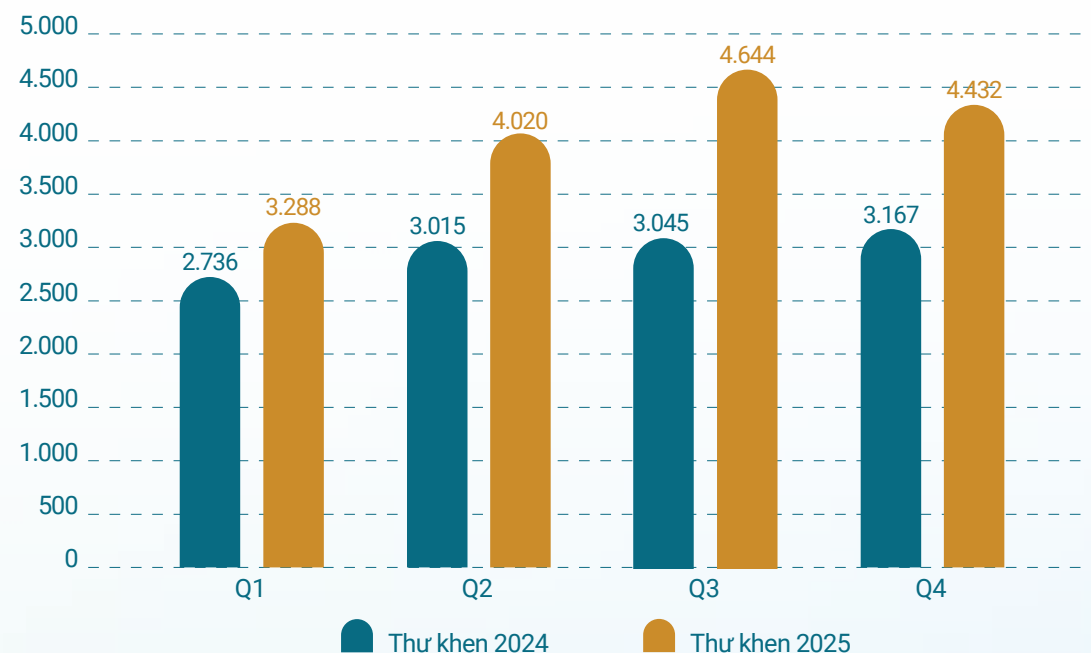
Biểu đồ chỉ số hài lòng khách hàng quốc tế (CSI)



Nguồn: Chương trình điều tra thường xuyên Online Survey của TCT

Vietnam Airlines nhận được phản hồi tích cực từ hành khách không chỉ được thể hiện qua các kết quả khảo sát mà còn được ghi nhận rõ ràng thông qua số lượng thư khen. Trong năm 2025, Vietnam Airlines đã tiếp nhận 16.384 thư khen, tăng đáng kể so với 11.963 thư của năm 2024. Các thư khen phản ánh tinh thần tận tâm, tác phong chuyên nghiệp của đội ngũ tiếp viên và nhân viên mặt đất, đồng thời là minh chứng thuyết phục cho hiệu quả của các giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, qua đó đáp ứng ngày càng tốt hơn kỳ vọng và sự tin tưởng của hành khách.

Biểu đồ số lượng thư khen



Nguồn: Hệ thống Thông tin phản hồi của TCT

✎ Các con số/chỉ số ấn tượng, nổi bật liên quan đến dịch vụ

Năm 2025, Vietnam Airlines tập trung nghiên cứu, triển khai các sản phẩm dịch vụ mới từ dịch vụ mặt đất đến dịch vụ trên không nhằm nâng cao chất lượng, mang đến những trải nghiệm mới cho khách hàng:

Dịch vụ mặt đất

Nhiều điểm nhấn dịch vụ lần đầu được đưa vào khai thác như **Check-in Lounge** và **phòng khách bông sen Premier tại Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất**, cùng với việc hoàn thiện hệ thống chính sách, tiêu chuẩn dịch vụ cho các phân khúc khách hàng trọng điểm.

Đẩy mạnh cải tiến quy trình, ứng dụng công nghệ, đặc biệt là làm **thủ tục sinh trắc học (Biometric)**, giúp rút ngắn thời gian, giảm ùn tắc và nâng cao trải nghiệm hành khách. Đồng thời, nhiều quy trình, hướng dẫn mới được ban hành nhằm đảm bảo tính nhất quán và thuận tiện trong phục vụ.

Công tác rà soát, cập nhật tài liệu và tuân thủ quy định nhà chức trách được triển khai đồng bộ; kết nối, khai thác hệ thống APIS tại 8 quốc gia/vùng lãnh thổ, góp phần nâng cao an toàn, ổn định khai thác và thuận lợi cho hành khách xuất nhập cảnh.

Năm 2025 cũng ghi dấu ấn với việc triển khai thành công nhiều dự án trọng điểm như **chuyển khai thác sang Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, mở rộng Nhà ga T2 Nội Bài, phục vụ các sự kiện lớn và khai thác những chuyến bay đầu tiên tại Cảng HKQT Long Thành**. Song song đó, VNA từng bước triển khai dự án khai thác tàu bay chở hàng theo đúng lộ trình và quy định.

Công tác kiểm soát an toàn, an ninh và điều hành khai thác được tăng cường, đảm bảo an toàn, đúng giờ và chất lượng chuyến bay; đồng thời phục vụ hiệu quả các chuyến bay nhiệm vụ đặc biệt, bay thuê chuyến và giai đoạn cao điểm. Hoạt động điều hành dịch vụ 24/7 góp phần xử lý hiệu quả các chuyến bay bất thường và hỗ trợ kịp thời các trường hợp y tế khẩn cấp.

Hãng tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển mạng bay mới, đẩy mạnh chuyển đổi số và kết nối hệ thống, triển khai các hình thức làm thủ tục tự động, **self check-in, self bag-drop, through check-in**, góp phần nâng cao trải nghiệm và năng lực cạnh tranh. Song song đó, các dịch vụ bổ trợ được mở rộng nhằm gia tăng doanh thu và tiện ích cho hành khách.

Dịch vụ trên không

Về ẩm thực trên chuyến bay, Vietnam Airlines tiếp tục tôn vinh tinh hoa ẩm thực Việt Nam truyền thống và hiện đại, không chỉ trên các chuyến bay nội địa và xuất phát từ Việt Nam mà còn trên các đường bay quốc tế khởi hành từ nước ngoài về Việt Nam thông qua hợp tác với các đối tác suất ăn. Nhiều món ăn và trái cây đặc sản vùng miền được đưa vào thực đơn, góp phần mang đến trải nghiệm ẩm thực phong phú, đậm bản sắc Việt.

Song song đó, thực đơn đồ uống được nâng cấp toàn diện với nhiều lựa chọn mới. Năm 2025, Vietnam Airlines mở rộng danh mục đồ uống welcome drink, bổ sung các loại đồ uống đặc sắc và cocktail mới; đồng thời dự kiến triển khai mocktail trên các đường bay dài, phù hợp xu hướng “Healthy & Mindful Drinking” và tiêu chuẩn 5 sao. Menu cà phê cũng được làm mới với cà phê caramel và cà phê muối, nhấn mạnh dấu ấn cà phê Việt trên chuyến bay.

Năm 2025, Vietnam Airlines tiếp tục mở rộng các dịch vụ gia tăng trên chuyến bay nhằm nâng cao trải nghiệm hành khách và phát triển nguồn doanh thu phụ trợ. Các hoạt động bán lẻ LotusDeli, bán hàng miễn thuế và hợp tác tài trợ sản phẩm trải nghiệm được đa dạng hóa với nhiều thương hiệu và sản phẩm mới. Những sáng kiến này góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị hành trình và khẳng định nỗ lực đổi mới của Vietnam Airlines

Về dịch vụ tiếp viên, năm 2025 Vietnam Airlines triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ và hình ảnh đội ngũ, từ kiểm soát ngoại hình, đào tạo, tập huấn đến các chương trình xây dựng tiếp viên hình mẫu và không gian khoang hành khách thân thiện. Nhờ đó, chỉ số hài lòng khách hàng (CSI) đối với dịch vụ tiếp viên tăng tích cực so với năm 2024 trên tất cả các nhóm chỉ tiêu.

Trong lĩnh vực giải trí, Vietnam Airlines đẩy mạnh chuyển đổi số với việc nâng cấp toàn diện hệ thống giải trí và kết nối trên chuyến bay. Nổi bật là “Kho Giải trí Trên Máy” với hơn 600 nội dung đa dạng từ nhiều nền văn hóa, cùng giao diện giải trí thế hệ mới trên đội bay Boeing 787 và Airbus A350, tăng tính cá nhân hóa và hỗ trợ đa ngôn ngữ. Đặc biệt, từ ngày 05/8/2025, Vietnam Airlines chính thức triển khai dịch vụ Internet trên máy bay cho phép hành khách duyệt web, nhắn tin với các gói dữ liệu linh hoạt và nhiều ưu đãi.

Đối với tiêu chuẩn vật tư tiện nghi phục vụ hành khách, Vietnam Airlines tập trung nâng cấp cho hạng Thương gia và Phổ thông theo định hướng nâng cao trải nghiệm bay gắn với phát triển bền vững. Hạng Thương gia được cải tiến chần nhẹ, êm và túi đồ cao cấp thân thiện môi trường, trong khi hạng Phổ thông chuyển dụng cụ ăn uống từ nhựa sang gỗ, thể hiện cam kết bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội của Hãng.

Trong năm 2025, Vietnam Airlines ra mắt **mùi hương thương hiệu “Nhã/LotuScent”**, được triển khai đồng bộ từ khu vực làm thủ tục, phòng khách Bông Sen đến trên chuyến bay. Đây là dấu ấn dịch vụ nổi bật, góp phần tạo nên trải nghiệm tinh tế, nhất quán và khác biệt, hướng tới chuẩn mực 5 sao quốc tế.

Những kết quả đạt được là minh chứng rõ nét cho nỗ lực bền bỉ của Vietnam Airlines trong việc không ngừng đổi mới dịch vụ, đặt khách hàng ở vị trí trung tâm, song song với mục tiêu phát triển bền vững và tối ưu hiệu quả chi phí. Chính các sáng kiến và cải tiến này đã và đang góp phần khẳng định Vietnam Airlines là biểu tượng hàng không quốc gia, đại diện cho chất lượng, uy tín và bản sắc Việt trên bầu trời khu vực và quốc tế.

2.5. Kỹ thuật

2.5.1. Các kết quả đạt được

2.5.1.1. Đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả

- Trong năm 2025, công tác đảm bảo kỹ thuật của Vietnam Airlines đạt hiệu quả và ổn định, thể hiện qua các chỉ số kỹ thuật chủ yếu cơ bản đạt mục tiêu kế hoạch. Hệ số sẵn sàng khai thác (ARL), tỷ lệ máy bay dừng bay (AOG), tỷ lệ chậm, hủy chuyến (Delay) do nguyên nhân kỹ thuật, tỷ lệ kéo dài định kỳ (OCR) được kiểm soát trong ngưỡng mục tiêu, cho thấy công tác lập kế hoạch và điều phối các hoạt động bảo dưỡng. Độ tin cậy khai thác của các đội bay (DR - Dispatch Reliability) cơ bản đạt mục tiêu kế hoạch; mặc dù một vài chỉ số chưa đạt mục tiêu đề ra nhưng vẫn cao hơn so với mức trung bình thế giới.

Các chỉ số	Kết quả thực hiện năm 2025
ARL	94,39% (Mục tiêu 94,39%) – Đạt MT
OCR	-2,10% (Mục tiêu: 1,80%) – Đạt MT
Delay	3,53 số vụ/1000 FC (Mục tiêu: 3,66) – Đạt MT
AOG	1,22 số vụ/1000 FC (Mục tiêu: 2,0) – Đạt MT
DR A321	99,71% (Mục tiêu 99,63%) – Đạt MT
DR A350	99,41% (Mục tiêu 99,44%) – Xấp xỉ MT
DR B787	99,38% (Mục tiêu 99,36%) – Đạt MT
DR ATR72	99,53% (Mục tiêu 99,65%) – Thấp hơn MT

- TCT đã thực hiện tối ưu hóa, sắp xếp lại các gói công việc bảo dưỡng định kỳ, nâng cao công tác chuẩn bị, kiểm soát và phối hợp thực hiện định kỳ, đạt mục tiêu giảm 10% TAT ngày thực hiện định kỳ lớn năm 2025.
- Chất lượng nội thất tàu bay được đảm bảo duy trì thông qua việc triển khai chương trình phục hồi cabin cho đội tàu bay của VNA cùng với chương trình nâng cấp, chuyển đổi cấu hình. Dịch vụ kết nối trên không (In-flight Connectivity - IFC) đã được vào khai thác trên đội tàu bay A350 góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm hành khách, gia tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ trên thị trường quốc tế.

2.5.1.2. Hợp tác quốc tế

Tại VNA

- Đối với bảo dưỡng ngoại trường, Vietnam Airlines đã tích cực mở rộng và củng cố hợp tác quốc tế thông qua việc ký kết hợp đồng mới và gia hạn hợp đồng hiện hữu với các đối tác kỹ thuật lớn, đồng thời triển khai lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ bảo dưỡng cho các đường bay mới tại châu Âu (Milan - Ý, Copenhagen - Đan Mạch), và Châu Á (Bengaluru, Hyderabad - Ấn Độ, Cebu - Philippines).
- Đối với bảo dưỡng và kỹ thuật cơ bản, Vietnam Airlines tiếp tục hợp tác với Airbus, Boeing và các nhà sản xuất thiết bị tàu bay OEMs trong cung cấp và phân tích dữ liệu bay; đồng thời tăng cường trao đổi với các đối tác nước ngoài nhằm nâng cao năng lực quản lý, giám sát và thực hiện công tác bảo dưỡng theo chuẩn mực quốc tế.

Tại VAECO

- Với cơ sở năng lực kỹ thuật được nâng cao, VAECO chuyển dịch chiến lược khách hàng từ các hợp đồng ngắn hạn, nhỏ lẻ sang hợp tác dài hạn với các Hãng hàng không lớn, uy tín toàn cầu; nổi bật là việc ký kết hợp đồng bảo dưỡng định kỳ đến năm 2030 cho đội bay A350 của Lufthansa Airlines, tàu bay B787 của Korean Air, và tàu A320/A321 của Aero-K. Tại Philippines, VAECO duy trì hợp tác dài hạn với Cebu Pacific và chuẩn bị triển khai bảo dưỡng định kỳ cho 11 tàu bay A350 của Philippine Airlines giai đoạn 2027 - 2030.
- Các hợp đồng bảo dưỡng dài hạn giúp đảm bảo nguồn doanh thu ổn định, chủ động kế hoạch nhân lực và đầu tư năng lực, đồng thời tối ưu hiệu quả khai thác cơ sở bảo dưỡng; tiếp tục phát triển dịch vụ bảo dưỡng ngoại trường, qua đó khẳng định vị thế trung tâm MRO uy tín trong khu vực và nâng tầm thương hiệu trên thị trường quốc tế.

2.5.2. Các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu suất sử dụng tàu bay, giảm chi phí kỹ thuật

2.5.2.1. Quản lý kỹ thuật, bảo dưỡng và cung ứng

Về công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

- Vietnam Airlines liên tục rà soát, thực hiện và đánh giá hiệu quả các chương trình kỹ thuật cơ bản (AD/SB, MOD), xây dựng chương trình tổng thể để cải thiện chất lượng, hiệu quả trong công tác bảo dưỡng - sửa chữa và tìm kiếm hỏng hóc, bảo dưỡng phòng ngừa và bảo dưỡng tăng cường nhằm nâng cao độ tin cậy của thiết bị và hệ thống tàu bay, đồng thời chủ động cân đối, đảm bảo đủ nguồn lực tàu bay và động cơ đáp ứng yêu cầu khai thác của Tổng công ty trong từng giai đoạn.
- Đối với công tác quản lý động cơ, Tổng công ty đã triển khai tối ưu lịch sửa chữa, phân bổ thời gian gửi sửa chữa hợp lý đồng thời, tối ưu workscope sửa chữa, áp dụng các hình thức sửa chữa rút gọn nhằm giảm thời gian quay vòng sửa chữa, đảm bảo đủ nguồn lực động cơ phục vụ khai thác liên tục, đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm.

Về công tác bảo dưỡng

- Vietnam Airlines xây dựng và rà soát kế hoạch bảo dưỡng theo mùa và theo tháng, điều chỉnh định kỳ nhằm tối ưu công tác bảo dưỡng và khai thác đội bay; đồng thời triển khai các chương trình bảo dưỡng tăng cường và chuẩn bị nguồn lực kỹ thuật trong giai đoạn thấp điểm để đáp ứng nhu cầu khai thác cao điểm.
- Trong năm 2025, Vietnam Airlines tiếp tục tăng cường công tác quản trị chỉ số thời gian dừng tàu bay thực hiện bảo dưỡng, với mục tiêu giảm thiểu tối đa thời gian tàu bay dừng để thực hiện bảo dưỡng theo kế hoạch (check) và ngoài kế hoạch (downtime), gia tăng nguồn lực khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng đội bay.

Về công tác quản lý và cung ứng phụ tùng vật tư (PTVT)

- Vietnam Airlines tăng cường đàm phán với các nhà cung ứng dịch vụ Pooling và OEMs nhằm đảm bảo nguồn cung PTVT ổn định, đồng thời chủ động dự báo tồn kho, kiểm soát TAT và thời gian giao hàng (leadtime); chủ động xem xét bổ sung PTVT để đáp ứng nhu cầu khai thác, qua đó nâng cao khả năng sẵn sàng kỹ thuật và rút ngắn thời gian dừng tàu bay.
- Về nhiên liệu, Vietnam Airlines làm việc trực tiếp với các nhà cung ứng nhằm tìm kiếm giải pháp hạn chế đà tăng giá nhiên liệu, tích cực tham gia các nhóm trong liên minh SkyTeam để chia sẻ nguồn lực, kinh nghiệm và đánh giá phương án mua nhiên liệu chung.

✧ Về ứng dụng công nghệ, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo

- ✧ Vietnam Airlines tiếp tục xây dựng lộ trình chuyển đổi số toàn diện trong công tác kỹ thuật; nghiên cứu và nâng cấp hệ thống AMOS, triển khai chữ ký điện tử và E-Techlog, tiến tới làm chủ hoàn toàn hệ thống và khai thác tối đa tính năng hệ thống trong công tác kiểm soát, triển khai bảo dưỡng, quản lý phụ tùng vật tư (PTVT).
- ✧ Việc triển khai phần mềm quản lý thông tin chung khối kỹ thuật (TIMS2) giúp chuẩn hóa và tập trung dữ liệu về điều kiện thương mại, phạm vi công việc và chi phí phát sinh, nâng cao tính minh bạch, kịp thời và hiệu quả phân tích. Hệ thống TIMS3 cũng đang được triển khai để đánh giá và dự báo mức tồn kho PTVT, cũng như quản lý các trường hợp Mis-use và Mis-handling.
- ✧ Đồng thời, các hệ thống giám sát và dự báo tình trạng kỹ thuật như AHM- Airplane Health Management, SHM - Skywise Health Monitoring, ADEM - Advanced Diagnostics and Engine Monitoring, SPM – Skywise Predictive Maintenance, PRCP và Cassiopee được triển khai đồng bộ nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường và chủ động đánh chặn hỏng hóc, góp phần giảm thiểu gián đoạn khai thác và thời gian AOG.
- ✧ Qua việc đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu trong quản lý kỹ thuật, Vietnam Airlines từng bước nâng cao năng lực dự báo, tối ưu công tác bảo dưỡng và quản trị nguồn lực, góp phần cải thiện độ tin cậy khai thác và hiệu quả vận hành đội bay.



2.5.2.2. Công tác quản trị chi phí kỹ thuật

- ✧ Năm 2025, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai công tác quản trị chi phí kỹ thuật theo hướng chủ động, dựa trên dữ liệu thống kê và ứng dụng công nghệ, nhằm kiểm soát hiệu quả chi phí bảo dưỡng, sửa chữa và cải thiện chỉ số chi phí đơn vị (Cost/ASK). Công tác phân tích chi phí được thực hiện định kỳ, tập trung theo đội bay, chủng loại động cơ và các nhóm hợp đồng kỹ thuật trọng yếu để kịp thời nhận diện xu hướng biến động và các yếu tố dẫn dắt chi phí.
- ✧ Hệ thống KPI chi phí kỹ thuật được duy trì và hoàn thiện theo hướng gắn với hiệu quả khai thác. Các biện pháp điều chỉnh được triển khai linh hoạt nhằm kiểm soát chi phí ngay trong năm kế hoạch và các năm trong chu kỳ khai thác một vòng đời thiết bị.
- ✧ Công tác quản trị và đàm phán hợp đồng kỹ thuật tiếp tục được tăng cường, tập trung kiểm soát các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng.

2.5.3. Định hướng phát triển cơ sở bảo dưỡng của Vietnam Airlines và VAECO

2.5.3.1. Về cơ sở hạ tầng

- ✧ Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng Hangar 3 NBA và cơ sở bảo dưỡng tại Long Thành, đảm bảo hoàn thành giai đoạn 1 (Hangar 1 Long Thành) trong quý 3 năm 2026, giai đoạn 2 (Hangar 2 Long Thành) hoàn thành trong năm 2028, Hangar 3 tại NBA hoàn thành trong năm 2028.

2.5.3.2. Về năng lực bảo dưỡng

- ✧ VAECO tiếp tục duy trì và phát triển các năng định của CAAV, EASA và FAA, đồng thời xin phê chuẩn các năng định có yêu cầu kỹ thuật cao để phục vụ các chương trình bảo dưỡng định kỳ dài hạn. Việc hoàn thiện các năng định này cho phép VAECO đảm nhiệm trọn gói các gói bảo dưỡng định kỳ cho các đội bay hiện đại, đáp ứng yêu cầu khắt khe của các Hãng hàng không lớn trên thế giới, qua đó khẳng định năng lực cạnh tranh thực tế của VAECO trong phân khúc bảo dưỡng định kỳ trung và dài hạn.
- ✧ Bên cạnh đó, việc nâng cấp Trung tâm đào tạo và xin phê chuẩn tổ chức đào tạo theo EASA Part 147 đã giúp VAECO chủ động nguồn nhân lực kỹ thuật đạt chuẩn châu Âu, bảo đảm tính ổn định, liên tục và chất lượng cao cho các hợp đồng bảo dưỡng dài hạn đã ký kết.

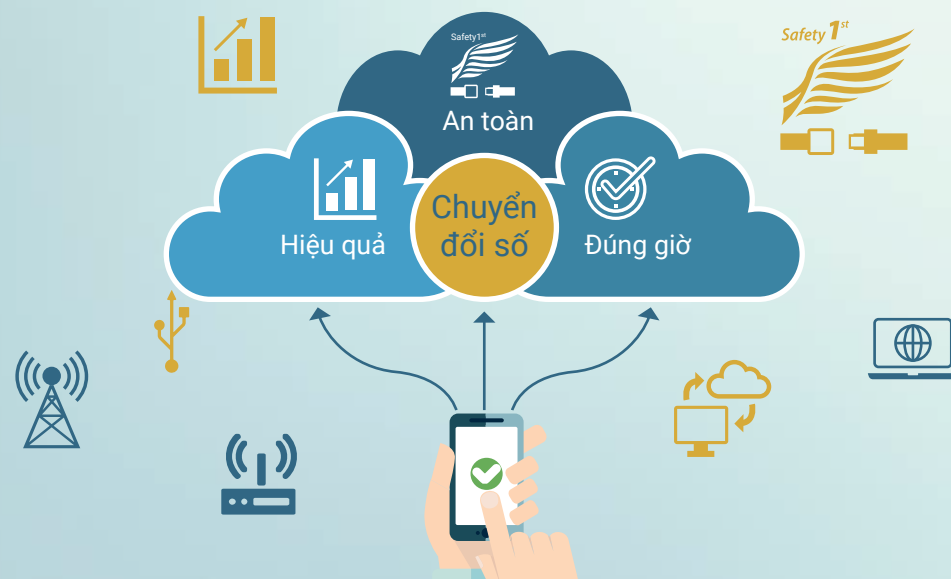
2.5.3.3. Về hợp tác quốc tế

- ✧ Tiếp tục nghiên cứu phương án hợp tác với Korean Air về lĩnh vực bảo dưỡng sửa chữa hỏng hóc thân cánh tại sân bay Long Thành để tiếp cận và học tập mô hình tổ chức, công nghệ, phương thức quản lý tiên tiến, áp dụng vào mô hình của TCT và VAECO. Mục đích để tối ưu hóa chi phí, thời gian bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, nâng cao năng lực cạnh tranh tiến tới hình thành một trung tâm bảo dưỡng của khu vực.



2.6. Khai thác

- ✖ Phối hợp với các đơn vị điều hành có hiệu quả lịch bay khai thác và cao điểm Tết 2025, cao điểm Hè 2025 trong bối cảnh không có tàu bay dự bị, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (14 cơn bão) và hạ tầng, cơ sở vật chất sân bay hạn chế. Sử dụng hiệu quả nguồn lực máy bay, phi công, tiếp viên đáp ứng kế hoạch khai thác cao điểm Tết Nguyên đán 2025, lịch khai thác cao điểm hè 2025 có nhiều điều chỉnh theo yêu cầu thương mại. Đảm bảo tốt lịch bay T+29, chủ động phối hợp với các đơn vị thương mại cắt giảm chuyến bay, nắn chỉnh hành trình, tiết kiệm chi phí cũng như tạo nguồn lực bổ sung cho điều hành khai thác hàng ngày.
- ✖ Đảm bảo điều hành tuyệt đối an toàn các chuyến bay chuyên cơ phục vụ lãnh đạo Đảng, nhà nước với nhiều tuyến bay phức tạp, thời gian bay dài và đáp ứng các yêu cầu thay đổi lịch trình bay sát ngày. Nhanh chóng kịp thời triển khai, đáp ứng các thay đổi đột xuất phục vụ chuyên cơ, VIP, CIP đồng thời chủ động báo cáo các cấp lãnh đạo để xây dựng phương án lịch bay sớm nhất có thể ngay khi nhận được thông tin về kế hoạch VIP.
- ✖ Tích cực phối hợp với các bộ phận liên quan trong hệ thống điều hành đối phó với cuộc khủng hoảng chiến sự Nga-Ukraina, Iran-Israel, sử dụng đường bay tránh không phận Nga, Iran, không lựa chọn các sân bay dự bị trong không phận Nga, Iran. Bám sát diễn biến chính trị quân sự thế giới, tìm kiếm các giải pháp đường bay linh hoạt, hiệu quả.
- ✖ Tìm kiếm các giải pháp duy trì OTP/OSP trong bối cảnh không có tàu bay dự bị, tắc nghẽn không lưu các sân bay trong nước cũng như một số tuyến đường bay mật độ cao trong khu vực.
- ✖ Xác định lộ trình, triển khai các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu trong bối cảnh mật độ khai thác tăng cao. Đánh giá lựa chọn các giải pháp triển khai tiết kiệm chi phí và tối ưu hiệu quả chi phí.
- ✖ Hoàn thành xây dựng chương trình luyện từ SO lên FO, tiếp tục phối hợp với Ban TCNL cập nhật lên Training Policies.
- ✖ Thực hiện KH phát triển giáo viên năm 2025, đảm bảo đủ nguồn lực đáp ứng 100% nhu cầu huấn luyện, nâng cao chất lượng tuyển chọn và giám sát đào tạo phi công cơ bản.
- ✖ Bám sát chỉ đạo của Bí thư Đảng ủy TCT về vai trò then chốt của công tác chuyển đổi số. Năm 2025, TCT tập trung nguồn lực chuyển đổi thành công hệ thống tài liệu, dữ liệu chuyến bay. Ngoài ra, xây dựng tổng thể hệ thống tài liệu điện tử phục vụ chuyến bay (MOPlus) cho phi công, triển khai hệ thống phần mềm lập kế hoạch bay Flight Planning, chuẩn bị Hệ thống lập và điều hành lịch bay Tail Assignment & Ops Control, nâng cấp hệ thống phân lịch bay phi công, tiếp viên AVES.
- ✖ Hợp tác cùng Singapore Airlines trao đổi, chia sẻ các thông tin về lĩnh vực khai thác bay, đào tạo, an toàn bay.



a. Công tác điều hành

- ✖ Thực hiện tốt việc điều phái các chuyến bay tập trung, làm thủ tục bay từ xa cho các chuyến bay của VNA và VASCO, cập nhật thông tin, thực hiện tốt các yêu cầu mới về thủ tục bay từ xa theo quy định của cơ quan Quản lý bay và Cục hàng không.
- ✖ Phối hợp với bộ phận trực ban và các đơn vị không lưu thực hiện việc tuân thủ ACDM/ATFM đảm bảo các chuyến bay của VNA khai thác hiệu quả, đúng giờ.
- ✖ Tham gia tích cực chương trình tiết kiệm nhiên liệu đem đến hiệu quả trong việc tiết kiệm chi phí bay.
- ✖ Chủ động đưa ra các kiến nghị điều chỉnh đường bay phù hợp với yêu cầu thực tế, thực hiện tốt việc lựa chọn và đánh giá đường bay, lựa chọn đường bay tối ưu, nâng cao hiệu quả khai thác và tiết kiệm chi phí.
- ✖ Xây dựng phương án chủ động trong việc điều chỉnh đường bay, xin phép bay, xin lại slot để tránh các cơn bão, áp thấp nhiệt đới, khu vực hoạt động quân sự, xung đột vũ trang,... trong hoàn cảnh xảy ra biến đổi khí hậu toàn cầu, hướng di chuyển và cường độ của các cơn bão trở lên khó dự đoán hơn (BUALOI, MATMO,...) và tình hình địa chính trị phức tạp trên thế giới.
- ✖ Thực hiện tốt việc monitor, tracking chuyến bay, kịp thời có các phương án xử lý, hỗ trợ tổ bay đi làm nhiệm vụ đảm bảo an toàn cho các chuyến bay.
- ✖ Đảm bảo công tác điều hành, kiểm soát lịch bay T+29 theo nhiệm vụ được phân công, tối ưu hóa hiệu quả trên cơ sở nguồn lực hiện có.
- ✖ Kiểm soát lịch bay đảm bảo các yêu cầu tải thương mại, thuê chuyến, hàng hóa, dịch vụ hành khách, các điều kiện khai thác.
- ✖ Chủ động rà soát kế hoạch định kỳ, công tác kỹ thuật khác để phối hợp cùng MOC, VAECO, các cơ quan liên quan kiểm soát tàu định kỳ, AOG và các yêu cầu kỹ thuật tối ưu nguồn lực cho điều hành khai thác, đáp ứng các yêu cầu về thương mại, kỹ thuật, công tác thống kê.

b. Công tác kỹ thuật khai thác

- ✖ Chủ động xây dựng nhiều phương án đường bay, chuẩn bị đầy đủ dữ liệu, tài liệu phục vụ các chuyến bay thuê chuyến đặc biệt đến các quốc gia như Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Phi, Châu Á và Châu Úc/New Zealand.
- ✖ Chủ trì và triển khai đưa tàu bay A321 chở hàng vào khai thác.
- ✖ Phối hợp với AIB, BOE để đánh giá hiệu quả khai thác, tính khả thi khi nâng cấp MTOW B787/A350.
- ✖ Chủ trì, phối hợp với BOE và các đơn vị để đưa tàu bay B737-MAX8 vào khai thác, dự kiến cuối năm 2027.
- ✖ Duy trì hoạt động ổn định của hệ thống tài liệu điện tử EFB 1/2/3, đảm bảo cập nhật tài liệu và dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời.
- ✖ Phối hợp với Cục Hàng không để khắc phục các finding, phục vụ gia hạn AOC và hoàn thành kế hoạch 2026.
- ✖ Quản lý và triển khai các hợp đồng LIDO data, JEPP, Flysmart A321, Dữ liệu dẫn đường, Dữ liệu địa hình.

c. Công tác lịch bay phi công, tiếp viên

- ⊗ Triển khai và thực hiện thành công việc điều hành phân bay tập trung cho phi công, tiếp viên của 3 Hãng với tổng số khoảng 5.000 người. Phối hợp chặt chẽ với Đoàn bay và Đoàn Tiếp viên để vừa tối ưu nguồn lực khai thác cũng như lộ trình đào tạo.
- ⊗ Chủ trì tính toán, cân đối nguồn lực phi công, tiếp viên khai thác đáp ứng yêu cầu SXKD theo từng giai đoạn diễn biến thị trường.
- ⊗ Tối ưu hóa hành trình bay qua chỉ số KPI (giờ bay/giờ làm nhiệm vụ bay, chi phí xe đưa đón, khách sạn, công tác phí...), tính toán nguồn lực đảm bảo hiệu quả cho các kịch bản khai thác của TCT nhằm tối ưu nguồn lực tổ bay.

Công tác quản lý khai thác

- ⊗ Chủ trì triển khai các giải pháp Tiết kiệm chi phí nhiên liệu (TKNL), năm 2025 đạt tiết kiệm được 25.500 tấn, tương đương 448,05 tỷ đồng.
- ⊗ Phân tích, đánh giá các hoạt động khai thác tàu bay: Nâng cao hiệu quả khai thác, giảm chi phí.
- ⊗ Quản trị KPI khai thác, theo dõi, phân tích, tham mưu các giải pháp đảm bảo hoàn thành KPI được giao.
- ⊗ Quản trị tốt chi phí với nhiều giải pháp giảm chi phí trong toàn Khối, quản trị tiết kiệm được 1.079,76 tỷ đồng.

Chi phí	Giải pháp	Quản trị 2025	Ghi giảm chi phí 2025
CP Nhiên liệu	Các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu	448,05	448,05
	Tankering	26,74	
	Thiết kế phương thức bay giảm áp khi bay qua vùng núi cao Afghanistan L750 (Uncontrolled airspace/non-towered airport)	104,6	
CP Chuyển bay	Down tàu bay/ hủy chuyến bay vì thương mại theo LF (DOM T+2, INT T+6) hoặc để tối ưu lịch bay (T+29)	114,76	
	Down tàu bay/ hủy chuyến bay vì thương mại theo LF (T+1)	169,37	
	Tối ưu lịch bay theo MCMR của từng subfleets	2,67	
	Tối ưu hành trình, hủy ferry	151,06	
	Non-towered airport + Dự bị đi đến PER (uncontrolled airport)	12,86	
CP Dịch vụ KTB	Giảm chi phí ĐHB, HCC - đường bay mới 2025 (VATM, TCTQLB)	2,29	2,29
	Kiểm soát sai lệch chi phí ĐHB, Bay qua	0,92	0,92
	Giảm chi phí sau khi chuyển đổi Wifi box sang sử dụng SIM data	3,98	
	Giảm chi phí in ấn, nhân công, xe vận chuyển tài liệu sau khi áp dụng kế hoạch bay điện tử MO PILus	13,8	
CP Tổ bay	Xây dựng hành trình layover	1,74	
	Giảm chi phí khai thác tổ bay	0,02	
	Tăng Tỷ lệ PCVN/Σ số PC	26,9	26,9
Total		1.079,76	478,16

Công tác Chuyển đổi số

- MOPlus được phê chuẩn khai thác quốc tế: Giảm nhân công điều phái HAN, SGN, tiết kiệm chi phí in ấn, di chuyển, data kết nối, nâng độ tin cậy kế hoạch bay, độ hài lòng PCTV.
- Advanced Flight Planning chuyển đổi từ thủ công sang tự động: Tăng năng suất lao động, hiệu quả sử dụng nhiên liệu
- SkyTrack GĐ1: Hiển thị trực quan trên Videowall dashboard, cảnh báo điều hành Dynamic Cost Index.
- Triển khai 02 dịch vụ CNTT mới (bổ sung tính năng hệ thống phân bay phi công/tiếp viên AVES và CrewTrip) để phục vụ công tác chuyên môn, nâng cao sản lượng lao động và tối ưu hóa, quản lý chi phí khách sạn, xe đưa đón tổ bay.
- Phát triển các phần mềm/ công cụ nhằm hỗ trợ công việc của nội bộ cũng như phối hợp công việc của các đơn vị bộ phận khác:
 - Check lịch bay (convert lịch, check phép tàu, lịch đầu, trùng số hiệu ...); Rà soát xếp lịch, bàn giao combo hành trình tổ bay; Công cụ rà soát lịch gần ngày theo MCMR; Tool kiểm tra thay đổi lịch bay quốc tế cần xin lại slot/phép bay.
 - Rà soát slot nội địa để mở bán chuyến bay; Crosscheck slot gần ngày.
 - Một số tool hỗ trợ tổng hợp báo cáo.
 - Xây dựng và đưa vào áp dụng phần mềm hỗ trợ tính thuế nhà thầu, đảm bảo chính xác, tiết kiệm thời gian để công tác chuẩn bị hồ sơ thanh quyết toán thuế.
 - Xây dựng và đưa vào áp dụng phần mềm thống kê, đánh giá các thông tin về thời tiết (METAR), điều kiện khai thác phục vụ cho công tác quy hoạch sân bay, đánh giá khai thác sân bay, tính toán tải thương mại.
- Tiếp tục triển khai các hệ thống phần mềm quan trọng làm nền tảng cho các ứng dụng CĐS: HT FIMS, Quản lý TKNL và Khí phát thải, Quản trị chi phí ĐHB-BQ-HCC (ANCM), Weather Alerts và các ứng dụng mobile như Quản trị OTP, App dùng chung PCTV.

d. Công tác đảm bảo nguồn lực phi công khai thác

- Đảm bảo nguồn lực phi công khai thác theo sản lượng của TCT.
- Tổng số phi công khai thác tại thời điểm 31/12/2025 (gồm cả phi công VASCO): 1.055 phi công, trong đó: Lái chính: 532, Lái phụ: 523; Phi công Việt Nam: 966 (91,60%), Phi công nước ngoài: 99 (9,40%).

e. Công tác đảm bảo an toàn:

Kết quả thực hiện mục tiêu về an toàn 2025 của Đoàn Bay 919:

STT	Chỉ số an toàn Khai thác bay (Tỉ lệ sự cố trên 10.000 chuyến bay)	Mục tiêu 2025	Thực hiện 2025 (140.973 CB)
1	Tỉ lệ sự cố loại A/10.000 CB	= 0	0
2	Tỉ lệ sự cố loại B/10.000 CB	= 0	0,07 (1 vụ B)
3	Tỉ lệ sự cố loại C/10.000 CB	≤ 0,18	0
4	Tỉ lệ sự cố loại D/10.000 CB	≤ 0,19	0,14 (2 vụ)
5	Tỉ lệ vụ việc loại E/10.000 CB	≤ 1,38	0,71 (10 vụ)
6	Tỉ lệ vụ việc mức 3/10.000 CB	≤ 2,25	2,13 (30 vụ)
	ĐB B787	≤ 2,15	1,60 (3 vụ/18.754 CB)
	ĐB A350	≤ 2,10	1,93 (2 vụ/10.362 CB)
	ĐB A321	≤ 1,98	2,23 (24 vụ/107.628 CB)
	ĐB ATR72	≤ 5,14	2,36 (1 vụ/4.229 CB)
7	Tỉ lệ vụ việc mức 2/10.000 CB	≤ 205	147,76
	ĐB B787	≤ 8,97	5,33
	ĐB A350	≤ 10,02	4,82
	ĐB A321	≤ 182,54	176,90
	ĐB ATR72	≤ 444,13	387,80
8	Tỉ lệ vụ việc mức 1/10.000 CB	≤ 1.285,00	759,01
	ĐB B787	≤ 705,00	591,87
	ĐB A350	≤ 630,00	381,20
	ĐB A321	≤ 837,00	800,72
	ĐB ATR72	≤ 1.846,73	1.364,39

f. Công tác huấn luyện chuyển loại, phục hồi, nâng cấp, các loại hình khai thác đặc biệt dành cho phi công

- Số lượt học viên: 127, đạt 66% KH năm.
- Số lớp: 57, đạt 59% KH năm.
- Huấn luyện nâng cấp Lái phụ lên Lái chính: 20/20 phi công, đạt 100% KH năm;
- Huấn luyện chuyển loại: 112/106 phi công, đạt 106% KH năm.

g. Công tác huấn luyện đào tạo

Nội dung	Tổng số học viên
Huấn luyện phi công	4.442
Huấn luyện tiếp viên	9.661
Huấn luyện NVĐHKT	513
Huấn luyện CBNV	482
Bàn giao PCCB cho Hội đồng	23

Tỷ lệ số lượng học viên huấn luyện năm 2025 so với KH:

- Phi công: đạt 98% KH năm.
- Tiếp viên: đạt 86% KH năm.
- Nhân viên ĐHKT: đạt 91% KH năm.
- Cán bộ nhân viên: đạt 158% KH năm.

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện (VND)	%TH/KH
Đào tạo phi công cơ bản xã hội hoá	71.755.933.409	81.509.988.823	113,6%
Đào tạo tiếp viên cơ bản xã hội hoá	8.200.000.000	13.882.600.000	169,3%
Dịch vụ HL Đào tạo	3.271.257.200	4.825.788.022	147,5%
Cho thuê trang thiết bị huấn luyện	1.165.749.120	2.716.115.080	233,0%
Hợp tác SIM với CAE		102.989.546	
Tổng	84.392.939.729	103.037.481.471	122,1%

Tỷ lệ phần trăm doanh thu năm 2025 đạt 122% so với KH:

- ✳ **Đào tạo phi công cơ bản xã hội hoá:** 113,6% KH năm
- ✳ **Đào tạo tiếp viên cơ bản xã hội hoá:** 169,3% KH năm
- ✳ **Dịch vụ HL Đào tạo:** 147% KH năm
- ✳ **Cho thuê trang thiết bị huấn luyện:** 233% KH năm

2.7. An toàn

TCT tiếp tục duy trì hoạt động khai thác trong bối cảnh sản lượng vận chuyển tăng trưởng, mạng đường bay được mở rộng, tần suất khai thác gia tăng, cùng với yêu cầu ngày càng cao về tiêu chuẩn an toàn, chất lượng theo quy định của nhà chức trách và thông lệ quốc tế.

An toàn là ưu tiên số một, là giá trị cốt lõi, không đánh đổi vì bất kỳ lý do nào.

Trong năm 2025, TCT đã duy trì hệ thống khai thác an toàn, ổn định; Không để xảy ra tai nạn, sự cố nghiêm trọng mức độ cao. Duy trì đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn theo quy định của Nhà chức trách Hàng không và tiêu chuẩn của IOSA; tiếp tục củng cố và phát triển Văn hóa An toàn trong toàn TCT.

2.7.1. Tóm tắt các chính sách lớn về an toàn và thay đổi quan trọng

- ✳ Trong năm 2025, TCT tiếp tục xác định công tác An toàn - Chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín thương hiệu Hãng Hàng không Quốc gia.
- ✳ Trên cơ sở tuân thủ các quy định của ICAO, IATA, Nhà chức trách hàng không Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế liên quan, Vietnam Airlines đã tập trung triển khai các chính sách lớn sau:
 - ✳ Duy trì, củng cố và không ngừng hoàn thiện Hệ thống Quản lý An toàn (SMS) theo hướng chủ động, dựa trên đánh giá và quản lý rủi ro, bảo đảm phù hợp với quy mô, tính chất và mức độ phức tạp của hoạt động khai thác.
 - ✳ Tăng cường xây dựng và lan tỏa văn hóa an toàn (Safety Culture), trong đó nhấn mạnh nguyên tắc Just Culture, khuyến khích báo cáo tự nguyện, trung thực, không mang tính trừng phạt nhằm phòng ngừa rủi ro từ sớm, từ xa. Củng cố Văn hóa Báo cáo (Reporting Culture), khuyến khích người lao động chủ động báo cáo các nguy cơ, sai sót và điều kiện không an toàn. Đẩy mạnh Văn hóa Học hỏi (Learning Culture), tăng cường phổ biến các bài học an toàn, chia sẻ kinh nghiệm, phòng ngừa tái diễn sự cố. Nâng cao Văn hóa Thông tin (Informed Culture), bảo đảm các thông tin an toàn được truyền đạt đầy đủ, kịp thời đến các đơn vị và người lao động.
 - ✳ Tích hợp công tác an toàn và chất lượng trong hệ thống quản lý chung của Tổng công ty, bảo đảm tính thống nhất giữa giám sát tuân thủ, đánh giá nội bộ và cải tiến liên tục.
 - ✳ Ưu tiên quản lý an toàn trong bối cảnh thay đổi hoạt động khai thác, đặc biệt là các thay đổi liên quan đến đội tàu bay, mạng đường bay, tổ chức nhân sự, nhà cung cấp và việc ứng dụng công nghệ mới.



2.7.2. Các thay đổi quan trọng trong năm 2025

- ✎ Trong năm 2025, VNA đã triển khai và kiểm soát hiệu quả một số thay đổi quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác an toàn - chất lượng, cụ thể:
 - ✎ Rà soát, cập nhật hệ thống chính sách, quy trình, tài liệu SMS và QMS, bảo đảm phù hợp với thực tiễn khai thác, yêu cầu của nhà chức trách và các chương trình giám sát quốc tế (IOSA).
 - ✎ Chuẩn hóa và tăng cường thực hiện quy trình Quản lý sự thay đổi (Management of Change – MOC) đối với tất cả các thay đổi có khả năng tác động đến an toàn khai thác.
 - ✎ Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc quản lý rủi ro an toàn thuộc phạm vi phụ trách; tăng cường cơ chế giám sát, báo cáo và đánh giá hiệu quả.
 - ✎ Đẩy mạnh ứng dụng phân tích dữ liệu an toàn, nhằm nhận diện xu hướng, mối nguy tiềm ẩn, làm cơ sở cho việc đưa ra các biện pháp phòng ngừa và cải tiến.
 - ✎ Tăng cường ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý an toàn: Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống phần mềm trong báo cáo an toàn, phân tích dữ liệu an toàn và theo dõi xu hướng nguy cơ qua đó nâng cao năng lực giám sát, nhận diện nguy cơ và phòng ngừa sự cố.

2.7.3. Hoạt động của Ủy ban an toàn và các tổ SAG

2.7.3.1. Hoạt động của Ủy ban An toàn VNA

- ✎ Trong năm 2025, Ủy ban An toàn VNA đã duy trì hoạt động hiệu quả, thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu, chỉ đạo và giám sát công tác an toàn - chất lượng trong toàn hệ thống tiếp tục khẳng định vai trò là cơ quan chỉ đạo cao nhất về công tác an toàn của VNA.
- ✎ Các nội dung trọng tâm đã triển khai:
 - ✎ Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo quy định, xem xét, đánh giá tình hình an toàn khai thác, các sự cố, nguy cơ an toàn và hiệu quả của các biện pháp kiểm soát rủi ro và chỉ đạo các đơn vị triển khai các giải pháp nâng cao mức độ an toàn để đánh giá tình hình an toàn khai thác và các chỉ số an toàn trọng yếu (SPI).
 - ✎ Chỉ đạo đánh giá, kiểm soát và xử lý các rủi ro an toàn mức trung bình và cao, yêu cầu các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, có thời hạn và phân công trách nhiệm rõ ràng.
 - ✎ Theo dõi, đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu rủi ro, bảo đảm rủi ro được kiểm soát ở mức chấp nhận được theo khẩu vị rủi ro của Tổng công ty.
 - ✎ Định hướng các ưu tiên an toàn theo từng giai đoạn, phù hợp với kế hoạch khai thác, mở rộng thị trường và chiến lược phát triển đội bay.



2.7.3.2. Hoạt động của các Tổ SAG (Safety Action Group)

- ✎ Các Tổ SAG tại các khối/đơn vị của VNA tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc triển khai công tác an toàn ở cấp cơ sở.
- ✎ Kết quả nổi bật trong năm 2025:
 - ✎ Chủ động nhận diện mối nguy và thu thập báo cáo an toàn từ hoạt động khai thác hàng ngày.
 - ✎ Thực hiện đánh giá rủi ro chi tiết đối với các lĩnh vực trọng điểm, bao gồm:
 - ✎ Khai thác bay trong điều kiện thời tiết phức tạp;
 - ✎ Phối hợp giữa các đơn vị trong và ngoài TCT;
 - ✎ Các rủi ro liên quan đến yếu tố con người và năng lực nhân sự;
 - ✎ Đề xuất và triển khai các biện pháp khắc phục, phòng ngừa, tập trung vào cải tiến quy trình, tăng cường đào tạo, huấn luyện và truyền thông an toàn.
 - ✎ Theo dõi, đánh giá sau triển khai và báo cáo kết quả định kỳ về Ủy ban An toàn TCT.

2.7.4. Hoạt động của Trung tâm Ứng phó Khẩn nguy

- ✎ Trong năm 2025, Trung tâm Ứng phó Khẩn nguy VNA luôn duy trì trạng thái sẵn sàng cao, đáp ứng yêu cầu xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống khẩn nguy.
- ✎ Các hoạt động chủ yếu:
 - ✎ Rà soát, cập nhật Kế hoạch Ứng phó Khẩn nguy (ERP) phù hợp với các thay đổi về tổ chức, khai thác và yêu cầu của nhà chức trách.
 - ✎ Tổ chức và tham gia các cuộc diễn tập khẩn nguy định kỳ và theo kịch bản, bảo đảm tính thực tế và khả năng phối hợp đa đơn vị.
 - ✎ Thực hiện đánh giá sau diễn tập, xác định các điểm cần cải tiến và triển khai các hành động khắc phục.
 - ✎ Tăng cường đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng tham gia ứng phó khẩn nguy.



2.8. An ninh

⊗ Chính sách an ninh hàng không (ANHK) của VNA

- ⊗ VNA quyết tâm bảo đảm an ninh trong hoạt động khai thác, đảm bảo an toàn tính mạng cho hành khách và toàn thể cán bộ, nhân viên. Việc bảo đảm an ninh trong hoạt động khai thác được kết hợp bởi các cán bộ, nhân viên được huấn luyện và có năng lực, trang thiết bị được bảo dưỡng tốt cùng với các quy trình thực hiện, có sự giám sát phù hợp.
- ⊗ VNA bảo đảm an ninh hàng không là trách nhiệm của toàn thể cán bộ, nhân viên. Thúc đẩy văn hóa an ninh hàng không, chú trọng văn hóa chính trực và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin phản hồi nhằm đảm bảo các sự cố, vụ việc vi phạm an ninh phải được điều tra, xem xét, kể cả việc sửa đổi các quy trình có liên quan.
- ⊗ VNA chủ động nhận diện mối nguy hiểm và quản lý, phân tích, đánh giá, giảm thiểu rủi ro an ninh trong hoạt động khai thác. Mọi vi phạm trong công tác bảo đảm an ninh hàng không sẽ bị xử lý nghiêm và kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định về an ninh hàng không.
- ⊗ VNA bảo đảm thiết lập và duy trì hệ thống quản lý an ninh hàng không, tuân thủ các yêu cầu của Nhà chức trách Hàng không, quy định pháp luật hiện hành và luôn hướng tới các tiêu chuẩn cao nhất của ngành hàng không.
- ⊗ VNA cam kết cung cấp đủ nguồn lực cần thiết để thực thi chính sách và mục tiêu an ninh hàng không. Liên tục cải tiến hệ thống quản lý, tạo môi trường làm việc tin cậy, với tinh thần trách nhiệm cao nhất trong toàn hệ thống nhằm đáp ứng nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

⊗ Kết quả công tác bảo đảm an ninh hàng không năm 2025

- ⊗ Năm 2025, tình hình chính trị xã hội, quốc phòng an ninh trong nước tiếp tục ổn định và được giữ vững, thị trường vận tải hàng không quốc tế và nội địa có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ, tuy nhiên sức mua tại thị trường nội địa có phần suy yếu. Tình hình kinh tế, an ninh chính trị thế giới vẫn có diễn biến khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro như xung đột quân sự Nga - Ukraine, Ấn Độ - Pakistan, chiến sự Israel - Iran và khu vực Trung Đông, biên giới giữa Thái Lan - Campuchia, tỷ giá biến động làm phát sinh chi phí, các rủi ro tài chính gia tăng,...đã gây ra các ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của TCT.
- ⊗ Trước tác động của bối cảnh tình hình nêu trên, TCT đã thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp quản lý, điều hành, trong đó đã bám sát sự chỉ đạo của Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Cục HKVN, Cục Quản lý xuất nhập cảnh chủ động, tích cực phối hợp với các CQ, ĐV liên quan để triển khai có hiệu quả các nội dung, yêu cầu công tác bảo đảm ANHK theo quy định, bảo đảm an ninh cho hoạt động khai thác của TCT trên tất cả các lĩnh vực, địa bàn hoạt động, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT. Một số kết quả công tác nổi bật:

Thứ nhất, chủ động nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống tổ chức ANHK của TCTHK.

TCT xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong bối cảnh yêu cầu về bảo đảm ANHK ngày càng cao và mô hình quản lý nhà nước có sự thay đổi từ 01/03/2025 nhiệm vụ bảo đảm ANHK do Bộ Công an tiếp quản. Theo đó, TCT chủ động rà soát, kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác ANHK; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng đơn vị, từng cấp trong chuỗi bảo đảm an ninh. Việc chủ động nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống tổ chức ANHK nhằm bảo đảm TCT đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với yêu cầu của nhà chức trách và thông lệ quốc tế, góp phần giữ vững an toàn, an ninh cho hoạt động hàng không dân dụng.

Thứ hai, chủ động triển khai các biện pháp nắm chắc tình hình an ninh liên quan trong và ngoài nước để kịp thời nhận diện, đánh giá các nguy cơ, rủi ro an ninh

Và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh cho các đường bay, địa bàn khai thác, ứng phó có hiệu quả với các tình huống có thể ảnh hưởng đến hoạt động khai thác của TCT. Đặc biệt đã tăng cường các biện pháp an ninh dịp Lễ Tết, các ngày kỷ niệm, sự kiện trọng đại của đất nước; kịp thời đánh giá rủi ro an ninh để điều chỉnh, áp dụng đường bay qua không phận Nga, Pakistan, Ấn Độ, khu vực Trung Đông và biên giới giữa Thái Lan - Campuchia khi xảy ra chiến sự; tăng cường các biện pháp bảo đảm ANHK cho hoạt động khai thác của TCT tại sân bay THD khi xuất hiện UAV; tăng cường an ninh đối với hoạt động khai thác tại Hàn Quốc, Mỹ và Châu Âu trước tình hình chính trị phức tạp tại Hàn Quốc, Mỹ và ảnh hưởng của việc Mỹ tham gia chiến sự giữa Israel - Iran; tăng cường an ninh sau vụ nổ bom ở New Delhi - Ấn Độ; thực hiện tốt công tác kiểm soát chất lượng ANHK, đáp ứng các đợt thanh tra ANHK của Cục An ninh vận tải Mỹ - TSA.

Thứ ba, tăng cường các giải pháp phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hạn chế thấp nhất việc vi phạm kỷ luật, pháp luật của CBNV.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo trong phối hợp đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả là “kiên quyết, kiên trì, thường xuyên và không có vùng cấm” trên cơ sở tuân thủ nghiêm, đầy đủ quy định pháp luật, TCT đã bám sát chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, đặc biệt của Ban chỉ đạo 389, Bộ GTVT, Cục HKVN và chủ động triển khai quyết liệt nhiều giải pháp, từng bước giảm thiểu các vụ việc buôn lậu, gian lận thương mại xảy ra trong hoạt động khai thác, góp phần bảo vệ uy tín và doanh thu của TCT: **(1)** Đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt sâu rộng đến toàn thể CBNV thông qua hội nghị tập huấn về công tác phòng chống ma túy, buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; kiểm soát an ninh nội bộ và phòng chống vi phạm kỷ luật, pháp luật; an ninh thông tin và phòng chống khủng bố do TCT phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Công an (A02, A05, C03, HVCSND), Cục Bảo vệ An ninh nội bộ Trung ương để phổ biến cho CBNV có liên quan nắm được, không tham gia, tiếp tay, giúp sức cho hoạt động buôn lậu, vi phạm kỷ luật, pháp luật. **(2)** Tổ chức rà soát, tăng cường công tác kiểm soát an ninh nội bộ, thực hiện luân chuyển và yêu cầu 100% CBNV làm việc tại các vị trí trực tiếp tiếp xúc với hành lý, hàng hóa, tàu bay phải ký cam kết không tham gia hoặc tiếp tay cho các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển hàng giả. **(3)** Tăng cường kiểm tra hành lý tổ bay trên các chuyến bay quốc tế để đảm bảo việc tuân thủ nghiêm hành lý tổ bay và quy định hải quan. **(4)** Phối hợp kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm vi phạm theo quan điểm của TCT là không dung túng, bao che cho các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.



Thứ tư, chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng (Công an, Hải quan, nhà chức trách hàng không trong ngoài nước, lực lượng kiểm soát ANHK) trong triển khai các biện pháp bảo đảm ANHK phục vụ hoạt động khai thác:

(1) Kịp thời phát hiện, điều tra, xác minh và xử lý theo quy định **84** vụ việc liên quan đến ANHK, không có vụ việc nghiêm trọng, giảm **08** vụ so với năm 2024; (2) Phối hợp tra cứu, xác minh và cung cấp các thông tin liên quan đến hành khách đi trên các chuyến bay của TCT và các thông tin liên quan khác, đáp ứng **85** lượt yêu cầu của cơ quan chức năng trong và ngoài nước; (3) Kịp thời cập nhật, cảnh báo trên hệ thống thông tin của **295** đối tượng truy nã, đối tượng liên quan đến vụ án cần theo dõi, đối tượng cấm vận chuyển, kiểm tra bắt buộc để chủ động phát hiện, ngăn chặn, thông báo cho các cơ quan chức năng; (4) Phối hợp với Cục A08, các cơ quan ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam và lực lượng kiểm soát ANHK tại các cảng hàng không, sân bay trong trao đổi thông tin, phối hợp kiểm soát tốt giấy tờ nhân thân của hành khách đi tàu bay, kịp thời phát hiện và xử lý **18** vụ/23 hành khách sử dụng giấy tờ giả đi tàu bay, giảm **23** vụ/31 hành khách so với năm 2024; (5) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, kịp thời phối hợp, xử lý xử lý 25.471 cảnh báo trên hệ thống công nghệ thông tin và phát hiện, xác minh, khắc phục 01 sự cố lọt thông tin; (6) Chủ động phối hợp với Cục A08 triển khai lực lượng an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên các chuyến bay chuyên khoang và thương mại nội địa, bảo đảm tạo điều kiện tối đa cho lực lượng an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thương mại và chuyến bay chuyên khoang.



2.9. Quản trị nguồn nhân lực

2.9.1. Chế độ tiền lương thu nhập và phúc lợi cho người lao động

- ✖ Năm 2025 đánh dấu giai đoạn phục hồi và tăng trưởng tích cực của Vietnam Airlines. Thu nhập, tiền lương và phúc lợi của người lao động không chỉ được khôi phục mà còn vượt mức năm 2019 - thời điểm cao nhất của ngành hàng không trước dịch.
- ✖ Trong năm, Vietnam Airlines đã chủ động tham gia góp ý, sửa đổi 02 Nghị định tiền lương mới, qua đó tạo cơ sở pháp lý và nguồn lực tài chính để trả lương cạnh tranh, thu hút và giữ chân nguồn lực lao động đặc thù ngành hàng không, lao động chất lượng cao. Đồng thời, Vietnam Airlines triển khai 02 lần tăng mức tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội, qua đó cải thiện rõ rệt về thu nhập hiện tại mà còn góp phần nâng cao các chế độ bảo hiểm, đặc biệt khi người lao động nghỉ hưu trong tương lai. Song song với việc hoàn thiện cơ chế, Vietnam Airlines đẩy mạnh công tác quản trị, tập trung rà soát và tối ưu hóa chi phí nhân công, triển khai quyết liệt các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lực, đảm bảo chi phí nhân công được kiểm soát phù hợp với quy mô và hiệu quả hoạt động của Vietnam Airlines.
- ✖ Cùng với chính sách tiền lương, các chế độ phúc lợi trong năm 2025 tiếp tục được phục hồi và nâng cao. Mức đóng bảo hiểm sức khỏe được điều chỉnh tăng so với năm 2024, mở rộng quyền lợi bảo hiểm và hệ thống cơ sở y tế bảo lãnh. TCT cũng khôi phục việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung đã tạm dừng từ năm 2020, điều chỉnh tăng mức tiền ăn ca và triển khai thêm một số chính sách chăm lo đời sống người lao động như chế độ sinh nhật, chế độ nhân dịp 8/3 và 20/10 đối với lao động nữ, góp phần nâng cao sự gắn kết và ổn định nguồn nhân lực.

2.9.2. Tổng số lao động công ty mẹ và hợp nhất đến 31/12/2025

- ✖ Số lao động hợp nhất của TCT tính đến 31/12/2025 là 19.130 người, bao gồm 5.220 của Công ty mẹ và 13.910 người của các Công ty con, Công ty liên kết.
- ✖ Trong số đó, đối với Công ty mẹ: Lao động được tính là lao động trong danh sách quản lý của các cơ quan, đơn vị (không gồm tiếp viên và phi công ALSUCO). Đội ngũ nhân sự của Vietnam Airlines không ngừng phát triển theo hướng trẻ hóa, đồng thời chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Đặc biệt, các vị trí then chốt, đặc thù như phi công, tiếp viên, kỹ sư và thợ kỹ thuật máy bay được đào tạo bài bản, sẵn sàng đáp ứng hiệu quả yêu cầu sản xuất kinh doanh và hoạt động vận tải hàng không.

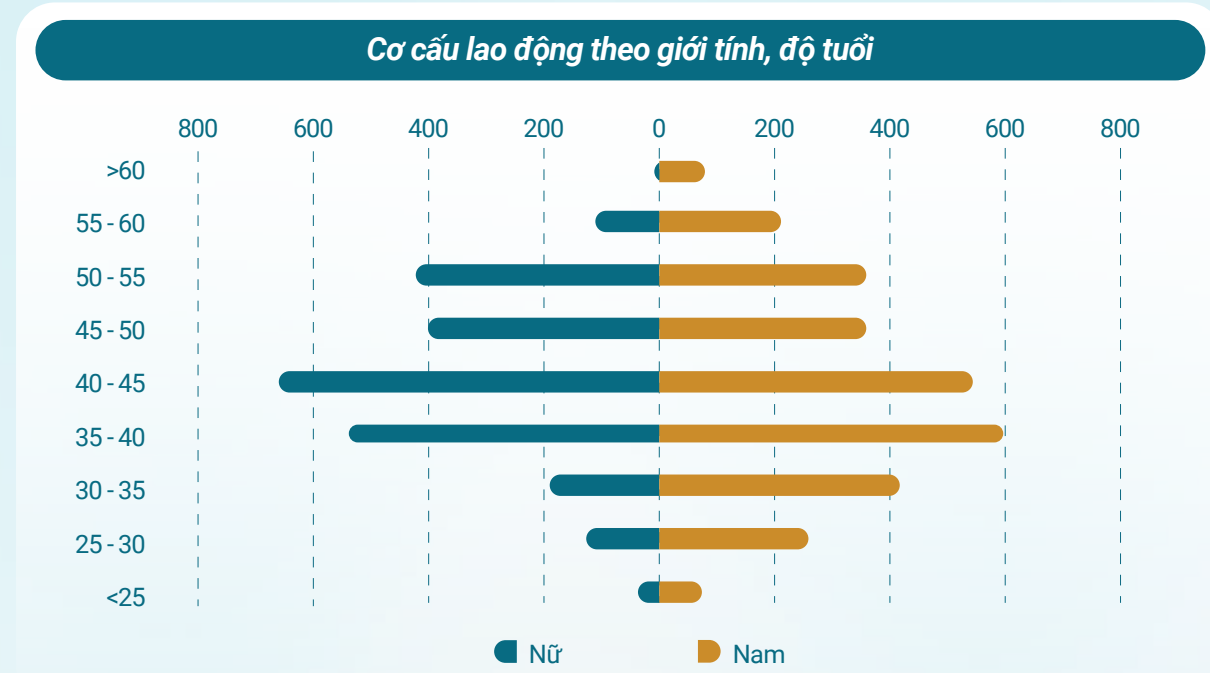
2.9.3. Thông tin công ty mẹ

a. Thu nhập bình quân

Vietnam Airlines tiếp tục điều hành linh hoạt chính sách nhân lực, tiền lương phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh; mức tiền lương bình quân của người lao động năm 2025 tăng 25% so với trước đại dịch Covid-19.

b. Lao động bình quân, tuổi đời bình quân

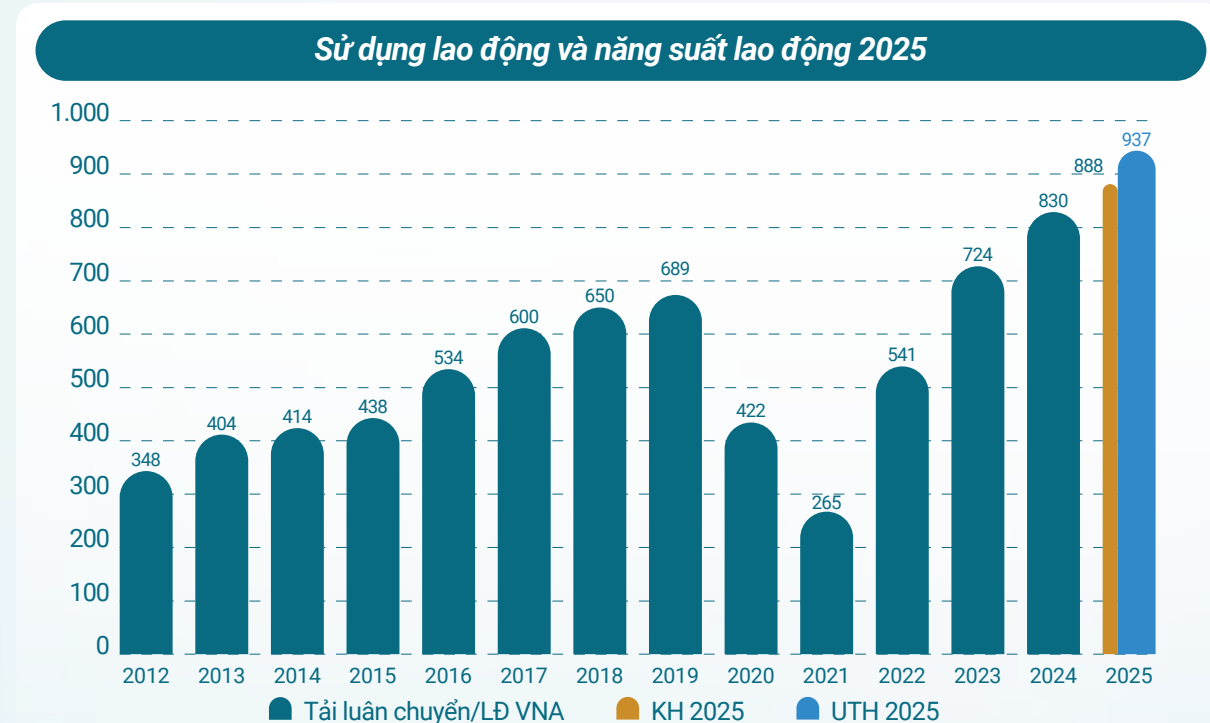
- ✕ Cơ cấu lao động theo giới tính, độ tuổi



- ✕ Lao động sử dụng bình quân trong năm là 5.214 người, tính trên số đi làm và đã quy đổi theo tỷ lệ ngày công làm việc thực tế trong tháng; riêng phi công, tiếp viên tính theo số lượng thực tế khai thác bay.

c. Các chỉ tiêu về năng suất lao động (NSLĐ)

- ✕ Trong năm 2025, TCT tiếp tục triển khai, hoàn thành tái cơ cấu tổ chức một số cơ quan, đơn vị (CQ, ĐV) TCT theo Nghị quyết 18 và định hướng phát triển của TCT. Thực hiện rà soát và định mức lao động dựa trên khối lượng công việc thực tế, đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm nguồn lực. Tích cực, đẩy mạnh ứng dụng Chuyển đổi số và Công nghệ nhằm rút ngắn thời gian xử lý nghiệp vụ, tăng năng lực quản trị, cạnh tranh.
- ✕ Với việc điều hành, sử dụng tiết kiệm lao động, lao động sử dụng bình quân 2025 là 5.214 người, bằng 97% so với KH 2025 báo cáo ĐHCĐ. Năng suất lao động theo tải vận chuyển có doanh thu RTK (Revenued Ton Kilometre) là 937 nghìn tấn.km/LĐ, đạt 105% kế hoạch.



- ✕ Tỷ lệ lao động thôi việc tự nguyện năm 2025 duy trì ở mức thấp (~2%) nhờ:
 - ✕ Sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường và hoạt động khai thác.
 - ✕ Cơ chế lương được cải thiện rõ rệt, đảm bảo tính cạnh tranh.
 - ✕ Định hướng phát triển bền vững lấy con người làm trọng tâm, tạo môi trường làm việc ổn định và chuyên nghiệp.
- ✕ Các giải pháp đã thực hiện để cải thiện, nâng cao hiệu quả lao động:
 - ✕ Chính sách đãi ngộ: Duy trì cơ chế tiền lương - thưởng minh bạch và cạnh tranh. Đẩy mạnh truyền thông nội bộ nhằm khẳng định chế độ phúc lợi là lợi thế then chốt trong việc thu hút ứng viên khi tuyển dụng và giữ chân NLĐ.
 - ✕ Môi trường làm việc: Lan tỏa mạnh mẽ giá trị văn hóa VNA tới ứng viên và NLĐ. Hiện đại hóa môi trường làm việc thông qua chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý nhân sự, giúp tối ưu hóa quy trình, giảm áp lực vận hành và thúc đẩy năng suất lao động đột phá.
 - ✕ Phát triển nguồn lực: Xây dựng lộ trình thăng tiến rõ ràng, tạo điều kiện phát triển tối đa cho người lao động. Ưu tiên nguồn lực cho đào tạo nâng cao kỹ năng và luân chuyển nội bộ, nhằm khai thác hiệu quả tri thức và kinh nghiệm sẵn có.
 - ✕ Cơ chế đánh giá công bằng - minh bạch: thường xuyên nhìn nhận và đánh giá năng lực nhân viên dựa trên giá trị hiệu suất công việc. Duy trì cơ chế phản hồi hai chiều và vinh danh kịp thời các cá nhân xuất sắc, đảm bảo mọi nỗ lực đều được ghi nhận và tạo cơ hội thăng tiến xứng đáng.

2.9.4. Kết quả triển khai

- ✕ **Tuyển dụng**

TCT tiếp tục chương trình tạo nguồn, tuyển chọn và đào tạo lực lượng lao động đặc thù theo hình thức xã hội hóa, tiếp nhận Phi công cơ bản để đưa vào huấn luyện chuyển loại khai thác bay, bổ sung nguồn lực đáp ứng nhu cầu khai thác theo tiến độ mở các đường bay, sân bay mới trong 2026. Tổ chức tuyển dụng tập trung và trực tuyến, bổ sung một nguồn lao động mặt đất trẻ dồi dào, có nhiều tiềm năng, đóng góp tích cực trong công tác thúc đẩy nâng cao chất lượng và năng suất lao động.
- ✕ **Đào tạo phát triển nguồn lực**

Công tác đào tạo-huấn luyện của TCT được triển khai mạnh mẽ nhằm đảm bảo về số lượng, chất lượng đào tạo - huấn luyện theo đúng yêu cầu của Cục HKVN, các tổ chức đánh giá quốc tế IATA-IOSA và yêu cầu phát triển của VNA, trong đó:

 - (i) Công tác xây dựng, cập nhật hệ thống tài liệu huấn luyện: Hoàn thành tốt công tác xây dựng, cập nhật Quy chế đào tạo của TCTHK và hoàn thiện hệ thống tài liệu, chính sách đào tạo huấn luyện của tất cả các khối: Khai thác bay, Kỹ thuật và Khai thác mặt đất (Part D1/Part D2/Part D3 - Training). Hoàn thành xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo của TCTHK như: 47 tài liệu của Khối Dịch vụ, giáo trình Non - Distribution Company (NDC - Phương thức chia thu nhập), bộ giáo trình và bài giảng điện tử "Đặt chỗ, tính giá và xuất chứng từ vận chuyển AMADEUS ALTEA"...
 - (ii) Tổ chức huấn luyện Phi công theo phương thức mới CBTA: Hoàn thành việc chuyển đổi phương thức huấn luyện truyền thống sang huấn luyện, kiểm tra theo năng lực (CBTA) cho Phi công theo yêu cầu của Cục HKVN;
 - (iii) Kiểm soát chất lượng đào tạo các môn IOSA: Với yêu cầu luôn duy trì và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đào tạo - huấn luyện, trong năm 2025 TCTHK đã tổ chức huấn luyện cho 203.019 lượt học viên, trong đó đào tạo các môn IOSA với 124.060 lượt nhân viên (phi công, tiếp viên, nhân viên kỹ thuật máy bay, khai thác mặt đất) được đào tạo các môn An toàn, An ninh, tuân thủ chặt chẽ theo đúng yêu cầu của các nhà chức trách hàng không. Kết quả này góp phần quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động khai thác, giữ vững an toàn bay của TCT;

(iv) Đào tạo phát triển lao động: Đào tạo phát triển phi công 132 học viên (HL nâng cấp Lái phụ lên lái chính: 20 học viên, HL chuyển loại: 112 học viên), Đào tạo cán bộ nguồn CNNN (GM, SM, SaM, FM): 45 học viên; Đào tạo cán bộ quản lý (cấp phòng và cấp ban): 85 học viên; Đào tạo Văn hóa nâng tầm: 6.993 học viên;

(v) Đẩy mạnh tăng cường đào tạo trên E-learning (ELN) cho toàn TCT, đồng thời phát triển sử dụng hệ thống tại các công ty MTV và công ty vốn góp: VIAGS, VAECO, VFT, VACS. Số lượt học viên đào tạo qua ELN chiếm 70% tổng lượt học viên tham gia đào tạo năm 2025 (142,5 nghìn/203 nghìn), tăng hơn 100% so với năm 2024 (70 nghìn), trong đó 100% các môn lý thuyết IOSA đã được số hóa và tổ chức huấn luyện trực tuyến trên hệ thống ELN với hơn 124 nghìn lượt học viên; Tiết kiệm 42,9 tỷ đồng công tác phí cho TCT (chưa bao gồm chi phí nhân công và chi phí giảng dạy);

Với những nỗ lực trong năm 2025, hệ thống đào tạo - huấn luyện của TCT đáp ứng 100% yêu cầu đánh giá gia hạn AOC và công tác đào tạo đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các nhà chức trách hàng không quốc tế và Cục Hàng không Việt Nam.

✕ Quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, đánh giá cán bộ

Các công tác liên quan đến quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và đánh giá cán bộ trong năm 2025 được theo dõi, triển khai đồng bộ, bám sát theo các quy định, quy chế mới của Trung ương và gắn chặt với chiến lược phát triển dài hạn của TCT. Nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của TCT, các tiêu chí đánh giá sẽ được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với tình hình thực tế để tạo điều kiện cho sự phát triển và nâng cao năng lực quản trị và khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ.

✕ Tình hình hoạt động và đặc điểm nổi bật trong hoạt động của các cơ sở đào tạo FTC, ĐTV, ĐB, VFT tập trung vào 4 điểm chính:

- ✕ Chuẩn hoá hệ thống tài liệu huấn luyện (chính sách, chương trình, giáo trình) theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam và tiêu chuẩn IOSA; triển khai rà soát, cập nhật định kỳ và kiểm soát thay đổi theo lộ trình, bảo đảm tài liệu đúng - đủ - thống nhất - dễ kiểm tra.
- ✕ Nâng cao chất lượng nguồn lực huấn luyện, đẩy mạnh quy hoạch và phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm (Phi công, Tiếp viên, Nhân viên điều hành khai thác bay), chuẩn hoá năng lực chuyên môn và chuẩn mực tác phong; đáp ứng nhu cầu huấn luyện khi quy mô khai thác tăng trưởng nhanh.
- ✕ Chuyển đổi phương pháp đào tạo hiện đại, từng bước triển khai Huấn luyện, đánh giá theo năng lực (CBTA) cho phi công và tiếp viên theo thông lệ các Hãng hàng không tiên tiến, hướng tới nâng cao hiệu quả đào tạo, tăng độ tin cậy của đánh giá và gắn chặt với yêu cầu khai thác thực tế.
- ✕ Bảo đảm cung ứng nhân lực đặc thù kịp thời, tổ chức hiệu quả công tác tạo nguồn, tuyển sinh và đào tạo năng định loại, định kỳ, nâng cấp cho các lực lượng Phi công, Tiếp viên, Điều độ khai thác bay, qua đó đáp ứng kế hoạch khai thác, góp phần bảo đảm an toàn - chất lượng dịch vụ - hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

✕ Văn hoá doanh nghiệp

- ✕ Xuyên suốt quá trình hình thành, xây dựng và phát triển bền vững của Vietnam Airlines, việc xây dựng VHDN và phát triển văn hóa công sở, con người trên nền tảng kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, giá trị truyền thống của ngành Hàng không dân dụng và Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, đã kiến tạo nên sức mạnh nội sinh cũng như nét văn hóa riêng biệt của TCT. Từ đó, góp phần kết tinh nên các giá trị cốt lõi cho VHDN và được thấm nhuần qua thời gian, trở thành những chuẩn mực đạo đức không chỉ trong văn hóa giao tiếp, ứng xử mà còn bao gồm cả tầm nhìn sứ mệnh, giá trị cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, mục tiêu, chiến lược phát triển và hành vi, thái độ của mọi thành viên trong Vietnam Airlines.

- ✕ Bên cạnh tinh thần nêu cao trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp hiện hữu, việc phát triển, nâng tầm VHDN gắn liền với chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cũng là những tiêu chí vô cùng quan trọng. Với mục tiêu xây dựng Vietnam Airlines vững mạnh, mang bản sắc riêng, bộ quy tắc văn hóa, ứng xử, cuốn “Sổ tay Văn hóa Vietnam Airlines” đóng vai trò là kim chỉ nam để mỗi thành viên trong tổ chức thấu hiểu, trân trọng và gìn giữ những giá trị tinh túy của doanh nghiệp, đồng thời là công cụ không thể thiếu trong quá trình thay đổi và hoàn thiện bản thân của mỗi cá nhân, chung tay củng cố sức mạnh tập thể.

2.10. Truyền thông, phát triển thương hiệu

- ✕ Năm 2025, hoạt động truyền thông thương hiệu của TCT với thông điệp chung **“Cùng non sông cất cánh”**, theo đó hoạt động truyền thông được triển khai theo 3 chủ đề sau:
 - ✕ Thể hiện vị thế HHKQG - #CấtCánhCùngDânTộc: tiếp cận tới các cơ quan quản lý nhà nước.
 - ✕ Khôi phục sản xuất kinh doanh - #CấtCánhCùngNiềmTin: tiếp cận tới khách hàng.
 - ✕ 30 năm - #CấtCánhCùngTựHào: tiếp cận tới cán bộ, nhân viên (CBNV).
- ✕ Đồng thời, năm 2025 tiếp tục đẩy mạnh định vị “Vạn dặm nâng niu” để củng cố vị thế VNA hướng tới HHKQG 5 sao quốc tế và nâng cao tính cạnh tranh của VNA thông qua các câu chuyện truyền thông: Tự hào kết nối mạng bay khắp thế giới; Vạn dặm văn hoá; Ấm thực tinh tế trên vạn dặm và Hành trình xanh hóa.

Quản trị hình ảnh thương hiệu

- ✕ Duy trì hình ảnh thương hiệu tại tất cả các điểm chạm với khách hàng và cán bộ nhân viên.
- ✕ Phát triển nhận diện thương hiệu theo hướng trẻ trung, hiện đại, hợp xu thế; VNA trở thành đại sứ văn hóa Việt trên bản đồ thế giới.
- ✕ Tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành phố, tập đoàn, doanh nghiệp, đại sứ quán, lãnh sự quán các nước để xây dựng, phát triển thương hiệu, hình ảnh.
- ✕ Tiếp tục triển khai nghiên cứu, thực hiện chương trình theo lộ trình tái định vị thương hiệu.

Quảng cáo truyền thông sự kiện mang lại dấu ấn thương hiệu lớn, nổi bật

a. Chiến dịch kỷ niệm 30 năm thành lập TCT thành công rực rỡ

- ✕ Ra mắt biểu tượng “Chim Lạc” trên thân tàu bay - khát vọng vươn cao, lan tỏa mạnh mẽ khi bay khai trương nhà ga T3, và đặc biệt phục vụ các chuyến chuyên cơ.
- ✕ Lễ kỷ niệm 30 năm & đón Bằng khen Thủ tướng: sự kiện với gần 1.000 đại biểu & CBNV.
- ✕ Tổ chức lễ hành khách thứ 350 triệu cùng với Bộ VHTTDL và UBND TP Huế, tổ chức các chuyến bay đồng phục qua các thời kỳ, thu hút sự chú ý lớn từ cộng đồng.
- ✕ Sản phẩm truyền thông: ra mắt sách 30 năm (2 ngôn ngữ), phim tài liệu VTV, video chiến dịch đạt 2,5 triệu lượt xem trên TikTok & Facebook, 50+ bài Spirit.
- ✕ Truyền thông báo chí: đăng tải 270 bài báo, 600 bài viết MXH, 100.000 tương tác, mở chuyên mục **“30 năm cùng non sông cất cánh”**.
- ✕ Hoạt động cộng đồng & CBNV: 3 cuộc thi viết, ảnh, nhạc, với hơn 250 tác phẩm dự thi, vượt KPI tới 322%, thu hút hàng chục nghìn lượt tương tác.

b. Truyền thông truyền Đại hội Đại biểu Đảng bộ TCT HKVN

- ☒ Ban TT chủ trì triển khai kế hoạch truyền thông toàn diện (từ tháng 03 - 08/2025), bám sát định hướng chính trị, tạo khí thế phấn khởi, niềm tin mới cho toàn thể CBNV.
 - ☒ Truyền thông đa kênh 360 độ với Phim tổng kết nhiệm kỳ được đánh giá cao, phản ánh đầy đủ thành tựu nhiệm kỳ 2020 - 2025; loạt bài chuyên đề, phỏng vấn lãnh đạo Đảng ủy - HĐQT - TGD, longform, video, infographic trên Spirit, VNA Talk, báo chí Trung ương và đối tác truyền thông lớn.
 - ☒ Tổ chức chuỗi cuộc thi, thiết kế logo, sáng kiến gắn kết Đảng viên, lan tỏa mạnh mẽ tinh thần đoàn kết, bản lĩnh, hành động.
 - ☒ Hình ảnh Vietnam Airlines gắn với "Niềm tin mới - Khí thế mới", thể hiện rõ vai trò Hãng hàng không Quốc gia đồng hành cùng sự phát triển của đất nước.
- ### c. Triển lãm "80 năm Hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"
- ☒ Gian hàng VNA nổi bật với buồng lái giả lập, sinh trắc học, dịch vụ 5 sao, động cơ A350 trị giá 50 triệu USD, quà tặng hấp dẫn.
 - ☒ Thu hút gần 1 triệu lượt khách và được lãnh đạo cấp cao, bạn bè quốc tế, cộng đồng doanh nghiệp và công chúng đánh giá cao.
 - ☒ Được đánh giá là gian trưng bày quy mô, chuyên nghiệp, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ tại khu vực "Khát vọng bầu trời".
 - ☒ Phối hợp VTV, báo chí và kênh truyền thông VNA, liên tục đưa tin về các hoạt động nổi bật. Đăng tải 280 bài báo, 450 bài viết MXH, 147.000 tương tác.
 - ☒ Doanh thu trực tiếp: 17,4 tỷ đồng (vé, giftcard, trà sữa, voucher lounge), 10.000 hội viên BSV mới, nhận giải thưởng "Không gian trưng bày tiêu biểu".



d. Chiến dịch "Chạm thu Hà Nội"

- ☒ Chuỗi sự kiện ấn tượng bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc cổ điển, concert hiện đại, thể thao cộng đồng, trải nghiệm sống trẻ, sống bền vững.
- ☒ Mỗi sự kiện là một tuyên ngôn Chạm thu Hà Nội bằng các ngôn ngữ khác nhau thông qua từng điểm chạm tới mùa thu Hà Nội. Tạo ra sự ủng hộ đông đảo của giới trẻ với sự tham gia của hàng chục ngàn người.



e. Chiến dịch "Vạn Dặm Nâng Niu"

- ☒ Quảng cáo chiến lược năm 2025 với thông điệp "Vạn dặm nâng niu" giai đoạn 2, gồm 05 mẫu KV và TVC 30s, 15s và 6s theo với 9 ngôn ngữ với hình ảnh đẹp, sang trọng, chuyên nghiệp và ấn tượng.
- ☒ Triển khai quảng cáo chiến lược đa kênh tại thị trường Việt Nam và 7 thị trường quốc tế trọng điểm, đạt hơn 100 triệu lượt hiển thị, tỷ lệ tương tác 24%.



Các danh hiệu, giải thưởng Quốc tế

STT	Giải quốc tế	Cấp quyết định/Tổ chức trao giải
1	Top 25 Hãng hàng không an toàn nhất thế giới	Airline Ratings
2	Top 25 Hãng hàng không tốt nhất thế giới	
3	Hãng Hàng không có hạng phổ thông đặc biệt giá trị nhất thế giới	
4	Giải thưởng Bền vững	
5	Hãng hàng không 5 sao xuất sắc năm 2025	APEX
6	Top 100 Hãng hàng không hàng đầu thế giới năm 2025	Skytrax
7	Thương hiệu hàng không hàng đầu Châu Á	World Travel Awards
8	Chương trình khách hàng thân thiết hàng đầu châu Á	
9	Tạp chí trên máy bay hàng đầu châu Á	
10	Giải pháp mang lại hiệu quả cao nhất - Sản phẩm trên máy bay 2025	Liên minh hàng không SkyTeam
11	Tổ chức Chuyển đổi số xuất sắc	Asian-Oceanian Computing Industry Organization
12	Bảng xếp hạng 500 công ty lớn nhất Đông Nam Á	Tạp chí Fortune
13	Giải Trách nhiệm Xã hội	Hiệp hội Du lịch Châu Á Thái Bình Dương Pacific Asia Travel Association
14	Giải thưởng Yêu thích của BGK	
15	Giải Bạc hạng mục "Ra mắt sản phẩm/dịch vụ" với chiến dịch "Sky Sofa - From Seat to Suite"	Hiệp hội tiếp thị di động toàn cầu MMA Globa
16	Giải Đồng hạng mục "Thấu hiểu dữ liệu/Tiếp thị theo ngữ cảnh" với chiến dịch "Ticket to Tết: From Intent to Impact"	
17	Giải thưởng Hãng hàng không có đặc quyền hội viên cao cấp tốt nhất nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương 2025	Frequent Traveler Awards
18	Giải thưởng Hãng hàng không của năm khu vực Châu Á Thái Bình Dương 2025	
19	Giải Bạc cho hạng mục "Chiến lược khách hàng thân thiết tốt nhất Phần thưởng & Khuyến khích"	Loyalty Engagement Awards 2025
20	Top 10 Hãng hàng không đúng giờ nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương năm 2024	Tạp chí Cirium
21	Top 10 Hãng hàng không tốt nhất Châu Á	DestinAsian Reader Choice's award
22	Top 10 Hãng hàng không có hạng ghế cao cấp tốt nhất	
23	Top 10 Hãng hàng không có hạng ghế phổ thông tốt nhất	

STT	Giải quốc tế	Cấp quyết định/Tổ chức trao giải
24	Top 5 Các Hãng hàng không truyền thống an toàn nhất châu Á năm 2025	Tạp chí Time Out Asia
25	Top 10 thương hiệu du lịch khu vực Đông Nam Á	Tạp chí Campaign Asia
26	Hãng hàng không đạt 9 sao về trách nhiệm môi trường	42kft.com
27	Chứng chỉ SkaIBlu - Hãng hàng không thương mại điện tử tiên tiến	Digital Achievement Award 2025

Các danh hiệu, giải thưởng trong nước

STT	Giải thưởng trong nước	Cấp quyết định/Tổ chức trao giải
1	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích xuất sắc trong công tác cứu hộ, cứu nạn tại Myanmar	Thủ tướng Chính phủ
2	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích xuất sắc đột xuất trong đổi mới năng lực quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước	
3	Bằng khen của TTCP về thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án 06	
4	Top 20 Doanh nghiệp văn hoá, uy tín 2025	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
5	Giải thưởng quảng cáo sáng tạo Việt Nam (Vạn Xuân Awards 2025) - giải nhất hạng mục Truyền hình	Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
6	Giải thưởng quảng cáo sáng tạo Việt Nam (Vạn Xuân Awards 2025) - hạng mục Chiến dịch tái định vị thương hiệu ấn tượng	
7	Top 10 doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch tốt nhất	Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)
8	TOP công nghiệp 4.0 Việt Nam lần thứ 4, hạng mục Top tổ chức/doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Tự động hoá Việt Nam và Viện Sáng tạo và Chuyển đổi số
9	Top 50 thương hiệu hàng đầu Đông Nam Á và Top 10 thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam	Tạp chí Campaign Asia
10	Bảng xếp hạng các thương hiệu tốt nhất Việt Nam năm 2024	Decision Lab
11	Top 10 ESG Việt Nam ngành Logistic	Báo Đầu tư và VietResearch
12	Top 100 ESG Việt Nam các ngành	
13	Giải thưởng Vinh Quang Việt Nam	Báo Lao Động

2.11. Công nghệ thông tin

- ✘ Trong bối cảnh công nghệ định hình tương lai hàng không toàn cầu, năm 2025 ghi nhận sự thành công của VNA trong việc thực thi chiến lược chuyển đổi số toàn diện, nơi các nền tảng số và hệ thống phần mềm ứng dụng quan trọng được xác định là giải pháp cốt lõi để tối ưu hóa hiệu quả, tạo lập sự kết nối xuyên suốt giữa hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị vận hành, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ hành khách.
- ✘ Trong lĩnh vực thương mại, việc đưa vào vận hành Website thương mại điện tử mới, đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa kênh bán trực tiếp và cá nhân hóa hành trình khách hàng. Được xác định là nền tảng số trung tâm với kiến trúc công nghệ tiên tiến, website tích hợp Chatbot AI hỗ trợ 24/7 cùng quy trình đặt chỗ tối ưu, không chỉ khẳng định vị thế Hãng hàng không quốc gia mà còn thúc đẩy mạnh mẽ doanh thu trực tuyến. Song song đó, các nền tảng quản trị lòng trung thành và đối tác như LSMA, Lotus Biz & Lotus Booker đã được chuyên biệt hóa nhằm số hóa toàn bộ khâu đặt chỗ, xuất vé và quản lý hội viên Bông Sen Vàng, tạo động lực thúc đẩy mạng lưới đối tác B2B phát triển bền vững.
- ✘ Cùng với những đổi mới trong công tác bán, VNA tiếp tục khẳng định năng lực công nghệ qua việc tiên phong triển khai Dịch vụ kết nối Internet trên tàu bay (IFC) cho đội bay Airbus A350, đánh dấu bước tiến quan trọng trong lộ trình hiện đại hóa dịch vụ và đáp ứng nhu cầu kết nối liên tục của hành khách trong suốt chuyến bay. Giải pháp này không chỉ khẳng định năng lực công nghệ và vị thế dẫn đầu khu vực trong việc bắt kịp các xu hướng hàng không toàn cầu mà còn là hạt nhân trong việc đột phá nâng tầm trải nghiệm khách hàng.
- ✘ Để đảm bảo sự kết nối và vận hành chuyến bay an toàn, chính xác, VNA ứng dụng hệ thống Lido Flight 4D trong lĩnh vực khai thác nhằm tối ưu hóa công tác lập kế hoạch bay. Hệ thống này không chỉ cho phép tính toán đường bay linh hoạt và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, mà còn tích hợp sâu với hạ tầng thông tin phục vụ kế hoạch bay và các ứng dụng di động dành cho tổ bay. Việc khai thác sức mạnh từ công nghệ Big Data giúp tối ưu hóa việc sử dụng đội tàu bay, quản lý tổ bay hiệu quả và lập kế hoạch khai thác linh hoạt. Qua đó, hệ thống góp phần quan trọng vào việc kiểm soát chặt chẽ chi phí khai thác thông qua việc giảm thiểu mức tiêu thụ nhiên liệu và khí thải, đồng thời nâng cao năng lực ứng phó với các tình huống bất thường trong khai thác thực tế.
- ✘ Đồng thời, năng lực quản lý kỹ thuật tàu bay tiếp tục được củng cố thông qua việc hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin kỹ thuật TIMS giai đoạn 2, tạo nền tảng vững chắc cho công tác bảo dưỡng dự báo. Đặc biệt, việc thực hiện chuyển đổi hạ tầng Cloud chuyên biệt cho đội tàu bay B787 đã giúp hiện đại hóa quy trình lưu trữ và nâng cao khả năng phân tích dữ liệu kỹ thuật 24/7, đảm bảo độ tin cậy và tính sẵn sàng cao cho đội tàu bay hiện đại bậc nhất của Hãng.
- ✘ Bên cạnh đó, hiệu quả quản trị nội bộ cũng ghi nhận bước đột phá với Hệ thống quản trị tài chính và vận hành số hóa dựa trên kết nối Host-to-Host trực tiếp giữa hệ thống GAS và ngân hàng. Quy trình này thiết lập tiêu chuẩn vận hành minh bạch, cho phép thanh toán nhanh chóng cho đối tác và nhà cung cấp mà không cần qua các bước xử lý thủ công. Việc kết hợp số hóa tài liệu thông minh cùng hệ thống quản lý thanh toán công tác phí hiện đại không chỉ hỗ trợ đắc lực cho công tác điều hành mà còn giúp tổng hợp dữ liệu chính xác, khẳng định năng lực quản trị doanh nghiệp hiện đại và tối ưu của Hãng. Sức mạnh quản trị này còn được củng cố bởi hạ tầng số đồng bộ với hệ thống máy chủ Cloud thế hệ mới, đảm bảo tính sẵn sàng cao cho dữ liệu và các giải pháp hội nghị truyền hình trực tuyến, giúp kết nối điều hành không khoảng cách trong toàn hệ thống. Với chiến lược chuyển đổi số toàn diện, VNA tiếp tục tiên phong hướng tới mục tiêu trở thành Hãng hàng không số hàng đầu khu vực ASEAN và trên trường quốc tế.
- ✘ Đặc biệt, năm 2025 đánh dấu sự tích hợp sâu rộng và toàn diện của Trí tuệ nhân tạo (AI) vào hệ sinh thái công nghệ của VNA, nhằm cộng hưởng sức mạnh của các nền tảng hiện có. Tại các điểm chạm khách hàng, VNA

đang xây dựng lộ trình ứng dụng thuật toán AI để phân tích hành vi, hướng tới việc đưa ra những gợi ý hành trình và dịch vụ bổ trợ cá nhân hóa, từ đó từng bước chuyển đổi mô hình phục vụ hướng đến sự chủ động và thấu hiểu nhu cầu khách hàng. Trong công tác điều hành, AI được xác định là công cụ hỗ trợ tiềm năng trong tương lai, giúp xử lý dữ liệu từ mạng đường bay và hạ tầng kỹ thuật để tối ưu hóa nguồn lực cũng như hỗ trợ dự báo trong bảo dưỡng. Việc làm chủ công nghệ AI không chỉ giúp VNA tối ưu hóa hiệu suất vận hành mà còn tạo ra sự khác biệt trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định hình ảnh một Hãng hàng không năng động, luôn đồng hành cùng những tiến bộ công nghệ hàng đầu và không ngừng xác lập các tiêu chuẩn dịch vụ mới của kỷ nguyên số.

a. Đánh giá độ sẵn sàng của các hệ thống công nghệ thông tin

- ✘ Trong năm 2025, hệ thống hạ tầng số của VNA được duy trì vận hành ổn định, bảo đảm tính liên tục cho hoạt động khai thác ngay cả trong các giai đoạn cao điểm. Song song đó, công tác an ninh thông tin được triển khai đồng bộ với cơ chế giám sát 24/7, lấy phòng ngừa chủ động làm trọng tâm và duy trì khả năng ứng phó linh hoạt trước mọi kịch bản sự cố.

b. Các chính sách về an toàn thông tin, bảo mật thông tin cho khách hàng, cổ đông và những thay đổi quan trọng

- ✘ Trong năm 2025, VNA thiết lập những tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhằm đảm bảo an ninh thông tin tuyệt đối cho các hệ thống số, hoàn thành xuất sắc các chỉ số KPI trọng yếu: 100% máy chủ và máy trạm được cài đặt phần mềm ANTT chuyên dụng; 100% các sự cố về ANTT được xử lý triệt để. Những con số ấn tượng này là minh chứng cho một hệ thống hạ tầng số được vận hành ổn định, đảm bảo tính liên tục cho hoạt động khai thác ngay cả trong các giai đoạn cao điểm. Xác định bảo vệ dữ liệu là ưu tiên chiến lược, Vietnam Airlines đã nâng tầm công tác An toàn thông tin lên một cấp độ mới thông qua việc triển khai hệ thống phòng thủ an toàn thông tin chủ động dựa trên 3 trụ cột chính:
 - ✘ Quản trị bảo mật đa lớp và Giám sát 24/7: VNA đảm bảo ngăn chặn mọi rủi ro truy cập trái phép.
 - ✘ Nâng cao năng lực phòng thủ và Ứng phó linh hoạt: VNA ưu tiên đầu tư vào các giải pháp công nghệ tiên tiến để đối phó với các hình thức tấn công tinh vi. Đồng thời giúp ngăn chặn triệt để nguy cơ lộ lọt thông tin khách hàng từ xa.
 - ✘ Thực thi chính sách và Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế: VNA cam kết thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn bảo mật quốc tế và quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân (GDPR, Nghị định 13). Lộ trình và các giải pháp để thực hiện chuyển đổi số toàn diện – Kiến tạo Hãng hàng không số đạt chuẩn quốc tế
 - ✘ Hành trình chuyển đổi số của VNA giai đoạn 2020 – 2025 đã ghi dấu sự bứt phá mạnh mẽ, hiện thực hóa lộ trình chuyển đổi mô hình từ một hãng hàng không truyền thống sang Hãng hàng không số (Digital Airline). Minh chứng rõ nét nhất là sự tăng trưởng vượt bậc của chỉ số trưởng thành số của công ty mẹ VNA, từ mức 'Khởi động' (30,1% năm 2022) lên mức 'Nâng cao' (77,08% năm 2024), đưa VNA vào Top 3 đơn vị dẫn đầu thuộc Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước. Đặc biệt, với tổng điểm đánh giá Hãng hàng không số (Digital Airline Score - DAS) đạt 120 điểm vào năm 2025, VNA chính thức gia nhập nhóm 'Hãng hàng không Thương mại điện tử tiên tiến' (Advanced E-commerce carrier). Đây là tiền đề quan trọng để VNA xác lập chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt cho sự phát triển bền vững trong tương lai.
- ✘ VNA chính thức bước vào giai đoạn 2025 - 2030 với tâm thế chủ động làm chủ công nghệ và đổi mới sáng tạo. VNA xây dựng lộ trình phát triển Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 2025 - 2030 với 3 giai đoạn trọng điểm, gắn kết chặt chẽ với mục tiêu "Chuyển đổi xanh":

✧ **Giai đoạn 2025 - 2026:** Kiến tạo nền tảng vững chắc – Đây là giai đoạn trọng tâm với mục tiêu hoàn thiện hạ tầng số, hệ thống dữ liệu hợp nhất và kiến trúc số tổng thể làm nền tảng cho mọi hoạt động đột phá.

✧ **Giai đoạn 2027 - 2028:** Số hóa toàn diện và Nâng tầm dịch vụ – Đây là giai đoạn bứt phá với mục tiêu đẩy mạnh chuyển đổi số sâu rộng trong các lĩnh vực cốt lõi từ Khai thác, Kỹ thuật đến Thương mại và Vận tải hàng hóa. VNA tập trung tối ưu hóa hiệu suất vận hành thông qua việc số hóa tối thiểu 75% quy trình quản trị, đồng thời chú trọng chuẩn hóa năng lực đội ngũ với mục tiêu trên 80% nhân sự được đào tạo kỹ năng số chuyên sâu. Điểm nhấn của giai đoạn này là việc hoàn tất phủ sóng Internet trên toàn bộ đội tàu bay (IFC) nhằm tái định nghĩa trải nghiệm hành khách, kết hợp cùng việc tiên phong triển khai cơ chế thử nghiệm (Sandbox) cho các sáng kiến đổi mới sáng tạo.

✧ **Giai đoạn 2029 - 2030:** Chuyển đổi số toàn diện (Digital Airline) - Hoàn thành mục tiêu trở thành Hãng hàng không số đạt chuẩn quốc tế theo khung IATA Digital Airline Ambition 2030. Để hiện thực hóa lộ trình chiến lược nêu trên, VNA tập trung triển khai bộ giải pháp mang tính hệ thống, đóng vai trò là trụ cột chiến lược vững chắc, thúc đẩy tiến trình chuyển đổi thông qua 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau:

✧ **Nâng cao vai trò lãnh đạo và Thể chế:** Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong công tác phát triển Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số; Hoàn thiện hành lang pháp lý nội bộ, xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ những nhân viên dám nghĩ, dám làm và có tinh thần đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung.

✧ **Kiến tạo hạ tầng dữ liệu và Hệ sinh thái API:** Xây dựng nền tảng dữ liệu lớn (Big Data) hợp nhất, coi đây là "tài sản chiến lược" để thúc đẩy đổi mới. Phát triển hệ sinh thái API mở nhằm đảm bảo khả năng kết nối, quản lý tập trung, minh bạch và an toàn bảo mật.

✧ **Phát triển nguồn lực và Văn hóa số:** Chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia công nghệ trình độ cao. Xây dựng môi trường làm việc số hiện đại, nơi văn hóa đổi mới sáng tạo trở thành động lực thường trực, lan tỏa trong mọi hoạt động của VNA.

✧ **Hợp tác chiến lược và Làm chủ công nghệ:** Đẩy mạnh liên kết nghiên cứu với các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới để chủ động tiếp thu, chuyển giao và làm chủ các công nghệ tiên phong trong ngành hàng không.

✧ **Gắn kết Chuyển đổi số với Chuyển đổi xanh:** Đây là định hướng xuyên suốt trong mọi dự án công nghệ. VNA ưu tiên đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ xanh và nhiên liệu bền vững (SAF), hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và giảm phát thải khí nhà kính.

2.12. Tái cơ cấu Công ty mẹ và Doanh nghiệp thành viên

2.12.1. Tổ chức lại sản xuất kinh doanh

Đường bay

✧ Trong năm 2025, TCT đã mở rộng thêm mạng bay quốc tế đến nhiều quốc gia như Đan Mạch, Ý, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đông Nam Á... với 14 đường bay mới. Tính đến thời điểm hiện tại, TCT đã có mạng bay quốc tế gồm 72 đường bay đến 38 điểm đến trên 21 quốc gia, mạng bay nội địa có 41 đường bay đến toàn bộ 22 sân bay trong nước.

Công tác bán

✧ Bám sát diễn biến thị trường, chủ động trong công tác nghiên cứu, dự báo thị trường; từ đó điều hành linh hoạt để tối ưu sản phẩm cung ứng đến thị trường.

✧ Mở rộng và hoàn thiện kênh lớp, mạng bán tại các thị trường. Hoàn thành việc đánh giá để chỉ định Tổng đại lý (TĐL) tại các thị trường khu vực Nam Á.

✧ Xúc tiến và bổ sung các đối tác OTA/TMC toàn cầu, hoàn thiện bao phủ hoàn toàn nhóm các OTA lớn hàng đầu thế giới. Tính đến hết năm 2025, đã có 07 đối tác đang duy trì quan hệ hợp tác với VNA, tăng gấp đôi về số lượng và quy mô doanh thu so với năm 2024.

✧ Tăng cường các chính sách giá đặc thù, đẩy mạnh các chương trình định danh trên nền tảng online, tăng cường truyền thông chương trình B2B dành cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp (CA). Trong tháng 5/2025, VNA đã tổ chức sự kiện ra mắt thành công thương hiệu LotusBiz trên nền tảng online cho các CA, đại lý hàng đầu tại TTVN.

✧ Nâng cấp, cải tiến các chức năng, tiện ích trên hệ thống công nghệ thông tin phục vụ đối tượng khách hàng lớn (Corporate Account - CA).

✧ Tiếp tục phát triển và mở rộng các kênh bán trực tiếp tại thị trường nước ngoài. Bên cạnh các thị trường đã triển khai là Nhật Bản, Hàn Quốc; trong năm 2025, đã triển khai kênh bán này đến 4 thị trường mới là Úc, Đài Loan, Lào và Mỹ.

✧ Hoàn thành nâng cấp và đưa vào sử dụng website mới từ tháng 11/2025 với 152 chức năng.

✧ Tăng cường hợp tác với các đối tác metasearch, sàn ví, các đối tác phi hàng không và ngân hàng để gia tăng lợi ích cho khách mua vé trực tuyến.

✧ Triển khai các giải pháp về ứng dụng công nghệ, digital marketing và hoàn thiện chính sách bán đối với các sản phẩm bổ trợ (ancillary).

Công tác hàng hóa

- ✕ Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác vận tải hàng hóa; tối ưu hóa điều hành tải trên các chuyến bay chở khách; chuẩn bị khai thác hiệu quả đội tàu bay chuyên dụng chở hàng A321F theo lộ trình phù hợp; từng bước hình thành và phát triển hệ sinh thái logistics hàng không đồng bộ, hiện đại.
- ✕ Chủ động bám sát diễn biến thị trường, tình hình cạnh tranh; linh hoạt trong công tác bán, chính sách giá và quản trị doanh thu; tăng cường hợp tác chiến lược với các Hãng hàng không, đối tác logistics trong và ngoài nước; tập trung khai thác các nguồn hàng có giá trị cao, ổn định, bền vững.
- ✕ Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong các lĩnh vực quản trị doanh thu, bán hàng, quản lý mạng bán, logistics và dịch vụ khách hàng; triển khai e-AWB trên toàn mạng bay; nghiên cứu, từng bước triển khai các hình thức bán hàng trực tuyến phù hợp; nâng cao chất lượng dịch vụ hàng hóa, góp phần giữ vững và mở rộng thị phần.

Công tác dịch vụ

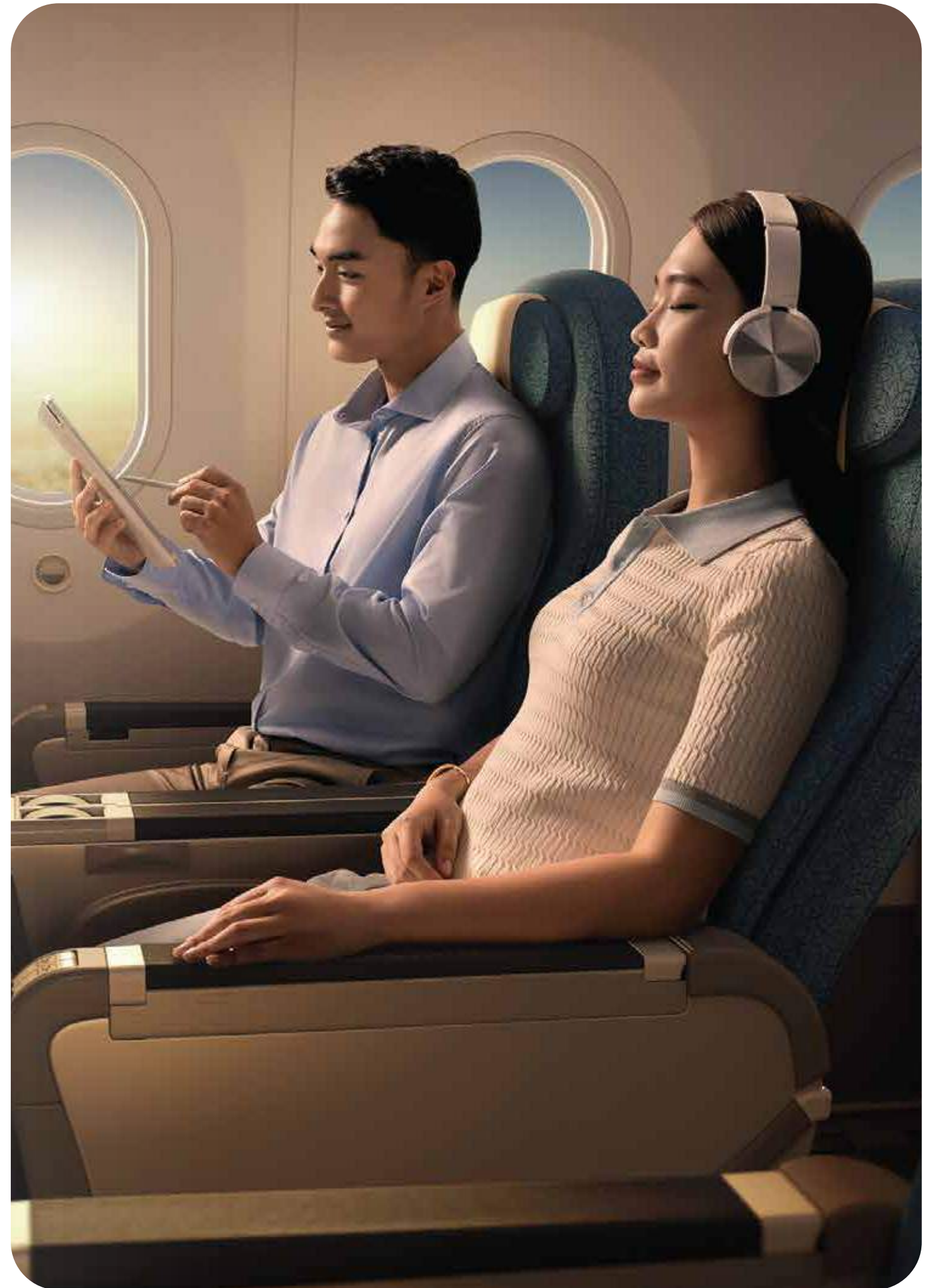
- ✕ Từ tháng 2/2025, Vietnam Airlines triển khai tái cơ cấu, tinh gọn bộ máy tại Khối Dịch vụ và Ban Dịch vụ Hành khách theo mô hình tổ chức mới, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động. Mô hình vận hành được xây dựng theo nguyên tắc rõ ràng về chức năng, trách nhiệm, đảm bảo mỗi đầu việc có đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm xuyên suốt từ xây dựng chính sách, phát triển sản phẩm đến triển khai và giám sát chất lượng. Việc chuyển đổi được thực hiện đồng bộ, bảo đảm hoạt động khai thác và chất lượng dịch vụ của Tổng công ty diễn ra thông suốt, ổn định.

2.12.2 Tái cơ cấu doanh nghiệp thành viên

Năm 2025, TCT đã tích cực triển khai công tác tái cơ cấu doanh nghiệp thành viên và đạt được một số kết quả như sau: Hoàn thành phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn và đã triển khai một số công việc để chuyển nhượng vốn của TCT tại CTCP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (thuê các tư vấn định giá, xác định giá trị doanh nghiệp và tư vấn xây dựng Phương án chuyển nhượng; làm việc với các tư vấn để triển khai các công việc liên quan, xin gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của TCS,...); hoàn thành báo cáo xin phê duyệt và triển khai phương án gia hạn Hợp đồng hợp tác dịch vụ khai thác và Hợp đồng thuê tàu bay giữa TCT và PA trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định và hiệu quả chung của hai bên; hoàn thiện phương án tổng thể về Hãng hàng không chi phí thấp (LCC) trong VNA group; nghiên cứu và báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch chuyển nhượng vốn đầu tư của VNA tại một số doanh nghiệp đa ngành nghề, ít liên quan đến VTHK để triển khai việc chuyển nhượng từ 2026.

Công tác tái cơ cấu Nhân lực tiền lương

- ✕ Năm 2025, VNA tập trung tái cơ cấu và tối ưu hóa nguồn lực thông qua ưu tiên đào tạo phi công Việt Nam và linh hoạt sử dụng nhân sự thuê ngoài cũng như nhân sự quốc tế, đảm bảo tính sẵn sàng cho giai đoạn 2026 - 2030. Song song đó, Tổng công ty tạo bước đột phá trong quản trị bằng việc số hóa toàn diện trên hệ thống SkyHR - từ tuyển dụng trực tuyến, chấm công di động đến đánh giá KPIs - giúp tinh gọn bộ máy, tăng tính minh bạch và chuẩn bị nguồn lực vững chắc cho lộ trình mở rộng mạng bay và sân bay mới trong năm 2026.
- ✕ Năm 2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng khi Chính phủ ban hành Nghị định 44/2025/NĐ-CP, trên cơ sở kế thừa kết quả thí điểm và những điều chỉnh chính sách giai đoạn 2020 - 2024. Theo cơ chế mới, Vietnam Airlines được tách riêng quỹ tiền lương đối với lực lượng Phi công Việt Nam, cho phép chi trả theo mức thị trường. Đối với lực lượng lao động còn lại, quỹ tiền lương được xác định theo đơn giá khoán ổn định trong 05 năm từ 2025 đến 2029. Cơ chế này tạo ra sự chủ động cho Vietnam Airlines trong quản trị quỹ tiền lương, đảm bảo hài hòa giữa điều kiện tài chính, hiệu quả sản xuất kinh doanh và yêu cầu duy trì đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đặc thù của ngành hàng không.



2.13. Các chương trình hợp tác

a. Hợp tác chiến lược với cổ đông ANA Holdings Inc

Năm 2025, VNA và ANA tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác chiến lược toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Hợp tác giữa hai Hãng hàng không được triển khai dựa trên các thỏa thuận song phương trong khuôn khổ thương vụ ANA đầu tư mua cổ phần của Vietnam Airlines từ năm 2016, góp phần củng cố quan hệ đối tác dài hạn và nâng cao hiệu quả hoạt động của hai Hãng hàng không.

ANA đã thể hiện thiện chí hợp tác, chủ động chia sẻ kinh nghiệm quản trị, mô hình vận hành và các thông lệ của một Hãng hàng không hàng đầu thế giới. Trong năm 2025, hai bên tiếp tục hợp tác sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: hành khách (liên danh, SPA, khách hàng thường xuyên), hỗ trợ kỹ thuật (TSA), dịch vụ mặt đất, hàng hoá (SPA, phục vụ hàng hoá) và một số lĩnh vực khác. Ngoài ra, VNA và ANA đã thống nhất gia hạn hợp đồng Hỗ trợ kỹ thuật thêm 03 năm, kéo dài thời hạn thực hiện đến tháng 5/2029 nhằm đảm bảo đủ thời gian sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ mà ANA đã cam kết dành cho VNA như đã nêu trong Hợp đồng.

Sự hỗ trợ của ANA trong thời gian vừa qua đã góp phần quan trọng giúp VNA từng bước nâng cao năng lực quản trị, chuẩn hóa quy trình, cải thiện chất lượng dịch vụ và hiệu quả khai thác.



b. Hợp tác thương mại (song phương/ đa phương/ liên doanh/ Skyteam)

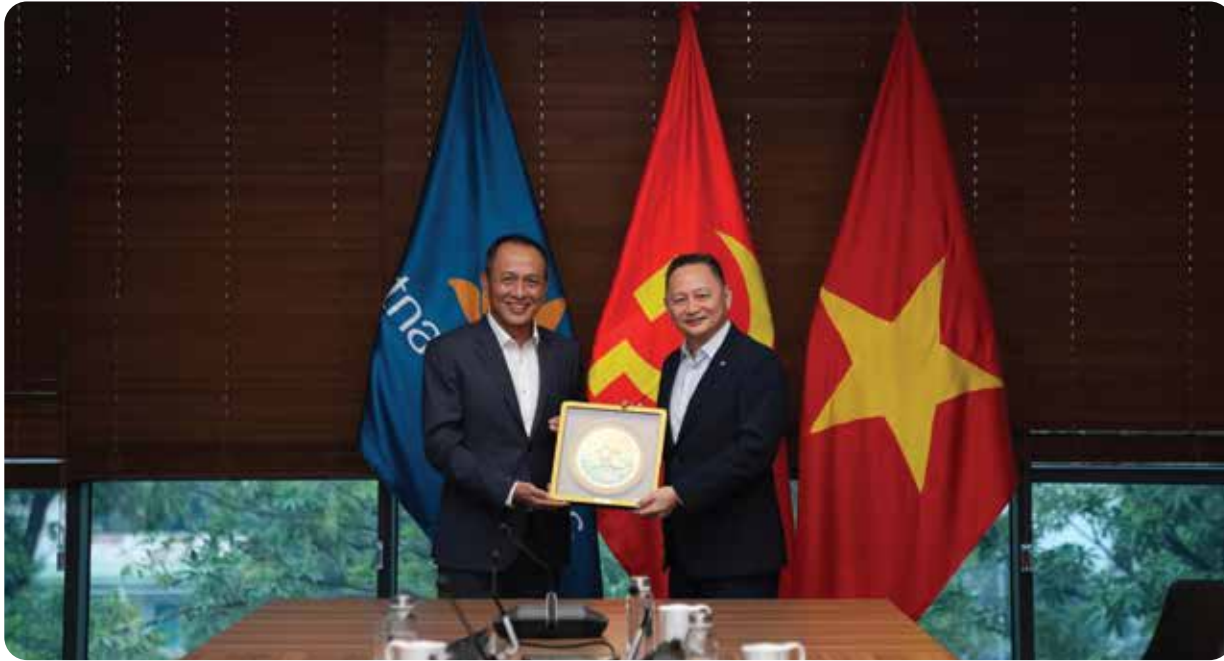
Về hợp tác liên danh song phương, trong năm 2025, TCT đã triển khai hợp tác với 27 Hãng hàng không quốc tế và 01 Hãng tàu hỏa Pháp, trong đó gồm 03 đối tác mới là Saudia Airlines, Scandinavian Airlines, Singapore Airlines và 1 đối tác dừng hợp tác từ giai đoạn Covid-19 là Etihad Airways; trao đổi khả năng hợp tác liên danh với các Hãng hàng không Aeromexico, Air India, Hãng tàu hỏa Đức Deutsche Bahn và công ty phân phối sản phẩm lịch tàu AccessRail nhằm mở rộng mạng bay hợp tác, phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của hành khách.



Về hợp tác liên doanh, TCT hoàn tất hồ sơ xin miễn trừ cạnh tranh đối với hợp tác với Air France và hợp tác với China Southern Airlines, triển khai hợp tác liên doanh với hai đối tác này từ 01/08/2025. Ngoài ra, TCT tiếp tục trao đổi khả năng hợp tác liên doanh với một số đối tác tiềm năng.

Về hợp tác chia chặng đặc biệt (SPA), TCT cũng quản trị hiệu quả hơn 80 hợp tác SPA với các Hãng hàng không, Hãng tàu. Việc tăng cường hợp tác giúp VNA mở rộng được mạng bay, đa dạng hóa sản phẩm, bảo vệ doanh thu cho TCT và góp phần nâng cao hiệu quả khai thác các đường bay, nâng cao hình ảnh thương hiệu và tăng cường sự hiện diện tại hầu hết các thị trường lớn trên thế giới.

b. Hợp tác thương mại (song phương/ đa phương/ liên doanh/ Skyteam)



Về hợp tác đa phương, TCT đã tích cực tham gia sâu rộng vào các hoạt động tại các tổ chức đa phương IATA, AAPA và Liên minh Hàng không toàn cầu SkyTeam nhằm phát huy vai trò và ảnh hưởng của TCT trong việc xây dựng, định hình các chính sách chung của Liên minh. Trong năm 2025, trong khuôn khổ các hoạt động phát triển bền vững phát động bởi SkyTeam, TCT đã tham gia chương trình The Aviation Challenge (Thử thách hàng không bền vững) và giành giải thưởng “Giải pháp tác động tích cực nhất - các sản phẩm phục vụ trên không” (Most Impactful Solution - Inflight Products), 1 trong 6 giải thưởng quan trọng nhất của The Aviation Challenge 2025.



Về Hiệp định chính phủ và quan hệ ngành, TCT luôn chủ động xây dựng, góp ý các chính sách vận tải hàng không song phương và đa phương giữa Việt Nam và các nước để bảo vệ quyền lợi của TCT trong hoạt động khai thác. Theo đó, trong năm 2025, TCT đã kiến nghị phương án đàm phán và tham gia đoàn công tác của CHK trao đổi Hiệp định hàng không song phương giữa Việt Nam và Vương Quốc Anh, Mexico, Kuwait, Ấn Độ, Bangladesh, Sri Lanka,.. cũng như các Hiệp định hàng không đa biên nội vùng ASEAN, và ASEAN với các nước đối thoại EU/New Zealand/Hàn Quốc/Nhật Bản/Anh.

c. Hợp tác với chính quyền địa phương

Hợp tác giữa Vietnam Airlines (VNA) và các tỉnh, thành phố không ngừng được tăng cường và mở rộng. Tính đến hết năm 2025, VNA đã hoàn thành ký kết hợp tác với 28/34 UBND các tỉnh/thành, bao gồm toàn bộ các tỉnh thành có khai thác đường bay thẳng. Riêng trong năm 2025, VNA đã triển khai ký mới thỏa thuận hợp tác toàn diện với 03 UBND tỉnh bao gồm Đắk Nông, Bình Thuận, Hưng Yên và ký lại thỏa thuận hợp tác với 02 UBND tỉnh thành lớn Hà Nội và Khánh Hòa. Với các hợp tác đã ký kết trước đó, VNA tiếp tục duy trì, triển khai tổng thể các hoạt động xúc tiến du lịch, văn hóa, thương mại nhằm phối hợp đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch, đầu tư thương mại, hàng không, điểm đến; xây dựng chính sách hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau một cách hiệu quả; tăng cường quảng bá hình ảnh, khẳng định vai trò hợp tác toàn diện giữa VNA và các tỉnh/thành phố trong quá trình hoạt động và phát triển, từ đó vừa nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa đóng góp vào công cuộc quảng bá du lịch, xúc tiến thương mại và phát triển kinh tế của các địa phương cũng như cả nước. Việc hợp tác với các tỉnh/thành trong các năm vừa qua đã góp phần giúp VNA nâng tầm thương hiệu quốc gia, khẳng định vai trò là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam.



c. Hợp tác với chính quyền địa phương



d. Hợp tác với các đối tác doanh nghiệp lớn

Thỏa thuận hợp tác giữa VNA với các tập đoàn kinh tế nhằm mục đích phát huy thế mạnh của mỗi bên trên các lĩnh vực hoạt động và kinh doanh, tăng cường hợp tác toàn diện hướng tới mục tiêu là đối tác chiến lược của nhau trong quá trình hoạt động và phát triển. Thông qua hoạt động hợp tác toàn diện, VNA và các tập đoàn này sẽ cùng xúc tiến các hoạt động hỗ trợ nhau, mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh để khai thác tốt nhất thế mạnh của mỗi bên, tiềm năng của thị trường trong và ngoài nước, trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống của mỗi bên và các lĩnh vực khác mà hai bên cùng quan tâm; thông qua hợp tác để tăng cường lợi ích cho cán bộ, công nhân viên của các bên. Trong năm 2025, VNA đã tiếp tục ký kết hợp tác 3 bên giữa VNA, Tổng cục Du lịch Singapore (STB) và Tập đoàn phát triển Sentosa (Sentosa Development Corporation - SDC) của Singapore. Bên cạnh đó, VNA tiếp tục duy trì các hoạt động hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đã có hợp tác từ trước như VinGroup, Saigontourist Group,... triển khai thành công các hoạt động phối hợp marketing, đồng tổ chức sự kiện, phát động các chiến dịch bán sản phẩm chung... qua đó nâng cao trải nghiệm khách hàng và gia tăng các giá trị, quyền lợi cho khách hàng của các bên.



3. Tình hình đầu tư

Tổng kinh phí đầu tư kế hoạch năm 2025 là 2.090 tỷ đồng. Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2025 như sau:

Danh mục đầu tư	KH 2025		TH 2025		% TH/KH	
	Số dự án	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	Số dự án (*)	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	Số dự án	Giá trị giải ngân
Tàu bay	2	1.166,2	1	650,6	50%	55,8%
Xây dựng	4	16,2	-	-	-	-
Trang thiết bị	22	498,9	19	101,7	86,4%	20,4%
ĐTRNDN	7	408,7	-	-	-	-
Tổng cộng	35	2.090	20	752,3	57,1%	35,99%

Ghi chú: Cột (*) là tổng số dự án Chuẩn bị đầu tư được phê duyệt, số dự án Thực hiện đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng và dự án hoàn thành quyết toán trong năm 2025.

3.1. Các khoản đầu tư dự án lớn

✎ Đầu tư tàu bay

Năm 2025, ĐHĐCĐ VNA đã thông qua chủ trương dự án đầu tư 50 tàu bay thân hẹp. HĐQT VNA đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Dự án, là cơ sở để VNA tiến hành các thủ tục lựa chọn Nhà thầu cung cấp tàu bay theo hình thức chỉ định thầu thông qua đàm phán trực tiếp. Boeing được lựa chọn là nhà thầu cung cấp tàu bay thuộc Dự án đầu tư 50 tàu bay thân hẹp của VNA, với loại tàu bay B737-8, có lịch giao trong giai đoạn 2030 - 2032. Sau khi có kết quả lựa chọn, VNA đã khẩn trương tiến hành đàm phán và ký Hợp đồng mua 50 tàu bay B737-8 với Boeing. VNA cũng đã tiến hành thanh toán các khoản đặt cọc trả trước theo đúng tiến độ quy định tại Hợp đồng.

✎ Đầu tư trang thiết bị

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trang thiết bị năm 2025 là 101,7 tỷ đồng, chủ yếu để giải ngân cho Dự án chuyển đổi cấu hình 23 tàu bay A321CEO sở hữu (80,4 tỷ đồng); dự án ULD (container) phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa (10,6 tỷ đồng, đã hoàn thành đưa vào sử dụng cuối năm 2024); và giải ngân cho các dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT.

✎ Đầu tư xây dựng cơ bản

Năm 2025, VNA và các doanh nghiệp thành viên tập trung, ưu tiên bố trí tối đa nguồn lực để tham gia các dự án đầu tư xây dựng và khai thác các cơ sở hạ tầng tại Cảng HKQT Long Thành, bao gồm các dự án khu bảo trì tàu bay; khu cung cấp suất ăn trên tàu bay; khu bảo trì phương tiện, trang thiết bị hàng không và dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dự án hàng hóa (nhà ga hàng hóa số 2, nhà ga chuyển phát nhanh và 04 kho giao nhận hàng hóa); và dự án hệ thống ống dẫn nhiên liệu cho tày bay từ cảng đầu nguồn đến Cảng HKQT Long Thành. VNA cũng tiếp tục nghiên cứu đầu tư đối với các dự án khác tại Cảng HKQT Long Thành và các Cảng HKQT khác.

✎ Đánh giá chung công tác đầu tư tài sản

Năm 2025, VNA tiếp tục tập trung, ưu tiên nguồn lực cho các dự án đầu tư trọng điểm (Dự án tàu bay, các Dự án đầu tư xây dựng tạo Cảng hàng không quốc tế Long Thành). Công tác thực hiện đầu tư được triển khai theo đúng quy định của Nhà nước và TCT. VNA sẽ tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư và giải ngân cho các dự án đã được phê duyệt, quyết định đầu tư.

3.2. Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

✎ Đánh giá chung về hiệu quả đầu tư ra ngoài DN

Năm 2025 thị trường VTHK có sự tăng trưởng tích cực, đồng thời giai đoạn này có cao điểm Tết, cao điểm hè cùng những đợt nghỉ lễ gần ngày nên hoạt động SXKD của các DNVG đã cải thiện rất nhiều. Các DNVG đã chủ động chuẩn bị nguồn lực đáp ứng đầy đủ, đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng cũng như tích cực thực hiện các giải pháp tăng DT, quản trị tốt CP nên kết quả SXKD của các DNVG tốt hơn so với năm 2024; đồng thời đảm bảo an ninh an toàn bay và chất lượng hàng hóa dịch vụ cung cấp cho VNA.

✎ Kết quả kinh doanh của các công ty có vốn góp trong năm 2025

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty con

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
1		VAECO		VAECO là Tổ chức bảo dưỡng máy bay duy nhất ở Việt Nam nhận được cả 2 chứng chỉ uy tín nhất thế giới là FAR-145 của Cục Hàng không Liên bang Mỹ (FAA, năm 2010) và EASA-145 của Cơ quan An toàn hàng không Châu Âu (EASA, năm 2017), bên cạnh chứng chỉ của Cục Hàng không Việt Nam và 20 Nhà chức trách hàng không trên thế giới. Bên cạnh đó, VAECO được EASA phê chuẩn chương trình SMS tháng 10/2023 sớm hơn 1 năm so với kế hoạch, trở thành 1 trong những AMO đầu tiên được EASA phê chuẩn theo yêu cầu mới. Điều này giúp VAECO gia tăng tính cạnh tranh và trở thành đối tác tin cậy của các Hãng hàng không trong và ngoài nước. VAECO đã đạt được nhiều thành tựu trong việc phát triển năng lực bảo dưỡng máy bay, đặc biệt bởi các dòng máy bay hiện đại như Airbus A350 và Boeing B787. Công ty đã đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng, tối ưu hóa quy trình giúp nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thời gian bảo dưỡng, chinh phục các tiêu chuẩn khắt khe từ các đối tác 5 sao như Lufthansa. Kết quả SXKD năm 2025 của VAECO được cải thiện đáng kể với tổng doanh thu đạt 3.431,2 tỷ đồng, LNTT đạt 308,8 tỷ đồng, ROE đạt 21,9%.

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
2		Skypec	100%	Là công ty có bề dày kinh nghiệm và chuyên nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nhiên liệu hàng không cho các Hãng hàng không trong nước và quốc tế với hệ thống kho chứa 200.000m3, mạng lưới hoạt động tại 18 cảng hàng không trên toàn lãnh thổ Việt Nam và 04 sân bay quốc tế lớn của Hàn Quốc. Để đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng rất khắt khe của nhiên liệu tra nạp cho máy bay, Công ty không ngừng nâng cao và đầu tư bổ sung dàn xe tra nạp, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại và đã có các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2017 với 10 phép thử tiêu chuẩn, Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001-2015 do Tổ chức QMS chứng nhận để luôn sẵn sàng phục vụ các khách hàng hàng không trong và ngoài nước một cách tối ưu nhất. Công ty đã áp dụng hệ thống giám sát thông minh, tích hợp GPS và camera hành trình, số hóa xe tra nạp, đảm bảo chuỗi cung ứng nhiên liệu của SKYPEC luôn được kiểm soát chặt chẽ. SKYPEC là nhà cung cấp nhiên liệu cho tất cả các Hãng hàng không trong nước và gần 100 Hãng hàng không nước ngoài đang khai thác tại Việt Nam. Năm 2025 SKYPEC đạt được những kết quả tích cực với tổng sản lượng đạt 1.757.938 tấn; chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 36.402 tỷ đồng và LNTT đạt 605,6 tỷ đồng, ROE đạt 62,1%.
3		VIAGS	100%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất cho hành khách, tàu bay của các Hãng hàng không tại các cảng hàng không, sân bay. Với tiền thân là các xí nghiệp cung cấp dịch vụ mặt đất có hơn 25 năm kinh nghiệm, VIAGS sở hữu gần 4.000 nhân viên tay nghề cao, được đào tạo từ cơ bản đến chuyên môn sâu và hệ thống trang thiết bị hiện đại luôn được vận hành theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng cao nhất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISAGO. Năm 2025 Công ty đã nhận được nhiều thư khen về công tác phục vụ an toàn, đúng giờ và hiệu quả các Hãng HK quốc tế. VIAGS còn được trao các giải thưởng như: Trạng quốc tế xuất sắc nhất tháng 10 năm 2025 của Hãng Cebu Pacific; Đối tác Phục vụ mặt đất xuất sắc nhất năm 2025 của Hãng Vietnam Airlines; Giải thưởng nghiệp vụ năm 2025 của Hãng Vietnam Airlines - Tổ chức triển khai tốt, khai thác hiệu quả chuyển nhà gà T3 Tân Sơn Nhất; Giải thưởng nghiệp vụ năm 2025 của Hãng Vietnam Airlines - Triển khai các giải pháp dịch vụ trên không sáng tạo và hiệu quả - Cấp suất ăn theo đặc thù giờ bay; Giải thưởng nghiệp vụ năm 2025 của Hãng Vietnam Airlines - Triển khai các giải pháp dịch vụ trên không sáng tạo và hiệu quả - SanitiSky Award; Giải thưởng nghiệp vụ năm 2025 của Hãng Vietnam Airlines - Tổ chức triển khai thành công dịch vụ Check-in Lounge. Năm 2025, hoạt động SXKD của VIAGS có nhiều thuận lợi: Ngành HK phục hồi mạnh, nhiều Hãng mở rộng mạng bay cũng như tần suất khai thác; Hạ tầng sân bay khu vực và trong nước được đầu tư đồng bộ, nâng cao năng

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
				lực phục vụ hành khách, hàng hóa; VIAGS duy trì chất lượng dịch vụ, an ninh - an toàn cao, được nhiều Hãng hàng không lớn, đặc biệt là Hãng 5 sao ghi nhận và đã đàm phán ký kết hợp đồng với 10 khách hàng mới. Tuy nhiên, Công ty cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn: Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, cạnh tranh giữa các Hãng HK nên các hãng kiểm soát chặt chi phí, cắt giảm tần suất hoặc tối ưu hóa khai thác ảnh hưởng đến sản lượng của VIAGS; Cạnh tranh trong lĩnh vực PVMD tại sân bay đe dọa thị phần của VIAGS; Mặt bằng nhà ga T2 Nội Bài quá tải, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phục vụ, nhất là giai đoạn cao điểm. Đứng trước những thách thức kể trên VIAGS đã thực hiện tốt các giải pháp điều hành SXKD, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa lợi nhuận. Kết quả SXKD năm 2025 VIAGS đạt mức tăng trưởng kỷ lục từ khi thành lập đến nay với tổng sản lượng chuyển bay Công ty phục vụ đạt 138.870 chuyến; chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 3.049,8 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 358,3 tỷ đồng, ROE đạt 94,9%.
4		VACS	100%	Là công ty chuyên sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn và dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Công ty đã áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quốc tế như: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, hệ thống quản lý ATVSTP ISO 22000, hệ thống quản lý AT SKNN ISO 45001, lấy GCN Halal ... Trong năm 2025, VACS đã nhận được nhiều giải thưởng, bằng khen của các Hãng HK như: BUSINESS SOLUTION AWARD, For Innovative and Effective In-flight Service Solutions, Customized Meal Supply by Flight Time, MOST SUPPORTIVE CATERER ... Năm 2025, tiếp tục ghi nhận sự “hồi phục chạy” của ngành hàng không toàn cầu, với nhu cầu du lịch, công tác, giao thương quốc tế tăng mạnh góp phần nâng cao sản lượng, doanh thu và hiệu quả của Công ty. Công ty đã chủ động điều hành linh hoạt hoạt động SXKD, chú trọng thực hiện các giải pháp tăng doanh thu và tối ưu hoá chi phí qua đó góp phần tăng hiệu quả SXKD năm 2025. Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh đa dạng hoá sản phẩm và mở rộng kênh phân phối sản phẩm non-air tạo tiền đề tối ưu hoá công năng sẵn có của cơ sở chế biến tại Tân Sơn Nhất khi có sự dịch chuyển khai thác xuống Cảng HKQT Long Thành. Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kép: duy trì tăng trưởng tại Tân Sơn Nhất và triển khai xây dựng cơ sở chế biến suất ăn tại Cảng HKQT Long Thành (thành phần 4) đúng tiến độ đề ra của Chính phủ. Kết quả SXKD năm 2025, tổng sản lượng suất ăn cung ứng của VACS đạt 11,96 triệu suất ăn; chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 1.357,6 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 225,96 tỷ đồng, ROE đạt 134,7%.
5		PACIFIC AIRLINES	98,84%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng không. Trước tình hình hoạt động hết sức khó khăn của PA, VNA tiếp tục triển khai những giải pháp phối hợp nguồn lực, cho PA thuê 03 tàu bay để hỗ trợ Công ty duy trì AOC cũng như Slot bay theo quy định của nhà chức trách và PA tiếp tục khai thác các chặng bay theo Hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ chuyển bay VNA-PA.

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
6		NCTS	55,13%	Là công ty phục vụ hàng hóa đầu tiên tại sân bay Nội Bài với kinh nghiệm và trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, được khách hàng đánh giá cao và ghi nhận về công tác phục vụ chuyên nghiệp đặc biệt là các loại hàng như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, hàng động vật sống. Năm 2025, NCTS vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì - phần thưởng cao quý do Chủ tịch nước trao tặng nhằm ghi nhận những thành tích và đóng góp xuất sắc của Công ty trong suốt hai thập kỷ hình thành và phát triển. Bên cạnh đó, trong năm Công ty cũng được vinh danh “Top 10 Công ty Logistics Hàng không uy tín năm 2025” cùng 13 thư khen về công tác phục vụ chuyển bay thường lệ từ các Hãng hàng không nước ngoài. Đây là minh chứng cho nỗ lực của một doanh nghiệp lấy kỷ luật vận hành, chuẩn hóa quy trình và tinh thần phục vụ làm nền tảng. Kết quả SXKD năm 2025 chỉ tiêu sản lượng của Công ty đạt 421,8 nghìn tấn; Tổng doanh thu đạt 1.263,3 tỷ đồng; LNTT đạt 478,8 tỷ đồng; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 147,9%.
7		TCS	55,00%	Là kho hàng hóa quốc tế đầu tiên và hàng đầu tại sân bay Tân Sơn Nhất với 30 năm kinh nghiệm, TCS luôn nỗ lực đạt được các chứng chỉ ISAGO, ISO 9001:2015, chứng chỉ RA3, IATA CEIV Pharma, IATA CEIV Fresh,... để đáp ứng các yêu cầu và đảm bảo chất lượng phục vụ tốt nhất cho khách hàng. Năm 2025, TCS tiếp tục nhận được nhiều quyết định khen thưởng, thư cảm ơn và ghi nhận thành tích từ các khách hàng là đại lý và các Hãng hàng không. Đây là minh chứng cho hiệu suất khai thác và chất lượng dịch vụ vượt trội; cũng như tinh thần trách nhiệm chuyên nghiệp của CBNV toàn Công ty. Kết quả SXKD năm 2025 chỉ tiêu sản lượng đạt 252,3 nghìn tấn; Tổng doanh thu đạt 1.005,8 tỷ đồng, LNTT đạt 432,3 tỷ đồng, ROE đạt 335,2%.
8		TECS	51,00%	Là công ty hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau: Dịch vụ khai thác và xử lý hàng hóa chuyển phát nhanh, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistic, dịch vụ khai thuê hải quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... Công ty đã tập trung nguồn nhân lực, triển khai nhiều biện pháp để khai thác triệt để các nguồn hàng, theo sát diễn biến thị trường, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2025 với sản lượng hàng hóa phục vụ là 44.726 tấn, chỉ tiêu tổng doanh thu của TECS đạt 269,6 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 107,1 tỷ đồng, ROE đạt 160,3%.
9		VINAKO	65,00%	Là công ty liên doanh giữa VNA và Konoike, hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa, với thị trường xuất khẩu quốc tế sang Nhật Bản là thị trường chủ lực. Trong năm 2025, mặc dù bối cảnh thị trường logistics và giao nhận quốc tế còn nhiều biến động, Công ty đã phát huy hiệu quả vai trò là doanh nghiệp thành viên của VNA, sự hỗ trợ từ Konoike, đồng thời khai thác tối đa lợi thế từ mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền chặt với các đại lý/forwarder trong nước. Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp mở rộng nguồn hàng co-load, nâng cao năng lực khai thác và hiệu quả sử dụng nguồn lực, qua đó duy trì đà tăng trưởng ổn định và bền vững. Kết quả, sản lượng năm 2025 đạt 6,7 nghìn tấn; tổng doanh thu đạt 187 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 27,8 tỷ đồng; ROE đạt 238%, phản ánh hiệu quả vượt trội

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
				trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng sinh lời cao trên vốn chủ sở hữu, đồng thời khẳng định vai trò đóng góp tích cực của VINAKO vào hiệu quả chung của VNA Group.
10		NCS	60,17%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. NCS duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, HACCP, HALAL; đồng thời triển khai các phương pháp quản trị Lean Six Sigma và 5S trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2024 - 2025, Công ty được các Hãng hàng không và tổ chức liên quan ghi nhận thông qua các danh hiệu và hình thức khen thưởng, bao gồm: danh hiệu Công ty suất ăn xuất sắc nhất năm 2024 và Công ty suất ăn xuất sắc nhất về chất lượng khai thác năm 2024 do Japan Airlines & All Nippon Airways trao tặng; danh hiệu Công ty suất ăn tốt nhất năm 2024 do Malaysia Airlines trao tặng; danh hiệu Công ty suất ăn tốt nhất Việt Nam năm 2024 do VNA bình chọn. Ngoài ra, Công ty nhận được Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Giấy khen tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2024 do VNA trao tặng. Năm 2025: (1) Giải thưởng nghiệp vụ năm 2025 - triển khai các giải pháp dịch vụ trên không sáng tạo và hiệu quả - cấp suất ăn theo đặc thù giờ bay, (2) Đối tác cung ứng suất ăn nỗ lực đổi mới nhất năm 2025, do VNA trao tặng. Năm 2025, thị trường hàng không đã hoàn toàn phục hồi, ngành hàng không Việt Nam vận chuyển 83,5 triệu lượt hành khách, tăng 10,7% so với năm trước, mức cao nhất từ trước đến nay. Theo đà tăng trưởng chung của thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thuận lợi hơn so với kế hoạch nhờ một số Hãng hàng không quốc tế khai thác trở lại sớm và việc chủ động tham gia chào hàng với các Hãng hàng không. Bên cạnh hoạt động cung ứng suất ăn hàng không, Công ty mở rộng mảng non-air, bao gồm cung ứng sản phẩm phục vụ các dịp lễ, Tết, Trung thu và cung cấp suất ăn nhẹ cho hệ thống Vinschool. Kết quả hoạt động SXKD năm 2025, tổng doanh thu NCS đạt 880,8 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế ước đạt 85,1 tỷ đồng; ROE đạt 38%.
11		NASCO	51,00%	Là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng HKQT Nội Bài và một số Cảng hàng không khác trên cả nước. Năm 2025, thị trường vận tải hành khách tăng trưởng cao, tạo điều kiện thuận lợi để các lĩnh vực kinh doanh của Công ty tăng trưởng tích cực; hoạt động đầu tư tài chính tại NCTS đạt hiệu quả. Mặc dù Công ty còn gặp một số khó khăn do chi phí phát sinh liên quan đến mặt bằng tại các Cảng hàng không, NASCO vẫn chủ động mở rộng thị trường, gia tăng thị phần khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu gắn liền với Công ty mẹ VNA, đồng thời triển khai các giải pháp quản trị, tối ưu hóa chi phí nhân công nhằm nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Kết quả SXKD năm 2025, NASCO đạt tổng doanh thu 535,3 tỷ đồng, LNTT đạt 27,3 tỷ đồng, ROE đạt 22,4%.

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
12		VFT	51,52%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực đào tạo phi công cho các Hãng hàng không trong khu vực. Năm 2025, hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn: thị trường đầu ra bị thu hẹp, quy mô hoạt động hạn chế dẫn đến gián đoạn khai thác do khan hiếm phụ tùng thay thế, lãi suất ngân hàng trên thị trường thấp, bên cạnh đó, rào cản về thủ tục hành chính liên quan đến thị thực vào Châu Âu kéo dài trên 4 tháng cũng gây ảnh hưởng đến tiến độ huấn luyện và ghi nhận doanh thu. Tuy nhiên, Công ty đã tích cực chủ động tuyển sinh trong 6 tháng cuối năm giúp tăng doanh thu, đồng thời tăng cường các biện pháp về quản trị, tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động. Kết quả SXKD năm 2025, VFT đã hoàn thành kế hoạch đề ra với tổng doanh thu đạt 55,7 tỷ đồng, LNTT 5,8 tỷ đồng, ROE đạt 6,8%.
13		AITS	52,73%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ công nghệ thông tin và viễn thông. AITS hiện nay đóng vai trò quan trọng trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA thông qua việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông trọng yếu như: hạ tầng mạng LAN và dịch vụ wifi, hệ thống kiểm soát - Thuê DV kiểm soát truy cập HT PSS qua API/WBS; dịch vụ đảm bảo hoạt động hạ tầng máy chủ, phần mềm phòng chống virus; cung cấp hệ thống quản lý chuyến bay FIMS, nâng cấp phần mềm quản lý quy trình kiểm soát và thanh toán chi phí điều hành bay, đầu tư bản quyền Microsoft Fabric...với các đối tác bên ngoài. Kết quả SXKD năm 2025, tổng doanh thu của AITS đạt 286,4 tỷ đồng, LNTT đạt 10,6 tỷ đồng, ROE đạt 11,9%.
14		ALSUCO	51%	Là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng lao động, trong đó nổi bật nhất là lĩnh vực cung ứng tiếp viên cho các Hãng hàng không với tỷ trọng doanh thu cung ứng cho VNA chiếm đến 80 - 90% tổng doanh thu. Năm 2025, hoạt động SXKD của ALSUCO tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, tăng hơn 19% so với năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty con TNHH MTV ALSIMEXCO từng bước đi vào hoạt động ổn định, phát huy hiệu quả và bắt đầu tạo dòng tiền cho Công ty mẹ. Mặc dù vẫn còn tồn tại một số khó khăn như tình trạng thiếu hụt nguồn nhân sự chất lượng cao và áp lực cạnh tranh trên thị trường khiến hiệu quả hoạt động của một số lĩnh vực chưa đạt kỳ vọng, ALSUCO đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm thích ứng với điều kiện thị trường. Đáng chú ý, bên cạnh việc củng cố lĩnh vực cốt lõi, Công ty đã nỗ lực đẩy mạnh phát triển thêm các mảng kinh doanh mới như dịch vụ du lịch, tổ chức sự kiện và các dịch vụ liên quan, giảm dần sự phụ thuộc vào VNA, qua đó góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong trung và dài hạn. Kết quả SXKD năm 2024 chỉ tiêu tổng doanh thu của Công ty đạt 871 tỷ đồng; LNTT đạt 5,9 tỷ đồng; ROE đạt 44,7%.
15		SABRE VN	51,69%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống GDS phân phối toàn cầu SABRE. Từ năm 2017, SABRE VN chính thức tiếp nhận và kí hợp đồng cung ứng dịch vụ CSKH cho VNA. Qua các năm, SABRE VN và dịch vụ CSKH SABRE VN đang thực hiện đóng vai trò là một mắt xích không thể thiếu trong chuỗi cung ứng dịch vụ tiến tới 5 sao, điểm chạm quan trọng thúc đẩy công tác bán của VNA. Kết quả SXKD năm 2025 chỉ tiêu tổng doanh thu của Công ty đạt 122,9 tỷ đồng; LNTT đạt 10,8 tỷ đồng; ROE đạt 148%.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
1		VALC	32,48%	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực mua, bán, thuê và cho thuê lại máy bay. VALC được thành lập với mục tiêu là mua máy bay để cho các Hãng hàng không thuê hoạt động, khai thác, qua đó góp phần phát triển ngành hàng không Việt Nam, tăng số lượng máy bay do Việt Nam sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường cung cấp máy bay quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy sự hội nhập của ngành hàng không Việt Nam với thế giới. Trong năm 2025, VALC đã hoàn thành việc bán 10 tàu bay A321 theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, ghi nhận doanh thu 320,4 triệu USD. Kết quả SXKD năm 2025, chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 371,9 triệu USD; LNTT đạt 115 triệu USD; ROE đạt 144%.
2		MASCO	36,11%	Là công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không sớm nhất và lâu nhất tại các sân bay khu vực miền Trung, bao gồm sản xuất và cung ứng suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên máy bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, đào tạo nghề,... Năm 2025, MASCO gặp nhiều thuận lợi khi thị trường vận tải hàng không hồi phục mạnh mẽ, công ty phục vụ thêm nhiều Hãng hàng không mới như Redwings, Air Astana, Aero Nomad, Scat Airlines, Qanot Sharq, Phillipines Airlines, các chuyến bay chặng DAD-PUS của Korean Air tại Đà Nẵng..., đồng thời tiếp tục duy trì phát triển các hợp đồng cung cấp suất ăn phòng chờ tại các sân bay Miền Trung. Mặc dù hoạt động tại các Trung tâm dạy nghề có phần sụt giảm do thay đổi quy định sát hạch của Nhà nước tuy nhiên kết quả SXKD năm 2025 của Công ty vẫn đạt ở mức cao với chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 227,4 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 9,2 tỷ đồng, ROE đạt 19,9%.
3		AIRIMEX	41,31%	Là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không. Năm 2025, Công ty tiếp tục là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng phụ tùng vật tư, trang thiết bị, hàng hóa của VNA và các doanh nghiệp thành viên. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn do áp lực cạnh tranh gay gắt trên thị trường kinh doanh trang thiết bị mặt đất, chi phí đầu vào biến động và đứt gãy chuỗi cung ứng..., bằng việc triển khai đồng bộ các giải pháp tăng doanh thu và tối ưu hóa chi phí, AIRIMEX ghi nhận tổng doanh thu 296,4 tỷ đồng, LNTT đạt 7,7 tỷ đồng, ROE đạt 19,1%.
4		APLACO	30,41%	Là công ty hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng nhựa, sản phẩm nhựa thông thường và cao cấp, gồm: các mặt hàng nhựa phục vụ ngành công nghiệp, sản phẩm nhựa xuất khẩu, sản phẩm gia dụng, thiết bị khuôn mẫu, vật tư ngành nhựa... Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh tái chế vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phương tiện phục vụ ngành công nghiệp đã qua sử dụng... Năm 2025, hoạt động SXKD của công ty gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng, tình trạng thiếu hụt vốn cùng với chi phí tài chính cao... nên hoạt động SXKD bị ảnh hưởng nặng nề, hiện VNA chưa có số liệu báo cáo tài chính được kiểm toán của APLACO.

Danh mục đầu tư khác

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
1		K6	14,00%	Là Hãng hàng không quốc gia của Campuchia được thành lập vào năm 2009 với sự tham gia góp vốn của Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Vietnam Airlines và các nhà đầu tư. Du lịch quốc tế đến Campuchia dù phục hồi tích cực trong nửa đầu năm 2025, đặc biệt qua đường hàng không, tuy nhiên trong giai đoạn 6 tháng cuối năm, lượng khách du lịch đến Campuchia sụt giảm nghiêm trọng. K6 đã nỗ lực thực hiện các giải pháp nhằm ổn định và thúc đẩy hoạt động SXKD như chủ động điều chỉnh tài cung ứng/tần suất, duy trì kỷ luật trong điều hành giá-chỗ để tối ưu doanh thu khai thác mùa cao điểm và lấp đầy chuyến bay mùa thấp điểm, tối ưu kênh phân phối, mở rộng kết nối và hợp tác thương mại,...
2		SPT	0,36%	Là công ty có ngành nghề kinh doanh chính là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Hiện VNA chưa có thông tin về kết quả SXKD năm 2025 của công ty.

(Kết quả SXKD 2025 của các DNVG là số liệu chưa kiểm toán)

3.3. Tình hình tăng/giảm vốn đầu tư của TCT tại các Công ty con/Công ty liên kết trong năm 2025

Trong năm 2025, VNA không tăng/giảm vốn đầu tư tại các Công ty con/Công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Các chỉ tiêu tài chính bắt buộc theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

Chi tiêu	ĐVT	2024	2025	Chênh lệch % 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	49.461	61.543	24,4%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	83.511	96.376	15,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	2.290	5.251	129,3%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	497	176	-64,6%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.787	5.427	94,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.775	5.427	95,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	%	0%	0%	
Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	51	303	495,3%

Chi tiêu	ĐVT	2024	2025	Chênh lệch % 2025/2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,18	0,49	175,0%
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,17	0,48	180,1%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	111,3%	85,7%	-23,0%
+ Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	91,4%	70,3%	-23,1%
+ Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	19,9%	15,4%	-22,5%
+ Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn CSH	Lần	-7,5	4,1	-155,4%
+ Hệ số Nợ/Vốn CSH	Lần	-9,8	6,0	-161,0%
+ Hệ số Vốn CSH/Tổng nguồn Vốn	%	-11,3%	14,3%	-226,2%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	245,1	240,4	-1,9%
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,7	1,6	-7,3%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,3%	5,6%	69,4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-39,7%	340,0%	-956,2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,6%	9,8%	75,1%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh Doanh/Doanh Thu thuần	%	2,7%	5,4%	98,7%

(*) Hệ số ROE năm 2024 âm do VCSH bình quân âm và LNST dương

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chi tiêu	ĐVT	2024	2025	Chênh lệch % 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	58.187	73.175	25,8%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	106.696	121.207	13,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	3.199	7.914	147,4%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	5.217	254	-95,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8.416	8.168	-2,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7.958	7.607	-4,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	%	0%	0%	
Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	366	765	109,3%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,3	0,6	89,9%
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,2	0,5	108,7%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	116,1%	90,8%	-21,8%
+ Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	98,2%	77,1%	-21,5%
+ Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	17,8%	13,7%	-23,2%
+ Hệ số Nợ (không bao gồm nợ phải trả Thu bán)/Vốn CSH	Lần	-5,8	7,4	-228,1%
+ Hệ số Nợ/Vốn CSH	Lần	-7,2	9,9	-236,6%
+ Hệ số Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	-16,1%	9,2%	-157,3%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	27,1	28,8	6,5%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,8	1,7	-9,7%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,5%	6,3%	-15,8%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-60,4%	-581,9%	864,2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	13,7%	11,6%	-15,7%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	3,0%	6,5%	117,8%
+ Hệ số EPS	Đồng	3.416	2.949	-13,7%
+ Hệ số P/E	Lần	8,39	8,44	0,7%

(*) Hệ số ROE âm do VCSH bình quân âm và LNST dương.

Đánh giá tổng quát

Năm 2025 tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp, khó lường do biến động chính sách thuế của Hoa Kỳ, các căng thẳng địa chính trị giữa Nga-Ukraine kéo dài, tình hình khu vực Trung Đông nóng lên trong tháng 6/2025. Bên cạnh đó, Mỹ và châu Âu cũng tăng cường các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chính sách thị thực gây ảnh hưởng mạnh tới thị trường hàng không nói chung. Tỷ giá USD vẫn ở mức cao, giá nhiên liệu nhiều thời điểm biến động bất lợi do rủi ro địa chính trị; TCT tiếp tục gặp các khó khăn liên quan đến nguồn lực tàu bay; việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, vấn đề động cơ, vật tư phụ tùng và chi phí sửa chữa bảo dưỡng tăng cao cũng như các chi phí đầu vào tiếp tục bị tác động tiêu cực bởi ảnh hưởng chính sách thuế quan qua lại giữa Mỹ và các nước và tăng tỷ giá USD.

Tuy nhiên, mặc dù đối mặt với nhiều thách thức từ tình hình vĩ mô thế giới, với quyết tâm của Chính phủ, kinh tế Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng tương đối khả quan, du lịch Việt Nam tiếp tục trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách quốc tế. TCT đã tận dụng tốt các điều kiện thuận lợi của thị trường, khắc phục khó khăn, nỗ lực tối đa trong điều hành và thực hiện các giải pháp tăng hiệu quả SXKD và lợi nhuận. Do đó, công ty mẹ đã đạt kết quả SXKD tích cực với mức lãi trước thuế năm 2025 đạt 5.427 tỷ VND (tăng 94,7% so với LNTT năm 2024 và là mức cao nhất từ trước đến nay). Với kết quả công ty mẹ đạt lợi nhuận và các công ty con có kết quả khả quan, lợi nhuận hợp nhất trước thuế của TCT trong năm 2025 đạt 8.168 tỷ VND. Nhờ KQ SXKD tích cực và việc hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ quy mô 8.971 tỷ đồng, tại thời điểm 31/12/2025 các chỉ tiêu tài chính đã được cải thiện rõ rệt, VCSH công ty mẹ được củng cố đạt 8.795 tỷ VND, vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 6.730 tỷ VND.

4.2. Phân tích tình hình tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất

Các giải pháp quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và đảm bảo thanh khoản của Vietnam Airlines

Trong năm 2025, với mục tiêu lợi nhuận vượt mức năm 2024 và phù hợp với các định hướng của Chính phủ về tăng trưởng, VNA đã xây dựng định hướng và các giải pháp nhằm chuẩn bị nguồn lực cho hoạt động khai thác, tiếp tục tái cơ cấu toàn diện nâng cao hiệu quả hoạt động và phục hồi năng lực tài chính sau các ảnh hưởng của dịch COVID-19; trong đó, trọng tâm là triển khai gói phát hành cổ phiếu tăng vốn 9.000 tỷ VND. Ngay từ đầu năm, toàn TCT các Lĩnh vực, CQĐV đã triển khai thực hiện mạnh mẽ các giải pháp SXKD như sau:

Về công tác điều hành sản xuất: VNA đã chủ động thực hiện công tác dự báo, đánh giá thị trường, chuẩn bị sớm các nguồn lực đặc biệt là nguồn lực tàu bay, theo dõi sát sao diễn biến của thị trường để triển khai kịp thời các kế hoạch kinh doanh phù hợp tình hình thực tế và sử dụng nguồn lực hợp lý, hiệu quả. Các sản phẩm đường bay quốc tế và nội địa đã được rà soát liên tục với mục tiêu đảm bảo thị phần, hiệu quả, cân đối các vấn đề nguồn lực tàu bay, slot, ... Trong các giai đoạn cao điểm, VNA đã tận dụng tối đa cơ hội để thúc đẩy công tác bán, phát huy hiệu quả hệ thống kênh bán và mạng bán, góp phần tăng doanh thu VTHK. Các chính sách về tải cung ứng, về thương mại cũng được chủ động rà soát và điều chỉnh để phù hợp với biến động và đặc tính từng thị trường, đồng thời vẫn đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước và thông lệ quốc tế.

Nhờ các nỗ lực tái cơ cấu sản phẩm đặc thù, thị phần VNA Group dẫn đầu trong mạng bay nội địa và tăng so với kế hoạch; mở rộng thêm mạng bay quốc tế đến nhiều quốc gia như Ý, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc... thông qua việc khôi phục và mở mới tới 14 đường bay, mở rộng cánh cửa hội nhập quốc tế trong giai đoạn vươn mình.

Về chính sách lao động, tiền lương: Trong năm 2025, VNA đã triển khai đồng bộ các giải pháp tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh, qua đó nâng cao khả năng phản ứng trước biến động thị trường, tăng hiệu quả hoạt động và củng cố năng lực cạnh tranh tổng thể. Công tác chuyển đổi số trong quản lý nhân sự cũng được chú trọng, là nền tảng cho hệ thống quản lý nhân lực minh bạch, hiệu quả, thuận tiện cho công tác quản trị- điều hành.

Quản trị tối ưu hoá chi phí: Trong năm 2025, VNA tiếp tục thực hiện việc tăng cường quản trị, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đặc biệt là đội máy bay để nâng cao hiệu quả SXKD. Hiệu suất sử dụng máy bay trong năm 2025 tiếp tục được cải thiện so với năm 2024 đã góp phần giúp TCT tối ưu hóa chi phí và kết quả SXKD.

Về quản lý dòng tiền và thanh khoản, thanh toán nợ quá hạn nhà cung cấp: Trong năm 2025, với kết quả VTHK đạt tích cực hơn dự kiến đầu năm, dòng tiền thu SXKD đã đảm bảo thanh toán các khoản mục phục vụ SXKD, tăng cường dự trữ tiền cho các tình huống có thể phát sinh, đồng thời VNA cũng đã chủ động cân đối trả bớt nợ giai đoạn trước để lại. Đến cuối tháng 9/2025, VNA hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn giai đoạn 1 theo NQ 174/2024/QH15 giúp bổ sung vốn điều lệ và dòng tiền 8.971 tỷ VND và từ quý 4/2025 bắt đầu triển khai giải ngân tiền thu tăng vốn để thanh toán các khoản theo quy định.

TCT chủ động, thường xuyên báo cáo Chính phủ, Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước- Bộ Tài chính và các Cơ quan Nhà nước cập nhật tình hình SXKD và các kiến nghị để triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi tài chính và phát triển bền vững.

Doanh thu - Lợi nhuận công ty mẹ

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	Chênh lệch 2025/2024	
				Giá trị	%
1	Tổng doanh thu	85.231	98.059	12.827	15,1%
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	83.511	96.376	12.865	15,4%
	Doanh thu hoạt động tài chính	1.007	1.505	499	49,6%
	Thu nhập khác	714	177	-537	-75,2%
2	Tổng chi phí	82.444	92.632	10.187	12,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.787	5.427	2.640	94,7%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.775	5.427	2.652	95,5%

Nhờ thị trường VTHK diễn biến tương đối khả quan trong năm 2025 cùng các nỗ lực trong điều hành và thực hiện quyết liệt các giải pháp tăng hiệu quả SXKD và lợi nhuận, mặc dù các yếu tố đầu vào về giá nhiên liệu, lãi suất, tỷ giá USD cơ bản vẫn ở mức cao và diễn biến không thuận lợi, công ty mẹ đã đạt kết quả SXKD năm 2025 cải thiện vượt bậc so với năm 2024 và đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2025 của công ty mẹ đạt 98.059 tỷ đồng, tăng 15,1% so với năm 2024, tương đương mức tăng 12.827 tỷ đồng. Tính chung cả năm 2025, công ty mẹ đạt lợi nhuận trước thuế 5.427 tỷ đồng, tăng hiệu quả so với năm 2024 là 2.640 tỷ đồng, tương đương mức tăng 94,7%.

Nguồn vốn - Tài sản công ty mẹ

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	Chênh lệch 2025/2024	
			Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	8.233	21.118	12.885	156,5%
2. Tài sản dài hạn	41.228	40.425	-802	-1,9%
Tổng tài sản	49.461	61.543	12.082	24,4%
1. Nợ phải trả	55.063	52.748	-2.315	-4,2%
Nợ ngắn hạn	45.228	43.259	-1.969	-4,4%
Nợ dài hạn	9.835	9.489	-347	-3,5%
2. Vốn chủ sở hữu	-5.602	8.795	14.398	-257,0%
Tổng nguồn vốn	49.461	61.543	12.082	24,4%

Về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả giảm 2.315 tỷ đồng so với năm 2024; trong đó, nợ ngắn hạn giảm 1.969 tỷ đồng còn 43.259 tỷ đồng, nợ dài hạn giảm 347 tỷ đồng, còn 9.489 tỷ đồng. Thời điểm 31/12/2025, TCT đã trả hết nợ vay ngắn hạn thương mại tại các ngân hàng thương mại, dư nợ vay tái cấp vốn duy trì 3.971 tỷ VND, nợ quá hạn giãn hoãn thanh toán còn 3.689 tỷ VND.

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2025 là 61.543 tỷ đồng, tăng mạnh 12.082 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 (24,4%). Tài sản dài hạn cuối kỳ là 40.425 tỷ đồng, giảm 802 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 (1,9%). Trong đó khoản mục tài sản cố định giảm 4.418 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu do khấu hao.

Tài sản ngắn hạn cuối kỳ là 21.118 tỷ đồng, tăng 12.885 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 (156,5%). Các khoản mục tăng mạnh là: khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng 5.370 tỷ đồng, đầu tư tài chính ngắn hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng) tăng 6.375 tỷ đồng, phải thu ngắn hạn tăng 1.194 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng 100 tỷ đồng. Khoản mục tài sản ngắn hạn khác giảm 155 tỷ đồng chủ yếu ở khoản mục thuế GTGT được khấu trừ trong năm 2025.

Cơ cấu tài sản cuối năm biến động theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn so với cùng kỳ năm 2024 (tăng từ 16,6% lên 34,3%), giảm tỷ trọng tài sản dài hạn (giảm từ 83,4% xuống 65,7%). Khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh tăng so với cùng kỳ 2024.

Trong năm 2025, trên cơ sở NQ số 174 của Quốc hội, TCT đã tích cực thực hiện các thủ tục và đã hoàn thành phát hành cổ phiếu tăng vốn 8.971 tỷ đồng trong quý 3/2025, giúp bổ sung vốn chủ sở hữu và dòng tiền, cải thiện trạng thái tài chính và từng bước phục hồi, phát triển bền vững. Quy mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại ngày 31/12/2025 được cải thiện lên mức 8.795 tỷ đồng, tăng 14.398 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 do kết quả SXKD có lợi nhuận và hoàn thành tăng vốn trong năm.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là 52.748 tỷ đồng, giảm 4,2% (giảm tuyệt đối 2.315 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2024. Trong cơ cấu nợ phải trả cuối năm 2025, nợ phải trả dài hạn chiếm 18%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 82%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là 43.259 tỷ đồng, giảm 4,4% so với cùng kỳ năm 2024 (giảm tuyệt đối 1.969 tỷ đồng). Các khoản mục tăng là các khoản phải trả người bán ngắn hạn (tăng 3.270 tỷ đồng), thuế và các khoản phải nộp nhà nước (252 tỷ đồng), doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (tăng 123 tỷ đồng) do qui mô SXKD tăng trưởng. Khoản mục nợ phải trả ngắn hạn giảm lớn nhất là nợ vay và thuê tài chính ngắn hạn (giảm khoảng 4.673 tỷ đồng, tương đương giảm 43% so cùng kỳ năm trước).

Nợ phải trả dài hạn tại ngày 31/12/2025 là 9.489 tỷ đồng, giảm 3,5% (giảm tuyệt đối 347 tỷ đồng) so với năm 2024 chủ yếu do giảm nợ vay, thuê tài chính dài hạn 2.397 tỷ đồng, các khoản phải trả và chi phí phải trả dài hạn tăng khoảng 1.274 tỷ đồng, trong khi dự phòng phải trả dài hạn tăng 3.324 tỷ đồng cho các máy bay động cơ thuê ngừng đóng quỹ đại tu.

Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của công ty mẹ (bao gồm phần nợ dài hạn và phần nợ ngắn hạn – tương ứng với các khoản đến hạn trong vòng 1 năm) tại ngày 31/12/2025 là 5.848 tỷ đồng, giảm 4.100 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu do hoạt động trả nợ vay trong năm.

Nợ phải trả nhà cung cấp đang giãn hoãn thanh toán đến 31/12/2025 là 3.689 tỷ VND, giảm 3.367 tỷ VND so với cùng kỳ năm 2024 do trong năm VNA đã trả một phần các khoản nợ theo các cam kết với đối tác. Nợ nhà cung cấp giãn hoãn còn lại tại thời điểm cuối năm 2025 chủ yếu là các khoản chi sửa chữa bảo dưỡng đang tiếp tục thống nhất với đối tác về thời điểm và số tiền thanh toán và khoảng hơn 200 tỷ VND nợ thuê MB đã thỏa thuận lịch trả trong năm 2026.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2025 được cải thiện tích cực về quy mô vốn chủ sở hữu và lỗ lũy kế. Cơ cấu nguồn vốn của Vietnam Airlines - công ty mẹ cải thiện theo hướng tăng nguồn vốn chủ sở hữu (tăng từ -11,3% cuối năm 2024 lên 14,3% cuối năm 2025) và giảm tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả giảm từ 111,3% xuống 85,7% tổng nguồn vốn). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn giảm nhẹ (từ 82,1% xuống 82,0%), tỷ trọng nợ dài hạn tăng (từ 17,9% lên 18,0% tổng nợ phải trả).

Doanh thu - Lợi nhuận hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	Chênh lệch 2025/2024	
			Giá trị	%
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	113.460	123.016	9.556	8,4%
Doanh thu thuần	106.696	121.207	14.511	13,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.266	1.515	249	19,7%
Thu nhập khác	5.498	294	-5.204	-94,7%
2. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	70	842	771	1097,6%
3. Tổng doanh thu và thu nhập (gồm phần lãi lỗ trong công ty LDLK) (1+2)	113.530	123.858	10.327	9,1%
4. Lợi nhuận trước thuế	8.416	8.168	-247	-2,9%
5. Lợi nhuận sau thuế	7.958	7.607	-350	-4,4%

Trong năm 2025, Công ty mẹ và các DNVG đã tận dụng tốt các điều kiện thuận lợi của thị trường, khắc phục khó khăn, nỗ lực tối đa trong điều hành và thực hiện các giải pháp tăng hiệu quả SXKD và lợi nhuận. Tổng Doanh thu, thu nhập hợp nhất (gồm phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết) của VNA trong năm 2025 ở mức 123.858 tỷ đồng, tăng 9,1% so với năm 2024. Trong đó, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 là 121.207 tỷ đồng, tăng 13,6% so với năm 2024 và chiếm khoảng 98,5% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 19,7% so với năm 2024 (tăng tuyệt đối 249 tỷ đồng).

Với kết quả công ty mẹ đạt lợi nhuận và các công ty con có kết quả khả quan, lợi nhuận hợp nhất trước thuế của trong năm 2025 đạt 8.168 tỷ VND, chủ yếu đến từ lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.

Tài sản - Nguồn vốn hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	Chênh lệch 2025/2024	
			Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	17.338	32.051	14.713	84,9%
2. Tài sản dài hạn	40.849	41.124	275	0,7%
Tổng tài sản	58.187	73.175	14.988	25,8%
1. Nợ phải trả	67.531	66.445	-1.086	-1,6%
Nợ ngắn hạn	57.159	56.433	-726	-1,3%
Nợ dài hạn	10.372	10.012	-360	-3,5%
2. Vốn chủ sở hữu	-9.344	6.730	16.074	-172,0%
Tổng nguồn vốn	58.187	73.175	14.988	25,8%

Tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2025 là 73.175 tỷ đồng, tăng 14.988 tỷ đồng so với năm 2024 (25,8%). Tài sản ngắn hạn cuối năm là 32.051 tỷ đồng, tăng mạnh 14.713 tỷ đồng (84,9%), khoản mục tăng chủ yếu là khoản mục tiền và tương đương tiền (tăng 5.269 tỷ đồng), đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng 7.044 tỷ đồng), và khoản mục phải thu ngắn hạn (tăng 2.105 tỷ đồng).

Tài sản dài hạn cuối năm là 41.124 tỷ đồng, tăng nhẹ 275 tỷ đồng (0,7%) so với năm 2024. Trong đó, khoản mục tài sản cố định giảm 4.427 tỷ đồng chủ yếu do khấu hao. Khoản mục tài sản dài hạn khác tăng 3.163 tỷ đồng chủ yếu ở nội dung chi phí trả trước dài hạn, khoản mục đầu tư tài chính dài hạn tăng 910 tỷ đồng chủ yếu do ghi nhận phần lãi trong kỳ của công ty liên kết làm tăng giá trị khoản đầu tư, khoản mục phải thu dài hạn tăng 484 tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản biến động theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn (tăng từ 29,8% lên 43,8%), giảm tỷ trọng tài sản dài hạn (giảm từ 70,2% xuống 56,2%).

Quy mô vốn chủ sở hữu hợp nhất tại 31/12/2025 là 6.730 tỷ đồng, cải thiện 16.074 tỷ đồng so với cuối năm 2024 do kết quả SXKD hợp nhất năm 2025 tiếp tục duy trì lợi nhuận khả quan và công ty mẹ tăng vốn. Nợ phải trả hợp nhất tại 31/12/2025 giảm 1,6% (giảm tuyệt đối 1.086 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó nợ phải trả dài hạn chiếm khoảng 15,1%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm khoảng 84,9%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2025 là 56.433 tỷ đồng, giảm 1,3% (giảm tuyệt đối 726 tỷ đồng). Các khoản giảm chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn và đến hạn trong vòng một năm, các khoản chi phí phải trả ngắn hạn; các khoản nợ phải trả ngắn hạn người bán và phải trả ngắn hạn còn lại đều tăng theo qui mô SXKD. Nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2025 là 10.012 tỷ đồng, giảm 3,5% (giảm tuyệt đối 360 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2024, các khoản giảm chủ yếu là dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn, các khoản phải trả và chi phí phải trả dài hạn, tăng chủ yếu ở các khoản dự phòng phải trả dài hạn.

Tổng dư nợ vay ngắn hạn và tái cấp vốn tại thời điểm 31/12/2025 là 6.882 tỷ đồng, giảm 3.220 tỷ đồng so với đầu năm. Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của toàn Tổng công ty (bao gồm phần nợ dài hạn và phần nợ ngắn hạn – tương ứng với các khoản đến hạn trong vòng 1 năm) tại 31/12/2025 là 6.222 tỷ đồng, giảm 4.158 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu do hoạt động trả nợ vay.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2025 được cải thiện tích cực về vốn chủ sở hữu hợp nhất và lỗ lũy kế hợp nhất. Cơ cấu nguồn vốn của Tổng công ty tiếp tục biến động theo tăng tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu (từ mức -16,1% cuối năm 2024 lên 9,2% cuối năm 2025) và giảm tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả giảm từ 116,1% xuống 90.8% tổng nguồn vốn). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 84,6% lên 84.9%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 15,4% xuống 15,1% tổng nợ phải trả).

5. Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- ✧ Năm 2025, Tổng công ty tiếp tục triển khai tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Công tác rà soát, tổ chức lại quy trình công việc, phân công lại lao động, giảm các cấp trung gian, rút ngắn thời gian ra quyết định đã được triển khai đồng bộ, mang lại những kết quả tích cực, rõ nét, phát huy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của từng cá nhân.
- ✧ Tổ chức phản ứng nhanh hơn, linh hoạt hơn với sự thay đổi, biến động của thị trường; sàng lọc và loại bỏ các quy trình, công việc thừa, ít ý nghĩa.
- ✧ Tập trung nguồn lực cho công việc chính, trọng tâm.
- ✧ Nâng cao hiệu quả công việc của từng cá nhân và năng lực cạnh tranh tổng thể của tổ chức.

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- ✧ Giữ vững vai trò, vị thế Hãng hàng không quốc gia, chủ động, tích cực đóng góp vào phát triển kinh tế đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình.
- ✧ Giữ vị trí số 1 về thị phần khách nội địa và quốc tế đi/đến Việt Nam.
- ✧ củng cố hệ sinh thái đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không.
- ✧ Doanh nghiệp hàng đầu về ứng dụng công nghệ số tại Việt Nam.
- ✧ Trở thành doanh nghiệp hàng không đứng thứ 02 về quy mô doanh thu trong khu vực Đông Nam Á, tăng 1 bậc so với giai đoạn 2021 - 2035.
- ✧ Vietnam Airlines đạt nhóm 5 Hãng hàng không được ưa thích tại châu Á so với đạt nhóm 10 trong giai đoạn 2021 - 2035.
- ✧ Duy trì vị thế doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.
- ✧ Doanh nghiệp hàng đầu trong việc sử dụng các sản phẩm bảo vệ môi trường, giảm lượng khí thải và chất thải. Vietnam Airlines tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển bền vững, trong đó trọng tâm là nâng cao hiệu quả quản lý chất thải, giảm suất ăn thừa, cắt giảm nhựa dùng một lần, đẩy mạnh số hóa quy trình phục vụ và ứng dụng công nghệ nhằm giảm tiêu thụ tài nguyên, đồng thời nâng cao trải nghiệm khách hàng. Song song đó, Hãng chú trọng đầu tư và khai thác hiệu quả đội tàu bay thế hệ mới, áp dụng các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng năng lượng tái tạo và vật liệu thân thiện môi trường, hướng tới mục tiêu giảm phát thải và phát triển bền vững trong dài hạn.



07

Báo cáo phát triển bền vững

01

Các mục tiêu phát triển bền vững

02

Các chương trình thúc đẩy bình đẳng giới

1. Các mục tiêu phát triển bền vững

1.1. Tuyên ngôn phát triển bền vững của VNA

Vietnam Airlines xác định phát triển bền vững là chiến lược xuyên suốt và là nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn. Chúng tôi hướng tới sự cân bằng hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Với vai trò Hãng hàng không Quốc gia, Vietnam Airlines cam kết thực hiện lộ trình chuyển đổi xanh, đóng góp tích cực vào mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2050 của ngành hàng không toàn cầu và của Việt Nam.

1.2. Chính sách phát triển bền vững

- ✕ Kiên định với mục tiêu An toàn tuyệt đối làm nền tảng cho mọi cam kết.
- ✕ Tiên phong đột phá công nghệ và dẫn dắt các chương trình hành động quốc tế:
 - ✕ Chính thức thực hiện nghĩa vụ CORSIA (Chương trình bù đắp và giảm phát thải Carbon cho hàng không quốc tế) từ năm 2026.
 - ✕ Tối ưu hóa hành trình bay, ưu tiên sử dụng tàu bay thế hệ mới và công nghệ hiện đại.
- ✕ Lan tỏa giá trị cộng đồng:
 - ✕ Trách nhiệm với Môi trường: Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm phát thải trong khai thác bay và dịch vụ mặt đất, thúc đẩy sử dụng SAF, quản lý hiệu quả chất thải và giảm nhựa dùng một lần, đồng thời thực hiện các chương trình trồng rừng, phục hồi sinh thái nhằm giảm dấu chân carbon và lan tỏa lối sống xanh tới cộng đồng.
 - ✕ Trách nhiệm với Xã hội: Triển khai các chương trình thiện nguyện thiết thực, bền vững (vận chuyển y tế miễn phí, cứu trợ thiên tai, hỗ trợ trẻ em khó khăn) với sức lan tỏa rộng khắp.
 - ✕ Trách nhiệm với Con người: Xây dựng môi trường làm việc bao trùm, chuyên nghiệp và bình đẳng. Đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ có tư duy "tái tạo", làm chủ công nghệ giảm phát thải và hệ thống quản trị hiện đại.
- ✕ Dẫn dắt tiêu chuẩn quản trị (ESG):
 - ✕ Khẳng định vị thế dẫn đầu khi đảm nhận vai trò Chủ nhà của Thử thách Hàng không 2026 (The Aviation Challenge - SkyTeam) và Chủ trì Nhóm công tác bền vững các Hãng hàng không ASEAN.
 - ✕ Vận hành hệ thống quản trị trực tuyến các chỉ số ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) để minh bạch hóa mọi hoạt động theo chuẩn quốc tế.





1.3. Kế hoạch hành động thực hiện phát triển bền vững

1.3.1. Môi trường

Trong năm 2025, kế hoạch trọng tâm về môi trường của VNA tập trung vào nâng cao hiệu quả quản lý chất thải và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Trọng điểm là kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ suất ăn thừa trên chuyến bay thông qua quản lý số lượng báo đặt suất ăn, áp dụng thống nhất tại toàn bộ các sân bay trong mạng lưới khai thác. Đồng thời, tiếp tục thực hiện các chương trình giảm thiểu nhựa dùng một lần và tăng cường sử dụng vật liệu thân thiện môi trường trong dịch vụ mặt đất và trên tàu bay. Kết quả thực hiện trong năm 2025 cho thấy các giải pháp này đã giúp giảm 18.000 kg rác thực phẩm, tương đương 81 tấn CO₂, loại bỏ 5,5 triệu bộ nhựa dùng một lần tương đương khoảng 40 tấn rác nhựa và giảm 10,8 tấn giấy in, qua đó góp phần trực tiếp vào mục tiêu cắt giảm chất thải và phát thải.

Đối với hoạt động khai thác bay, kế hoạch năm 2025 đặt ra yêu cầu giám sát nghiêm túc các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu, áp dụng KPI tiết kiệm nhiên liệu tới từng phi công và tăng cường phân tích, đánh giá hoạt động khai thác nhằm tối ưu hiệu quả và chi phí. Song song với đó là định hướng từng bước triển khai và gia tăng tỷ lệ sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững SAF nhằm tuân thủ các quy định quốc tế như RefuelEU Aviation và thực hiện chiến lược phát triển bền vững. Kết quả năm 2025 ghi nhận tổng lượng nhiên liệu tiết kiệm đạt 25.500 tấn, vượt kế hoạch đề ra, góp phần giảm đáng kể lượng phát thải CO₂ và chi phí khai thác. Trong năm, đã sử dụng khoảng 2.200 tấn SAF nguyên chất, chủ yếu để đáp ứng tỷ lệ pha trộn tối thiểu 2% theo quy định trên các đường bay châu Âu, đồng thời triển khai thành công các chuyến bay thử nghiệm nội địa sử dụng SAF từ sân bay Đà Nẵng với sự hỗ trợ của Skypec và Nhà máy lọc dầu Bình Sơn.

Về năng lượng tái tạo, kế hoạch năm tập trung đầu tư điện mặt trời áp mái tại trụ sở 200 Nguyễn Sơn, Hà Nội và 49 Trường Sơn, TP. Hồ Chí Minh; đồng thời nghiên cứu áp dụng năng lượng tái tạo, vật liệu thân thiện môi trường cho công trình mới và từng bước thay thế thiết bị mặt đất chạy nhiên liệu hóa thạch bằng thiết bị sử dụng điện. Năm 2025, các công tác chuẩn bị và nghiên cứu kỹ thuật đã được triển khai, tạo nền tảng giảm phát thải trong giai đoạn tiếp theo.

Về tuân thủ CORSIA, nhằm chuẩn bị cho lộ trình thực hiện từ năm 2026, VNA đặt mục tiêu chủ động hoàn thiện hệ thống, quy trình và nguồn lực phục vụ công tác giám sát, báo cáo và xác minh phát thải; đồng thời xây dựng phương án mua và đầu tư tín chỉ carbon đủ điều kiện để bù đắp phát thải quốc tế theo quy định và kế hoạch kiểm toán định kỳ. Kết quả năm 2025 ghi nhận hệ thống MRV đã sẵn sàng đáp ứng yêu cầu, các phương án bảo đảm nguồn tín chỉ carbon được chuẩn bị chủ động, bảo đảm tuân thủ quy định trong giai đoạn thực hiện chính thức.

Bên cạnh các giải pháp giảm phát thải trực tiếp, kế hoạch năm 2025 của VNA cũng xác định tiếp tục duy trì và mở rộng chương trình trồng rừng và phục hồi sinh thái như một giải pháp dài hạn nhằm tăng hấp thụ carbon, bảo vệ đa dạng sinh học và lan tỏa thông điệp phát triển bền vững. Kết quả thực hiện cho thấy, sau hai năm triển khai, chương trình đã phủ xanh 95.000 cây, tương đương phục hồi 153 hecta rừng bản, góp phần giảm dấu chân carbon và tăng cường giá trị sinh thái.

1.3.2. Xã hội

Trong lĩnh vực xã hội, Vietnam Airlines xây dựng kế hoạch năm 2025 trên cơ sở tiếp nối và phát triển các chương trình trách nhiệm cộng đồng đã được triển khai ổn định trong những năm trước, với định hướng duy trì và mở rộng các hoạt động hỗ trợ y tế nhân đạo mang tính dài hạn.

Kết quả thực hiện cho thấy Chiến dịch Quyên góp Dặm Bay đã huy động được 10 triệu dặm, tăng 3 triệu dặm so với năm 2024, tương đương 5,5 tỷ đồng. Thông qua các chương trình hợp tác, đã phối hợp với Facing The World thực hiện 66 ca phẫu thuật dị tật hàm sọ mặt phức tạp và đào tạo chuyên sâu cho 1.092 bác sĩ; cùng Operation Smile thăm khám 2.821 lượt bệnh nhân và phẫu thuật thành công 1.845 ca khe hở môi, vòm miệng; hợp tác với Nhịp tim Việt Nam và Nouy sàng lọc tim bẩm sinh cho hơn 25.000 trẻ em, phẫu thuật trên 200 bệnh nhân, đào tạo hơn 1.600 bác sĩ và hỗ trợ thiết bị y tế trị giá 570.000 USD. Đồng thời, tiếp tục phối hợp với Quỹ Thiện Nhân và Những người bạn hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em mắc dị tật cơ quan sinh dục và tiết niệu, bên cạnh các hoạt động hỗ trợ giáo dục, cứu trợ thiên tai và an sinh xã hội khác.

1.3.3. Quản trị

Về quản trị và chuyển đổi số, kế hoạch năm 2025 xác định trọng tâm là đẩy mạnh số hóa quy trình nhằm giảm tiêu thụ tài nguyên, nâng cao hiệu quả vận hành và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Theo đó, Vietnam Airlines thực hiện Kế hoạch số hóa các chỉ tiêu phát triển bền vững thông qua nền tảng Web Netzero, hướng tới tập trung hóa dữ liệu, theo dõi thống nhất các chỉ tiêu Net Zero toàn Tổng công ty và xây dựng website công khai thông tin về phát triển bền vững, dự kiến hoàn thành trong nửa đầu năm 2026. Kết quả năm 2025 cho thấy nền tảng số hóa dữ liệu các chỉ tiêu Net Zero đã được xây dựng bước đầu, tạo cơ sở cho công tác quản trị minh bạch, theo dõi tập trung và phục vụ báo cáo phát triển bền vững.

Đối với quản trị nguồn nhân lực, trong năm 2025, VNA tiếp tục duy trì chính sách lao động ổn định, bảo đảm đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo quy định pháp luật, đồng thời củng cố cơ chế đối thoại và thỏa ước lao động tập thể nhằm tăng cường sự gắn kết trong doanh nghiệp. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2025 ghi nhận VNA có tổng số 5.213 lao động, với mức sử dụng bình quân 5.214 người. Công tác đóng bảo hiểm được thực hiện đầy đủ theo quy định, trong đó người lao động đóng 10,5% tiền lương và người sử dụng lao động đóng 21,5%. Một trăm phần trăm người lao động đã tham gia ký kết thỏa ước lao động tập thể, qua đó góp phần duy trì môi trường làm việc ổn định, minh bạch và gắn kết.

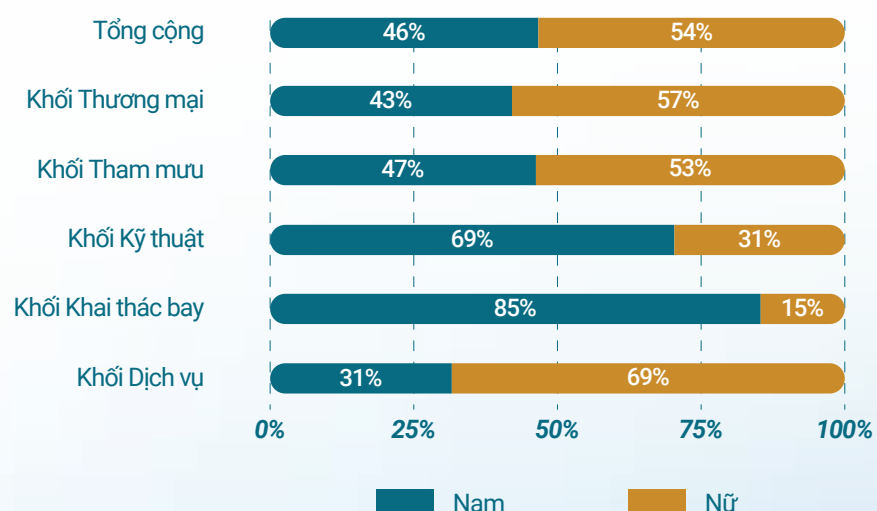


2. Các chương trình thúc đẩy bình đẳng giới

Nhiều năm qua, Tổng công ty và các đơn vị cơ sở luôn thúc đẩy Bình đẳng giới và Phát triển nguồn lao động nữ:

- ✎ Thực thi chính sách: Quán triệt tốt đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ nữ trong toàn hệ thống
- ✎ Lực lượng lao động: Chiếm 54% tổng số lao động hiện có, tham gia vào hầu hết các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng vai trò chủ chốt tại các vị trí trực tiếp, tuyến trước.
- ✎ Đội ngũ lãnh đạo: Đạt 134/411 vị trí lãnh đạo từ cấp phòng và tương đương trở lên do nữ giới đảm nhiệm, chiếm 33% tổng số cán bộ lãnh đạo.
- ✎ Duy trì và phát triển Ban vì sự tiến bộ phụ nữ, khẳng định nỗ lực không ngừng của VNA trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp bình đẳng.

Bảng tỷ lệ giới tính của lao động năm 2025



Trong năm 2025, Vietnam Airlines phối hợp với UN Women, Hội đồng Doanh nhân nữ và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức chuyến bay HeForShe mang số hiệu VN310 (Hà Nội - Narita) nhằm lan tỏa thông điệp thúc đẩy bình đẳng giới. Chuyến bay được triển khai với các hoạt động truyền thông đồng bộ trên mặt đất và trên không, qua đó nâng cao nhận thức của hành khách về vai trò và quyền năng của phụ nữ. Các hoạt động trên phù hợp với Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc, thể hiện nỗ lực của Vietnam Airlines trong việc chuyển hóa các cam kết quốc tế về bình đẳng giới và phát triển bền vững thành hành động cụ thể, góp phần lan tỏa mô hình hợp tác công tư hiệu quả tại Việt Nam.

Các giải thưởng về Phát triển bền vững của VNA trong năm 2025:

- ✎ Giải thưởng Bền vững 2025 do Airline Ratings đánh giá;
- ✎ Top 10 ESG Việt Nam ngành Logistic; Top 100 ESG Việt Nam các ngành do Báo Đầu tư và VietResearch tổ chức và bình chọn;
- ✎ Giải thưởng “Giải pháp mang lại hiệu quả cao nhất”, hạng mục “Sản phẩm trên máy bay” trong cuộc thi The Aviation Challenge do SkyTeam trao tặng.



08

Quản trị công ty

01

Cấu trúc quản trị công ty

02

Thông tin và hoạt động của HĐQT

03

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

04

Báo cáo của Ban kiểm soát

05

Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích

06

Hoạt động của NPTQT - Thư ký TCT

07

Quan hệ Nhà đầu tư

1. Cấu trúc quản trị công ty

⊗ Việc quản trị công ty đối với Vietnam Airlines tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Vietnam Airlines và các quy định, quy chế nội bộ với nguyên tắc sau đây:

- ⊗ Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- ⊗ Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Vietnam Airlines và cổ đông;
- ⊗ Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- ⊗ Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- ⊗ Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- ⊗ Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

⊗ Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- ⊗ Các quy định về quản trị công ty đã được xây dựng một cách đồng bộ, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị. Trong quá trình triển khai, hệ thống quy định này đã dần hoàn thiện và đi vào thực tiễn một cách hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc cho công tác quản trị. Việc thực hiện các quy định đã ổn định trong thời gian dài, đảm bảo tính minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của TCT.



2. Thông tin và hoạt động của HĐQT

2.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị và các cuộc họp HĐQT

Nhân sự trong Hội đồng quản trị TCT đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đặng Ngọc Hòa	CT HĐQT	10/08/2020	13/13	100%	
2	Lê Hồng Hà	TV HĐQT kiêm TGD	10/08/2020	11/13	85%	Công việc
3	Tạ Mạnh Hùng	TV HĐQT	01/10/2016	13/13	100%	
4	Lê Trường Giang	TV HĐQT	01/01/2021	13/13	100%	
5	Đinh Việt Tùng	TV HĐQT	15/12/2021	13/13	100%	
6	Trương Văn Phước	TV HĐQT độc lập	14/12/2021	13/13	100%	
7	Daisuke Suzuki(*)	TV HĐQT	21/06/2024	03/06	50%	Công việc
8	Hidekazu ISONE	TV HĐQT	15/05/2025	03/07	43%	Công việc

(*) Không còn là TV HĐQT TCT từ 15/05/2025

Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 209 Nghị quyết và 303 Quyết định thực hiện chức năng quản trị hoạt động của TCT và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, điều hành để duy trì hoạt động SXKD trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp.

2.2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- ⊗ Thực hiện chức trách, nhiệm vụ của thành viên độc lập HĐQT; Đóng góp ý kiến tư vấn, phản biện về các nội dung quyết định của HĐQT.
- ⊗ Tham mưu việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT về các mặt hoạt động của TCT thuộc thẩm quyền HĐQT.
- ⊗ Cung cấp kinh nghiệm, tư vấn về chính sách tài chính, kinh tế vĩ mô, thông tin dự báo/dự đoán liên quan đến các hoạt động của thị trường tài chính tiền tệ, điều hành chính sách của Nhà nước.

2.3. Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2025, TCT đã đẩy mạnh công tác đào tạo huấn luyện trong đó có đào tạo và phát triển đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý với những điểm nổi bật sau:

- ⊗ Cử 01 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đối tượng quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức.
- ⊗ Cử 31 cán bộ tham gia đào tạo lý luận chính trị cao cấp/trung cấp và 04 cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho đối tượng 1 và 2.
- ⊗ Tổ chức 01 chương trình đào tạo cán bộ quản lý cấp cao – Module: Phát triển kỹ năng lãnh đạo trong kỷ nguyên số với thời lượng 8 ngày cho 27 cán bộ cấp trưởng CQĐV.
- ⊗ Tổ chức 02 lớp đào tạo "Xây dựng năng lực quản trị nền tảng" với thời lượng 9 ngày/lớp, trang bị kiến thức chuyên sâu cho 66 cán bộ quản lý cấp trung.

- ✕ Triển khai chuỗi 18 lớp đào tạo “Văn hóa nâng tầm” và 1 hội thảo chuyên đề “Xây dựng hình mẫu dịch vụ” cho gần 600 cán bộ trong TCT, góp phần định hình và chuẩn hóa chất lượng dịch vụ của TCT.
- ✕ Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng kiến thức nguồn cán bộ đại diện CNNN cho 45 học viên trúng tuyển nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu về các hoạt động cốt lõi của các khối/lĩnh vực, giúp hiểu rõ chức trách, tiêu chuẩn nghiệp vụ, quy trình, kiến thức nghiệp vụ cần thiết của vị trí dự kiến được phân công.
- ✕ Ban lãnh đạo TCT và cán bộ quản lý các cấp cũng tham dự nhiều hội nghị, hội thảo cùng với các chuyên gia đầu ngành lĩnh vực hàng không, các đơn vị tư vấn, đối tác chiến lược trong và ngoài nước để triển khai các dự án, hoạt động về chiến lược mạng bay/đội bay, phương pháp dự báo thị trường, phương án mở rộng khai thác và mở rộng hợp tác thị trường mới, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, nâng cao văn hóa an toàn và triển khai công tác chuyển đổi số.
- ✕ Những hoạt động này khẳng định cam kết của TCT trong việc không ngừng nâng cao chất lượng quản trị, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững.



CBNV thể hiện quyết tâm hoàn thành tốt chương trình “Văn hóa nâng tầm”



Tổng giám đốc Lê Hồng Hà gửi lời cảm ơn đến chuyên gia Trịnh Xuân Pháp – người đồng hành cùng Vietnam Airlines trong hành trình xây dựng hình mẫu lãnh đạo dịch vụ chuẩn mực



Khoá đào tạo cũng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển và khẳng định vị thế của Hãng hàng không Quốc gia trên thị trường quốc tế



Khoá đào tạo cũng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển và khẳng định vị thế của Hãng hàng không Quốc gia trên thị trường quốc tế

3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Trong năm 2025, các Tiểu ban thuộc HĐQT và Ban KTNB đóng vai trò tích cực trong việc tham mưu, hỗ trợ hoạt động cho HĐQT các nội dung sau:

- ✎ Tiểu ban Lao động và Tiền lương của TCT đã tham mưu cho HĐQT chính sách sử dụng nguồn lực, đào tạo, kế hoạch quỹ tiền lương và chính sách tiền lương người lao động (NLĐ) năm 2025. Cụ thể:
 - ✎ Yêu cầu đẩy mạnh công tác quản trị, tập trung rà soát và tối ưu hóa chi phí nhân công, triển khai quyết liệt các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lực, đảm bảo chi phí nhân công được kiểm soát phù hợp với quy mô và hiệu quả hoạt động của TCT.
 - ✎ Góp ý với Bộ nội vụ để kế thừa kết quả đã đạt được tại Nghị định số 20/2020/NĐ-CP và Nghị định số 64/2023/NĐ-CP về bổ sung Quỹ tiền lương cho Phi công Việt nam để đưa vào Nghị định mới về tiền lương -Nghị định 44/2025/NĐ-CP; góp ý Thông tư 003/2025/TT-BNV hướng dẫn Nghị định 44/2025/NĐ-CP và NĐ số 248/2025/NĐ-CP thay thế Nghị định 44/2025/NĐ-CP.
 - ✎ Định hướng quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng từ năm 2026 của TCT và các Doanh nghiệp vốn góp; định hướng kế hoạch năm 2025-2030 của các DNVG.
 - ✎ Điều chỉnh chính sách tiền lương từ 01/07/2025 và sửa đổi tiền lương chức danh của toàn thể người lao động TCT từ tháng 12/2025.
- ✎ Tiểu ban Chiến lược đầu tư thực hiện vai trò tư vấn, tham mưu cho HĐQT các nội dung sau:
 - ✎ Đề án cơ cấu lại TCT giai đoạn đến hết năm 2025; Chiến lược phát triển TCT giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến 2045.
 - ✎ Tái cơ cấu, xây dựng VNA theo mô hình Hãng Hàng không hiện đại, đổi mới phương thức, mô hình quản trị, nâng cao năng lực quản trị điều hành.
 - ✎ Kế hoạch thành lập VNA LCC và Vasco trong tổng thể kế hoạch phát triển và đảm bảo khả năng cạnh tranh của VNA Group.
 - ✎ Dự án đầu tư 50 tàu bay thân hẹp là cơ sở để TCT thực hiện đầu tư đội tàu bay công nghệ mới tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định khai thác và nâng cao chất lượng dịch vụ, từng bước thay thế các MB cũ không còn tối ưu về khai thác và chi phí.
 - ✎ Thực hiện gói phát hành cổ phiếu tăng vốn giai đoạn 1 với quy mô 9.000 tỷ VNĐ theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội (NQ174). Tiếp tục thực hiện gói phát hành cổ phiếu tăng vốn giai đoạn 2 theo NQ174 với quy mô 13.000 tỷ VNĐ để tiếp tục bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu, cải thiện các chỉ tiêu tài chính và để bổ sung nguồn lực tài chính thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm như các dự án máy bay, dự án Long Thành.
 - ✎ Kế hoạch đầu tư của TCT và định hướng đầu tư vào DNVG. Công tác thoái vốn của TCT tại các DNVG.
 - ✎ Dự án Tổ hợp công trình dịch vụ đồng bộ chuyên ngành hàng không của TCT tại Cảng HKQT Long Thành để đáp ứng nhu cầu về cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ khai thác của VNA Group.
 - ✎ Các dự án đầu tư thực sự cấp thiết phục vụ trực tiếp SXKD, phù hợp khả năng bố trí vốn.

Về công tác của Ban KTNB: Trong năm 2025, Ban KTNB đã triển khai thực hiện các chuyên đề theo kế hoạch KTNB năm 2025 được HĐQT phê duyệt. Các chuyên đề KTNB hoàn thành trong năm 2025 gồm: “Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của TCT trong việc lựa chọn nhà cung cấp theo quy định tại quy chế quản lý hoạt động thuê, cho thuê, mua, bán tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư và dịch vụ Bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư tàu bay của TCT (QC440)”; “Kiểm tra công tác bán khách đoàn tại HDQ và các chi nhánh”; “Kiểm tra công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng tàu bay của TCT”; “Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng thuê trang thiết bị CNTT với CTCP tin học HK (AITS)”; “Kiểm tra tình hình thực hiện các giải pháp tự thân của VNA nhằm ứng phó và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 đã được báo cáo tại Đề án tái cơ cấu của TCT”; “Kiểm tra công tác đòi quỹ đại tu tàu bay”; “Kiểm tra công tác xử lý các chuyến bay bị chậm, hủy theo quy định phục vụ hành khách của TCT tại CN Anh, Pháp, Đức”; “Kiểm tra công tác xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện định mức tiêu hao hàng hóa phục vụ hành khách”; “Kiểm tra công tác bán quảng cáo trên tạp chí Heritage”.

Đồng thời, Ban KTNB cũng thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của HĐQT như: soát xét các Tờ trình HĐQT; tổng hợp báo cáo, đánh giá hoạt động của KSV định kỳ hàng tháng/quý; báo cáo soát xét báo cáo GSTC; theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của các CQNN; theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng kiểm toán độc lập năm 2023,2024 và hoàn thành lựa chọn công ty kiểm toán BCTC của TCT năm 2025, 2026, 2027.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát

⊗ Nhân sự trong Ban kiểm soát từ 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Trình độ chuyên môn
1	Bà Dương Thị Việt Thắm	Trưởng BKS	Chuyên trách từ ngày 16/12/2023	Cử nhân ngành Kế toán
2	Bà Lê Trúc Quỳnh	Thành viên BKS	Chuyên trách từ ngày 16/12/2023	Thạc sỹ Kế toán và Tài chính
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên BKS	Kiểm nhiệm từ ngày 14/12/2021	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

4.1. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ tham dự họp	Tỉ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Dương Thị Việt Thắm	15	100%	100%	Không có
2	Bà Lê Trúc Quỳnh	15	100%	100%	Không có
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	15	100%	100%	Không có

- Trong năm 2025, BKS đã tổ chức 15 cuộc họp với đầy đủ thành viên tham dự. Các cuộc họp được lập biên bản có đầy đủ chữ ký của thành viên tham dự họp và được lưu trữ theo quy định. Các nội dung chính được thống nhất bao gồm:
- ⊗ Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2024 và 06 tháng năm 2025.
 - ⊗ Đánh giá và có ý kiến đối với Báo cáo giám sát tài chính của Công ty mẹ năm 2024 và 06 tháng năm 2025.
 - ⊗ Thẩm định các Báo cáo và lập các Báo cáo trình ĐHCĐ năm 2025 (BCTC riêng và hợp nhất, Báo cáo về kết quả kinh doanh, Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD), Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS, Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa TCT với người liên quan và bên liên quan).
 - ⊗ Tham gia và có ý kiến tại cuộc họp HĐQT và/hoặc một số phiếu lấy ý kiến đối với các Tờ trình HĐQT (Công tác kế hoạch, công tác đầu tư, công tác KTNB, hoạt động SXKD,...).
 - ⊗ Tham gia và có ý kiến về điều hành SXKD của TCT tại các họp giao ban giám đốc tuần/tháng/quý của TCT.
 - ⊗ Thực hiện chuyên đề giám sát “Việc triển khai quy định xử lý vi phạm về xuất, xử lý chứng từ và lập báo cáo bán trong vận chuyển hàng không”.
 - ⊗ Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.

4.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- ⊗ BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT; tham gia họp giao ban tuần, tháng, quý, năm của Ban Giám đốc điều hành (BDH); đưa ra các kiến nghị, ý kiến đối với HĐQT, BDH trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn; tham dự ĐHCĐ bất thường và thường niên năm 2025 theo quy định; tổ chức các cuộc họp với các Ban chuyên môn phục vụ công tác giám sát thường xuyên.
- ⊗ Giám sát công tác điều hành hoạt động SXKD, tài chính, đầu tư của TCT
 - ⊗ Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 được ĐHCĐ thông qua.
 - ⊗ Công tác quản trị tài chính, công tác quản trị nguồn lực của TCT.
 - ⊗ Hoạt động đầu tư của TCT tại các DNVG, công tác tái cơ cấu tại DNVG thông qua báo cáo của BDH, các ban chuyên môn, Kiểm soát viên tại DNVG.
 - ⊗ Việc chỉ đạo triển khai Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền trong xây dựng và thực hiện các giải pháp thuộc Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TCT.
 - ⊗ Công tác đầu tư: Các dự án thành phần tại Cảng Hàng không quốc tế Long Thành, dự án đầu tư 50 tàu bay thân hẹp...
 - ⊗ Công tác lập kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty mẹ và các DNVG của TCT.
 - ⊗ Việc xây dựng, ban hành các Quy chế, Quy định nội bộ của HĐQT và của TGD.

4.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

HĐQT, BDH, các cơ quan, đơn vị trực thuộc TCT, Kiểm soát viên tại các DNVG đã cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình về công tác điều hành và hoạt động SXKD của TCT. Tại các cuộc họp, nhìn chung HĐQT và BDH đã ghi nhận kiến nghị của BKS. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của TCT.



5. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích

5.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng TV HĐQT, TV Ban KS, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng TC HĐQT, TV Ban KS, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận quản lý

Mức tiền lương, thù lao năm 2025 của Thành viên HĐQT, Ban KS, Ban điều hành thực hiện theo quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP và Nghị định 248/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị công ty đã được xây dựng một cách đồng bộ, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị. Trong quá trình triển khai, hệ thống quy định này đã dần hoàn thiện và đi vào thực tiễn một cách hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc cho công tác quản trị. Việc thực hiện các quy định đã ổn định trong thời gian dài, đảm bảo tính minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của TCT.

5.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Ngọc Hoà	21.595	0,000976	30.371	0,000976
2	Lê Hồng Hà	19.531	0,000882	27.468	0,000882
3	Tạ Mạnh Hùng	20.604	0,00093	28.978	0,00093
4	Lê Trường Giang	19.030	0,00086	26.764	0,00086
5	Lê Đức Cảnh	9.397	0,000424	13.216	0,000424
6	Nguyễn Chiến Thắng	14.340	0,0006	20.168	0,0006
7	Tô Ngọc Giang	7.951	0,0004	11.182	0,0004
8	Nguyễn Xuân Tú	11.135	0,0005	15.660	0,0005
9	Đinh Văn Tuấn	17.425	0,0008	24.507	0,0008
10	Nguyễn Thế Bảo	27.068	0,001222	38.069	0,001222
11	Đặng Anh Tuấn	19.711	0,000890	27.722	0,000890
12	Nguyễn Diệu Thúy	2.500	0,00011	3.156	0,00011
13	Đặng Thu Hà	1.000	0,00005	1.406	0,00005

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
14	Dương Thị Việt Thắm	13.346	0,0006	18.770	0,0006
15	Nguyễn Mạnh Tuấn	17.595	0,00079	24.746	0,00079
16	Nguyễn Thị Thu Hương	3.302	0,00015	4.644	0,00015
17	Dương Thị Hồng	3.795	0,00017	5.337	0,00017
18	Kim Thị Thu Huyền	1.306	0,0001	1.836	0,0001

Lý do tăng: Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục 38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan - Thuyết minh báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2025.

6. Hoạt động của NPTQT - Thư ký TCT

Năm 2025 Người phụ trách quản trị - Thư ký Vietnam Airlines đã hoàn thành các chức trách nhiệm vụ được giao như sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ; ban hành các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- Cầu nối giữa HĐQT và Ban điều hành.
- Phụ trách công tác quan hệ cổ đông của Vietnam Airlines; tổ chức triển khai các công việc liên quan giữa Vietnam Airlines và cổ đông.
- Thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Quan hệ Nhà đầu tư

“Vietnam Airlines cam kết luôn đồng hành cùng cổ đông trong việc thiết lập các kênh đối thoại mở và minh bạch thông tin, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn - chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở kiến tạo giá trị lợi ích cổ đông gắn liền với sự phát triển bền vững của Vietnam Airlines và nhu cầu phát triển của đất nước”

Các hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Vietnam Airlines thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới các cổ đông và nhà đầu tư.

Vietnam Airlines luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thường xuyên cập nhật, đăng tải rộng rãi các hoạt động của doanh nghiệp trên các kênh thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời tiếp cận thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông, Ban Lãnh đạo Vietnam Airlines đã trực tiếp giải đáp các vấn đề cổ đông quan tâm liên quan đến hoạt động của Vietnam Airlines.

09

Quản trị rủi ro

01

Rủi ro về môi trường kinh doanh

02

Rủi ro pháp lý

03

Rủi ro cạnh tranh

04

Rủi ro thông tin

05

Các rủi ro khác

06

Biện pháp quản trị rủi ro

1. Rủi ro về môi trường kinh doanh

Trong năm 2025 đối mặt với bất ổn an ninh chính trị trên thế giới như chiến tranh Nga – Ukraina, xung đột giữa Israel và Iran, cuộc đụng độ vũ trang của Thái Lan - Campuchia, bạo động ở Indonesia,... Bên cạnh đó, Mỹ, Châu Âu tăng cường các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chính sách visa khiến nhu cầu đi lại của người dân gặp hạn chế cùng với việc đứt gãy chuỗi cung ứng phương tiện vận tải toàn cầu chưa được cải thiện.

Sang năm 2026, dự báo tình hình thị trường có rất nhiều khó khăn, thách thức đối với hoạt động SXKD của TCT. Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro, cụ thể như xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại; căng thẳng chính trị - tôn giáo ở Trung Đông; bất ổn trong nội khối ASEAN,... ảnh hưởng đến động lực tăng trưởng về nhu cầu đi lại toàn cầu. Bên cạnh đó là tình trạng khó khăn về nguồn lực tàu bay, phụ tùng vật tư và nhân công còn tiếp diễn. Lạm phát được dự báo tăng khiến sức mua của người dân gặp hạn chế cùng với giá nhiên liệu và tỷ giá vẫn ở mức cao tạo áp lực lớn về mặt chi phí.



2. Rủi ro pháp lý

Hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines tuân thủ tất cả luật áp dụng về mọi khía cạnh quan trọng. Vietnam Airlines chưa từng và đang không phải chịu bất kỳ hình phạt nghiêm trọng nào áp dụng bởi bất kỳ Cơ quan có thẩm quyền nào trong và ngoài nước.

Về khả năng xảy ra các tranh chấp, tố tụng liên quan đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của Vietnam Airlines: Theo hiểu biết và tin tưởng tốt nhất của Vietnam Airlines tại thời điểm phát hành Báo cáo thường niên này, không có bất kỳ việc tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra mà có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Vietnam Airlines.

⊗ Biện pháp quản trị rủi ro pháp lý

- ⊗ Nâng cao năng lực quản trị rủi ro pháp lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận pháp chế trong doanh nghiệp. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD của Vietnam Airlines tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- ⊗ Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách nước sở tại.
- ⊗ Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Sử dụng đơn vị tư vấn luật trong nước và quốc tế để hỗ trợ Vietnam Airlines trong việc tuân thủ pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- ⊗ Nâng cao nhận thức pháp luật của toàn bộ các cơ quan, đơn vị và người lao động của Vietnam Airlines.

3. Rủi ro cạnh tranh

Năm 2026 đối mặt với thách thức cạnh tranh lớn trên thị trường nội địa khi có Hãng hàng không mới gia nhập và các Hãng đẩy mạnh việc bổ sung tàu bay có thể dẫn tới tình trạng dư thừa tải cung ứng.

Rủi ro về nhu cầu thương mại và cạnh tranh ở các nhóm đường bay quốc tế gia tăng. Điển hình với nhóm đường bay Châu Âu, mặc dù được đánh giá vẫn duy trì mức độ tăng trưởng tốt, tuy nhiên áp lực cạnh tranh trên nhóm đường bay này đang gia tăng mạnh khi các hãng hàng không Trung Đông, Đông Nam Á và Trung Quốc đều đã triển khai kế hoạch tăng tải cung ứng đến Châu Âu. Các Hãng hàng không trong nước bắt đầu khai thác thị trường Châu Âu và một số mạng bay quốc tế khác.

Đối với thị trường nội địa, áp lực cạnh tranh dự kiến sẽ gia tăng mạnh ngay từ đầu năm khi các Hãng hàng không trong nước liên tục bổ sung tàu bay mới cũng như phát triển mạng đường bay.

Kế hoạch khai thác sân bay Long Thành vẫn còn nhiều khâu chưa đồng bộ dẫn đến thách thức trong việc tối ưu nguồn lực trong giai đoạn đầu khai thác, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác nối chuyến tại sân bay này.

4. Rủi ro thông tin

Trong bối cảnh kỷ nguyên số bùng nổ, công tác an ninh thông tin đang đối mặt với những thách thức phức tạp từ các nguy cơ tấn công mạng có quy mô toàn cầu. Theo đánh giá mới nhất, rủi ro mất an toàn thông tin vẫn duy trì ở mức cao do sự gia tăng của các hình thức tấn công tinh vi như mã độc tống tiền (ransomware), khai thác lỗ hổng bảo mật, lạm dụng tài khoản đặc quyền và tấn công tự động (bot). Đặc biệt, rủi ro lộ lọt dữ liệu khách hàng được xác định là mối đe dọa trọng yếu, đòi hỏi các giải pháp bảo vệ đa tầng ngay cả đối với các dữ liệu đã được mã hóa.

Nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro xuống mức thấp nhất, Vietnam Airlines đã thiết lập và vận hành chiến lược phòng thủ đa lớp đồng bộ nhằm giảm thiểu rủi ro xuống mức thấp nhất. Hàng loạt biện pháp nghiệp vụ đã được thực hiện đồng bộ: từ việc thiết lập chế độ giám sát 24/7, siết chặt quản lý truy cập từ xa (VPN), đến quy trình rà soát và vá lỗ hổng hệ thống liên tục. Bên cạnh việc kiểm soát chặt chẽ luồng dữ liệu, Vietnam Airlines còn đặc biệt chú trọng vào "yếu tố con người" thông qua các chương trình nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên.

Vietnam Airlines khẳng định tiếp tục đầu tư hiện đại hóa năng lực bảo mật thông qua các giải pháp giám sát tập trung và hệ thống cảnh báo sớm dựa trên nền tảng công nghệ mới. Với tư duy chủ động phòng ngừa và năng lực ứng phó linh hoạt, Vietnam Airlines cam kết duy trì môi trường giao dịch an toàn, bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp của khách hàng, cổ đông và đối tác trước những biến số phức tạp của không gian mạng.

5. Các rủi ro khác

Các thủ tục kiểm toán không phát hiện được các sai phạm trọng yếu.

Kiểm toán viên đưa ra ý kiến không xác đáng về đối tượng được kiểm toán.

6. Biện pháp quản trị rủi ro

Đảm bảo đội ngũ nhân sự làm công tác kiểm toán nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn quy định, có trình độ và năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc, chú trọng đạo đức nghề nghiệp của các kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Đảm bảo tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm toán nội bộ theo thông lệ và quy định kiểm toán hiện hành, trong đó có việc lập kế hoạch, xây dựng chương trình kiểm toán và kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán.

Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán đủ năng lực và uy tín thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kiểm toán, yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác nhận về việc bàn giao sản phẩm, nhận xét về hoạt động của công ty kiểm toán nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán. Hàng năm, thực hiện xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kiểm toán trước khi triển khai thực hiện hợp đồng cho năm tiếp theo.



10

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC	
NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 53



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch
Ông Tạ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Hồng Hà	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Trường Giang	Thành viên
Ông Daisuke Suzuki	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025)
Ông Hidekazu Isono	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025)
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Trương Văn Phước	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Ngọc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026)
Ông Trần Văn Hữu	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2025



Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Lũng Hài, Phường Giảng Võ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: **1017** /VN1A-HN- BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 31 tháng 3 năm 2025, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần kèm theo các vấn đề cần nhấn mạnh về (i) sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và (ii) ảnh hưởng của việc áp dụng phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



Trần Thị Thuý Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Bùi Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3829-2026-001-1

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.050.584.150.286		17.337.695.278.340	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.895.757.265.015		4.626.738.463.941	
1. Tiền	111		2.909.631.521.531		2.861.943.009.889	
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.986.125.743.484		1.764.795.454.052	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.058.913.564.879		1.015.203.600.683	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	8.058.913.564.879		1.015.203.600.683	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.427.424.000.127		7.322.324.469.422	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.421.723.761.733		4.656.848.501.751	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.382.724.335.272		536.076.663.828	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.867.796.282.563		2.453.682.230.335	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(244.820.379.441)		(324.282.926.492)	
IV. Hàng tồn kho	140	11	3.795.531.249.840		3.369.443.518.711	
1. Hàng tồn kho	141		4.068.258.641.384		3.619.259.484.775	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(272.727.391.544)		(249.815.966.064)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		872.958.070.425		1.003.985.225.583	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	627.726.936.322		631.414.414.554	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		232.605.797.567		371.652.202.153	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	12.625.336.536		918.608.876	

Đã kiểm toán
Đã kiểm toán
Đã kiểm toán
Đã kiểm toán

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.124.297.130.601		40.848.918.584.426	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.352.375.152.017		1.867.877.653.419	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	1.730.023.651		1.895.654.945	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	650.625.000.000		-	
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.700.657.259.970		1.870.610.685.816	
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(637.131.604)		(4.628.687.342)	
II. Tài sản cố định	220		25.164.358.044.676		29.591.005.075.890	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	12.114.120.701.181		12.887.467.684.898	
- Nguyên giá	222		53.666.136.157.389		46.821.940.493.280	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.552.015.456.208)		(33.934.472.808.382)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	12.827.077.040.687		16.464.198.176.347	
- Nguyên giá	225		26.353.551.747.811		33.114.627.353.590	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.526.474.707.124)		(16.650.429.177.243)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	223.160.302.808		239.339.214.645	
- Nguyên giá	228		994.790.005.343		958.829.468.136	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(771.629.702.535)		(719.490.253.491)	
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		254.165.567.498		109.159.553.411	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	254.165.567.498		109.159.553.411	
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.705.074.984.229		1.795.287.517.500	
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	2.303.066.938.838		1.421.385.347.451	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	463.902.170.049		463.902.170.049	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(90.000.000.000)		(90.000.000.000)	
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	28.105.875.342		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.648.323.382.181		7.485.588.784.206	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.262.974.072.118		7.229.292.922.164	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		4.469.498.769		1.530.954.531	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	18	380.879.811.294		254.764.907.511	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		73.174.881.280.887		58.186.613.862.766	

Đã kiểm toán
Đã kiểm toán
Đã kiểm toán
Đã kiểm toán

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.445.216.324.312	67.530.856.737.926
I. Nợ ngắn hạn	310		56.433.407.840.658	57.159.224.873.616
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	33.937.297.124.010	30.504.307.084.497
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	323.007.530.931	216.844.290.187
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	785.302.022.847	365.865.940.716
4. Phải trả người lao động	314		2.109.367.568.396	1.764.494.986.099
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	6.575.514.657.895	7.038.029.177.147
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	1.788.993.735.962	1.666.062.183.423
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	877.832.554.336	684.734.425.851
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	9.378.738.748.961	14.311.199.722.938
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		17.195.343.730	9.151.328.433
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	680.158.553.590	598.935.734.325
II. Nợ dài hạn	330		10.011.808.483.654	10.371.631.864.310
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	-	268.737.939.234
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	22	1.546.118.589.320	2.326.103.000.108
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		6.483.012.077	3.114.033.549
4. Phải trả dài hạn khác	337	24	1.154.080.318.208	1.377.452.097.698
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	3.725.108.049.774	6.171.600.219.919
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		255.731.312.425	224.624.573.804
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	28	3.324.287.201.850	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.729.664.956.575	(9.344.242.875.160)
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.729.664.956.575	(9.344.242.875.160)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	29	31.114.982.110.000	22.143.941.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.114.982.110.000	22.143.941.740.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	29	1.220.059.304.668	1.220.498.156.541
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	29	241.355.237.827	241.355.237.827
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	29	(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	29	258.206.610.742	209.549.694.460
6. Quỹ đầu tư phát triển	418	29	933.114.412.332	933.114.412.332
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	29	2.024.298.861	2.024.298.861
8. (Lỗ) lũy kế	421	29	(26.685.826.774.100)	(33.614.194.469.572)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(33.888.978.537.412)	(41.181.864.665.847)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.203.151.763.312	7.567.670.195.275
9. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	30	798.753.979.199	672.472.277.345
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		73.174.681.280.887	58.186.613.862.766

Hồ Xuân Tam
Người lập biểu

Trần Văn Hữu
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	121.412.224.055.165	106.911.815.323.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	205.342.280.143	215.921.444.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	33	121.206.881.775.022	106.695.893.879.475
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		103.310.147.911.446	92.039.578.339.052
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.896.733.863.576	14.656.315.540.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	1.515.231.978.638	1.266.077.129.286
7. Chi phí tài chính	22	36	3.581.080.905.427	4.951.175.853.159
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		838.122.182.585	1.281.733.876.235
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	17	841.732.013.977	70.287.711.026
9. Chi phí bán hàng	25	37	6.067.325.756.888	5.652.269.991.530
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	2.691.392.295.421	2.190.720.659.597
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		7.913.898.898.455	3.198.513.876.449
12. Thu nhập khác	31	38	293.898.605.289	5.498.181.312.668
13. Chi phí khác	32	39	39.573.399.803	281.052.844.988
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		254.325.205.486	5.217.128.467.680
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.168.224.103.941	8.415.642.344.129
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		532.733.211.652	390.475.867.479
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		28.168.194.384	67.603.718.224
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.607.322.697.905	7.957.562.758.426
18.1. Cổ đông của Tổng Công ty	61		7.204.392.412.008	7.564.092.019.695
18.2. Cổ đông không kiểm soát	62		402.930.285.897	393.470.738.731
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	2.949	3.416

Hồ Xuân Tam
Người lập biểu

Trần Văn Hữu
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.168.224.103.941	8.415.642.344.129
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.845.740.417.730	5.094.513.262.248
Các khoản dự phòng	03	3.271.788.539.838	17.300.540.824
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	306.150.218.640	589.206.713.703
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.272.426.790.180)	(864.437.537.034)
Chi phí lãi vay	06	838.122.182.585	1.281.733.876.235
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.157.598.672.554	14.533.959.200.105
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.515.531.752.363)	(310.626.269.889)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(575.114.060.392)	(23.515.411.815)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.719.426.756.572	(601.103.870.928)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.029.993.671.722)	(2.411.168.487.704)
Tiền lãi vay đã trả	14	(825.875.229.420)	(1.238.280.158.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(416.449.497.893)	(325.153.084.531)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.522.476.656	5.925.918
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(238.038.690.916)	(183.548.931.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.277.545.003.076	9.440.570.910.515
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.576.855.916.184)	(320.431.480.172)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.063.401.263	568.249.884.857
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.287.944.222.540)	(1.586.295.898.011)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.216.695.569.437	1.491.530.832.237
5. Tiền thu lãi tiền gửi cố tức và lợi nhuận được chia	27	456.009.650.095	96.900.399.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.185.031.517.929)	249.953.738.032

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	8.970.601.518.127	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	24.587.973.124.926	33.285.556.859.044
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.214.230.734.519)	(36.710.491.203.782)
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(2.918.760.389.630)	(3.963.889.103.635)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(250.401.549.185)	(220.153.054.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.175.181.969.719	(7.608.976.503.256)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	5.267.695.454.866	2.081.548.145.291
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.626.738.463.941	2.551.042.006.378
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.323.346.208	(5.851.687.728)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	9.895.757.265.015	4.626.738.463.941



Hồ Xuân Tam
Người lập biểu



Trần Văn Hữu
Kế toán trưởng



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty" hoặc "Vietnam Airlines") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc ("các đơn vị phụ thuộc").

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 01 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất là lần 11 ngày 30 tháng 10 năm 2025.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 23.686 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 23.033 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ đầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội);
- Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, khách sạn, bán hàng miễn thuế trực tuyến và tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay; trên tàu bay; tại các tỉnh thành phố (loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu quyền nhập khẩu quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà nước cấm dịch vụ nước ngoài không được phép thực hiện quyền xuất khẩu quyền nhập khẩu quyền phân phối);
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa trong thành phố và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ khác phục vụ hành khách, hàng hóa đi, đến và chuyển tiếp của các hãng hàng không nội địa và quốc tế;
- Triển khai các chương trình liên quan đến tích lũy, quy đổi, phân phối, giao dịch mua bán dặm, thẻ Khách hàng thường xuyên và các sản phẩm liên quan đến chương trình Khách hàng thường xuyên;
- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;

ĐƯỢC
TUYỂN
ĐĂNG
KÝ

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Logistic (loại trừ dịch vụ kiểm định và cấp chứng nhận cho các phương tiện vận tải);
- Xuất, nhập khẩu tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước để phục vụ vận chuyển hàng không của Vietnam Airlines;
- Thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị huấn luyện và các trang thiết bị khác phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm và đồ uống;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- Insurtech (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Kinh doanh bất động sản; Đầu tư nhà, công trình xây dựng để cho thuê; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử;
- Quảng cáo, truyền thông (không bao gồm hoạt động thông tấn, báo chí);
- Tổ chức sự kiện;
- Dịch vụ lữ hành; kinh doanh dịch vụ du lịch; kinh doanh sản phẩm du lịch trọn gói gồm vé máy bay và khách sạn kèm thêm bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, các dịch vụ giải trí như dịch vụ quả cánh, tua tham quan, chơi golf (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam);
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động viễn thông khác, dịch vụ kết nối trên chuyến bay;
- Hoạt động hồ bơi, sân tennis, bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, hoạt động của các trung tâm thể dục, thể hình;
- Giới thiệu sản phẩm bảo hiểm, thu xếp, giao kết hợp đồng bảo hiểm, thu phí bảo hiểm;
- Xây dựng nhà để ở;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải trong nước và nước ngoài;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đào tạo nghiệp vụ đặt chỗ và xuất vé, đào tạo kỹ năng mềm, đào tạo về sự sống, hoạt động giáo dục kỹ năng sống;
- Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện; dịch vụ giao hàng tận nhà;
- Kinh doanh dịch vụ bưu chính (loại trừ dịch vụ bưu chính công ích);
- Vận tải hành khách bằng taxi;

ĐƯỢC
TUYỂN
ĐĂNG
KÝ

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác;
- Kinh doanh lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ;
- Hoạt động phát hành phim video và chương trình truyền hình (loại trừ hoạt động báo chí);
- Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác;
- Hoạt động sản xuất phim video, chương trình truyền hình (loại trừ hoạt động báo chí);
- Đặt chỗ khách sạn, cho thuê xe ô tô, mua bảo hiểm du lịch dưới dạng bán sản phẩm bổ trợ. Cụ thể sản phẩm do đối tác thứ ba cung cấp, Vietnam Airlines chỉ là nhà phân phối và hưởng hoa hồng trên cơ sở tùy chọn của hành khách và hành khách trả thêm tiền (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và từ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam);
- Vận chuyển hành khách du lịch, phát triển khu du lịch và điểm du lịch; đại lý du lịch và Kinh doanh dịch vụ du lịch khác (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và từ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam);
- Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (loại trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng);
- Khoa học, công nghệ;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất, kinh doanh; Đầu tư ra nước ngoài: mua, bán doanh nghiệp; góp vốn, mua cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách và vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cấu trúc Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong và ngoài nước), các công ty con và công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng Tổng Công ty
- Đoàn bay 919
- Đoàn tiếp viên



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

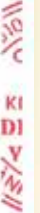
MẪU SỐ B 09-DN/HN

Danh sách chi nhánh tại Việt Nam

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Huấn luyện bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bổng Sen Vàng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP – Khu vực Việt Nam
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Heritage (Thành lập từ 01 tháng 01 năm 2026 trên cơ sở tổ chức tại Tập chí Heritage)

Danh sách chi nhánh tại nước ngoài

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Thái Lan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Singapore
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Malaysia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Lào
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Campuchia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Nhật Bản
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hàn Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hồng Kông
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đài Loan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Liên Bang Nga
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Úc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đức
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Pháp và Tây Âu
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Trung Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Vương Quốc Anh
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Myanmar
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Indonesia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Ấn Độ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Philippines (Thành lập ngày 24 tháng 3 năm 2025)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Italia (Thành lập ngày 24 tháng 3 năm 2025)



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%) (i)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Việt Nam	98,84	98,84	Kinh doanh vận tải hàng không
2	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam	100	100	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
3	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100	100	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài	Việt Nam	60,62	65,07	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
5	Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	61,87	61,87	Cung cấp suất ăn trên máy bay
6	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100	100	Cung cấp suất ăn trên máy bay
7	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	51,52	51,52	Đào tạo phi công
8	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	52,73	52,73	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất	Việt Nam	55,00	55,00	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
10	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	51,00	51,00	Vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài)	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
12	Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá Vinako	Việt Nam	65,05	65,05	Dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải mặt đất, kho bãi
13	Công ty Cổ phần Cung ứng Lao động Hàng không	Việt Nam	51,00	51,00	Cung ứng lao động
14	Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	51,69	51,69	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
15	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Việt Nam	100	100	Dịch vụ mặt đất
16	Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Hàng không Việt Nam Singapore	Việt Nam	51,00	51,00	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
17	Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Việt Nam	25,05	51,00	Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hoá
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	32,48	32,48	Cho thuê máy bay
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	41,31	41,31	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	36,11	36,11	Dịch vụ phục vụ hàng không
4	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	30,41	30,41	Sản xuất sản phẩm nhựa
5	Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Việt Nam	30,47	30,47	Dịch vụ tra nạp nhiên liệu
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	Việt Nam	30,00	30,00	Dịch vụ tra nạp nhiên liệu
7	Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	Việt Nam	25,00	25,00	Dịch vụ mặt đất
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Việt Nam	8,16	36,00	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ

(i) Tỷ lệ lợi ích thể hiện tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Tổng công ty tại các công ty con/công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trong năm 2025, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại một số khoản mục gồm các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí bán hàng để phản ánh phù hợp hơn với bản chất của giao dịch. Theo đó, một số số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại VND	Số sau trình bày lại VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Các khoản giảm trừ doanh thu	969.843.018.400	(753.921.574.288)	215.921.444.112
Chi phí bán hàng	4.898.348.417.242	753.921.574.288	5.652.269.991.530

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được lập theo Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty. Quyết định này được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CDKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và VAS 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con" ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập trên cơ sở giả định là Tổng Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong giai đoạn tiếp theo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 24.383 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 39.822 tỷ đồng), khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty bao gồm cả nợ đảm phán tranh chấp là 6.903 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.812 tỷ đồng).

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã chủ động, thường xuyên rà soát các yếu tố ảnh hưởng và triển khai kịp thời các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường ổn định tài chính, qua đó đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Các giải pháp đã và đang được thực hiện bao gồm:

(a) Quản lý hoạt động

Năm 2025, Tổng Công ty đã vận chuyển khoảng 17,2 triệu lượt khách nội địa và 8,5 triệu khách quốc tế tương đương với 111% và 118% so với sản lượng hàng khách năm 2024 (15,5 triệu lượt khách nội địa và 7,2 triệu khách quốc tế).

Tổng Công ty luôn theo dõi, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đội tàu bay, lịch bay, các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường, giai đoạn cao điểm và nhu cầu du lịch nhằm tối ưu hóa chi phí hoạt động và đội tàu bay, tiếp tục duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa.

Tổng Công ty cũng tập trung quản lý và tập trung phát triển dịch vụ và khách hàng trong các chặng bay có doanh thu và lợi nhuận cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, Tổng Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động vận tải hàng hóa nhằm tận dụng hiệu quả năng lực đội bay, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và dòng tiền hoạt động.

Đối với chi phí hoạt động, Tổng Công ty tiếp tục thực hành chính sách tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng đội bay và triển khai các giải pháp đàm phán giảm giá, tiết kiệm chi phí. Ngoài ra, Tổng Công ty liên tục xem xét để tối ưu quy trình dịch vụ mặt đất, dịch vụ phục vụ trên chuyến bay cũng như việc sửa chữa và bảo dưỡng động cơ và máy bay, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh tế.

(b) Nguồn vốn hoạt động

Tổng Công ty đã và đang đàm phán với các ngân hàng thương mại để có thêm hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng hạn mức tín dụng của các khoản vay ngắn hạn mà Tổng Công ty đã ký với các ngân hàng thương mại là khoảng 40,5 nghìn tỷ đồng. Tổng Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục duy trì được các hạn mức tín dụng hiện tại trong năm tiếp theo cũng như đảm bảo thanh toán các khoản gốc vay đến hạn.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn có nguồn vốn vay tái cấp vốn 4 nghìn tỷ đồng từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước. Theo thông tư số 16/2025/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 11 tháng 7 năm 2025, trên cơ sở đề nghị của Tổng Công ty ("VNA") và đánh giá khả năng trả nợ đầy đủ gốc và/hoặc lãi của VNA sau khi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, các ngân hàng thương mại thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ của VNA (bao gồm cả thời gian cho vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ) trong thời hạn tối đa không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Trong năm 2025, Tổng công ty đã hoàn thành xong phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Theo đó, số cổ phiếu thực tế đã phát hành là 897.104.037 cổ phiếu, tiền thu từ phát hành cổ phiếu là 8.971.040.370.000 đồng (Chi tiết được trình bày ở Thuyết minh số 29). Theo

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, số tiền thu được từ việc tăng vốn do chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để thanh toán các dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm (i) trả nợ nhà cung cấp đến hạn và quá hạn; (ii) trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn.

Đối với các đối tác bên ngoài, Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các đối tác đã và đang hỗ trợ tích cực Tổng Công ty trong những năm qua và trong thời gian tới.

(c) Đề án tái cơ cấu lại Tổng Công ty

Tổng Công ty đã hoàn thành xây dựng và báo cáo các cơ quan liên quan về Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để Tổng Công ty sớm phục hồi và phát triển bền vững giai đoạn 2021-2035 và Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty ("đề án"). Các giải pháp trong đề án đã được Quốc hội và các cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua. Trong đề án, Tổng Công ty đã và tiếp tục thực hiện đồng bộ ba (3) giải pháp để khắc phục tình trạng tài chính hiện tại bao gồm:

- Giải pháp nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh vận tải hàng không;
- Tái cơ cấu tài sản và thoái vốn các công ty con và công ty liên kết để gia tăng thu nhập và dòng tiền;
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu giai đoạn 02 theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ từ Chính phủ và khả năng thực hiện các đề án tái cơ cấu lại và tháo gỡ khó khăn cho Tổng Công ty giai đoạn đến năm 2035. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước);
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, tài chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc vật tư, phụ tùng nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan để nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Giá gốc hàng tồn kho đối với các loại vật tư, phụ tùng máy bay để sử dụng được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy bay	16 - 20
Động cơ máy bay	10
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Phương tiện vận tải mặt đất	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các máy bay thuộc đội máy bay khai thác và các động cơ dự phòng tương ứng trong các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty áp dụng tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay và động cơ cho các năm tài chính tương ứng theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, chi phí khấu hao và chi phí phân bổ sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng/Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay	Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay/Giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường	Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay ----- Tổng giờ khai thác theo tháng kế hoạch năm 2020 của loại máy bay đó (thời điểm hoạt động bình thường, trước khi bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19)
---	--	---

Đối với các máy bay không thuộc trong đội máy bay khai thác và các động cơ dự phòng tương ứng, Tổng Công ty thực trích và ghi nhận chi phí khấu hao nhất quán với chính sách kế toán tài sản cố định hữu hình.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như sau:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Đối với chi phí khấu hao máy bay, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được phê duyệt riêng nêu trên tới ngày 01 tháng 01 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.
- Đối với chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, phần chênh lệch lũy kế giữa phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp phân bổ được phê duyệt riêng nêu trên được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tối đa không quá 3 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày tại Chi phí đi vay dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là các máy bay thuộc đội máy bay khai thác trong các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn riêng đã được đề cập ở phần chính sách tài sản cố định hữu hình và khấu hao. Đối với các máy bay không thuộc trong đội máy bay khai thác và các động cơ dự phòng tương ứng, Tổng Công ty thực hiện trích và ghi nhận chi phí khấu hao nhất quán với chính sách kế toán tài sản thuê tài chính.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính dùng trong quản lý, như phần mềm quản lý giá vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán và tài sản cố định vô hình khác. Tổng Công ty không thực hiện phân bổ quyền sử dụng đất được cấp không có thời hạn. Quyền sử dụng đất được cấp có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Các tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 năm đến 07 năm.

00.
/ TY
/ XÁC
[T]
LM
/ HÁ

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay; phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu của hợp đồng huy động vốn mua máy bay; chi phí phụ tùng máy bay, công cụ, dụng cụ quay vòng và chi phí khác. Cụ thể:

- Chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tính từ tháng kế tiếp tháng hoàn thành đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí chữ phân bổ là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Khoản phải nộp quỹ đại tu cho bên cho thuê máy bay theo hợp đồng thuê được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh nộp quỹ. Chi phí sửa chữa lớn đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong 03 năm. Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.
- Như trình bày tại phần thuyết minh về chính sách kế toán tài sản cố định hữu hình và khấu hao, Tổng Công ty phân bổ và ghi nhận chi phí trả trước liên quan đến sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phần chi phí chênh lệch lũy kế giữa việc phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp áp dụng hướng dẫn kế toán riêng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tối đa không quá 3 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên số giờ bay.
- Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu của hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.
- Chi phí công cụ, dụng cụ, phụ tùng máy bay quay vòng và chi phí khác, bao gồm:
 - Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phản ánh giá trị các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, có thời gian sử dụng trên 01 năm, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 02 năm.
 - Vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều hàng năm (chi tiết xem Thuyết minh về "Hàng tồn kho").

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản dự tính các khoản chi phí phải trả liên quan đến các chi phí đã phát sinh nhưng đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN****Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty/các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CĐKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí hoàn trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh.

Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm vốn góp từ cổ phiếu phổ thông, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và (lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản Phải trả người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện. Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé thông thường, MCO - dịch vụ bổ trợ khác, hành lý và YQ - phụ thu nhiên liệu) đã hết hạn theo các điều kiện của chứng từ vận chuyển nhưng khách hàng không sử dụng được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

25

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyến được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy dặm thưởng khi sử dụng dịch vụ, tham gia chương trình khuyến mãi... của Tổng Công ty hay một số đối tác hàng không và phi hàng không cụ thể của chương trình Bông Sen Vàng của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số dặm tồn còn giá trị sử dụng tại thời điểm báo cáo mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng đổi thưởng hoặc dặm thưởng tích lũy hết hạn.

Doanh thu và thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lỗ suy giảm trên cổ phiếu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

26

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	18.309.260.226	13.172.598.115
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.768.829.514.768	2.741.296.394.832
Tiền đang chuyển	122.492.746.537	107.474.016.942
Các khoản tương đương tiền (*)	6.986.125.743.484	1.764.795.454.052
	9.895.757.265.015	4.626.738.463.941

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng với lãi suất từ 0,2% - 4,75%/năm.

01/01/2026 10:00:00 AM

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	8.058.913.564.879	8.058.913.564.879	1.015.203.600.683	1.015.203.600.683
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	28.105.875.342	28.105.875.342	-	-
	8.087.019.440.221	8.087.019.440.221	1.015.203.600.683	1.015.203.600.683

(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,8%/năm đến 7,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 1,1%/năm đến 10,5%/năm).

(ii) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5%/năm đến 6,4%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Hàng Hàng không Cambodia Angkor Air				
Công ty Cổ phần Nhà ga quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	248.141.431.740	-	248.141.431.740	-
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	90.000.000.000	(90.000.000.000)	90.000.000.000	(90.000.000.000)
Công ty Cổ phần Kho cảng Xây dựng Hàng không miền Nam	65.049.600.000	-	65.049.600.000	-
Công ty Cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn	52.000.000.000	-	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	6.161.138.309	-	6.161.138.309	-
	2.550.000.000	-	2.550.000.000	-
	463.902.170.049	(90.000.000.000)	463.902.170.049	(90.000.000.000)

01/01/2026 10:00:00 AM

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì:

- Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, số lượng giao dịch cổ phiếu của các đơn vị này trong năm rất nhỏ, do đó, giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và
- Đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường, các quy định kế toán hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi tiết phải thu của khách hàng		
Các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	2.002.595.514.403	1.659.782.833.368
Các hãng hàng không khác	2.201.806.649.459	1.230.495.876.704
Phải thu cho thuê tàu bay	247.337.585.945	329.922.409.858
Cước vận chuyển hàng hóa	362.720.096.602	353.651.406.687
Khách hàng khác	608.993.938.975	1.084.891.630.079
	5.423.453.785.384	4.658.744.156.696

b. Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

Ngắn hạn	5.421.723.761.733	4.656.848.501.751
Dài hạn	1.730.023.651	1.895.654.945
	5.423.453.785.384	4.658.744.156.696

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Trả trước về sửa chữa máy bay động cơ	362.802.220.634	165.173.014.508
Trả trước về đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	304.910.929.453	92.846.568.131
Trả trước về thuê máy bay	248.756.926.307	1.727.544.001
Trả trước về nhiên liệu máy bay	46.601.848.059	106.600.764.076
Trả trước khác	419.652.410.819	169.728.773.112
	1.382.724.335.272	536.076.663.828

b. Dài hạn

Trả trước tiền mua máy bay (*)	650.625.000.000	-
	650.625.000.000	-

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)

(*) Thể hiện khoản tiền đã trả trước cho nhà cung cấp để thực hiện hợp đồng mua 50 máy bay thân hẹp với nhà sản xuất máy bay (Thuyết minh số 42).

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu (i)	2.461.990.008.691	1.946.242.159.542
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay ngắn hạn	147.469.853.638	47.930.467.142
Phải thu từ các hợp đồng cho thuê lại	-	51.544.033.193
Xuất vật tư phụ tùng cho đối tác sửa chữa	-	13.141.017.432
Phải thu ngắn hạn khác	258.336.420.234	394.824.553.026
	2.867.796.282.563	2.453.682.230.335
b. Dài hạn		
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay dài hạn (ii)	1.453.305.667.732	1.656.216.255.802
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	244.033.161.758	209.381.373.205
Phải thu dài hạn khác	3.318.430.480	5.013.056.809
	1.700.657.259.970	1.870.610.685.816

Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)

(i) Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu phản ánh các khoản chi phí sửa chữa phát sinh thực tế mà Tổng Công ty ước tính có thể thu được từ đối tác cho thuê máy bay.

(ii) Là khoản tiền Tổng Công ty đặt cọc để thuê máy bay và động cơ máy bay mà sẽ được hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. NỢ XẤU	Số cuối năm				Số đầu năm			
	VND				VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	
Hàng Hàng không Cambodia	246.171.049.118	(144.543.364.077)	101.627.685.041		319.373.610.000	(219.802.090.000)	99.571.520.000	
Angkor Air								
Đại lý Airtickets Touristikas Ypr/sesles	26.871.225.554	(26.871.225.554)	-		23.099.688.673	(23.099.688.673)	-	
Air Fast Ticket Group	16.705.550	(16.705.550)	-		2.965.486.018	(2.965.486.018)	-	
Các đối tượng khác	79.402.633.007	(74.026.215.864)	5.376.417.143		89.030.143.183	(83.044.349.143)	5.985.794.040	
	352.461.613.229	(245.457.511.045)	107.004.102.184		434.468.927.874	(328.911.613.834)	105.557.314.040	
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(244.820.379.441)				(324.282.926.492)		
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn		(637.131.604)				(4.628.687.342)		

Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

11. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm				Số đầu năm			
	VND				VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	
Hàng mua đang đi trên đường	298.194.226.750	-	-		272.016.956.794	-	-	
Nguyên liệu, vật liệu	1.465.505.242.407	(272.727.391.544)	-		1.240.322.904.082	(249.815.966.064)	-	
Công cụ và dụng cụ	62.502.863.617	-	-		78.850.686.143	-	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	89.104.213.447	-	-		37.777.177.690	-	-	
Thành phẩm	1.064.815.475	-	-		966.923.479	-	-	
Hàng hóa	2.123.631.081.189	-	-		1.964.202.614.862	-	-	
Hàng hóa kho bảo thuế	27.917.210.788	-	-		24.799.904.021	-	-	
Hàng gửi đi bán	336.987.711	-	-		322.317.704	-	-	
	4.068.258.641.384	(272.727.391.544)	(272.727.391.544)		3.619.259.484.775	(249.815.966.064)	(249.815.966.064)	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của một số vật tư phụ tùng do giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này thấp hơn giá gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê máy bay, động cơ máy bay và các tài sản khác	508.290.530.310	545.708.100.892
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển	8.546.730.375	9.597.444.598
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	110.889.675.637	76.108.869.064
	627.726.936.322	631.414.414.554
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay	8.452.883.462.481	5.873.833.008.960
Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu	178.594.559.159	310.124.294.753
Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ, dụng cụ	1.141.217.385.509	701.487.896.464
Chi phí trả trước dài hạn khác	490.278.664.969	343.847.721.987
	10.262.974.072.118	7.229.292.922.164

Tổng Công ty phân bổ và ghi nhận chi phí trả trước liên quan đến sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phần chi phí chênh lệch lũy kế giữa việc phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp áp dụng hướng dẫn kế toán riêng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ben đầu tối đa không quá 3 năm.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022; khoản mục giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025 sẽ giảm với số tiền là 3,8 tỷ đồng (năm 2024: giảm 44 tỷ đồng).

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Số dư đầu năm	35.957.411.839.161	2.986.896.241.977	4.340.934.114.948	2.083.157.296.708	1.111.777.000.014	341.764.000.472	46.821.940.493.280			
Mua trong năm	-	5.077.750.056	177.122.166.677	144.245.275.767	24.289.424.562	752.786.748	351.487.403.810			
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	22.352.486.800	-	-	-	13.595.817.143	36.948.303.943			
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	6.761.075.605.779	-	-	-	-	-	6.761.075.605.779			
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.195.675.513)	(58.825.873.954)	(53.961.803.993)	(26.086.322.461)	(24.613.679.946)	(181.683.355.867)			
Điều chỉnh theo quyết toán Tổng, giảm khác	-	(1.097.091.502)	(330.933.414)	-	(109.890.061)	-	(1.537.914.977)			
	-	(114.254.345.489)	-	-	(6.840.033.090)	-	(121.094.378.579)			
Số dư cuối năm	42.718.487.444.940	2.880.779.366.329	4.458.899.474.257	2.173.440.768.482	1.103.030.178.964	331.488.924.417	53.666.136.157.389			
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Số dư đầu năm	25.644.858.074.310	1.715.247.349.582	3.750.846.480.317	1.568.894.455.096	1.009.139.649.585	245.486.799.492	33.934.472.808.382			
Khoản hao trong năm	2.173.127.356.146	94.187.461.371	169.929.071.556	132.830.979.968	49.971.284.162	15.935.824.158	2.635.981.917.361			
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	-	-	-	-	5.284.080.837.882			
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.450.000.022)	(58.825.873.954)	(53.880.360.305)	(26.086.322.461)	(24.613.679.934)	(180.856.236.676)			
Tăng, giảm khác	-	(113.488.647.940)	(82.413.984)	-	(8.092.808.817)	-	(121.663.870.741)			
Số dư cuối năm	33.102.066.268.338	1.678.496.162.991	3.861.867.263.935	1.647.845.014.759	1.024.931.802.469	236.808.943.716	41.552.015.456.208			
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày đầu năm	10.312.553.764.851	1.271.648.892.395	590.087.634.631	514.262.841.612	102.637.350.429	96.277.200.980	12.887.467.684.898			
Tại ngày cuối năm	9.616.421.176.602	1.202.283.203.338	597.032.210.322	525.595.753.723	78.088.376.495	94.689.980.701	12.114.120.701.181			

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 13.923 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12.056 tỷ đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 7.682 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9.193 tỷ đồng) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các máy bay và động cơ tương ứng thuộc đội máy bay khai thác trong các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn riêng đã được đề cập ở phần chính sách tài sản cố định hữu hình và khấu hao.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình và lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ tăng 1.503 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2024: tăng 1.609 tỷ đồng); khoản mục giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm 2025 sẽ giảm với số tiền là 527 tỷ đồng (năm 2024: giảm 422 tỷ đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy bay và động cơ máy bay	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	33.114.627.353.590	33.114.627.353.590
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.761.075.605.779)	(6.761.075.605.779)
Số dư cuối năm	26.353.551.747.811	26.353.551.747.811
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	16.650.429.177.243	16.650.429.177.243
Khấu hao trong năm	2.160.126.367.763	2.160.126.367.763
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.284.080.837.882)	(5.284.080.837.882)
Số dư cuối năm	13.526.474.707.124	13.526.474.707.124
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	16.464.198.176.347	16.464.198.176.347
Tại ngày cuối năm	12.827.077.040.687	12.827.077.040.687

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đang thuê tài chính 11 máy bay bao gồm các loại máy bay A321 và B787. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính có giá trị còn lại là 768 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.992 tỷ đồng) được thế chấp cho các khoản nợ thuê tài chính đã trả hết số dư nợ vay, Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải chấp để chuyển quyền sở hữu.

Năm 2025, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là các máy bay thuộc đội máy bay khai thác trong các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn riêng đã được đề cập ở phần chính sách tài sản cố định hữu hình và khấu hao.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục hao mòn lũy kế tài sản cố định thuê tài chính và lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ tăng 1.563 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2024: tăng 2.204 tỷ đồng); khoản mục giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm 2025 sẽ giảm với số tiền là 218 tỷ đồng (năm 2024: giảm 421 tỷ đồng).

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUỒN GIÁ				
Số dư đầu năm	73.846.177.206	859.098.059.550	25.885.231.380	958.829.468.136
Tăng trong năm	-	17.188.515.490	-	17.188.515.490
Điều chỉnh nguyên giá	-	19.291.021.717	-	19.291.021.717
Giảm do thanh lý	-	(99.000.000)	-	(99.000.000)
Giảm khác	-	(420.000.000)	-	(420.000.000)
Số dư cuối năm	73.846.177.206	895.058.596.757	25.885.231.380	994.790.005.343
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	4.495.540.205	714.309.481.906	685.231.380	719.490.253.491
Khấu hao trong năm	122.779.202	49.509.353.404	-	49.632.132.606
Tăng khác	-	2.606.316.438	-	2.606.316.438
Giảm do thanh lý	-	(99.000.000)	-	(99.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.618.319.407	766.326.151.748	685.231.380	771.629.702.535
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	69.350.637.001	144.788.577.644	25.200.000.000	239.339.214.645
Tại ngày cuối năm	69.227.857.799	128.732.445.009	25.200.000.000	223.160.302.808

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 681 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 654 tỷ đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 100 tỷ đồng được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí chuẩn bị đầu tư dự án tại Long Thành	74.140.556.232	-
Kho xăng dầu sân bay Phú Bài	73.966.394.872	51.311.528.216
Kinh phí hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng khu đất hợp tác giai đoạn 2 phần diện tích 1.045ha (Giai đoạn 2)	17.837.109.000	17.837.109.000
Các dự án khác	88.221.507.394	40.010.916.195
	254.165.567.498	109.159.553.411

10-C
TƯ
VĂN
TE
IM
HA

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Địa chỉ	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Việt Nam	439.335.275.853	1.156.295.411.231
Việt Nam	119.686.420.000	180.436.985.685
Việt Nam	86.652.841.772	12.417.152.034
Việt Nam	30.000.000.000	42.292.935.147
Việt Nam	22.812.300.000	15.936.250.678
Việt Nam	17.000.000.000	-
Việt Nam	14.266.335.863	13.354.000.000
Việt Nam	1.280.000.000	652.612.676
	731.033.173.488	1.421.385.347.451
	2.303.066.938.838	731.033.173.488

Biến động của giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Số dư đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi trong công ty liên kết phát sinh trong kỳ	1.421.385.347.451	1.298.599.332.395
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài	841.732.013.977	70.287.711.026
Biến động khác	48.656.916.282	55.264.675.168
Số dư cuối năm	(8.707.338.872)	(2.766.371.138)
	2.303.066.938.838	1.421.385.347.451

10-C
TƯ
VĂN
TE
IM
HA

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thể hiện các thiết bị, vật tư, phụ tùng với thời gian sử dụng hoặc lưu kho trên 12 tháng nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định, được mua để dự trữ, thay thế, có thể sửa chữa và tái sử dụng nhiều lần cho các dòng máy bay đang khai thác của Vietnam Airlines.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị và Số có khả năng trả nợ	Giá trị và Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn		
Phải trả người bán	14.737.811.247.763	14.991.952.401.613
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	16.346.186.974.251	13.229.770.717.560
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	2.797.903.352.475	2.234.299.383.293
Phải trả Interlines	32.183.367.178	23.500.200.033
Phải trả thu bán chứng từ, thuế giá trị gia tăng về vận chuyển hàng hóa	23.212.182.343	24.784.381.998
	33.937.297.124.010	30.504.307.084.497
b. Dài hạn		
Phải trả tiền thuê máy bay dài hạn	-	268.737.939.234
	-	268.737.939.234

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)

- (i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã thanh toán khi mua các dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- (ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị các khoản Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc ban quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán khoảng 6.903 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: khoảng 10.812 tỷ đồng).

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước chưa xuất vé	120.200.422.073	78.666.664.031
Người mua trả trước khác	202.807.108.858	137.977.626.156
	323.007.530.931	216.644.290.187



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		Số cuối năm	
	VND	Phải trả	VND	Phải thu	VND	Phải thu	VND	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	381.373.896	40.763.899.937	966.864.276.034	969.163.226.826	10.848.837.140	48.932.412.389		
Thuế xuất nhập khẩu	87.482.498	-	16.060.595.713	16.092.020.010	118.906.795	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.314.643	189.807.387.221	534.247.672.288	416.449.487.893	-	307.471.246.973		
Thuế thu nhập cá nhân	136.278.399	70.616.708.236	908.979.116.689	874.227.438.542	212.860.283	105.444.968.267		
Thuế tài nguyên	177.158.240	-	-	-	177.158.240	-		
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	8.503.069.978	337.114.590.048	126.396.367.539	1.142.780.882	220.364.073.369		
Thuế bảo vệ môi trường	1.200	54.247.589.000	735.151.347.850	730.463.045.760	388.110	58.936.278.000		
Thuế nhà thầu	-	1.722.748.418	177.409.945.390	154.981.987.509	-	24.150.706.299		
Các loại thuế, lệ phí khác	2.000.000	4.537.926	2.857.885.361	2.982.490.823	124.405.086	2.337.550		
	918.608.876	365.665.940.716	3.678.685.429.373	3.290.756.074.902	12.625.336.536	765.302.022.847		

Năm 2024, Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines ("PA"), một công ty con của Tổng Công ty nhận được các Quyết định từ số 3530 đến số 3537 và từ số 3567 đến số 3575/QĐ-CTTPHCM-KĐT của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với khoản nợ phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ thuế còn nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 phát sinh theo quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền; (ii) PA có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thuế còn nợ (nợ gốc) trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 và (iii) sau thời hạn trên, cơ quan thuế thực hiện tính tiền chậm nộp, đồn đốc và áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo đúng quy định.

Theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội, kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV ngày 30 tháng 11 năm 2024, Quốc hội thông qua các giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sớm phục hồi và phát triển bền vững, trong đó, (i) cho phép PA được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ thuế còn nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 phát sinh theo quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền; (ii) PA có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thuế còn nợ (nợ gốc) trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 và (iii) sau thời hạn trên, cơ quan thuế thực hiện tính tiền chậm nộp, đồn đốc và áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo đúng quy định.

PA đã nộp toàn bộ số tiền thuế còn nợ (nợ gốc) cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định. Hiện tại, trên hệ thống quản lý của cơ quan thuế, PA vẫn còn nợ khoản tiền chậm nộp thuế 567 tỷ đồng và chưa được xóa bỏ các biện pháp cưỡng chế. Đến ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và PA vẫn đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế để làm rõ các thủ tục chi tiết thực hiện xóa nghĩa vụ tiền phạt chậm nộp theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ở trên.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP			MẪU SỐ B 09-DN/HN	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)				
22.	CHI PHÍ PHẢI TRẢ			
		Số cuối năm	Số đầu năm	
		VND	VND	
	a. Ngắn hạn			
	Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	3.197.888.711.170	4.465.552.485.448	
	Chi phí lãi trả chậm	1.807.519.105.248	1.232.685.018.989	
	Chi phí lãi vay	237.966.114.096	225.719.160.931	
	Chi phí phục vụ chuyến bay	95.223.866.032	14.096.499.501	
	Các khoản trích trước khác	1.236.916.861.349	1.099.976.012.278	
		6.575.514.657.895	7.038.029.177.147	
	b. Dài hạn			
	Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	1.546.118.589.320	2.326.103.000.106	
		1.546.118.589.320	2.326.103.000.106	
	Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh số 41)	-	231.334.019.443	
23.	DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN			
		Số cuối năm	Số đầu năm	
		VND	VND	
	Chương trình Bông Sen Vàng (Lotusmiles)	1.302.873.980.683	1.221.910.864.427	
	Chương trình khách hàng lớn (LotusBiz)	410.359.734.000	384.973.484.000	
	Khác	75.760.021.279	59.177.834.996	
		1.788.993.735.962	1.666.062.183.423	
24.	PHẢI TRẢ KHÁC			
		Số cuối năm	Số đầu năm	
		VND	VND	
	a. Ngắn hạn			
	Nhận khoản hỗ trợ kí kết hợp đồng từ nhà cung cấp	133.922.090.793	81.164.800.000	
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	116.170.814.755	63.539.356.568	
	Cố tức phải trả	8.801.052.269	5.257.466.318	
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	618.938.598.519	534.772.802.965	
		877.832.554.336	684.734.425.851	
	b. Dài hạn			
	Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	382.614.016.249	373.629.111.594	
	Nhận khoản hỗ trợ kí kết hợp đồng từ nhà cung cấp	250.559.070.075	270.549.290.806	
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	129.479.291.450	133.617.064.590	
	Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	306.861.245.824	306.861.245.824	
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.566.694.610	292.795.384.884	
		1.154.080.318.208	1.377.452.097.698	
	Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh số 41)	8.150.032.565	6.983.738.100	

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm VND		Số cuối năm VND
		Giá trị và Số có khả năng trả nợ	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị và Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	10.102.264.747.227	24.370.383.845.745	10.288.737.425	6.881.803.304.847
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 26)	1.263.858.055.040	882.778.131.782	24.541.892.973	572.681.047.895
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 26)	2.945.076.920.671	1.896.734.091.469	1.203.773.709	1.924.254.396.219
	14.311.199.722.938	27.149.896.068.997	36.034.404.107	9.378.738.748.961
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:				
			Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á			1.971.175.672.711	1.977.205.522.423
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam			1.195.112.863.881	1.651.199.443.843
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội			999.999.999.874	999.999.999.874
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			888.937.471.223	3.961.387.038.024
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			710.527.203.467	421.231.791.176
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			463.277.813.089	446.536.890.761
Kestrel Aviation Ireland No.1 Limited			240.550.870.576	233.017.695.755
Ngân hàng HSBC Việt Nam			112.497.904.471	108.974.880.924
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam			181.037.559.567	15.911.201.872
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga			113.797.525.722	55.523.346.286
Ngân hàng TMCP Quân đội			4.847.357.200	231.274.936.289
Ngân hàng TMCP Tiên Phong			41.063.066	-
			6.881.803.304.847	10.102.264.747.227

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty chủ yếu được giải ngân bằng USD và VND. Số dư khoản vay ngắn hạn phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay bằng USD	2.454.234.082.566	1.466.697.183.535
Vay bằng VND	4.427.569.222.281	8.635.567.563.692
	6.881.803.304.847	10.102.264.747.227

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty chịu lãi suất năm như sau:

- Các khoản vay ngắn hạn bằng VND: từ 3,0% đến 7,9%; và
- Các khoản vay ngắn hạn bằng USD: từ 2,9% đến 7,0%.

Các khoản vay tái cấp vốn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, với tổng hạn mức của các khoản vay là 4.000 tỷ đồng theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 05 tháng 4 năm 2021 được đảm bảo bằng tài sản bao gồm tàu bay, động cơ và cổ phiếu của Tổng Công ty tại các công ty con đã niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM. Theo thông tư số 16/2025/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 11 tháng 7 năm 2025, trên cơ sở đề nghị của Tổng Công ty ("VNA") và đánh giá khả năng trả nợ đầy đủ gốc và/hoặc lãi của VNA sau khi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, các ngân hàng thương mại thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ của VNA (bao gồm cả thời gian cho vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ) trong thời hạn tối đa không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.964 tỷ đồng). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn (bao gồm hạn mức 4.000 tỷ đồng của khoản vay tái cấp vốn theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN) mà Tổng Công ty và các công ty con đã ký với các ngân hàng thương mại là 40,5 nghìn tỷ đồng.

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	2.553.711.884.510	3.868.111.734.489
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	3.668.331.609.378	6.512.423.461.141
	6.222.043.493.888	10.380.535.195.630

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng 2.496.935.444.114 4.208.934.975.711
- Số phải trả sau 12 tháng 3.725.108.049.774 6.171.600.219.919

(i) Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	1.392.584.760.481	2.166.077.149.803
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	371.237.625.480	505.455.695.052
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	316.234.675.200	511.242.624.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	145.766.788.974	232.563.083.927
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	107.928.878.314	167.451.649.220
Ngân hàng TNHH Indovina	90.703.456.800	140.726.388.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	78.175.205.295	54.689.160.961
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	38.495.605.125	56.698.447.461
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	5.833.027.880	14.185.978.813
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	4.731.006.401	13.148.063.552
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2.020.854.560	5.873.493.700
	2.553.711.884.510	3.868.111.734.489

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(*) Bao gồm khoản vay hợp vốn của 3 ngân hàng trong nước do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đầu mối cấp tín dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 1.638 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.381 tỷ đồng) (Thuyết minh số 13), các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty chủ yếu được giải ngân bằng USD và VND. Số dư khoản vay dài hạn phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay bằng USD	1.990.311.495.194	3.339.228.467.495
Vay bằng VND	563.400.389.316	528.883.266.994
	2.553.711.884.510	3.868.111.734.489

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty chịu lãi suất năm như sau:

- Các khoản vay dài hạn bằng VND: từ 4,67% đến 10,95%; và
- Các khoản vay dài hạn bằng USD: từ 6,29% đến 7,09%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	572.681.047.895	1.263.858.055.040
Trong năm thứ 2	886.774.458.698	833.898.406.343
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	1.085.214.123.374	1.394.103.572.643
Sau 5 năm	9.042.254.543	376.251.700.463
Cộng	2.553.711.884.510	3.868.111.734.489
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	572.681.047.895	1.263.858.055.040
Số phải trả sau 12 tháng	1.981.030.836.615	2.604.253.679.449

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tập đoàn ING	2.284.763.601.668	3.925.057.061.533
Ngân hàng Citibank	597.894.125.652	1.223.386.579.298
Ngân hàng MUFG	688.458.750.000	892.675.000.000
Ngân hàng HSBC	97.215.132.058	471.304.820.310
	3.668.331.609.378	6.512.423.461.141

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư các khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng bảo lãnh của Bộ Tài chính là 2.979 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.620 tỷ đồng), các khoản nợ thuê tài chính còn lại được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính.

Toàn bộ nợ thuê tài chính có gốc USD với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 139.868.517 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 255.339.088 USD).

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản tiền tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang trên như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	2.065.402.329.576	141.147.933.357	1.924.254.396.219
Trong năm thứ 2	1.569.948.735.038	55.357.771.880	1.514.590.963.158
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	238.492.624.101	9.006.374.100	229.486.250.001
	3.873.843.688.715	205.512.079.337	3.668.331.609.378

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.234.923.614.671	289.846.694.000	2.945.076.920.671
Trong năm thứ 2	2.026.185.201.199	154.903.377.484	1.871.281.823.715
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	1.766.123.654.116	70.058.937.361	1.696.064.716.755
	7.027.232.469.986	514.809.008.845	6.512.423.461.141

27. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	598.935.734.325	670.499.547.015
Trích quỹ trong năm	297.770.673.841	112.315.792.270
Tặng khác trong năm	1.522.476.656	-
Sử dụng quỹ trong năm	(238.038.690.916)	(183.546.931.918)
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ	(31.640.316)	(332.673.042)
Số dư cuối năm	660.158.553.590	598.935.734.325

28. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Thể hiện các khoản chi phí ước tính cho lần sửa chữa tiếp theo của các máy bay, động cơ thuê hoạt động mà Tổng Công ty đã ngừng việc đóng Quỹ đại tu với đối tác cho thuê và không ký hợp đồng sửa chữa bảo dưỡng động cơ theo giờ.

M.S.D.A

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗi lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	154.285.019.282	933.114.412.332	2.024.298.861	(41.057.410.006.425)	(17.515.195.384.526)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	7.564.092.019.605	7.564.092.019.605
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(103.033.015.126)	(103.033.015.126)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	55.264.675.168	-	-	-	55.264.675.168
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(17.843.447.716)	(17.843.447.716)
Số dư đầu năm nay	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	209.549.694.460	933.114.412.332	2.024.298.861	(33.614.194.469.572)	(10.016.715.152.505)
Cổ phiếu đã phát hành (i)	8.971.040.370.000	(438.851.873)	-	-	-	-	-	-	8.970.601.518.127
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	7.204.392.412.008	7.204.392.412.008
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(275.899.519.919)	(275.899.519.919)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	48.656.916.282	-	-	-	48.656.916.282
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(125.196.617)	(125.196.617)
Số dư cuối năm nay	31.114.982.110.000	1.220.059.304.668	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	258.206.610.742	933.114.412.332	2.024.298.861	(26.685.826.774.100)	5.930.910.977.376

M.S.D.A

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(i) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 979/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc thông qua và triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, ngày 26 tháng 9 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 1684/NQ-HĐQT/TCTHK thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, số cổ phiếu thực tế đã bán là 897.104.037 cổ phiếu, tổng số cổ phiếu sau phát hành là 3.111.498.211 cổ phiếu. Ngày 29 tháng 9 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 5760/UBCK-QLCB thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo Báo cáo kết quả số 1687/TCTHK-CBTC ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tổng Công ty. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành của Tổng Công ty là 3.111.498.211 cổ phiếu kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2025, vốn điều lệ của Tổng công ty sau khi kết thúc đợt chào bán là 31.114.982.110.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, số tiền thu được từ việc tăng vốn do chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để thanh toán các dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm (i) trả nợ nhà cung cấp đến hạn và quá hạn; (ii) trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn, một phần nợ vay tái cấp vốn. Đến ngày 16 tháng 3 năm 2026, số tiền đã được Tổng Công ty sử dụng để trả nợ nhà cung cấp và vay đến hạn là 2.244 tỷ đồng.

Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.111.498.211	2.214.394.174
Cổ phiếu phổ thông	3.111.498.211	2.214.394.174
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.111.498.211	2.214.394.174
Cổ phiếu phổ thông	3.111.498.211	2.214.394.174

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (sửa đổi lần 11 ngày 30 tháng 10 năm 2025), tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 31.114.982.110.000 đồng. Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp	
			Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh Doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	1.466.527.123	47,13	14.665.271.230.000	6.894.880.800.000
Cổ đông Nhà nước	1.222.368.291	39,29	12.223.682.910.000	12.223.682.910.000
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Incorporation (ANA)	175.014.530	5,62	1.750.145.300.000	1.244.386.980.000
Các cổ đông khác	247.588.267	7,96	2.475.882.670.000	1.780.991.050.000
	3.111.498.211	100	31.114.982.110.000	22.143.941.740.000

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

30. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Biến động của Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	672.472.277.345	489.269.505.788
Lợi nhuận thuần trong năm	402.930.285.897	393.470.738.731
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(21.871.153.922)	(9.276.851.226)
Chia lợi nhuận, cổ tức	(263.092.583.779)	(227.434.257.604)
Biến động khác	8.315.153.658	26.443.141.656
Số cuối năm	798.753.979.199	672.472.277.345

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	12.559.197.109.431	12.274.948.314.328
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	45.307.086.000.164	44.269.318.886.629
Sau năm năm	31.164.454.818.720	37.270.540.606.856
	89.030.737.928.315	93.814.807.807.613

Tài sản thuê hoạt động là máy bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm 57 chiếc, chi tiết như sau:

- Máy bay A321 – 10 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 NEO – 20 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350 – 14 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9 – 4 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-10 – 6 chiếc thuê khô; và
- Máy bay A320 NEO – 3 chiếc thuê khô.

Tài sản thuê hoạt động là động cơ có các khoản thanh toán tiền thuê phụ thuộc vào vòng đời và giờ bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm:

- Động cơ máy bay thuê dài hạn – 11 chiếc gồm, 1 động cơ máy bay A321 CEO, 4 động cơ máy bay A321 NEO, 3 động cơ máy bay A350 và 3 động cơ máy bay B787; và
- Động cơ máy bay thuê ngắn hạn – 30 chiếc gồm 9 động cơ máy bay A321 CEO, 8 động cơ máy bay A321 NEO, 4 động cơ máy bay A350, 6 động cơ máy bay B787 và 3 động cơ máy bay ATR72.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ngoại tệ các loại:

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	28.195.293	22.991.893
Bat Thái Lan	THB	22.292.932	12.293.717
Nhân dân tệ Trung Quốc	CNY	9.703.046	10.785.326
Đô la Singapore	SGD	281.612	782.872
Đô la Úc	AUD	3.264.945	1.398.106
Euro	EUR	6.921.881	3.318.875
Đô la Hồng Kông	HKD	1.965.832	1.769.547
Won Hàn Quốc	KRW	2.697.866.924	2.419.536.274
Yên Nhật	JPY	470.892.087	380.499.227
Macao Patacas	MOP	2.520	2.520
Đô la Đài Loan	TWD	12.414.952	8.666.575
Bảng Anh	GBP	3.441.459	3.185.398
Đô la Canada	CAD	9.845	439.455
Rúp Nga	RUB	68.020.261	587.025.997
Kíp Lào	LAK	54.053.175	2.007.606
Ringit Malaysia	MYR	957.663	413.440
Rupiah Indonesia	IDR	2.060.552.286	1.185.280.817
Franc Thụy Sĩ	CHF	10	10
Peso Philippines	PHP	11.616.927	39.185.201
Kyat Myanmar	MMK	434.897	96.444
Rupee Ấn Độ	INR	156.743.363	163.842.856

Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	111.801.242.465	100.479.380.837

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách, hàng hóa và bưu kiện, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Tổng Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách. Hoạt động này diễn ra tại Việt Nam và các nước trên thế giới. Trong năm 2025, Tổng Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó, Tổng Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Vận tải Hàng không	95.364.189.276.391	83.287.645.386.979
- Doanh thu vận chuyển hành khách, hành lý	85.302.354.116.686	73.925.345.111.447
- Doanh thu vận chuyển hàng hóa, bưu kiện	7.623.368.183.409	6.912.968.372.195
- Doanh thu cho thuê chuyên cơ, thuê chuyển	948.802.588.263	1.267.690.267.729
- Doanh thu vận chuyển hàng không khác	1.489.664.388.033	1.181.641.635.608
Hoạt động phụ trợ vận tải	5.136.760.091.280	3.993.654.325.857
Bán hàng	18.199.373.097.644	17.442.844.936.965
Khác	2.711.901.589.850	2.187.670.673.786
	121.412.224.055.165	106.911.815.323.587
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(205.342.280.143)	(215.921.444.112)
	(205.342.280.143)	(215.921.444.112)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.206.881.775.022	106.695.893.879.475

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.073.710.272.742	26.087.879.449.268
Chi phí nhân công	10.960.829.497.726	8.959.764.891.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.846.625.608.596	5.094.513.262.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.276.323.313.942	41.300.782.224.165
Trong đó:		
- Chi phí thuê máy bay	14.201.132.109.989	13.221.811.650.880
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	7.663.513.478.926	4.948.866.413.122
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	3.857.380.878.981	2.851.076.130.430
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	23.554.296.846.046	20.279.028.029.733
Chi phí khác	1.568.442.677.287	1.319.008.539.704
	95.725.931.370.293	82.761.948.366.822

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.080.573.980.424	1.034.091.145.196
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	328.474.690.125	56.239.266.175
Cổ tức lợi nhuận được chia	99.489.865.484	170.229.431.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.693.442.605	5.517.286.415
	1.515.231.978.638	1.266.077.129.286

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.925.151.323.714	2.529.608.833.787
Chi phí lãi vay	838.122.182.585	1.281.733.876.235
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	142.415.306.266	179.592.843.695
Chi phí tài chính khác	675.392.092.862	960.240.299.442
	3.581.080.905.427	4.951.175.853.159

37. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	863.396.621.996	715.184.673.894
Chi phí hoa hồng	1.380.841.778.362	957.811.043.544
Chi phí đặt vé giữ chỗ	1.937.279.064.741	1.638.462.737.084
Chi phí bán hàng khác	1.885.808.291.789	2.340.811.537.008
	6.067.325.756.888	5.652.269.991.530
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	1.036.236.861.425	815.144.426.512
Chi phí thuế	202.999.319.031	166.863.802.991
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.452.156.114.965	1.208.712.430.094
	2.691.392.295.421	2.190.720.659.597

38. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt thu được	95.447.632.182	66.799.547.557
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.557.339.785	569.303.776.906
Nhà cung cấp xóa nợ	-	4.710.966.556.316
Các khoản khác	194.893.633.322	151.111.431.889
	293.898.605.289	5.498.181.312.668

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

39. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt	20.463.062.398	253.978.193.250
Các khoản khác	19.110.337.405	27.074.651.738
	39.573.399.803	281.052.844.988

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.204.392.412.008	7.564.092.019.695
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.204.392.412.008	7.564.092.019.695
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.442.971.367	2.214.394.174
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.949	3.416

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	71.941.371.984	136.828.575.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	64.056.171.984	35.905.926.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	6.600.000.000	5.400.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	1.285.200.000	1.285.200.000
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	-	94.237.449.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.888.474.708	6.602.412.962
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	145.576.667.618	1.323.435.840
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	11.307.970.314	2.563.675.740
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	2.185.569.244	2.188.810.528
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	818.267.532	526.490.854

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng, sử dụng dịch vụ	2.294.463.153.436	2.797.929.498.560
Công ty Cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam	1.757.877.480.519	2.218.991.721.129
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	292.262.987.351	293.267.762.720
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	122.491.525.875	183.019.809.632
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	77.618.992.292	58.995.714.266
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	44.212.167.399	43.654.490.813
Tiền thưởng hao hụt nhiên liệu phải trả	-	17.656.217.996
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	-	15.738.971.407
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	-	1.917.246.589
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán		
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng	23.834.059.725	2.503.917.716
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	22.658.180.501	-
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	933.106.616	2.384.585.680
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	154.552.898	45.293.138
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	88.219.710	60.497.212
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	-	13.541.686
Phải thu khác	12.525.260.299	1.692.914.159.602
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	10.000.000.000	9.272.433.841
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	1.240.055.840	1.647.735.799.761
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	1.285.204.459	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	-	35.905.926.000
Trả trước cho người bán	17.908.111.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	17.908.111.000	-
Phải trả người bán	122.623.569.131	690.320.099.439
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	20.756.054.519	627.739.256.135
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	69.453.326.267	31.953.045.711
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	28.318.926.370	23.465.653.365
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	3.599.031.420	4.094.970.728
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	496.230.555	3.087.173.500
Chi phí phải trả	-	231.334.019.443
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	-	231.334.019.443
Phải trả khác	8.150.032.565	6.983.738.100
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	8.150.032.565	6.515.731.530
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	-	468.006.570

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.344.000.000	1.387.674.936
Ông Lê Trường Giang	Thành viên HĐQT	1.904.500.000	1.110.140.100
Ông Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	1.904.500.000	1.110.140.100
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên HĐQT	380.900.000	222.028.020
Ông Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT	380.900.000	222.028.020
Ông Hidekazu Isono	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025)	242.728.571	-
Ông Daisuke Suzuki	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025)	138.171.429	116.564.710
Ông Hiroyuki Kometani	Thành viên HĐQT	-	105.463.310
Bà Dương Thị Việt Thắm	Trưởng Ban kiểm soát	1.921.300.000	1.110.140.100
Bà Lê Trúc Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm soát	898.214.286	693.837.468
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên Ban kiểm soát	380.900.000	138.767.496
Ông Lê Hồng Hà	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	2.329.350.000	1.380.771.264
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1.904.500.000	1.110.140.100
Ông Lê Đức Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	1.904.500.000	1.110.140.100
Ông Nguyễn Thế Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1.904.500.000	1.110.140.100
Ông Đặng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.904.500.000	1.110.140.100
Ông Đinh Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.904.500.000	1.110.140.100
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	-	740.093.400
Ông Trần Văn Hữu	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 30 tháng 6 năm 2025)	915.871.429	-
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng (đến ngày 30 tháng 4 năm 2024)	-	370.046.700
Tổng cộng		23.263.835.715	14.258.396.124

42. CAM KẾT

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định đầu tư “Dự án đầu tư 50 tàu bay thân hẹp của Vietnam Airlines” với tổng mức đầu tư là 3.587.566.919 USD từ nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay. Trong đó, các tàu bay dự kiến được bàn giao và bắt đầu đưa vào khai thác trong giai đoạn từ năm 2030 đến năm 2032.

43. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Chuyển đổi Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP- Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (“VASCO”) sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn

Theo Nghị Quyết số 45/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc thành lập Công ty TNHH MTV VASCO, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương thành lập Công ty TNHH MTV VASCO trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không cũng như chủ trương và phương án góp vốn đầu tư vào VASCO.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B.09-DN/HN

Xung đột tại Trung Đông

Cuộc xung đột ở Trung Đông giữa Mỹ-Israel-Iran phát sinh từ ngày 28 tháng 02 năm 2026 tạo áp lực đáng kể đối với ngành vận tải hàng không bao gồm tăng thời gian đi các quốc gia Châu Âu, tăng chi phí nhiên liệu đầu vào, phí bảo hiểm... Tổng Công ty đang theo dõi sát sao diễn biến của tình hình địa chính trị tại Trung Đông và thực hiện triển khai các biện pháp phù hợp nhằm duy trì các đường bay kết nối hàng không các quốc gia, đảm bảo hoạt động giao thương, du lịch và đối ngoại của đất nước, cũng như duy trì các đường bay quan trọng nội địa để phục vụ đi lại của người dân trong nước.


Hồ Xuân Tâm
Người lập biểu


Trần Văn Hữu
Kế toán trưởng


Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2026

HÀNH



TỰ HÀO BA NĂM LIÊN TIẾP
TRẢI NGHIỆM 5 SAO XUẤT SẮC APEX



Annual Report **2025**



UNITY - RESILIENCE
GROWTH - BREAKTHROUGH



TOP 20

**THE WORLD'S
SAFEST AIRLINES FOR 2026**

SAFETY IS OUR CORE VALUE



01 MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS AND THE PRESIDENT & CEO

02	DEVELOPMENT, ORIENTATION AND STRATEGY	1. Key Strategic Objectives	14
		2. Medium and Long-Term Development Strategy	15
		3. Sustainable Development Goals and Orientations	16
		4. Risks	18

03	COMPANY OVERVIEW	
	1. General information	22
	2. Business lines and Business network	24
	3. Development history	26
	4. Corporate Governance and Organizational Structure	28
	5. Shareholder structure	38
	6. Key Highlights	40
	7. Awards and Accolades	48

04	BUSINESS PERFORMANCE	1. Key operational indicators	52
		2. Key financial indicators	56

05	ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS	
	1. Goals and Orientations	60
	2. Management Board Activities	64
	3. Plans and Strategic Direction of the Board of Directors	65



06	REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT ON BUSINESS RESULTS OF 2025	1. Overview of Business environment	68
		2. Performance in various functions	68
		3. Investment activities	130
		4. Financial situation	138
		5. Innovations in organizational structure and management policy	146
		6. Future development plans	146

07	SUSTAINABILITY REPORT	1. Sustainable development goals	148
		2. Gender equality initiatives	156

08 CORPORATE GOVERNANCE	1. Corporate governance structure	160
	2. Information and activities of the Board of Directors	161
	3. Activities of committees under the Board of Directors (BOD)	163
	4. Report of the Supervisory Board (SB)	166
	5. Internal transactions, remuneration and benefits	168
	6. Activities of Chief administrator, corporate secretary	169
	7. Investor relations	169

09 RISK MANAGEMENT 170

10

**AUDITED
CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENT**

176



ABBREVIATION

ASK	Available Seat Kilometers
AFTK	Available Freight Tonne Kilometers
BH	Block Hour
MOBOD/MOBOS	Members of Board of Directors/ Members of the Supervisory Board
OAE	Officers and employees
IT	Information Technology
JSC	Joint Stock Company
GSM	General Shareholders' Meetings
MC	Members' Council
BOD	Board of Directors
PA	Pacific Airlines Joint Stock Aviation Company
K6	Air Cambodia
PBT	Profit before tax
PAT	Profit after tax
LCC	Low Cost Carrier
RPK	Revenue Passenger Kilometers
RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers
PAB	Production and Business
LLC	Limited Liability Company
Parent company	Including Vietnam Airlines and VASCO
VNA Group	Vietnam Airlines and PA
Consolidated	Vietnam Airlines and subsidiaries, affiliates
AT	Air Transport
VNA JSC/VNA/Vietnam Airlines	Vietnam Airlines Corporation - JSC



"A mile"
is connecting
Vietnam to the world

Let Vietnam's spirit soar
to new horizons with Vietnam Airlines.



vietnamairlines.com

#CherishEveryMile

01

Message from the Chairman of the Board of Directors and the President & CEO

Message from THE CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



Mr. DANG NGOC HOA

Chairman of the Board of Directors

Dear Valued Shareholders, Esteemed Partners, and all staff members,

The year 2025 marks an important milestone in the development journey of Vietnam Airlines Joint Stock Company. Following a strong recovery phase, Vietnam Airlines has not only maintained its growth momentum but, more importantly, has begun to clearly shape the quality of its growth as a national flag carrier in an increasingly intense competitive landscape and amid a global economic and geopolitical environment that remains highly volatile and unpredictable.

For the full year 2025, Vietnam Airlines recorded consolidated revenue of VND 123,858 billion, an increase of 9.1% year-on-year and the highest level since its establishment. Consolidated profit after tax reached VND 7,607 billion, while total contributions to the State budget amounted to VND 3,291 billion. These results reflect not only positive business performance but also the strengthened financial foundation, improved resource efficiency, and continued commitment to its responsibilities to the national economy.

The year 2025 also witnessed significant expansion of Vietnam Airlines' international network, with 14 new and reopened routes connecting Vietnam to key markets across Europe, Northeast Asia, the Middle East, and Southeast Asia. This expansion represents more than scale growth; it demonstrates the airline's ability to seize market opportunities, optimize resource allocation, and further reinforce its role in maintaining Vietnam's global air connectivity. Operationally, Vietnam Airlines operated 156.3 thousand flights, carrying 25.6 million passengers and over 340 thousand tons of cargo-clear evidence that recovery momentum has been translated into stable operations and sustainable growth.

Alongside network expansion, Vietnam Airlines has continued to enhance service quality and customer experience in line with international standards. Initiatives implemented throughout the year have demonstrated a clear transition from recovery to strengthened competitiveness, aiming to deliver a more consistent and distinctive customer experience. The year 2025 also marked a notable improvement in Vietnam Airlines' international standing. In addition to strong financial and operational performance, the airline received more than 30 prestigious domestic and international awards, including three Certificates of Merit from the Prime Minister, reflecting its ongoing journey of recovery, innovation, and sustainable development.

At the beginning of 2026, Vietnam Airlines continues to be ranked among the Top 20 safest full-service airlines in the world by AirlineRatings, and has also been recognized for outstanding value-added products and services. These recognitions go beyond awards themselves, serving as clear evidence that the airline's recovery process has been translated into competitive credibility and an enhanced international brand position.

The most significant value of 2025 does not lie solely in positive financial figures, but in the fact that Vietnam Airlines has successfully navigated a period of volatility with greater resilience, a healthier financial structure, a clearer strategic direction, and stronger adaptability. This provides an important foundation for Vietnam Airlines to enter 2026 with a proactive yet prudent mindset, coupled with strong determination.

Looking ahead, the aviation industry is expected to continue facing significant challenges in 2026. Ongoing geopolitical tensions in the Middle East are placing upward pressure on fuel prices, directly impacting airline operating costs. In this context, Vietnam Airlines is proactively developing flexible operational scenarios, optimizing its network across key domestic and international routes, maintaining strict cost control, and improving fleet utilization.

In addition to responding to market uncertainties, Vietnam Airlines continues to affirm its role as the national flag carrier in maintaining connectivity, promoting trade, developing tourism, and advancing international economic integration. In line with the guidance of the Party and the Government, the airline aims to sustain double-digit growth in 2026, thereby contributing to macroeconomic stability and the country's sustainable development.

The journey ahead will undoubtedly present further challenges. However, with a strengthened foundation, a clear strategic direction, and a consistent spirit of innovation, Vietnam Airlines is confident in its ability to pursue sustainable growth, uphold its role as the national flag carrier, and make increasingly meaningful contributions to economic connectivity, cultural exchange, and the enhancement of Vietnam's position in the region and the world.

On behalf of the Board of Directors, I would like to express my sincere appreciation to our Shareholders, Partners and Employees for your continued companionship, support, and contributions to Vietnam Airlines' achievements over the past year.

Message from THE PRESIDENT & CEO



Mr. LE HONG HA
President & CEO



In 2025, the VNA JSC accelerated the improvement of its international route network with a selective and performance-oriented approach, focusing on key markets in **Europe, Northeast Asia, the Middle East, and Southeast Asia.**

Dear Valued Shareholders, Esteemed Partners, and all Officers and Employees,

The year 2025 marks a pivotal stage in the management and operational journey of Vietnam Airlines, as the organization transitions from a recovery phase to a new period of stable operations on a larger scale, with higher demands for efficiency and performance. In our executive role, we have focused on optimizing operational performance, enhancing service quality, and establishing a modern, integrated operational foundation across the entire system.

One of the key highlights of the year was the large-scale expansion of Vietnam Airlines' international network—the most extensive in our history. The launch and reinstatement of multiple routes not only increased overall capacity but also required a comprehensive restructuring of flight operations, fleet deployment, and resource planning. Our focus has not been expansion alone but ensuring efficiency on each route and each time slot, thereby strengthening sustainable performance across the entire network.

In parallel with operational expansion, 2025 also saw significant progress in enhancing customer experience. Vietnam Airlines introduced in-flight internet connectivity, empowering passengers to stay seamlessly connected throughout their journey. Digital solutions such as biometric check-in, the launch of Vietnam's first Check-in Lounge, and the expansion of the Lotus Lounge network have helped redefine the customer journey toward greater convenience and personalization. In addition, the development of an integrated ground service ecosystem—including service standards and brand identity elements such as the signature "LotuScent" fragrance forms part of our broader effort to deliver a consistent and seamless end-to-end customer experience.

From an operational perspective, we have continued to accelerate our digital transformation to enhance governance efficiency and service quality. The progressive digitalization of processes, the development of a centralized data platform, and the deployment of modern management tools have not only optimized resource utilization but also strengthened transparency and improved

decision-making capabilities across the organization. Sustainable development remains a core priority in our management approach. In 2025, Vietnam Airlines implemented a range of initiatives aimed at reducing environmental impact, including optimizing in-flight catering, minimizing single-use plastics, and improving flight operations to enhance fuel efficiency. These measures have delivered tangible outcomes in reducing emissions while also contributing to lower operating costs. At the same time, our gradual adoption of Sustainable Aviation Fuel (SAF), preparation for the CORSIA framework, and initiatives in reforestation and ecosystem restoration further reflect Vietnam Airlines' long-term commitment to aligning growth with environmental responsibility.

Corporate social responsibility activities have continued to be expanded in a practical and sustainable way. From healthcare and education initiatives to programs promoting gender equality, Vietnam Airlines remains committed to its role not only as a carrier, but also as a bridge that helps spread humanitarian values and contribute positively to the wider community.

Looking ahead to 2026, we expect operational demands to become more complex amid continued market volatility. Our priorities will therefore center on further enhancing operational efficiency, optimizing cost structures, and maintaining consistently high standards of service and customer experience. Greater flexibility in operational planning, deeper application of technology, and continued strengthening of operational capabilities will be essential for Vietnam Airlines to adapt effectively to the evolving environment and sustain its growth momentum.

With the strong commitment of our employees and the continued confidence of our Shareholders and Partners, the Executive Board reaffirms its determination to ensure that Vietnam Airlines operates safely, efficiently, and in accordance with leading international standards. In doing so, we remain focused on contributing sustainably to the long-term development and success of the Group in the years to come.

02

Development, orientation and strategy

01

Key Objectives

02

Medium and Long-Term Development Strategy

03

Sustainable Development Goals and Orientations

04

Risks

1. Key Objectives

- ✈️ Safety Culture: Achieve a Safety Culture maturity level approaching 5.0 – Generative from 2025, reflecting an advanced, proactive, and organization-wide safety mindset.
- ✈️ Market Positioning: Establish Vietnam Airlines as a Top 3 Full Service carrier in Southeast Asia in terms of scale and service capability.
- ✈️ Position Vietnam Airlines among the Top 10 most preferred airlines in Asia, strengthening regional brand recognition.
- ✈️ Consolidate 4-star service standards and progressively elevate toward 5-star airline certification, aligned with global Full Service benchmarks.
- ✈️ Digital Leadership: Maintain the role of Vietnam Airlines as a pioneering, digitally-driven national carrier, leading the digital transformation landscape of Vietnam's aviation industry and ranking among the top airlines in ASEAN in digital capability, with competitiveness on par with leading regional and global carriers.
- ✈️ Employer of Choice: Become one of the most preferred employers in the Vietnamese labor market, attracting and retaining high-quality talent.
- ✈️ Financial Resilience: Ensure liquidity and operational continuity; gradually strengthen and restore overall financial capacity; and secure adequate capital resources for business operations and investment activities.



2. Medium and Long-Term Development Strategy

- ✈️ Market Leadership: Maintain the VNA Group's leadership position in Vietnam's passenger aviation market.
- ✈️ Customer Experience: Achieve a Customer Satisfaction Index (CSI) above 4.0, and sustain an annual average Net Promoter Score (NPS) above 30 points, reflecting consistent customer trust and service quality.
- ✈️ Loyalty Program Development: Expand Lotusmiles into the most preferred loyalty program in Vietnam, and one of the leading programs in the Asia-Pacific region, targeting a membership base of over 15 million members.
- ✈️ Passenger Throughput: Achieve a total passenger throughput of 168 million for the 2026-2030 period, equivalent to an average annual growth rate of 9%. Cargo Volume: Reach 2.0 million tons of cargo transported on passenger flights during 2026-2030, achieving an average annual growth rate of 6.4%.
- ✈️ Financial Targets: Achieve approximately VND 640 trillion in total revenue and VND 29 trillion in profit before tax for the Parent Company during the 2026-2030 period, ensuring sustainable growth, financial stability, and continued value creation for stakeholders.



3. Sustainable Development Goals and Orientations

- ✧ As the National Flag Carrier of Vietnam, Vietnam Airlines is committed to formulating and implementing sustainable development plans and objectives to minimize environmental impacts while simultaneously driving economic growth. The Company's sustainable development plan may be implemented through initiatives such as reducing carbon emissions through aircraft fleet modernization programs, applying fuel-saving technologies, optimizing flight routes, reducing water consumption, and reducing plastic waste, etc. At the same time, as demand for sustainable travel options is increasingly growing, enterprises that integrate sustainable development objectives into economic objectives will attract more customers and, importantly, enhance corporate reputation. Thereby, customer loyalty is strengthened and future profits are increased, contributing to the enhancement and maintenance of competitive advantages in the aviation industry.
- ✧ Vietnam Airlines is committed to persistent efforts and continuously affirms the position and reputation of the Vietnam Airlines brand in the minds of Vietnamese customers and customers worldwide in order to deliver the best possible quality of products and services to customers, as well as to contribute to the overall development of the community and society. In addition to production and business activities, Vietnam Airlines also places special emphasis on contributing to the improvement of social welfare and joining hands in national development through community activities.
- ✧ Vietnam Airlines prioritizes environmental compliance by improving its organizational structure and internal regulations. At the same time, the Company continuously modernizes its aircraft fleet with new-generation aircraft types in order to reduce emissions, reduce noise, and limit negative impacts on the environment. As a member of the International Air Transport Association (IATA) and the SkyTeam alliance, Vietnam Airlines commits to accompanying the objectives of the global aviation industry in accordance with the orientations of the International Civil Aviation Organization (ICAO) and IATA, including fully implementing the Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation (CORSIA) when Vietnam officially participates from 2026, towards the target of net-zero emissions by 2050 (Net Zero 2050).
- ✧ Vietnam Airlines always aims to ensure a sustainable, fair, and safe working environment for employees. The Company consistently places a steadfast focus on investing in training and human resource development, creating favorable conditions for employees' personal and professional development. Vietnam Airlines respects and protects employees' rights, ensuring fair wages and reasonable welfare policies.

4. Risks

The period of 2024 - 2025 marks the post-pandemic phase, characterized by profound changes in the business environment and consumer behavior, under the impact of digital transformation, artificial intelligence, and big data. In this context, Viet Nam's aviation transport industry continues to face numerous risks, including increasing pressure related to environmental protection, macroeconomic volatility, risks arising from epidemics and natural disasters, inadequacies within the legal and regulatory framework, as well as increasingly intense international competition as the trend toward open skies continues to expand.

Economic Risks

Amid escalating geopolitical tensions, according to forecasts by the International Monetary Fund (IMF), global economic growth during 2025 - 2026 is projected to reach only 2.8 - 3.0%, significantly lower than the 2000 - 2019 average of 3.7%. Rising trade tensions may potentially restrain economic growth over the medium to long term. Meanwhile, the World Bank forecasts global growth to reach only 2.3% in 2025 and to recover only modestly during 2026 - 2027. External challenges include geopolitical conflicts and intensifying strategic competition among leading economies, increasing global economic fragmentation, persistent risks related to energy security and food security, global financial and monetary market risks, the slowdown of the Chinese economy, and climate change, all of which continue to slow the pace of global economic recovery.

Internal challenges include low credit growth despite declining interest rates, the lack of breakthrough progress in disbursement of economic recovery programs and public investment, ongoing difficulties faced by enterprises, significant challenges in restructuring state-owned enterprises and credit institutions, and rising non-performing loans. In addition, risks in the stock market, corporate bond market, and real estate sector require further time for resolution and stabilization.

Environmental Risks

The aviation industry is one of the sectors facing increasing pressure from environmental risks, as greenhouse gas emissions have become a global issue and emission reduction requirements are being increasingly tightened. Currently, aviation accounts for approximately 2% of total global CO₂ emissions and is forecasted to continue increasing in line with the growth of air transport demand, while many other economic sectors are gradually transitioning toward cleaner energy sources and low-emission technologies. Under this pressure, airlines are compelled to research and implement emission reduction solutions, including the use of sustainable aviation fuels and optimization of aircraft fleet structures, in order to minimize negative environmental impacts and respond to the market's growing demand for environmentally responsible consumption.

However, environmental mechanisms and policies at the international level currently remain subject to significant risks and uncertainties. A notable example is the Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation (CORSIA), which has not yet achieved full consensus, as several countries with large emission volumes and significant aviation market shares have not participated or have applied the scheme on a limited basis. This reduces the overall effectiveness of the mechanism and creates inconsistencies in environmental obligations among countries. Besides, other risks such as epidemics, natural disasters, and environmental catastrophes remain persistent and may occur suddenly, with the potential to directly and significantly affect travel demand. As a result, the aviation industry is often among the first and most severely impacted sectors when global shocks occur.

Competitive Risks

With respect to the European route network, although it is projected to maintain a positive growth rate, competitive pressure on these routes is increasing significantly, as airlines from the Middle East, Southeast Asia, and China have all implemented plans to increase capacity to Europe. The Australia and India markets are experiencing the strongest growth, which correspondingly leads to a significant increase in competitive intensity, as airlines continue to add capacity to these regions through the launch of new routes and increased flight frequencies.

With regard to the domestic market, competitive pressure is expected to intensify significantly from the beginning of the year, as airlines have announced fleet expansion plans as well as further expansion of their route networks.

Epidemic and Natural Disaster Risks

The aviation industry inherently faces risks arising from natural disasters and epidemics due to the nature of its operations, which are highly dependent on natural conditions and the movement of people. Extreme weather events, environmental disasters, or unpredictable epidemiological developments may occur suddenly, disrupting flight operations, restricting travel, and directly affecting transportation demand as well as the airlines' business performance.



03

Company overview

01

General information

02

Business lines and Business network

03

Development history

04

Governance Model, Business Organization and Management

05

Shareholder structure

06

Key Highlights

07

Awards and Accolades

1. General information

Full name in Vietnamese: **Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP**

Full name in English: **Vietnam Airlines JSC**

Headquarters address: **200 Nguyen Son Street, Bo De Ward, Long Bien District, Hanoi**

Telephone number: **024 38 732 732**

Fax: **024 38 722 375**

Website: **www.vietnamairlines.com**

Email: **nhadautu@vietnamairlines.com**

Business Registration Certificate of Joint Stock Company No. 0100107518 issued by the Ha Noi Department of Planning and Investment; registered for the 11th amended registration dated 30 October 2025.

Chartered capital:



VND 31,114,982,110,000

Stock code: **HVN**

Par value: **VND 10,000 per share**

Total number of outstanding shares: **3,111,498,211 shares**
(as of 31 December 2025).



2. Business lines and Business network

2.1. Business lines

The main business of Vietnam Airlines is air transportation of passengers, cargo, luggage, parcels, postal items, and mail.

Other business lines are conducted in accordance with the Certificate of Amendment to Business Registration dated 12 December 2025.

2.2. Business network

2.2.1. List of domestic branches/offices

- 1 Branch of Vietnam Airlines JSC - Vietnam region branch
- 2 Branch of Vietnam Airlines JSC in Tuy Hoa
- 3 Branch of Vietnam Airlines JSC in Chu Lai
- 4 Branch of Vietnam Airlines JSC in Dong Hoi
- 5 Branch of Vietnam Airlines JSC in Hai Phong
- 6 Branch of Vietnam Airlines JSC in Vinh
- 7 Branch of Vietnam Airlines JSC in Dien Bien
- 8 Branch of Vietnam Airlines JSC in Buon Me Thuot
- 9 Branch of Vietnam Airlines JSC in Nha Trang
- 10 Branch of Vietnam Airlines JSC in Quy Nhon
- 11 Branch of Vietnam Airlines JSC in Da Lat
- 12 Branch of Vietnam Airlines JSC in Hue
- 13 Branch of Vietnam Airlines JSC in Pleiku
- 14 Branch of Vietnam Airlines JSC in Can Tho
- 15 Branch of Vietnam Airlines JSC in Phu Quoc
- 16 Branch of Vietnam Airlines JSC in Rach Gia
- 17 Branch of Vietnam Airlines JSC in Thanh Hoa
- 18 Branch of Vietnam Airlines JSC - Vietnam Air Service Company (VASCO)
- 19 Branch of Vietnam Airlines JSC - Flight Training Center
- 20 Branch of Vietnam Airlines JSC in Hanoi
- 21 Branch of Vietnam Airlines JSC in Con Dao
- 22 Branch of Vietnam Airlines JSC in Ca Mau
- 23 Branch of Vietnam Airlines JSC – Lotusmiles
- 24 Airport Service and Operation Center (ASOC)
- 25 Heritage Magazine
- 26 Flight Crew 919
- 27 Cabin Crew

2.2.2. List of overseas branches/offices

- 1 Branch of Vietnam Airlines JSC in The United Kingdom
- 2 Branch of Vietnam Airlines JSC in Cambodia
- 3 Branch of Vietnam Airlines JSC in Siem Reap
- 4 Branch of Vietnam Airlines JSC in Taiwan
- 5 Branch of Vietnam Airlines JSC in Kaohsiung
- 6 Branch of Vietnam Airlines JSC in Germany
- 7 Branch of Vietnam Airlines JSC in Republic of Korea
- 8 Branch of Vietnam Airlines JSC in Busan
- 9 Branch of Vietnam Airlines JSC in Hong Kong
- 10 Branch of Vietnam Airlines JSC in Laos
- 11 Branch of Vietnam Airlines JSC in Luang Prabang
- 12 Branch of Vietnam Airlines JSC in Russia
- 13 Branch of Vietnam Airlines JSC in Malaysia
- 14 Branch of Vietnam Airlines JSC in The United States
- 15 Branch of Vietnam Airlines JSC in Myanmar
- 16 Branch of Vietnam Airlines JSC in Japan
- 17 Branch of Vietnam Airlines JSC in Osaka
- 18 Branch of Vietnam Airlines JSC in Fukuoka
- 19 Branch of Vietnam Airlines JSC in Nagoya
- 20 Branch of Vietnam Airlines JSC in France
- 21 Branch of Vietnam Airlines JSC in Singapore
- 22 Branch of Vietnam Airlines JSC in Thailand
- 23 Branch of Vietnam Airlines JSC in Australia
- 24 Branch of Vietnam Airlines JSC in Melbourne
- 25 Branch of Vietnam Airlines JSC in China
- 26 Branch of Vietnam Airlines JSC in Shanghai
- 27 Branch of Vietnam Airlines JSC in Guangzhou
- 28 Branch of Vietnam Airlines JSC in Chengdu
- 29 Branch of Vietnam Airlines JSC in Indonesia
- 30 Branch of Vietnam Airlines JSC in India
- 31 Branch of Vietnam Airlines JSC in Italy
- 32 Branch of Vietnam Airlines JSC in Philippines
- 33 Representative office in Europe



24 DOMESTIC BRANCHES



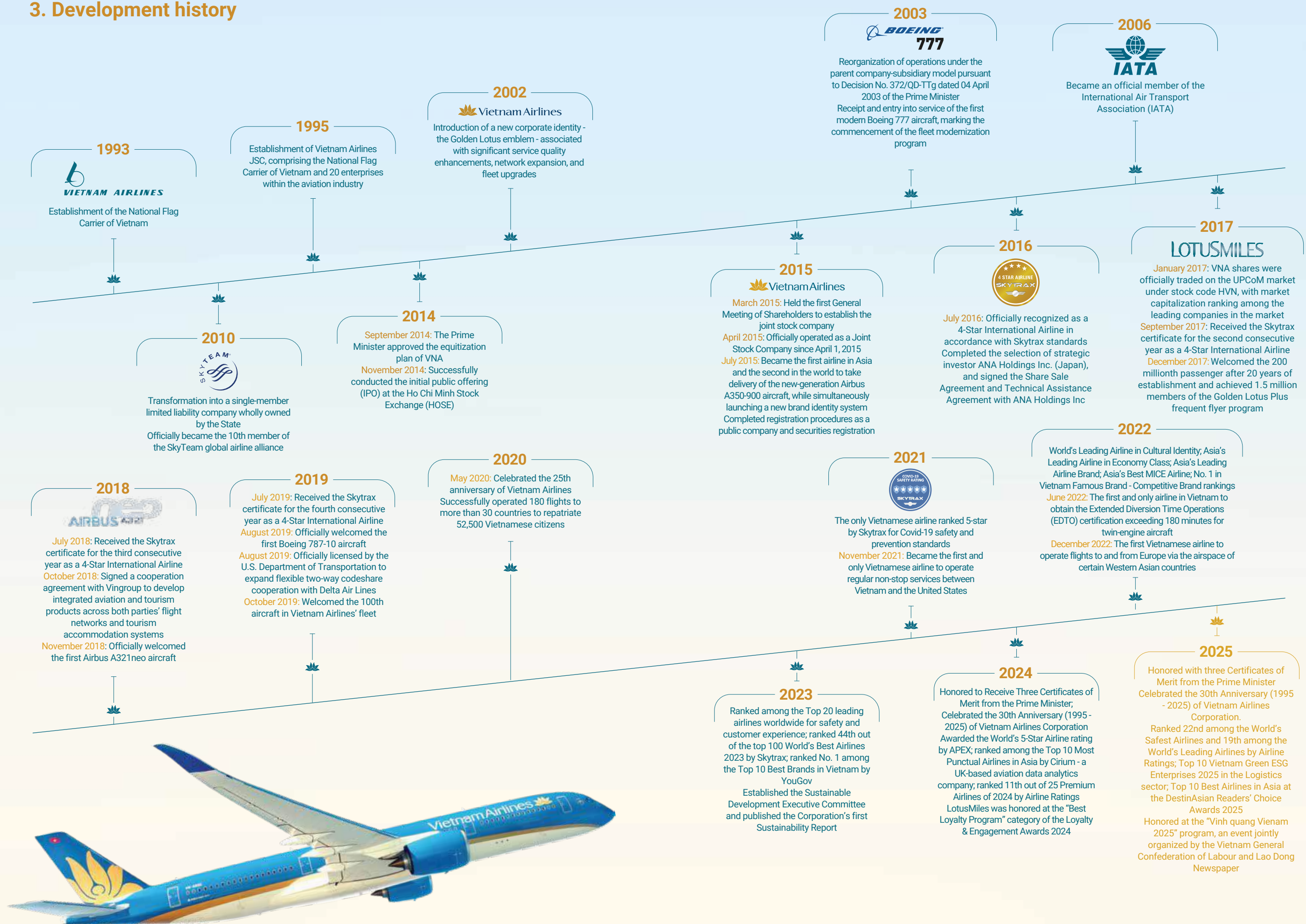
33 OVERSEAS BRANCHES AND REPRESENTATIVE OFFICES



03 OTHER DEPENDENT ACCOUNTING UNITS



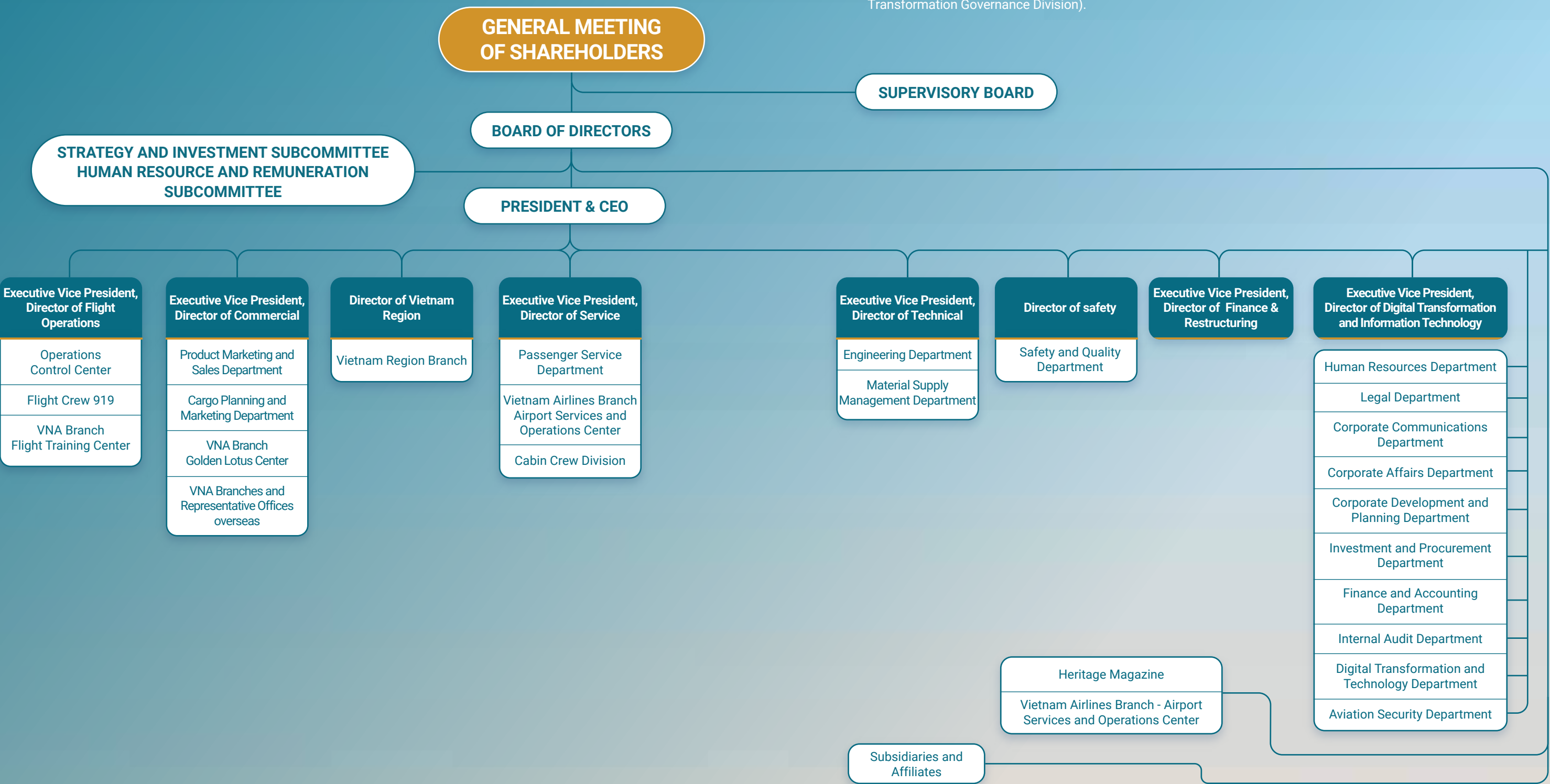
3. Development history



4. Governance Model, Business Organization and Management

4.1. Governance Model

- ✎ Vietnam Airlines is a joint-stock company with legal status in accordance with the prevailing laws of Vietnam.
- ✎ The organizational, governance, and supervisory structure of Vietnam Airlines includes:
 - ✎ General Meeting of Shareholders
 - ✎ Board of Directors
 - ✎ Supervisory Board
 - ✎ President & Chief Executive Officer
- ✎ Organizational structure chart as of 31 December 2025



- ✎ Changes to the organizational structure in 2025:
 - ✎ Establishment of the Italy Branch and reestablishment of the Philippines Branch
 - ✎ Organizational restructuring and streamlining, resulting in a reduction of 03 departments and 07 divisions, specifically: Merger of the Digital Marketing Department into the Marketing and Product Sales Department; Dissolution of the Information Technology Department and the Digital Transformation Center, and establishment of the Digital Transformation and Technology Department; Dissolution of the Restructuring Implementation Department (reducing 03 departments and 03 divisions). Adjustment to the organizational structure of the Investment & Procurement Department, the Aviation Services Department, the Planning & Development Department, and the Corporate Office, with each department reducing one division;
- ✎ Establishment of the Steering Committee for Science, Technology, Innovation, and Digital Transformation of the Corporation, and adjustment to the organizational structure of the Digital Transformation and Technology Department (including the establishment of the Innovation Division based on the former Digital Transformation Governance Division).

4.2. Introduction of the Leadership Team as of December 31, 2025

4.2.1. Board of Directors



Dang Ngoc Hoa

Position: Chairman of the Board of Directors

Other organizations: Chairman of the Strategy and Investment Subcommittee; Vice Chairman of the Viet Nam - China Friendship Association, 7th term (2023 - 2028); Member of the Executive Committee of the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI).

Year of birth: 1972

Joined Vietnam Airlines in: 1995

Qualifications: Master of Aeronautical Engineering.

Le Hong Ha

Position: Member of the Board of Directors and President & CEO

Other organizations: Member of the Council of Viet Nam Aviation Academy, term 2025 - 2030.

Year of birth: 1972

Joined Vietnam Airlines in: 1994

Qualifications: Bachelor of degree in Economics; Bachelor of degree in Law.



Ta Manh Hung

Position: Member of the Board of Directors

Other organizations: Chairman of the Members' Council of Vietnam Airport Ground Services Company Limited (VIAGS).

Year of birth: 1972

Joined Vietnam Airlines in: 1996

Qualifications: Master of degree in Management.

Le Truong Giang

Position: Member of the Board of Directors

Other organizations: Chairman of the Labor and Remuneration Subcommittee; Chairman of the Board of Directors of Tan Son Nhat Cargo Services Joint Stock Company (TCS); Member of the Executive Committee of the Vietnam Rowing Federation, 3rd term 2022 - 2027.

Year of birth: 1967

Joined Vietnam Airlines in: 1993

Qualifications: Master of Business Administration.



Dinh Viet Tung

Position: Member of the Board of Directors

Other organizations: Deputy General Director of SCIC; Chairman of the Board of Directors of LICOGI Corporation; Chairman of the Board of Directors of Bao Minh Corporation.

Year of birth: 1974

Joined Vietnam Airlines in: 2021

Qualifications: Master of degree in Finance and Banking.

Truong Van Phuoc

Position: Member of the Board of Directors (Independent member)

Other organizations: Member of the Scientific Council of the Standing Committee of the National Assembly.

Year of birth: 1959

Joined Vietnam Airlines in: 2021

Qualifications: Doctorate in Finance, Monetary Circulation and Credit.



Hidekazu Ison

Position: Member of the Board of Directors

Other organizations: Executive Vice President in charge of Strategy, ANA Holdings.

Year of birth: 1969

Joined Vietnam Airlines in: 2025

Qualifications: Bachelor of degree in Economics.

4.2.2. The Board of Management



Le Hong Ha

Position: Member of the Board of Directors and President & CEO

Other organizations: Member of the Council of Viet Nam Aviation Academy, term 2025 - 2030.
Year of birth: 1972
Joined Vietnam Airlines in: 1994
Qualifications: Bachelor of degree in Economics; Bachelor's degree in Law.

Nguyen Chien Thang

Position: Executive Vice President

Other organizations: Chairman of the Members' Council of Vietnam Aircraft Engineering Company Limited (VAECO); Vice Chairman of the Board of Directors of Viet Nam Aviation Leasing Joint Stock Company (VALC).
Year of birth: 1972
Joined Vietnam Airlines in: 1995
Qualifications: Master of degree in Aeronautical Engineering.



To Ngoc Giang

Position: Executive Vice President

Other organizations: Director of Flight Crew 919; Chairman of the Board of Directors of Viet Flight Training Joint Stock Company (VFT); Vice Chairman of the Viet Nam - France Friendship and Cooperation Association, 7th term (2022 - 2027); Member of the Executive Committee of the Viet Nam - United Kingdom Friendship Association, term 2025 - 2030.
Year of birth: 1970
Joined Vietnam Airlines in: 1995
Qualifications: Master of Science, Pilot.

Nguyen The Bao

Position: Executive Vice President

Other organizations: Director of Vietnam Branch.
Year of birth: 1973
Joined Vietnam Airlines in: 1994
Qualifications: Master of degree in Political Economy.



Dang Anh Tuan

Position: Executive Vice President

Other organizations: Chairman of the Board of Directors of Aviation Informatics and Telecommunications Joint Stock Company (AITS).
Year of birth: 1973
Joined Vietnam Airlines in: 1992
Qualifications: Master of Business Administration; Master of Public Administration.

Dinh Van Tuan

Position: Executive Vice President

Other organizations: Chairman of the Board of Directors of Pacific Airlines Joint Stock Company (PA).
Year of birth: 1970
Joined Vietnam Airlines in: 1996
Qualifications: Master of degree in Development Economics.



Le Duc Canh

Position: Executive Vice President

Other organizations: Chairman of the Board of Directors of Vietnam Airport Aviation Services Joint Stock Company (NASCO).
Year of birth: 1972
Joined Vietnam Airlines in: 1997
Qualifications: Master of Business Administration.

4.2.3. Chief Accountant



Tran Van Huu
Position: Chief Accountant - Director of Finance and Accounting

Year of birth: 1974
Joined Vietnam Airlines in: 1996
Qualifications: Master of degree in Economics.

4.2.4. Supervisory Board

Duong Thi Viet Tham
Position: Director of the Supervisory Board

Year of birth: 1971
Joined Vietnam Airlines in: 1993
Qualifications: Bachelor of degree in Accounting.





Nguyen Thi Hong Loan
Position: Member of the Supervisory Board

Other organizations: Manager Director of the General Planning Division - SCIC.

Year of birth: 1979
Joined Vietnam Airlines in: 2021
Qualifications: Master of Business Administration.

Le Truc Quynh
Position: Member of the Supervisory Board

Year of birth: 1993
Joined Vietnam Airlines in: 2023
Qualifications: Master of degree in Accounting and Finance.



4.2.5. Chief Administrator - Corporate Secretary



Kim Thi Thu Huyen
Position: Chief Administrator - Corporate Secretary;
Concurrently Deputy Director of Corporate Affairs Department

Year of birth: 1972
Joined Vietnam Airlines in: 1996
Qualifications: Master of Business Administration.

4.3. The Board subcommittees

- Strategy and Investment Subcommittee**

 - ⊗ **Dang Ngoc Hoa**, Chairman of the Board of Directors - Chairman
 - ⊗ **Le Hong Ha**, Member of the Board of Directors cum President & CEO - Member
 - ⊗ **Ta Manh Hung**, Member of the Board of Directors - Member
 - ⊗ **Le Truong Giang**, Member of the Board of Directors - Member
 - ⊗ **Le Duc Canh**, Executive Vice President - Member
 - ⊗ **Tran Van Huu**, Chief Accountant, Director of Finance and Accounting
 - ⊗ **Nguyen Thanh Binh**, Director of Investment and Capital Management Division - Member
 - ⊗ **Nguyen Van Thanh**, Deputy General Manager of the General Affairs Department, Corporate Office - Secretary
- Human Resources and Remuneration**

 - ⊗ **Le Truong Giang**, Member of the Board of Directors - Chairman
 - ⊗ **Nguyen Chien Thang**, Executive Vice President - Member
 - ⊗ **Vu Dinh Thuy**, Director of Human Resources Department
 - ⊗ **Tran Thi Thuy Linh**, Deputy General Manager of Remuneration and Policy Division, Human Resources Department

4.4. List of Subsidiaries and Affiliates as of December 31, 2025

4.4.1. List of Subsidiaries

Unit: million VND

No.	Subsidiaries	Abbreviated Name	Address	Business lines	Actual Charter Capital	VNA Ownership (%)
1	Vietnam Airlines Engineering Limited	VAECO	Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi	Maintenance, and repair of aircraft, engines, and spare parts	1,093,117	100.00
2	Vietnam Air Petrol Limited	SKYPEC	202 Nguyen Son, Bo De Ward, Hanoi	Airline fuel supply	800,000	100.00
3	Vietnam Airlines Caterers Limited	VACS	Tan Son Nhat International Airport, Tan Son Hoa Ward, HCMC	Airline catering services	85,448	100.00
4	Vietnam Airport Ground Services	VIAGS	49 Truong Son, Tan Son Hoa Ward, HCMC	Ground, technical, and commercial services	250,000	100.00
5	Pacific Airlines	PA	112 Hong Ha, Tan Son Hoa Ward, HCMC	Aviation transportation	3,522,081	98.84
6	Noi Bai Cargo Terminal Services	NCTS	Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi	Air cargo services	261,669	55.13
7	Tan Son Nhat Cargo Services Limited JSC	TCS	46 - 48 Hau Giang, Tan Son Nhat Ward, HCMC	Air cargo services	93,726	55.00
8	Tan Son Nhat Cargo Services and Forwarding Limited	TECS	6 Thang Long, Tan Son Nhat Ward, HCMC	Air cargo services	51,430	51.00
9	Vinako Forwarding Company Limited	VINAKO	49 Truong Son, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh	Forwarding, logistics, warehousing services	8,578	65.05
10	Noi Bai Catering Services JSC	NCS	Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi	Airline catering services and related services	179,491	60.17
11	Noi Bai Airport Services JSC	NASCO	Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi	Support services in aviation and related services	83,158	51.00
12	Viet Flight Training JSC	VFT	117 Hong Ha, Tan Son Hoa Ward, HCMC	Pilot training	66,000	51.52
13	Aviation Information and Telecommunications JSC	AITS	412 Nguyen Van Cu, Bo De Ward, Hanoi	IT and telecommunications services	58,032	52.73
14	Aviation Labor Supply Joint Stock Company	ALSUCO	200 Nguyen Son, Bo De Ward, Hanoi	Labor supply services	10,000	51.00
15	Sabre Vietnam JSC	SABRE VN	200 Nguyen Son, Bo De Ward, Hanoi	Services related to the distribution of the Sabre system and call system	5,200	51.69

4.4.2. List of Affiliates

No.	Affiliates	Abbreviated Name	Address	Business lines	Actual Charter Capital	VNA Ownership (%)
1	Vietnam Aircraft Leasing JSC	VALC	6th Floor, 18 Ly Thuong Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi	Purchase, Lease, and sublease of aircraft	63,315,837 USD	32.48
2	Da Nang Airport Service JSC	MASCO	Da Nang International Airport, Hoa Cuong Ward, Da Nang City	Air catering services, direct support services for air transportation	42,677 million VND	36.11
3	General Aviation Import-Export JSC	AIRIMEX	414 Nguyen Van Cu, Bo De Ward, Hanoi	Import and distribution of aircraft spare parts and airport ground equipment	31,113 million VND	41.31
4	Aviation High-Grade Plastic JSC	APLACO	200 Nguyen Son Alley, Bo De Ward, Hanoi	High-grade plastic	44,708 million VND	30.41

4.4.3. List of others

No.	Others	Abbreviated Name	Address	Business lines	Actual Charter Capital	VNA Ownership (%)
1	Air Cambodia	K6	206A, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Basac, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	Air cargo and passenger transportation	14,000,000 USD	14.00
2	Saigon Posts & Telecommunications Service Joint Stock Corporation	SPT	10 Co Giang, Cau Ong Lanh Ward, HCMC	Posts, Telecommunications and Information Technology	4,315 million VND	0.36

5. Shareholder structure

5.1. Stock Information

Type of share	Common share
Par value	VND 10,000 / share
Total number of outstanding shares	3,111,498,211 shares
Total number of listed shares	3,111,498,211 shares

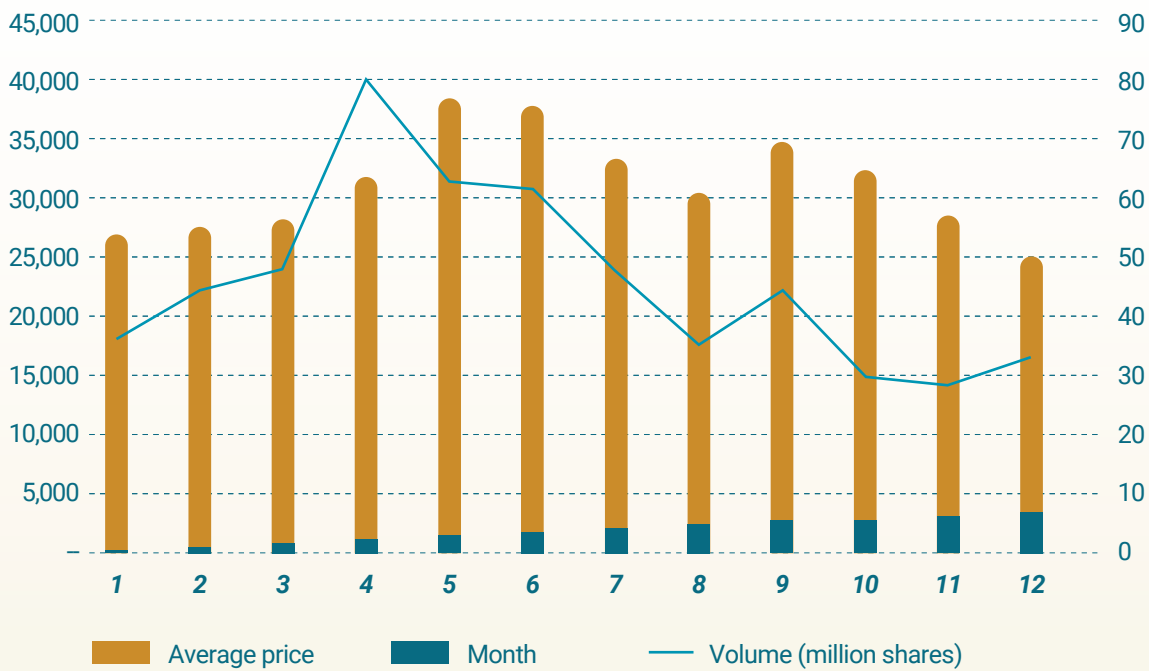
5.2. Shareholder structure

No.	Shareholders	Number of shares	Ownership (%)	Number of shareholders
1	Domestic	2,821,700,084	90.69	26,604
1.1	Individual	93,230,143	3.00	26,558
1.2	Institution	2,728,469,941	87.69	46
	Ministry of Finance	1,222,368,291	39.29	1
	State Capital Investment Corporation (SCIC)	1,466,527,123	47.13	1
	Other	39,574,527	1.27	44
2	Foreign	289,798,127	9.31	599
2.1	Individual	2,606,328	0.08	546
2.2	Institution	287,191,799	9.23	53
	ANA Holdings Inc.	175,014,530	5.62	1
	Other	112,177,269	3.61	52
	Total	3,111,498,211	100.00	27,203

List of major shareholders (ownership above 5%)

No.	Shareholders	Number of shares	Ownership (%)
1	Ministry of Finance	1,222,368,291	39.29%
2	State Capital Investment Corporation (SCIC)	1,466,527,123	47.13%
3	ANA Holdings Inc.	175,014,530	5.62%

Chart of HVN share price fluctuation in 2025



5.3. Changes in Owner's Equity

Capital increases since establishment, including public offerings:

Unit: VND

No.	Time	Value	Chartered capital	Form of Capital Increase
1	April, 2015		11,198,648,400,000	
2	July, 2016	1,076,689,380,000	12,275,337,780,000	Private placement to foreign investors
3	December, 2018	1,907,570,690,000	14,182,908,470,000	Offering of shares to existing shareholders
4	September, 2021	7,961,033,270,000	22,143,941,740,000	Offering of shares to existing shareholders
5	December, 2025	8,971,040,370,000	31,114,982,110,000	Offering of shares to existing shareholders

6. Key Highlights

1 - Vietnam Airlines unveiled the "Lac Bird" special livery aircraft



18/04/2025

On the occasion of its 30th anniversary (1995 - 2025) and in anticipation of major national celebrations in 2025, Vietnam Airlines officially unveiled a Boeing 787-9 Dreamliner, registration VN-A868, featuring a special livery inspired by the Lac Bird. The Lac Bird is a sacred symbol of Vietnamese culture, closely associated with the nation's origins, history, and enduring aspirations. The design conveys Vietnam Airlines' commitment to preserving cultural identity while pursuing long-term sustainable development and global reach.

2 - Vietnam Airlines officially transferred all domestic flights to Tan Son Nhat Terminal T3

13/05/2025

Vietnam Airlines announced that from 17 May 2025, the airline would officially relocate all domestic flight operations to Terminal T3 at Tan Son Nhat International Airport. This transition aims to enhance service quality, streamline passenger processes, and improve the overall travel experience. At the same time, the move contributes to the broader objective of developing Tan Son Nhat into a dynamic aviation hub of regional significance in Asia.



3 - Flight Attendant Uniforms Through the Years



20/05/2025

Vietnam Airlines recreated its cabin crew uniforms from different historical periods on selected special flights between Hanoi and Ho Chi Minh City, Da Nang, Hue, Singapore, Incheon (Republic of Korea), and Haneda (Japan). Passengers were able to experience a vivid journey through time, reflecting the airline's evolution in service style and brand identity. The activity formed part of the 30th anniversary celebration series, honoring the airline's history, national brand image, and three decades of development alongside the country.

4 - 30th Anniversary Ceremony of Vietnam Airlines

01/06/2025

Marking three decades of continuous growth and contribution to the nation, the 30th anniversary ceremony of Vietnam Airlines (1995 - 2025) was held as a meaningful occasion for generations of employees to look back on a proud and emotional journey. The event reaffirmed the airline's core values, corporate culture, and determination to continue flying higher and farther in the future, contributing to national connectivity and international integration.



5 - Vietnam Airlines welcomed its 350 millionth passenger

09/07/2025

Vietnam Airlines organized a ceremony to welcome its 350 millionth passenger, who traveled on flight VN1541 from Hanoi to Hue and landed at 9:00 a.m. on 9 July 2025. The event coincided with the 65th anniversary of Vietnam Tourism Day and in celebration of National Tourism Year 2025. This milestone highlighted Vietnam Airlines' key role in connecting regions, promoting tourism, and supporting socio-economic development nationwide.



6 - 6th Party Congress of Vietnam Airlines Party Committee, term 2025 - 2030

15/07/2025

Held under the motto **"Unity – Resilience – Aspiration – Breakthrough,"** the 6th Party Congress of the Vietnam Airlines Party Committee marked an important milestone for the Corporation. The Congress reviewed the achievements and lessons of the 2020–2025 term while setting strategic directions and development goals for the 2025–2030 period. It demonstrated strong political determination to build a clean, strong Party organization capable of leading Vietnam Airlines toward sustainable growth and deeper international integration.



7 - "Taking Pride in Vietnam" commemorative flights for the 80th National Day (September 2nd)

26/08/2025

In celebration of the 80th anniversary of the August Revolution and National Day on September 2nd, Vietnam Airlines organized a series of special activities under the theme "Taking Pride in Vietnam". Implemented on selected flights between Hanoi and Ho Chi Minh City, the program connected passengers with historical milestones and fostered a strong sense of national pride, reflecting the airline's role not only in transportation but also in promoting cultural and national spirit.



8 - Vietnam Airlines' Highlights at the National Achievements Exhibition "80 Years of the Journey for Independence - Freedom - Happiness"

26/08/2025

Vietnam Airlines participated in the exhibition "80 Years of the Journey for Independence - Freedom - Happiness" with a 1,500 cubic meter exhibition space, recreating its 30-year development journey closely linked with the nation's history. Inspired by an immersive flight experience, the space was designed around five thematic journeys-from origins, services, and people to technology and the future. Visitors could experience check-in procedures, the Lotus Lounge, a simulated cockpit, a modern passenger cabin, and virtual reality technologies. The exhibition also showcased the airline's operational capabilities, commitment to sustainable development, and reaffirmed its international standing.



9 - "Touching Hanoi's Autumn" tourism promotion campaign

23/09/2025

The "Touching Hanoi's Autumn" campaign formed part of Vietnam Airlines' long-term strategy to promote Hanoi as an attractive cultural and tourism destination in the region and worldwide. The initiative was implemented under a cooperation agreement between Vietnam Airlines and the City of Hanoi for the 2025 - 2030 period, aiming to support sustainable socio-economic development and enhance the brand image of the capital.



10 - Vietnam Airlines officially launched the “Nhã” (LotuScent) signature fragrance ecosystem

20/11/2025

The “Nha” (LotuScent) fragrance ecosystem marked the full-scale implementation of scent branding across the entire customer journey, from check-in lounges and Lotus Lounges at airports to onboard cabin spaces. This milestone represents a significant step in enhancing customer experience and achieving the five-star service standards that Vietnam Airlines targets to achieve by 2030.



11 - Launch of Check-in Lounge service at Tan Son Nhat International Airport

15/10/2025

Vietnam Airlines officially introduced the Check-in Lounge service at Terminal T3 - Tan Son Nhat International Airport. This service, introduced for the first time in Vietnam, is exclusively designed for premium customer segments, including VIP and CIP passengers, Million Miler (MM) members, Platinum-tier Lotussmiles members, and Business Class passengers.



12 - Vietnam Airlines pioneered commercial operations at Long Thanh International Airport

19/12/2025

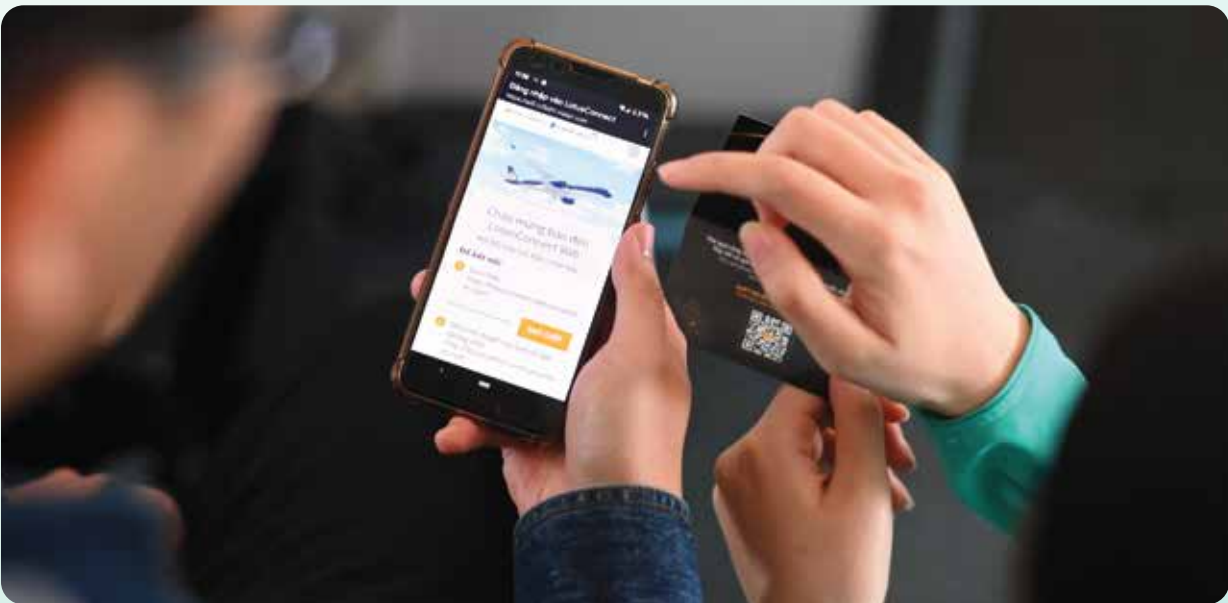
The first commercial passenger flight operated by Vietnam Airlines officially landed at Long Thanh International Airport, marking a significant milestone in bringing Vietnam’s most modern gateway airport into operation. The event demonstrated the airport’s high level of readiness and effective coordination among relevant authorities and service providers, paving the way for official commercial operations.



13 - Vietnam Airlines officially launched in-flight Internet service

25/12/2025

After a successful trial period, Vietnam Airlines officially launched in-flight Internet connectivity across its flights. The service allows passengers to remain connected throughout the journey through messaging, image sharing, web browsing, and email. This initiative enriches customer experience and supports the airline’s digital transformation, contributing to its objective of achieving international five-star airline status before 2030.



7. Awards and Accolades

Prime Minister's Commendation



- ✎ Certificate of Merit from the Prime Minister for outstanding achievements in innovating governance capacity, enhancing production and business efficiency, and contributing to the country's socio-economic development

Frequent traveler awards



- ✎ Best Airline for Elite Frequent Flyer Privileges in Asia-Pacific Region 2025
- ✎ Asia-Pacific Airline of the Year 2025

Airline Ratings



- ✎ Top 25 Safest Airlines in the World
- ✎ Top 25 Best Airlines in the World
- ✎ Sustainability Award

APEX



- ✎ Apex Five Star™ Major Airlines

Skytrax



- ✎ Top 100 World's Best Airlines 2025

World Travel Awards



- ✎ Asia's Leading Airline Brand
- ✎ Asia's Leading Inflight Magazine

Campaign Asia



- ✎ Top 10 Travel Brands in Southeast Asia
- ✎ Top 50 Leading Brands in Asia
- ✎ Top 10 Leading Brands in Vietnam

Loyalty Engagement Awards 2025



- ✎ Silver Award - "Best Loyalty Strategy Rewards & Incentives"

Van Xuan Awards 2025



- ✎ Vietnam Creative Advertising Awards - Outstanding Brand Repositioning Campaign Category
- ✎ Vietnam Creative Advertising Awards - First Prize, Television Category

04

Business performance

01

Key operational indicators

02

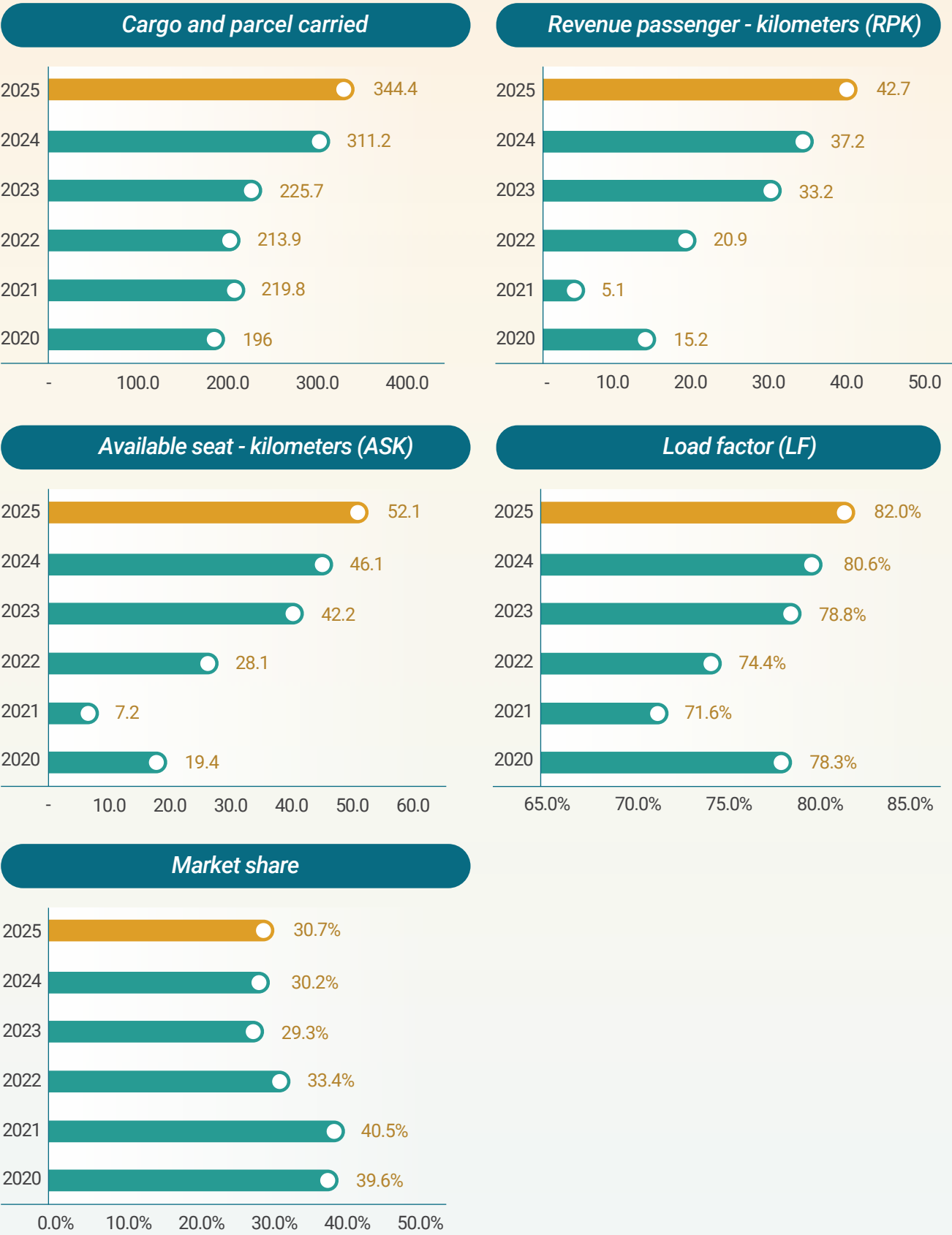
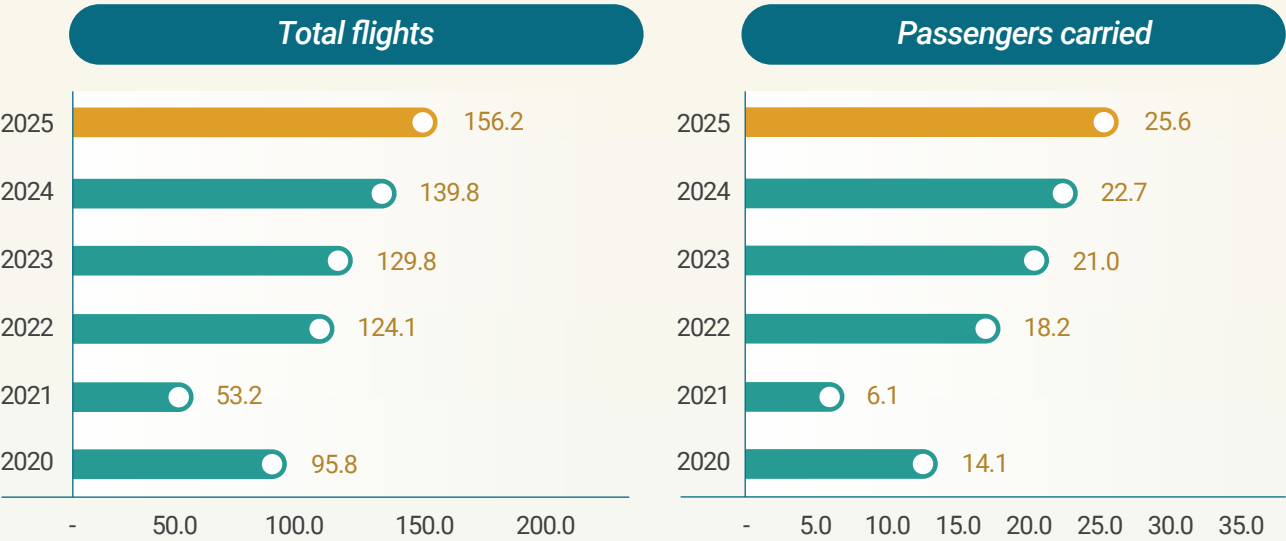
Key financial indicators

1. Key operational indicators

1.1. Vietnam Airlines data (VNA and VASCO)

Updated data 2020 - 2025

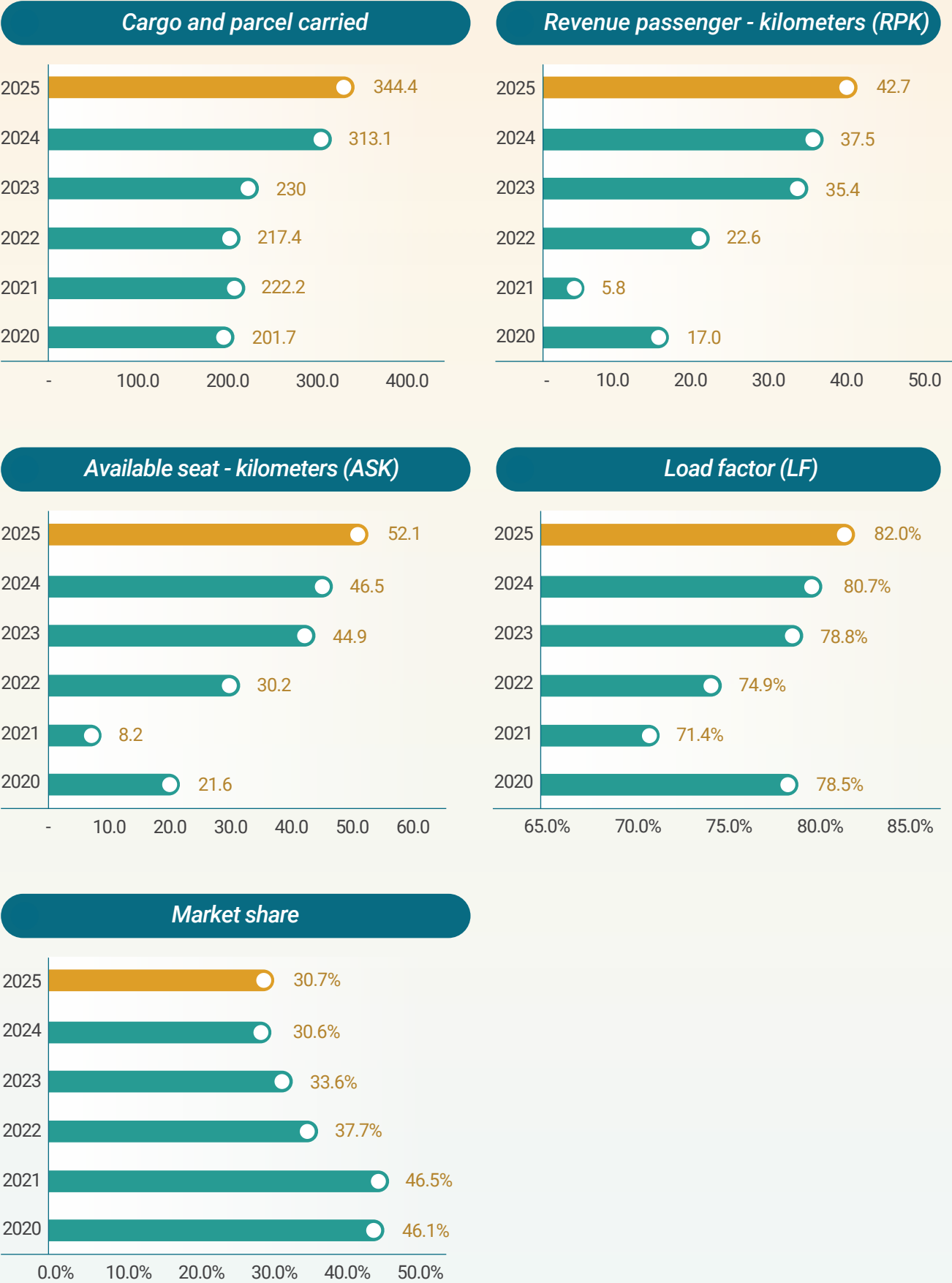
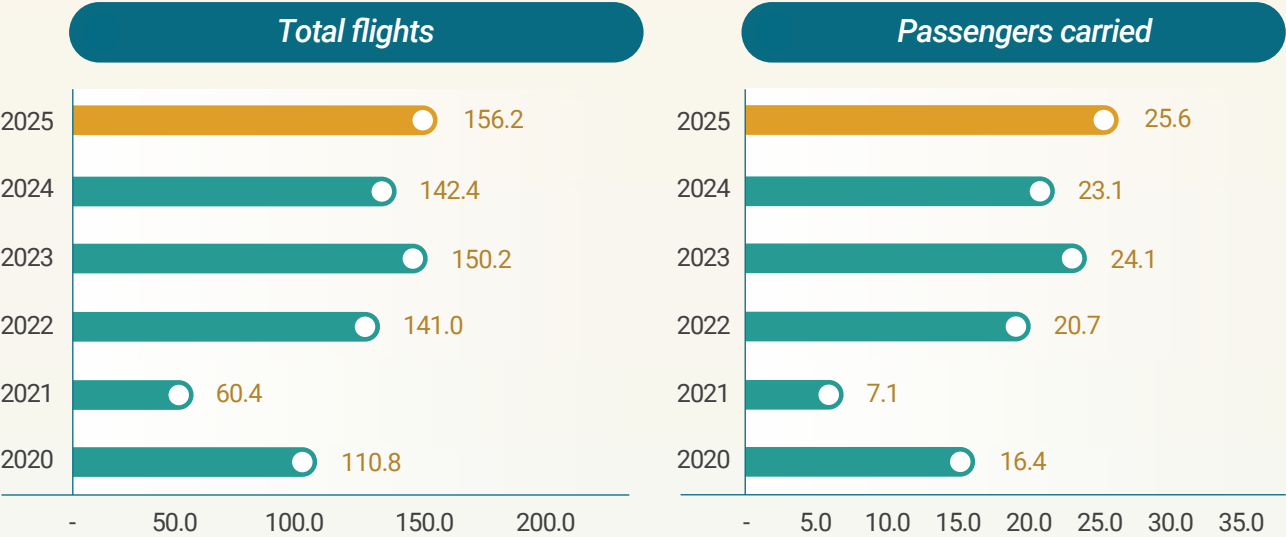
Metric	Unit	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Total flights	Thousand (one-way)	95.8	53.2	124,1	129.8	139.8	156.2
Passengers carried	Million	14.1	6.1	18.2	21.0	22.7	25.6
Cargo and parcel carried	Thousand tons	196	219.8	213.9	225.7	311.2	344.4
Revenue passenger kilometers (RPK)	Billion passengers km	15.2	5.1	20.9	33.2	37.2	42.7
Available seat-kilometers (ASK)	Billion seats km	19.4	7.2	28.1	42.2	46.1	52.1
Load factor (LF)	%	78.3%	71.6%	74.4%	78.8%	80.6%	82.0%
Market share	%	39.6%	40.5%	33.4%	29.3%	30.2%	30.7%



1.2. VNA Group data (VNA, VASCO and PA)

Updated data 2020 - 2025

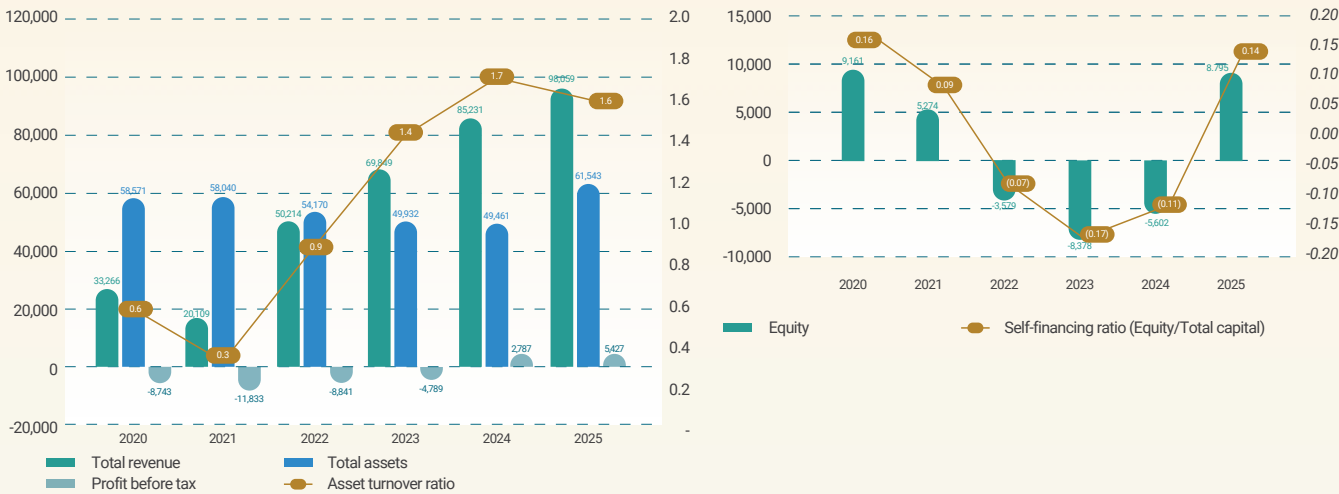
Metric	Unit	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Total flights	Thousand (one-way)	110.8	60.4	141.0	150.2	142.4	156.2
Passengers carried	Million	16.4	7.1	20.7	24.1	23.1	25.6
Cargo and parcel carried	Thousand tons	201.7	222.2	217.4	230	313.1	344.4
Revenue passenger kilometers (RPK)	Billion passengers km	17.0	5.8	22.6	35.4	37.5	42.7
Available seat-kilometers (ASK)	Billion seats km	21.6	8.2	30.2	44.9	46.5	52.1
Load factor (LF)	%	78.5%	71.4%	74.9%	78.8%	80.7%	82.0%
Market share	%	46.1%	46.5%	37.7%	33.6%	30.6%	30.7%



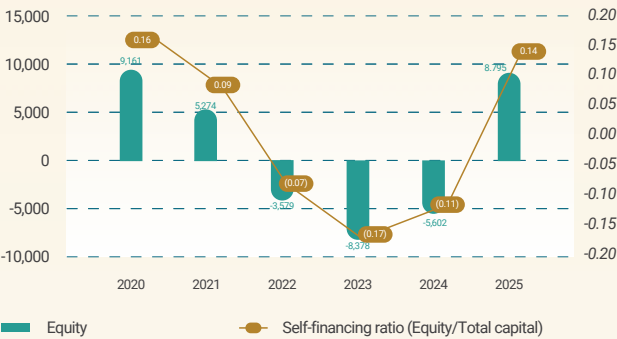
2. Key financial indicators

2.1. Parent Company

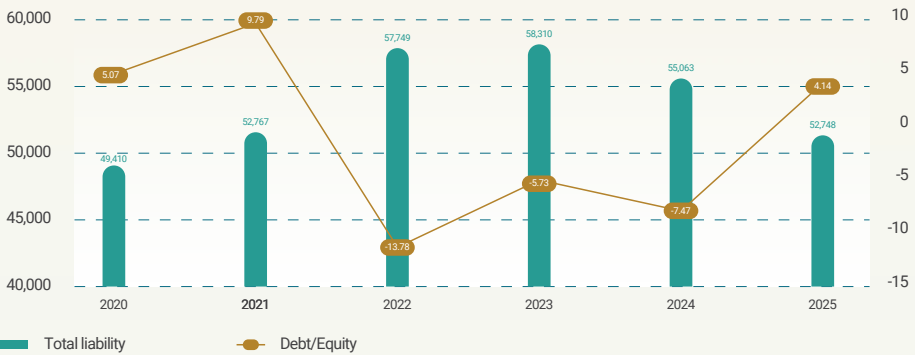
Total revenue, total assets, profit before tax, and asset turnover ratio



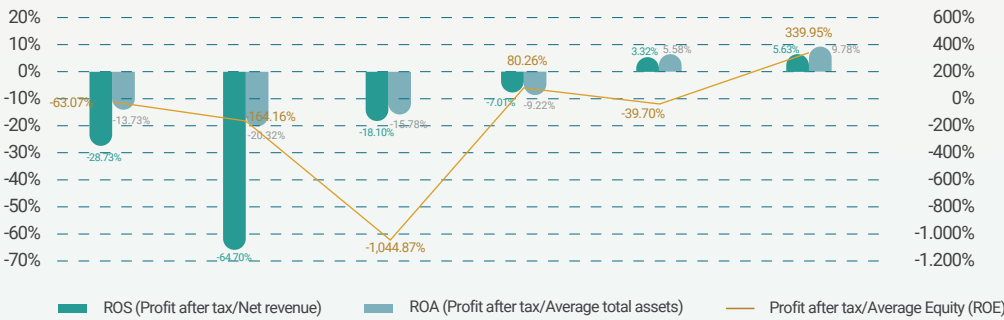
Capital autonomy



Total liability and debt ratio

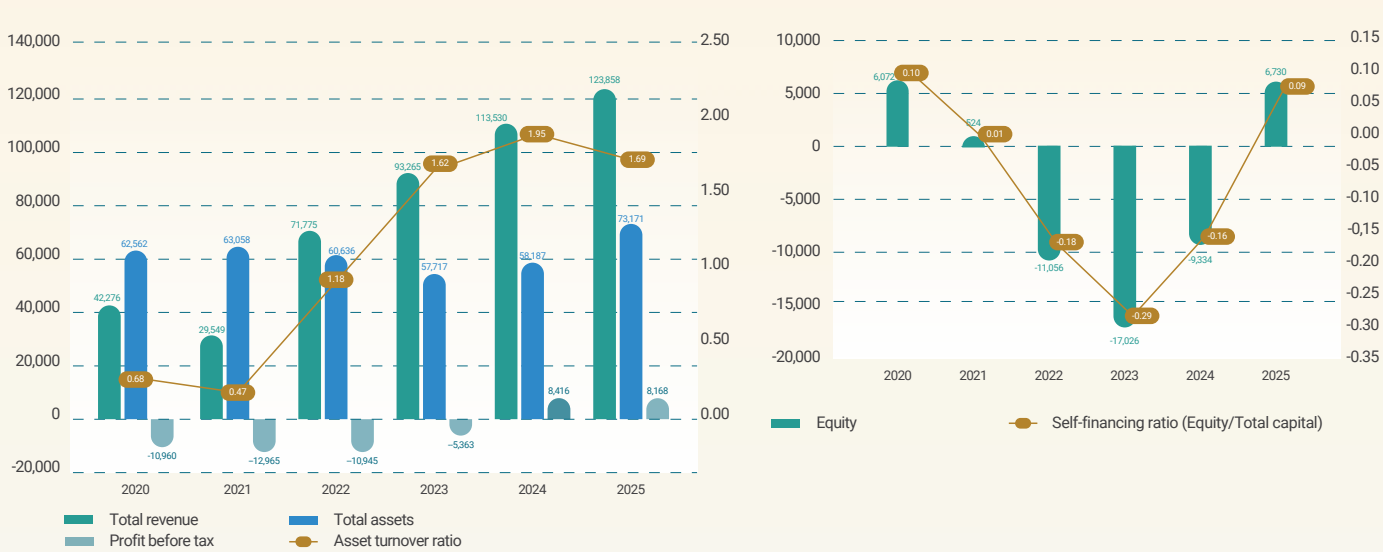


Profitability

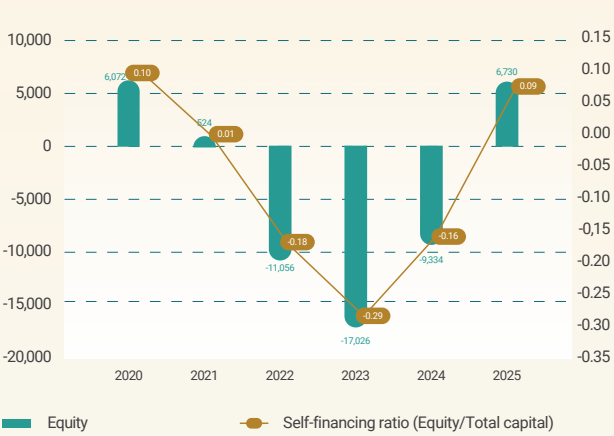


2.2. Consolidated financial statements

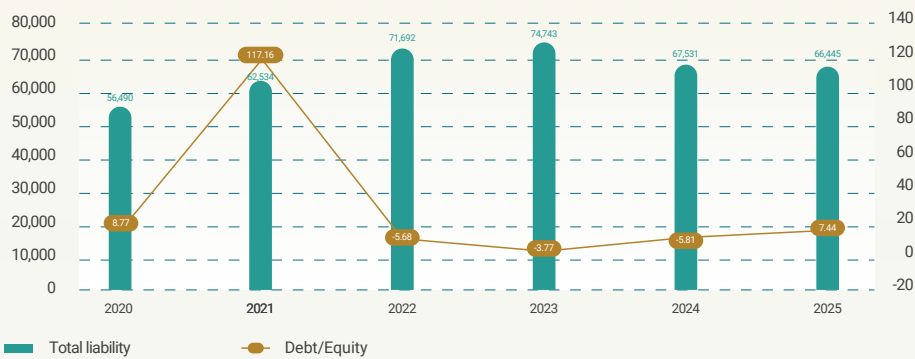
Total revenue, total assets, profit before tax, and asset turnover ratio



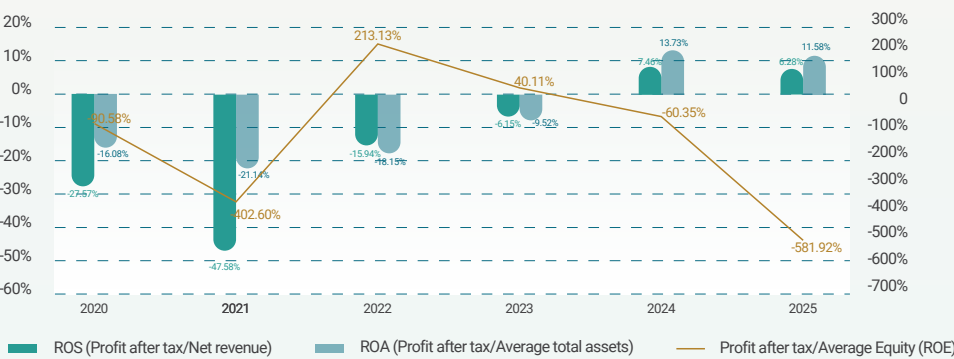
Capital autonomy



Total liability and debt ratio



Profitability



05

Assessment of the Board of Directors

01

Vietnam Airlines' Areas of Operation

02

Management Board Activities"

03

Plans and Strategic Direction of the Board of Directors

1. Vietnam Airlines' Areas of Operation

1.1. VNA business activity

- ☒ Successfully organized two (02) General Meetings of Shareholders, including both the annual and extraordinary sessions, to approve matters within the authority and regulations of the General Meeting.

Business and operational activities:

- ☒ In 2025, the Board of Management implemented operational management measures aligned with market conditions, ensuring absolute safety in flight operations, while continuing to enhance service quality and strengthen governance capabilities.
- ☒ Regularly monitored market developments, reviewed products to provide recommendations and operational solutions; flexibly adjusted product offerings based on the objectives of maintaining market share, improving efficiency, and balancing aircraft resources, historical slots, and confirmed slots. Expanded the international network to multiple countries such as Italy, Russia, China, India, Japan, and South Korea through the restoration and launch of numerous routes. Proactively managed capacity allocation and applied market-aligned commercial policies, focusing resources on consolidating market share on key routes, thereby maintaining VNA Group's leading position in the domestic market. Strengthened fare and inventory management, expanded online sales channels, continued improving aircraft utilization, and proactively implemented slot management tools. Enhanced service quality and customer experience through comprehensive upgrades of ground and in-flight products and services such as check-in lounge services, zoned boarding, self check-in, biometric processing, improvements to Lotus Lounge facilities, a complete refresh of in-flight catering, diversified in-flight entertainment content, and the rollout of the signature scent program. Ensured effective operational control and scheduled maintenance across the fleet, maintaining the aircraft readiness level (ARL) at 95%, equivalent to many leading global airlines.
- ☒ At the same time, the VNA JSC continued to manage workforce policies in a flexible manner consistent with production scale; intensified pilot recruitment and training to ensure a balanced and sustainable human resource structure. Utilized seasonal and foreign cabin crew effectively. Adjusted compensation policies flexibly in line with business performance.



- ☒ In 2025, the VNA JSC continued to strengthen governance, optimize costs, and improve resource efficiency, especially aircraft assets to enhance business performance. Average aircraft utilization reached 11.8 block hours per aircraft per day, up 12% year-on-year and 1.2% above plan. Cost optimization solutions were estimated to yield savings of approximately VND 1,200 billion.

- ☒ The VNA JSC received numerous prestigious awards, including: "Top 25 Best Airlines in the World," "Top 25 Safest Airlines in the World," and "Best Premium Economy Class" by Airline Ratings; "Top 10 Best Airlines in Asia" and "Top 10 Airlines for Best Cabin Classes" by DestinAsian; and several leading Asian awards for brand excellence, loyalty programs, and inflight magazines by the World Travel Awards. These recognitions reflect the Corporation's constant efforts and serve as well-deserved acknowledgement of the dedication and aspiration to reach new heights.

- ☒ With air transport results outperforming early-year expectations, the VNA JSC was able to balance cash flows to ensure payment of items serving production and business operations, strengthen cash reserves for potential contingencies, and proactively arrange gradual repayment of debts incurred during the Covid-19 period. The Corporation completed the procedures for issuing shares to increase charter capital in Phase 1 in accordance with Resolution No. 174/QH-15, thereby supplementing charter capital and cash flows by VND 8,971 billion. As of the end of 2025, the VNA JSC is expected to have no short-term borrowings outstanding and to have substantially settled overdue payables to suppliers for which repayment schedules were agreed in 2025. The clear improvement in financial position and the enhancement of governance and management practices across multiple aspects will contribute to creating a more solid foundation for Vietnam Airlines to continue its financial recovery and achieve sustainable development in subsequent periods.



1.2. Results of implementing the Resolution of the General Meeting of Shareholders

⊗ Business Performance

Based on the decisions of the General Meeting of Shareholders (GMS), the Board of Directors supervised and instructed the Board of Management to implement business and operational solutions consistently from the beginning of 2025, focusing on ensuring business continuity and sustainable recovery. The specific results are as follows:

- ⊗ **The route network was fully restored and continued to expand in 2025:** with 72 international routes (an increase of 14 routes year-on-year) to 38 destinations across 21 countries, and 41 domestic routes (an increase of 2 routes year-on-year) to 22 destinations across all airports nationwide.
- ⊗ **Operating volume exceeded the plan:** in 2025, VNA operated 156.2 thousand flights and carried 25.6 million passengers, representing an increase of 3.1% compared to the approved plan and an increase of 12.8% year-on-year. Cargo volume reached 340.7 thousand tonnes, falling short of the plan by 1.0% but increasing by 10.2% compared to the same period. Operational efficiency improved significantly, with average daily utilization reaching 11.8 flying hours per aircraft, up 8% year-on-year and 1% higher than the plan.
- ⊗ **Service quality:** continued to receive investment, moving toward the goal of becoming a 5-star airline. In an increasingly competitive aviation market, passenger experience has evolved from a supporting element into a core competitive advantage. Recognizing this, Vietnam Airlines continued to invest comprehensively in ground services, in-flight services, digital transformation, and personalized customer experiences.
- ⊗ **Positive financial performance:** Amid favorable developments in the air transport market in 2025, together with effective management efforts and the determined implementation of solutions to enhance production and business efficiency and profitability, the VNA JSC continued to record positive production and business results in 2025, specifically:
 - ⊗ **Parent Company:** Revenue reached VND 98,059 billion, representing an increase of 16.1% year-on-year and exceeding the 2025 target approved by the General Meeting of Shareholders by 5.1%. Profit before tax amounted to VND 5,427 billion, up 94.7% year-on-year and surpassing the plan by 30.2%.
 - ⊗ **Consolidated:** Consolidated revenue totaled VND 123,858 billion, up 9.8% year-on-year and exceeding the plan by 6.1%. Consolidated profit before tax reached VND 8,168 billion, exceeding the plan by 47.1% and achieving 97.1% of the prior year's figure (the decrease is attributable to the recognition of over VND 4,700 billion in income from debt write-off in 2024).

⊗ Remuneration for the Board of Directors and Supervisory Board

The remuneration for the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025 was implemented in accordance with the GMS Resolution.

⊗ Status of Restructuring under the 2021 - 2025 Restructuring Plan

The Restructuring Plan of Vietnam Airlines for the period up to the end of 2025 was approved by the Board of Directors under Resolution No. 1122/NQ-HDQT-TCTHK dated 02 July 2025, pursuant to the authorization of the GMS in Resolution No. 02/NQ-DHDCD dated 28 June 2022 and Resolution No. 04/NQ-DHDCD dated 25 June 2025. Overall, the VNA JSC has fulfilled the overarching objectives of the Restructuring Plan, reaffirming its position as the National Flag Carrier and a core transportation force contributing to connectivity, socioeconomic development, and national security and defense.

The VNA JSC proactively implemented comprehensive internal measures across all areas:

- ⊗ **Asset restructuring to modernize technology, improve liquidity, and enhance debt-servicing capacity:** During 2021 - 2025, in addition to aircraft and spare engine sales/sale and leaseback (SLB) transactions, the VNA JSC proactively and flexibly adjusted aircraft sales/SLB plans to align with actual operational requirements and the evolving aircraft leasing market amid the strong post Covid-19 pandemic recovery of the aviation industry.
- ⊗ **Restructuring and divesting certain non-core investments while developing an ecosystem aligned with new market conditions:** The VNA JSC restructured its investment portfolio toward the core business of air transportation and complementary services within the aviation value chain (aircraft maintenance, ground services, catering, logistics, fuel). Investments outside the core business or no longer aligned with strategic objectives were gradually divested according to plan. This reinforced core capabilities, enhanced professionalism and operational efficiency, and strengthened the integrated ecosystem within the VNA Group.
- ⊗ **Capital restructuring to address negative equity:** Pursuant to GMS approval, the VNA JSC implemented and completed the charter capital increase in 2025 through a share issuance, with 897,104,037 shares successfully issued (equivalent to 99.68% of the total offered). Charter capital increased by VND 8,971 billion, reaching VND 31,115 billion. Together with consecutive profitable results in 2024 - 2025, the Parent Company and consolidated equity as of 30 September 2025 were no longer negative, thereby strengthening financial fundamentals and improving the VNA's capital autonomy.
- ⊗ **Organizational streamlining to enhance operational efficiency and competitiveness based on modern technology and international governance standards while ensuring employee income and welfare:** The VNA JSC reduced managerial layers, consolidated overlapping units, accelerated digital transformation, applied advanced governance principles, and reinforced internal control. These efforts optimized resource utilization, improved governance efficiency, and increased agility in management. Overall, organizational restructuring delivered positive outcomes, strengthening competitiveness and operational effectiveness. In general, the synchronized implementation of the Restructuring Plan has formed an essential foundation for improving financial capacity, repositioning development strategy, and establishing a solid platform for sustainable recovery and growth in the years ahead.
- ⊗ **Narrow-Body Fleet Investment Project**

As part of the fleet development strategy for 2025 - 2035 with a vision toward 2040, the investment plan for 50 narrow-body aircraft is one of the key pillars to enhance operational capacity, modernize the fleet, and expand the VNA JSC's scale. The investment targets short and medium-haul network expansion in core markets such as Southeast Asia, Northeast Asia, and domestic routes where passenger demand is growing rapidly alongside increasingly intense competition.

The project not only enables VNA to improve operational efficiency, achieve fuel savings, and reduce greenhouse gas emissions, but also represents an important step toward realizing the long-term sustainable development objectives of Vietnam's National Flag Carrier.

The narrow-body fleet under the Project will be deployed primarily on domestic and international routes with medium traffic density and flight durations of less than five hours, meeting the growing passenger transport demand in the region. The fleet configuration is structured into two categories equivalent to the A321 and A320 aircraft families, ensuring compatibility with existing infrastructure and supporting the Corporation's flexible operational strategy.

The Board of Directors issued Resolution No. 770/NQ-HDQT and Decision No. 966/QD-HDQT/TCTHK dated 17 May 2025, approving the feasibility study report and the investment project for 50 narrow-body aircraft. This approval formed the basis for the VNA JSC to proceed with the aircraft supplier selection process. Boeing was selected as the supplier, and negotiations were promptly conducted, leading to the signing of a contract for the purchase of 50 B737-8 aircraft with Boeing on 31 May 2025, with scheduled deliveries during the period 2030 - 2032.

⊗ Assessment of the Implementation of Mandates Assigned by GMS Resolutions in Previous Years

⊗ Regarding the policy on divesting six (06) ATR72 aircraft, replacing them with a regional jet fleet

The 2021 GMS approved the policy on divesting six (06) ATR72 aircraft. However, in the context where the upgrade of Con Dao Airport (the primary airport served by the ATR fleet) has not yet had a specific implementation plan, and operational demand has changed, the VNA JSC will continue operating the ATR aircraft until the end of 2026 and will implement the divestment in alignment with the progress of the Con Dao Airport upgrade.

⊗ Regarding the policy on divesting nine (09) A321 CEO aircraft

The VNA JSC completed the divestment of three (03) aircraft in 2024. Due to increasing prices and limited supply in the aircraft leasing and sales market, the divestment of the remaining six (06) aircraft will be temporarily deferred in order to ensure sufficient operational capacity and resources for subsequent operating periods.

2. Management Board Activities

- ⊗ In 2025, the Board of Management effectively implemented management measures to ensure that business and operational activities were aligned with market conditions, maintained high efficiency, and upheld absolute safety in flight operations.
- ⊗ The Board of Management strictly executed all Resolutions and Decisions issued by the Board of Directors (BOD), closely and prudently managing business operations with a high sense of responsibility, overcoming challenges, and continuously enhancing professional and modern governance capabilities to fulfill all assigned tasks in the best interests of the VNS JSC and its shareholders.
- ⊗ Monthly, the President & CEO reported the VNA JSC's business performance at BOD meetings. Quarterly, the President & CEO reported the execution progress of BOD Resolutions/Decisions.
- ⊗ The Board of Management fully complied with reporting requirements throughout the implementation of BOD instructions and sought BOD guidance on issues beyond the decision making authority of the President & CEO. The Board of Management also worked regularly with departments and units to review and promptly resolve difficulties arising in business operations, ensuring flexible and timely management responses appropriate to each period.
- ⊗ As the President & CEO concurrently serves as a member of the BOD, communication between the Board of Management and the BOD is highly coordinated and frequent. Accordingly, oversight of the Board of Management's business performance is carried out continuously, ensuring timely support and strategic direction from the BOD.



3. Plans and Strategic Direction of the Board of Directors

The VNA JSC has established the following key objectives, orientations, and priorities for 2026:

- ⊗ **Meet the double-digit growth target set by the Prime Minister** under Decision No. 14/CT-TTg dated 28 May 2025 on the development of the 2026 socio-economic plan and state budget estimate, while ensuring alignment with national socio-economic development objectives and long-term sustainable-growth orientations toward 2030.
- ⊗ **Improve business performance**, and swiftly address financial impacts carried over from the Covid-19 period, with the goal of eliminating accumulated losses during 2026 - 2030.
- ⊗ **Continue optimizing resource utilization**, enhancing fleet efficiency across aircraft types and individual aircraft, ensuring effective fleet utilization, proper scheduled maintenance, improved flight-schedule management, and no allocation of standby aircraft, thereby maximizing fleet productivity.
- ⊗ **Continue organizational restructuring**, streamline and optimize business processes, ensure adequate pilot, cabin crew, and engineering resources for high-volume operations, and strengthen the training and development of managerial personnel.
- ⊗ **Ensure domestic capacity supply** meets market demand, prioritize resources to maintain market share on key domestic routes, and study and expand international routes to better serve passenger mobility and connectivity needs.



06

Report and Assessment of the Board of Management on Business Performance in 2025

01

Overview of business environment

02

Performance in various functions

03

Investment activities

04

Financial situation

05

Innovations in organizational structure and management policy

06

Future development plans

1. Overview of business environment

In 2025, the global macroeconomic environment continued to face significant uncertainties. The global economic and geopolitical landscape remained highly complex, characterized by prolonged geopolitical tensions such as the ongoing Russia - Ukraine conflict, conflicts between Israel and Iran, armed clashes between Thailand and Cambodia, civil unrest in Indonesia, etc. In addition, developments in U.S. tariff policies remained complicated, while the U.S. Federal Reserve (FED) implemented interest rate cuts at a slower pace than previously anticipated.

Moreover, the United States and Europe intensified stricter visa control measures, which exerted a considerable adverse impact on the aviation market in general.

Conversely, the domestic macroeconomic environment presented more favorable conditions. Vietnam’s economy continued to maintain relatively strong growth, remaining among the world’s high-growth economies. In addition, Vietnam consistently ranked as a favored destination across various international travel magazines, forums, and tourism awards and rankings. The international aviation market rebounded strongly and recorded impressive growth, alongside the launch of numerous new routes compared to 2024.

The domestic aviation market also demonstrated growth momentum, particularly during peak periods such as the Lunar New Year holiday, the April 30-May 1 public holidays, and the summer peak season, with passenger demand concentrated on major trunk routes such as Ha Noi-Da Nang, Ho Chi Minh City-Da Nang, as well as key tourism routes. In the final months of the year, the market generally maintained stable growth compared to the same period of the previous year.

Challenges related to input cost factors, including elevated fuel prices, unfavorable exchange rates, supply chain disruptions, aircraft shortages, as well as ongoing difficulties in aircraft components and spare parts supply, showed no signs of significant improvement. These challenges are expected to persist into 2026, thereby continuing to pose considerable difficulties to the VNA JSC’s business operations.

2. Performance in various function

2.1. Route network

In 2025, the VNA JSC further expanded its international route network to multiple countries, including Denmark, Italy, Russia, China, India, the Republic of Korea, and countries across Southeast Asia... Notably, during 2025, the VNA JSC restored and launched a total of 14 new routes, marking a record-high number of new routes opened within a single year. As of the reporting date, the VNA JSC’s international network comprised 72 international routes serving 38 destinations across 21 countries, while the domestic network included 41 routes connecting all 22 airports nationwide.

Summary of route network statistics, domestic and international (directly operated)

Year 2025	Destinations		Route Network	
	Domestic	International	Domestic	International
Parent company	22	38	41	72
Passenger airline subsidiaries (PA)	10	0	13	0

(Data as of December 2025)



International flight network



Vietnam Airlines offers codeshare services on 20 domestic French routes to/from Paris operated by SNCF.

Domestic flight network

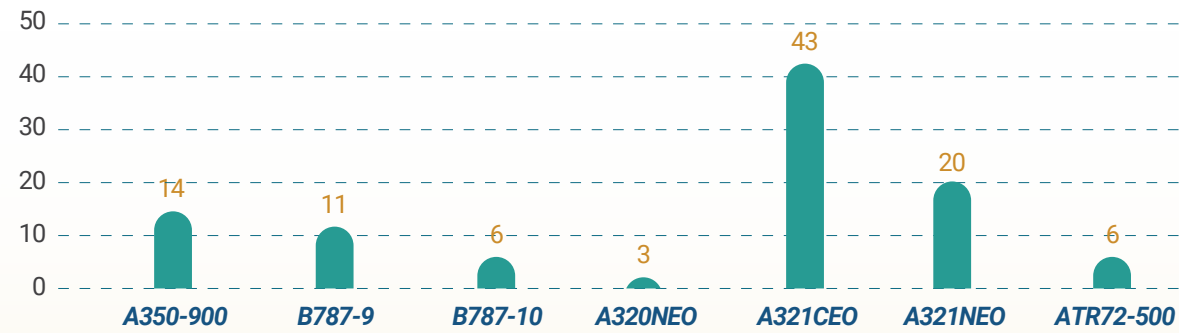


Asian network



2.2. Fleet

2.2.1. Fleet structure as of 31 December 2025



2.2.2. Fleet data as of 2025/12/31

Aircraft type	As of December 31, 2025			Note
	Leased	Owned	Total	
TurboProp	0	6	6	Aircraft propeller with turbine engine, 68 seats
ATR72-500	0	6	6	Including 01 dry-lease aircraft to K6
Narrow-body aircraft	33	33	66	(From 178-203 seats)
A320NEO	3	0	3	
A321CEO	10	33	43	Including 03 dry-lease aircraft to PA
A321NEO	20	0	20	
Wide-body aircraft	24	7	31	(From 274-367 seats)
A350-900	14	0	14	
B787-9	4	7	11	
B787-10	6	0	6	
Total	57	46	103	

2.2.3. Fluctuations in aircraft in 2025

Aircraft type	As of December 31, 2024	As of December 31, 2025	Fluctuations	Note
A350-900	14	14	0	
B787-9	11	11	0	
B787-10	6	6	0	
A320NEO	3	3	0	
A321CEO	43	43	0	Including 03 dry-lease aircraft to PA
A321NEO	20	20	0	
ATR72-500	6	6	0	Including 03 dry-lease aircraft to K6
Total	103	103	0	

⊗ Fleet development plan for the 2026 - 2030 period (average fleet size per year, including passenger and cargo aircraft).

VNA (VN+0V)	2026	2027	2028	2029	2030
Wide-body aircraft	66	79	91	99	107
Narrow-body aircraft	30	31	33	40	44
AT7/Regional jets	6				
Total	102	110	124	139	151

⊗ **Aircraft type orientation:** VNA Group is oriented toward operating a modern passenger aircraft fleet with simplified aircraft families. Accordingly, the narrow-body fleet will primarily serve the domestic market and lower-capacity international routes, focusing mainly on routes of under five flight hours, while the wide-body fleet will continue to operate long-haul services to North America, Europe, Australia, and Northeast Asia as the two main core fleet types. The VNA JSC will continue to study and evaluate options for introducing regional jet aircraft, based on route network development needs. In parallel, the VNA JSC plans to introduce dedicated freighter aircraft.

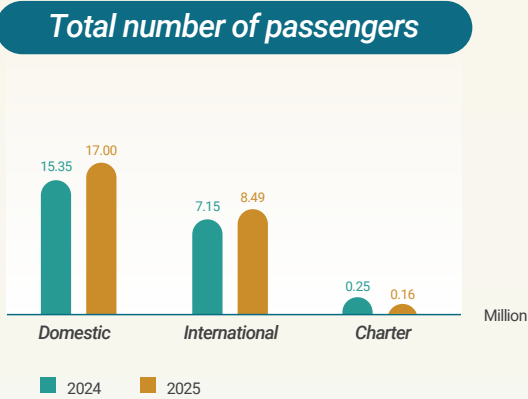
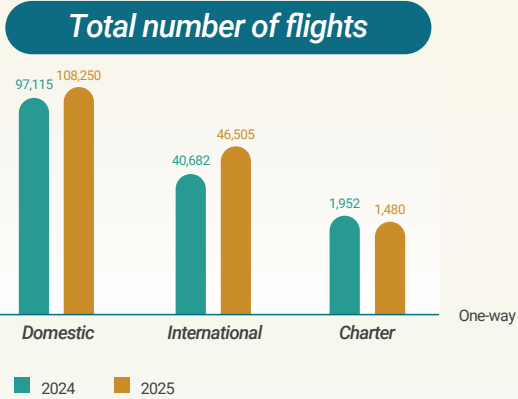
⊗ **To achieve the above objectives in terms of route network development, market share expansion, and maintaining the competitiveness of the Corporation,** by 2030, the VNA JSC's fleet demand is estimated at 43 wide-body passenger aircraft and 105 narrow-body passenger aircraft. Fleet size will be continuously reviewed and flexibly adjusted in line with actual market developments.

2.3. Commercial performance

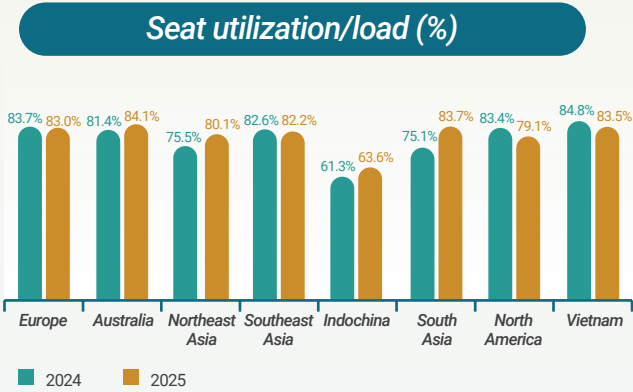
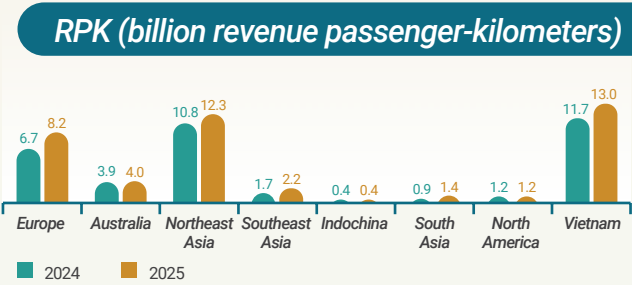
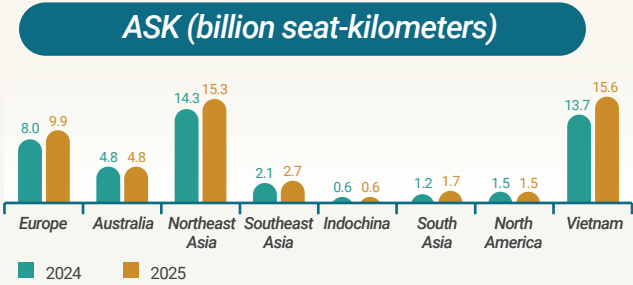
2.3.1. Passenger transportation

✈️ Parent company

Metric	Unit	2024	2025	2025/2024 (%)
Total number of flights	One-way	139,749	156,235	111.8%
Domestic		97,115	108,250	111.5%
International		40,682	46,505	114.3%
Charter		1,952	1,480	75.8%
Total number of passengers	Million	22.75	25.64	112.7%
Domestic		15.35	17.00	110.8%
International		7.15	8.49	118.7%
Charter		0.25	0.16	61.4%



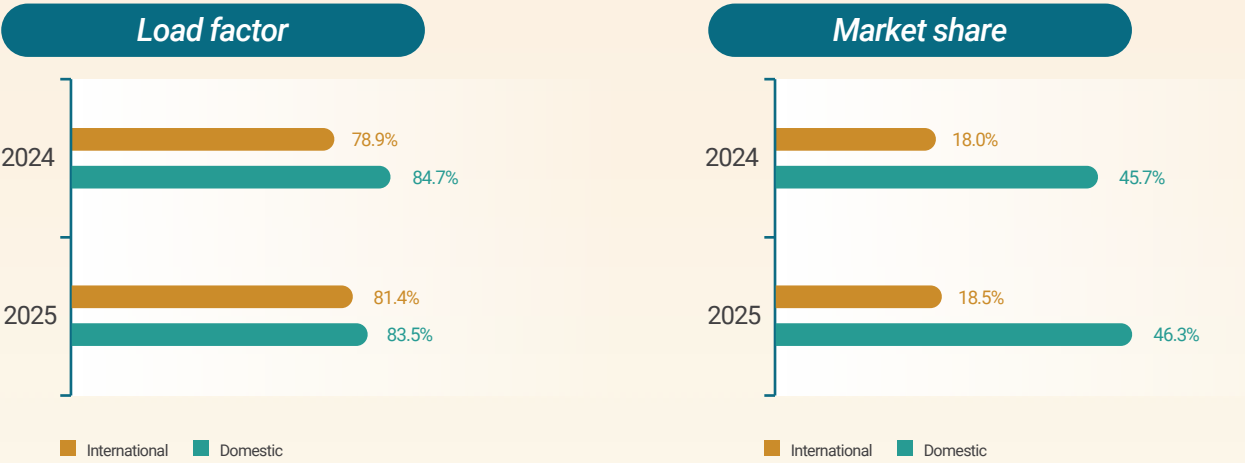
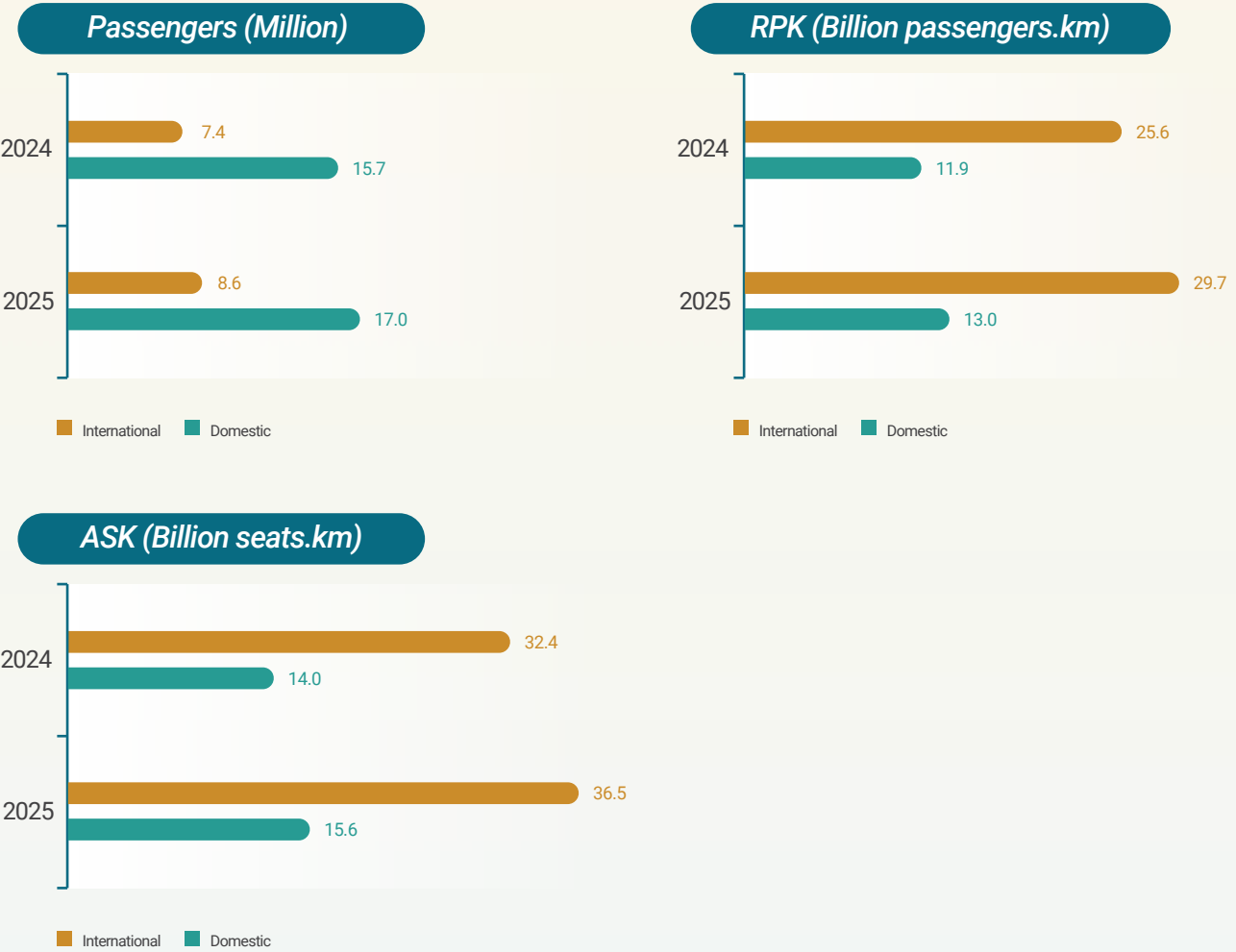
No.	Metric	ASK (billion seat-kilometers)			RPK (billion revenue passenger-kilometers)			Seat utilization/load (%)		
		2024	2025	25/24 %	2024	2025	25/24 %	2024	2025	25/24 %
1	Europe	8.0	9.9	124.1%	6.7	8.2	123.1%	83.7%	83.0%	(0.7)
2	Australia	4.8	4.8	99.6%	3.9	4.0	102.9%	81.4%	84.1%	2.8
3	Northeast Asia	14.3	15.3	107.3%	10.8	12.3	113.9%	75.5%	80.1%	4.6
4	Southeast Asia	2.1	2.7	131.7%	1.7	2.2	131.6%	82.6%	82.2%	(0.4)
5	Indochina	0.6	0.6	94.9%	0.4	0.4	98.4%	61.3%	63.6%	2.3
6	South Asia	1.2	1.7	145.5%	0.9	1.4	161.7%	75.1%	83.7%	8.5
7	North America	1.5	1.5	99.5%	1.2	1.2	94.3%	83.4%	79.1%	(4.3)
8	Vietnam	13.7	15.6	113.5%	11.7	13.0	111.7%	84.8%	83.5%	(1.3)
	Total	46.1	52.1	112.9%	37.2	42.7	114.8%	80.6%	82.0%	1.4



VNA Group

Metric	International			Domestic			Total		
	2024	2025	25/24	2024	2025	25/24	2024	2025	25/24
Passengers	7.4	8.6	116.7%	15.7	17.0	108.3%	23.1	25.6	111.0%
RPK	25.6	29.7	116.2%	11.9	13.0	109.5%	37.5	42.7	114.1%
ASK	32.4	36.5	112.6%	14.0	15.6	111.4%	46.4	52.1	112.2%
Load factor	78.9%	81.4%	2.5	84.7%	83.5%	(1.2)	80.7%	82.0%	1.3
Market share (*)	18.0%	18.5%	0.5	45.7%	46.3%	0.6	30.6%	30.7%	0.1

Unit: Passengers: million; RPK: billion passengers.km; ASK: billion seats.km; Load factor: %; Market share: %
(*): Including charter flights



2.3.2. Cargo and Parcel Transportation

Cargo and Parcel Transportation of Vietnam Airlines

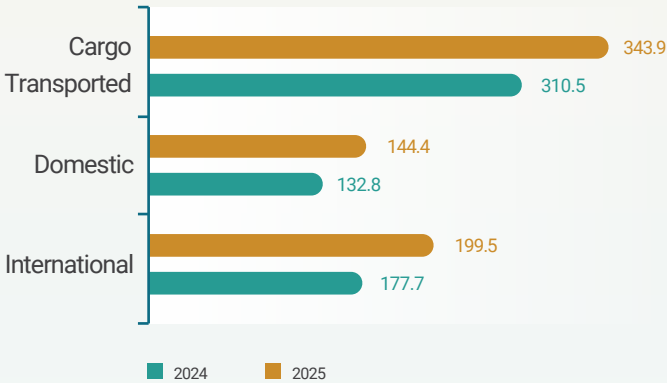
1. Update of data for 2020 - 2025

Metric	Unit	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2025/2024 (%)
Cargo and parcel transportation	Thousand tons	195.3	219.5	213.0	224.9	310.5	343.9	111%

2. Cargo and Parcel Transport Performance in 2024 - 2025

Metric	Unit	2024	2025	2025/2024 (%)
Cargo Transported	Thousand tons	310.5	343.9	111%
Domestic		132.8	144.4	109%
International		177.7	199.5	112%

(Source: Goods Sales Force reporting system)



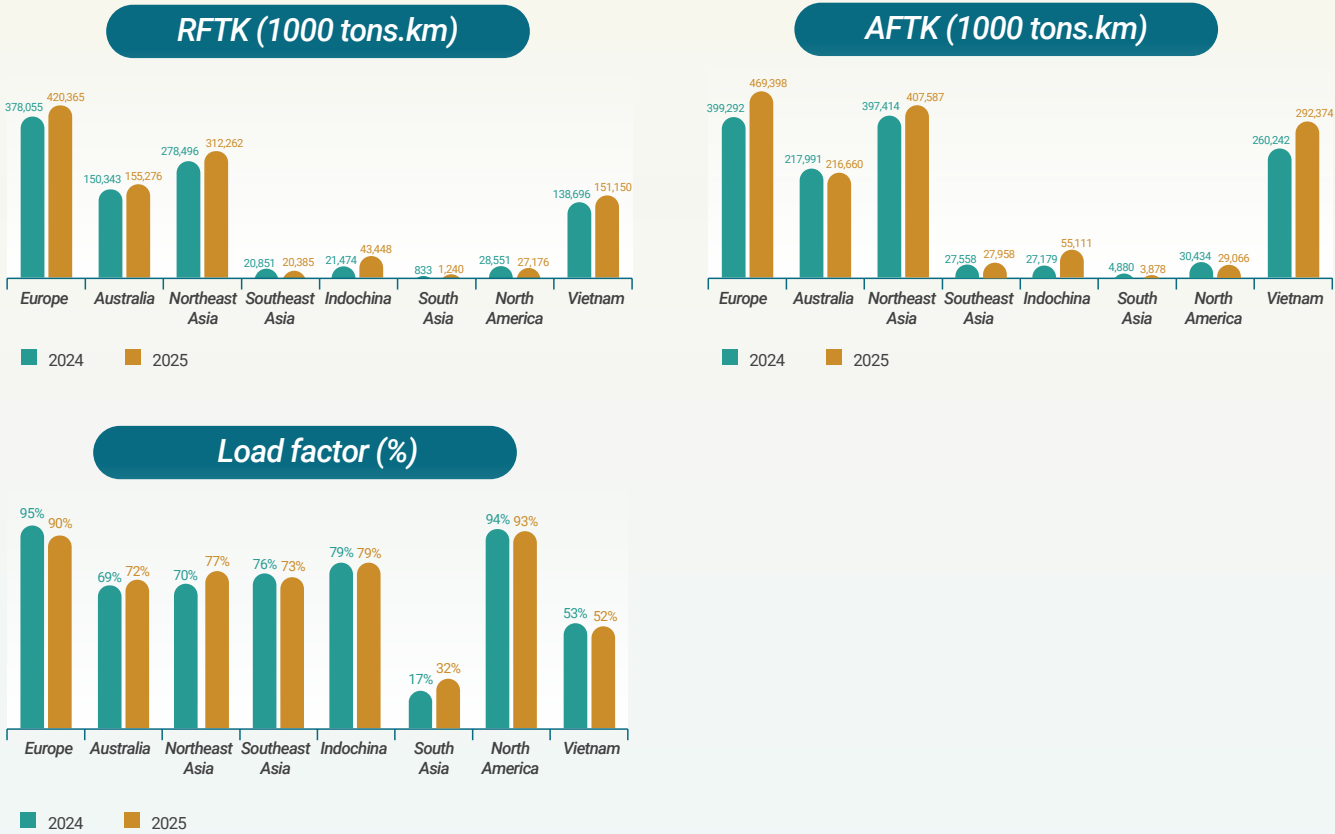
3. Analysis and evaluation of operations by market

No.	Metric	RFTK (1000 tons.km)			AFTK (1000 tons.km)			Load factor (%)		
		2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
1	Europe	378,055	420,365	111%	399,292	469,398	118%	95%	90%	-5%
2	Australia	150,343	155,276	103%	217,991	216,660	99%	69%	72%	3%
3	Northeast Asia	278,496	312,262	112%	397,414	407,587	103%	70%	77%	7%
4	Southeast Asia	20,851	20,385	98%	27,558	27,958	101%	76%	73%	-3%
5	Indochina	21,474	43,448	202%	27,179	55,111	203%	79%	79%	0%
6	South Asia	833	1,240	149%	4,880	3,878	79%	17%	32%	15%
7	North America	28,551	27,176	95%	30,434	29,066	96%	94%	93%	-1%
8	Vietnam	138,696	151,150	109%	260,242	292,374	112%	53%	52%	-1%
	Total	1,017,299	1,131,302	111%	1,364,990	1,502,032	110%	75%	75%	0%

(Source: Goods Sales Force reporting system)

The total cargo market of Vietnam in 2025 is 119% compared to 2024 (international is 123%, domestic is 99%).

With the VNA's sales efforts, the cargo operation across the VNA's entire flight network in 2025 achieved the following results: The cargo and parcel throughput reached 1,127 million tons.km, which is 111% of 2024. Of this, international was 980 million tons.km, 112% of 2024, and domestic was 147 million tons.km, 106% of 2024.



Cargo and parcel transportation by VASCO

1. Cargo and parcel transportation results for 2024 - 2025

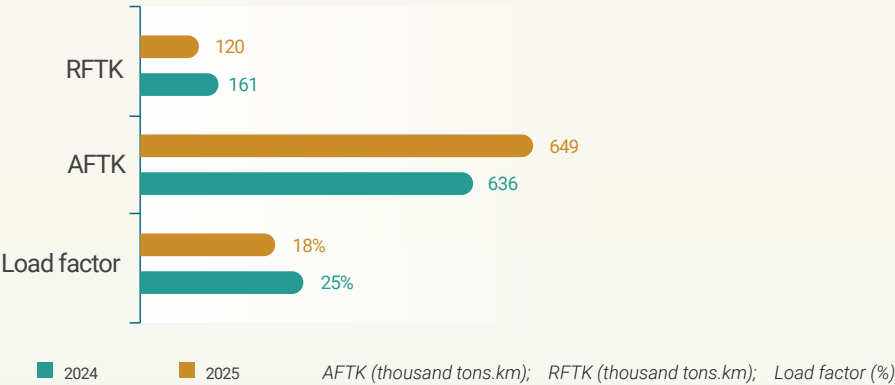
Metric	Unit	2024	2025	SS 24/25
Domestic	Thousand tons	0.704	0.521	74%

(Source: Provided by VASCO)

2. Market Analysis and Evaluation of Operations by Region

Metric	RFTK (thousand tons.km)			AFTK (thousand tons.km)			Load factor (%)		
	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
Vietnam	161	120	75%	636	649	102%	25%	18%	-7%
Total	161	120	75%	636	649	102%	25%	18%	-7%

(Source: Provided by VASCO)



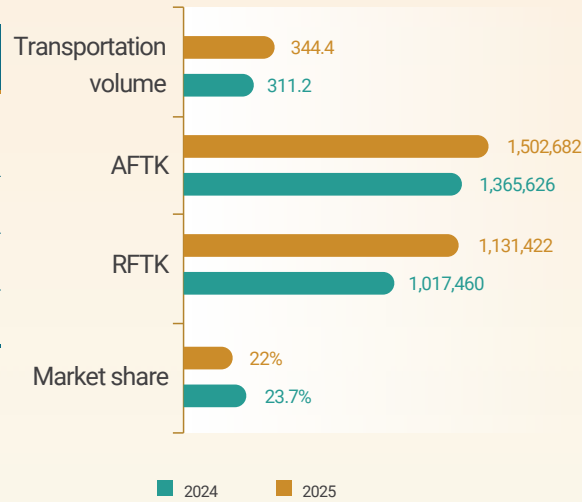
Cargo and parcel transportation of VNA and VASCO

1. Update of data for 2020 - 2025

Metric	Unit	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2025/2024 (%)
Cargo, parcel transported	Thousand tons	196.0	219.8	213.9	225.7	311.2	344.4	111%

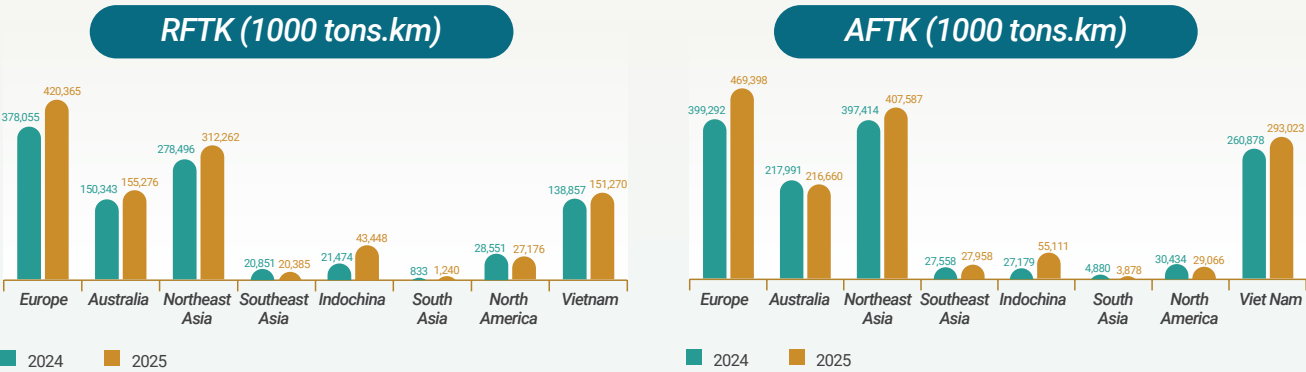
2. Cargo and parcel transportation results

Metric (VNA & VASCO)	Unit	2024	2025	2025/2024 (%)
Transportation volume	Thousand tons	311.2	344.4	109%
AFTK	1000 tons.km	1,365,626	1,502,682	109%
RFTK	1000 tons.km	1,017,460	1,131,422	111%
Market share	%	23.7%	22%	-1.7%

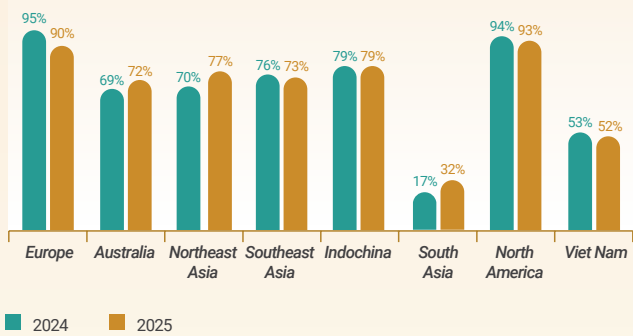


3. Evaluation and analysis by market

No.	Metric	RFTK (1000 tons.km)			AFTK (1000 tons.km)			Load factor (%)		
		2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
1	Europe	378,055	420,365	111%	399,292	469,398	118%	95%	90%	-5%
2	Australia	150,343	155,276	103%	217,991	216,660	99%	69%	72%	3%
3	Northeast Asia	278,496	312,262	112%	397,414	407,587	103%	70%	77%	7%
4	Southeast Asia	20,851	20,385	98%	27,558	27,958	101%	76%	73%	-3%
5	Indochina	21,474	43,448	202%	27,179	55,111	203%	79%	79%	0%
6	South Asia	833	1,240	149%	4,880	3,878	79%	17%	32%	15%
7	North America	28,551	27,176	95%	30,434	29,066	96%	94%	93%	-1%
8	Vietnam	138,857	151,270	109%	260,878	293,023	112%	53%	52%	-1%
	Total	1,017,460	1,131,422	111%	1,365,626	1,502,682	110%	75%	75%	0%



Load factor (%)



Cargo and Parcel Transportation of PA

1. Cargo and parcel transport results for 2024 - 2025

Metric	Unit	2024	2025	2025/2024 (%)
Cargo transported	Thousand tons	1.86	3.70	199%
Domestic		1.84	3.70	201%
International		0.02	0	0

(Source: Provided by PA)

2. Evaluation and analysis by region

Metric	RFTK (1000 tons.km)			AFTK (1000 tons.km)			Load factor (%)		
	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
Southeast Asia	3	0	0%	7	0	0	43%	0	0
Vietnam	55	3,659	6653%	83	8,287	9984%	66%	44%	-22%
Total	58	3,659	6309%	90	8,287	9208%	64%	44%	-20%

(Source: Provided by PA)

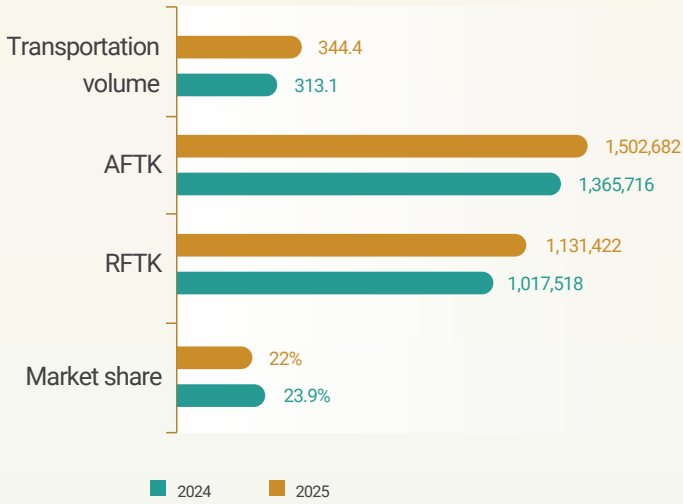
Cargo and parcel transportation of the VNA Group (Parent company and PA)

1. Update of data for 2020 - 2025

Metric	Unit	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2025/2024 (%)
Transported cargo and parcels	Thousand tons	201.7	222.2	217.4	230.0	313.1	344.4	110%

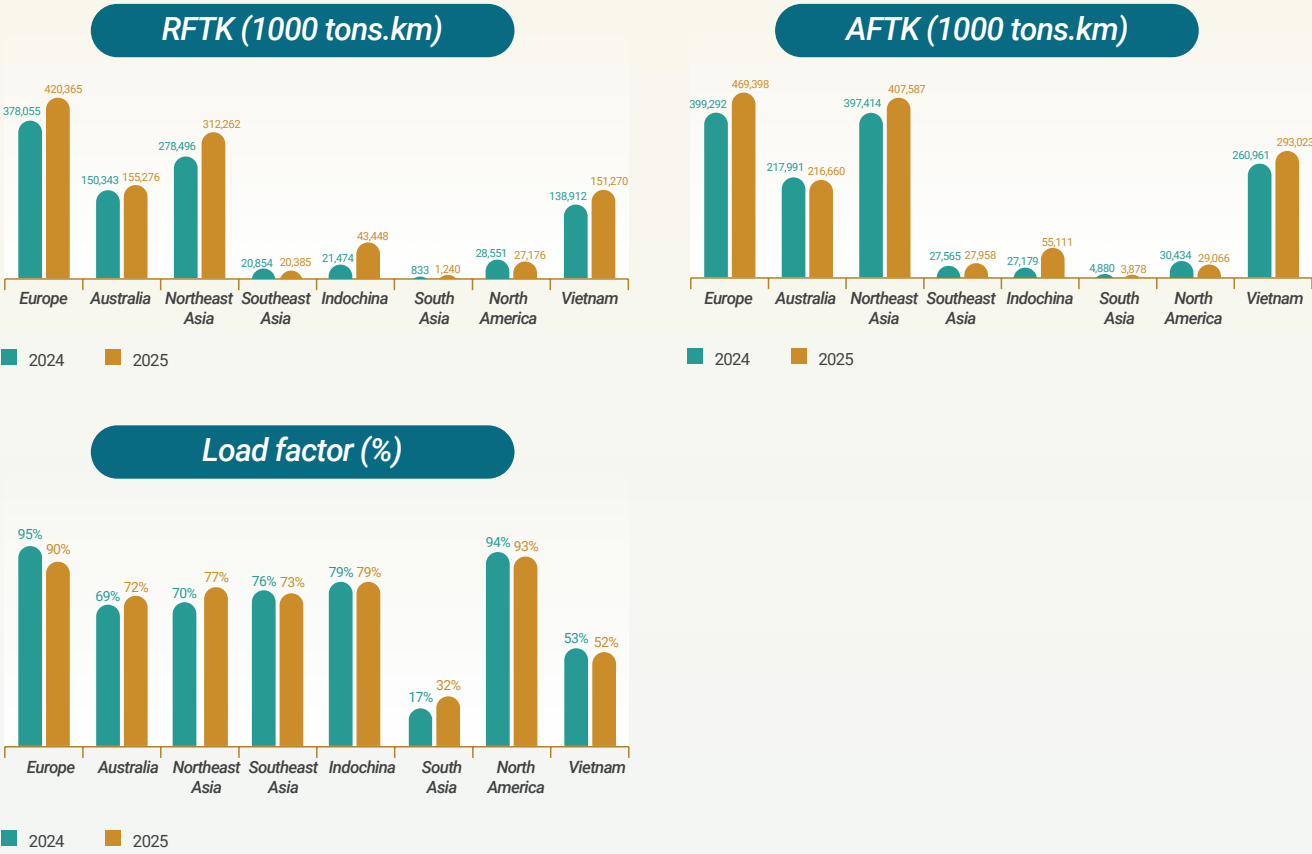
2. Cargo and parcel transportation results

Metric (VNA, VASCO and PA)	Unit	2024	2025	2025/2024 (%)
Transportation volume	Thousand tons	313.1	344.4	110%
AFTK	1000 tons.km	1,365,716	1,502,682	110%
RFTK	1000 tons.km	1,017,518	1,131,422	111%
Market share	%	23.9%	22%	-1.9%



3. Evaluation and analysis by market

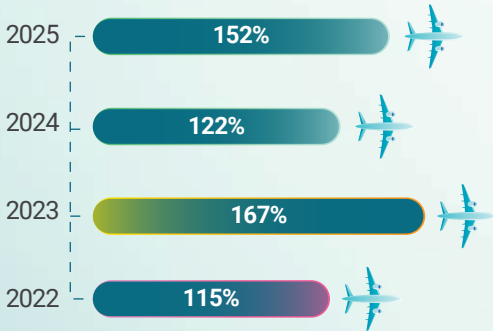
No.	Metric	RFTK (1000 tons.km)			AFTK (1000 tons.km)			Load factor (%)		
		2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)	2024	2025	2025/2024 (%)
1	Europe	378,055	420,365	111%	399,292	469,398	118%	95%	90%	-5%
2	Australia	150,343	155,276	103%	217,991	216,660	99%	69%	72%	3%
3	Northeast Asia	278,496	312,262	112%	397,414	407,587	103%	70%	77%	7%
4	Southeast Asia	20,854	20,385	98%	27,565	27,958	101%	76%	73%	-3%
5	Indochina	21,474	43,448	202%	27,179	55,111	203%	79%	79%	0%
6	South Asia	833	1,240	149%	4,880	3,878	79%	17%	32%	15%
7	North America	28,551	27,176	95%	30,434	29,066	96%	94%	93%	-1%
8	Vietnam	138,912	151,270	109%	260,961	293,023	112%	53%	52%	-1%
	Total	1,017,518	1,131,422	111%	1,365,716	1,502,682	110%	75%	75%	0%



- During the year, Vietnam Airlines focused on implementing solutions to enhance the efficiency of cargo sales and operations, with a particular emphasis on price management, load optimization and leveraging its route network advantages. The airline prioritized high-value cargo sources on key international routes, while strengthening cargo consolidation activities to optimize operating efficiency. In the domestic market, Vietnam Airlines continued to play a core role in transporting specialized and essential cargo, thereby maintaining its leading market position.
- Besides, the airline applied flexible sales and pricing policies tailored to each market, product and customer segment, while expanding hard block space sales on long-haul routes with non-stop flight advantages to stabilize cargo sources and revenues. Efforts to expand sales channels and international cooperation were further strengthened through partnerships with global logistics players and the development of agency networks in new markets.
- At the same time, Vietnam Airlines enhanced Interline and Special Prorate Agreement (SPA) cooperation with other airlines to improve capacity utilization efficiency and support the sustainable development of cargo transportation activities.

Frequent flyer program (Lotusmiles)

a. Revenue



b. Key performance indicators (KPI)

KPI	Unit	2025	2024	SSCK
Number of members	Million	7,2	6,2	114%
Total program miles	Billion	13,9	11,7	119%
Accrued miles	Billion	7,1	6,8	105%

c. Key activities implemented in 2025

- Launch of the Lotusmiles mobile application with enhanced features, including gamification to increase member engagement.
- Issuance of Lotusmiles Pay card, integrating payment functionality into the Lotusmiles membership card.
- Successful organization of the 2025 Loyalty Cooperation and Engagement Forum, the first international-scale loyalty forum held in Vietnam (September 2025).
- Hosting the SkyTeam Loyalty Advisory Group (LAG) Meeting in Hanoi (September 2025).
- Expansion of omni-channel member acquisition and increase in high-value member ratio.
- Development of CSR-linked products and programs.
- Expansion of a multi-industry ecosystem to enhance earn-and-burn opportunities.
- Expansion of FFP partnerships with Etihad Airways.
- Multi-channel and personalized communication to deliver differentiated member experiences.

2.4. Service performance

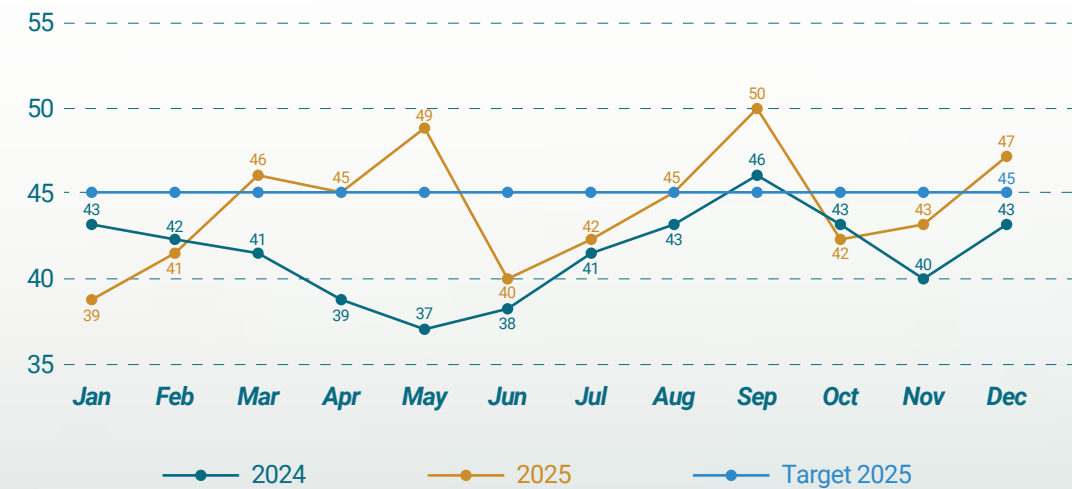
- Overall assessment of service quality and effectiveness throughout the year, improvement made**
 - In 2025, Vietnam Airlines continued to maintain stable service quality while recording many notable breakthroughs. As the National Flag Carrier, Vietnam Airlines proactively introduced a wide range of new products and services that were launched for the first time in the market, gradually approaching international five-star service standards. These efforts not only enhanced passenger experience but also strengthened customer engagement and loyalty. The achievements were affirmed through multiple prestigious awards conferred by international organizations.
 - In 2025, Vietnam Airlines was honored as a Five-Star Airline for Customer experience by APEX for the third consecutive year; ranked among the Top 25 full-service airlines worldwide for safety and service quality by Airline Ratings; and received the International Sustainability Award 2025 from Airline Ratings. In addition to its international accolades, Vietnam Airlines continued to comprehensively maintain and enhance service quality, thereby reaffirming its leading position in Vietnam's aviation industry.
 - The Customer Satisfaction Index (CSI) continued to improve and remained at a high level across all customer touch points. From cabin crew and ground staff to ancillary services, all areas recorded clear improvements, reflecting increasing passenger satisfaction.
 - The Net Promoter Score (NPS) also reached a high level, outperforming the industry average and demonstrating strong passenger trust and positive perceptions of the Vietnam Airlines brand.
 - In particular, during the year 2025, Vietnam Airlines continued to implement the Uplifting Service Program in line with its established roadmap and achieved encouraging results. A clear shift in strategic mindset at senior management level -placing service as the top priority - has fostered a culture of customer-centric thinking and continuous improvement across the entire workforce. Many employees proactively contributed practical initiatives and service improvements in their daily work, delivering outstanding service experiences to customers.



⊗ Indicators of customer satisfaction (CSI, NPS) and compared to industry average

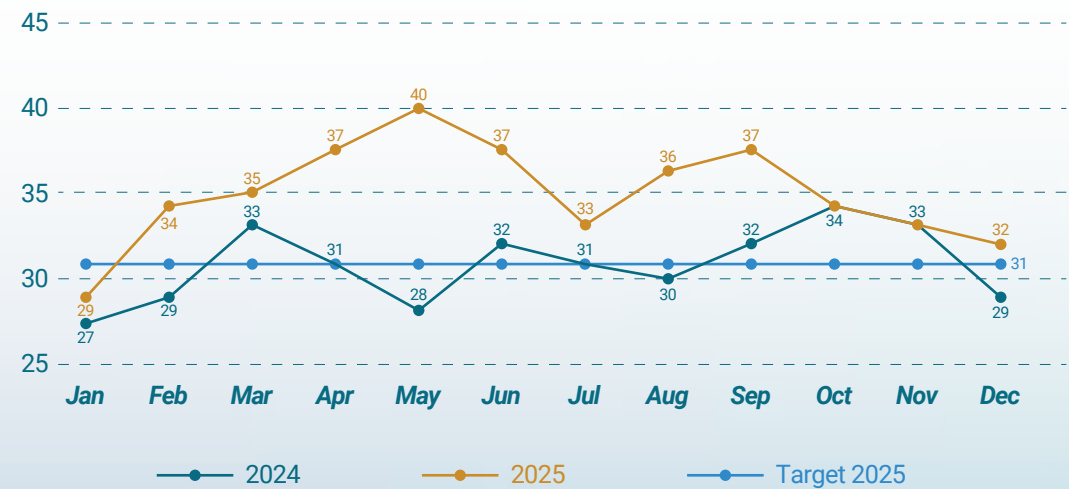
In 2025, Vietnam Airlines’ Net Promoter Score (NPS) showed significant improvement compared to 2024 across both domestic and international routes, reflecting growing passenger confidence in the airline’s service quality.

Domestic Customer Net Promoter Score (NPS) Chart



Source: Corporation's Regular Online Survey Program

International Customer Net Promoter Score (NPS) Chart

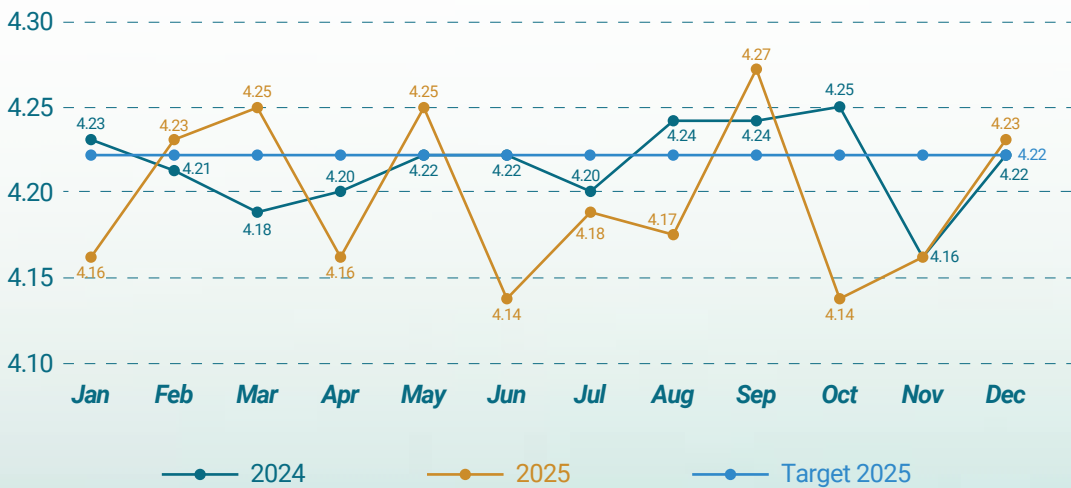


Source: Corporation's Regular Online Survey Program

Key drivers behind this improvement included higher service reliability, the professional and dedicated service style of cabin crew, and a series of notable enhancements in passenger experience. These changes not only increased satisfaction levels but also strengthened passenger trust and loyalty, enabling Vietnam Airlines to maintain its pioneering position in the region through superior service quality and customer care.

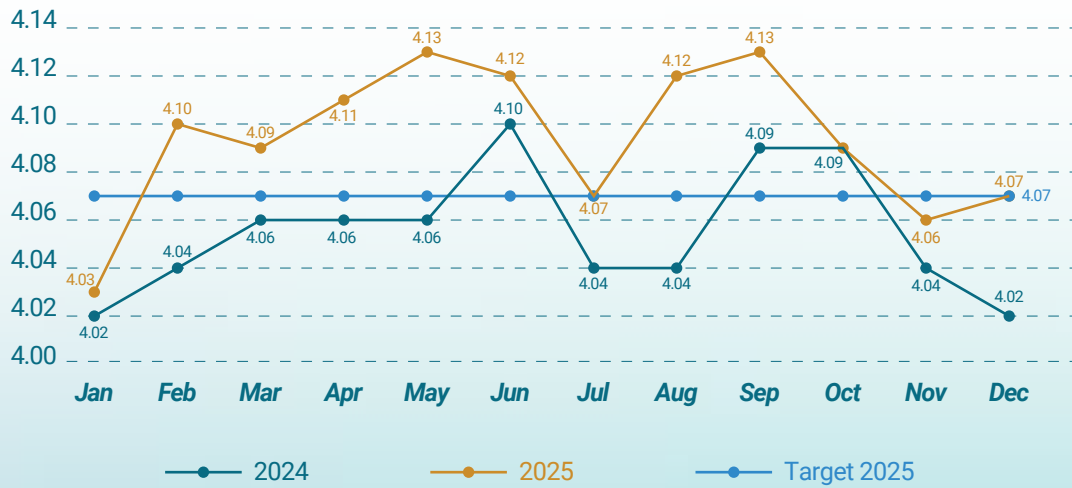
The Customer Satisfaction Index (CSI) in 2025 remained stable on domestic routes and improved on international routes compared to 2024. This reflects the effectiveness of service enhancements throughout the passenger journey, from check-in and boarding to in-flight services and handling of irregular situations.

Domestic customer satisfaction index (CSI) chart



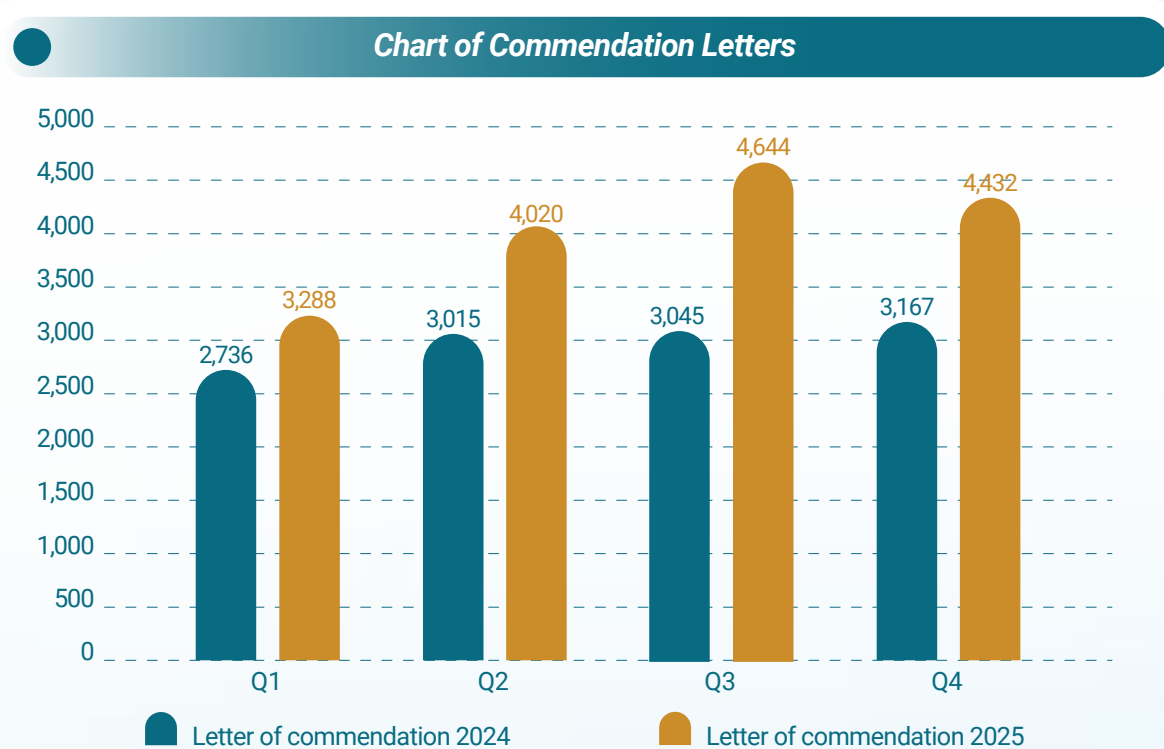
Source: The VNA JSC's regular online survey Program

International customer satisfaction index (CSI) chart



Source: The VNA JSC's regular online survey Program

Positive passenger feedback is also reflected in the number of commendation letters received. In 2025, Vietnam Airlines received 16,384 commendation letters, a significant increase from 11,963 letters in 2024. These commendations highlight the dedication and professionalism of cabin crew and ground staff and demonstrate the effectiveness of service innovation measures in meeting passenger expectations and trust.



Source: VNA Feedback Information System

⊗ Outstanding numbers/indexs related to service quality

In 2025, Vietnam Airlines focused on researching and introducing new service products, ranging from ground services to in-flight services, with the aim of enhancing quality and delivering new experiences to customers:

Ground services

Notable ground service highlights included the first-time introduction of Check-in Lounge services and the Lotus Lounge Premier at Tan Son Nhat Terminal T3, along with the completion of service policies and standards for key customer segments.

Process improvements and technology applications were strengthened, particularly the deployment of biometric identification for passenger processing, helping reduce waiting time, ease congestion and enhance passenger experience. New procedures and guidelines were also issued to ensure consistency and convenience in service delivery.

Regulatory compliance and documentation review were conducted in a synchronized manner. Vietnam Airlines expanded the use of the APIS system in eight countries and territories, contributing to improved safety, operational stability and passenger convenience during immigration procedures.

The year 2025 also marked the successful implementation of several key projects, the transition of, the expansion of Noi Bai Terminal T2, support for major events, and the operation of initial flights at Long Thanh International Airport. In parallel, Vietnam Airlines gradually implemented the dedicated freighter aircraft programmes in operations to Tan Son Nhat Terminal T3 in accordance with its roadmap and regulatory requirements.

Safety, security control and operational management were strengthened to ensure flight safety, on-time performance and service quality, while effectively supporting special missions, charter flights and peak periods. 24/7 service operations contributed to effective handling of irregular flights and timely support for medical emergencies.

Vietnam Airlines continued to expand international cooperation, develop new routes, accelerate digital transformation and system connectivity, and deploy automated procedures such as *self check-in*, *self bag-drop and through check-in*, enhancing passenger experience and competitiveness. Ancillary services were also expanded to increase revenue and passenger convenience.

In-flight services

In terms of onboard catering, Vietnam Airlines continued to honor the essence of traditional and modern Vietnamese cuisine not only on domestic flights and flights departing from Vietnam, but also on international flights departing from overseas markets through cooperation with catering partners. Many regional specialties and fruits were introduced, offering a rich culinary experience with strong Vietnamese identity.

The beverage menu was comprehensively upgraded with new selections. In 2025, Vietnam Airlines expanded its welcome drink offerings, introduced new signature beverages and cocktails, and planned to deploy mocktails on long-haul routes in line with the 'Healthy & Mindful Drinking' trend and five-star service standards. The coffee menu was refreshed with caramel coffee and salted coffee, highlighting the Vietnamese coffee signature onboard.

Vietnam Airlines further expanded onboard ancillary services to enhance passenger experience and develop ancillary revenue streams. LotusDeli retail, duty-free sales and experiential product sponsorships were diversified with new brands and products, enhancing service value and affirming the airline's innovation efforts.

Regarding cabin crew services, Vietnam Airlines implemented comprehensive measures in 2025 to improve service quality and professional image, including appearance management, training, standardization programs and the development of a friendly cabin environment. As a result, CSI scores for cabin crew services improved across all criteria compared to 2024.

In the area of in-flight entertainment, Vietnam Airlines accelerated digital transformation by comprehensively upgrading its onboard entertainment and connectivity systems. Highlights included the 'Cloud Entertainment Library' featuring over 600 content titles from diverse cultures, and next-generation interfaces on Boeing 787 and Airbus A350 aircraft, offering enhanced personalization and multi-language support. From 5 August 2025, Vietnam Airlines officially launched in-flight Internet services, enabling web browsing and messaging with flexible data packages and promotions.

For passenger comfort amenities, Vietnam Airlines focused on upgrading products for Business Class and Economy Class in line with enhanced flight experience and sustainable development objectives. Business Class amenities were improved with lighter, softer blankets and premium eco-friendly kits, while Economy Class transitioned from plastic to wooden cutlery, demonstrating the airline's commitment to environmental protection and social responsibility.

In 2025, Vietnam Airlines introduced its **signature fragrance 'Nhã/LotuScent'**, deployed consistently across check-in areas, Lotus Lounges and onboard flights. This distinctive service element created a refined, cohesive and differentiated experience, aligned with international five-star standards.

These achievements clearly demonstrate Vietnam Airlines' persistent efforts to continuously innovate services, place customers at the center, and pursue sustainable development while optimizing cost efficiency. The initiatives and improvements continue to reinforce Vietnam Airlines as the national aviation icon, representing quality, credibility and Vietnamese identity in the regional and international skies.

2.5. Engineering and technical Operations

2.5.1. Key achievements

2.5.1.1. Results of technical assurance for safe and efficient operations

✎ In 2025, Vietnam Airlines’ engineering and technical assurance activities were conducted in a stable and effective manner. Key technical performance indicators met planned targets, including Aircraft Readiness Level, Aircraft on Ground (AOG) rate, technical delay and cancellation rate, and the rate of extended scheduled maintenance (OCR). These results demonstrate effective planning and coordination of maintenance activities. Dispatch Reliability (DR) across fleet types generally met planned targets; although certain indicators were slightly below target levels, they remained higher than the global industry average.

Indicators	2025 Performance results
ARL	94.39% (Target: 94.39%) - Target achieved
OCR	-2.10% (Target: 1.80%) - Target achieved
Delay	3.53 cases per 1000 FC (Target: 3.66) - Target achieved
AOG	1.22 cases per 1000 FC (Target: 2.0) - Target achieved
DR A321	99.71% (Target: 99.63%) - Target achieved
DR A350	99.41% (Target: 99.44%) - Approximately on target
DR B787	99.38% (Target: 99.36%) - Target achieved
DR ATR72	99.53% (Target: 99.65%) - Below target

- ✎ VNA JSC optimized and restructured periodic maintenance work packages, enhanced preparation, control and coordination of major scheduled maintenance, achieving the target of reducing turnaround time (TAT) for major checks by 10% in 2025.
- ✎ Cabin quality was consistently maintained through the implementation of the cabin refurbishment programs across the VNA fleet, alongside cabin configuration upgrades and conversions. In-flight Connectivity (IFC) was officially deployed on the A350 fleet, contributing to improved service quality, enhanced passenger experience and strengthened competitiveness of Vietnam Airlines’ products in international markets.

2.5.1.2. International cooperation

✎ At Vietnam Airlines

- ✎ For line maintenance, Vietnam Airlines actively expanded and reinforced international cooperation by signing new contracts and extending existing agreements with major technical partners. The airline also selected maintenance service providers for new routes in Europe (Milan, Italy; Copenhagen, Denmark) and Asia (Bengaluru and Hyderabad, India, Cebu, Philippines).
- ✎ For base maintenance and engineering, Vietnam Airlines continued cooperation with Airbus, Boeing and Original Equipment Manufacturers (OEMs) in flight data provision and analysis, while strengthening engagement with international partners to enhance maintenance management, oversight and execution in line with international standards.

✎ At VAECO

- ✎ With strengthened technical capabilities, VAECO shifted its customer strategy from short-term, small-scale contracts to long-term cooperation with major and reputable global airlines. Notable achievements included signing long-term maintenance contracts until 2030 for Lufthansa’s A350 fleet, Korean Air’s B787 fleet, and Aero-K’s A320/A321 fleet. In the Philippines, VAECO maintained long-term cooperation with Cebu Pacific and is preparing to conduct heavy maintenance for 11 A350 aircraft of Philippine Airlines during the period 2027 - 2030.
- ✎ Long-term maintenance contracts ensure stable revenues, enable proactive workforce planning and capability investment, and optimize utilization of maintenance facilities. VAECO also continued to develop line maintenance services, reinforcing its position as a reputable MRO hub in the region and enhancing brand recognition in the international market.

2.5.2. Solutions to Improve Aircraft Utilization Efficiency and Reduce Technical Costs

2.5.2.1. Engineering, maintenance, and supply management

✎ Basic technical management

- ✎ Vietnam Airlines continuously reviewed, implemented and evaluated the effectiveness of basic technical programs (AD/SB, MOD), and developed comprehensive programs to improve maintenance and repair quality, troubleshooting, preventive maintenance and enhanced maintenance. These efforts enhanced aircraft system reliability while ensuring sufficient aircraft and engine resources to meet operational requirements at each stage.
- ✎ For engine management, the airline optimized shop visit schedules and turnaround times, optimized repair work scopes and applied reduced-scope repair solutions to shorten repair cycles, ensuring sufficient engine availability for continuous operations, particularly during peak periods.

✎ Maintenance activities

- ✎ Vietnam Airlines developed and regularly reviewed seasonal and monthly maintenance plans, making periodic adjustments to optimize maintenance scheduling and fleet operations. Enhanced maintenance programs and early preparation of engineering resources during low-demand periods enabled effective support for peak operational seasons.
- ✎ In 2025, the airline continued to strengthen management of aircraft downtime for both scheduled and unscheduled maintenance, with the objective of minimizing ground time, increasing operational availability and improving fleet utilization efficiency.

✎ Aircraft parts and materials management

- ✎ Vietnam Airlines intensified negotiations with pooling service providers and OEMs to ensure stable supply of aircraft parts and materials, while proactively forecasting inventory levels, controlling turnaround time and delivery lead time. The airline also actively supplemented parts inventories to enhance technical readiness and reduce aircraft ground time.
- ✎ Regarding fuel supply, Vietnam Airlines worked directly with fuel suppliers to identify solutions to mitigate fuel price increases, while actively participating in SkyTeam alliance initiatives to share resources, experience and evaluate joint fuel procurement solutions.

✧ Application of technology, data and artificial intelligence

- ✧ Vietnam Airlines continued to develop a comprehensive digital transformation roadmap for engineering operations, including upgrading the AMOS system, deploying electronic signatures and E-Techlog, and progressing towards full system ownership to maximize utilization in maintenance control, execution and materials management.
- ✧ The deployment of the Technical Information Management System (TIMS2) standardized and centralized data related to commercial conditions, work scope and incurred costs, enhancing transparency, timeliness and analytical effectiveness. TIMS3 is also being implemented to assess and forecast spare parts inventory levels and manage cases of misuse and mishandling.
- ✧ Simultaneously, advanced aircraft health monitoring and predictive maintenance systems such as AHM, SHM, ADEM, SPM, PRCP and Cassiopeia were deployed in an integrated manner to detect early abnormal signs and proactively prevent failures, thereby reducing operational disruptions and AOG occurrences.
- ✧ Through enhanced application of artificial intelligence and data analytics in engineering management, Vietnam Airlines progressively improved forecasting capabilities, optimized maintenance activities and resource management, contributing to higher dispatch reliability and operational efficiency.



2.5.2.2. Technical cost management

- ✧ In 2025, Vietnam Airlines continued to implement proactive technical cost management based on data analytics and technology applications, effectively controlling maintenance and repair costs and improving unit cost indicators (Cost/ASK). Cost analysis was conducted regularly by fleet type, engine type and key technical contracts to identify cost trends and primary cost drivers.
- ✧ The technical cost KPI system was maintained and enhanced with closer linkage to operational performance. Flexible adjustment measures were implemented to control costs within the annual plan and across the asset lifecycle.
- ✧ Contract management and negotiation efforts were strengthened, with particular focus on controlling off-contract costs.

2.5.3. Development Orientation for Vietnam Airlines and VAECO Maintenance Facilities

2.5.3.1. Infrastructure

- ✧ Vietnam Airlines continued investment in Hangar 3 at Noi Bai Airport and maintenance facilities at Long Thanh International Airport. Phase 1 (Hangar 1 - Long Thanh) is scheduled for completion in the third quarter of 2026, Phase 2 (Hangar 2 - Long Thanh) by 2028, and Hangar 3 at Noi Bai by 2028.

2.5.3.2. Maintenance capabilities

- ✧ VAECO continued to maintain and expand approvals from CAAV, EASA and FAA, while applying for advanced technical approvals to support long-term heavy maintenance programs. These approvals enable VAECO to deliver turnkey maintenance packages for modern fleets, meeting the stringent requirements of major global airlines and reinforcing its competitive position in the medium- and long-term maintenance segments.
- ✧ Besides that, upgrading the training center and obtaining EASA Part-147 approval allowed VAECO to proactively secure a qualified European-standard technical workforce, ensuring stability, continuity and high quality for long-term maintenance contracts.

2.5.3.3. International cooperation orientation

- ✧ VNA JSC and VAECO continue to study cooperation opportunities with Korean Air in airframe maintenance at Long Thanh Airport, aiming to learn advanced organizational models, technologies and management practices. The objective is to optimize maintenance costs and turnaround time, enhance competitiveness and gradually establish a regional maintenance center.



2.6. Flight operation

- ✎ Vietnam Airlines closely coordinated with operational units to effectively manage the flight schedule during peak periods, including Lunar New Year 2025 and Summer 2025, under challenging conditions such as the absence of reserve aircraft, the impacts of climate change (14 storms during the year), and limited airport infrastructure and facilities. Aircraft, flight crew and cabin crew resources were utilized efficiently to meet peak operational demand. The airline ensured effective management of the T+29 flight schedule, proactively coordinated with commercial units to cancel flights where necessary and adjust flight routings, thereby optimizing costs and freeing up additional resources for daily operations control.
- ✎ Absolute safety was ensured for special mission flights serving Party and State leaders, involving complex routings, long flight durations and frequent short-notice schedule changes. Vietnam Airlines promptly and proactively implemented operational adjustments to accommodate sudden changes related to VIP and CIP flights, while timely reporting to senior management to develop optimal flight schedules as early as possible upon receipt of VIP mission information.
- ✎ Vietnam Airlines actively coordinated with relevant units across the operations control system to respond to geopolitical crises, including the Russia - Ukraine and Iran - Israel conflicts, by avoiding Russian and Iranian airspace and not designating alternate airports within these airspaces. The airline closely monitored global geopolitical and military developments and continuously sought flexible and efficient routing solutions.
- ✎ The airline identified and implemented solutions to maintain OTP/OSP amid the absence of reserve aircraft, air traffic congestion at domestic airports, and congestion along several high-density routes within the region.
- ✎ Fuel-saving roadmaps and measures were established and implemented in the context of increasing operational intensity. Vietnam Airlines evaluated and selected appropriate solutions to reduce costs and optimize cost efficiency.
- ✎ Vietnam Airlines completed the development of the training programmer for upgrading Second Officers (SO) to First Officers (FO) and continued coordination with the Human Resources Division to incorporate this program into the training policies.
- ✎ The airline implemented the 2025 instructor development plan, ensuring sufficient resources to meet 100% of training demand, while enhancing the quality of pilot selection and training supervision.
- ✎ Closely adhering to the directives of the Secretary of the Party Committee of the VNA JSC on the critical role of digital transformation, Vietnam Airlines in 2025 successfully completed the digital transformation of flight documentation and flight data systems. Besides, the airline developed a comprehensive electronic flight documentation system (MOPlus) for pilots; implemented the Flight Planning software system; prepared the Tail Assignment & Operations Control system; upgraded the AVES crew scheduling system for pilots and cabin crew.
- ✎ Vietnam Airlines also cooperated with Singapore Airlines to exchange and share information and experiences in flight operations, training and flight safety.



a. Administration

- ✎ Vietnam Airlines effectively implemented centralized flight dispatching and remote flight clearance procedures for flights operated by VNA and VASCO, ensuring timely information updates and full compliance with newly issued requirements on remote flight clearance as stipulated by the Air Navigation Service Provider and the Civil Aviation Authority of Vietnam.
- ✎ The airline closely coordinated with duty control units and air traffic service providers to ensure compliance with ACDM/ATFM procedures, thereby maintaining efficient and punctual flight operations.
- ✎ Vietnam Airlines actively participated in fuel-saving programs, delivering tangible results in reducing flight operating costs.
- ✎ The airline proactively proposed route adjustments aligned with actual operating conditions, effectively evaluating and selecting optimal flight routes to enhance operational efficiency and achieve cost savings.
- ✎ Proactive plans were developed for route adjustments, flight permits and slot reapplications to mitigate the impact of storms, tropical depressions, military activity zones and armed conflicts, in the context of global climate change, increasingly unpredictable storm paths and intensities (e.g. Bualoi, Matmo), as well as a complex global geopolitical environment.
- ✎ Flight monitoring and tracking activities were effectively implemented, enabling timely response measures and providing operational support to flight crews to ensure safe flight operations.
- ✎ Vietnam Airlines ensured effective operations control and T+29 flight schedule management, optimizing operational efficiency based on available resources.
- ✎ Flight schedules were closely controlled to meet requirements related to commercial payloads, charter operations, cargo transportation, passenger services and operational constraints.
- ✎ The airline proactively reviewed scheduled maintenance plans and other technical activities, coordinating with MOC, VAECO and relevant authorities to manage scheduled checks, AOG events and technical requirements, thereby optimizing resources for flight operations while meeting commercial, technical and statistical reporting requirements.

b. Operational Technical Management

- ✎ Vietnam Airlines proactively developed multiple flight routing scenarios, preparing comprehensive data and documentation to support special charter flights to destinations across the Americas, Europe, Africa, Asia and Australia/New Zealand.
- ✎ The airline led and implemented the introduction of A321 freighter aircraft into operations, commencing in December 2025.
- ✎ Vietnam Airlines coordinated with AIB and Boeing (BOE) to assess operational efficiency and feasibility related to MTOW upgrades for B787 and A350 aircraft.
- ✎ The airline led and coordinated with Boeing and relevant units to prepare for the introduction of the B737MAX8 aircraft, scheduled for entry into service by the end of 2027.
- ✎ Stable operations of the Electronic Flight Bag (EFB) systems - Levels 1/2/3 were maintained, ensuring that documentation and data were updated in a complete, accurate and timely manner.
- ✎ Vietnam Airlines worked closely with the Civil Aviation Authority of Vietnam to rectify audit findings, support AOC renewal and ensure completion of the 2026 operational plan.
- ✎ The airline managed and implemented contracts related to LIDO data, JEPP (Jeppesen), Fly Smart A321, navigation data and terrain data, ensuring continuous operational support.

c. Pilots and flight attendants Scheduling Operations

- ✧ Vietnam Airlines successfully implemented centralized flight crew and cabin crew scheduling for approximately 5,000 crew members across three airlines. Close coordination with the Pilot Corps and Cabin Crew Corps enabled both optimisation of operational resources and alignment with training roadmaps.
- ✧ The airline led calculations and balancing of pilot and cabin crew resources to meet production and business requirements across different phases of market development.
- ✧ Flight rotations were optimized based on KPI indicators (such as flight hours per duty hour, transportation costs, hotel accommodation, travel allowances, etc.), ensuring resource efficiency across various operational scenarios and optimizing overall flight crew utilization.

Operations management

- ✧ The Operations management function took the lead in implementing fuel cost saving initiatives. In 2025, total fuel savings reached 25,500 tonnes, equivalent to VND 448.05 billion.
- ✧ Vietnam Airlines analysed and evaluated aircraft operational activities with a focus on enhancing operational efficiency and reducing costs.
- ✧ The airline managed key operational KPIs, closely monitored and analysed performance, and proposed appropriate solutions to ensure the achievement of assigned KPI targets.
- ✧ Effective cost management, with a wide range of cost optimization initiatives implemented across the Division, resulted in savings of VND 1,079.76 billion.



Cost category	Measures	Cost management 2025 (VND bn)	Recognised cost reduction 2025 (VND bn)
Fuel costs	Fuel-saving initiatives	448.05	448.05
	Tinkering	26.74	
	Reducedthrust flight procedures over mountainous areas in Afghanistan L750 (Uncontrolled airspace/ nontowered airport)	104.6	
Flight operating costs	Aircraft grounding / flight cancellations for commercial reasons based on load factor (DOM T+2, INT T+6) or flight schedule optimization (T+29)	114.76	
	Aircraft grounding / flight cancellations for commercial reasons based on load factor (T+1)	169.37	
	Flight schedule optimization based on MCMR by subfleet	2.67	
	Route optimization and ferry flight cancellation	151.06	
	Use of nontowered airports and alternate airport planning to PER (uncontrolled airport) (uncontrolled airport)	12,86	
Technical and ground service costs	Aircraft grounding / flight cancellations for commercial reasons based on load factor (DOM T+2, INT T+6) or flight schedule optimization (T+29)	2.29	2.29
	Aircraft grounding / flight cancellations for commercial reasons based on load factor (T+1)	0.92	0.92
	Flight schedule optimization based on MCMR by subfleet	3.98	
	Route optimization and ferry flight cancellation	13.8	
Flight crew costs	Layover routing design	1.74	
	Reduction in flight crew operating costs	0.02	
	Increase in the ratio of Vietnamese pilots to total pilots	26.9	26.9
	Total	1,079.76	478.16

Digital Transformation

- ✎ MO Plus was approved for international operations, contributing to a reduction in dispatch manpower at HAN and SGN, savings in printing, travel and connectivity data costs, improved flight planning reliability and enhanced pilot and cabin crew satisfaction.
- ✎ Advanced Flight Planning was transitioned from a manual to an automated system, resulting in higher labour productivity and improved fuel efficiency.
- ✎ Sky Track Phase 1 was implemented to provide visualized operational monitoring via video wall dashboards, including real-time alerts for Dynamic Cost Index management.
- ✎ Two new IT services were deployed (enhancement of the AVES pilot and cabin crew rostering system and CrewTrip) to support professional operations, increase labor productivity and optimize the management of crew accommodation and transportation costs.
- ✎ The airline continued to develop software solutions and tools to support internal operations as well as coordination with other departments, including:
 - ✎ Flight schedule checking tools (schedule conversion, aircraft permit verification, origin/destination mismatch checks, duplicated flight number checks); schedule review and handover of crew pairing combinations; shortterm schedule review tools based on MCMR; and tools to check international schedule changes requiring reapplication for slots and flight permits.
 - ✎ Domestic slot review tools to support flight sales and nearterm slot crosschecks.
 - ✎ Various tools to support aggregated reporting.
 - ✎ Development and deployment of contractor withholding tax calculation software, ensuring accuracy and time efficiency in preparing tax settlement documentation.
 - ✎ Development and deployment of software for statistical analysis and assessment of weather information (METAR) and operational conditions to support airport master planning, airport operational assessments and commercial payload calculations.
- ✎ Vietnam Airlines continued to implement key core software systems serving as the foundation for digital transformation applications, including: the FIMS system; fuel-saving and emissions management systems; the Air Navigation Cost Management (ANCM) system covering enroute, terminal, and ground handling costs; Weather Alerts; and mobile applications such as OTP Management and the integrated Pilot and Cabin Crew application.

d. Ensuring pilot resources for operations

- ✎ Ensured the availability of operational pilot resources in line with the Corporation's production output and flight operations requirements.
- ✎ Total number of operational pilots as of 31 December 2025 (including pilots of VASCO): 1,055 pilots, comprising: Captains: 532, First Officers: 523; Vietnamese pilots: 966 (91.60%), Expatriate pilots: 99 (9.40%)

e. Safety Assurance in Operations

Safety Performance Results for 2025 - Flight Crew 919:

No.	Flight Operations Safety Index (Incident rate per 10,000 flights)	2025 Target	Actual performance 2025 (140,973 flights)
1	Category A incident rate per 10,000 flights	= 0	0
2	Category B incident rate per 10,000 flights	= 0	0.07(1 Category B incident)
3	Category C incident rate per 10,000 flights	≤ 0.18	0
4	Category D incident rate per 10,000 flights	≤ 0.19	0.14 (2 incidents)
5	Category E occurrence rate per 10,000 flights	≤ 1.38	0.71 (10 occurrences)
6	Level 3 occurrence rate per 10,000 flights	≤ 2.25	2.13 (30 occurrences)
	B787 fleet	≤ 2.15	1.60 (3 occurrences / 18,754 flights)
	A350 fleet	≤ 2.10	1.93 (2 occurrences / 10,362 flights)
	A321 fleet	≤ 1.98	2.23 (24 occurrences / 107,628 flights)
	ATR72 fleet	≤ 5.14	2.36 (1 occurrence / 4,229 flights)
7	Level 2 occurrence rate per 10,000 flights	≤ 205	147.76
	B787 fleet	≤ 8.97	5.33
	A350 fleet	≤ 10.02	4.82
	A321 fleet	≤ 182.54	176.90
	ATR72 fleet	≤ 444.13	387.80
8	Level 1 occurrence rate per 10,000 flights	≤ 1,285.00	759.01
	B787 fleet	≤ 705.00	591.87
	A350 fleet	≤ 630.00	381.20
	A321 fleet	≤ 837.00	800.72
	ATR72 fleet	≤ 1,846.73	1,364.39

f. Training for conversion, recovery, upgrading, and special types of operations for pilots

- ✎ **Number of trainees:** 127, achieving 66% of the annual plan.
- ✎ **Number of classes:** 57, achieving 59% of the annual plan.
- ✎ **First Officer to Captain upgrade training:** 20/20 pilots, achieving 100% of the annual plan;
- ✎ **Type transition training:** 112/106 pilots, achieving 106% of the annual plan.

g. Training and Education Activities

Training Category	Number of Trainees
Pilot training	4,442
Cabin crew training	9,661
Technical operations staff training	513
Employee training	482
Handover of Emergency Response Plans to the Council	23

Training completion rate in 2025 compared to the plan:

- ✎ **Pilot training:** 98% of the annual plan achieved
- ✎ **Cabin crew training:** 86% of the annual plan achieved
- ✎ **Technical operations staff training:** 91% of the annual plan achieved
- ✎ **Employee training:** 158% of the annual plan achieved

Service category	Planned (VND)	Actual (VND)	Actual vs Plan (%)
Socialized initial cabin crew training	71,755,933,409	81,509,988,823	113.6%
Socialized recurrent cabin crew training	8,200,000,000	13,882,600,000	169.3%
Training services	3,271,257,200	4,825,788,022	147.5%
Training equipment leasing	1,165,749,120	2,716,115,080	233.0%
Simulator (SIM) collaboration with CAE		102,989,546	
Total	84,392,939,729	103,037,481,471	122.1%

Percentage of revenue in 2024 compared to the plan:

- ✳ **Basic pilot - socialized training:** 113.6% of the plan
- ✳ **Basic flight attendant - socialized training:** 169.3% of the plan
- ✳ **Training services:** 147% of the plan
- ✳ **Equipment rental for training:** 233% of the plan

2.7. Safety

The VNA JSC continued to maintain its operational activities amid strong growth in transport output, expansion of the route network, increased flight frequencies, and increasingly stringent requirements for safety and quality standards as stipulated by regulatory authorities and international practices.

Safety remains the number one priority and a core value, and is non-negotiable under any circumstances.

In 2025, the VNA JSC maintained safe and stable operations, with no accidents or serious high-level incidents recorded. All safety standards as required by the Civil Aviation Authority and IOSA standards were fully complied with, while Safety Culture continued to be consolidated and strengthened across the entire the VNA JSC.

2.7.1. Summary of key safety policies and important changes

- ✳ In 2025, the VNA JSC continued to identify Safety and Quality assurance as a key and overarching task across all production and business activities, closely aligned with the objectives of sustainable development, enhancement of competitiveness, and strengthening of the National Flag Carrier's brand reputation.
- ✳ On the basis of full compliance with regulations of ICAO, IATA, the Civil Aviation Authority of Vietnam, and relevant international standards, Vietnam Airlines focused on implementing the following key policies:
 - ✳ Maintaining, strengthening, and continuously improving the Safety Management System (SMS) with a proactive approach based on risk assessment and risk management, ensuring suitability with the scale, nature, and complexity of flight operations.
 - ✳ Enhancing and promoting Safety Culture, with a strong emphasis on the principle of Just Culture, encouraging voluntary, honest, and non-punitive reporting to enable early and proactive risk prevention. The Reporting Culture was reinforced to encourage employees to proactively report hazards, errors, and unsafe conditions. The Learning Culture was strengthened by disseminating safety lessons learned, sharing experience, and preventing recurrence of incidents. The Informed Culture was enhanced to ensure that safety-related information is fully and promptly communicated to units and employees.
 - ✳ Integrating safety and quality management within the VNA JSC's overall management system, ensuring consistency between compliance monitoring, internal audits, and continuous improvement initiatives.
 - ✳ Prioritizing safety management in the context of operational changes, particularly changes related to fleet structure, route network, organizational structure, human resources, suppliers, and the application of new technologies.



2.7.2. Important changes in 2025

- ✧ In 2025, VNA effectively implemented and controlled several significant changes with a direct impact on safety and quality management, including:
 - ✧ Reviewing and updating the system of safety policies, procedures, and documentation related to the SMS and QMS, ensuring alignment with operational practices, regulatory requirements, and international oversight programs (IOSA).
 - ✧ Standardizing and strengthening the implementation of the Management of Change (MOC) process for all changes that may affect operational safety.
 - ✧ Enhancing the accountability of heads of units in managing safety risks under their respective responsibilities; strengthening supervision, reporting mechanisms, and performance evaluation.
 - ✧ Promoting the application of safety data analysis to identify trends and latent hazards, serving as a basis for preventive measures and continuous improvement.
 - ✧ Intensifying the application of technology in safety management, including enhanced use of software systems for safety reporting, safety data analysis, and hazard trend monitoring, thereby improving supervision capability, hazard identification, and incident prevention.

2.7.3. Operations of the Safety Committee and the Safety Action Group (SAG) teams

2.7.3.1. Operations of the Safety Committee of VNA

- ✧ In 2025, the Vietnam Airlines Safety Committee continued to operate effectively, fully performing its advisory, steering, and supervisory functions for safety and quality management across the entire system, thereby reaffirming its role as the highest safety governance body of Vietnam Airlines.
- ✧ Key activities undertaken included:
 - ✧ Organizing periodic and ad hoc meetings in accordance with regulations to review and assess operational safety status, safety incidents, safety hazards, and the effectiveness of risk control measures; directing units to implement solutions to enhance safety levels; and reviewing key safety performance indicators (SPIs).
 - ✧ Directing the assessment, control, and treatment of medium and high-level safety risks, requiring relevant units to develop specific action plans with clear timelines and assigned responsibilities.
 - ✧ Monitoring and evaluating the effectiveness of risk mitigation measures, ensuring that risks are controlled at acceptable levels in accordance with the VNA JSC's defined risk appetite.
 - ✧ Providing guidance on safety priorities for each period, aligned with the operational plan, market expansion, and fleet development strategy.



2.7.3.2. Activities of Safety Action Groups (SAG)

- ✧ Safety Action Groups (SAGs) at divisional and unit levels continued to play a core role in implementing safety management at the operational level.
- ✧ Notable achievements in 2025 included:
 - ✧ Proactively identifying hazards and collecting safety reports arising from day-to-day operational activities.
 - ✧ Conducting detailed risk assessments in key areas, including:
 - ✧ Flight operations under complex weather conditions;
 - ✧ Coordination among internal units and external stakeholders;
 - ✧ Risks related to human factors and personnel competency.
 - ✧ Proposing and implementing corrective and preventive measures, with a focus on process improvement, enhanced training, coaching, and safety communication.
 - ✧ Monitoring and conducting post-implementation evaluations, and periodically reporting results to the VNA JSC's Safety Committee.

2.7.4. Activities of the Emergency Response Center

- ✧ In 2025, the Vietnam Airlines Emergency Response Center consistently maintained a high level of readiness, meeting requirements for timely and effective response to emergency situations.
- ✧ Key activities included:
 - ✧ Reviewing and updating the Emergency Response Plan (ERP) to reflect organizational changes, operational developments, and regulatory requirements.
 - ✧ Organizing and participating in regular and scenario-based emergency drills, ensuring realism and effective multi-agency coordination.
 - ✧ Conducting post-drill evaluations to identify areas for improvement and implementing corrective actions.
 - ✧ Enhancing specialized training and drills for emergency response personnel.



2.8. Security

✕ Vietnam Airlines' Aviation Security Policy

- ✕ VNA is firmly committed to ensuring security in its operational activities, safeguarding the lives and safety of passengers as well as all employees. Aviation security assurance is delivered through the combined efforts of well-trained and competent personnel, properly maintained equipment, standardized operating procedures, and appropriate oversight mechanisms.
- ✕ VNA affirms that aviation security is the responsibility of all employees. VNA promotes an aviation security culture, placing strong emphasis on integrity and the effective use of feedback and reporting systems to ensure that all security incidents and violations are properly investigated and reviewed, including amendments to relevant procedures where necessary.
- ✕ VNA proactively identifies threats and conducts security risk management, analysis, assessment, and mitigation across its operations. Any violations of aviation security regulations are subject to strict handling, while organizations and individuals demonstrating exemplary compliance with aviation security requirements are promptly recognized and commended.
- ✕ VNA ensures the establishment and maintenance of an aviation security management system in full compliance with the requirements of aviation authorities, applicable laws and regulations, and continuously strives toward achieving the highest standards of the aviation industry.
- ✕ VNA commits to providing sufficient resources necessary for the effective implementation of its aviation security policies and objectives. VNA continuously improves its management systems and fosters a reliable working environment with the highest sense of responsibility throughout the organization, in order to meet customer needs and expectations.

✕ Results of Aviation Security Assurance in 2025

- ✕ In 2025, the domestic political, social, defense, and security situation remained stable and well maintained. The international and domestic air transport markets showed strong growth momentum; however, purchasing power in the domestic market weakened to some extent. Meanwhile, the global economic and political security environment continued to evolve unpredictably, with numerous potential risks such as the Russia - Ukraine military conflict, tensions between India and Pakistan, conflicts involving Israel and Iran and in the Middle East region, tensions along the Thailand - Cambodia border, exchange rate volatility leading to increased costs, and heightened financial risks. These factors exerted certain impacts on the VNA JSC's production and business performance.
- ✕ In response to the above context, the VNA JSC resolutely implemented various management and operational measures, closely following the directives of the Ministry of Transport, the Ministry of Construction, the Civil Aviation Authority of Vietnam, and the Immigration Department. At the same time, the VNA JSC proactively and actively coordinated with relevant authorities and units to effectively implement aviation security requirements in accordance with regulations, ensuring security for the VNA JSC's operations across all areas and operational domains, thereby making an important contribution to overall business performance results. Key achievements are summarized as follows:

First, proactively enhancing the operational capacity of the VNA JSC's aviation security organizational system

The VNA JSC identified this as a key and continuous task in the context of increasingly stringent aviation security requirements and changes in the state management model, whereby aviation security responsibilities were transferred to the Ministry of Public Security effective 1 March 2025. Accordingly, the VNA JSC proactively reviewed and restructured its aviation security organization, clearly defining the functions, duties, and responsibilities of each unit and level within the security assurance chain. Proactively strengthening the operational capacity of the aviation security organization ensures full compliance with Vietnamese laws, alignment with regulatory authority requirements and international practices, and contributes to maintaining safety and security for civil aviation operations.

Second, proactively implementing measures to closely monitor domestic and international security developments in order to promptly identify and assess security threats and risks

And deploy security measures for routes and operational areas, enabling effective response to situations that may impact the VNA JSC's operations. In particular, security measures were reinforced during public holidays, Lunar New Year periods, national anniversaries, and major national events. Security risk assessments were conducted in a timely manner to adjust and apply flight routes through the airspace of Russia, Pakistan, India, the Middle East region, and along the Thailand - Cambodia border during periods of armed conflict. Aviation security measures were strengthened for operations at THD Airport following the appearance of unmanned aerial vehicles (UAVs). Enhanced security measures were implemented for operations in Korea, the United States, and Europe amid complex political situations and the impact of U.S. involvement in the Israel - Iran conflict. Security measures were intensified following the bombing incident in New Delhi, India. Aviation security quality control was effectively implemented, ensuring compliance with aviation security inspections conducted by the U.S. Transportation Security Administration (TSA).

Third, strengthening measures to prevent smuggling, trade fraud, and counterfeit goods, while minimizing violations of discipline and law by employees

In line with the guiding principle of coordination in combating smuggling, trade fraud, and counterfeit goods - "resolute, persistent, continuous, and with no prohibited areas" - and in strict compliance with laws and regulations, the VNA JSC closely followed the direction of competent authorities, particularly the National Steering Committee 389, the Ministry of Transport, and the Civil Aviation Authority of Vietnam, and proactively implemented comprehensive solutions to gradually reduce incidents occurring during operations, thereby protecting the Corporation's reputation and revenue, including: **(1)** Intensifying communication and extensive dissemination to all employees through training conferences on drug prevention, anti-smuggling, prevention of trade fraud and counterfeit goods; internal security control and prevention of disciplinary and legal violations; information security; and counter-terrorism, in coordinated with functional units of the Ministry of Public Security (A02, A05, C03, People's Police Academy) and the Central Department for Protection of Political Security, to ensure that relevant employees are fully informed and do not participate in, facilitate, or abet smuggling or violations of law and discipline. **(2)** Conducting reviews and strengthening internal security control, implementing staff rotation, and requiring 100% of employees working in positions with direct access to baggage, cargo, and aircraft to sign commitments not to participate in or facilitate smuggling, trade fraud, or the transportation of counterfeit goods. **(3)** Strengthening inspection of flight crew baggage on international flights to ensure strict compliance with crew baggage and customs regulations. **(4)** Proactively coordinating in the detection and strict handling of violations, in line with the VNA JSC's policy of zero tolerance for concealment or indulgence of smuggling, trade fraud, and counterfeit goods.

Fourth, proactively and closely coordinating with functional authorities (Police, Customs, domestic and international aviation authorities, and aviation security control forces) in implementing aviation security measures in support of operations:

(1) Promptly detecting, investigating, verifying, and handling **84 aviation security-related** cases in accordance with regulations; no serious cases were recorded, representing a decrease of **08 cases compared with 2024**. (2) Coordinating in the retrieval, verification, and provision of information related to passengers traveling on the Corporation's flights and other relevant information, fulfilling **85 requests** from domestic and foreign authorities. (3) Timely updating and issuing alerts within the information system for **295 wanted persons**, individuals related to criminal cases under monitoring, prohibited transport subjects, or subjects subject to mandatory inspection, in order to proactively detect, prevent, and notify competent authorities. (4) Coordinating with Department A08, foreign diplomatic missions in Vietnam, and aviation security control forces at airports in exchanging information and effectively verifying passenger identification documents; promptly detecting and handling **18 cases involving 23 passengers** using forged documents to travel by air, a decrease of **23 cases involving 31 passengers compared with 2024**. (5) Implementing preventive measures, proactive interception, and timely coordination in handling 25,471 alerts generated by information technology systems, and detecting, verifying, and remedying **01 data leakage incident**. (6) Proactively coordinating with **Department A08** to deploy in-flight security officers on chartered and domestic commercial flights, ensuring optimal conditions for the performance of in-flight security duties while not adversely affecting commercial operations or charter flights.



2.9. Human Resource Management

2.9.1. Compensation, Income and Employee Benefits

- ✕ The year 2025 marked a period of strong recovery and positive growth for Vietnam Airlines. Employees' income, salaries, and benefits were not only restored but also exceeded the 2019 levels, which represented the peak of the aviation industry prior to the COVID-19 pandemic.
- ✕ During the year, VNA proactively participated in providing feedback and contributing to the amendment of two new Government Decrees on salary regulations, thereby establishing a legal framework and financial basis for implementing competitive remuneration policies aimed at attracting and retaining aviation-specific and high-quality human resources. In parallel, VNA implemented two adjustments to the salary levels used as the basis for social insurance contributions, which not only significantly improved current income for employees but also contributed to enhanced social insurance benefits, particularly upon retirement in the future.
- ✕ Alongside the enhancement of compensation mechanisms, VNA strengthened human resources governance by focusing on reviewing and optimizing labor costs, and decisively implementing measures to improve workforce utilization efficiency. These efforts ensured that labor costs were effectively controlled in alignment with the scale and operating efficiency of the airline. In tandem with salary policies, employee welfare benefits continued to be restored and enhanced in 2025. Contributions to health insurance were increased compared with 2024, accompanied by expanded insurance coverage and a broader network of affiliated healthcare providers. The VNA JSC also resumed participation in supplementary retirement insurance, which had been temporarily suspended since 2020, adjusted upward the meal allowance, and introduced additional employee care policies, including birthday benefits and benefits for female employees on International Women's Day (March 8) and Vietnamese Women's Day (October 20). These initiatives contributed to strengthening employee engagement and stabilizing the workforce.

2.9.2. Total number of employees of the parent company and consolidated group as of December 31, 2024

- ✕ The consolidated workforce of the Corporation as of December 31, 2025, is 19,130 people, including 5,220 from the parent company and 13,910 from subsidiaries and affiliated companies.
- ✕ Among them, for the parent company: Employees are counted as those listed in the management roster of agencies and units (excluding ALSUCO members). The workforce of VNA continues to develop with a focus on youthfulness while emphasizing the improvement of professional qualifications and expertise. In particular, key and specialized positions such as pilots, flight attendants, engineers, and aircraft technicians are systematically trained and ready to effectively meet the requirements of business production and air transport operations.

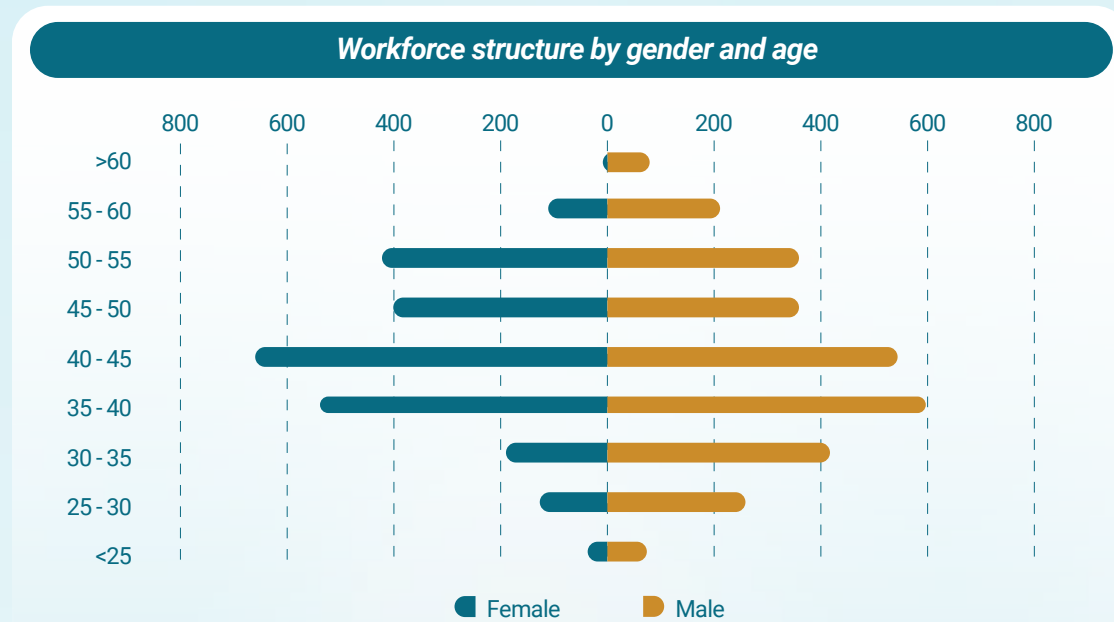
2.9.3. Parent Company Information

a. Average Income

Vietnam Airlines continued to flexibly manage its human resources and compensation policies in line with business performance; the average employee income in 2025 increased by 25% compared to the pre-COVID-19 period.

b. Average workforce and average age

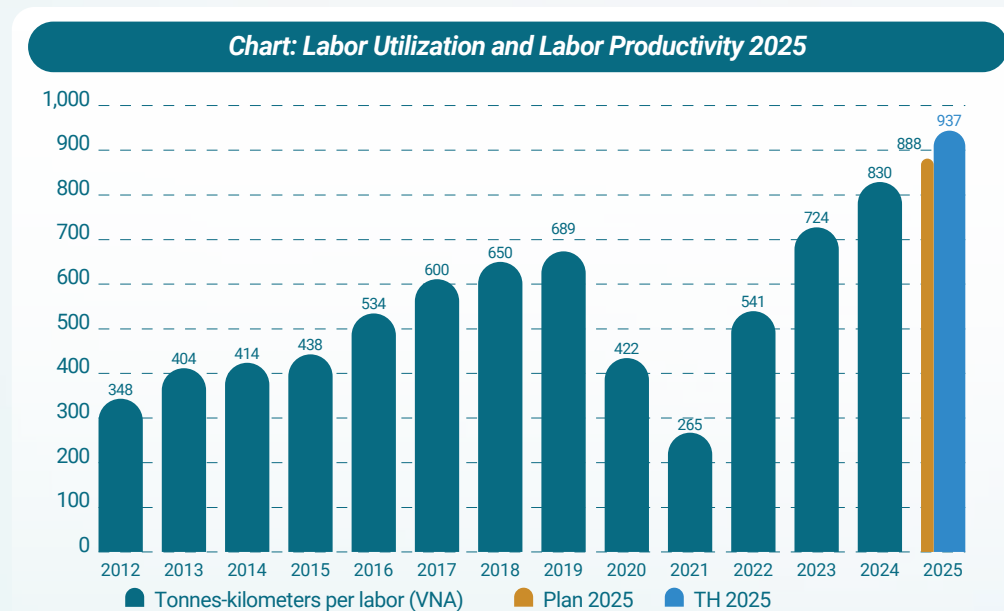
- ⊗ Workforce structure by gender and age (reverse order)



- ⊗ The average workforce utilized during the year amounted to 5,214 employees, calculated based on the number of employees actually working and adjusted in proportion to the actual number of working days in the month; for PC and TV, the calculation was based on the actual number of flight operations conducted.

c. Indicators on Labor Productivity

- ⊗ In 2025, the VNA JSC continued to implement and complete the organizational restructuring of a number of departments and units in accordance with Resolution No. 18 and the VNA JSC's development orientation. A comprehensive review and labour norm-setting exercise was carried out based on actual workloads, with a view to enhancing management efficiency and optimizing resource utilization. At the same time, the VNA JSC proactively accelerated the application of digital transformation and technology to shorten processing time for operational tasks, strengthen governance capacity, and enhance competitiveness.
- ⊗ Through prudent workforce management and efficient labour utilization, the average workforce in 2025 stood at 5,214 employees, equivalent to 97% of the 2025 plan as reported to the General Meeting of Shareholders (GMS). Labour productivity measured by revenue traffic load in terms of revenue ton kilometres (RTK) reached 937 thousand ton-kilometres per employee, achieving 105% of the plan.



- ⊗ The voluntary employee turnover rate in 2025 remained at a low level (approximately 2%), attributable to the following key factors:
- ⊗ Strong recovery of the aviation market and VNA's operational activities;
 - ⊗ Significant improvements in the compensation mechanism, ensuring enhanced competitiveness in the labor market;
 - ⊗ A sustainable development orientation with a peoplecentric approach, fostering a stable and professional working environment.
- ⊗ Measures implemented to improve and enhance labor productivity included:
- ⊗ Compensation and benefits policies: Maintaining a transparent and competitive salary and incentive mechanism. Internal communications were further strengthened to reinforce the positioning of employee benefits as a key competitive advantage in attracting new talent and retaining existing employees.
 - ⊗ Working environment: Strongly disseminating and embedding Vietnam Airlines' corporate cultural values among candidates and employees. Modernizing the working environment through comprehensive digital transformation in human resources management, thereby optimizing processes, reducing operational pressure, and fostering breakthrough improvements in labor productivity.
 - ⊗ Human capital development: Establishing clear career progression pathways and creating favorable conditions for employees to fully develop their potential. Priority was given to investments in skills enhancement training and internal job rotation, with the objective of effectively leveraging existing knowledge and experience within the organization.
 - ⊗ Fair and transparent performance evaluation mechanisms: Regularly reviewing and assessing employee capabilities based on performance outcomes and value creation. Maintaining a two-way feedback mechanism and timely recognition of outstanding individuals, ensuring that all contributions are duly acknowledged and providing equitable opportunities for career advancement.

2.9.4. Implementation results**⊗ Recruitment**

The VNA JSC continued to implement talent pipeline development, recruitment, and training programs for aviation-specific human resources through a socialized approach. Basic pilots were recruited and admitted into aircraft type transition training programs to supplement pilot resources in line with operational expansion plans and the opening of new routes and airports in 2026. Centralized and online recruitment campaigns were organized, contributing to the addition of a young, abundant, and highpotential ground service workforce. This workforce has made positive contributions to efforts aimed at enhancing service quality and labor productivity.

⊗ Training and Human Resource Development

Training and development activities were vigorously implemented to ensure both the quantity and quality of training, in full compliance with the requirements of the Civil Aviation Authority of Vietnam (CAAV), international assessment organizations such as IATA and IOSA, and Vietnam Airlines' development needs. Key activities included:

(i) Development and updating of the training documentation system: The VNA JSC successfully completed the development and updating of the Training Regulations of the Aviation Holding Corporation and finalized the training policies and documentation system across all divisions, including Flight Operations, Engineering, and Ground Operations (Part D1 / Part D2 / Part D3 - Training). Training programs and curricula were developed and completed, including 47 training documents for the Services Division, training materials on the NonDistribution Company (NDC) revenue-sharing model, and a set of curricula and e-learning materials for "Reservation, Pricing and Issuance using AMADEUS ALTEA."

(ii) Pilot training under the new CBTA approach: The VNA JSC completed the transition from traditional training methods to competencybased training and Assessment (CBTA) for pilots, in line with the requirements of the Civil Aviation Authority of Vietnam.

(iii) IOSA training quality control: With the objective of consistently maintaining and strictly controlling training quality, in 2025 the VNA JSC organized training courses for 203,019 trainee attendances, including 124,060 attendances for IOSA-related subjects. Participants included pilots, cabin crew, aircraft maintenance personnel, and ground operations staff, all of whom were trained in safety, security, and compliance in strict accordance with aviation authority requirements. These efforts made a significant contribution to ensuring operational continuity and maintaining flight safety.

(iv) Workforce development training: Pilot development training: aircraft type transition training (44 pilots) and captain upgrade training (25 pilots); Talent pool development training: 45 participants (GM, SM, FM, SaM); Management training: 85 participants at department and division levels; Cultural enhancement training: 6,993 participant attendances.

(v) Expansion of e-Learning (ELN): E-learning was strongly promoted across the VNA JSC and expanded to one-member limited liability subsidiaries and affiliated companies, including VIAGS, VAECO, VFT, and VACS. Training via the ELN system accounted for 70% of total trainee attendances in 2025 (142.5 thousand out of 203 thousand), representing an increase of more than 100% compared with 2024 (70 thousand attendances). Notably, 100% of IOSA theoretical training courses were digitalized and delivered online through the ELN system, with over 124 thousand trainee attendances. These initiatives resulted in savings of VND 42.9 billion in travel expenses for the VNA JSC (excluding labor and instructor costs).

As a result of these efforts in 2025, the VNA JSC's training system fully met 100% of the requirements for AOC revalidation assessments, and training activities complied with the requirements of international aviation authorities and the Civil Aviation Authority of Vietnam.

✕ Planning, appointment, rotation, and evaluation of managers

- ✕ Activities related to managerial planning, appointment, rotation, and evaluation in 2025 were closely monitored and implemented in a consistent and integrated manner, in strict compliance with newly issued government regulations and closely aligned with the VNA JSC's long-term development strategy. With the objective of sustainable development, evaluation criteria are continually reviewed and updated to reflect practical conditions, thereby supporting the development, governance capacity, and adaptability of the managerial workforce.

✕ The operating performance and key highlights of the training facilities, including FTC, ĐTV, ĐB, and VFT, focused on four (4) main aspects:

- ✕ Standardization of training documentation systems (policies, programs, curricula) in compliance with CAAV requirements and IOSA standards; implementation of periodic reviews, updates, and change control according to a defined roadmap, ensuring documentation is accurate, complete, consistent, and auditable.
- ✕ Enhancement of training workforce quality, including workforce planning and development of part-time instructors (pilots, cabin crew, flight operations officers), standardization of professional competencies and conduct standards, and ensuring training capacity aligns with rapid operational growth.
- ✕ Modernization of training methodologies, including phased implementation of competency-based training and assessment (CBTA) for pilots and cabin crew in line with best practices of leading airlines, aimed at enhancing training effectiveness, assessment reliability, and alignment with practical operational requirements.
- ✕ Timely provision of specialized human resources, effectively organizing talent pipeline development, recruitment, and initial, recurrent, and upgrade training for pilots, cabin crew, and flight dispatch officers, thereby supporting operational plans and contributing to safety, service quality, and overall production and business efficiency of the VNA JSC.

✕ Corporate Culture

- ✕ Throughout the formation, development, and sustainable growth of VNA, the establishment of corporate culture and the development of workplace culture and people, built on the preservation and promotion of the nation's cultural values, the traditional values of civil aviation, and the heroic Vietnamese People's Army - have created strong internal strength and a distinctive cultural identity for the VNA JSC. These foundations have crystallized into the core values of Vietnam Airlines' corporate culture, which have been deeply ingrained over time and manifested not only in communication and conduct standards, but also in vision, mission, core values, rules, management style, development objectives and strategies, and the behaviors and attitudes of all members of VNA.
- ✕ In parallel with a strong sense of responsibility for preserving and promoting existing positive values, the further development and enhancement of VNA's corporate culture, closely linked with digital transformation and aligned with international integration requirements, are regarded as critically important criteria. With the objective of building a strong VNA with a distinctive identity, the system of cultural and behavioral codes, together with the "Vietnam Airlines Corporate Culture Handbook", serves as a guiding compass for every member of the organization to fully understand, appreciate, and uphold the enterprise's core values. At the same time, it represents an indispensable tool supporting personal development and self-improvement, while fostering collective strength and cohesion across the VNA JSC.

2.10. Communications and Brand Development

- ✕ In 2025, VNA's brand communication activities were implemented under the overarching message **"Together We Rise as One Nation"** (Cùng non sông cất cánh), with communication efforts structured around three key themes:
 - ✕ Reaffirming the role as the National Flag Carrier (#RisingWithTheNation) targeting state authorities.
 - ✕ Restoring business operations (#RisingWithConfidence) targeting customers.
 - ✕ Celebrating the 30th anniversary (#RisingWithPride) targeting employees.
- ✕ At the same time, VNA continued to reinforce the brand positioning of "Cherishing Every Mile" (Vạn dặm nâng niu), strengthening its image as an international five-star national airline. Brand storytelling focused on global connectivity, Vietnamese cultural journeys, sophisticated in-flight cuisine and the airline's green transformation journey.

Brand image management

- ✕ Maintaining a consistent and professional brand image across all customer and employee touchpoints.
- ✕ Developing brand identity toward a younger, more modern and trend-aligned direction, positioning VNA as a Vietnamese cultural ambassador on the global stage.
- ✕ Strengthening cooperation with provinces and cities, corporations, enterprises, as well as foreign embassies and consulates to jointly build and promote VNA's brand image.
- ✕ Continue to conduct research and implementation programs continued to be carried out in accordance with the brand repositioning roadmap.

High-Impact Advertising, Communications and Event Activities

a. Successful campaign celebrating the 30th anniversary of the VNA JSC

- ✕ Launch of the "Lac Bird" symbol on aircraft livery, representing aspiration and elevation, creating strong brand resonance, particularly during the inauguration of Terminal T3 and on special and state flights.
- ✕ Organization of the 30th anniversary ceremony and the reception of the Prime Minister's Certificate of Merit, with the participation of nearly 1,000 delegates and employees.
- ✕ Celebration of the 350 millionth passenger milestone, co-organized with the Ministry of Culture, Sports and Tourism and the Hue People's Committee; organization of retro-uniform flights representing different historical periods, generating strong public interest.

- ⊗ Communications products included the launch of a bilingual 30year commemorative book, a VTV documentary, and campaign videos achieving 2.5 million views on TikTok and Facebook, along with over 50 feature articles on Spirit.
- ⊗ Press and media communications achieved 270 press articles, 600 social media posts, and over 100,000 interactions, including the dedicated column **"30 Years - Taking the Nation to the Skies."**

- ⊗ Employee and community engagement activities included three writing, photography and music contests with more than 250 submissions, exceeding KPIs by 322% and attracting tens of thousands of interactions.

b. Communications for the VNA JSC's Party Congress

- ⊗ The Communications department led the implementation of a comprehensive communication plan (From March to August 2025) aligned with political orientation, fostering optimism and renewed confidence among employees.
- ⊗ A 360-degree, multi-channel communication strategy was deployed, including a highly appreciated term-summary documentary reflecting achievements of the 2020 - 2025 term, thematic article series, leadership interviews (Party Committee, Board of Directors, Executive Management), long-form content, videos and infographics across Spirit, VNA Talk, central press agencies and major media partners.
- ⊗ Organization of various contests, logo design initiatives and engagement programs to strengthen connectivity among Party members, widely promoting the spirit of unity, resilience and action.
- ⊗ VNA's image was strongly associated with the message "New Confidence – New Momentum," affirming its role as the National Flag Carrier accompanying national development.

c. A80 Exhibition

- ⊗ VNA's exhibition booth stood out with a simulator cockpit, biometric experience, 5 star services, a USD 50 million A350 engine, and attractive giveaways.
- ⊗ The exhibition attracted nearly one million visitors and received high appreciation from senior leaders, international guests, the business community and the public.
- ⊗ The booth was recognized for its large-scale and professional execution, creating strong impact within the "Sky Aspiration" exhibition zone.
- ⊗ In coordination with VTV, press agencies and VNA' communication channels, 280 media articles, 450 social media posts, and 147,000 interactions were recorded.
- ⊗ Direct revenue reached VND 17.4 billion (ticket sales, gift cards, milk tea, lounge vouchers); nearly 10,000 new Lotusmiles members were recruited; the booth received the award "Outstanding Exhibition Space."



d. "Cham Thu Ha Noi" (Touching Hanoi Autumn) Campaign

- ⊗ A series of impressive events comprising classical music, modern concerts, community sports activities, youth lifestyle experiences and sustainability-oriented initiatives.
- ⊗ Each event conveyed a distinct expression of "Cham Thu Ha Noi" through diverse experiential touch points, generating strong support from younger audiences with the participation of tens of thousands of attendees.



e. "Van Dam Nang Niu" (Care Across Every Mile) Campaign

- ⊗ A strategic advertising campaign for 2025 featuring Phase 2 of the "Van Dam Nang Niu" message, including five key visuals (KV) and TVCs of 30 seconds, 15 seconds and 6 seconds, produced in nine languages, delivering refined, elegant, professional and impactful imagery.
- ⊗ Multi-channel strategic advertising was deployed in the Vietnamese market and seven key international markets, achieving over 100 million impressions with an engagement rate of 24%.



International Awards

No.	International awards	Issuing Authority Awarding Organization
1	Top 25 Safest Airlines in the World	Airline Ratings
2	Top 25 Best Airlines in the World	
3	World's Best Value Premium Economy Airline	
4	Sustainable Airline Award	
5	Outstanding 5-Star Airline of the Year 2025	APEX
6	Top 100 World's Best Airlines 2025	Skytrax
7	Asia's Leading Airline Brand	World Travel Awards
8	Asia's Leading Frequent Flyer Program	
9	Asia's Leading Inflight Magazine	
10	Most Effective Solution - Inflight Product 2025 at The Aviation Challenge 2025	Skyteam
11	Outstanding Digital Transformation Organization	Asian-Oceanian Computing Industry Organization
12	Top 500 Largest Companies in Southeast Asia	Fortune
13	Social Responsibility Award	Pacific Asia Travel Association
14	Jury's Favourite Award	
15	Silver Award - Product and/or Service Launch category for the "Sky Sofa - From Seat to Suite" campaign	MMA Global (Mobile Marketing Association) - MMA
16	Bronze Award - Data Insights/Contextual Marketing category for the "Ticket to Tết: From Intent to Impact" campaign	
17	Best Airline for Elite Frequent Flyer Privileges in Asia-Pacific Region 2025	Frequent Traveler Awards
18	Asia-Pacific Airline of the Year 2025	
19	Silver Award - "Best Loyalty Strategy - Rewards & Incentives"	Loyalty Engagement Awards 2025
20	Top 10 Most On-Time Airlines in Asia-Pacific 2024	Cirium Magazine
21	Top 10 Best Airlines in Asia	DestinAsian Reader Choice's award
22	Top 10 Airlines with the Best Premium Cabin	
23	Top 10 Airlines with the Best Economy Class	

STT	International awards	Issuing Authority Awarding Organization
24	Top 5 Safest Full-Service Airlines in Asia in 2025	Time Out Asia Magazine
25	Top 10 Travel Brands in Southeast Asia	Campaign Asia
26	Airline rated 9 stars for environmental responsibility	42kft.com
27	Chúng chỉ SkaiBlu - Hãng hàng không thương mại điện tử tiên tiến	Digital Achievement Award 2025

Domestic Awards

No.	Domestic Avars	Issuing Authority Awarding Organization
1	Certificate of Merit awarded by the Prime Minister of the Socialist Republic of Viet Nam for outstanding achievements in search and rescue operations following the Myanmar earthquake	Prime minister
2	Certificate of Merit awarded by the Prime Minister of the Socialist Republic of Viet Nam for outstanding and breakthrough achievements in innovation, productivity improvement, enhancement of production and business efficiency, and contributions to national socioeconomic development	
3	Certificate of Merit awarded by the Prime Minister of the Socialist Republic of Viet Nam for outstanding achievements in the implementation of Project 06	
4	Top 20 Cultural and Reputable Enterprises 2025	Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI)
5	Vietnam Creative Advertising Awards (Vạn Xuân Awards 2025) First Prize, Television Category	Vietnam Advertising Association and the Ministry of Culture, Sports and Tourism
6	Vietnam Creative Advertising Awards (Vạn Xuân Awards 2025) Outstanding Brand Repositioning Campaign Category	
7	Top 10 Best Tourism Passenger Transportation Enterprises	Vietnam National Administration of Tourism (Ministry of Culture, Sports and Tourism)
8	Vietnam Industry 4.0 Awards (4th edition) Top organizations/enterprises in science and technology, innovation, and digital transformation	Vietnam Union of Science and Technology Associations, Vietnam Automation Association, and the Institute of Innovation and Digital Transformation
9	Top 50 Leading Brands in Southeast Asia and Top 10 Leading Brands in Vietnam	Campaign Asia Magazine
10	Vietnam Best Brands Ranking 2024	Vietnam Investment Review (VIR) and VietResearch
11	Top 10 ESG Companies in Vietnam's Logistics Sector	
12	Top 100 ESG Companies in Vietnam Across All Industries	Vietnam Investment Review and VietResearch
13	Vietnam Golden Brand Award	

2.11. Information Technology

- ✎ In the context of technology shaping the future of global aviation, 2025 marked a significant milestone for Vietnam Airlines (VNA) in the successful execution of its comprehensive digital transformation strategy. Digital platforms and mission-critical application systems were identified as core solutions to enhance operational efficiency, establish seamless connectivity between production and business activities and operational governance, and improve overall passenger service quality.
- ✎ In the commercial domain, the commissioning of the new e-commerce website played a pivotal role in optimizing the direct sales channel and personalizing the customer journey. Designed as a central digital platform with advanced technology architecture, the website integrates a 24/7 AI-powered chatbot alongside an optimized booking flow. This not only reinforces the position of Vietnam Airlines as the national flag carrier but also serves as a strong catalyst for the growth of online revenues. In parallel, loyalty and partner management platforms, including LSMA, Lotus Biz and Lotus Booker, were further specialized to fully digitize booking, ticket issuance and the management of Lotusmiles (Golden Lotus Plus) memberships, thereby creating sustainable growth momentum for the B2B partner ecosystem.
- ✎ With the innovations in sales, VNA continued to demonstrate its technological capability by pioneering the deployment of in-flight connectivity (IFC) on its Airbus A350 fleet, marking a significant step in the airline's service modernization roadmap and fulfilling passengers' demand for continuous connectivity throughout the flight. This solution not only affirms VNA's technological competence and regional leadership in keeping pace with global aviation trends, but also serves as a pivotal driver in elevating the overall customer experience.
- ✎ To ensure safe, accurate and efficient flight operations, VNA applied the Lido Flight 4D system in operational planning, optimizing flight planning processes. The system enables flexible route calculations, real-time data-driven decision support, and deep integration with flight planning information infrastructure and mobile applications for flight crews. Leveraging big data technologies, VNA has optimized aircraft utilization, enhanced crew management efficiency and enabled more flexible operational planning. As a result, the system plays a crucial role in controlling operating costs by reducing fuel consumption and emissions, while strengthening the airline's ability to respond effectively to operational disruptions.
- ✎ At the same time, aircraft technical management capability continued to be reinforced through the completion of Phase 2 of the Technical Information Management System (TIMS), establishing a solid foundation for predictive maintenance. Notably, the transition to a dedicated cloud infrastructure for the B787 fleet has modernized data storage processes and enhanced 24/7 technical data analytics capabilities, ensuring high reliability and availability for one of the airline's most advanced fleets.
- ✎ Besides, the internal governance efficiency achieved a breakthrough with the deployment of a digital financial and operational management system based on direct Host-to-Host connectivity between the GAS system and banking partners. This process established transparent operational standards, enabling rapid payments to partners and suppliers without manual processing steps. The integration of smart document digitization with a modern business travel expense management system not only supports executive decision-making but also ensures accurate data consolidation, underscoring the airline's modern and optimized corporate governance capability. This governance strength is further reinforced by a synchronous digital infrastructure built on a new-generation cloud server system-wide, ensuring high data availability and enabling seamless online conferencing solutions, thereby supporting uninterrupted systemwide management connectivity. With a comprehensive digital transformation strategy, Vietnam Airlines continues to pioneer its journey towards becoming a leading digital airline in the ASEAN region and on the global stage.

- ✎ In particular, 2025 marked the extensive and comprehensive integration of Artificial Intelligence (AI) into VNA's technology ecosystem, maximizing synergies across its existing platforms. At customer touchpoints, VNA is developing a roadmap for applying AI algorithms to analyze passenger behavior, aiming to provide personalized itinerary and ancillary service recommendations, and gradually transforming its service model towards a more proactive and customer-centric approach. In operational management, AI is identified as a high-potential future tool, supporting the processing of data from the route network and technical infrastructure to optimize resource allocation and support maintenance forecasting. Mastery of AI technologies not only enhances VNA's operational efficiency but also creates differentiation in competitiveness, reinforcing its image as a dynamic airline that keeps pace with leading technological advancements and continuously sets new service standards in the digital era.

a. Assessment of IT system readiness

- ✎ In 2025, VNA's digital infrastructure systems were maintained in stable and reliable operation, ensuring operational continuity even during peak periods. In parallel, information security was implemented in an integrated manner with a 24/7 monitoring mechanism, emphasizing proactive prevention while maintaining flexible incident response capabilities under all potential scenarios.

b. Information security and data protection policies for customers and shareholders, and key changes

- ✎ In 2025, VNA established stringent standards to ensure absolute information security across its digital systems and successfully achieved key performance indicators (KPIs): 100% of servers and workstations were installed with specialized information security software, and 100% of information security incidents were fully resolved. These results serve as clear evidence of a digital infrastructure operated with high stability, ensuring business continuity even during peak operational periods. Recognizing data protection as a strategic priority, Vietnam Airlines elevated its information security management to a new level through the deployment of a proactive information security defense framework based on three key pillars:
 - ✎ Multi-layered security governance and 24/7 monitoring: The VNA effectively mitigates the risk of unauthorized access.
 - ✎ Enhanced defense capability and flexible incident response: The VNA prioritized investments in advanced technological solutions to counter sophisticated threats. In addition, help completely prevent the risk of remote leakage of customer information.
 - ✎ Policy enforcement and compliance with the international standards: VNA is committed to strict compliance with international security standards and data protection regulations, including GDPR and Decree No. 13 on personal data protection.
 - ✎ VNA's digital transformation journey during 2020 - 2025 marked a strong breakthrough, realizing the transition from a traditional airline to a digital airline. The most compelling evidence is the significant improvement in the digital maturity index of VNA's parent company, rising from the "Initiation" level (30.1% in 2022) to the "Advanced" level (77.08% in 2024), placing VNA among the Top 3 leading entities under the State Capital Management Committee. Notably, with a Digital Airline Score (DAS) of 120 points in 2025, VNA officially joined the group of "Advanced E-commerce Carriers". This serves as a critical foundation for positioning digital transformation and innovation as key drivers of the airline's sustainable development. VNA officially entered the 2025 - 2030 period with a proactive mindset focused on technology mastery and innovation. The airline has developed a science and technology, innovation and digital transformation roadmap for 2025 - 2030, structured into three key phases, closely aligned with the objective of "Green Transformation":

✧ **2025 - 2026:** Building a solid foundation: This phase focuses on completing digital infrastructure, unified data systems and overall digital architecture to underpin future breakthroughs.

✧ **2027 - 2028:** Comprehensive digitisation and service excellence: This breakthrough phase aims to accelerate deep digital transformation across core areas including operations, engineering, commercial activities and cargo. VNA targets the digitisation of at least 75% of management processes, while standardising workforce capabilities with over 80% of employees receiving advanced digital skills training. A major highlight is the completion of IFC coverage across the entire fleet, redefining the passenger experience, alongside the pioneering deployment of Sandbox mechanisms for innovation initiatives.

✧ **2029 - 2030:** Full digital transformation (Digital Airline): This phase completes the objective of becoming an international standard digital airline in line with the IATA Digital Airline Ambition 2030 framework. To realise this strategic roadmap, VNA is implementing a systematic set of solutions serving as firm strategic pillars, driving digital transformation through five key task groups:

✧ Strengthening leadership and institutional frameworks: Enhancing comprehensive leadership in science, technology, innovation and digital transformation; refining internal legal frameworks; and establishing mechanisms to encourage and protect employees who demonstrate initiative, creativity and innovation for the common good.

✧ Building data infrastructure and an API ecosystem: Developing an integrated big data platform as a “strategic asset” to drive innovation, alongside an open API ecosystem to ensure connectivity, centralised management, transparency and security.

✧ Developing human resources and digital culture: Focusing on training a high calibre technology workforce and fostering a modern digital working environment where innovation culture becomes a constant driving force across all VNA activities.

✧ Strategic partnerships and technology mastery: Strengthening research collaboration with leading global technology corporations to proactively absorb, transfer and master pioneering aviation technologies.

✧ Integrating digital transformation with green transformation: Serving as a crosscutting orientation in all technology projects, with prioritised investments in green technologies and Sustainable Aviation Fuel (SAF), supporting sustainable development and greenhouse gas emission reduction goals.

2.12. Restructuring the Parent Company and Subsidiaries

2.12.1. Reorganization of business operations

Flight routes

✧ In 2025, VNA JSC continued to expand its international route network, launching new routes to destinations in Denmark, Italy, Russia, China, India, Korea and Southeast Asia, with a total of 14 new international routes. As of the reporting date, Vietnam Airlines operates an international network of 72 routes serving 38 destinations across 21 countries, and a domestic network of 41 routes connecting all 22 airports nationwide.

Sales operations

✧ Closely monitoring market developments and take a proactive approach to market research and forecasting, thereby enabling flexible management and optimization of product offerings supplied to the market.

✧ Expanding and further complete fare class distribution channels and the sales network across markets. Successfully completing the assessment process for the appointment of General Sales Agents (GSAs) in South Asian markets.

✧ Promote engagement with and onboard additional global OTA/TMC partners, achieving full coverage of the world's leading OTA groups. As of the end of 2025, seven (07) partners were maintaining cooperative relationships with Vietnam Airlines (VNA), representing a doubling in both the number of partners and revenue scale compared to 2024.

✧ Strengthen customized pricing policies; intensify identity-based programs across online platforms; and enhance communication of B2B programs for corporate and institutional customers (Corporate Accounts – CA). In May 2025, VNA successfully launched the LotusBiz brand on online platforms for CAs and leading agents within the Vietnamese market.

✧ Upgrade and enhance functionalities and utilities of information technology systems serving large customers (Corporate Accounts - CA).

✧ Continue developing and expanding direct sales channels in overseas markets. In addition to markets already implemented, including Japan and South Korea, in 2025, this direct sales channel was extended to four (04) new markets: Australia, Taiwan, Laos, and the United States.

✧ Completed the upgrade and officially launched the new website in November 2025, featuring 152 functions.

✧ Strengthen cooperation with metasearch partners, e-wallet platforms, non-aviation partners, and banks to enhance added value for passengers purchasing tickets via online channels.

✧ Implement solutions related to technology application, digital marketing, and further refine sales policies for ancillary products.

Freight operations

✧ Implement integrated solutions to enhance the efficiency of air cargo operations; optimize load management on passenger flights; prepare for the effective deployment of the dedicated A321F freighter fleet in line with an appropriate roadmap; and gradually establish and develop a synchronized, modern air logistics ecosystem.

✧ Proactively monitor market developments and competitive dynamics; maintain flexibility in sales activities, pricing policies, and revenue management; strengthen strategic cooperation with airlines and domestic and international logistics partners; and focus on exploiting high-value, stable, and sustainable cargo sources.

✧ Promote the application of digital transformation across revenue management, sales, distribution network management, logistics, and customer service; implement e-AWB across the entire flight network; research and gradually deploy appropriate online sales channels; enhance cargo service quality, thereby maintaining and expanding market share.

Service operations

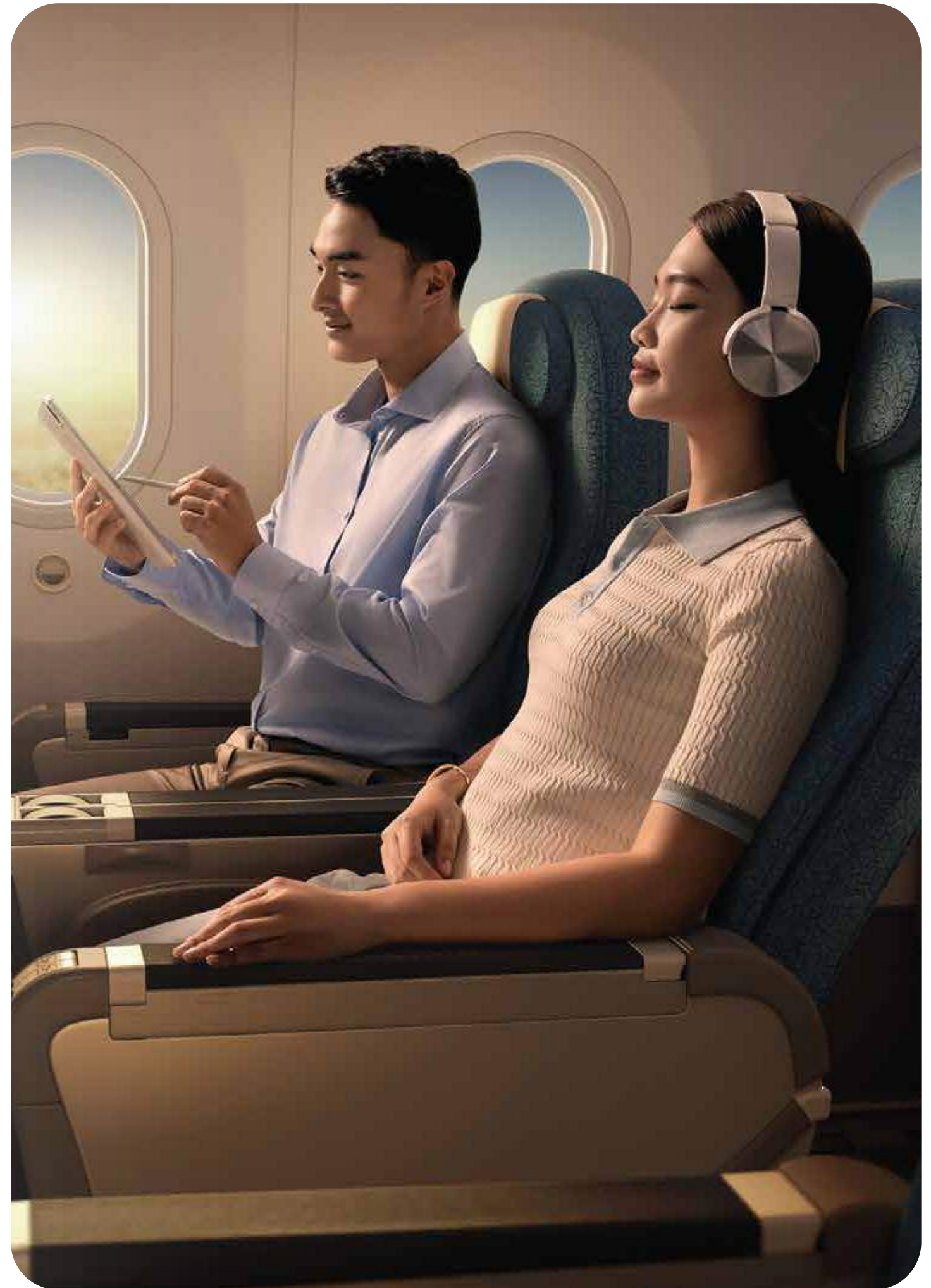
✧ Since February 2025, Vietnam Airlines has implemented a restructuring and streamlining of its organization within the Service Division and the Passenger Services Department under a new organizational model, contributing to improved management efficiency and labor productivity. The operating model has been designed with clear delineation of functions and responsibilities, ensuring that each task has a designated lead unit accountable throughout the entire process—from policy development and product design to implementation and quality control. The transformation has been carried out in a synchronized manner, ensuring smooth and stable operations as well as consistent service quality across the Corporation.

2.12.2. Restructuring of member companies

In 2025, the VNA JSC actively implemented the restructuring of its subsidiaries and achieved the following results: the approval of the policy on capital divestment was completed, and a number of preparatory activities were carried out for the divestment of the VNA JSC's capital in Tan Son Nhat Cargo Services Joint Stock Company (TCS), including the engagement of valuation consultants, determination of enterprise value, and advisory services for the development of the capital transfer plan; coordination with consultants to implement related tasks, including the application for extension of the land use right certificate of TCS, etc. The VNA JSC completed the submission for approval and implemented the plan to extend the service cooperation agreement and aircraft lease agreements between the Corporation and Pacific Airlines (PA), ensuring compliance with regulatory requirements and overall effectiveness for both parties. The overall plan for the development of a low-cost carrier (LCC) within the Vietnam Airlines Group was finalized. At the same time, the Corporation conducted studies and submitted reports to competent authorities on the adjustment of the capital divestment plan for Vietnam Airlines' investments in a number of multi-industry enterprises with limited relevance to air transport operations, with a view to implementing such divestments from 2026 onward.

Human resources and compensation restructuring

- ✈ In 2025, VNA focused on restructuring and optimizing human resources by prioritizing the training and development of Vietnamese pilots, while flexibly utilizing outsourced labor and international personnel to ensure workforce readiness for the 2026 - 2030 period. In parallel, the VNA JSC achieved a breakthrough in governance through comprehensive digitalization via the SkyHR system—covering online recruitment, mobile timekeeping, and KPI evaluation, contributing to organizational streamlining, enhanced transparency, and the preparation of a solid human resource foundation for the planned expansion of the route network and new airport operations in 2026.
- ✈ The year 2025 marked a significant turning point with the issuance of Government Decree No. 44/2025/ND-CP, building upon the results of the pilot phase and policy adjustments during the 2020 - 2024 period. Under the new mechanism, VNA is permitted to separate the salary fund for Vietnamese pilots, allowing remuneration to be determined in accordance with market levels. For the remaining workforce, the salary fund is determined based on a stable unit cost mechanism for a five-year period from 2025 to 2029. This mechanism provides VNA with greater autonomy in salary fund management, ensuring a balanced alignment between financial conditions, production and business performance, and the requirement to maintain a high-quality workforce with sector-specific characteristics of the aviation industry.



2.13. Cooperation programs

a. Strategic partnership with the shareholder ANA Holdings Inc

In 2025, VNA and ANA continued to strengthen their comprehensive strategic partnership across multiple areas. The cooperation between the two airlines has been implemented pursuant to the bilateral agreements established within the framework of ANA's equity investment in VNA since 2016, thereby reinforcing the long-term partnership and enhancing the operational effectiveness of both airlines.

ANA has demonstrated strong goodwill in cooperation, proactively sharing its management experience, operational models, and best practices as one of the world's leading airlines. In 2025, the two parties continued to expand their in-depth cooperation in various areas, including passenger services (codeshare, Special Prorate Agreement (SPA), frequent flyer programs), technical support (Technical Support Agreement - TSA), ground handling services, cargo services (SPA, cargo handling), and other related areas. In addition, VNA and ANA agreed to extend the Technical Support Agreement for an additional three (03) years, extending the validity period until May 2029, in order to ensure sufficient time for VNA to effectively utilize the support committed by ANA as stipulated in the Agreement.

ANA's support over the recent period has made an important contribution to VNA's gradual enhancement of its management capacity, standardization of processes, improvement of service quality, and optimization of operational efficiency.



b. Commercial cooperation (bilateral/ multilateral/ joint venture/ Skyteam)

In terms of bilateral joint ventures, in 2025, the VNA JSC implemented codeshare cooperation with 27 international airlines and one (01) French railway operator. This included three (03) new partners, namely Saudia Airlines, Scandinavian Airlines, and Singapore Airlines, as well as the resumption of cooperation with one partner that had suspended operations during the COVID-19 period, Etihad Airways. At the same time, the VNA JSC exchanged and explored potential codeshare cooperation with Aeromexico, Air India, the German railway operator Deutsche Bahn, and rail distribution company AccessRail, with a view to expanding the cooperative network and better meeting the increasingly diverse needs of passengers.

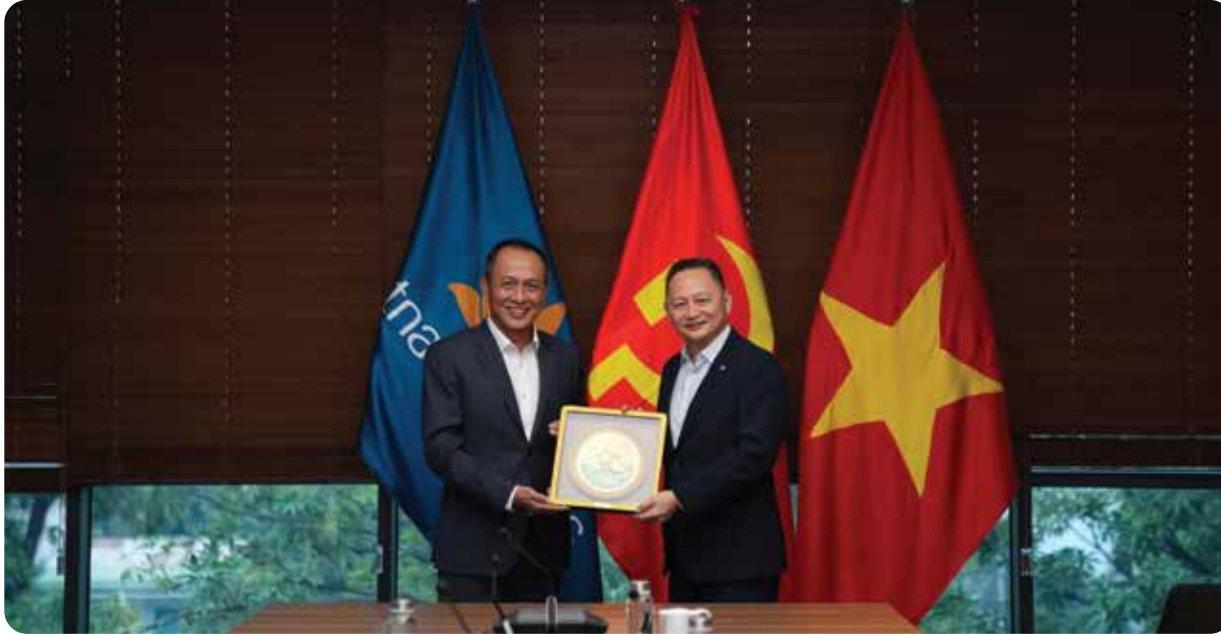


Regarding joint venture cooperation, the VNA JSC completed the application dossiers for antitrust immunity in relation to cooperation with Air France and cooperation with China Southern Airlines, and officially implemented joint venture cooperation with these two partners from 01 August 2025. In addition, the VNA JSC continued to exchange and explore the possibility of joint venture cooperation with a number of other potential partners.



b. Commercial cooperation (bilateral/ multilateral/ joint venture/ Skyteam)

Regarding special prorated agreements (SPA), the VNA JSC continued to effectively manage more than 80 SPA partnerships with airlines and railway operators. Strengthening cooperation has enabled VNA to expand its network, diversify products, protect the VNA JSC's revenue, and contribute to improving route performance, enhancing brand image, and strengthening its presence across most major markets worldwide.



Regarding multilateral cooperation, the VNA JSC actively and extensively participated in activities of multilateral organizations such as IATA, AAPA, and the global airline alliance SkyTeam, with the aim of enhancing the VNA JSC's role and influence in the development and shaping of common policies within the Alliance. In 2025, within the framework of sustainability initiatives launched by SkyTeam, the VNA JSC participated in The Aviation Challenge and won the award for "Most Impactful Solution – Inflight Products," one of the six most significant awards of The Aviation Challenge 2025.



Regarding government agreements and industry relations, the VNA JSC proactively contributed to the development and consultation of bilateral and multilateral air transport policies between Vietnam and other countries in order to protect the VNA JSC's interests in its operational activities. Accordingly, in 2025, the VNA JSC proposed negotiation approaches and participated in delegations led by the Civil Aviation Authority of Viet Nam (CAAV) to discuss bilateral air service agreements between Viet Nam and the United Kingdom, Mexico, Kuwait, India, Bangladesh, and Sri Lanka, as well as multilateral air transport agreements within ASEAN and between ASEAN and its dialogue partners, including the EU, New Zealand, the Republic of Korea, Japan, and the United Kingdom.

c. Cooperation with local authorities

The cooperation between VNA and provinces/cities has been continuously strengthened and expanded. By the end of 2025, VNA had completed partnership agreements with 28 out of 34 People's Committees of provinces/cities. Specifically, in 2025, VNA signed new comprehensive cooperation agreements with three provincial People's Committees, including Dak Nong, Binh Thuan, Hung Yen and renewed cooperation agreements with two (02) major provincial/municipal People's Committees, namely Hanoi and Khanh Hoa. For previous partnerships, Vietnam Airlines continues to maintain and implement overall activities in tourism, culture, and commerce promotion to jointly boost tourism, investment, aviation, and destination marketing. The cooperation also aims to develop policies that effectively support and prioritize the use of each other's products and services, enhance brand promotion, and affirm the comprehensive partnership role between VNA and local authorities in the operation and development process. This not only improves business efficiency but also contributes to the promotion of tourism, trade, and economic development of the localities and the country as a whole. The cooperation with provinces and cities in recent years has helped VNA elevate its national brand and affirm its role as the leading airline in Vietnam.



c. Cooperation with local authorities



d. Cooperation with major corporate partners

The cooperation agreement between VNA and economic groups was aimed at leveraging the strengths of each party in operational and business areas, in order to foster comprehensive cooperation, and to establish a long-term strategic partnership in the process of operation and development. Through comprehensive cooperation, VNA and these groups engaged in mutually supportive activities, expanding and developing their business operations to effectively capitalize on their respective strengths and tap into domestic and international markets. This included focusing on the traditional business fields of each party as well as other areas of mutual interest. The cooperation aims to enhance the benefits for officials and employees of both parties. In 2025, VNA continued to enter into a tripartite cooperation agreement with VNA, the Singapore Tourism Board (STB), and the Sentosa Development Corporation (SDC) of Singapore. In parallel, VNA maintained ongoing cooperation with major groups and enterprises with which partnerships had previously been established, such as Vingroup and Saigontourist Group, etc. These collaborations successfully implemented joint marketing initiatives, co-hosted events, and launched coordinated sales campaigns for joint products, thereby enhancing customer experience and increasing value and benefits for customers of all parties involved.



3. Investment activities

The total investment budget for 2025 is VND 2,090 billion, including: A summary of the implementation status of the 2025 investment plan is as follows:

Investment portfolio	2025 Plan		2025 Actual		% of Actual/Plan	
	Number of projects	Disbursement (VND billion)	Number of projects	Disbursement (VND billion)	Number of projects	Disbursement
Aircraft	2	1,166.2	1	650.6	50%	55.8%
Construction	4	16.2	-	-	-	-
Equipment	22	498.9	19	101.7	86.4%	20.4%
R&D Investment	7	408.7	-	-	-	-
Total	35	2,090	20	752.3	57.1%	35.99%

Note: Column 4 is the total number of approved pre-investment projects, the number of completed investment projects and put into use, and the nar settlement projects in 2025.

3.1. Large project investments

✕ Aircraft investment

In 2025, the General Meeting of Shareholders of Vietnam VNA approved the investment policy for the project to invest in 50 narrow-body aircraft. The BOD of VNA approved the feasibility study report and the project, thereby providing the basis for VNA to carry out procedures for selecting the aircraft supplier under the form of direct appointment through direct negotiation. Boeing was selected as the aircraft supplier for VNA's 50 narrow-body aircraft investment project, with the aircraft type being B737-8 and a delivery schedule planned for the period 2030–2032. Following the contractor selection result, VNA promptly conducted negotiations and signed the contract for the purchase of 50 B737-8 aircraft with Boeing on 31 May 2025. VNA also made advance pre-delivery payments in accordance with the schedule stipulated in the Contract.

During the year, VNA simultaneously implemented the preparation of the Feasibility Study Report for the investment project in spare engines for A321 aircraft. The BOD of VNA approved and decided on the investment in January 2026.

✕ Equipment investment

The total value of equipment investment implementation in 2025 amounted to VND 101.7 billion, mainly for disbursement for the project to convert the cabin configuration of 23 owned A321CEO aircraft (VND 80.4 billion); the ULD (container) project serving passenger and cargo transportation (VND 10.6 billion, completed and put into operation by the end of 2024); and disbursement for projects involving the procurement of equipment serving the VNA JSC's production and business activities.

✕ Construction investment

In 2025, VNA and its member companies focused on and prioritized the allocation of maximum resources to participate in investment and operation projects of infrastructure facilities at Long Thanh international airport. These include aircraft maintenance area projects; in-flight catering facilities; maintenance areas for vehicles, aviation equipment and ground technical and commercial services; cargo projects (Cargo Terminal No.2, express cargo terminal, and four cargo warehouses); and the fuel pipeline system project supplying fuel from the upstream terminal to Long Thanh international airport. VNA also continued to study and explore investment opportunities in other projects at Long Thanh international airport and other international airports.

✕ Overall assessment of asset investment activities

In 2025, VNA continued to focus on and prioritize resources for key investment projects, including aircraft projects and capital construction investment projects forming Long Thanh international airport. Investment implementation was carried out in compliance with the regulations of the State and the VNA JSC. VNA will continue to implement investment and disbursement for projects that have been approved and decided for investment.

3.2. External investments

✕ Overall assessment of the efficiency of external investment

In 2025, the air transport market recorded positive growth addition, the occurrence of peak periods such as the Lunar New Year, the summer peak season, and several short public holidays during the year contributed to a significant improvement in the production and business activities of affiliated companies. These companies proactively prepared sufficient resources, ensured product and service quality in accordance with customer requirements, and actively implemented solutions to increase revenue while effectively managing costs. As a result, the business performance of the affiliated companies improved compared to 2024, while continuing to ensure aviation safety and security as well as the quality of products and services provided to VNA.

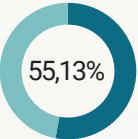
✕ Business performance of investees in 2025

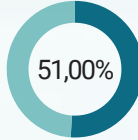
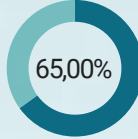
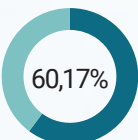
Summary of the operational situation of the subsidiaries

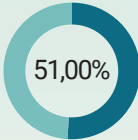
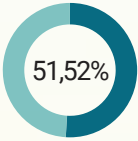
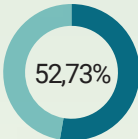
No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
1		VAECO		VAECO is the only aircraft maintenance organization in Vietnam to hold both FAA FAR145 certification (granted by the U.S. Federal Aviation Administration in 2010) and EASA145 certification (granted by the European Union Aviation Safety Agency in 2017), in addition to certification by the Civil Aviation Authority of Viet Nam and more than 20 aviation authorities worldwide. Furthermore, VAECO was approved by EASA for its Safety Management System (SMS) in October 2023-one year ahead of schedule-becoming one of the first Approved Maintenance Organizations (AMOs) to meet EASA's new requirements. This enhanced VAECO's competitiveness and positioned it as a trusted partner for domestic and international airlines. VAECO achieved notable milestones in developing aircraft maintenance capabilities, particularly for modern aircraft types such as the Airbus A350 and Boeing 787. The company invested in equipment and infrastructure, optimized processes to improve service quality and reduce maintenance turnaround time, meeting stringent standards of fivestar airlines such as Lufthansa. AECO's 2025 business results have improved significantly with total revenue reaching 3,431.2 billion VND, profit before tax reaching 308.8 billion VND, ROE reaching 21.9%.

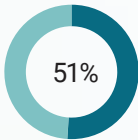
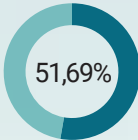
No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
2		Skypec		A company with extensive experience and professional operations in the supply of aviation fuel to both domestic and international airlines, with a storage capacity system of 200,000 cubic metres, operating across a network of 18 airports throughout Vietnam and at four major international airports in South Korea To meet the stringent quality requirements for aircraft refuelling, the VNA has continuously enhanced and invested in additional refuelling vehicles, developed modern infrastructure, and established laboratories meeting international standards ISO/IEC 17025:2017 with ten standard testing items. The VNAY's quality management system has been certified to international standard ISO 9001:2015 by QMS, ensuring its readiness to optimally serve domestic and international airline customers. SKYPEC has implemented an intelligent monitoring system integrating GPS and onboard cameras, digitalized refuelling vehicles, and ensured that its fuel supply chain is strictly controlled at all stages. SKYPEC is currently the fuel supplier for all domestic airlines and nearly 100 foreign airlines operating in Vietnam. In 2025, SKYPEC achieved positive results, with total fuel throughput of 1,757,938 tonnes, total revenue of VND 36,402 billion, profit before tax of VND 605.6 billion, and ROE of 62.1%.
3		VIAGS		A company operating in the provision of services at passenger terminals, cargo terminals, and ramp services, as well as technical and ground commercial services for passengers and aircraft of airlines at airports and airfields Originating from ground service enterprises with more than 25 years of experience, VIAGS employs nearly 4,000 highly skilled staff who have been trained from basic to advanced professional levels, and operates a modern equipment system that is consistently maintained in accordance with the highest safety and quality standards, complying with ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, and ISAGO. In 2025, the VNA received numerous commendation letters in recognition of its safe, punctual, and efficient service delivery to international airlines. VIAGS was also awarded several distinctions, including: Best International Station - October 2025 by Cebu Pacific; Best Ground Handling Partner 2025 by VNA; Professional Excellence Award 2025 by Vietnam Airlines for organizing the transfer of load control management from foreign lessors to VietNam (CLC); Professional Excellence Award 2025 by VNA for successful organization and effective operation of the relocation to Tan Son Nhat Terminal T3; Professional Excellence Award 2025 by VNA for the implementation of innovative and effective inflight service solutions – flight time specific meal provision; Professional Excellence Award 2025 by VNA for the implementation of innovative and effective inflight service solutions -VSanitiSky Award; and Professional Excellence Award 2025 by VNA for the successful implementation of the Checkin Lounge service. In 2025, VIAGS' business operations benefited from several favorable conditions, including the strong recovery of the aviation industry, airlines expanding route networks and flight frequencies, and synchronized investment in regional and domestic airport infrastructure, enhancing passenger and cargo handling capacity. VIAGS continued to maintain high

No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
				service quality and aviation safety and security standards, which were recognized by many major airlines, particularly fivestar airlines, and successfully negotiated and signed contracts with 10 new customers. However, the VNA also faced various challenges, including slow global economic growth, intensified competition among airlines leading to stricter cost control, reduced frequencies or optimized operations affecting VIAGS' handled volume, increasing competition in the ground handling services market threatening market share, and congestion at Noi Bai Terminal T2, which directly impacted service capacity, especially during peak periods. In response to these challenges, VIAGS effectively implemented operational and business management solutions, continuously improved service quality, and optimized profitability. As a result, VIAGS recorded its highest growth since establishment in 2025, with total flights handled reaching 138,870 flights; total revenue amounting to VND 3,049.8 billion; profit before tax exceeding VND 358.3 billion; and ROE reaching 94.9%.
4		VACS		A company specializing in the production of meals, ready-to-eat food, and in-flight catering services. In order to meet the increasingly stringent requirements of customers, the VNA has applied and maintained international standard management systems, including ISO 9001 Quality Management System, ISO 22000 Food Safety Management System, ISO 45001 Occupational Health and Safety Management System, and obtained Halal certification... In 2025, VACS received numerous awards and commendations from airline customers, such as Business Solution Award for Innovative and Effective In-flight Service Solutions, Customized Meal Supply by Flight Time, and Most Supportive Caterer, ect. The year 2025 continued to witness the “run-up recovery” of the global aviation industry, with strong growth in travel demand, business travel and international trade, contributing to higher output volume, revenue and operational efficiency of the VNA. VACS proactively implemented flexible management of its business and production activities, with a strong focus on revenue enhancement and cost optimization solutions, thereby improving overall business performance in 2025. In addition, the VNA accelerated product diversification and expanded non-air distribution channels, creating a foundation for optimizing the use of existing catering facilities at Tan Son Nhat international airport amid the planned shift of operations to Long Thanh international airport. In 2025, the VNA successfully fulfilled its dual objectives of maintaining growth at Tan Son Nhat international airport while concurrently implementing the construction of a new catering facility at Long Thanh international airport (component 4) in accordance with the schedule set by the Government. According to the business results for 2025, VACS supplied a total of 11.96 million meals. Total revenue reached VND 1,357.6 billion, profit before tax exceeded VND 225.96 billion, and return on equity (ROE) stood at 134.7%.

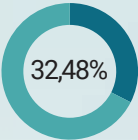
No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
5		PACIFIC AIRLINES		A company operating in the air transportation sector. In view of the extremely challenging operating conditions faced by PA, VNA continued to implement resource coordination solutions, including leasing three (03) aircraft to PA in order to support the company in maintaining its Air Operator Certificate (AOC) and flight slots in accordance with regulatory requirements. PA also continued to operate routes under the VNA-PA flight operation service cooperation agreement. Regarding business results in 2025, the PA recorded estimated total revenue of VND 453.2 billion, while profit before tax was estimated at a loss of VND 565.2 billion.
6		NCTS		A company that was the first cargo service provider at Noi Bai Airport, with extensive experience and well-synchronized, modern equipment, highly valued by customers for its professional services-especially in handling special cargo such as oversized, overweight shipments, out-of-gauge cargo, and live animals. In 2025, NCTS was honored to receive the Second-class Labor Medal, a prestigious award conferred by the President of the Socialist Republic of Viet Nam, recognizing the NCTS's outstanding achievements and contributions over two decades of establishment and development. In addition, during the year, the NCTS was recognized as "Top 10 Reputable Air Logistics Companies in 2025" and received 13 letters of commendation for scheduled flight services from foreign airlines. These achievements serve as clear evidence of the company's persistent efforts, with operational discipline, process standardization and a strong service culture as its core foundations. Regarding business results in 2025, the company handled a cargo volume of 421 thousand tons. Total revenue reached VND 1,263.3 billion, profit before tax amounted to VND 479 billion, and return on equity (ROE) stood at 147.9%.
7		TCS		Is the first and leading international cargo terminal at Tan Son Nhat international airport, with 30 years of operational experience. TCS has continuously strived to obtain and maintain key certifications such as ISAGO, ISO 9001:2015, RA3, IATA CEIV Pharma, IATA CEIV Fresh, ... in order to meet customer requirements and ensure the highest service quality standards. In 2025, TCS continued to receive numerous commendation decisions, letters of appreciation and performance recognitions from customers including agents and airlines. These recognitions constitute firm evidence of the Company's outstanding operational efficiency and service quality, as well as the strong sense of professional responsibility demonstrated by all employees. Regarding business results in 2025, cargo throughput reached 252.3 thousand tons; total revenue amounted to VND 1,005.8 billion; profit before tax reached VND 432.3 billion; and ROE stood at 335.2%.

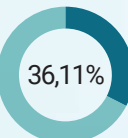
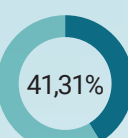
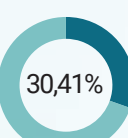
No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
8		TECS		A company operating in the following core business areas: express cargo handling and processing, freight forwarding services, logistics services, customs brokerage, warehousing, and cargo storage... The company has focused human resources and implemented many measures to fully exploit cargo sources, closely follow market trends, and seize business opportunities to complete the 2025 business tasks successfully, with a cargo through put of 44,726 tons. The total revenue target for TECS was 269.6 billion VND, pre-tax profit was 107.1 billion VND, and ROE was 160.3%.
9		VINAKO		A joint venture between VNA and Konoike, operating in traditional freight forwarding services, with Japan as its primary international export market. In 2025, despite continued volatility in the international logistics and freight forwarding market, the VINAKO effectively leveraged its role as a member of the VNA Group, the support from Konoike, and maximized advantages derived from its long-standing and close cooperation with domestic agents and freight forwarders. In addition, the company proactively implemented solutions to expand co-load cargo sources, enhance operational capacity and improve resource utilization efficiency, thereby maintaining stable and sustainable growth momentum. As a result, in 2025, handled cargo volume reached 6.7 thousand tons; total revenue amounted to VND 187 billion; profit before tax reached VND 27.8 billion; and ROE stood at 238%, reflecting outstanding operational efficiency, high profitability on equity, and affirming VINAKO's positive contribution to the overall performance of the VNA Group.
10		NCS		A company operating in the production of meals, ready-to-eat food, and catering services NCS maintains the implementation of a quality management system in accordance with ISO 22000:2005, HACCP, HALAL standards; and applies Lean Six-Sigma, 5S quality management methods in its production and business activities. During 2024 - 2025, the company was recognized by airlines and relevant organizations through various awards and commendations, including: Best Catering Company of the Year 2024 and Best Catering Company for Operational Quality 2024 awarded by Japan Airlines and All Nippon Airways; Best Catering Company 2024 awarded by Malaysia Airlines; and Best Catering Company in Viet Nam 2024 as voted by Vietnam Airlines. In addition, the Company received a Certificate of Merit from the Vietnam General Confederation of Labour and a Certificate of Merit for outstanding collective achievements in the 2024 emulation movement awarded by VNA. In 2025, the company was honored with: (1) the 2025 Professional Excellence Award for the implementation of innovative and effective in-flight service solutions, including customized meal supply by flight time; and (2) the Most Innovative Catering Supply Partner Award 2025, both conferred by VNA. In 2025, the aviation market fully recovered, with Vietnam's aviation industry transporting 83.5 million passengers, up 10.7% year-on-year, marking the highest level on record. In line with overall market growth, the company's business and production activities performed more favorably than planned, supported by the early resumption of operations by several

No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
				international airlines and the Company's proactive participation in airline tendering activities. In addition to airline catering services, the Company expanded its non-air segment, including the supply of products for holidays, Lunar New Year and Mid-Autumn Festival, as well as the provision of light meals for the Vinschool system. And NCS achieved total revenue of VND 880.8 billion, estimated profit before tax of VND 85.1 billion, and ROE of 38%.
11		NASCO		A company primarily operating in the provision of direct support services for air transportation, along with other related aviation support services at Noi Bai International Airport and several other airports across the country In 2025, strong growth in the passenger transportation market created favorable conditions for the company's business segments to record positive growth, while its financial investment activities at NCTS delivered effective results. Despite certain difficulties arising from increased costs related to premises at airports, NASCO proactively expanded its market presence, increased customer market share, enhanced service quality and brand value associated with its parent company Vietnam Airlines. At the same time, the company implemented management solutions and optimized labor costs to improve labor productivity and ensure business efficiency. Relating to the business results in 2025, NASCO recorded total revenue of VND 535.3 billion, profit before tax of VND 27.3 billion, and ROE of 22.4%.
12		VFT		A company operating in the field of pilot training for airlines in the region. In 2025, the company's business and production activities faced numerous challenges, including a contraction in output markets, limited operating scale leading to operational disruptions due to shortages of spare parts, low bank interest rates, and prolonged administrative procedures related to European visas exceeding four months, which adversely affected training progress and revenue recognition. Nevertheless, the company proactively intensified student recruitment efforts during the last six months of the year, contributing to revenue growth, while strengthening governance and financial management measures to improve operational efficiency. VFT achieved its business plan with total revenue of VND 55.7 billion, pre-tax profit of VND 5.8 billion, and ROE of 6.8% in 2025.
13		AITS		A company operating in the provision of information technology and telecommunications services. AITS currently plays a critical role in VNA's air transport value chain through the provision of essential IT and telecommunications services, including LAN network infrastructure and Wi-Fi services; access control systems and leasing of PSS access control services via API/WBS; operational assurance services; server infrastructure and antivirus software; deployment of the Flight Information Management System (FIMS); upgrading software for flight operation cost control and payment management; investment in Microsoft Fabric licenses, as well as the delivery of IT services to external partners AITS recorded total revenue of VND 286.4 billion, profit before tax of VND 10.6 billion, and ROE of 11.9% in 2025.

No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
14		ALSUCO		A company primarily operating in labor supply services, with a strong focus on providing cabin crew for airlines, of which revenue from services provided to VNA accounts for approximately 80 - 90% of total revenue. In 2025, ALSUCO's business and production activities continued to maintain positive growth momentum, increasing by over 19% compared to 2024. Besides that, its wholly owned subsidiary ALSIMEXCO gradually stabilized operations, operated effectively and began generating cash flows for the parent company. Despite certain ongoing challenges such as shortages of high-quality human resources and competitive market pressures affecting the performance of some business segments, ALSUCO proactively implemented various adaptive solutions. Notably, alongside strengthening its core business, the company made efforts to develop new business areas such as tourism services, event organization and related services, thereby gradually reducing its dependence on Vietnam Airlines and laying a foundation for sustainable medium- and long-term development. In 2024, total revenue reached VND 871 billion, profit before tax amounted to VND 5.9 billion, and ROE stood at 44.7%.
15		SABRE VN		A company operating in the establishment of reservation systems and related services through the global distribution system (GDS) SABRE. Since 2017, SABRE VN has officially taken over and signed contracts to provide customer service (CS) services for Vietnam Airlines. Over the years, SABRE VN and its customer service operations have become indispensable links in Vietnam Airlines' service supply chain toward a five-star standard and represent critical customer touchpoints supporting the VNA's sales activities. In 2025, the company recorded total revenue of VND 122.9 billion, profit before tax of VND 10.8 billion, and ROE of 148%.

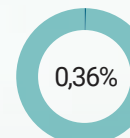
Summary of Operations of Associated Companies

No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
1		VALC		A company operating in the purchase, sale, leasing, and subleasing of aircraft. VALC was established with the objective of acquiring aircraft for leasing to airlines, thereby contributing to the development of Vietnam's aviation industry, increasing the number of domestically owned aircraft, reducing reliance on the international aircraft supply market, enhancing competitiveness and promoting the integration of Vietnam's aviation sector into the global market. In 2025, VALC completed the sale of 10 A321 aircraft in accordance with the resolution approved by the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, recording revenue of USD 320.4 million. In 2025, total revenue reached USD 371.9 million, profit before tax amounted to USD 115 million, and ROE stood at 144%.

No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
2		MASCO		A company operating in aviation services and recognized as one of the earliest and longest-established service providers at airports in the central region of Vietnam, including meal production and catering services, supply of onboard equipment and utensils; transportation of passengers, cockpit crew and cabin crew at airports; terminal commercial operations; vocational training, and related services. In 2025, MASCO benefited from a strong recovery of the air transport market and served additional airlines such as Red Wings, Air Astana, Aero Nomad, SCAT Airlines, Qanot Sharq, Philippine Airlines, and Korean Air's Da Nang-Busan (DAD-PUS) route, while continuing to develop lounge catering contracts at airports in the central region. Although training center operations declined due to changes in state assessment regulations, the company's business results in 2025 remained robust, with total revenue of VND 227.4 billion, profit before tax exceeding VND 9.2 billion, and ROE of 19.9%.
3		AIRIMEX		A company primarily operating in the import and distribution of machinery, equipment, materials, and spare parts, as well as providing import-export services for the aviation industry. In 2025, AIRIMEX continued to serve as an important link in the supply chain of spare parts, materials and equipment for VNA and its member companies. Despite significant challenges stemming from intense competition in the ground equipment market, volatile input costs and supply chain disruptions, by implementing comprehensive revenue enhancement and cost optimization measures, AIRIMEX recorded total revenue of VND 296.4 billion, profit before tax of VND 7.7 billion, and ROE of 19.1%.
4		APLACO		A company primarily operating in the trading of plastic materials and plastic products, both standard and high-end, including: industrial plastics, export plastic products, household goods, molds and plastic industry supplies. The company also engages in the recycling of used industrial materials, raw materials and spare parts. In 2025, the company's business and production activities faced significant difficulties due to rising raw material prices, capital shortages and high financial costs, which severely affected its operations. As of the reporting date, VNA has not yet received audited financial statements of APLACO.

Other Investments

No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
1		K6		Is the national airline of Cambodia, established in 2009 with capital contributions from the Royal Government of Cambodia, VNA and other investors. In 2024, the recovery in demand on Vietnam routes and Cambodia's domestic routes provided opportunities for K6 to improve its business performance. The airline endeavored to restore and expand routes to Vietnam and China, launch new services to India and Japan, while implementing revenue enhancement measures, strict cost-cutting initiatives, renegotiating payment deferrals and maximizing charter and cargo flight operations to generate additional cash flows and sustain operations.

No.	Logo	Company	VNA's Ownership	Business performance
2		SPT		A company whose core business activities are in postal services, telecommunications, and information technology. As of now, VNA have no information on SPT's business results for 2025.

(Note: The 2025 business performance results of subsidiaries are based on unaudited figures)

3.3. Investment capital increase/decrease situation of the VNA JSC in subsidiaries affiliates in 2025.

In 2025, VNA did not increase/decrease its investment capital in subsidiaries/affiliates.

4. Financial situation

4.1. Mandatory financial indicators according to Circular 2020/96/TT-BTC

Parent company's financial indicators

Indicators	Unit	2024	2025	+/- % 2024/2025
Total assets	VND billion	49,461	61,543	24.4%
Net revenue	VND billion	83,511	96,376	15.4%
Profit from operating activities	VND billion	2,290	5,251	129.3%
Other profit	VND billion	497	176	-64.6%
Profit before tax	VND billion	2,787	5,427	94.7%
Profit after tax	VND billion	2,775	5,427	95.5%
Dividend payout ratio	%	0%	0%	
Taxes and other payables	VND billion	51	303	495.3%
1. Liquidity indicators				
+ Current ratio (Current assets / Current liabilities)	Time	0.18	0.49	175.0%
+ (Current Assets - Inventories)/ Current Liabilities	Time	0.17	0.48	180.1%
2. Capital structure indicators				
+ Debt to total assets ratio	%	111.3%	85.7%	-23.0%
+ Short-term debt to total assets ratio	%	91.4%	70.3%	-23.1%
+ Long-term debt to total assets ratio	%	19.9%	15.4%	-22.5%
+ Debt ratio (excluding sales income)/Owner's equity	Time	-7.5	4.1	-155.4%
+ Debt ratio/Owner's equity	Time	-9.8	6.0	-161.0%
+ Owner's equity to total capital ratio	%	-11.3%	14.3%	-226.2%

3. Operating efficiency indicators				
+ Inventory turnover (Cost of goods sold / Average inventory)	Time	245.1	240.4	-1.9%
+ Total asset turnover (Net revenue / Total assets)	Time	1.7	1.6	-7.3%
4. Profitability indicators				
+ Return on sales (Profit after tax/Net revenue)	%	3.3%	5.6%	69.4%
+ Return on equity (Profit after tax/Average owner's equity)	%	-39.7%	340.0%	-956.2%
+ Return on assets (Profit after tax/Average total assets)	%	5.6%	9.8%	75.1%
+ Operating profit margin (Operating profit/Net revenue)	%	2.7%	5.4%	98.7%

(*) The ROE ratio in 2024 is positive due to negative average equity and negative net profit after tax; the ROE in 2025 is negative due to negative average equity and positive net profit after tax.

Consolidated results

Indicators	Unit	2024	2025	+/- % 2024/2025
Total assets		58,187	73,175	25.8%
Net revenue		106,696	121,207	13.6%
Profit from operating activities		3,199	7,914	147.4%
Other profit		5,217	254	-95.1%
Profit before tax		8,416	8,168	-2.9%
Profit after tax		7,958	7,607	-4.4%
Dividend payout ratio		0%	0%	
Taxes and other payables	VND billion	366	765	109.3%
1. Liquidity indicators				
+ Current ratio (Current assets / Current liabilities)	Time	0.3	0.6	89.9%
Quick ratio + (Current Assets – Inventories)/ Current Liabilities	Time	0.2	0.5	108.7%
2. Capital structure indicators				
+ Debt to total assets ratio	%	116.1%	90.8%	-21.8%
+ Short-term debt to total assets ratio	%	98.2%	77.1%	-21.5%
+ Long-term debt to total assets ratio	%	17.8%	13.7%	-23.2%
+ Debt ratio(excluding sales income) Owner's equity	Time	-5.8	7.4	-228.1%
+ Debt ratio/Owner's equity	Time	-7.2	9.9	-236.6%
+ Owner's equity to total capital ratio	Time	-16.1%	9.2%	-157.3%

3. Operating efficiency indicators				
+ Inventory turnover Cost of goods sold /Average inventory)	Time	27.1	28.8	6.5%
+ Total asset turnover (Net revenue Total assets)	Time	1.8	1.7	-9.7%
4. Profitability indicators				
+ Return on sales (Profit after tax/Net revenue) (ROS)	%	7.5%	6.3%	-15.8%
+ Return on equity (Profit after tax/ Average owner's equity) (ROE)	%	-60.4%	-581.9%	864.2%
+ Return on assets (Profit after tax Average total assets) (ROA)	%	13.7%	11.6%	-15.7%
+ Operating profit margin (Operating profit/Net revenue)	%	3.0%	6.5%	117.8%
+ EPS	VND	3,416	2,949	-13.7%
+ P/E	Time	8.39	8.44	0.7%

(*) ROE is negative due to negative average equity and positive net profit after tax.

Overall Assessment

In 2025, the global economic landscape experienced complex and unpredictable fluctuations, driven by changes in U.S. tax policies, the prolonged Russia–Ukraine conflict, and escalating tensions in the Middle East in June 2025. In addition, the United States and Europe tightened visa policies, significantly impacting the aviation market as a whole. The USD exchange rate remained high, while fuel prices fluctuated unfavorably at times due to geopolitical risks. The Corporation also continued to face challenges related to aircraft resources, global supply chain disruptions, engine and spare parts issues, rising maintenance and repair costs, as well as increasing input costs affected by reciprocal tariff policies and USD appreciation.Despite these macroeconomic challenges, with strong government determination, Vietnam’s economy maintained relatively robust growth, and the country continued to be an attractive destination for international tourists. The Corporation effectively leveraged favorable market conditions, overcame difficulties, and made strong efforts in management and the implementation of solutions to improve business efficiency and profitability.As a result, the parent company achieved positive business performance, with profit before tax in 2025 reaching VND 5,427 billion (an increase of 94.7% compared to 2024 and the highest level ever recorded). With solid performance from both the parent company and its subsidiaries, consolidated profit before tax reached VND 8,168 billion in 2025. Thanks to strong business results and the successful completion of a charter capital increase of VND 8,971 billion, financial indicators showed significant improvement as of December 31, 2025. The parent company’s equity was strengthened to VND 8,795 billion, while consolidated equity reached VND 6,730 billion.

4.2. Financial analysis of the parent company and consolidation.

Managerial strategies to enhance operational efficiency, business performance, and Liquidity of Vietnam Airlines

In 2025, with the goal of achieving profits exceeding those of 2024 and in alignment with the Government's growth orientations, VNA developed strategic directions and solutions to prepare resources for operations, continue comprehensive restructuring to improve efficiency, and restore financial capacity following the impacts of the COVID-19 pandemic. A key focus was the implementation of a share issuance package to raise capital of VND 9,000 billion. From the beginning of the year, all divisions, sectors, and affiliated units across the Corporation have vigorously implemented the following business and production solutions:

Production organization: VNA proactively forecasts in advance, prepares early, especially in terms of aircraft resources, and closely monitors market developments to implement timely business plans according to market trends and ensures efficient use of resources. International and domestic route products have been continuously reviewed to ensure market share, efficiency, and a balanced allocation of resources such as aircraft and slots. During peak periods, VNA has maximized opportunities to boost sales, leveraging the effectiveness of its sales channels and distribution network, thereby contributing to increased passenger transport revenue. Policies on capacity supply and commercial operations have also been proactively reviewed and adjusted to align with market fluctuations and specific characteristics of each market, while still ensuring compliance with State regulations and international practices.

Thanks to efforts in restructuring specialized products, VNA Group has maintained a leading market share in the domestic network, exceeding planned targets. It has also expanded its international network to multiple countries such as Italy, Russia, China, India, Japan, and South Korea by restoring and launching up to 14 routes, thereby opening broader opportunities for international integration during its growth phase.

Labor and wage policies: In 2025, VNA has synchronously implemented solutions to optimize business and production processes, thereby enhancing responsiveness to market fluctuations, improving operational efficiency, and strengthening overall competitiveness. Digital transformation in human resource management has also been prioritized, serving as a foundation for a transparent, efficient, and convenient workforce management system for governance and operations.

Cost optimization management: In 2025, VNA continued to strengthen governance, optimize costs, and improve the efficiency of resource utilization-particularly its aircraft fleet-to enhance overall business performance. Aircraft utilization efficiency in 2025 improved compared to 2024, contributing to cost optimization and better business results for the Corporation.

Regarding cash flow and liquidity management, including the settlement of overdue payables to suppliers:

In 2025, supported by stronger-than-expected passenger transport performance at the beginning of the year, operating cash inflows were sufficient to cover business-related expenditures, strengthen cash reserves for potential contingencies, and enable Vietnam Airlines to proactively repay outstanding liabilities carried over from previous periods. By the end of September 2025, Vietnam Airlines completed the procedures for its Phase 1 share issuance under Resolution No. 174/2024/QH15, thereby increasing charter capital and raising VND 8,971 billion in cash. From the fourth quarter of 2025, the Corporation began disbursing proceeds from the capital increase in accordance with regulations.

The Corporation has proactively and regularly reported to the Government, the State ownership representative agency-the Ministry of Finance-and other relevant authorities on its business performance, while proposing recommendations to facilitate the implementation of financial recovery solutions and sustainable development initiatives.

Revenue and profit of the parent company

Unit: VND billion

No.	Metric	2024	2025	+/- 2024/2025	
				Value	%
1	Total revenue	85,231	98,059	12,827	15.1%
	Net sales and service revenue	83,511	96,376	12,865	15.4%
	Financial income	1,007	1,505	499	49.6%
	Other income	714	177	-537	-75.2%
2	Total costs	82,444	92,632	10,187	12.4%
3	Profit before tax	2,787	5,427	2,640	94.7%
4	Profit after tax	2,775	5,427	2,652	95.5%

Thanks to relatively positive developments in the passenger transport market in 2025, along with strong management efforts and the decisive implementation of solutions to enhance operational efficiency and profitability, the parent company achieved significantly improved business results compared to 2024-despite continued unfavorable factors such as high fuel prices, interest rates, and USD exchange rates. This marks the highest performance ever recorded. Total revenue and other income of the parent company in 2025 reached VND 98,059 billion, an increase of 15.1% compared to 2024, equivalent to VND 12,827 billion. Overall, for the full year 2025, the parent company recorded a pre-tax profit of VND 5,427 billion, an improvement of VND 2,640 billion compared to 2024, equivalent to a 94.7% increase.

Capital Sources - Assets of the Parent Company

Unit: VND billion

Metric	2024	2025	+/- 2024/2025	
			Value	%
1. Current assets	8,233	21,118	12,885	156.5%
2. Non-current assets	41,228	40,425	-802	-1.9%
Total assets	49,461	61,543	12,082	24.4%
1. Liabilities	55,063	52,748	-2,315	-4.2%
Short-term liabilities	45,228	43,259	-1,969	-4.4%
Long-term liabilities	9,835	9,489	-347	-3.5%
2. Shareholders' equity	-5,602	8,795	14,398	-257.0%
Total capital source	49,461	61,543	12,082	24.4%

Regarding capital structure, total liabilities decreased by VND 2,315 billion compared to 2024. Of this, short-term liabilities fell by VND 1,969 billion to VND 43,259 billion, while long-term liabilities decreased by VND 347 billion to VND 9,489 billion. As of December 31, 2025, the Corporation had fully repaid all short-term commercial bank loans, with outstanding refinancing loans maintained at VND 3,971 billion and deferred overdue payables at VND 3,689 billion.

Total assets as of December 31, 2025 amounted to VND 61,543 billion, a significant increase of VND 12,082 billion (24.4%) compared to the same period in 2024. Non-current assets at the end of the period stood at VND 40,425 billion, down VND 802 billion (1.9%) year-on-year. Of this, fixed assets decreased by VND 4,418 billion compared to 2024, mainly due to depreciation.

Current assets at the end of the period amounted to VND 21,118 billion, an increase of VND 12,885 billion (156.5%) compared to the same period in 2024. Key increases included: cash and cash equivalents, up VND 5,370 billion; short-term financial investments (term deposits over three months), up VND 6,376 billion; short-term receivables, up VND 1,194 billion; and inventories, up VND 100 billion. Other current assets decreased by VND 154 billion, mainly due to a reduction in deductible VAT in 2025.

The asset structure at year-end shifted toward a higher proportion of current assets compared to the same period in 2024 (increasing from 16.6% to 34.3%), while the proportion of non-current assets decreased (from 83.4% to 65.7%). Short-term and quick liquidity ratios also improved compared to 2024.

In 2025, based on Resolution No. 174 of the National Assembly, the Corporation actively implemented the necessary procedures and successfully completed a share issuance worth VND 8,971 billion in Q3 2025. This strengthened equity and cash flow, improved its financial position and supported gradual recovery toward sustainable development. As of December 31, 2025, the parent company's equity reached VND 8,795 billion, an increase of VND 14,398 billion compared to the same period in 2024.

Total liabilities as of December 31, 2025 amounted to VND 52,748 billion, a decrease of 4.2% (equivalent to VND 2,315 billion) compared to the same period in 2024. In the liability structure at year-end 2025, long-term liabilities accounted for 18%, while short-term liabilities made up 82%.

Short-term liabilities as of December 31, 2025 amounted to VND 43,259 billion, a decrease of 4.4% (equivalent to VND 2,315 billion) compared to the same period in 2024. Increases were recorded in short-term payables to suppliers (up VND 3,270 billion), taxes and other payables to the State (up VND 252 billion), and short-term unearned revenue (up VND 123 billion), reflecting the recovery in business operations. The largest decrease was in short-term borrowings and finance lease liabilities, (which fell by approximately VND 4,673 billion, equivalent to a 43% reduction compared to the previous year).

Long-term liabilities as of December 31, 2025 amounted to VND 9,489 billion, a decrease of 3.5% (equivalent to VND 347 billion) compared to 2024, mainly due to a reduction in long-term borrowings and finance lease liabilities of VND 2,397 billion.

The total outstanding balance of long-term borrowings and finance lease contracts of the parent company (including both long-term portions and short-term portions due within one year) as of December 31, 2025 was VND 5,848 billion, a decrease of VND 4,100 billion compared to the same period in 2024, mainly due to loan repayments during the year.

Deferred payables to suppliers as of December 31, 2025 amounted to VND 3,689 billion, a decrease of VND 3,367 billion compared to the same period in 2024, as VNA had repaid part of these obligations in line with commitments made to partners during the year. The remaining deferred supplier payables at year-end 2025 mainly relate to maintenance and repair expenses, for which payment timing and amounts are still being agreed upon with partners, along with over VND 200 billion in aircraft lease liabilities scheduled for repayment in 2026. Capital structure indicators in 2025 showed positive improvements in both equity scale and accumulated losses. The capital structure of Vietnam Airlines - parent company improved with an increase in equity (from -11.3% at the end of 2024 to 14.3% at the end of 2025) and a reduction in reliance on external funding (total liabilities decreased from 111.3% to 85.7% of total capital). Within the liability structure, the proportion of short-term liabilities slightly decreased (from 82.1% to 82.0%), while the proportion of long-term liabilities increased (from 17.9% to 18.0% of total liabilities).

Consolidated revenue and profit

Unit: VND billion

Metric	2024	2025	+/- vs 2024/2025	
			Value	%
1. Total revenue and other income	113,460	123,016	9,556	8.4%
Net revenue	106,696	121,207	14,511	113.6%
Financial revenue	1,266	1,515	249	19.7%
Other in come	5,498	294	-5,204	-94.7%
2. Loss/Profit in subsidiaries and affiliate	70	842	771	1097.6%
3. Total revenue and income (including profit and loss in joint venture companies) (1+2)	113,530	123,858	10,327	9.1%
4. Profit before tax	8,416	8,168	-247	-2.9%
5. Profit after tax	7,958	7,607	-350	-4.4%

In 2025, the parent company and its subsidiaries effectively leveraged favorable market conditions, overcame challenges, and made maximum efforts in management and the implementation of solutions to enhance operational efficiency and profitability. Total consolidated revenue and income (including profit/loss from joint ventures and associates) of VNA reached VND 123,858 billion, an increase of 9.1% compared to 2024. Of this, net revenue from sales and service provision amounted to VND 121,207 billion, up 13.6% year-on-year and accounting for approximately 98.5% of total revenue. Financial income increased by 19.7% compared to 2024 (an absolute increase of VND 249 billion).

With the parent company achieving profitability and subsidiaries delivering positive results, consolidated pre-tax profit in 2025 reached VND 8,168 billion, mainly driven by net profit from operating activities.

Consolidated Assets - Liabilities

Unit: VND billion

Metric	2024	2025	+/- 2024/2025	
			Value	%
1. Short-term assets	17,338	32,051	14,713	84.9%
2. Long-term assets	40,849	41,124	275	0.7%
Total assets	58,187	73,175	14,988	25.8%
1. Liabilities	67,531	66,445	-1,086	-1.6%
Short-term debt	57,159	56,433	-726	-1.3%
Long-term debt	10,372	10,012	-360	-3.5%
2. Owner's equity	-9,344	6,730	16,074	-172.0%
Total capital	58,187	73,175	14,988	25.8%

Total consolidated assets as of December 31, 2025 amounted to VND 73,175 billion, an increase of VND 14,988 billion (25.8%) compared to 2024. Current assets at year-end reached VND 32,051 billion, a sharp increase of VND 14,713 billion (84.9%). The main increases were in cash and cash equivalents (up VND 5,269 billion), short-term financial investments (up VND 7,044 billion), and short-term receivables (up VND 2,105 billion). The main decrease was in other current assets (down VND 131 billion), largely due to a reduction in deductible VAT. Non-current assets at year-end amounted to VND 41,124 billion, a slight increase of VND 275 billion (0.7%) compared to 2024. With in this, fixed assets decreased by VND 4,427 billion, mainly due to depreciation. Meanwhile, other non-current assets increased by VND 3,163 billion, primarily driven by long-term prepaid expenses. The asset structure shifted toward a higher proportion of current assets (increasing from 29.8% to 43.8%), while the proportion of non-current assets decreased (from 70.2% to 56.2%).

Consolidated equity as of December 31, 2025 reached VND 6,730 billion, an improvement of VND 16,074 billion compared to the end of 2024, driven by continued strong consolidated business performance in 2025. Total consolidated liabilities as of December 31, 2025 decreased by 1.6% (equivalent to VND 1,086 billion) compared to the same period in 2024. Of this, long-term liabilities accounted for approximately 15.1%, while short-term liabilities made up about 84.9%.

Short-term liabilities as of December 31, 2025 amounted to VND 56,433 billion, a decrease of 1.3% (equivalent to VND 726 billion). The main decreases were in short-term borrowings and current portions of long-term debt, accrued expenses, and other short-term payables; while increases were mainly seen in unearned revenue and short-term payables to employees. Long-term liabilities as of December 31, 2025 stood at VND 10,012 billion, down 3.5% (equivalent to VND 360 billion) compared to the same period in 2024. The decrease was mainly due to reductions in long-term borrowings and finance lease liabilities, as well as long-term accrued expenses, while increases were primarily in long-term provisions.

Total outstanding short-term borrowings and refinancing loans as of December 31, 2025 amounted to VND 6,882 billion, a decrease of VND 3,220 billion compared to the beginning of the year. The total outstanding balance under long-term loan and finance lease contracts of the entire Corporation (including both long-term portions and short-term portions due within one year) as of December 31, 2025 was VND 6,222 billion, a decrease of VND 4,158 billion compared to the same period in 2024, mainly due to loan repayments during the year.

Capital structure indicators in 2025 showed positive improvements in consolidated equity and accumulated losses. The Corporation's capital structure continued to shift toward a higher proportion of equity (from -16.1% at the end of 2024 to 9.2% at the end of 2025) and a lower reliance on external funding (total liabilities decreased from 116.1% to 90.8% of total capital). Within the liability structure, the proportion of short-term liabilities increased (from 84.6% to 84.9%), while the proportion of long-term liabilities decreased (from 15.4% to 15.1% of total liabilities).

5. Innovations in organizational structure and management policy

- ✕ In 2025, the VNA JSC continued to implement organizational restructuring, reorganizing and optimizing its business and production processes. The review and reorganization of workflows, reallocation of labor, reduction of intermediary layers and shortening of decision-making time were implemented in a consistent and synchronized manner, delivering clear and positive outcomes. These efforts promoted dynamism, creativity, proactiveness, and a strong sense of responsibility among individual employees.
- ✕ The organizational structure became more responsive and flexible in adapting to changes and fluctuations in the market, while redundant and low-value-added processes and tasks were identified and eliminated.
- ✕ Resources were increasingly focused on core and key activities.
- ✕ These improvements contributed to enhanced individual work efficiency and strengthened the overall competitiveness of the organization.

6. Future development plans

- ✕ Maintain the role and position as the national flag carrier, proactively and actively contributing to the country's economic development as it enters a new era of growth.
- ✕ Maintain the No.1 position in market share for domestic and international passengers to/from Vietnam.
- ✕ Strengthen an integrated ecosystem across the air transport value chain.
- ✕ Become a leading enterprise in the application of digital technology in Vietnam.
- ✕ Besides that, in order to continue fulfilling its stated missions, VNA continues to set out development targets for the period following 2025, extending towards 2035 and up to 2040:
- ✕ Become the second-largest airline in Southeast Asia by revenue, rising one position compared to the 2021 - 2035 period.
- ✕ Position Vietnam Airlines among the top 5 most preferred airlines in Asia, improving from the top 10 in the 2021 - 2035 period.
- ✕ Maintain its position as one of the most preferred employers in Vietnam's labor market.
- ✕ Become a leading enterprise in the use of environmentally friendly products, reducing emissions and waste. Vietnam Airlines focuses on implementing comprehensive sustainable development solutions, with key priorities including improving waste management efficiency, reducing leftover meals, cutting single-use plastics, promoting service process digitalization, and applying technology to reduce resource consumption while enhancing customer experience. At the same time, the airline prioritizes investment in and efficient operation of next-generation aircraft, adopting fuel-saving solutions, utilizing renewable energy, and using eco-friendly materials, with the goal of reducing emissions and achieving long-term sustainable development.



07

Sustainability report

01

Sustainable development goals

02

Programs promoting gender equality

1. Sustainable development goals

1.1. Declaration on sustainable development

VNA defines sustainable development as a core, long-term strategy and a fundamental pillar for enhancing its competitiveness over the long term. The VNA is committed to achieving a balanced integration of economic performance, environmental protection and social responsibility. In its capacity as the National Flag Carrier, Vietnam Airlines is committed to pursuing a structured green transition roadmap, making proactive contributions to the Net Zero emissions target by 2050 of both the global aviation industry and Viet Nam.

1.2. Sustainable development policy

- ✎ Upholding Absolute Safety as the non-negotiable foundation underlying all operational, strategic and sustainability commitments.
- ✎ Leading technological innovation and international action initiatives, including:
 - ✎ Official implementation of obligations under CORSIA (Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation) from 2026 onwards.
 - ✎ Continuous optimization of flight trajectories, prioritization of next-generation aircraft, and deployment of advanced aviation technologies to enhance fuel efficiency and emissions performance.
- ✎ Creating and spreading shared community value, encompassing:
 - ✎ Environmental responsibility: Implementing integrated emissions reduction solutions across flight operations and ground services; promoting the adoption of Sustainable Aviation Fuel (SAF); enhancing waste management efficiency; reducing single-use plastics; and implementing afforestation and ecosystem restoration programs to reduce carbon footprint and promote sustainable lifestyles across the community.
 - ✎ Social responsibility: Delivering practical and sustainable community and humanitarian initiatives (including free medical transportation, disaster relief, and support for vulnerable children), ensuring long-term social impact and broad societal outreach.
 - ✎ People responsibility: Developing an inclusive, professional and equitable working environment, ensuring equal opportunities and non-discrimination for all employees, with a particular focus on building a workforce equipped with a “regenerative mindset” and capable of mastering emissions-reduction technologies and modern corporate governance systems.
- ✎ Setting leadership benchmarks in ESG governance, including:
 - ✎ Affirming its leading role by serving as Host Airline of The Aviation Challenge 2026 (SkyTeam) and Chair of the ASEAN Airlines Sustainability Working Group.
 - ✎ Operating an integrated ESG digital governance system to enhance transparency and ensure alignment with international disclosure standards.





1.3. Sustainable development action plan

1.3.1. Environment

In 2025, Vietnam Airlines' environmental action plan focused on strengthening waste management efficiency and advancing circular economy practices. A key priority was the strict control of in-flight catering waste through optimized meal-ordering forecasts, applied consistently across the entire operational network. Concurrently, the VNA continued programs to reduce single-use plastics and increase the use of environmentally friendly materials in both ground services and onboard operations. Implementation results for 2025 indicate that these initiatives helped reduce 18,000 kg of food waste, equivalent to approximately 81 tonnes of CO₂; eliminate 5.5 million single-use plastic sets, equivalent to around 40 tonnes of plastic waste; and reduce 10.8 tonnes of printing paper, thereby making a direct contribution to waste minimization and emissions-reduction targets.

With respect to flight operations, the 2025 plan required rigorous oversight of fuel-saving measures, application of fuel efficiency KPIs at pilot level, and strengthened analytical assessment of operational performance to optimize efficiency and costs. In parallel, Vietnam Airlines progressively expanded the deployment of SAF to ensure compliance with international regulatory frameworks such as RefuelEU Aviation, while advancing its long-term sustainability strategy. In 2025, total fuel savings reached 25,500 tonnes, exceeding the annual plan and contributing significantly to reductions in CO₂ emissions and operating costs. During the year, approximately 2,200 tonnes of neat SAF were consumed, primarily to meet the minimum 2% blending requirement on European routes. In addition, Vietnam Airlines successfully conducted domestic SAF trial flights departing from Da Nang International Airport, with technical and operational support from Skypec and Binh Son Refining and Petrochemical JSC.

Regarding renewable energy, the 2025 plan focused on investments in rooftop solar power systems at the headquarters located at 200 Nguyen Son, Hanoi, and 49 Truong Son, Ho Chi Minh City. At the same time, the Company conducted feasibility studies on the application of renewable energy solutions and environmentally friendly materials for new construction projects, while gradually replacing fossil fuel-powered ground support equipment with electric alternatives. In 2025, preparatory work and technical studies were completed, establishing a solid foundation for emissions reduction in subsequent phases.

In preparation for mandatory implementation of CORSIA from 2026, VNA proactively strengthened systems, processes and human resources supporting Monitoring, Reporting and Verification (MRV) of emissions, while developing plans for the procurement and investment in eligible carbon credits to offset international aviation emissions in accordance with regulatory requirements and periodic audit schedules. By the end of 2025, the MRV system was fully operational and carbon credit sourcing plans had been proactively prepared, ensuring compliance readiness for the official implementation phase.

In addition to direct emissions-reduction measures, VNA continued and expanded afforestation and ecosystem restoration programs as a long-term solution to enhance carbon sequestration, protect biodiversity and promote sustainability awareness. After two years of implementation, the program has planted 95,000 trees, restoring approximately 153 hectares of native forest, thereby reducing carbon footprint and enhancing ecological value.

1.3.2. Society

Under the social dimension, VNA's 2025 plan continued to build upon community responsibility programs that have been implemented consistently in previous years, with a sustained focus on long-term humanitarian healthcare support.

Implementation results show that the Mileage Donation Campaign mobilized 10 million miles, an increase of 3 million miles compared to 2024, equivalent to approximately VND 5.5 billion. Through partnership programs, VNA collaborated with the Facing The World to conduct 66 complex cranio-maxillofacial surgeries and provide advanced training for 1,092 medical professionals; Operation Smile to screen 2,821 patients and successfully perform 1,845 cleft lip and palate surgeries; Heartbeat Vietnam and Nouy to screen more than 25,000 children for congenital heart disease, conduct surgeries for over 200 patients, train more than 1,600 doctors, and provide medical equipment valued at USD 570,000. In addition, the VNA continued collaboration with Thien Nhan and Friends Foundation to support surgical treatment for children with congenital urological and genital anomalies, alongside ongoing educational support, disaster relief and social welfare initiatives.

1.3.3. Governance

With respect to governance and digital transformation, the 2025 plan identified digitalization as a strategic priority to reduce resource consumption, enhance operational efficiency and improve customer experience. Accordingly, VNA implemented a plan to digitize sustainability and Net Zero indicators via the Web Net Zero platform, enabling centralized data management, consistent monitoring of Net Zero indicators across the Corporation, and the development of a public sustainability disclosure website, scheduled for completion in the first half of 2026. Results for 2025 indicate that the foundational Net Zero data digitalization platform has been established, creating a strong basis for transparent governance, centralized monitoring and sustainability reporting.

In terms of human capital governance, VNA continued to maintain a stable labor policy in 2025, ensuring full compliance with employees' statutory rights and obligations, while strengthening dialogue mechanisms and collective labor agreements to enhance workforce engagement. As of 31 December 2025, the VNA employed 5,213 employees, with an average workforce of 5,214 employees during the year. Social insurance contributions were fully implemented in accordance with regulations, with employees contributing 10.5% of salary and the employer contributing 21.5%. All employees (100%) were covered by collective labor agreements, contributing to a stable, transparent and cohesive working environment.

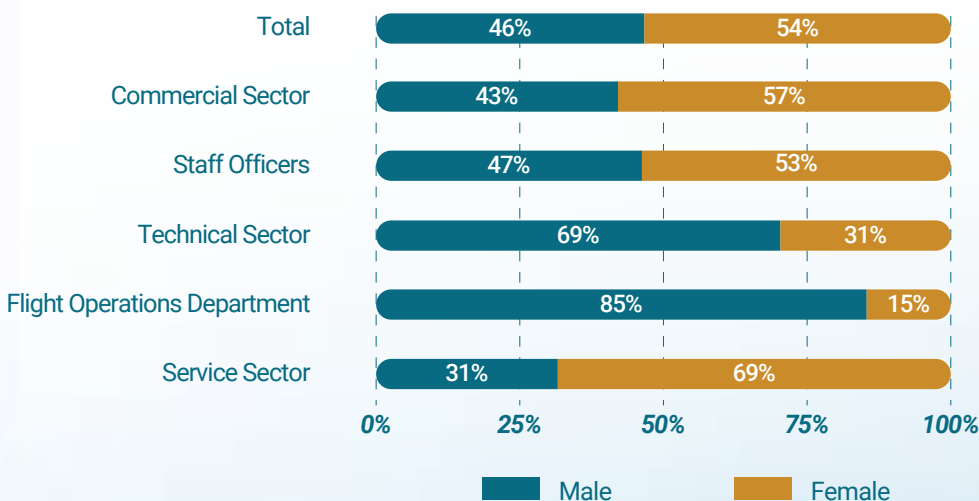


2. Programs promoting gender equality

For many years, the VNA JSC and its affiliated units have consistently promoted Gender equality and the Development of the Female workforce, reflected through the following initiatives:

- ✈ Policy implementation: Effectively internalizing and implementing the policies and guidelines of the Party and the State concerning the development of female cadres across the entire system.
- ✈ Workforce representation: Women account for 54% of the total workforce, participating in nearly all production and business activities and playing key roles in direct, frontline, and operational positions.
- ✈ Leadership team: Women hold 134 out of 411 leadership positions at department level and equivalent or higher, representing 33% of the total leadership workforce.
- ✈ Institutional support: Maintaining and strengthening the Committee for the Advancement of Women, affirming VNA's continued commitment to building an equitable and inclusive corporate culture.

Gender ratio of the workforce in 2025



In 2025, VNA in collaboration with UN Women, the Vietnam Women Entrepreneurs Council, and the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI), operated the HeForShe flight VN310 (Hanoi – Narita) to disseminate messages promoting gender equality. The flight featured synchronized communication activities both on the ground and in the air, thereby enhancing passenger awareness of the roles and empowerment of women. These initiatives are aligned with the National Action Plan for the implementation of the United Nations' 2030 Agenda, reflecting VNA's efforts to translate international commitments on gender equality and sustainable development into concrete actions, while contributing to the promotion of effective public-private partnership models in Viet Nam.

Sustainability Development Awards of VNA in 2025:

- ✈ Sustainability Award 2025 by AirlineRatings;
- ✈ Top 10 ESG Vietnam in the Logistics sector; Top 100 ESG Vietnam as announced and voted by Dau Tu Newspaper and VietResearch;
- ✈ The award for "Most Effective Solution," under the category "Onboard Products," in the Aviation Challenge organized by SkyTeam.



08

Corporate governance

01

Corporate governance structure

02

Information and activities of the Board of Directors

03

Activities of committees under the Board of Directors (BOD)

04

Report of the Supervisory Board (SB)

05

Internal transactions remuneration, and benefits

06

Activities of the Chief Administrator, corporate secretary

07

Investor relations

1. Corporate governance structure

- ✎ The corporate governance of VNA is conducted in compliance with the Law on Enterprises, other relevant legal regulations, the Charter of VNA and internal rules and regulations, based on the following principles:
 - ✎ Establishing a reasonable and effective governance structure;
 - ✎ Ensuring the effective operation of the Board of Directors and the Supervisory Board, while enhancing the accountability of the Board of Directors to VNA and its shareholders;
 - ✎ Ensuring the rights of shareholders and providing equal treatment among shareholders;
 - ✎ Ensuring the role of investors, the stock market, and intermediary institutions in supporting corporate governance activities;
 - ✎ Respecting and safeguarding the legitimate rights and interests of stakeholders in corporate governance;
 - ✎ Ensuring the timely, adequate, accurate and transparent disclosure of information on the VNA's operations, and guaranteeing fair access to information for shareholders.
- ✎ Assessment of Compliance with corporate governance regulations:
 - ✎ Corporate governance regulations have been developed in a comprehensive and systematic manner, in line with applicable legal requirements and recognized corporate governance practices. During the implementation process, this regulatory framework has been continuously refined and effectively applied in practice, forming a solid foundation for corporate governance activities. The consistent and stable application of these regulations over an extended period has ensured transparency, enhanced management effectiveness, and contributed to promoting the sustainable development of the VNA JSC.



2. Information and activities of the Board of Directors

2.1. Information and activities of the Board of Directors and meetings of the Board of Directors

The VNA JSC's Board of Directors members as of 31 December 2025

No.	Board members	Position	Date of commence in the Board	Number of meetings attended	Attendance rate	Reason(s) for non-attendance
1	Dang Ngoc Hoa	Chairman of the Board	10/08/2020	13/13	100%	
2	Le Hong Ha	Member of the Board cum President & CEO	10/08/2020	11/13	85%	Job
3	Ta Manh Hung	Member of the Board	01/10/2016	13/13	100%	
4	Le Truong Giang	Member of the Board	01/01/2021	13/13	100%	
5	Dinh Viet Tung	Member of the Board	15/12/2021	13/13	100%	
6	Truong Van Phuoc	Independent Member of the Board	14/12/2021	13/13	100%	
7	Daisuke Suzuki(*)	Member of the Board	21/06/2024	03/06	50%	Job
8	Hidekazu ISONE	Member of the Board	15/05/2025	03/07	43%	Job

(*) No longer serving as a member of the Board of Directors of the ANA JSC as of May 15, 2025.

In 2025, the Board of Directors issued a total of 209 Resolutions and 303 Decisions in the performance of its governance functions of the VNA JSC and in directing the Board of Management to carry out the production and business tasks assigned by the General Meeting of Shareholders. The Resolutions and Decisions of the Board of Directors were issued in compliance with applicable regulations and met the requirements of management and administration, thereby ensuring the continuity of production and business operations amid the complex developments of the pandemic situation.

2.2. Activities of independent members of the Board of Directors

- ✎ Performing the roles and responsibilities of independent members of the Board of Directors; providing advisory opinions and independent feedback on matters submitted for decision by the Board of Directors.
- ✎ Advising on the formulation and issuance of Resolutions and Decisions of the Board of Directors on matters within the Board's authority relating to VNA's operations.
- ✎ Contributing professional experience and providing advisory input on financial policies, macroeconomic conditions, and forecasting/projection information related to developments in the financial and monetary markets as well as the formulation and implementation of State policies.

2.3. Training on corporate governance

In 2025, VNA JSC intensified its training and capacity-building activities, including the training and development of its leadership team and management personnel, with the following key highlights:

- ✎ Seconded one (01) official to attend a training and knowledge update program for candidates under the planning scheme for members of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam. The program was jointly organized by the Central Organization Commission and the Ho Chi Minh National Academy of Politics.
- ✎ Seconded thirty-one (31) officials to participate in advanced and intermediate political theory training programs, while four (04) officials attended national defence and security knowledge training courses for Subjects 1 and 2, in accordance with applicable regulations.

- ⊗ Organized one (01) senior management training program entitled “Developing leadership skills in the digital era”, with a duration of eight (08) days, for 27 heads of departments and units of the VNA JSC.
- ⊗ Organized two (02) training courses on “Building foundational governance capabilities,” each with a duration of nine (09) days, providing in-depth governance knowledge for 66 mid-level management personnel.
- ⊗ Implemented a series of 18 training courses on “Elevating organizational culture” along with one (01) thematic workshop on “Building service excellence models” were implemented for nearly 600 employees across the VNA JSC. These activities contributed to shaping and standardizing the VNA JSC’s service quality and customer experience.
- ⊗ Organized one (01) training course was organized to strengthen the capacity of the pool of candidates for State Capital Representative positions, with the participation of 45 successful candidates, aiming to provide in-depth knowledge of the core operations of various business blocks and functional areas, thereby enabling participants to fully understand the roles and responsibilities, professional standards, operating procedures and essential competencies required for their prospective assignments.



Staff and employees demonstrate strong determination to successfully deliver the “Elevated Culture” program



CEO Le Hong Ha expressed his appreciation to expert Trinh Xuan Phap - a valued partner who has accompanied Vietnam Airlines in its journey to build a model of exemplary service leadership



CEO Le Hong Ha expressed his appreciation to expert Trinh Xuan Phap - a valued partner who has accompanied Vietnam Airlines in its journey to build a model of exemplary service leadership



Chairman Đàng Ngọc Hoa chaired the meeting of the Steering Committee for science & technology development, Innovation, and digital transformation

3. Activities of committees under the Board of Directors (BOD)

In 2025, the BOD committees and the Internal Audit Division (IAD) played an active role in advising and supporting the BOD in the following matters:

- ✎ Human Resource and Remuneration Committee: The VNA JSC's Human Resource and Remuneration Committee advised the BOD on policies regarding human resource utilization, training, salary fund planning and employee remuneration policies for 2025. Specifically:
 - ✎ Requested enhanced governance measures, with a focus on reviewing and optimizing labor costs, decisively implementing solutions to ensure efficient use of human resources, and maintaining labor expenses in line with the VNA JSC's operating scale and performance.
 - ✎ Provided comments to the Ministry of Home Affairs to incorporate achievements under Decree No. 20/2020/ND-CP and Decree No. 64/2023/ND-CP on supplementary salary funds for Vietnamese pilots into the new salary regulation framework under Decree No. 44/2025/ND-CP; commented on Circular No. 003/2025/TT-BNV guiding the implementation of Decree No. 44/2025/ND-CP, and on Decree No. 248/2025/ND-CP replacing Decree No. 44/2025/ND-CP.
 - ✎ Oriented the labor management, salaries and bonuses policies of the VNA JSC and its invested enterprises ("Subsidiaries and Associates") from 2026 onwards; provided orientation for the 2025 - 2030 business plans of the invested enterprises.
 - ✎ Proposed adjustments to salary policies effective from 1 July 2025 and revisions to position-based salaries applicable to all employees of the Corporation from December 2025.
- ✎ Investment Strategy Committee: Performed its advisory role to the BOD on the following key matters:
 - ✎ The restructuring plan for the ANA JSC up to the end of 2025; The VNA JSC's development strategy for the 2026 - 2035 period, with a vision to 2045.
 - ✎ Restructuring and developing the VNA in accordance with a modern airline model, including innovation in governance structures and management models, and enhancement of governance and executive capabilities.
 - ✎ Cooperation plans with the VNA LCC and Vasco within the overall development strategy aimed at strengthening the competitiveness of the VNA Group.
 - ✎ The investment project for 50 narrow-body aircraft, serving as the basis for the VNA JSC to invest in a new-generation aircraft fleet to reduce costs, ensure stable operations, enhance service quality, and gradually replace aging aircraft that are no longer operationally or cost-efficient.
 - ✎ Implementation of the phase 1 equity issuance for capital increase with a total value of VND 9,000 billion in accordance with the National Assembly Resolution No. 174/2024/QH15 ("Resolution 174"). Continued implementation of the phase 2 equity issuance with a value of VND 13,000 billion under Resolution 174 to further increase equity capital, improve key financial ratios, and strengthen financial resources for major investment projects such as aircraft acquisition projects and the Long Thanh Airport projects.
 - ✎ The VNA JSC's investment plans and strategic orientation for investments in invested enterprises, as well as divestment activities at such entities.
 - ✎ The project for the integrated aviation service complex of the VNA JSC at Long Thanh International Airport, aimed at meeting essential infrastructure requirements to support operations of the VNA Group.
 - ✎ Other investment projects that are critical and directly support production and business activities, in line with the VNA JSC's capital allocation capacity.

Internal Audit Division (IAD): In 2025, the IAD implemented audit engagements in accordance with the internal audit plan approved by the BOD. Audit engagements completed during the year included: "Review of compliance with the VNA JSC's regulations on supplier selection under the regulations on leasing, subleasing, purchasing and selling of aircraft, engines, spare parts, materials, and aircraft maintenance and repair services (Regulation No. 440)"; "Audit of group sales activities at Headquarters and branches"; "Audit of technical documentation management for aircraft maintenance and repair"; "Audit of the implementation of IT equipment leasing contracts with the Aviation Informatics Joint Stock Company (AITS)"; "Audit of the implementation status of VNA's internal solutions to respond to and mitigate the negative impacts of the Covid-19 pandemic, as reported in the corporate restructuring plan"; "Audit of the management of the aircraft heavy maintenance reserves"; "Audit of handling delayed and cancelled flights in accordance with the VNA JSC's passenger service regulations at branches in the United Kingdom, France and Germany"; "Audit of the development, implementation and monitoring of consumption norms for passenger service supplies"; "Audit of advertising sales activities on the Heritage magazine."

In addition, the IAD performed other tasks as assigned by the BOD, including: reviewing BOD submissions; consolidating reports and periodically assessing the activities of supervisors on a monthly/quarterly basis; reviewing financial supervision reports; monitoring and reporting on the implementation of recommendations issued by the State authorities; monitoring the implementation of independent audit contracts for fiscal years 2023 and 2024; and completing the selection of independent auditors for the VNA JSC's financial statements for fiscal years 2025, 2026 and 2027.

4. Report of the Supervisory Board (SB)

⊗ Personnel in the SB from January 1, 2025 to December 31, 2025

No.	Member	Position	Starting date	Educational qualifications
1	Duong Thi Viet Tham	Head of the SB	Dedicated supervisor since December 16, 2023	Bachelor of Accounting
2	Le Truc Quynh	Member	Dedicated supervisor since December 16, 2023	Master of Accounting and Finance
3	Nguyen Thi Hong Loan	Member	Concurrent supervisor since December 14, 2021	Master of Business

4.1. Meetings of the Supervisory Board

No.	Member	Number of meetings attended	Attendance rate	Voting rate	Reason(s) for non-attendance
1	Duong Thi Viet Tham	15	100%	100%	N/A
2	Le Truc Quynh	15	100%	100%	N/A
3	Nguyen Thi Hong Loan	15	100%	100%	N/A

In 2025, the SB held a total of 15 meetings, all of which were attended by all members. Minutes of the meetings were duly prepared, signed by all attending members, and archived in accordance with applicable regulations. The key matters reviewed, discussed and agreed upon during these meetings included:

- ⊗ Reviewing and appraising the Parent Company's and the consolidated financial statements for financial year 2024 and for the six-month period ended in 2025.
- ⊗ Reviewing, assessing and providing opinions on the financial supervision reports of the Parent Company for financial year 2024 and for the six-month period ended in 2025.
- ⊗ Reviewing relevant reports and preparing reports for submission to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders (AGM), including: the standalone and consolidated financial statements; the report on business performance results; the report on the performance of the Board of Directors (BOD) and the President & CEO; the self-assessment report on the performance of the Supervisory Board and its members; and the assessment report on transactions between the VNA JSC and related persons and related parties.

- ⊗ Participating in and providing opinions at meetings of the BOD and/or through written voting on certain proposals submitted to the BOD, including matters related to planning, investment, internal audit, and production and business activities.
- ⊗ Participating in and providing opinions on the management and operation of the VNA JSC's production and business activities at the VNA JSC's weekly, monthly and quarterly executive management meetings.
- ⊗ Conducting a thematic supervision engagement on "The implementation of regulations on handling violations related to the issuance, processing of documents and preparation of sales reports in air transport operations."
- ⊗ Performing other duties in accordance with the functions, duties and powers of the SB.

4.2. Supervisory activities of the Supervisory Board in relation to the Board of Directors, the Management Board and shareholders

- ⊗ The SB attended all meetings of the BOD; participated in weekly, monthly, quarterly and annual executive meetings of the Management Board; provided recommendations and opinions to the BOD and the Management Board within its functions and authorities; attended the Extraordinary and Annual general meetings of shareholders in 2025 in accordance with regulations; and organized meetings with functional divisions to support the performance of its regular supervisory duties.
- ⊗ Supervising the management and operation of the VNA JSC in respect of production and business activities, finance and investment, including:
 - ⊗ The implementation status of the 2025 production and business plan approved by the General Meeting of Shareholders.
 - ⊗ Financial governance and resource management practices of the VNA JSC.
 - ⊗ The VNA JSC's investment activities in subsidiaries and affiliated companies, and restructuring activities at such entities, based on reports from the Management Board, functional divisions and supervisors at invested enterprises.
 - ⊗ The direction and implementation of resolutions and directives of the National Assembly, the Government, instructions of the Prime Minister and competent authorities in the development and execution of solutions under the comprehensive plan to address difficulties faced by the VNA JSC.
 - ⊗ Investment activities, including component projects at Long Thanh International Airport and the investment project for 50 narrow-body aircraft.
 - ⊗ The development of the 2026 production and business plans of the Parent Company and its invested enterprises.
 - ⊗ The formulation and promulgation of internal regulations and policies by the BOD and the President & CEO.

4.3. The report of cooperation between the Supervisory Board and the Board of Directors, the Management Board and other managements

The BOD, the management board, departments and units of the VNA JSC, and supervisors at subsidiaries and invested enterprises provided the SB with information, documents and explanations relating to management activities and production and business operations of the VNA JSC. At meetings, in general, the BOD and the management board acknowledged and considered the recommendations of the SB. The coordination between the SB and BOD and the management board was conducted in compliance with applicable laws, the Charter, and internal regulations of the VNA JSC.

5. Remuneration and Internal Transactions

5.1. Salary, bonus, remuneration, other benefits, and expenses for each member of the BOD and the SB, President & CEO, Chief Accountant and managers

a. Salary, bonus, remuneration, other benefits, and expenses for each member of the BOD and the SB, CEO, Chief Accountant and managers

The salary and remuneration levels for 2025 for members of the BOD, SB, and the management board will continue to be implemented in accordance with the provisions of Decree No. 44/2025/ND-CP and Decree No. 248/2025/ND-CP of the Government.

b. Assessment of compliance with corporate governance regulations

The corporate governance framework has been established in a comprehensive and systematic manner, in compliance with applicable laws and regulations as well as prevailing corporate governance best practices. During the course of implementation, this regulatory framework has been continuously refined and effectively put into practice, forming a solid foundation for the VNA JSC's governance activities. The implementation of corporate governance regulations has remained stable over a prolonged period, ensuring transparency, enhancing management effectiveness, and contributing to the sustainable development of the VNA JSC.

5.2. Share transactions of insiders

No.	Individual/Organization	Beginning shares owned		Ending shares owned	
		Number of shares	Stake (%)	Number of shares	Stake (%)
1	Dang Ngoc Hoa	21,595	0.000976	30,371	0.000976
2	Le Hong Ha	19,531	0.000882	27,468	0.000882
3	Ta Manh Hung	20,604	0.00093	28,978	0.00093
4	Le Truong Giang	19,030	0.00086	26,764	0.00086
5	Le Duc Canh	9,397	0.000424	13,216	0.000424
6	Nguyen Chien Thang	14,340	0.0006	20,168	0.0006
7	To Ngoc Giang	7,951	0.0004	11,182	0.0004
8	Nguyen Xuan Tu	11,135	0.0005	15,660	0.0005
9	Dinh Van Tuan	17,425	0.0008	24,507	0.0008
10	Nguyen The Bao	27,068	0.001222	38,069	0.001222
11	Dang Anh Tuan	19,711	0.000890	27,722	0.000890
12	Nguyen Dieu Thuy	2,500	0.00011	3,156	0.00011

No.	Individual/Organization	Beginning shares owned		Ending shares owned	
		Number of shares	Stake (%)	Number of shares	Stake (%)
13	Dang Thu Ha	1,000	0.00005	1,406	0.00005
14	Duong Thi Viet Tham	13,346	0.0006	18,770	0.0006
15	Nguyen Manh Tuan	17,595	0.00079	24,746	0.00079
16	Nguyen Thi Thu Huong	3,302	0.00015	4,644	0.00015
17	Duong Thi Hong	3,795	0.00017	5,337	0.00017
18	Kim Thi Thu Huyen	1,306	0.0001	1,836	0.0001

5.3. Contracts or transactions with related persons

Transactions with related parties are detailed in Section 38. Major transactions with related parties are noted in the audit report of the 2025 financial statements.

6. Activities of Chief administrator - corporate secretary

In 2025, the person in charge of corporate governance – corporate secretary of VNA has completed the assigned responsibilities as follows:

- ⊗ Advising the BOD in organizing BOD meetings and General Meeting of Shareholders; issuing Resolutions/Decisions of the BOD and General Meeting of Shareholders on all fields of operation of VNA to ensure compliance with the law and the Charter of VNA.
- ⊗ Acting as a communicator between the BOD and the BOM.
- ⊗ Taking charge of investor relations of VNA; organizing the conduct of related work between VNA and shareholders.
- ⊗ Carrying out information disclosure obligations on the stock market in accordance with regulations.

7. Investor relations

"VNA is committed to establishing open and transparent communication channels with shareholders and organizing safe and efficient business activities to ensure shareholders' benefits while serving the sustainable development of VNA and meeting the country's developmental demands."

Investor relations activities

VNA followed strict regulations on information disclosure, thus delivering transparent and timely updates for shareholders and investors.

VNA focused on ensuring the interests of shareholders, regularly updating and posting the company's activities widely on communication channels to facilitate timely information access for shareholders and investors. At the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors also directly responded to shareholders' concerns about "Vietnam Airlines" operations.

09

Risk management

01

Risks in the business environment

02

Legal risks

03

Competition risks

04

Risks of information security

05

Other risks

06

Risk Management Measures

1. Risks in the business environment

In 2025, VNA operated in a business environment affected by significant global geopolitical and security uncertainties, including the Russia – Ukraine war, tensions between Israel and Iran, armed clashes between Thailand and Cambodia, and social unrest in Indonesia, etc. In addition, the tightening of visa control policies by the United States and European countries constrained travel demand, while disruptions in global transportation supply chains had yet to show meaningful improvement.

Looking ahead to 2026, the market outlook is expected to present considerable difficulties and challenges to the VNA JSC's production and business activities. Global economic and political developments remain unpredictable and continue to pose multiple risks, including the prolonged Russia - Ukraine conflict, ongoing political and religious tensions in the Middle East, and instability within the ASEAN region, all of which adversely affect growth momentum in global travel demand. Besides, ongoing constraints related to aircraft availability, spare parts, materials and labor are expected to persist. Inflation is forecast to increase, dampening consumer purchasing power, while elevated fuel prices and exchange rates continue to exert significant pressure on operating costs.



2. Legal risks

VNA ensures compliance with all relevant laws pertaining to its business operations. The company has not incurred any significant penalties imposed by domestic or foreign competent authorities.

Regarding disputes and legal proceedings linked to VNA's operations and business activities, to the best of the company's knowledge and belief at the time of issuing this Annual Report, there are no ongoing disputes or lawsuits that could substantially impact the company's business operations and financial position.

⊗ Legal risk management measures

- ⊗ Strengthen the legal department's capacity and professional expertise. Conduct regular reviews to ensure compliance of VNA's operations and business activities with the laws of Vietnam, host countries, and international treaties that Vietnam is a signatory.
- ⊗ Foster close coordination with State agencies and authorities in host countries.
- ⊗ Continuously update legal documentation related to VNA's operations and business activities. Seek domestic and international legal consultancy to assist in adhering to the laws of Vietnam, host countries, and international treaties.
- ⊗ Promote legal awareness among all units, departments and employees.

3. Competition risks

In 2026, the domestic aviation market is expected to face heightened competitive pressure due to the entry of new airlines and the accelerated expansion of aircraft fleets by existing carriers, potentially leading to excess capacity.

Risks related to commercial demand and competition across international route groups are also increasing. In particular, for the European route network, although it is expected to maintain strong growth, competitive pressure is rising significantly as airlines from the Middle East, Southeast Asia, and China have all implemented plans to increase capacity to Europe. Domestic airlines have also begun operating services to Europe and expanding into other international markets.

In the domestic market, competitive pressure is projected to intensify from the beginning of the year as local airlines continuously add new aircraft and expand their route networks.

The Long Thanh airport operation plan still has many unsynchronized aspects, leading to challenges in optimizing resources in the initial operational phase, directly affecting connecting flights at this airport.

4. Risks of information security

In the context of rapid digital age, information security faces increasingly complex challenges arising from global-scale cyber threats. According to the latest assessments, information security risks remain at a high level due to the growing prevalence of sophisticated attack vectors, including ransomware, exploitation of system vulnerabilities, abuse of privileged accounts, and automated bot attacks. In particular, the risk of customer data breaches has been identified as a critical threat, necessitating multi-layered protection solutions even for encrypted data.

To control and mitigate these risks to the lowest possible level, VNA has established and operates an integrated, multi-layered cybersecurity defense strategy. A comprehensive set of measures has been implemented, including 24/7 system monitoring, tightened remote access (VPN) controls, and continuous system vulnerability assessment and patch management. In parallel with strict data flow controls, VNA places strong emphasis on the “human factor” through information security awareness programs for all employees.

VNA is committed to continued investment in modernizing its cybersecurity capabilities through centralized monitoring solutions and early-warning systems based on advanced technologies. With a proactive prevention mindset and flexible response capability, the VNA is committed to maintaining a secure operating environment and safeguarding the legitimate rights and interests of customers, shareholders and partners against the increasingly complex risks of cyberspace.

5. Other risks

Audit procedures failed to detect material misstatements.

The auditor gave an unwarranted opinion about the audited entity.

6. Risk Management Measures

Ensure that internal auditors adhere to regulations, possess adequate qualifications and competencies to meet requirements, and uphold professional ethics.

Ensure the independence and objectivity of auditors and the internal audit team

Develop and implement an internal audit process that aligns with current regulations. This process should include planning based on risk assessment and quality control to ensure the quality of audits.

VNA JSC should select a qualified and reputable audit company to audit its financial statements.

Close supervision should be maintained over the execution of audit contracts, with agencies and units requested to confirm the labor hours of each level of auditors and provide feedback on their performance to ensure audit quality. Annual review and evaluation of audit results should precede the implementation of the following year's contract.



10

Consolidated Financial Statements



VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
(Incorporated in the Socialist Republic of Vietnam)

AUDITED CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENTS
For the year ended 31 December 2025



VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

TABLE OF CONTENTS

CONTENTS	PAGE(S)
STATEMENT OF THE BOARD OF EXECUTIVE OFFICERS	1 - 2
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	3 - 4
CONSOLIDATED BALANCE SHEET	5 - 7
CONSOLIDATED INCOME STATEMENT	8
CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT	9 - 10
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS	11 - 53



VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

STATEMENT OF THE BOARD OF EXECUTIVE OFFICERS

The Board of Executive Officers of Vietnam Airlines Joint Stock Company (referred to as "Vietnam Airlines") presents this report together with Vietnam Airlines' consolidated financial statements for the year ended 31 December 2025.

THE BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF EXECUTIVE OFFICERS

The members of the Board of Directors and Board of Executive Officers of Vietnam Airlines during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Directors

Mr. Dang Ngoc Hoa	Chairman
Mr. Ta Manh Hung	Member
Mr. Le Hong Ha	Member cum President & CEO
Mr. Le Truong Giang	Member
Mr. Daisuke Suzuki	Member (resigned on 15 May 2025)
Mr. Hidekazu Isono	Member (appointed on 15 May 2025)
Mr. Dinh Viet Tung	Member
Mr. Truong Van Phuoc	Member

Board of Executive Officers

Mr. Le Hong Ha	President & CEO
Mr. Dang Anh Tuan	Executive Vice President
Mr. Nguyen Chien Thang	Executive Vice President
Mr. To Ngoc Giang	Executive Vice President
Mr. Dinh Van Tuan	Executive Vice President
Mr. Le Duc Canh	Executive Vice President
Mr. Nguyen The Bao	Executive Vice President
Mr. Nguyen Quang Trung	Executive Vice President (appointed on 01 January 2026)
Mr. Tran Van Huu	Chief Accountant (appointed on 30 June 2025)

THE BOARD OF EXECUTIVE OFFICERS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Executive Officers of Vietnam Airlines is responsible for preparing the consolidated financial statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position of Vietnam Airlines as at 31 December 2025, and its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting. In preparing these consolidated financial statements, the Board of Executive Officers is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements;
- prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that Vietnam Airlines will continue in business; and
- design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the consolidated financial statements so as to minimise errors and frauds.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

STATEMENT OF THE BOARD OF EXECUTIVE OFFICERS (Continued)**THE BOARD OF EXECUTIVE OFFICERS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY (Continued)**

The Board of Executive Officers of Vietnam Airlines is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of Vietnam Airlines and that the consolidated financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting. The Board of Executive Officers is also responsible for safeguarding the assets of Vietnam Airlines and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Executive Officers confirms that Vietnam Airlines has complied with the above requirements in preparing these consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of Executive Officers:



Le Hong Ha
President & CEO

30 March 2026



Deloitte Vietnam Audit Co. Ltd
12th Floor, Diamond Park Plaza
16 Lang Ha, Giang Vo Ward
Hanoi
Vietnam
Tel: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

No. 1017/VN1A-HN-BC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **The shareholders**
The Board of Directors and Board of Executive Officers
Vietnam Airlines Joint Stock Company

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Vietnam Airlines Joint Stock Company (referred to as "Corporation" or "Vietnam Airlines"), prepared on 30 March 2026 as set out from page 05 to page 53, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2025, the consolidated statement of income, and consolidated statement of cash flows for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.

The Board of Executive Officers' Responsibility for the Consolidated Financial Statements

The Board of Executive Officers is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting and for such internal control as the Board of Executive Officers determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (Continued)

Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements present fairly, in all material respects, the consolidated financial position of Vietnam Airlines as at 31 December 2025, and its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

Other Matter

Vietnam Airlines' consolidated financial statements for the financial year ended 31 December 2024 were audited by another independent audit firm, whose independent auditors' report dated 31 March 2025 expressed an unmodified opinion with emphasis of matters regarding (i) the existence of material uncertainties that may cast significant doubt about Vietnam Airlines' ability to continue as a going concern and (ii) the impact of the application of the method for calculating and recognizing the depreciation expenses and the allocation of aircraft and engine's repair and maintenance costs in accordance with the accounting guidance from the competent authorities.



Tran Thi Thuy Ngoc
Audit Partner
Audit Practising Registration Certificate
No. 0031-2023-001-1

DELOITTE VIETNAM AUDIT COMPANY LIMITED

31 March 2026
Hanoi, S.R. Vietnam

Bui Thi Mai Huong
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 3829-2026-001-1

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

FORM B 01-DN/HH
Issued under Circular No.202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

CONSOLIDATED BALANCE SHEET
As at 31 December 2025

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	100		32,050,584,150,286	17,337,695,278,340
I. Cash and cash equivalents	110	5	9,895,757,265,015	4,626,738,463,941
1. Cash	111		2,909,631,521,531	2,861,943,009,889
2. Cash equivalents	112		6,986,125,743,484	1,764,795,454,052
II. Short-term financial investments	120		8,058,913,564,879	1,015,203,600,683
1. Held-to-maturity investments	123	6	8,058,913,564,879	1,015,203,600,683
III. Short-term receivables	130		9,427,424,000,127	7,322,324,469,422
1. Short-term trade receivables	131	7	5,421,723,761,733	4,656,848,501,751
2. Short-term advances to suppliers	132	8	1,382,724,335,272	536,076,663,828
3. Other short-term receivables	136	9	2,867,796,282,563	2,453,682,230,335
4. Provision for short-term doubtful debts	137	10	(244,820,379,441)	(324,282,926,492)
IV. Inventories	140	11	3,795,531,249,840	3,369,443,518,711
1. Inventories	141		4,068,258,641,384	3,619,259,484,775
2. Provision for devaluation of inventories	149		(272,727,391,544)	(249,815,966,064)
V. Other short-term assets	150		872,958,070,425	1,003,985,225,583
1. Short-term prepayments	151	12	627,726,936,322	631,414,414,554
2. Value added tax deductibles	152		232,605,797,567	371,652,202,153
3. Taxes and other receivables from the State budget	153	21	12,625,336,536	918,608,876

150
37
11
10A
17
14
14A
14B

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

FORM B 01-DN/HH
Issued under Circular No.202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)
As at 31 December 2025

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
B. NON-CURRENT ASSETS	200		41,124,297,130,601	40,848,918,584,426
I. Long-term receivables	210		2,352,375,152,017	1,867,877,653,419
1. Long-term trade receivables	211	7	1,730,023,651	1,895,654,945
2. Long-term advances to suppliers	212	8	650,625,000,000	-
3. Other long-term receivables	216	9	1,700,657,259,970	1,870,610,685,816
4. Provision for long-term doubtful debts	219	10	(637,131,604)	(4,628,687,342)
II. Fixed assets	220		25,164,358,044,676	29,591,005,075,890
1. Tangible fixed assets	221	13	12,114,120,701,181	12,887,467,684,898
- Cost	222		53,666,136,157,389	46,821,940,493,280
- Accumulated depreciation	223		(41,552,015,456,208)	(33,934,472,808,382)
2. Finance lease assets	224	14	12,827,077,040,687	16,464,198,176,347
- Cost	225		26,353,551,747,811	33,114,627,353,590
- Accumulated depreciation	226		(13,526,474,707,124)	(16,650,429,177,243)
3. Intangible assets	227	15	223,160,302,808	239,339,214,645
- Cost	228		994,790,005,343	958,829,468,136
- Accumulated amortisation	229		(771,629,702,535)	(719,490,253,491)
III. Long-term assets in progress	240		254,165,567,498	109,159,553,411
1. Construction in progress	242	16	254,165,567,498	109,159,553,411
IV. Long-term financial investments	250		2,705,074,984,229	1,795,287,517,500
1. Investments in associates	252	17	2,303,066,938,838	1,421,385,347,451
2. Equity investments in other entities	253	6	463,902,170,049	463,902,170,049
3. Provision for impairment of long-term financial investments	254	6	(90,000,000,000)	(90,000,000,000)
4. Held-to-maturity investments	255	6	28,105,875,342	-
V. Other long-term assets	260		10,648,323,382,181	7,485,588,784,206
1. Long-term prepayments	261	12	10,262,974,072,118	7,229,292,922,164
2. Deferred tax assets	262		4,469,498,769	1,530,954,531
3. Long-term reserved spare parts	263	18	380,879,811,294	254,764,907,511
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		73,174,881,280,887	58,186,613,862,766

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

FORM B 01-DN/HN
Issued under Circular No.202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)
As at 31 December 2025

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	300		66,445,216,324,312	67,530,856,737,926
I. Current liabilities	310		56,433,407,840,658	57,159,224,873,616
1. Short-term trade payables	311	19	33,937,297,124,010	30,504,307,084,497
2. Short-term advances from customers	312	20	323,007,530,931	216,644,290,187
3. Taxes and amounts payable to the State budget	313	21	765,302,022,847	365,665,940,716
4. Payables to employees	314		2,109,367,568,396	1,764,494,986,099
5. Short-term accrued expenses	315	22	6,575,514,657,895	7,038,029,177,147
6. Short-term unearned revenue	318	23	1,788,993,735,962	1,666,062,183,423
7. Other current payables	319	24	877,832,554,336	684,734,425,851
8. Short-term loans and obligations under finance leases	320	25	9,378,738,748,961	14,311,199,722,938
9. Short-term provisions	321		17,195,343,730	9,151,328,433
10. Bonus and welfare funds	322	27	660,158,553,590	598,935,734,325
II. Long-term liabilities	330		10,011,808,483,654	10,371,631,864,310
1. Long-term trade payables	331	19	-	268,737,939,234
2. Long-term accrued expenses	333	22	1,546,118,589,320	2,326,103,000,106
3. Long-term unearned revenue	336		6,483,012,077	3,114,033,549
4. Other long-term payables	337	24	1,154,080,318,208	1,377,452,097,698
5. Long-term loans and obligations under finance leases	338	26	3,725,108,049,774	6,171,600,219,919
6. Deferred tax liabilities	341		255,731,312,425	224,624,573,804
7. Long-term provisions	342	28	3,324,287,201,850	-
D. EQUITY	400		6,729,664,956,575	(9,344,242,875,160)
I. Owners' equity	410		6,729,664,956,575	(9,344,242,875,160)
1. Owners' contributed capital	411	29	31,114,982,110,000	22,143,941,740,000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		31,114,982,110,000	22,143,941,740,000
2. Share premium	412	29	1,220,059,304,668	1,220,498,156,541
3. Other owners' capital	414	29	241,355,237,827	241,355,237,827
4. Assets revaluation reserve	416	29	(1,153,004,222,954)	(1,153,004,222,954)
5. Foreign exchange reserve	417	29	258,206,610,742	209,549,694,460
6. Investment and development fund	418	29	933,114,412,332	933,114,412,332
7. Other reserves	420	29	2,024,298,861	2,024,298,861
8. Accumulated (losses)	421	29	(26,685,826,774,100)	(33,614,194,469,572)
- (Losses) accumulated to the prior year and	421a		(33,888,978,537,412)	(41,181,864,665,847)
- Retained earnings of the current year	421b		7,203,151,763,312	7,567,670,196,275
9. Non-controlling interests	429	30	798,753,979,199	672,472,277,345
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		73,174,881,280,887	58,186,613,862,766

Ho Xuan Tam
Preparer

Tran Van Huu
Chief Accountant

Le Hong Ha
President & CEO

30 March 2026

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

FORM B 02-DN/HN
Issued under Circular No.202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code s	Notes	Current year	Prior year (Restated)
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01	33	121,412,224,055,165	106,911,815,323,587
2. Deductions	02	33	205,342,280,143	215,921,444,112
3. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01-02)	10	33	121,206,881,775,022	106,695,893,879,475
4. Cost of sales	11		103,310,147,911,446	92,039,578,339,052
5. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		17,896,733,863,576	14,656,315,540,423
6. Financial income	21	35	1,515,231,978,638	1,266,077,129,286
7. Financial expenses	22	36	3,581,080,905,427	4,951,175,853,159
- In which: Interest expense	23		838,122,182,585	1,281,733,876,235
8. Share of profit in associates	24	17	841,732,013,977	70,287,711,026
9. Selling expenses	25	37	6,067,325,756,888	5,652,269,991,530
10. General and administration expenses	26	37	2,691,392,295,421	2,190,720,659,597
11. Operating profit (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		7,913,898,898,455	3,198,513,876,449
12. Other income	31	38	293,898,605,289	5,498,181,312,668
13. Other expenses	32	39	39,573,399,803	281,052,844,988
14. Profit from other activities (40=31-32)	40		254,325,205,486	5,217,128,467,680
15. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		8,168,224,103,941	8,415,642,344,129
16. Current corporate income tax expense	51		532,733,211,652	390,475,867,479
17. Deferred corporate tax expense	52		28,168,194,384	67,603,718,224
18. Net profit after corporate income tax (60=50-51-52)	60		7,607,322,697,905	7,957,562,758,426
18.1. Vietnam Airlines' shareholders	61		7,204,392,412,008	7,564,092,019,695
18.2. Non-controlling interests	62		402,930,285,897	393,470,738,731
19. Basic earnings per share	70	40	2,949	3,416

Ho Xuan Tam
Preparer

Tran Van Huu
Chief Accountant

Le Hong Ha
President & CEO

30 March 2026

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

FORM B 03-DN/HN
Issued under Circular No.202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT
For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	8,168,224,103,941	8,415,642,344,129
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortisation of fixed assets	02	4,845,740,417,730	5,094,513,262,248
Provisions	03	3,271,788,539,838	17,300,540,824
Foreign exchange loss arising from translating foreign currency monetary items	04	306,150,218,640	589,206,713,703
(Gain) from investing activities	05	(1,272,426,790,180)	(864,437,537,034)
Interest expense	06	838,122,182,585	1,281,733,876,235
3. Operating profit before movements in working capital	08	16,157,598,672,554	14,533,959,200,105
Changes in receivables	09	(2,515,531,752,363)	(310,626,269,889)
Changes in inventories	10	(575,114,060,392)	(23,515,411,815)
Changes in payables (excluding accrued loan interest and corporate income tax payable)	11	3,719,426,756,572	(601,103,870,928)
Changes in prepaid expenses	12	(3,029,993,671,722)	(2,411,168,467,704)
Interest paid	14	(825,875,229,420)	(1,238,280,158,723)
Corporate income tax paid	15	(416,449,497,893)	(325,153,084,531)
Other cash inflows	16	1,522,476,656	5,925,918
Other cash outflows	17	(238,038,690,916)	(183,546,931,918)
Net cash generated by operating activities	20	12,277,545,003,076	9,440,570,910,515
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21	(1,576,855,916,184)	(320,431,480,172)
2. Proceeds from sale, disposal of fixed assets and other long-term assets	22	7,063,401,263	568,249,884,857
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23	(9,287,944,222,540)	(1,586,295,898,011)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24	2,216,695,569,437	1,491,530,832,237
5. Interest earned, dividends and profits received	27	456,009,650,095	96,900,399,121
Net cash (used in)/generated by investing activities	30	(8,185,031,517,929)	249,953,738,032

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

FORM B 03-DN/HN
Issued under Circular No.202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (Continued)
For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from share issue and owners' contributed capital	31	8,970,601,518,127	-
2. Proceeds from borrowings	33	24,587,973,124,926	33,285,556,859,044
3. Repayment of borrowings	34	(29,214,230,734,519)	(36,710,491,203,782)
4. Repayment of obligations under finance leases	35	(2,918,760,369,630)	(3,963,869,103,635)
5. Dividends and profits paid	36	(250,401,549,185)	(220,153,054,883)
Net cash generated by/(used in) financing activities	40	1,175,181,969,719	(7,608,976,503,256)
Net increases in cash (50=20+30+40)	50	5,267,695,454,866	2,081,548,145,291
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	4,626,738,463,941	2,551,042,006,378
Effects of changes in foreign exchange rates	61	1,323,346,208	(5,851,687,728)
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	70	9,895,757,265,015	4,626,738,463,941


 Ho Xuan Tam
Preparer


 Tran Van Huu
Chief Accountant


 Le Hong Ha
President & CEO

30 March 2026

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward,
Hanoi City, Vietnam

FORM B 09-DN/HN

Issued under Circular No.202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements

1. GENERAL INFORMATION**Structure of ownership**

Vietnam Airlines Joint Stock Company ("Vietnam Airlines" or the "Corporation"), formerly a State-owned Enterprise, was established under Decision No. 259/2006/QĐ-TTg dated 13 November 2006 by the Prime Minister, including its member entities with dependent accounting ("dependent entities").

Based on Decision No. 952/QĐ-TTg dated 23 June 2010 on the conversion of the Parent Company - Vietnam Airlines Corporation into a State-owned one member limited liability company from 01 July 2010, the Parent Company - Vietnam Airlines Corporation, operating as a State-owned enterprise, was converted into Vietnam Airlines Corporation, operating as a one member limited liability company.

Vietnam Airlines operates under Enterprise Registration Certificate for One Member Limited Liability Company No. 0100107518 initially issued by the Hanoi Authority for Planning and Investment (currently known as Hanoi Department of Finance) on 30 June 2010. According to the third amendment dated 01 April 2015, the Parent company - Vietnam Airlines Corporation was converted into a joint stock company under the name of Vietnam Airlines Joint Stock Company. The most recent Enterprise Registration Certificate of Vietnam Airlines is the 11th amendment dated 30 October 2025.

As at 31 December 2025, Vietnam Airlines and its subsidiaries had 23,686 employees (31 December 2024: 23,033 employees).

Operating industry and principal activities

Vietnam Airlines' operating industry under the Enterprise Registration Certificate includes:

- Air transportation of passengers;
- Transportation of baggage, cargo, parcels, postal items, and mail;
- General aviation activities (calibration flights for navigation aids, maintenance of high-voltage power lines, oil and gas services, afforestation, environmental inspection, medical evacuation, flights for political, economic, and social purposes);
- Other specialized aviation services;
- Trading in commercial services, hotels, and duty-free sales both online and within restricted areas at international airport border gates; on board aircraft; and in provinces and cities (excluding the exercise of export, import, and distribution rights for goods on the list prohibited by the State for foreign service providers);
- Provision of ground technical and commercial services; passenger terminal and cargo terminal services in cities; apron services at airports; and other services for passengers and cargo of domestic and international airlines;
- Implementation of programs related to accumulation, conversion, distribution, trading of miles, frequent flyer cards, and related products;
- Manufacturing of aircraft components, spare parts, materials, technical equipment, and other aviation industry products;
- Provision of technical services and spare parts supplies to domestic and foreign airlines;
- Freight forwarding services; investment in and operation of technical infrastructure at airports; passenger and cargo terminals
- technical infrastructure and synchronized services in the air transport chain;

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09-DN/HN**

- Multimodal transport;
- Logistics (excluding inspection and certification services for transport vehicles);
- Import and export of aircraft, engines, spare parts, aviation equipment, equipment for the air transport chain and other items as regulated by the State to serve air transport operations of Vietnam Airlines;
- Leasing, renting, hire-purchase, buying and selling of aircraft, engines, spare parts, aviation equipment, training equipment, and other equipment serving air transport operations;
- Production, processing, import and export of food and beverages;
- Agency services for airlines, aircraft manufacturers, engine and equipment manufacturers, and transport and tourism companies domestically and internationally;
- Packaging printing (excluding prohibited items);
- Construction consultancy (excluding design services);
- Real estate business; investment in housing and construction works for lease; land improvement and infrastructure investment on leased land for subleasing with infrastructure;
- E-commerce services;
- Advertising and media (excluding journalism activities);
- Event organization;
- Travel agency services; tourism services; packaged tourism products including air tickets and hotels with additional insurance, car rental, and entertainment services such as transit services, tours, and golf (limited to inbound tourism and domestic travel for inbound tourists as part of inbound services);
- Reservation services and related support services for promotion and organization of tours;
- Other telecommunications activities, in-flight connectivity services;
- Operation of swimming pools, tennis courts, volleyball, basketball, football, table tennis, badminton, and fitness centers;
- Introduction of insurance products, arrangement and conclusion of insurance contracts, and collection of insurance premiums;
- Residential building construction;
- Agency services for airlines, aircraft manufacturers, engine and equipment manufacturers, and transport companies domestically and internationally;
- Non-residential building construction;
- Vocational education;
- Leasing of machinery, equipment, and other tangible goods;
- Motor vehicle rental;
- Training in reservation and ticketing operations, soft skills training, life skills education;
- Collection, sorting, transportation, and delivery (domestic and international) of letters, postal items, and parcels; door-to-door delivery services;
- Postal services (excluding public postal services);
- Passenger transport by taxi;

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN/HN

- Passenger transport by intra-provincial and inter-provincial buses/coaches;
- Freight transport by other motor vehicles (excluding specialized vehicles);
- Maintenance of aircraft, engines, spare parts, aviation equipment, ground service equipment, and other technical equipment;
- Tourist accommodation services;
- Retail intermediary services;
- Video and television program distribution (excluding journalism);
- Other educational support activities;
- Production of video films and television programs (excluding journalism);
- Hotel booking, car rental, and travel insurance as ancillary products provided by third-party partners, with Vietnam Airlines acting as a distributor earning commissions (limited to inbound tourism services);
- Tourist passenger transport; development of tourist areas and destinations; travel agency and other tourism services (limited to inbound tourism services);
- Wired, wireless, and satellite telecommunications activities;
- Labor supply and management (excluding overseas labor export services);
- Science and technology activities;
- Investment, management of investment capital, and direct production and business operations; overseas investment including mergers and acquisitions, capital contributions, share purchases, capital transfers, and share sales (excluding legal, financial, tax, accounting, auditing, and securities advisory services).

For operating industry that requires certain conditions by the law, Vietnam Airlines and its subsidiaries operate only when meeting such conditions.

The principal activity of Vietnam Airlines is providing air transportation for passengers, cargo and postal.

Normal production and business cycle

The normal production and business cycle of Vietnam Airlines is carried out for a time period of 12 months or less.

Vietnam Airlines' structure

Vietnam Airlines is operating under the parent-subsiary model. As at 31 December 2025, Vietnam Airlines had dependent entities (including domestic and overseas branches), subsidiaries and associates.

Dependent entities of Vietnam Airlines include:

- Heritage Magazine
- Flight Crew 919
- Cabin Crew

List of branches in Vietnam

- Branch of Vietnam Airlines JSC. - Vietnam Air Service Company (VASCO)
- Branch of Vietnam Airlines JSC. - Flight Training Center
- Branch of Vietnam Airlines JSC. - LotuSmiles

13

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN/HN

- Vietnamese Branch of Vietnam Airlines JSC
- Branch of Vietnam Airlines JSC. - Airport Services and Operation Center
- Branch of Vietnam Airlines JSC. - Heritage Center (Established on 01 January 2026 based on the reorganization of Heritage Magazine)

List of overseas branches

- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Thailand
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Singapore
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Malaysia
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Laos
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Cambodia
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Japan
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Republic of Korea
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Hong Kong
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Taiwan
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Russia
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Australia
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Germany
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in France and Western Europe
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in China
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in the US
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in the UK
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Myanmar
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Indonesia
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in India
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Philippines (Established on 24 March 2025)
- Branch of Vietnam Airlines JSC. in Italy (Established on 24 March 2025)

14

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN/HN

Details of Vietnam Airlines' subsidiaries and associates as at 31 December 2025 are as follows:

No.	Name	Address	Proportion of ownership interest (%) (i)	Proportion of voting power held (%)	Principal activity
Subsidiaries					
1	Pacific Airlines Joint Stock Aviation Company	Vietnam	98.84	98.84	Aviation transportation business
2	Vietnam Airlines Engineering One Member Company Limited	Vietnam	100.00	100.00	Repair and maintenance of aircraft
3	Vietnam Air Petrol One Member Company Limited	Vietnam	100.00	100.00	Jet fuel business
4	Nol Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company	Vietnam	60.62	65.07	Providing cargo services for flights
5	Nol Bai Catering Services Joint Stock Company	Vietnam	61.87	61.87	Providing catering for flights
6	Vietnam Airlines Caterers Limited	Vietnam	100.00	100.00	Providing catering for flights
7	Viet Flight Training Joint Stock Company	Vietnam	51.52	51.52	Pilot training
8	Aviation Information and Telecommunication Joint Stock Company	Vietnam	52.73	52.73	Providing information and telecommunication services
9	Tan Son Nhat Cargo Services Joint Stock Company	Vietnam	55.00	55.00	Providing cargo services for flights
10	Tan Son Nhat Cargo Services and Forwarding Company Limited	Vietnam	51.00	51.00	Transportation, cargo forwarding, warehousing
11	Vietnam Airport Services Joint Stock Company (formerly known as Nol Bai Airport Services Joint Stock Company)	Vietnam	51.00	51.00	Providing aviation transportation services
12	Vinako Forwarding Company Limited	Vietnam	65.05	65.05	Forwarding cargo, ground transportation, warehousing
13	Aviation Labor Supply Joint Stock Company	Vietnam	51.00	51.00	Import-Export of labour
14	Sabre Vietnam Joint Stock Company	Vietnam	51.69	51.69	Automatic booking
15	Vietnam Airport Ground Services One Member Company Limited	Vietnam	100.00	100.00	Ground services
16	Vietnam Singapore Technologies Engineering Aerospace Company Limited	Vietnam	51.00	51.00	Repair and maintenance of aircraft
17	Nasco Logistics Joint Stock Company	Vietnam	25.05	51.00	Transportation, cargo forwarding
Associates					
1	Vietnam Aircraft Leasing Joint Stock Company	Vietnam	32.48	32.48	Aircraft leasing
2	General Aviation Import-Export Joint Stock Company	Vietnam	41.31	41.31	Trustee services for export and import
3	Danang Airport Services Joint Stock Company	Vietnam	36.11	36.11	Aviation services
4	Aviation High-Grade Plastic Joint Stock Company	Vietnam	30.41	30.41	Manufacturing plastic products
5	Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	Vietnam	30.47	30.47	Refueling services
6	Nol Bai Aviation Fuel Service Joint Stock Company	Vietnam	30.00	30.00	Refueling services
7	Aviation Ground Services Company Limited	Vietnam	25.00	25.00	Ground services
8	Vietnam Sky Services Investment Joint Stock Company	Vietnam	8.16	36.00	Road passenger transport services

(i) Representing direct and indirect ownership interests of Vietnam Airlines's in its subsidiaries/ associates

15

// 2025 B K 10/11

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Disclosure of information comparability in the consolidated financial statements

Comparative figures are the figures of Vietnam Airlines' audited consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024.

During the year, Vietnam Airlines restated certain items including sales deductions and selling expenses to more appropriately reflect the substance of the transactions. Accordingly, certain figures in the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 have been restated in order to be appropriate for comparability with the current year's figures, details are as follows:

	Reported amount	Reclassification	Restated amount
	VND	VND	VND
Consolidated income statement for the year ended 31 December 2024:			
Deductions	969,843,018,400	(753,921,574,288)	215,921,444,112
Selling expenses	4,898,348,417,242	753,921,574,288	5,652,269,991,530

2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying consolidated financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

The consolidated financial statements of Vietnam Airlines Joint Stock Company have been prepared in accordance with the regulations of the consolidated financial reporting regime applicable to Vietnam Airlines Joint Stock Company issued under Decision No. 1913/QĐ-TCTHK-TCKT dated 18 December 2015 of Vietnam Airlines ("Decision 1913"). Decision 1913 is developed based on Decision No. 2581/TCTHK-TCKT dated 30 December 2011 of Vietnam Airlines approved by the Ministry of Finance in its Official Letter No. 17011/BTC-CDKT dated 14 December 2011. Accordingly, the consolidated financial reporting regime applicable to Vietnam Airlines contains some differences from Vietnamese Accounting Standard ("VAS") No. 7 "Accounting for investments in associates" and VAS No. 25 "Consolidated financial statements and accounting for investments in subsidiaries" issued in conjunction with Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 and related implementation guidance in Circular No. 161/2007/TT-BTC dated 31 December 2007 and Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance. Details are as follows:

- Intra-group balances and transactions between Vietnam Airlines and its subsidiaries or among subsidiaries including receivables and payables, loans and borrowings, revenue and expenses are eliminated using the lower amounts in case of differences upon reconciliation and verification between Vietnam Airlines and its subsidiaries or among subsidiaries. In case of Vietnam Airlines providing transportation services to subsidiaries, the subsidiaries' figures related to such transactions will be used for elimination; and
- For intra-group purchases and sales of inventories, it is assumed that the previous year's inventory balances have been sold in the current year.

The accompanying consolidated financial statements are not intended to present the consolidated financial position, consolidated results of operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

16

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Going concern assumption

The consolidated financial statements for the fiscal year ended 31 December 2025 have been prepared on a going concern basis, assuming that Vietnam Airlines will continue its normal business operations in the foreseeable future.

As at 31 December 2025, Vietnam Airlines' current liabilities exceeded its current assets in the amount of VND 24,383 billion (as at 31 December 2024: VND 39,822 billion) and there were overdue payables including disputed debts in the amount of VND 6,903 billion (as at 31 December 2024: VND 10,812 billion).

The Board of Directors and the Board of Executive Officers have regularly assessed the impact and have timely implemented appropriate measures to strengthen financial stability so that Vietnam Airlines can maintain its ability to continue as a going concern. The measures that have been implemented include:

(a) Operation management

In 2025, Vietnam Airlines transported about 17.2 million domestic passengers and 8.5 million international passengers equivalent to growth of 111% and 118%, respectively compared to the prior year (2024: 15.5 million domestic passengers and 7.2 million international passengers).

Vietnam Airlines has continuously monitored and adjusted its aircraft crew utilization plan, flight schedules and routes to match market demand, peak periods and travel trends and tourism demand in order to optimize operating costs and aircraft crews, while maintaining its share of domestic passenger transport.

Vietnam Airlines also focuses on managing and developing services and customers on routes with high revenue and profit in order to improve asset utilization efficiency and corporate cash flow.

In addition, Vietnam Airlines continues to maintain cargo transportation activities in order to effectively utilize aircraft crew capacity, improve production and business efficiency and operating cash flow.

For operating expenses, Vietnam Airlines continues to implement a cost optimization policy, enhance aircraft crew utilisation efficiency and implement measures to negotiate cost reductions and achieve cost-savings. In addition, Vietnam Airlines continuously considers optimizing the process of front-end service, in-flight service as well as the repair and maintenance of engines and aircraft, in order to improve service quality and ensure economic efficiency.

(b) Working capital

Vietnam Airlines has been negotiating with commercial banks to have more credit lines for operating activities. As at 31 December 2025, Vietnam Airlines has signed credit contracts with commercial banks with a total credit limit of about VND 40.5 trillion. Vietnam Airlines believes that it will be able to maintain its current credit limits in the following year and ensure the timely repayment of loan principals when they fall due.

In addition, Vietnam Airlines has refinancing loans of VND 4,000 billion from Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank, Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank, and Saigon – Hanoi Commercial Joint Stock Bank in accordance with Circular No. 04/2021/TT-NHNN issued on 05 April 2021 by the State Bank of Vietnam. Pursuant to Circular No. 16/2025/TT-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 11 July 2025, based on the request of Vietnam Airlines ("VNA") and the assessment of VNA's ability to fully repay principal and/or interest after the restructuring of its debt repayment schedule, commercial banks shall restructure the repayment terms of VNA's outstanding loans (including both the original loan tenor and the restructured repayment period) for a maximum period no later than 31 December 2027.

In 2025, Vietnam Airlines completed the share issuance plan to existing shareholders to increase its charter capital. Accordingly, the actual number of shares issued was 897,104,037 shares, with total proceeds amounting to VND 8,971,040,370,000 (as detailed in Note 29). Pursuant to Resolution No. 02/NQ-DHDCD dated 15 May 2025 of the General Meeting of Shareholders, the proceeds from the

17

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

capital increase through the issuance of additional shares to existing shareholders will be used to settle payables related to operating activities, including: (i) payment of due and overdue payables to suppliers; and (ii) repayment of due short-term and long-term borrowings, as well as a portion of refinancing loans.

Regarding external partners, Vietnam Airlines assesses and believes that its partners have been providing, and will continue to provide, active support to Vietnam Airlines in recent years and in the future.

(c) Project on restructuring Vietnam Airlines

Vietnam Airlines has completed the development and reported to relevant authorities on the overall Project of solutions to overcome difficulties caused by the impact of the Covid-19 pandemic so that Vietnam Airlines can soon recover and develop sustainably in the period of 2021-2035 and the Project of restructuring Vietnam Airlines until the end of 2025 ("the project"). The solutions in the project have been considered and approved by the National Assembly and competent authorities. Under the project, Vietnam Airlines has implemented and will continue to implement three (3) solutions to overcome the current financial situation including:

- Enhance air transport business results;
- Implement asset restructuring and divest from subsidiaries and associates to increase income and cash flow; and
- Prepare necessary conditions to implement the plan to issue shares to increase share capital phase 02 in accordance with Resolution No. 174/2024/QH-15 dated 30 November 2024.

The Board of Executive Officers has carefully assessed the business and cash flow plans, as well as the ability to balance cash flows to pay off due debts and financial obligations as well as the loans and capital support from the Government and the ability to implement restructuring plans and address difficulties of Vietnam Airlines for the period up to 2035. The Board of Executive Officers believes that it is appropriate to have the accompanying consolidated financial statements prepared on a going concern basis.

Financial year

Vietnam Airlines' financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

3. NEW ACCOUNTING GUIDANCE IN ISSUE

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") guiding the application of accounting regime for enterprises. Circular 99 is effective from 01 January 2026 and applies for financial years beginning on or after 01 January 2026. This Circular will supersede the following regulations:

- Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance ("Circular 200") providing guidance on the corporate accounting regime (except for contents relating to accounting guidance for the equitization of State-owned enterprises),
- Circular No. 75/2015/TT-BTC dated 18 May 2015 of the Ministry of Finance on amendments to Article 128 of Circular 200,
- Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 of the Ministry of Finance amending and adding some articles of Circular 200, and
- Circular No. 195/2012/TT-BTC dated 15 November 2012 of the Ministry of Finance providing accounting guidance for investors.

The Board of Executive Officers is considering the extent of impact of the adoption of Circular 99 on the Company's consolidated financial statements for future accounting periods, beginning on or after 01 January 2026.

18



VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by Vietnam Airlines in the preparation of these consolidated financial statements, are as follows:

Accounting estimates

The preparation of consolidated financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting requires the Board of Executive Officers to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the consolidated financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Executive Officers' best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Basis of consolidation

The consolidated financial statements incorporate the financial statements of Vietnam Airlines and enterprises controlled by Vietnam Airlines (its subsidiaries) up to 31 December each year. Control is achieved where Vietnam Airlines has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities.

The results of subsidiaries acquired or disposed of during the year are included in the consolidated income statement from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal, as appropriate.

Where necessary, adjustments are made to the financial statements of subsidiaries to bring the accounting policies used in line with those used by Vietnam Airlines.

Intragroup transactions and balances are eliminated in full on consolidation.

Non-controlling interests consist of the amount of those non-controlling interests at the date of the original business combination (see below) and the non-controlling interests' share of changes in equity since the date of the combination. Losses in subsidiaries are respectively attributed to the non-controlling interests even if this results in the non-controlling interests having a deficit balance.

Business combinations

On acquisition, the assets and liabilities and contingent liabilities of a subsidiary are measured at their fair values at the date of acquisition. Any excess of the cost of acquisition over the fair values of the identifiable net assets acquired is recognised as goodwill. Any deficiency of the cost of acquisition below the fair values of the identifiable net assets acquired is credited to profit and loss in the year of acquisition.

The non-controlling interests are initially measured at the non-controlling shareholders' proportion of the net fair value of the assets, liabilities and contingent liabilities recognised.

Investments in associates

An associate is an entity over which Vietnam Airlines has significant influence and that is neither a subsidiary nor an interest in joint venture. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but not control or joint control over those policies.

The results and assets and liabilities of associates are incorporated in these financial statements using the equity method of accounting. Interests in associates are carried in the balance sheet at cost as adjusted by post-acquisition changes in Vietnam Airlines' share of the net assets of the associate. Losses of an associate in excess of Vietnam Airlines' interest in that associate are not recognised.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Where a group entity transacts with an associate of Vietnam Airlines, unrealised profits are eliminated to the extent of Vietnam Airlines' interest in the relevant associate.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, bank demand deposits, cash in transit, deposits with original term of 03 months or less that are highly liquid and readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Financial investments

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that Vietnam Airlines has the positive intent or ability to hold to maturity, including bank deposits with original terms of more than 03 months.

Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the consolidated income statement on accrual basis.

Held-to-maturity investments are measured at cost less provision for impairment of held-to-maturity investments.

Provision for impairment of held-to-maturity investments is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Equity investments in other entities

Equity investments in other entities represent Vietnam Airlines' investments in ordinary shares of the entities over which Vietnam Airlines has no control, joint control, or significant influence.

Equity investments in other entities are carried at cost less provision for impairment.

Equity investments in joint-ventures

Interests in joint venture arrangements are contractual agreements under which Vietnam Airlines and other parties undertake economic activities subject to joint control. Joint control is defined as the contractually agreed sharing of control over strategic decisions relating to the financial and operating policies of the joint venture, requiring the unanimous consent of the parties sharing control.

Where a subsidiary directly conducts business activities under joint venture arrangements, its interest in jointly controlled assets and any liabilities jointly incurred with other venturers arising from such activities are recognized in its financial statements and classified in accordance with the substance of the underlying transactions. Liabilities and expenses directly attributable to the interest in jointly controlled assets are accounted for on an accrual basis. Income derived from the sale or use of the share of output from the joint venture, together with the related share of expenses, is recognized when it is probable that the economic benefits associated with the transactions will flow to or from Vietnam Airlines and such benefits can be measured reliably. Joint venture arrangements that involve the establishment of a separate entity in which the venturers have an interest are referred to as jointly controlled entities.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Costs comprise all applicable costs that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The cost of spare parts and supplies received is calculated based on prices stated in suppliers' commercial invoices and all related expenses (such as import duty, commission fees, transportation costs).

The cost of aircraft spare parts and supplies for consumption is calculated using the specific identification method.

The following principles are applied in allocating the costs of spare parts and supplies issued for consumption:

- For spare parts and supplies which are consumable, issued for one-time consumption and unrepairable, the issued cost is the total value of such items and charged to the consolidated income statement during the year.
- For rotational spare parts and supplies issued for consumption of which unit price ranges from USD 1,500 to USD 50,000, the cost is recognised as a long-term prepayment in the consolidated balance sheet and allocated to the consolidated income statement on a straight-line basis over 03 years from the first issuance for consumption.
- For rotational spare parts and supplies issued for consumption of which unit price is more than USD 50,000, the cost is recognised as a long-term prepayment in the consolidated balance sheet and allocated to the consolidated income statement on a straight-line basis over 05 years from the first issuance for consumption.

Vietnam Airlines applies the perpetual method of accounting for inventories.

The necessary provision for inventory devaluation follows the prevailing accounting regulations, which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the consolidated balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions and locations for their intended use. The costs of tangible fixed assets formed from construction investment by contractual mode or self-construction or self-generating process are the settled costs of the invested construction projects in accordance with the prevailing State's regulations on investment and construction management, directly-related expenses and registration fee (if any). In the event the construction project has been completed and put into use but the settled costs thereof have not been approved, the cost of tangible fixed assets is recognised at the estimated cost based on the actual cost incurred. The estimated cost will be adjusted according to the settled costs approved by competent authorities.

In cases of tangible fixed assets being aircraft, credits granted under aircraft purchase contracts are recognised in accordance with the following principles:

- Credit granted in form of services under aircraft purchase contracts is not recognised separately from cost of the aircraft but treated as a deduction from cost of sales upon actual receipt;

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

- Credit granted in form of spare parts or equipment which Vietnam Airlines is not likely to receive under aircraft purchase contracts is not recognised separately from cost of the aircraft but treated as a deduction from cost of sales upon actual receipt;
- Credit granted in form of equipment which Vietnam Airlines is likely to receive with a detailed list for handover under aircraft purchase contracts is recognised separately from cost of the aircraft.

Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repair, maintenance and overhaul costs, is charged to the consolidated income statement in the year in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost to tangible fixed assets.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over the following estimated useful lives:

	Years
Aircraft	16 - 20
Aircraft engines	10
Buildings and structures	5 - 50
Machinery and equipment	3 - 20
Management tools and equipment	3 - 10
Motor vehicles	3 - 10
Others	3 - 7

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between the net proceeds from sales or disposals of assets and their carrying amount and is recognised in the consolidated income statement.

For the aircraft in operation and engines for the years ended 31 December 2020, 2021 and 2022, Vietnam Airlines calculated and recognised depreciation expenses of aircraft in operation and allocation of repair and maintenance expenses for aircraft and engines for the respective financial years in accordance with the separate guidance approved by the relevant authorities. Accordingly, depreciation expense and monthly repair and maintenance expenses for each type of aircraft charged to the consolidated income statement for the years ended 31 December 2020, 2021 and 2022 were determined based on actual-to-planned monthly operating hour ratio by aircraft type, as follows:

Monthly recorded depreciation/Monthly repair and maintenance of each aircraft type	=	Monthly depreciation value of each aircraft type/Repair and maintenance expense of each aircraft type in normal working condition	X	Total monthly actual hours in operation of each aircraft type

				Total monthly planned hours of operation of each aircraft type in 2020 (the year with normal operations before the COVID-19 pandemic)

For the aircraft not in operation and standby engines, Vietnam Airlines recorded depreciation and maintenance expense for the year consistently with the accounting policies for tangible fixed assets.

From 01 January 2023 the accumulated difference in depreciation and amortisation between the straight-line method and the approved method mentioned above will continue to be amortised by Vietnam Airlines according to the guidance of the Ministry of Finance as follows:

- For aircraft depreciation expenses, the accumulated difference in depreciation between the straight-line depreciation method and the separately approved depreciation method mentioned above up to 01 January 2023 continues to be amortised on a straight-line basis over the remaining estimated useful lives of tangible fixed assets.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

- For repair and maintenance expenses, the accumulated difference in amortisation between the straight-line amortisation method and the separately approved amortisation method mentioned above is amortised to consolidated financial statement the year with a total time from the start of initial amortisation not exceeding 3 years.

Leasing

Leases are classified as finance leases whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

Vietnam Airlines as a lessor

Rental income from operating leases is recognised in the consolidated income statement on a straight-line basis over the term of the relevant lease.

Vietnam Airlines as a lessee

Assets held under finance leases are recognised as assets of Vietnam Airlines at their fair value at the inception of the lease or, if lower, at the present value of the minimum lease payments. The corresponding liability to the lessor is included in the consolidated balance sheet as a finance lease obligation. Lease payments are apportioned between finance charges and reduction of the lease obligation so as to achieve a constant rate of interest on the remaining balance of the liability. Finance charges are charged to profit or loss, unless they are directly attributable to qualifying assets, in which case they are capitalised in accordance with Vietnam Airlines' general policy on borrowing costs (see below in Borrowing cost).

Leases where substantially all the rewards and risks of ownership of assets remain with the leasing company are accounted for as operating leases. Rentals payable under operating leases are charged to the consolidated income statement on a straight-line basis over the term of the relevant lease. Benefits received and receivable as an incentive to enter into an operating lease are also spread on a straight-line basis over the lease term.

Assets held under finance leases are depreciated using straight line method over their expected useful lives on the same basis as tangible fixed assets.

Vietnam Airlines recorded depreciation of finance lease fixed assets, including aircraft in operation for the financial years ended 31 December 2020, 2021 and 2022 in accordance with the separate guidance approved by the relevant authorities as disclosed in the accounting policies on tangible fixed assets and depreciation. For the aircraft not in operation and corresponding engines, Vietnam Airlines recorded depreciation for the year consistently with the accounting policies for finance lease fixed assets.

Intangible assets and amortisation

Intangible assets that are stated at cost less accumulated amortisation, represent the costs of land use rights and computer software, such as passenger/cargo revenue management software, cargo management software and accounting software and others. Vietnam Airlines does not amortise the granted indefinite land use rights. Land use rights with definite term are amortised using the straight-line method over the duration of the right to use the land. Intangible assets representing computer software are amortised using straight-line method over the period from 03 to 07 years.

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental and administrative purposes or for other purposes are carried at cost including any costs that are necessary to form the asset including construction cost, equipment cost, other directly attributable costs and borrowing costs in accordance with Vietnam Airlines' accounting policies. Such costs will be included in the estimated costs of the fixed assets (if settled costs have not been approved) when they are put into use.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

According to the State's regulations on investment and construction management, the settled costs of completed construction projects are subject to approval by appropriate level of competent authorities. Therefore, the final costs of these completed construction projects may vary depending on the competent authorities' approval of settlement.

Prepayments

Prepayments are expenses which have already been paid but relate to results of operations of multiple accounting periods.

Long-term prepaid expenses represent overhaul expenses for aircraft engines and fuselage; export credit guarantee fees in respect of financing contracts for aircraft purchasing; costs of rotational spare parts, tools and supplies and other expenses. Details are as follows:

- Overhaul expenses for aircraft engines and fuselages are allocated to the consolidated income statement from the month following when the overhaul was completed. For leased aircraft engines, the expenses awaiting allocation exclude the amount from overhaul reserves paid by the lessor. The amount payable of the overhaul reserve to the lessor under the lease contract is recognised in the consolidated income statement when the reserve is paid. Repair and maintenance expense of fuselage, main engines, auxiliary power unit and aircraft landing gears incurred at USD 300,000 or more will be allocated over the period of 03 years. Overhaul expenses are fully recognised into the consolidated income statement if incurred at less than USD 300,000.
- As presented in the accounting policy on tangible fixed assets, Vietnam Airlines recorded allocation of prepayments for overhaul expenses of aircraft engines and fuselage for the years 2020, 2021 and 2022 in accordance with the separate guidance approved by the competent authorities. For the year ended 31 December 2025, the accumulated difference in amortisation between the straight-line amortisation method and the separately approved amortisation method is amortised to the consolidated statement of income of the year with a total time from the start of initial amortisation not exceeding 3 years.
- The overhaul cost of aircraft engines specified in the engine maintenance contract on an hourly basis is recognised in the consolidated income statement based on flight hours.
- Export credit guarantee fees for financing contracts for aircraft purchasing under financial lease terms and other expenses relating to financing contracts are allocated to operating expenses over the financing duration.
- Rotational spare parts tools, supplies and other expenses include:
 - The cost of tools and supplies issued for consumption that represent assets that do not meet fixed assets criteria and have their estimated useful lives of more than 01 year is allocated to the consolidated income statement over the period of 02 years.
 - Rotational spare parts are evenly allocated in each year (see details in the Note about "Inventories").

Accrued expenses

Estimated accrued expenses of the current year pertain to expenses actually incurred but their invoices not yet received as at 31 December 2025.

Payable provisions

Payable provisions are recognised when Vietnam Airlines has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that Vietnam Airlines will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the Board of Chief Executive Officers' best estimate of the expenditure required to settle the obligation as at the consolidated balance sheet date.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

End of lease obligation

Under the terms of aircraft operating lease contracts between Vietnam Airlines/subsidiaries and lessors, Vietnam Airlines and its subsidiaries have an obligation to return the aircraft to the same working conditions as at delivery (except for normal wear and tear) upon returning the aircraft to lessors at the end of the lease period. In accordance with Official Letter No. 11876/BTC-CDKT dated 25 August 2016 of the Ministry of Finance, Vietnam Airlines can recognise costs for operating lease aircraft return when incurred or make provision for aircraft return obligation over the lease period. Vietnam Airlines currently recognises costs for operating lease aircraft return when incurred.

Owners' equity and distribution of retained earnings

Owners' equity of Vietnam Airlines includes contributed capital from ordinary shares, share premium, other funds and (accumulated losses)/retained earnings of each year. Funds are appropriated from profit after tax which is distributed according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

Revenue and other income recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) Vietnam Airlines has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) Vietnam Airlines retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) The amount of revenue can be measured reliably;
- (d) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to Vietnam Airlines; and
- (e) The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of such transactions can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several years, revenue is recognised in each year by reference to the percentage of completion of the transaction at the consolidated balance sheet date of that year. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

- (a) The amount of revenue can be measured reliably;
- (b) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to Vietnam Airlines;
- (c) The percentage of completion of the transaction at the consolidated balance sheet date can be measured reliably; and
- (d) The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Aviation transportation revenue

Sales of transportation documents (which comprise air tickets and vouchers) are presented as trade accounts payable on the consolidated balance sheet, which is recognised as revenue in the consolidated income statement when the actual carriage service is performed. Transportation documents (including regular tickets, MCO - miscellaneous charges order, luggage and YQ - fuel surcharge), which are expired but not yet used by customers are recognised as revenue in the consolidated income statement.

Revenue from aircraft charter and charter flights is recognised in the consolidated income statement upon completion of services. No revenue is recognised if the recovery of the payables due cannot be measured reliably.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Auxiliary services for transportation

Revenue from auxiliary services rendered, which are completed within a short time, is recognised in the consolidated income statement upon completion of services. No revenue is recognised if the recovery of the payable cannot be measured reliably.

Unearned revenue from frequent flyer program

Vietnam Airlines implements its frequent flyer program, namely the Golden Lotus Program for frequent customers, under which such customers can accumulate points when using services, participating in promotion programs, etc. provided by Vietnam Airlines or specific aviation and non-aviation vendors under Vietnam Airlines' Golden Lotus Program. The portion of revenue derived from the remaining usable reward points for which customers are expected to redeem shall be determined at fair value and recognised as unearned revenue. Unearned revenue is recognised as income in the year when customers redeem the points or upon expiry of the points.

Other revenue and income

Interest income is recognised on an accrual basis, by reference to the outstanding principal and at the applicable interest rate. Dividend income from investments is recognised when Vietnam Airlines' right to receive dividend is established.

Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the consolidated balance sheet date are retranslated at the exchange rates of commercial bank where Vietnam Airlines usually transacts on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognised in the consolidated income statement. Foreign exchange gains arising from translating foreign currency monetary items as at the consolidated balance sheet date are not treated as part of distributable dividends to shareholders.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognised in the consolidated income statement in the year when incurred unless they are capitalised in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs". Accordingly, borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets. For specific borrowings for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, borrowing costs are capitalised even when the construction period is under 12 months.

Basic earnings per share

Vietnam Airlines presents basic earnings per share ("EPS") for its ordinary shares. Basic EPS is calculated by dividing the profit after tax or the profit attributable to the ordinary shareholders of Vietnam Airlines by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Vietnam Airlines does not have potential ordinary shares with dilution effect and therefore does not present diluted EPS.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the consolidated financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and Vietnam Airlines intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Cash on hand	18,309,260,226	13,172,598,115
Bank demand deposits	2,768,829,514,768	2,741,296,394,832
Cash in transit	122,492,746,537	107,474,016,942
Cash equivalents (*)	6,986,125,743,484	1,764,795,454,052
	9,895,757,265,015	4,626,738,463,941

(*) As at 31 December 2025, cash equivalents represent deposits at commercial banks with original maturities of three months or less with interest rate ranging from 0.2% to 4.75% per annum.

// P/ REP. N. L. E. A. M. 30/10/11

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

6. FINANCIAL INVESTMENTS**a. Held-to-maturity investments**

	Closing balance VND		Opening balance VND	
	Cost	Carrying amount	Cost	Carrying amount
Short-term				
- Term deposits (i)	8,058,913,564,879	8,058,913,564,879	1,015,203,600,683	1,015,203,600,683
Long-term				
- Term deposits (ii)	28,105,875,342	28,105,875,342	-	-
	8,087,019,440,221	8,087,019,440,221	1,015,203,600,683	1,015,203,600,683

(i) Short-term held-to-maturity investments represent deposits with remaining terms not exceeding 12 months at the consolidated balance sheet date at commercial banks with interest rate ranging from 1.8% to 7.8% per annum (31 December 2024: from 1.1% to 10.5% per annum).

(ii) Long-term held-to-maturity investments represent deposits with remaining terms over 12 months at the consolidated balance sheet date at commercial banks with interest rate from 5% to 6.4% per annum.

b. Equity investments in other entities

	Closing balance VND		Opening balance VND	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Cambodia Angkor Air	248,141,431,740	-	248,141,431,740	-
Cam Ranh International Aviation Services Joint Stock Company	90,000,000,000	(90,000,000,000)	90,000,000,000	(90,000,000,000)
Aviation Logistics Corporation	65,049,600,000	-	65,049,600,000	-
Southern Aviation Construction Port Joint Stock Company	52,000,000,000	-	52,000,000,000	-
Salgon Postal Corporation	6,161,138,309	-	6,161,138,309	-
Thang Long Investment and Services Joint Stock Company	2,550,000,000	-	2,550,000,000	-
	463,902,170,049	(90,000,000,000)	463,902,170,049	(90,000,000,000)

// P/ REP. N. L. E. A. M. 30/10/11

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

The fair value of investments as at 31 December 2025 has not been disclosed because:

- For investments in listed entities, the volume of share transactions during the year was low and therefore, share prices do not accurately reflect fair value of the investments; and
- For the remaining investments that had no listed price on the market, there is currently no comprehensive guidance on determination of their fair value using valuation techniques. The fair value of these investments may differ from their costs.

7. TRADE RECEIVABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Trade receivables from customers		
Agents selling passenger transportation products	2,002,595,514,403	1,659,782,833,368
Other airlines	2,201,806,649,459	1,230,495,876,704
Receivables from aircraft leasing	247,337,585,945	329,922,409,858
Cargo transportation fees	362,720,096,802	353,651,406,687
Others	608,993,938,975	1,084,891,630,079
	5,423,453,785,384	4,658,744,156,696
b. Trade receivables from customers classified by payment term		
Short-term	5,421,723,761,733	4,656,848,501,751
Long-term	1,730,023,651	1,895,654,945
	5,423,453,785,384	4,658,744,156,696
In which: Trade receivables from related parties (Details stated in Note 41)	23,834,059,725	2,503,917,716

8. ADVANCES TO SUPPLIERS

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Short-term		
Prepayment for aircraft and engines repair	362,802,220,634	165,173,014,508
Prepayment for investments in construction in progress	304,910,929,453	92,846,568,131
Prepayment for aircraft lease	248,756,926,307	1,727,544,001
Prepayment for aircraft fuel	46,601,848,059	106,600,764,076
Others	419,652,410,819	169,728,773,112
	1,382,724,335,272	536,076,663,828
b. Long-term		
Prepayment for aircraft purchasing (*)	650,625,000,000	-
	650,625,000,000	-
In which: Advances to related parties (Details stated in Note 41)	17,908,111,000	-

(*) Represents advanced payments to the supplier under the contract for the purchase of 50 narrow-body aircrafts with the aircraft manufacturer (Note 42).

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

9. OTHER RECEIVABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Short-term		
Prepayments for overhaul costs to be offset against overhaul reserve (i)	2,461,990,008,691	1,946,242,159,542
Deposits for leasing aircraft and aircraft engines in short-term	147,469,853,638	47,930,467,142
Sublease receivables	-	51,544,033,193
Issuance of spare parts to the partner for repair	-	13,141,017,432
Other short-term receivables	258,336,420,234	394,824,553,026
	2,867,796,282,563	2,453,682,230,335
b. Long-term		
Deposits for leasing aircraft and aircraft engines in long-term (ii)	1,453,305,667,732	1,656,216,255,802
Other long-term collaterals, deposits	244,033,161,758	209,381,373,205
Other long-term receivables	3,318,430,480	5,013,056,809
	1,700,657,259,970	1,870,610,685,816
In which: Other receivables from related parties (Details stated in Note 41)	12,525,260,299	1,692,914,159,602
(i) Prepayment for overhaul costs to be offset against overhaul reserve represents the actual repair expense that Vietnam Airlines expects to recover from aircraft lessors.		
(ii) This amount represents deposits made by Vietnam Airlines for leasing aircraft and aircraft engines which will be refunded at the end of the lease term.		

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

10. BAD DEBTS

	Closing balance			Opening balance		
	Cost	Provision	Recoverable amount	Cost	Provision	Recoverable amount
			VND			VND
Cambodia Angkor Air	246,171,049,118	(144,543,364,077)	101,627,685,041	319,373,610,000	(219,802,090,000)	99,571,520,000
Airtickets Touristikles Yprisesies	26,871,225,554	(26,871,225,554)	-	23,099,688,673	(23,099,688,673)	-
Air Fast Ticket Group	16,705,550	(16,705,550)	-	2,965,486,018	(2,965,486,018)	-
Others	79,402,633,007	(74,026,215,864)	5,376,417,143	89,030,143,183	(83,044,349,143)	5,985,794,040
	352,461,613,229	(245,457,511,045)	107,004,102,184	434,468,927,874	(328,911,613,834)	105,557,314,040
<i>In which:</i>						
Provision for doubtful debts - short-term		(244,820,379,441)			(324,282,926,492)	
Provision for doubtful debts - long-term		(637,131,604)			(4,628,687,342)	

Vietnam Airlines determines the recoverable amount at cost less provision for doubtful debts made at the consolidated balance sheet date.

11. INVENTORIES

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
		VND		VND
Goods in transit	288,194,226,750	-	272,016,956,794	-
Raw materials	1,465,505,242,407	(272,727,391,544)	1,240,322,904,082	(249,815,966,064)
Tools and supplies	62,502,863,617	-	78,850,686,143	-
Work in progress	89,104,213,447	-	37,777,177,690	-
Finished goods	1,064,815,475	-	966,923,479	-
Merchandise	2,123,631,081,189	-	1,984,202,614,862	-
Goods in bonded warehouse	27,917,210,788	-	24,799,904,021	-
Goods on consignment	338,987,711	-	322,317,704	-
	4,088,258,641,384	(272,727,391,544)	3,619,259,484,775	(249,815,966,064)

As at 31 December 2025, Vietnam Airlines made provision for devaluation of inventories since these inventories' net realisable values are lower than their costs at the consolidated balance sheet date.

31

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

12. PREPAYMENTS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Current		
Rentals of aircraft, aircraft engines and other assets	508,290,530,310	545,708,100,892
Commission from sales of transportation documents	8,546,730,375	9,597,444,598
Others	110,889,675,637	76,108,869,064
	627,726,936,322	631,414,414,554
b. Non-current		
Overhaul expenses for aircraft engines and fuselages	8,452,883,462,481	5,873,833,008,960
Export credit guarantee fees	178,594,559,159	310,124,294,753
Spare parts, tools and supplies	1,141,217,385,509	701,487,896,464
Others	490,278,664,969	343,847,721,987
	10,262,974,072,118	7,229,292,922,164

Vietnam Airlines amortised the overhaul expenses for aircraft engines and fuselages for the fiscal years 2020, 2021 and 2022, according to separate accounting guidance approved by the competent authorities. In the year ended 31 December 2025, the accumulated difference between the straight-line amortisation method and the amortisation method applying separate accounting guidance is being amortised to results of operations for the year with the total time from the initial amortisation starting date not exceeding 3 years.

If Vietnam Airlines applied the straight-line amortisation policy for overhaul expenses for aircraft engines and fuselages in 2020, 2021 and 2022, cost of goods sold and services rendered in the consolidated income statement for the year ended 31 December 2025 would have decreased by VND 3.8 billion (2024: decreased by VND 44 billion).

32

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

13. INCREASES, DECREASES IN TANGIBLE FIXED ASSETS

	Aircraft, aircraft engines	Buildings, structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Management equipment and tools	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
COST							
Opening balance	35,957,411,839,161	2,986,896,241,977	4,340,934,114,948	2,083,157,296,708	1,111,777,000,014	341,764,000,472	46,821,940,493,280
Purchases	-	5,077,750,056	177,122,166,677	144,245,275,767	24,289,424,562	752,785,748	351,487,403,810
Transfer from construction in progress	-	22,352,486,800	-	-	-	13,595,817,143	35,948,303,943
Transfer from finance lease assets	6,761,075,605,779	-	-	-	-	-	6,761,075,605,779
Disposals	-	(18,195,675,513)	(58,825,873,954)	(53,961,803,953)	(26,086,322,461)	(24,613,679,946)	(181,683,355,867)
Settlement adjustment	-	(1,097,091,502)	(330,933,414)	-	(109,890,061)	-	(1,537,914,977)
Other increases, decreases	-	(114,254,345,489)	-	-	(6,840,033,090)	-	(121,094,378,579)
Closing balance	42,718,487,444,940	2,880,779,366,329	4,458,899,474,257	2,173,440,768,482	1,103,030,178,964	331,498,924,417	53,666,136,157,389
ACCUMULATED DEPRECIATION							
Opening balance	25,644,858,074,310	1,715,247,349,582	3,750,846,480,317	1,568,894,455,096	1,009,139,649,585	245,486,799,492	33,334,472,808,382
Charge for the year	2,173,127,356,146	94,187,461,371	169,929,071,556	132,830,919,966	49,971,284,162	15,935,824,158	2,635,981,917,361
Transfer from finance lease assets	5,284,080,837,882	-	-	-	-	-	5,284,080,837,882
Disposals	-	(17,450,000,022)	(58,825,873,954)	(53,880,360,305)	(26,086,322,461)	(24,613,679,934)	(180,856,236,676)
Other increases, decreases	-	(113,488,647,940)	(82,413,984)	-	(8,092,808,817)	-	(121,683,870,741)
Closing balance	33,102,066,268,338	1,878,496,182,991	3,861,867,263,935	1,647,845,014,759	1,024,931,802,469	236,808,943,716	41,552,015,456,208
NET BOOK VALUE							
Opening balance	10,312,553,764,851	1,271,648,892,395	590,087,634,631	514,262,841,612	102,637,350,429	96,277,200,980	12,867,467,684,898
Closing balance	9,616,421,176,602	1,202,283,203,338	597,032,210,322	525,595,753,723	78,098,376,495	94,689,980,701	12,114,120,701,181

As at 31 December 2025, the cost of Vietnam Airlines' tangible fixed assets includes VND 13,923 billion (31 December 2024: VND 12,056 billion) of assets which have been fully depreciated but are still in use.

As at 31 December 2025, Vietnam Airlines and its subsidiaries have pledged their tangible fixed assets with the net book value of VND 7,682 billion (as at 31 December 2024: VND 9,193 billion) to secure banking facilities granted to Vietnam Airlines and subsidiaries.

33

11/2/2025 10:10:11

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

In the year, Vietnam Airlines depreciated its tangible fixed assets comprising aircraft and respective engines in operation for the years ended 31 December 2020, 2021 and 2022, in accordance with the specific accounting guidance set out in the accounting policy on tangible fixed assets and depreciation.

If Vietnam Airlines had applied its accounting policy using the straight-line method for the years 2020, 2021 and 2022, the accumulated depreciation of tangible fixed assets and accumulated losses as at 31 December 2025 in the consolidated balance sheet would have increased by VND 1,503 billion (31 December 2024: increased by VND 1,609 billion) and cost of sales in the consolidated income statement for the year ended 31 December 2025 would have decreased by VND 527 billion (for the year ended 31 December 2024: decreased by VND 422 billion).

14. INCREASES, DECREASES IN FINANCE LEASE ASSETS

	Aircraft and aircraft engines	Total
	VND	VND
COST		
Opening balance	33,114,627,353,590	33,114,627,353,590
Transfer to tangible fixed assets	(6,761,075,605,779)	(6,761,075,605,779)
Closing balance	26,353,551,747,811	26,353,551,747,811
ACCUMULATED DEPRECIATION		
Opening balance	16,650,429,177,243	16,650,429,177,243
Charge for the year	2,160,126,367,763	2,160,126,367,763
Transfer to tangible fixed assets	(5,284,080,837,882)	(5,284,080,837,882)
Closing balance	13,526,474,707,124	13,526,474,707,124
NET BOOK VALUE		
Opening balance	16,464,198,176,347	16,464,198,176,347
Closing balance	12,827,077,040,687	12,827,077,040,687

As at 31 December 2025, Vietnam Airlines was leasing 11 aircraft including A321 and B787. At the end of each lease period, Vietnam Airlines has the option to purchase these aircraft under the lease contracts' terms and conditions.

As at 31 December 2025, finance lease tangible assets with a net book value of VND 768 billion (as at 31 December 2024: VND 1,992 billion) are pledged as security for the financial lease liabilities that have been fully settled. Vietnam Airlines is currently in the process of completing the procedures for de-mortgaging to transfer ownership.

In 2025, Vietnam Airlines depreciated its finance lease fixed assets comprising aircraft in operation for the years ended 31 December 2020, 2021 and 2022, in accordance with the specific accounting guidance set out in the accounting policy on tangible fixed assets and depreciation.

If Vietnam Airlines had applied its accounting policy using the straight-line method for the years 2020, 2021 and 2022, the accumulated depreciation of financial lease assets and accumulated losses as at 31 December 2025 in the consolidated balance sheet would have increased by VND 1,563 billion (31 December 2024: increased by VND 2,204 billion) and cost of sales in the consolidated income statement for the year ended 31 December 2025 would have decreased by VND 218 billion (for the year ended 31 December 2024: decreased by VND 421 billion).

34

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

15. INCREASES, DECREASES IN INTANGIBLE ASSETS

	Land use rights	Computer software	Others	Total
	VND	VND	VND	VND
COST				
Opening balance	73,846,177,206	859,098,059,550	25,885,231,380	958,829,468,136
Additions	-	17,188,515,490	-	17,188,515,490
Adjustment of costs	-	19,291,021,717	-	19,291,021,717
Disposals	-	(99,000,000)	-	(99,000,000)
Other decreases	-	(420,000,000)	-	(420,000,000)
Closing balance	73,846,177,206	895,058,596,757	25,885,231,380	994,790,005,343
ACCUMULATED AMORTISATION				
Opening balance	4,495,540,205	714,309,481,906	685,231,380	719,490,253,491
Charge for the year	122,779,202	49,509,353,404	-	49,632,132,606
Other increases	-	2,606,316,438	-	2,606,316,438
Disposals	-	(99,000,000)	-	(99,000,000)
Other decreases	-	-	-	-
Closing balance	4,618,319,407	766,326,151,748	685,231,380	771,629,702,535
NET BOOK VALUE				
Opening balance	69,350,637,001	144,788,577,644	25,200,000,000	239,339,214,645
Closing balance	69,227,857,799	128,732,445,009	25,200,000,000	223,160,302,808

As at 31 December 2025, the cost of Vietnam Airlines' intangible assets includes VND 681 billion (as at 31 December 2024: VND 654 billion) of assets which have been fully amortised but are still in use.

As at 31 December 2025, intangible assets with a carrying amount of VND 100 billion is pledged to banks as collateral for the borrowings of a subsidiary.

16. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Project preparation costs for the Long Thanh project	74,140,556,232	-
Petroleum warehouse at Phu Bai airport	73,966,394,872	51,311,528,216
Funding for relocation and ground clearance for the cooperation area in phase 2, area of 1,045ha (phase 2)	17,837,109,000	17,837,109,000
Other projects	88,221,507,394	40,010,916,195
	254,165,567,498	109,159,553,411

35

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

17. INVESTMENTS IN ASSOCIATES

	Address	Historical cost	Closing balance	Opening balance
			VND	VND
			Value under equity method	Value under equity method
Vietnam Aircraft Leasing Joint Stock Company	Vietnam	439,335,275,853	1,976,334,708,809	1,156,295,411,231
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	Vietnam	119,686,420,000	224,805,014,952	180,436,985,685
Da Nang Airport Services Joint Stock Company	Vietnam	86,652,841,772	15,094,050,445	12,417,152,034
Noi Bai Aviation Fuel Service Joint Stock Company	Vietnam	30,000,000,000	42,275,425,658	42,292,935,147
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	Vietnam	22,812,300,000	16,771,658,683	15,936,250,678
Aviation Ground Services Company Limited	Vietnam	17,000,000,000	13,793,332,697	-
Aviation High Grade Plastic Joint Stock Company	Vietnam	14,266,335,863	13,354,000,000	13,354,000,000
Vietnam Sky Services Investment Joint Stock Company	Vietnam	1,280,000,000	638,747,594	652,612,676
		731,033,173,488	2,303,066,938,838	1,421,385,347,451

The movements of equity investments in associates under equity method are as follows:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Opening balance	1,421,385,347,451	1,298,599,332,395
Share of profit in associates incurred during the year	841,732,013,977	70,287,711,026
Foreign exchange differences arising from the translation of foreign operations	48,656,916,282	55,264,675,168
Other movements	(8,707,338,872)	(2,766,371,138)
Closing balance	2,303,066,938,838	1,421,385,347,451

18. LONG-TERM RESERVED SPARE PARTS

Represent equipment, materials and spare parts with a usage period or storage time of more than 12 months but not qualifying for classification as fixed assets, which are purchased for reserve and replacement purposes, and can be repaired and reused multiple times for the aircraft fleets currently in operation by Vietnam Airlines.

36

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

19. TRADE PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
	Amount and Amount able to be paid off	Amount and Amount able to be paid off
a. Current		
Trade payables to suppliers	14,737,811,247,763	14,991,952,401,613
Payables related to of passenger, baggage, MCO transportation document (i)	16,346,186,974,251	13,229,770,717,560
Payables for tax collected on ticket sales (ii)	2,797,903,352,475	2,234,299,383,293
Interlines payable	32,183,367,178	23,500,200,033
Payables related to sales of cargo transportation documents	23,212,182,343	24,784,381,998
	33,937,297,124,010	30,504,307,084,497
b. Non-current		
Trade payables for long-term aircraft leasing	-	268,737,939,234
	-	268,737,939,234
In which: Trade payables from suppliers which are related parties (Details stated in Note 41)	122,623,569,131	690,320,099,439

(i) Payables related to sales of passenger, baggage, MCO transportation documents represent the value of service purchased by customers but not yet used at the end of the year.

(ii) Payables for tax collected on ticket sales represent the tax amount that Vietnam Airlines and its subsidiaries have to pay to the tax authorities or the airport administration agencies, including taxes that would be incurred when tickets are sold to customers or the transport service is performed.

As at 31 December 2025, Vietnam Airlines had outstanding overdue payables of approximately VND 6,903 billion (as at 31 December 2024: VND 10,812 billion).

20. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Advances for tickets not yet issued	120,200,422,073	78,666,664,031
Others	202,807,108,858	137,977,626,156
	323,007,530,931	216,644,290,187


VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

21. TAXES AND OTHER RECEIVABLES FROM/PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Opening balance	Payable during the year	Paid during the year	Closing balance
	VND	VND	VND	VND
	Receivable	Payable	Receivable	Payable
Value added taxes	381,373,896	40,763,899,937	966,864,276,034	10,848,837,140
Import-export taxes	87,482,498	-	16,060,595,713	118,906,795
Corporate income taxes	134,314,643	189,807,387,221	534,247,672,288	-
Personal income taxes	136,278,399	70,616,708,236	908,979,116,689	212,860,283
Natural resource taxes	177,158,240	-	874,227,438,542	177,158,240
Land and housing taxes and land rentals	-	8,503,069,978	337,114,590,048	1,142,780,882
Environmental protection taxes	1,200	54,247,589,000	735,151,347,850	388,110
Withholding taxes	-	1,722,748,418	177,409,945,390	-
Other taxes, fees and duties	2,000,000	4,537,926	2,857,885,361	124,405,086
	918,608,876	365,665,940,716	3,678,685,429,373	12,625,336,536
				765,302,022,847

In 2024, Pacific Airlines Joint Stock Company ("PA"), a subsidiary of Vietnam Airlines, received Decisions numbered from 3530 to 3537 and from 3567 to 3575/QĐ-CTIPHCM-KDT from the Ho Chi Minh City Tax Department regarding the enforcement of administrative decisions on tax management concerning tax debts related to the period after Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd. invested in PA (after 31 July 2007), for which PA had been temporarily exempted from enforcement according to Official Letter No. 3106/TCT-QLN issued by the General Department of Taxation on 29 August 2012.

According to the Resolution of the 8th Session of the 15th National Assembly on 30 November 2024, the National Assembly approved measures to continue to remove difficulties caused by the impact of the Covid-19 pandemic to help Vietnam Airlines recover and develop sustainably, including: (i) allowing PA to waive late payment penalties and interest accrued on tax debts arising from decisions made by competent tax authorities, if the debts remain outstanding by 31 December 2024; (ii) PA is responsible for paying the full amount of remaining tax debts (principal) before 31 December 2024; and (iii) after the aforementioned deadline, the tax authorities will calculate late payment interest, urge payment, and apply enforcement measures in accordance with regulations.

PA had paid the full remaining tax amount (principal debt) to the Ho Chi Minh City Tax Department before 31 December 2024 in accordance with regulations. Currently, in the tax authority's management system, PA still owes late tax payment fees in the amount of VND 567 billion and has not had the enforcement measures lifted. As of the date of this consolidated financial report, Vietnam Airlines and PA are still working with the tax authorities to clarify the detailed procedures for implementing the cancellation of late payment penalty obligations according to the above National Assembly Resolution.



VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

22. ACCRUED EXPENSES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Current		
Aircraft lease and repair expenses	3,197,888,711,170	4,465,552,485,448
Overdue interest expenses	1,807,519,105,248	1,232,685,018,989
Interest expenses	237,966,114,096	225,719,160,931
Flight services expenses	95,223,866,032	14,096,499,501
Others	1,238,916,861,349	1,099,976,012,278
	6,575,514,657,895	7,038,029,177,147
b. Non-current		
Aircraft lease and repair expenses	1,546,118,589,320	2,326,103,000,106
	1,546,118,589,320	2,326,103,000,106
In which: Accrued expense payable to related parties (Details stated in Note 41)	-	231,334,019,443

23. SHORT-TERM UNEARNED REVENUE

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Frequent Flyer Programme (Lotusmiles)	1,302,873,980,683	1,221,910,864,427
Loyalty Programme For Businesses (LotusBiz)	410,359,734,000	384,973,484,000
Others	75,760,021,279	59,177,834,996
	1,788,993,735,962	1,666,062,183,423

24. OTHER PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Short-term		
Receiving contract signing incentive from the supplier	133,922,090,793	81,164,800,000
Short-term deposits received	116,170,814,755	63,539,356,568
Dividends payable	8,801,052,269	5,257,466,318
Others	618,938,596,519	534,772,802,965
	877,832,554,336	684,734,425,851
b. Long-term		
Deposits received for overhaul reserve and aircraft leasing	382,614,016,249	373,629,111,594
Receiving contract signing incentive from the supplier	250,559,070,075	270,549,290,806
Long-term deposits received	129,479,291,450	133,617,064,590
Receipt in advance of credit granted under Material Solutions Agreement	306,861,245,824	306,861,245,824
Others	84,566,694,610	292,795,384,884
	1,154,080,318,208	1,377,452,097,698
In which: Other payables to related parties (Details stated in Note 41)	8,150,032,565	6,983,738,100

39

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

25. SHORT-TERM LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES

	Opening balance	In the period	Closing balance
	VND	VND	VND
	Amount and Amount able to be paid off	Exchange rate differences	Amount and Amount able to be paid off
Short-term borrowings	10,102,264,747,227	10,288,737,425	6,881,803,304,847
Current portion of long-term loans (see Note 26)	1,263,858,055,040	24,541,892,973	572,681,047,895
Current portion of long-term obligations under finance leases (see Note 26)	2,945,076,920,671	1,203,773,709	1,924,254,396,219
	14,311,199,722,938	36,034,404,107	9,378,738,748,961

Details of short-term borrowings as at the consolidated balance sheet date are as follows:

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank	1,971,175,672,711	1,977,205,522,423
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank	1,195,112,863,881	1,651,199,443,843
Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank	999,999,999,874	999,999,999,874
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	888,937,471,223	3,961,387,038,024
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	710,527,203,467	421,231,791,176
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	463,277,813,089	446,538,890,761
Kastrel Aviation Ireland No.1 Limited	240,550,870,576	233,017,695,755
Vietnam HSBC Limited Bank	112,497,904,471	108,974,880,924
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	181,037,559,567	15,911,201,872
Vietnam - Russia Joint Venture Bank	113,797,525,722	55,523,346,286
Military Commercial Joint Stock Bank	4,847,357,200	231,274,936,289
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank	41,063,066	-
	6,881,803,304,847	10,102,264,747,227

40

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09a-DN/HN

Vietnam Airlines' short-term loans are mainly disbursed in USD and VND. The outstanding short-term loans are classified by currency of disbursement as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Borrowings in USD	2,454,234,082,566	1,466,697,183,535
Borrowings in VND	4,427,569,222,281	8,635,567,563,692
	6,881,803,304,847	10,102,264,747,227

As at 31 December 2025, short-term loans of Vietnam Airlines bore annual interest rates as below:

- Short-term borrowings denominated in VND: Ranging from 3.0% to 7.9% per annum; and
- Short-term borrowings denominated in USD: Ranging from 2.9% to 7.0% per annum.

The loans from Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank, Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank and Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank with a total credit limit of VND 4,000 billion according to Circular No. 04/2021/TT-NHNN dated 05 April 2021, are secured by assets including aircraft, engines and shares of Vietnam Airlines in subsidiaries listed on HOSE, HNX and UPCOM. Pursuant to Circular No. 16/2025/TT-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 11 July 2025, based on the request of the Corporation ("VNA") and the assessment of VNA's ability to fully repay principal and/or interest after debt rescheduling, commercial banks have restructured the repayment terms of VNA's loans (including the loan tenor and rescheduled repayment period) with a maximum term no later than 31 December 2027.

The remaining short-term borrowings are unsecured (as at 31 December 2024: VND 2,964 billion). As at 31 December 2025, the total short-term credit facilities (including the credit limit of VND 4,000 billion under the refinancing facility in accordance with Circular No. 04/2021/TT-NHNN) entered into by Vietnam Airlines with commercial banks amounted to VND 40.5 trillion.

26. LONG-TERM LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES

	Opening balance VND	Closing balance VND
Long-term loans (i)	2,553,711,884,510	3,868,111,734,489
Long-term obligations under finance leases (ii)	3,668,331,609,378	6,512,423,461,141
	6,222,043,493,888	10,380,535,195,630

(i) Long-term loans

Details of of long-term loans of Vietnam Airlines are as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (*)	1,392,584,760,481	2,166,077,149,803
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	371,237,625,480	505,455,695,052
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank	316,234,675,200	511,242,624,000
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	145,766,788,974	232,563,083,927
Vietnam - Russia Joint Venture Bank	107,928,878,314	167,451,649,220
Indovina Bank Ltd	90,703,456,800	140,726,388,000
Military Commercial Joint Stock Bank	78,175,205,295	54,689,160,961
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	38,495,605,125	56,698,447,461
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank	5,833,027,880	14,185,978,813
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank	4,731,006,401	13,148,063,552
Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank	2,020,854,560	5,873,493,700
	2,553,711,884,510	3,868,111,734,489

41

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09a-DN/HN

(*) Including the syndicated loan from 03 domestic banks is provided by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam acting as the lead arranger.

As at 31 December 2025, certain long-term loans are secured by assets formed from the loans amounting to VND 1,638 billion (as at 31 December 2024: VND 2,381 billion) (Note 13) while the remaining are unsecured.

Vietnam Airlines' long-term loans are mainly disbursed in USD and VND. The outstanding long-term loans are classified by currency of disbursement as follows:

	Opening balance VND	Closing balance VND
Borrowings in USD	1,990,311,495,194	3,339,228,467,495
Borrowings in VND	563,400,389,316	528,883,266,994
	2,553,711,884,510	3,868,111,734,489

As at 31 December 2025, long-term loans of Vietnam Airlines bore annual interest rates as below:

- Long-term borrowings denominated in VND: Ranging from 4.67% to 10.95% per annum; and
- Long-term borrowings denominated in USD: Ranging from 6.29% to 7.09% per annum.

As at 31 December 2025, long-term loans are repayable as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
In the first year	572,681,047,895	1,263,858,055,040
In the second year	886,774,458,698	833,898,406,343
From the third to fifth year inclusive	1,085,214,123,374	1,394,103,572,643
After fifth years	9,042,254,543	376,251,700,463
Total	2,553,711,884,510	3,868,111,734,489
Less: Amount due for settlement within 12 months (Presented in short-term borrowings)	572,681,047,895	1,263,858,055,040
Amount due for settlement after 12 months	1,981,030,836,615	2,604,253,679,449

(ii) Long-term obligations under finance leases

Details of long-term obligations under finance leases of Vietnam Airlines are as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
ING Group	2,284,763,601,668	3,925,057,061,533
Citibank	597,894,125,652	1,223,386,579,298
MUFG Bank	688,458,750,000	892,675,000,000
HSBC Bank	97,215,132,058	471,304,820,310
	3,668,331,609,378	6,512,423,461,141

As at 31 December 2025, certain long-term obligations under finance leases are guaranteed by the Ministry of Finance amounting to VND 2,979 billion (as at 31 December 2024: VND 5,620 billion) while the remaining are secured by finance lease assets.

All long-term obligations under finance leases denominated in USD have outstanding balances as at 31 December 2025 of USD 139,868,517 (as at 31 December 2024: USD 255,339,088).

42

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09a-DN/HN

The future minimum payments under the above non-cancellable finance leases under the following terms:

As of 31 December 2025

	Total payments VND	Interest VND	Principal VND
In the first year	2,065,402,329,576	141,147,933,357	1,924,254,396,219
In the second year	1,569,948,735,038	55,357,771,880	1,514,590,963,158
From the third to fifth year inclusive	238,492,624,101	9,006,374,100	229,486,250,001
	3,873,843,688,715	205,512,079,337	3,668,331,609,378

As of 31 December 2024

	Total payments VND	Interest VND	Principal VND
In the first year	3,234,923,614,671	289,846,694,000	2,945,076,920,671
In the second year	2,026,185,201,199	154,903,377,484	1,871,281,823,715
From the third to fifth year inclusive	1,766,123,654,116	70,058,937,361	1,696,064,716,755
	7,027,232,469,986	514,809,008,845	6,512,423,461,141

27. BONUS AND WELFARE FUNDS

The bonus and welfare funds are appropriated from retained earnings as approved by the General Meeting of Shareholders. These funds are used to pay bonus and welfare to employees in accordance with Vietnam Airlines' bonus and welfare policies. Movements of bonus and welfare funds during the year were as follows:

	Current year VND	Prior year VND
Opening balance	598,935,734,325	670,499,547,015
Addition in the year	297,770,673,841	112,315,792,270
Other addition	1,522,476,656	-
Utilisation in the year	(238,038,690,916)	(183,546,931,918)
Depreciation of assets	(31,640,316)	(332,673,042)
Closing balance	660,158,553,590	598,935,734,325

28. LONG-TERM PAYABLE PROVISIONS

Represent the estimated costs for the next scheduled maintenance of aircraft and leased engines for which Vietnam Airlines has ceased contributing to the maintenance reserve with the lessors and has not entered into hourly engine maintenance contracts.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

29. OWNERS' EQUITY

Movement in owners' equity

	Owners' contributed capital VND	Share premium VND	Owners' capital VND	Other VND	Assets revaluation reserve VND	Foreign exchange reserve VND	Investment and development fund VND	Other reserves VND	Accumulated (losses) VND	Total VND
Opening balance	22,143,941,740,000	1,220,498,155,541	241,355,237,827	(1,153,004,222,954)	154,285,019,292	933,114,412,332	833,114,412,332	2,024,298,861	(41,057,410,026,435)	(17,515,195,384,526)
Profit for the year	-	-	-	-	-	-	-	-	7,564,092,019,695	7,564,092,019,695
Appropriation to Bonus and welfare fund	-	-	-	-	-	-	-	-	(103,033,015,126)	(103,033,015,126)
Currency translation differences	-	-	-	-	-	55,264,675,168	-	-	-	55,264,675,168
Other decreases	-	-	-	-	-	-	-	-	(17,843,447,716)	(17,843,447,716)
Opening balance	22,143,941,740,000	1,220,498,155,541	241,355,237,827	(1,153,004,222,954)	209,649,694,460	933,114,412,332	933,114,412,332	2,024,298,861	(33,614,184,469,572)	(10,016,715,192,805)
Shares issued (i)	8,971,040,370,000	(438,851,873)	-	-	-	-	-	-	-	8,970,601,518,127
Profit for the year	-	-	-	-	-	-	-	-	7,204,392,412,008	7,204,392,412,008
Appropriation to Bonus and welfare fund	-	-	-	-	-	-	-	-	(275,899,519,919)	(275,899,519,919)
Currency translation differences	-	-	-	-	-	48,656,916,282	-	-	-	48,656,916,282
Other decreases	-	-	-	-	-	-	-	-	(125,195,617)	(125,195,617)
Closing balance	31,114,982,110,000	1,220,059,304,668	241,355,237,827	(1,153,004,222,954)	258,206,610,742	933,114,412,332	933,114,412,332	2,024,298,861	(26,685,826,774,100)	5,930,910,377,376

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

(ii) Pursuant to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 02/NQ-DHDCD dated 15 May 2025 and Resolution of the Board of Directors No. 979/NQ-HDQT/TCTHK dated 17 June 2025 on the approval and implementation of the share issuance plan to increase charter capital, on 26 September 2025, the Board of Directors issued Resolution No. 1684/NQ-HDQT/TCTHK approving the results of the additional share offering to existing shareholders. Accordingly, a total of 897,104,037 shares were actually sold, bringing the total number of shares after the issuance to 3,111,498,211 shares. On 29 September 2025, the State Securities Commission issued Official Letter No. 5760/UBCK-QLCB acknowledging the receipt of the share issuance result report in accordance with Report No. 1687/TCTHK-CDTCC dated 29 September 2025 of Vietnam Airlines. As a result, the total number of Vietnam Airlines' outstanding common shares has been 3,111,498,211 shares since 29 September 2025, and Vietnam Airlines' charter capital after completion of the offering is VND 31,114,982,110,000.

Pursuant to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 02/NQ-DHDCD dated 15 May 2025, the proceeds from the capital increase through the additional share offering to existing shareholders will be used to settle obligations for services supporting Vietnam Airlines' production and business activities, including (i) repayment of due and overdue trade payables; and (ii) repayment of due short-term and long-term borrowings, as well as a portion of refinancing loans. As of 16 March 2026, the total amount used by Vietnam Airlines to pay due supplier debts and loans was VND 2,244 billion.

Vietnam Airlines' authorised and issued shares:

Shares	Closing balance	Opening balance
Number of shares issued to the public	3,111,498,211	2,214,394,174
Ordinary shares	3,111,498,211	2,214,394,174
Number of outstanding shares in circulation	3,111,498,211	2,214,394,174
Ordinary shares	3,111,498,211	2,214,394,174

An ordinary share has a par value of VND 10,000.

Charter capital

In accordance with the 11th amended Enterprise Registration Certificate for Joint Stock Company dated 30 October 2025, Vietnam Airlines' total charter capital is VND 31,114,982,110,000. As at 31 December 2025, the charter capital has been fully contributed by the shareholders as follows:

	Number of shares	Percentage (%)	Contributed capital	
			Closing balance (VND)	Opening balance (VND)
State Capital Investment Corporation (SCIC)	1,466,527,123	47.13	14,665,271,230,000	6,894,880,800,000
State owner	1,222,368,291	39.29	12,223,682,910,000	12,223,682,910,000
ANA Holding Incorporation (ANA)	175,014,530	5.62	1,750,145,300,000	1,244,386,980,000
Other shareholders	247,588,267	7.96	2,475,882,670,000	1,780,991,050,000
	3,111,498,211	100	31,114,982,110,000	22,143,941,740,000

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

30. NON-CONTROLLING INTERESTS

Movements of non-controlling interests during the year were as follows:

	Current year VND	Prior year VND
Opening balance	672,472,277,345	489,269,505,788
Net profit for the year	402,930,285,897	393,470,738,731
Appropriation to Bonus and Welfare fund	(21,871,153,922)	(9,276,851,226)
Dividends, profits declared	(263,092,583,779)	(227,434,257,604)
Other movements	8,315,153,658	26,443,141,656
Closing balance	798,753,979,199	672,472,277,345

31. OFF-BALANCE SHEET ITEMS**Operating lease commitments**

The future minimum lease payments under non-cancellable operating lease were under the following terms:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Within one year	12,559,197,109,431	12,274,948,314,328
In the second to fifth year inclusive	45,307,086,000,164	44,269,318,886,629
After five years	31,164,454,818,720	37,270,540,606,656
	89,030,737,928,315	93,814,807,807,613

Operating lease aircraft as at 31 December 2025 comprised 57 aircraft, details are as follows:

- Aircraft A321 – 10 dry-leased aircraft;
- Aircraft A321 NEO – 20 dry-leased aircraft;
- Aircraft A350 – 14 dry-leased aircraft;
- Aircraft B787-9 – 4 dry-leased aircraft;
- Aircraft B787-10 – 6 dry-leased aircraft; and
- Aircraft A320 NEO – 3 dry-leased aircraft.

Operating lease engines of which lease payments depend on cycles and flight hours as at 31 December 2025 include:

- Long-term lease aircraft engines – 11 units, comprising 1 A321 CEO, 4 A321 NEO, 3 A350, and 3 B787 aircraft engines; and
- Short-term leased aircraft engines – 30 units, comprising 9 A321 CEO, 8 A321 NEO, 4 A350, 6 B787, and 3 ATR72 aircraft engines.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Foreign currencies

	Units	Closing balance	Opening balance
US Dollar	USD	28,195,293	22,991,893
Thai Baht	THB	22,292,932	12,293,717
Chinese Yuan	CNY	9,703,046	10,785,326
Singapore Dollar	SGD	281,612	782,872
Australian Dollar	AUD	3,264,945	1,398,106
Euro	EUR	6,921,881	3,318,875
Hong Kong Dollar	HKD	1,965,832	1,769,547
South Korean Won	KRW	2,697,866,924	2,419,536,274
Japanese Yen	JPY	470,892,087	380,499,227
Macao Patacas	MOP	2,520	2,520
Taiwan Dollar	TWD	12,414,952	8,666,575
British Pound	GBP	3,441,459	3,185,398
Canadian Dollar	CAD	9,845	439,455
Russian Ruble	RUB	68,020,261	587,025,997
Laos Kip	LAK	54,053,175	2,007,606
Malaysian Ringgit	MYR	957,663	413,440
Indonesian Rupiah	IDR	2,060,552,286	1,185,280,817
Swiss Franc	CHF	10	10
Philippine Peso	PHP	11,616,927	39,185,201
Myanmar Kyat	MMK	434,897	96,444
Indian Rupee	INR	156,743,363	163,842,856

Bad debts written-off

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Bad debts written off	111,801,242,465	100,479,380,837

32. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

Business segments

Vietnam Airlines mainly operates in air transportation for passenger, cargo and postal, other business segments make up an insignificant proportion of Vietnam Airlines' operation. Consequently, the financial information presented on the consolidated balance sheet as at 31 December 2025 and all of revenue, expenses information presented in the consolidated income statement for the year then ended are mainly related to the above principal activities.

Geographical segments

Vietnam Airlines' core operation is the passenger carriage by air, which is provided in Vietnam and in other countries around the world. In 2025, Vietnam Airlines' income generated in countries other than Vietnam did not make up over 10% of its total income. Accordingly, Vietnam Airlines did not prepare its consolidated financial statements by geographical segments.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

33. REVENUE

Total revenue represents the gross value of goods sold and services rendered exclusive of value added tax. Net revenue comprised:

	Current year	Prior year (Restated)
	VND	VND
Revenue from sales of goods and providing of services		
In which:		
Aviation transportation	95,364,189,276,391	83,287,645,386,979
- Revenue from transportation of passengers, baggage	85,302,354,116,686	73,925,345,111,447
- Revenue from transportation of cargo and postal items	7,623,368,183,409	6,912,968,372,195
- Revenue from aircraft charter and charter flights	948,802,588,263	1,267,690,267,729
- Other revenue from aviation transportation	1,489,664,388,033	1,181,641,635,608
Auxiliary service for transportation	5,136,760,091,280	3,993,654,325,857
Sale of goods	18,199,373,097,644	17,442,844,936,965
Others	2,711,901,589,850	2,187,670,673,786
	121,412,224,055,165	106,911,815,323,587
Revenue deductions		
Trade discounts	(205,342,280,143)	(215,921,444,112)
	(205,342,280,143)	(215,921,444,112)
Net revenue from sales of goods and providing of services	121,206,881,775,022	106,695,893,879,475

34. PRODUCTION COSTS BY NATURE

	Current year	Prior year (Restated)
	VND	VND
Raw materials and consumables	29,073,710,272,742	26,087,879,449,253
Labour	10,960,829,497,726	8,959,764,891,442
Depreciation and amortisation	4,846,625,808,596	5,094,513,262,248
Out-sourced services	49,276,323,313,942	41,300,782,224,165
In which:		
- Aircraft leasing	14,201,132,109,989	13,221,811,650,880
- Overhaul of aircraft engines	7,663,513,478,926	4,948,866,413,122
- Regular repair of aircraft engines	3,857,380,878,981	2,851,076,130,430
- Other out-sourced services	23,554,296,846,046	20,279,028,029,733
Other expenses	1,568,442,677,287	1,319,008,539,704
	95,725,931,370,293	82,761,948,366,822

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued) FORM B09-DN/HN

35. FINANCIAL INCOME

	Current year	Prior year
	VND	VND
Foreign exchange gain	1,080,573,980,424	1,034,091,145,196
Bank and loan interest	328,474,690,125	56,239,266,175
Dividends and profits received	99,489,865,484	170,229,431,500
Other financial income	6,693,442,605	5,517,286,415
	1,515,231,978,638	1,266,077,129,286

36. FINANCIAL EXPENSES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Foreign exchange loss	1,925,151,323,714	2,529,608,833,787
Interest expense	838,122,182,585	1,281,733,876,235
Expenses related to long-term loan contracts, finance lease contracts	142,415,308,266	179,592,843,695
Other financial expense	675,392,092,862	960,240,299,442
	3,581,080,905,427	4,951,175,853,159

37. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year	Prior year (Restated)
	VND	VND
Selling expenses		
Labor	863,396,621,996	715,184,673,894
Commission expenses	1,380,841,778,362	957,811,043,544
Ticket booking and seat reservation	1,937,279,084,741	1,638,462,737,084
Other selling expenses	1,885,808,291,789	2,340,811,537,008
	6,067,325,756,888	5,652,269,991,530
General and administration expenses		
Labor	1,036,236,861,425	815,144,426,512
Tax expenses	202,999,319,031	166,863,802,991
Other general and administration expenses	1,452,156,114,965	1,208,712,430,094
	2,691,392,295,421	2,190,720,659,597

38. OTHER INCOME

	Current year	Prior year
	VND	VND
Penalties received	95,447,632,182	66,799,547,557
Sale, disposal of fixed assets	3,557,339,785	569,303,776,906
Debts written off by supplier	-	4,710,966,556,316
Others	194,893,633,322	151,111,431,889
	293,898,605,289	5,498,181,312,668

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued) FORM B09-DN/HN

39. OTHER EXPENSES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Penalties	20,463,062,398	253,976,193,250
Others	19,110,337,405	27,074,651,738
	39,573,399,803	281,052,844,988

40. BASIC EARNINGS PER SHARE

	Current year	Prior year
	VND	VND
Accounting profit after corporate income tax (VND)	7,204,392,412,008	7,564,092,019,695
Profit after corporate income tax attributable to ordinary shareholders (VND)	7,204,392,412,008	7,564,092,019,695
Average ordinary shares in circulation for the year (share)	2,442,971,367	2,214,394,174
Basic earnings per share (VND/share)	2,949	3,416

41. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances for the year:

Related party	Relationship
Vietnam Aircraft Leasing Joint Stock Company	Associate
Danang Airport Services Joint Stock Company	Associate
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	Associate
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	Associate
Noi Bai Aviation Fuel Service Joint Stock Company	Associate
Aviation Ground Services Company Limited	Associate
Vietnam Sky Services Investment Joint Stock Company	Associate

During the year, Vietnam Airlines entered into the following significant transactions with its related parties:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Dividends and profits received	71,941,371,984	136,828,575,000
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	64,056,171,984	35,905,926,000
Noi Bai Aviation Fuel Service Joint Stock Company	6,600,000,000	5,400,000,000
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	1,285,200,000	1,285,200,000
Vietnam Aircraft Leasing Joint Stock Company	-	94,237,449,000
Revenue from goods sold and services rendered	159,888,474,708	6,602,412,962
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	145,576,667,618	1,323,435,840
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	11,307,970,314	2,563,675,740
Aviation Ground Services Company Limited	2,185,569,244	2,188,810,528
Da Nang Airport Services Joint Stock Company	818,267,532	526,490,854

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

	Current year VND	Prior year VND
Purchases of goods and services	2,294,463,153,436	2,797,929,498,560
Vietnam Aircraft Leasing Joint Stock Company	1,757,877,480,519	2,218,991,721,129
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	292,262,987,351	293,267,762,720
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	122,491,525,875	183,019,809,632
Da Nang Airport Services Joint Stock Company	77,618,992,292	58,995,714,266
Aviation Ground Services Company Limited	44,212,167,399	43,654,490,813
Fuel efficiency bonus payable	-	17,656,217,996
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	-	15,738,971,407
Noi Bai Aviation Fuel Service Joint Stock Company	-	1,917,246,589

Significant related party balances as at the consolidated balance sheet date were as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Short-term trade receivables	23,834,059,725	2,503,917,716
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	22,658,180,501	-
Aviation Ground Services Company Limited	933,106,616	2,384,585,680
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	154,552,898	45,293,136
Danang Airport Services Joint Stock Company	88,219,710	60,497,212
Vietnam Sky Services Investment Joint Stock Company	-	13,541,686
Other receivables	12,525,260,299	1,692,914,159,602
Danang Airport Services Joint Stock Company	10,000,000,000	9,272,433,841
Vietnam Aircraft Leasing Joint Stock Company	1,240,055,840	1,647,735,799,761
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	1,285,204,459	-
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	-	35,905,926,000
Advances to supplies	17,908,111,000	-
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	17,908,111,000	-
Trade payables	122,623,569,131	690,320,099,439
Vietnam Aircraft Leasing Joint Stock Company	20,756,054,519	627,739,256,135
General Aviation Import-Export Joint Stock Company	69,453,326,267	31,953,045,711
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	28,318,926,370	23,465,653,365
Aviation Ground Services Company Limited	3,599,031,420	4,094,970,728
Da Nang Airport Services Joint Stock Company	496,230,555	3,067,173,500
Accruals	-	231,334,019,443
Vietnam Aircraft Leasing Joint Stock Company	-	231,334,019,443
Other payables	8,150,032,565	6,983,738,100
Tan Son Nhat Petrol Commercial Joint Stock Company	8,150,032,565	6,515,731,530
Noi Bai Aviation Fuel Service Joint Stock Company	-	468,006,570

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Remuneration paid to the Board of Directors, Board of Executive Officers and Board of Supervisors during the year was as follows:

Name	Position	Current year VND	Prior year VND
Mr. Dang Ngoc Hoa	Chairman	2,344,000,000	1,387,674,936
Mr. Le Truong Giang	Member of Board of Directors	1,904,500,000	1,110,140,100
Mr. Ta Manh Hung	Member of Board of Directors	1,904,500,000	1,110,140,100
Mr. Dinh Viet Tung	Member of Board of Directors	380,900,000	222,028,020
Mr. Truong Van Phuoc	Member of Board of Directors	380,900,000	222,028,020
Mr. Hidekazu Isono	Member of Board of Directors (appointed on 15 May 2025)	242,728,571	-
Mr. Daisuke Suzuki	Member of Board of Directors (resigned on 15 May 2025)	138,171,429	116,564,710
Mr. Hiroyuki Kometani	Member of Board of Directors	-	105,463,310
Mr. Duong Thi Viet Tham	Head of Board of Supervisors	1,921,300,000	1,110,140,100
Mr. Le Truc Quynh	Member of Board of Supervisors	898,214,286	693,837,468
Ms. Nguyen Thi Hong Loan	Member of Board of Supervisors	380,900,000	138,767,496
Mr. Le Hong Ha	Member of Board of Directors cum Executive President	2,329,350,000	1,380,771,264
Mr. Nguyen Chien Thang	Executive Vice President	1,904,500,000	1,110,140,100
Mr. Le Duc Canh	Executive Vice President	1,904,500,000	1,110,140,100
Mr. Nguyen The Bao	Executive Vice President	1,904,500,000	1,110,140,100
Mr. Dang Anh Tuan	Executive Vice President	1,904,500,000	1,110,140,100
Mr. Dinh Van Tuan	Executive Vice President	1,904,500,000	1,110,140,100
Mr. Trinh Hong Quang	Executive Vice President	-	740,093,400
Mr. Tran Van Huu	Chief Accountant (appointed from 30 June 2025)	915,871,429	-
Mr. Tran Thanh Hien	Chief Accountant (resigned on 30 April 2024)	-	370,046,700
		23,263,835,715	14,258,396,124

42. COMMITMENTS

Pursuant to Resolution No. 02/NQ-DHDCD dated 15 May 2025, the General Meeting of Shareholders of Vietnam Airlines approved the investment in the 'Vietnam Airlines Project for the acquisition of 50 narrow-body' with a total investment of USD 3,587,566,919, funded by the owners' equity and borrowings. The aircraft are expected to be delivered and put into operation in the period from 2030 to 2032.

43. SUBSEQUENT EVENTS

Conversion of Aviation Services Company Branch ("VASCO") into a one member limited liability Company wholly owned by Vietnam Airlines

Pursuant to Resolution No. 45/NQ-HDQT/TCTHK dated 09 January 2026 on the establishment of VASCO One Member Limited Liability Company, the Board of Directors of Vietnam Airlines approved the policy to establish VASCO One Member Limited Liability Company ("VASCO") on the basis of restructuring and reorganizing the branch of Vietnam Airlines Joint Stock Company – Vietnam Air Service Company.

VIETNAM AIRLINES JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B09-DN/HN

Conflict in the Middle East

The conflict in the Middle East involving the United States, Israel, and Iran, which arose from 28 February 2026, has exerted significant pressure on the aviation industry, including longer flight times to European countries, higher fuel input costs, increased insurance premiums, etc. Airlines is closely monitoring developments in the geopolitical situation in the Middle East and is implementing appropriate measures to maintain national air connectivity routes, ensure the continuity of trade, tourism, and foreign relations, as well as to sustain critical domestic air routes to meet the travel needs of the Vietnamese public.



Ho Xuan Tam
Preparer



Tran Van Huu
Chief Accountant



Le Hong Ha
President & CEO

30 March 2026